GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
DỊCH GIẢ: THÍCH HÀNH TRỤ

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1998

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : H.T. THÍCH HÀNH TRỤ

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

NHÀ XUẤT BẢN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1998

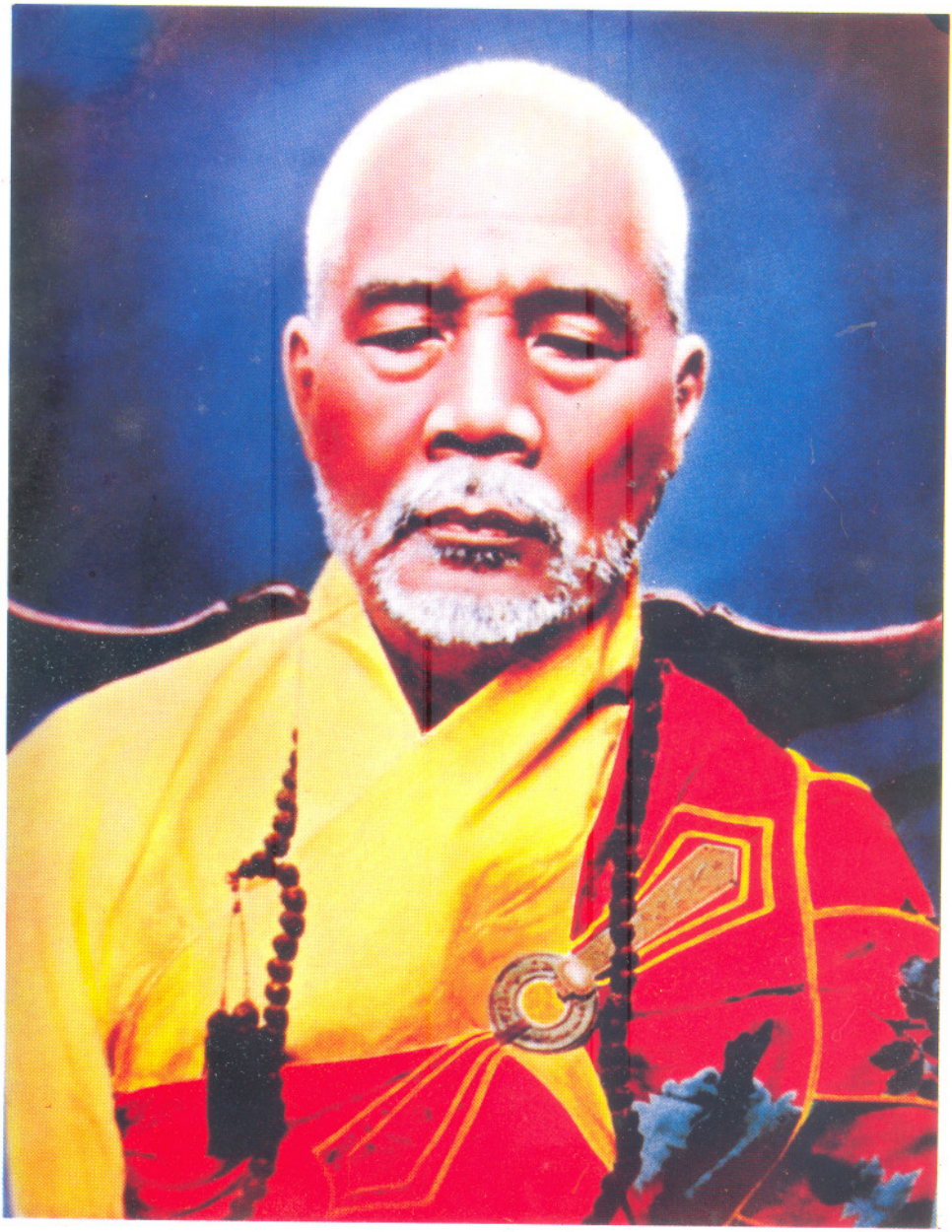

Chân dung Hòa thượng ***THÍCH HÀNH TRỤ***
Viên tịch ngày 29 tháng 10 năm Giáp Tý
(1903 — 1984)

Dịch giả : HÒA THƯỢNG THÍCH HÀNH TRỤ

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
1998

LUẬT
TỨ PHẦN GIỚI BỔN
NHƯ THÍCH

LỜI TỰA
THUẬT BỘ TÚ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

Luận rằng : Giới bổn là gì ?

Là kỷ luật của thầy Tỳ Kheo, chiếc thuyền quả nước Phật; kỷ luật mất, thời lòng lo không yên; thuyền tàu lủng, thời bờ kia khó đến.

Nên đức Như Lai trước từ Lộc uyển, sau đến Hạt thọ, nhiều lần dặn bảo, biểu phải y theo giới luật làm thầy, coi đồng như Phật.

Người đời bấy giờ phụ lời di chúc, khinh tạng Tỳ Ni, đứa con ngỗ nghịch cãi lời ông Từ phụ; như Thiện Tinh Tỳ Kheo khinh lời Phật tổ.

Phụ lời di chúc là chê Phật vậy; khinh tạng Tỳ Ni là chê Pháp vậy; thấy người trì giới ngạo nghĩnh là chê Tăng vậy.

Ôi ! Ngôi Tam bảo đã chê và lại hủy, thì còn gì mà gọi là Thích Tử ?

Bởi giới pháp, chính là thuốc hay chữa lành giống nghiệp vô minh, phép mầu tu chứng năm phần pháp thân vậy.

Giống nghiệp không đoạn, thời nguồn nhân tràn ngập; pháp thân không tròn, thời không biết bao giờ được giải thoát.

Trái đây mà tu hành, dù cho tỏ ngộ lý thiền định hiện tiền, rốt cuộc cũng là ma nghiệp (trong kinh đã nói rõ), không phải lời bịa đặt của tôi.

Đời nay, những kẻ tu lầm chứng quấy, nói thì nói lời ngoài giới luật, chấp theo phép tà kiến của mình; chính mình không giữ được, muốn cho ai cũng đồng cái bệnh như mình, chê pháp, bỏ luật, không thèm ngó tới.

Tôi nhân thấy vậy, gắng khuyên kẻ sơ học ghé mắt vào Tạng luật, hầu Định, Huệ có nền móng, thời chính pháp mới được lâu còn.

Song, văn luật ý mầu; pháp, chỉ, trì, tác, phạm, danh, chủng, tính và tướng, người xem không đâu là không mờ mịt, nên tôi mới vội quên sức dốt của mình lấy bộ giới bổn đúng như Luật Tạng mà giải thích, cho nên gọi bộ này là bộ Như Thích. Thích mà chưa hết, thời phụ thêm các bộ khác cho rõ đó : vừa là làm then chốt cho tạng Luật, vừa là giúp kẻ học giả được thông thạo đường lối, văn chương tuy dón mà nghĩa lý thật đủ; dầu ai muốn lên đền đài Phật Xá Na, cũng có thể từ đây bước lên một bước.

Thời kỳ Hoàng hiệu Sùng Trinh, năm Quý Mùi, mùa Đông, non Tây lai, Tỳ Kheo, phát tâm Bồ đề tên là Hoằng Tán viết lời tựa này ở trong nhà Tượng Vương (nước Trung Hoa).

PHÀM LỆ 13 ĐOẠN

1/ Bộ Giới bổn này, trong tạng bản có phân làm hai bản :

a/ Bản đời Hậu Tần, ngài Phật Đà Da Xá Tôn giả dịch.

b/ Bản đời Đường, ngài Hoài Tố Luật sư trong Tứ phần luật tạng rút ra, nhưng bộ Tứ phần luật tạng có 60 quyển, cũng ngài Da Xá Tôn giả dịch.

Các bậc thượng đức xứ này (Trung Hoa) cũng đều vâng giữ, từ đời Tần đến đời Đường, có đa số người sớ giải, nhưng ngặt không còn một bộ nào !

Xét từ đời Tống lại đây, ít có người tác giả.

Đời nay kẻ sơ học, học luật thường cho sự tướng là khó, phần nhiều để quyển trên gác cao (cất trong tủ) nên sự học luật lần lần phế bỏ, pháp trì, pháp phạm, cũng mờ mịt luôn, té ra phép mầu của trang Thích Tử mà trở thành sách cũ kỹ vậy.

Tôi nhân thấy thế, sợ chính pháp úp mất không mấy ngày; nên mới dùng câu văn khuất ẩn tiếng Hoa, tiếng Phạm, trong bộ Tứ phần luật tạng, nêu ra để giải thích, nên bộ này hiệu là : TỨ PHẦN LUẬT, danh nghĩa tiêu thích, có 28 quyển; vừa là làm đường lối cho tạng luật, vừa là dễ dàng cho kẻ sau sớ nghĩa, khỏi chướng nơi văn tự.

Song, việc sớ giải lắm nhiều, chẳng phải một ngày xong được.

Muốn cho kẻ sơ học mau biết phép trì, phép phạm, nên tôi lấy bộ Giới bổn đúng như Luật tạng giải ra, nhưng văn luật rất nhiều, không thể mỗi mỗi y theo tạng bản, mới bớt chỗ nhiều nêu chỗ cốt yếu, mà nghĩa thật đầy đủ.

Chí ư, giới khai, giá, trì, phạm quyết định không dám thêm và bớt.

Đức Như Lai là ngôi Pháp Vương, biết tất cả nghiệp tính chúng sinh, nên ngài chế ra giới luật, kìa như hàng Bồ Tát·La Hán còn không dám làm, huống như ta là kẻ phàm ngu làm gì mà dám thêm bớt·! Lý vẫn như như, nên gọi là bộ Như Thích, mà cái bản giải thích của tôi vẫn y theo trong Luật tạng, và rút trong bộ của ngài Tổ Luật sư. Nhưng trong đó câu văn quá hẹp, e người sơ học khó nhận, nên mới dùng một hai chữ trong bản phiên dịch cho dễ rõ.

Song, ở sau mỗi giới, phụ thêm văn của các bộ luật, và những bộ luận truyện; ý tôi muốn lẫn nhau phát minh chỗ chỉ thú và bổ túc những chỗ nào chưa hoàn bị; toàn không phải lấy giới khinh thế giới trọng, lấy giới khai đổi giới giá. Song, Tạng luật đều có tôn chỉ không cho lộn xộn, lòng gian không hết, đâu gọi là người tín giới.

Kẻ hành giả, cứ ngay trong tự bộ của mình mà giữ (giới nào nấy giữ) khỏi cần tự sinh lòng đòi hỏi (bộ khác) trong đấy sự và lý dung thông văn nghĩa đều đủ, dùng đó cũng không lỗi; nếu muốn hiểu rộng phải xem trọn Tạng mới được.

2/ Phật dạy thầy Tỳ Kheo mười hạ sắp lên, học thông ba tạng, hạnh giải xứng nhau, mới cho làm thầy truyền Đại giới cho người và súc chúng Sa di, hoặc như ba tạng không thông hết, thì tạng luật tất phải rành rẽ. Nếu như phép trì, phạm không biết, thì có khác nào con dê trắng (chỉ kêu be he) mà gấp muốn làm thầy cho người, thì lấy chi mà truyền dạy, chính mình đã trái lời minh chế của Phật, mà muốn cho người người noi theo đấy, đâu thể được ư ? Hại mình, hại người đâu thành phép ông thầy.

3/ Thầy Tỳ Kheo trái phạm thất tụ, trừ thiên ban đầu, cái tội ấy không thể sám hối, còn các thiên sau, liền phải đối với người khác mà phát lồ, hoặc sám giữa chúng, hoặc hối bằng cách đối thú thì tội liền hết, giới thể mới viên tịnh trở lại.

Đời bây giờ chẳng phân trắng đen (có tội, không tội), khinh trọng, không biết; như tội trọng, thì chỉ dạy trì bao nhiêu chú; còn tội khinh thì phần nhiều đều bỏ qua, rất trái lời Phật dạy và sai hẳn ý chỉ Luật tôn.

4/ Phật dạy, quá ngọ chẳng được ăn, rất có ích cho thân tâm mình và người đều lợi, cho nên ngài Ca Diếp tôn giả là bậc truyền tâm ấn trước nhất, mà giữ hạnh đầu đà cho đến trót đời; giữa ngày chỉ ăn một bữa, ngoài ra không ăn chi khác.

Thầy Tỳ Kheo trước giờ ngọ được ăn, sau giờ ngọ lại mở cho uống các thứ nước cũng đủ rồi, đã là người chính tín, bỏ nhà đi xuất gia, gia nghiệp thân tâm bỏ

hết, như bỏ đồ phẩn uế, sao lại vì chút đỉnh sự ăn uống này mà trái với tâm bổn tín của mình, lại phá phép minh chế của Phật. Hoặc nói : Tôi không chấp trước.

Ôi ! Trái hẳn lời luật dạy đâu không là đại chấp ư ?

5/ Luật lấy sự giải thoát làm tôn chỉ, không nhiễm mùi đời, dạy bỏ việc vui ngũ dục như bỏ đồ đàm dãi.

Người đời nay, chứa đầy trong rương túi, lắm hơn con Mao Ngưu tiếc cái đuôi, chẳng những trái ý chỉ trong luật, thật là kết thêm sự khổ đường sinh tử, đắm sâu sông Ái hà, tự chìm bến mê khó cứu. Hoặc nói : Vì người khác nên mới chứa để, chớ chính tôi không tham đắm, đã vậy sao không hiện đem cúng dường cho ngôi Tam Bảo và giúp ích quần sinh.

Nếu nói : Vì người mới chứa mà riêng dùng, thì phạm tội ăn trộm.

6/ Phật dạy thầy Tỳ Kheo ba y chẳng được lìa ngủ, những đến một đêm, lìa thì mất y mắc tội.

Người đời nay đã chẳng theo phép, mà lại cố lìa; có thọ mà không có trì, đâu khỏi đương đời Ca sa lìa thể, đời sau giáp sắt vấn thân ?

Những vật ngoài số ba y có dư nhiều, Phật cho phép thuyết tịnh, làm phép tạm gửi cho người, mới được chứa để, là nêu tâm lìa sự tham đắm, khỏi lỗi, vật đó thuộc về của mình.

Đời nay, phép này bỏ hết, thầy Tỳ Kheo thảy đều mờ mịt. Đại thừa tuy cho ông Bồ tát, vì chúng sinh

mới được chứa để, nhưng phải thuyết tịnh, nếu chẳng y theo lời Phật dạy, thì gọi là phạm tội.

7/ Trong luật Phật dạy, năm chúng xuất gia đều mặc y Ca sa. Ca sa là gì ?

Là hoại sắc vậy, dùng ba sắc đúng như pháp, hoại năm sắc chính kia (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen)

Đời nay, mặc y năm sắc đi ứng phó, mà kêu là y Ca sa, thật là lầm to. Phật xưa có lời dự ký, đời mạt pháp y Ca sa biến làm năm sắc, đời nay đắp mặc, thật là cái tướng suy đồi mạt pháp trang Thích tử phải biết đó vậy.

8/ Đời nay, ông Sa di đắp ba y của thầy Tỳ Kheo, lời văn trong năm bộ luật đều không thấy có, và bộ Bá nhất Yết Ma dặn kỹ không cho, chỉ cho đắp man y, không đều cách các tướng.

Đời nay, làm thầy không thuộc luật pháp, quấy truyền giới cho người, nối nhau thôi lầm, cho là chính pháp, đến đỗi cho người tại gia nam, nữ đắp mặc ngũ điều Ca sa của thầy Tỳ Kheo, sai lầm đến thế thật là đáng trách, quen lầm đã lâu, chẳng phải một bữa mà đem lại được.

Nhưng, chúng ta là người nối thạnh giống Phật, phải cùng nhau nâng đỡ chính pháp, đừng cho đắp mặc là tốt.

9/ Giới rất tôn trọng của thầy Tỳ Kheo, hay làm ruộng phước cho kẻ nhân thiên, đâu những tự mình ra khỏi đường sinh tử mà thôi.

Đời nay, cũng đã thọ được, nhưng thọ để đi ứng phú trong nhân gian thật là đáng tiếc. Đức Như Lai ta

nhiều kiếp liều bỏ đầu mắt, tủy não, mới được pháp này, nay đem ra đổi lấy chút đỉnh uế lợi thế gian, thật là đau lòng lắm vậy.

Huống chi một việc ứng phú có ra tại cõi này, chớ bên Tây Trúc toàn không; thật chẳng phải pháp của chúng Tăng, Phật không có dạy pháp này, vậy ai là người xuất thế phải mau sửa đổi.

10/ Giới là thể của Định; Huệ là dụng của Định; nếu thể không vững, thời dụng không từ đâu mà sinh.

Cho nên tất cả bậc Thánh hiền đều từ giới mà thành; Pháp tử trong bảy chúng đều do Giới mà lập.

Cho nên ngài Nam Tôn (đức Lục Tổ), sau khi đắc pháp còn đăng đàn bẩm thọ; ngài Thanh Lương Quốc sư, chính là ông Hoa Nghiêm Bồ tát, còn tự lấy 10 điều giới luật sửa mình, nhiều đời tổ sư đâu có ông nào Cư sĩ mà độ người.

Ba đời đức Như Lai đều lấy giới làm đầu tiên, cho nên đức Thích Tôn ta, trước ngồi dưới cội Bồ đề, cùng các Bồ tát kiết giới Ba La Đề Mộc Xoa. Tìm xét Đại, Tiểu, hai thừa kinh luật, không bộ nào mà chẳng khâm khen những người trì giới, chưa thấy một vị Phật nào mà khen ngợi người phá giới, người trí phải xét kỹ đừng cho sai lầm một mảy.

11/ Đức Như Lai sắp nhập Niết bàn, còn dặn bảo đệ tử phải y theo giới Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy.

Người đời nay bỏ tạng Tỳ Ni không học, chẳng những trái lời di chúc của Phật mà thôi, chính là bỏ ông thầy của mình nữa vậy.

Thấy người trì giới liền chê cười biếm nhẽ; nếu chẳng phải người trí hơn đức Như Lai thì không nên cùng với ngài tranh luận.

Tôi nói họ chẳng phải chê cười người, mà chính là họ chê Phật vậy. Xin phải xét kỹ, đâu chẳng sợ lắm ư !

12/ Phép học bên Tây Thiên Trúc, trước học Tiểu thừa, sau học Đại thừa, ý chỉ Đại thừa thông rồi, mỗi pháp, pháp nào cũng là lý Trung quán.

Cho nên biết rằng : Dù đại, dù tiểu, cũng do một tâm, pháp không có rộng hẹp, đâu nên ở trong đó mà sinh lòng thủ xả chê khen đấy ư !

Nếu trước không học Tiểu thừa, mà lại học Đại thừa, quyết mắc tội lỗi, khoe suông lý Bát nhã, bác không có nhân quả, hạng người như vậy nhiều lắm.

13/ Ba đời chư Phật đều nói : Kinh, luật, ba tạng Thánh giáo. Kinh, Luận hai tạng chung cả tại gia, xuất gia, duy có tạng Luật riêng phần thầy Tỳ Kheo gìn giữ, như Bí tạng của vua, không phải hàng ngoại quan giữ được.

Cho nên Cư sĩ, Sa di, nếu người nào xem trước, sau quyết chẳng được thọ Đại giới, mắc tội sánh đồng với tội ngũ nghịch; phàm ai làm ông thầy phải nên cẩn thận.

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN NHẤT

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giải thích : Bộ Giới bổn này; Đại khoa chia làm hai :

a/ THÍCH ĐỀ MỤC
b/ THÍCH BỔN VĂN

A. THÍCH ĐỀ MỤC TỨ PHẦN GIỚI BỔN

Thích rằng : TỨ PHẦN GIỚI BỔN LÀ GÌ?

Từ trong tạng bản rút ra, nên đặt tên đó vậy.

Bản này rút trong bộ Luật Đàm Vô Đức. Luật chia làm 4 phần :

Phần đầu, nói kỷ luật của thầy Tỳ Kheo.

Phần hai, nói kỷ luật của Tỳ Kheo Ni, và quy điều thọ giới, thuyết giới.

Phần ba, bàn rõ những điều kiện an cư và tự tứ.

Phần bốn, nghị định cách thức làm những phòng xá.

Nay bộ giới bổn này, tức phần đầu chính là 250 giới kinh của thầy Tỳ Kheo vậy.

Vả chăng, tạng Luật chế ra, trước từ Lộc Uyển, sau đến Hạc Thọ; lời vàng vẳng tiếng, ngài Ưu Ba Ly thuật lại đọc lời Như Lai, kể 80 quân, nên bộ luật thứ tư ngài Xá Na Ba Đề; thứ năm là ngài Ưu Ba Huật Đa.

Như vậy năm ngài, thay nhau truyền giữ trên 110 năm truyền thọ in nhau.

Sau có vua A Dục ra đời, trọng kính ngôi Tam Bảo hội hết chư Tăng để kiết tập Tam tạng lần thứ nhì.

Bấy giờ các Tỳ Kheo, chấp theo chỗ kiến văn, sao chép Kinh, Luật, mỗi vị dẫn cái lời của thầy mình nói, để làm chương mục, bởi mỗi người chấp một bên, nên thành ra hai bộ, rồi lẫn nhau nói chỗ phải chỗ quấy. Cầu vua phán định, vua bảo làm hai thứ phiếu, một thứ trắng, một thứ đen để tiêu biểu phái tân và phái cựu. Bấy giờ đại chúng bắt phiếu phái tân số nhiều hơn, do lấy số nhiều đặt tên của bộ luật hiệu là : Ma Ha Tăng Kỳ Luật.

Còn những người bắt phiếu phái cựu tuy ít, nhưng mà toàn là những bậc Thượng Tọa, do theo bậc Thượng Tọa, mà đặt tên gọi là Thượng Tọa bộ.

Do hai bộ luật này, ở trong thời gian 200 năm, lại sinh ra 18 bộ.

Trong 18 bộ ấy, có năm bộ làm cương lãnh (*giềng mối*)

1. Bộ Đàm Vô Đức : (Trung Hoa dịch : Pháp mật, là tên người vậy; còn luật : tên là luật Tứ phần).

2. Bộ Tát Bà Đa : (Trung Hoa dịch : Thuyết nhất thiết hữu, tức là bộ Căn Bản và bộ Thập Tụng luật).

3. Ca Diếp Duy : (Trung Hoa dịch : Trùng Không Quán. Luật này tên là : Giải thoát; chỉ có một cuốn Giới bổn này đến Trung Hoa)

4. Di Sa Tắc : (Trung Hoa dịch : Bất Trước Hữu Vô Quán. Luật này tên là : Ngũ Phần).

5. Bà Ta Phú La : (Trung Hoa dịch : Độc Tử. Luật này chưa đến Trung Hoa).

Năm bộ luật này chế ra văn có rộng hẹp, sự có nhiều, ít. Chí như giới Khinh, Trọng, Khai, Giá, tuy đại khái thì đồng nhau, nhưng có khác một chút. Song cũng đồng một đức Phật nói ra, chỉ vì người nghe không rộng và truyền tụng có thiếu; mỗi người căn cứ một bên, thành ra có khác nhiều.

Trước kia đức Như Lai đã có lời dự ký rằng: "Sau khi ta diệt độ, Kinh, Luật của ta hay chia làm năm bộ, cho đến 18 bộ, danh từ tuy khác, nhưng cũng không ngại vì Pháp giới và cảnh đại Niết bàn của chư Phật, y theo đó mà tu hành, đều được giải thoát".

Phật bảo ngài Văn Thù rằng : "Các đệ tử Ta đời vị lai có 20 bộ, có thể khiến cho chính pháp được lâu còn". Trong 20 bộ này tu hành đều chứng được Tứ quả; ba tạng bình đẳng, không có tạng nào là Thượng, Trung và Hạ, thí như nước biển chỉ có

một vị, như người có 20 đứa con, đây là lời chân thật của đức Như Lai.

Hai bộ căn bản này, đều từ Đại thừa mà ra, từ Bát Nhã Ba La Mật mà ra; bậc Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến chư Phật cũng đều từ Bát Nhã Ba La Mật mà ra.

Đức Phật lại nói bài kệ rằng : "Hai bản và 18 bộ đều là Đại thừa ra; không phải cũng không quấy. Ta nói đến đời vị lai có".

Nói về hai bộ căn bản là gì ?

Tức là bộ Tăng Kỳ và bộ Thượng Tọa.

Bộ Tăng Kỳ, chia ra 7 bộ, bộ Thượng Tọa chia ra 11 bộ, và hai bộ căn bản, cộng lại thành 20 bộ.

Nay truyền đến cõi Chấn Đán, chỉ còn có bốn bộ; bộ Tăng Kỳ, bộ Pháp Mật, bộ Tát Bà Đa và bộ Di Sa Tắc.

Còn bộ Giới Nhân Duyên Ưu Ba Ly Vấn Kinh, là chi nhánh cửa Tạng Luật. Ngoài ra như bộ Thiện Kiến, Tỳ Ni Mẫu, Ma Đắc Lặc Già, Tát Bà Đa, Tỳ Ni, Tỳ Bà Sa và Minh Liễu Luận v.v... đều là lược giải danh nghĩa của Tạng Luật.

Các bộ loại như trên, đức Phật ngài đã ấn ký rồi, ta không nhọc sinh tâm nghi ngờ.

Đã biết rằng không phải cũng không quấy, lại còn luận bàn chi cho phiền phức.

Ví như : thuyền, tàu, bè, ghe và phao nổi, tuy danh từ có khác nhưng cũng đồng đến bờ kia một cách !

Thế cho nên các nước ngũ Thiên Trúc, tùy giữ tu một pháp nào cũng đều chứng đạo quả.

Xưa nay, cõi Chấn Đán, bốn bộ khắp truyền, đều chứng lên quả Thánh.

Nếu chẳng phải đức Như Lai khéo ứng các cơ, thì do đâu mà được sự lợi ích này ?

Cho nên phải giữ gìn phao nổi, không đâu là không được đến bờ kia vậy.

B. THÍCH BỔN VĂN

(Chia làm ba)

a/ Lời tựa phương tiện trước
b/ Chung bày giới tướng
c/ Kết khuyên hồi hướng

a/ Lời tựa phương tiện trước

(Chia làm bốn)

1.- Tỏ ý khen ngợi bài tụng
2.- Dùng làm phương tiện trước
3.- Giữ bạch phép Yết Ma
4.- Tụng lời tựa giới kinh.

1. TỎ Ý KHEN NGỢI BÀI TỤNG

(Cộng có 12 bài tụng, chia làm chín mà giải)

CHÍNH VĂN : *Cúi đầu lễ chư Phật. Và pháp Tỳ Kheo Tăng. Nay nói pháp Tỳ Ni. Khiến chính pháp lâu còn.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trước, là quy kính ngôi Tam Bảo. Nửa bài tụng sau, dạy phải tụng giới. Thì chính pháp mới được lâu còn.

Phàm làm các việc pháp sự, thời trước phải kính ngôi Tam Bảo mong cầu gia bị, khiến cho nội chướng lần tiêu, ngoại ma không khuấy, thời pháp sự mới được thành xong vậy.

Cúi đầu là gì ? Là một lạy đầu tiên, trong chín phép lạy của sách Châu Lễ.

Nghĩa là : Cúi đầu chấm đất, giây lâu mới dậy.

Lạy là gì ? Là noi theo vậy.

Nghĩa là : Tới lui có pháp độ, tôn ti có trật tự, song mỗi phong tục không đồng, nên pháp lạy không nhất định.

Như nước Tây Thiên Trúc dùng năm vóc gieo sát đất làm tột kính, còn ở phương đây thì cúi đầu gọi là hết lòng cung kính. Nay tùy theo quốc độ, lấy sự chí thành làm cung kính.

Các là gì ? Là nói chung mười phương ba đời đức Phật.

Phật là gì ? Nói cho đủ, Phật Đà là hiệu của ngôi Đại giác, là người cùng lý tột tính.

Giác là gì ? Nói cho đủ có ba nghĩa :

1.- Là Tự giác : Ngộ tính chân thường, biết rõ vọng hoặc luống dối.

2.- Là Giác tha : Vận lòng từ vô duyên độ cõi hữu tình.

3.- Giác hạnh viên mãn : Cùng nguồn tột đáy, hạnh mãn quả tròn.

Pháp là gì ? Nghĩa là : Đức Như Lai tùy cơ (*Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh*), trí huệ viên mãn.

Nếu giải theo chữ pháp.

Nghĩa là : Quỷ trì, là giữ gìn tự tính của nó có khuôn mẫu, để cho người trông thấy liền sinh tâm nhận biết, đó là cái vật gì.

Trì là thể của pháp; Quỷ là dụng của pháp, giữ gìn không bỏ khuôn mẫu của nó.

Dụ như : Nước thì khi nào cũng chảy xuống, lửa thì lúc nào cũng bốc lên, mỗi pháp đều có tính quyết định (*đặc biệt của nó*) ấy là thể của Pháp.

Chữ QUỶ.

Nghĩa là : Pháp tắc, là có khuôn mẫu, để cho người sinh tâm hiểu biết.

Tỷ như : Lửa thì có tính cách nấu chín đồ ăn, còn nước thì làm cho ghe nổi.

Đều lấy phép tắc của nó, ấy là dụng của Pháp vậy.

Tỳ Kheo Tăng là gì ? Tỳ Kheo dịch là Khất sĩ.

Khất : là tên xin cầu.

Sĩ : là tiếng gọi thanh nhã.

Nghĩa là : Bên trong tu đức thanh nhã, bên ngoài lìa cơm tứ tà, làm phước lợi cho chúng sinh, để cầu giúp mình được thành đức thanh nhã.

Cũng gọi là trừ đói khát.

Nghĩa là : Chúng sinh không có pháp nuôi mình, phần nhiều bị đói thiếu; còn người xuất gia giữ giới hạnh, là ruộng phước lành, hay sinh ra vật lành.

Cho nên người đời quy y tín ngưỡng cúng dường gieo trồng phước đức.

Cũng như đám ruộng có bỏ phân, hay sinh lúa tốt, để trừ cái nạn đói thiếu kia vậy.

Bản tân dịch là Bí Su, đặc biệt có năm nghĩa, như thường dễ biết.

Tăng là gì ? Nói đủ Tăng Già; dịch là hòa hiệp chúng, từ bốn vị Tỳ Kheo sắp lên mới được xưng là Tăng. Nói chung là hàng hữu học, và chúng vô học, mà trì giới được thanh tịnh gọi là Tăng vậy.

Nay diễn nói là gì ? Chính là cái thời thuyết giới vậy.

Tỳ Ni dịch là diệt.

Nghĩa là : Diệt hết cái nghiệp tham, sân và si vậy.

Cũng dịch là chiết phục.

Nghĩa là : Bẻ dẹp những cái tâm phiền não vậy.

Lại nói chữ Luật là pháp luật của đức Phật ngài thuyết để xử đoán khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, khiến dứt các việc ác và sinh các việc lành vậy.

Khiến chính pháp được lâu còn gọi là gì ?

Chính pháp :

Nghĩa là : Pháp vô lậu xuất thế của đức Phật vậy.

Do giữ phép Yết Ma thuyết giới, thời chính pháp vẫn còn mãi giữa thế gian.

Cho nên nói : Tạng Tỳ Ni là cái mạng sống của Phật pháp. Tạng Tỳ Ni còn, thời pháp của đức Phật cũng còn.

Do vì các pháp lành, nào là : Thiền định; nào là : Trí huệ đều nhờ trì giới mà sinh ra vậy.

CHÍNH VĂN : *Giới : Như biển không bờ, như ngọc báu cầu không chán, muốn giữ của Pháp Phật, chẳng nhóm nghe tôi nói.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên, nói đức tốt của giới; nửa bài tụng dưới khuyên nghe được lợi ích.

Giới như biển không bờ là gì ?

GIỚI : Nghĩa là : Hai trăm năm chục giới Ba La Đề Mộc Xoa và các oai nghi.

Ở trong mỗi giới, giới nào cũng gồm có mười món công đức nhiếp thủ ư tăng v.v... trong mỗi món công đức, lại sinh ra mười món chính pháp, như năm căn : tín, tấn, niệm, định, huệ và ba thiện căn:

không tham, sân và si, cùng thân và khẩu đều giữ (*thiện*). Do đây thành các biển phước không còn ngằn mé nên gọi là không bờ.

Như ngọc báu cầu không chán là sao ?

BÁU : Nghĩa là : Ngọc châu Như ý, trong sáng ngời trong biển, tùy lòng thích của chúng sinh, ban cho đủ cả món vui thú, nên người đời cầu mãi không chán.

Trong biển Phật pháp cũng thế; Giới Thi La sáng sạch hay sinh ra những món tốt đẹp. Nào : Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chính đạo v.v... Tùy theo tâm niệm được hết.

Quý như ngọc châu kia người cầu không chán.

Của Pháp Phật là chi ? Tức là : Ngũ căn, Ngũ lực như trên, các món tốt đẹp như : Tín, Giới, Văn, Xả, Huệ, Tàm và Quý. Các pháp đấy, nếu không giữ giới thì không thể được.

Cho nên giới có công năng, ngăn quấy dứt ác, cũng như một đội hùng binh đủ tài dẹp cả bọn giặc, không cho xâm lấn.

Song muốn giữ của này, thì chúng Tăng phải hòa hợp chung nhóm lại một chỗ để nghe tôi nói; rồi y theo lời nói ấy mà thi hành vậy.

Chúng là ai ? Là những người thọ Cụ Túc giới đúng như pháp.

Nhóm là gí ? Là nhóm họp một chỗ không ai được vắng mặt.

Nghe là sao ? Là lỗ tai lóng nghe văn nghĩa bị thuyết của giới, do tai nghe, tâm nhận lãnh rõ ràng quyết định vậy.

Tôi nói là gì ? Là lời nghĩa không sai, đúng như luật mà nói vậy.

CHÍNH VĂN : *Muốn trừ pháp Tứ Khí và diệt Tội Tăng Tàng, ngăn 30 Xả đọa, chúng nhóm nghe tôi nói.*

CHÚ GIẢI : Bài tụng này nói nghe giới tránh khỏi lỗi.

Tứ Khí là gì ? Nghĩa là : Dâm, Đạo, Sát và Vọng, bốn pháp Ba La Di, tùy phạm một trong bốn, liền mất hết cả công đức đạo quả; và quyết định bỏ ra ngoài chúng thanh tịnh, không cho ở chung với các bậc Tỳ Kheo. Cũng như biển cả không nạp tử thi, tùy lượn sóng đưa bỏ lên bờ.

Trong biển giới pháp Phật cũng vậy, không bao giờ chứa người phá giới. Cho nên bỏ hẳn ngoài chúng thanh tịnh không hỏi cũng không trị vậy.

Tăng tàng là gì ? Kể chung có 13 việc, nếu phạm việc này còn có chút đỉnh lý thừa trị được. Nhưng cần phải đủ 20 ông Tăng, làm phép Sám hối đúng như pháp, thì tội mới có thể hết được, không phải như bốn tội Tứ khí trước, gọi là vô phương cứu trị vậy.

Xả đọa có bao nhiêu ? Cộng có 30 việc, do dung chứa của cải mà sinh ra lỗi.

Phạm cái lỗi này, phải đến trong chúng, trước xả của ấy, sau rồi mới sám hối cái tội đọa. Nhưng tội mà gọi là Đọa đây ?

Nghĩa là : cái tội này, nếu không sám trừ thì phải đọa ở trong ba đường chịu cái khổ nấu đốt.

Muốn được trừ hết tội Tứ khí, diệt tội Tăng tàng và ngăn luôn 30 tội Xả đọa, các ngài hãy chung nhóm lại nhất tâm nghe tôi nói.

CHÍNH VĂN : *Phật Tỳ Ba Thi, Phật Thức Khí, Phật Tỳ Xá, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Ca Diếp, Phật Thích Ca Văn. Các Thế Tôn Đại đức vì tôi nói việc này, tôi nay muốn thuật lại các ngài đều chung nghe.*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước nói chung 7 đức Phật. Một bài tụng sau thuật lại lời Phật, nói và bảo trong chúng phải chung nghe.

Phật Tỳ Bà Thi, hay Phật Di Vệ, dịch là : Thắng Quán.

Phật Thức Khí, hay là Phật Thi Khí, dịch là : Hỏa.

Phật Tỳ Xá, nói cho đủ là : Phật Tỳ Xá Phù, dịch là : Biến Nhất Thiết Tự Tại (*ba đức Như Lai đây ra đời ở về kiếp chót của kiếp trang nghiêm đời quá khứ*).

Phật Câu Lưu Tôn, dịch là : Sở Ưng Đoạn, hay là Tắc Dụng Trang Nghiêm (*đức Phật ra đời đầu tiên, trong 1.000 đức Phật, lúc con người sống sáu vạn tuổi, trong tiểu kiếp thứ chín, thuộc hiền kiếp hiện tại*).

Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, dịch là : Kim Tịch, cũng dịch là : Kim Tiên (*đức Phật này ra đời lúc con người sống lâu bốn vạn tuổi*).

Phật Ca Diếp, nói cho đủ là Ca Diếp Ba, dịch là Ẩm Quang (*đức Phật này ra đời lúc con người sống lâu hai vạn tuổi*).

Phật Thích Ca Văn, dịch là : Năng Nhu, cũng dịch Năng Nhân Tịch Mặc, hay là : Thích Ca Mâu Ni. Bốn đức Như Lai này ra đời nhằm lúc con người sống lâu một trăm tuổi, (*ở đầu của hiền kiếp hiện tại này*). Kế đó các Phật thứ lớp xuất hiện trong thế gian.

Đức Thế Tôn là ai ? Tức là bậc Thập hiệu cụ túc, là bậc thầy đáng tôn trọng của Phàm, Thánh, Người, Trời, Thế và Xuất thế gian.

Đại đức là gì ? Là bậc người Phước, Huệ đầy đủ, Thập hiệu đức cụ, đời không ai sánh bằng. Hai danh từ đây (*Thế Tôn, Đại đức*), chung xưng cả bảy lớp Phật về trước vậy.

Vì tôi nói việc này, là việc gì ? Đây xin nói thầy trò truyền thọ rõ không phải lời bịa đặt vậy.

Chữ Ta : Là chỉ cho người hiện tại thuyết giới.

Việc này : Nghĩa là : Từ bài tựa giới kinh, cho đến bài kệ của bảy lớp Phật.

Tôi nay muốn thuật lại là gì ? Thuật lại : Nghĩa là : Đúng như pháp mà thuật, không sai lầm một lời vậy.

Các ngài đều chung nghe là ai ? Các ngài: Nghĩa là : Từ người mới thọ giới chưa có hạ, cho đến vị trăm lạp đấy.

CHÍNH VĂN : *Thí như người gãy chân, không còn đi đứng được. Phá giới cũng như vậy, không được sinh lên cõi Trời. Muốn được sinh lên cõi Trời, hoặc sinh lại cõi người phải giữ giới trọn, đừng để cho hư hại.*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước : Nửa bài trên là lập lời thí dụ, nửa bài dưới là nói không được sinh lên cõi lành. Một bài tụng sau : Nửa bài trên chỉ muốn sinh lên cõi lành, nửa bài dưới bảo phải giữ giới để gây cái nhân lành.

Thí như là gì ? Là cái lời giả tỷ.

Chữ Hủy : Nghĩa là : Hư.

Chữ Thiệp : Nghĩa là : Đi bước.

Chữ hủy giới cũng như phá giới vậy.

Chữ Trời : Là chỉ cho Trời ở cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới :

Gồm có 28 cõi Trời vậy.

Người : Là người trong bốn Đại châu và tám Trung châu cùng các Tiểu châu v.v...

Thường phải giữ giới trọn (đủ) là sao ?

Nghĩa là : Giới này trong mỗi giờ mỗi phút, không nên có chỗ hủy phạm.

Chữ Tổn : Nghĩa là : Hại vậy.

Không những bảo ta đừng phá Giới lớn, mà là những cái Giới nhỏ cũng chẳng nên phá vậy.

Tại sao bảo phải cầu sinh lên cõi Trời ?

Đây chính là đức Phật tùy cơ theo đời quyền cũng chẳng phải bản ý của Luật tôn.

Vì sao ? Bởi Luật lấy chỗ giải thoát làm tôn chỉ, há bày cho người cái quả hữu lậu Nhân Thiên ư ?

Hơn nữa : Đạo Trời vốn là con đường nguy hiểm. Nên kinh thường nói : Có hai đường nguy hiểm :

1.- Sinh lên cõi Trời.
2.- Sinh trong ác đạo.

Sinh lên cõi Trời mặc dù hưởng những sự vui sướng, nhưng hưởng hết phước rồi, đọa trở lại trong ác thú !

Lấy đây kinh nghiệm, quyết không phải là bản ý của Luật dạy như vậy.

Vả như phá giới, thì con đường hiểm sinh lên cõi Trời, còn không thể lên được thay, huống chi cái đường vui cõi Niết bàn của chư Phật, làm gì được lai vãng !

Văn đây không nói Niết bàn là bớt vậy.

Như trong Đại Luật dạy : Cầu lên cõi Trời hoặc cõi Niết bàn đó cũng là một phương tiện để giữ gìn Giới.

Giữ giới như vậy không hủy hoại, thời nhất định lướt qua khỏi con đường hiểm ấy được.

Đại Luật lại nói : Lo tu theo Giới như vậy, thời mới có thể tránh được bao nhiêu hạnh ác và trừ tất cả cái hại Kiết sử mà được an ổn vào Niết bàn.

Nguyên hàng Thanh văn, do nhàm chán cái quả khổ trong ba cõi, nên mới đoạn Tập, tu Đạo và chứng Diệt, đâu còn trông mong cái quả báo cõi Người, cõi Trời.

Còn Bồ Tát là bậc không tham đắm, cái vui của đời và chán sợ phiền não trong đường sinh tử, nên ham mộ cầu sinh về Niết bàn của chư Phật.

Sự chán sợ phiền não của hàng Thanh văn và rất ưa Niết bàn (*của hàng Tiểu thừa*), dù trăm nghìn, muôn lần cũng chả bằng một phần Bồ Tát, há trông mong việc dục lạc cõi người, cõi Trời ư ?

CHÍNH VĂN : *Như xe đi vào đường hiểm, có cái lo sút chốt gãy trục; hủy giới cũng như vậy, khi chết ôm lòng lo sợ.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ, nửa bài tụng dưới là chỉ cho biết cái tội lỗi của sự phá giới.

Chữ Trục : Là cái cốt lăn ở giữa bánh xe.

Chữ Hạt : Là chốt, là cái chốt sắt xỏ ngang ngoài đầu cây trục.

Cũng như xe đi qua đường hiểm nạn, giữa đường rủi sút chốt, gãy trục, tâm thần lo lắng rồi sinh ra sự đại khủng bố vậy.

Người hủy giới dụ cũng như xe kia bị sút chốt gãy trục (*không còn dùng nữa*).

Khi chết, là dụ cũng như giữa đường nguy hiểm (*cái mạng mỏng manh*). Ta biết sau khi phá giới rồi, thế nào cũng đọa trong ác đạo, lòng dạ thế nào cũng phải sợ hãi lo âu.

Như người đẩy xe vào đường hiểm (*đường hầm hố*), thế nào cũng lo cái nạn sút chốt gãy trục vậy.

CHÍNH VĂN : *Như người lấy gương soi mặt hễ mặt tốt vui xấu buồn. Thiết giới cũng như vậy : Giữ, phá, sinh mừng, lo.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ; nửa bài tụng dưới là nói giới hoàn toàn hay khuyết điểm. Như người lấy kính soi mặt mình, mặt tốt thì sinh tâm vui mừng, mặt xấu thì ôm lòng lo âu.

Nay đương thời thuyết giới, lấy giới mà quán xét tâm mình. Mình giữ giới được hoàn toàn thời trong lòng được vui vẻ, ngoài mặt chẳng hổ với người. Bằng phá giới, thời trong tâm sinh ra sự lo buồn ngoài mặt thẹn cùng hàng Tăng lữ vậy.

CHÍNH VĂN : *Như hai trận giao chiến với nhau : Bên mạnh được, bên yếu thua. Thuyết giới cũng như vậy : Giữ, phá, sanh : an, sợ.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trên là lập lời thí dụ; nửa bài tụng dưới là nói : Sự giữ giới đắc hay thất. Như hai đội binh giao chiến cùng nhau : kẻ mạnh thì tiến, an vui về triều đình lãnh thưởng; người yếu thua thì sợ hãi mà tìm đường rút lui.

Nay nhóm chúng lại để thuyết giới, chính như cùng với đội binh phiền não đánh nhau. Giữ giới thanh tịnh cũng như người mạnh được tiến, thân tâm an vui. Kẻ phá giới cũng như người yếu bị thua tình sắc sinh lo sợ. Bèn ngấm trong quân đội phiền não, bị bọn ma nó xé thịt vậy.

Lai lập giới cấm nửa tháng tụng một lần.

CHÚ GIẢI : Bài tụng trước, cầu đầu : lấy sự tôn quý làm hơn.

Câu kế : lấy sự sâu rộng làm hơn.

Câu thứ ba : lấy sự sáng sạch làm hơn.

Câu thứ tư : lấy quả đức làm hơn.

Nghĩa là : Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát hạnh quả chưa tròn (*cũng như mặt trăng đêm 14*).

Đức Như Lai hạnh đủ quả tròn (*cũng như mặt trăng đêm rằm*) ở trong bậc Thánh, một mình ngài là hơn cả.

Đây là dụ thầy Tỳ Kheo, là con của vị Kim Luân Vương; giống quý của vị Pháp Vương phước đức và trí tuệ sâu rộng, giới thể sáng tròn, cõi người, cõi Trời, không ai sánh kịp, đây là Chúng Trung Tôn vậy.

Một bài tụng sau, hai câu đầu : Chính nói giới kinh này là hơn hết.

Giới kinh là gì ? La kinh biệt giải thoát và các luật nghi của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni vậy.

Thế nào là biệt giải thoát ? Nghĩa là : Y theo kinh này mà tu hành thì được giải thoát bao nhiêu phiền não, mỗi mỗi các hoặc trong chín phẩm lần hồi đoạn hết.

Hơn nữa : Kiến hoặc, tư hoặc, phiền não hoặc, số đấy nhiều lắm. Trong mỗi món, mỗi món riêng biệt và có thể bỏ lìa được, nên gọi là biệt giải thoát vậy.

Do hoặc phiền não kết buộc loài hữu tình, ngấm chìm trong ba cõi. Giới kinh đây có thể làm cho hữu tình được giải thoát mà đi đến cõi Niết bàn vậy. Cho nên Giới kinh này là đặc biệt trên hết.

Các luật là : Ngũ giới, Bát giới, Thập giới cho đến Thập thiện của vị Luân vương, pháp luật thế gian và các tà cấm của ngoại đạo vậy.

Trong Đại Luật nói : Dù trăm, nghìn, ức các kinh khác Giới kinh này là đệ nhất.

Thế thì, chẳng những giới pháp của các đạo khác không bằng, mà chính trong ba tạng, mười hai bộ, Giới kinh này cũng độc tôn.

Cho nên trong Căn Bản Luật nói : Đức Phật nói ba tạng Kinh giáo, mà tạng luật Tỳ Nại Gia là đầu hết.

Chúng ta được biết đức Phật, khi dạo khắp trong thế gian gặp trường hợp nào thỉnh ngài thuyết pháp thì ngài thuyết về tạng Kinh, còn tạng Luật

không phải như thế. Cho nên biết rằng: Tạng Luật thật là khó gặp được.

Hơn nữa chư Phật mà chứng được quả Bồ đề, Độc giác thân tâm thanh tịnh; cho đến những vị đắc quả A La Hán đều do luật hạnh mà thành.

Ba đời các Hiền Thánh xa rời được cái khước hữu vi (*trần lao phiền não*) đều lấy luật làm căn bản, mà được về nơi an ổn.

Dụ như : Quả địa cầu chứa đựng muôn loài, sinh trưởng được các thứ cỏ cây. Giới luật của Phật cũng thế, sinh ra biết bao phước đức trí huệ. Huống chi luật là vua trong các pháp, thầy của chư Phật. Vì Bí sô dụ cũng như người khách buôn, quyển luật này quý như ngọc vô giá.

Đúng như trong luật nói : Nếu không y theo đây mà tu hành thì rốt cuộc cũng không thành chi hết, dù có thành chăng đi nữa, cũng là thành ma, thành quỷ, đó thôi.

Cho nên trong kinh nói : Dù có đa trí Thiền định hiện tiền, nếu không trì giới, thế nào cũng phải lạc vào Ma đạo.

Đức Như Lai lập giới cấm là gì ?

Đây là nói đức Như Lai ngài chế giới, quyết không phải là mình làm, và không phải như : Kinh, luận hoặc là người khác thuyết, rồi trình với Phật để ngài ấn khả đâu.

Do đây đủ biết trí của Như Lai, khắp cả pháp giới, biết cùng tột nghiệp tính của muôn loài vạn

vật, biết căn nghiệp sai biệt của tất cả chúng sinh. Cho nên ngài lập giới ra trúng với nghiệp; chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác, bậc Bồ Tát có thể làm được. Tỷ như việc lễ nhạc trong đời, chỉ có một nhà vua chế ra; phép lớn ra khỏi đời nếu không phải Phật thì không ai lập được.

Nửa tháng nói một lần là gì ?

Nghĩa là : Nửa tháng tối trời và nửa tháng có trăng. Tháng có trăng là tiêu biểu Bạch nghiệp; tối trời tỷ dụ Hắc nghiệp.

Muốn hắc nghiệp hết, bạch nghiệp còn, thì nửa tháng vẫn thuyết một kỳ giới, để cho các hàng Tỳ Kheo tự nhớ lại cái giới của mình thọ có phạm điều nào, đúng như pháp mà sám hối hầu mong nghiệp ác lần lần tiêu hết, mà nghiệp lành càng thêm tròn sáng vậy.

Mười hai bài tụng trên đây, là trong khi kiết tập quý vị A La Hán sắp đặt – Xét trong bản Đại Luật cộng có 46 bài tụng.

2. TRƯỚC LÀM PHÉP PHƯƠNG TIỆN

(Phân ra làm 7 lời giải)

CHÍNH VĂN : *Tăng nhóm chưa ?*

CHÚ GIẢI : Phàm làm phép Yết Ma Bố tát, Tỳ Kheo đồng ở trong một giới, đều phải nhóm chúng hội lại một chỗ để tránh những chuyện biệt chúng phá tăng, nên phải hỏi trước. Tăng có bốn hạng : bốn người, năm người, mười người, hai mươi người.

Tăng bốn người : Trừ phép thọ cụ túc giới, phép Tự tứ và phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma đều làm được.

Tăng năm người : Trừ đô thành, phép thọ cụ túc giới và phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma làm được.

Tăng mười người : Trừ phép xuất tội Tăng tàng, ngoài ra tất cả phép Yết Ma làm được.

Tăng hai mươi người : Tất cả phép Yết Ma nào cũng làm được cả. Trong bốn ngôi Tăng đây, tùy thiếu một người, làm phép không thành. Nếu trên thì tốt, đúng như pháp. Còn thiếu thời phi pháp, phi luật mắc tội.

Trừ khi Bố tát, ngoài ra có những việc cần làm phép Yết Ma, nhưng số chúng quá đông, bộn bề khó nhóm họp. Muốn tránh những cái nạn ngăn cản của sự biệt chúng; nên luật dạy trước khi kiết đại giới, cần phải kiết giới tràng, ở trong giới tràng làm phép, không nhóm hết chúng cũng không lỗi.

CHÍNH VĂN : *Hòa hợp không ?*

CHÚ GIẢI : Đồng một phép Yết Ma, hòa hợp một chỗ, tất phải tâm khẩu không gây gỗ, người không đến phải dự dục, để cho chư Tăng hiện tiền có mặt đáng quở, cũng không lấy cớ gì mà quở được.

Nghĩa là : Để phòng những chuyện gây kình xảy ra, có hại cho việc pháp sự, cho nên phải thứ lớp mà hỏi vậy.

CHÍNH VĂN : *Người chưa thọ đại giới ra chưa ?*

CHÚ GIẢI : Người chưa thọ đại giới là gì ? Nghĩa là : Người chưa từng bạch bốn phép Yết Ma, như pháp để thọ giới Cụ túc vậy.

Ra là gì ? Nghĩa là : Bảo ra ngoài chúng Tỳ Kheo, cái chỗ không thấy, không nghe. Đức Phật dạy : Không nên ở trước người chưa thọ đại giới mà làm phép Yết Ma thuyết giới.

CHÍNH VĂN : *Các Tỳ Kheo không đến, có thuyết dục và thanh tịnh chăng ?*

CHÚ GIẢI : Không đến là gì ? Nghĩa là : Không đến nhóm vậy.

Phàm làm tất cả pháp Yết Ma pháp sự, tất cả thân tâm đều nhóm mới thành chúng hòa hợp.

Nếu có việc Phật Pháp Tăng, hoặc bị bệnh hay mắc nuôi bệnh v.v... mới cho tâm nhóm. Nên cho truyền tâm khẩu đến trước việc chúng Tăng, mới được kia đây không lỗi, chẳng hại đến các pháp sự và khỏi cái lỗi biệt chúng vậy.

Thuyết dục là gì ? Thuyết là nói, dục là muốn.

Nghĩa là : Ý tôi muốn cùng với chúng Tăng làm việc đúng như pháp đấy và tâm tôi ưa thích tùy hỷ đồng sự với chúng Tăng đấy.

Thanh tịnh là sao ? Nghĩa là : Tự mình không lỗi, nên trong thời Bố tát đấy, tôi dự phần thanh tịnh vậy. Hơn nữa thời Bố tát, chúng Tăng có làm nhiều phép Yết Ma, cho nên mặc dù dự dục, mà cũng phải có dự phần thanh tịnh trong đây mới

được, chớ chẳng được dự phần thanh tịnh không, làm cho có ngại việc pháp sự của chúng Tăng và cũng không được nói tôi dự dục về chuyện khác (*chuyện chi đó v.v...*).

Phải nói như vầy : Tôi đúng như pháp sự của chúng Tăng dự dục và thanh tịnh, mới khỏi cái lo chỗ trễ nãi phế pháp Yết Ma của chúng Tăng vậy.

Có năm phép dự dục.

Hoặc nói : Dự dục cho ngài, hoặc nói : Tôi thuyết dục, hoặc nói ngài vì tôi thuyết dục giùm tôi rất cám ơn, hoặc bệnh nặng nói không nổi, thì phải ra dấu chỉ cái thân này có bệnh, hoặc dự dục với nhiều người, cũng đều thành phép dự dục. Nếu không như vậy không thành phép dự dục, cần phải dự dục lại với vị Tỳ Kheo khác.

Trong phép dự dục này, tất phải có mặt ở trong giới và không được ngày nay dự dục, trừ bị ngày mai.

Như thầy Tỳ Kheo có bệnh làm phép dự dục để nghỉ dưỡng bệnh rồi, nghe trong chúng Tăng thuyết pháp Tỳ Ni, tự mình ráng lần tới nghe, ngồi một hồi lâu sinh ra mỏi mệt. Liền tưởng rằng : trước kia mình có dự dục, thì bây giờ đây ta phải im lặng mà rút lui ra về, thế đó không gọi là có phép dự dục.

Vì sao ? Vì cái phép dự dục trước đã phá rồi, giờ đây phải làm phép dự dục lại mới thành.

Trên đây là nói về phép dự dục của việc thuyết giới, còn bao nhiêu việc khác, nhiều lắm; lệ theo đây nên biết.

Nếu thầy Tỳ Kheo có bệnh quá nặng, không thể thân khẩu dự dục như trên, thì phải dìu đỡ đến trong chúng Tăng, nếu sợ đỡ khiến thêm bệnh, thời tất cả chúng Tăng phải đến chỗ ông bệnh ngồi chung quanh đấy làm phép Yết Ma.

Hơn nữa, nếu có nhiều ông bệnh, mà có thể nhóm lại được một chỗ thì tốt, bằng không thể được, thì chúng Tăng phải mau mau ra ngoài đại giới, làm phép Yết Ma kiết tiểu giới để thuyết giới. Chớ không được mượn phương tiện ở trong đại giới mà làm phép Yết Ma càn, để thuyết giới bằng cách biệt chúng, phi pháp, mắc tội v.v... và nếu muốn dự dục với nhiều người, thì phải đến chỗ ông truyền dục đã hứa khả, chỉnh đốn oai nghi, rồi bạch lời như vầy : Xin Đại đức một lòng nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo, pháp danh... y theo pháp sự của Tăng chúng dự dục và thanh tịnh. (*nói một lần xá ba cái*).

Nếu ngày Tự tứ, thời phải nói dự dục Tự tứ, còn tất cả các pháp Yết Ma khác chỉ nói dự dục.

Thầy Tỳ Kheo lãnh dục kia, mang dục đến trong chúng Tăng, bây giờ vị Yết Ma cứ theo phép hỏi như trên, dứt lời, ông lãnh dục phải sửa đủ oai nghi, đứng ra bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe; Tỳ Kheo kia pháp danh... tôi có lãnh dục thanh tịnh của ông, ông y theo pháp sự của chúng Tăng dự dục và thanh tịnh (*nói một lần xá ba cái*).

Song, các bộ luật khác, cho ông Tỳ Kheo mang dục nói với một vị Đại đức ngồi gần mình, chớ không thưa giữa đại chúng, vì sợ mất thì giờ. Chúng Tăng ngồi lâu mỏi mệt sinh ra các tội lỗi.

Một điều thắc mắc hơn là : Người mang dục.

Nghĩa là : sau khi lãnh dục người ấy : hoặc mạng qua đời, hoặc đi xứ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào trong ngoại đạo, hoặc nhập bộ chúng khác, hoặc đến trong giới tràng, hoặc mặt trời đã mọc, hoặc người ấy tự trần mình có phạm biên tội v.v...

Luôn cả 13 nạn, hay bị cử tội, hay đã diệt tẩn, hoặc đang diệt tẩn, hay nương pháp thần túc thông ở trên hư không, hay ở chỗ cách xa không thấy, không nghe.

Ta dự dục cho người như thế, đều chẳng thành pháp dự dục thanh tịnh. Vậy ta nên dự dục lại cho vị khác.

Như vậy hoặc ở giữa đường, hoặc đến trong chúng, cũng như vậy.

Người lãnh dục rồi hoặc ngủ, hoặc họ nhập định, hoặc họ quên, hoặc họ không cố ý bỏ; nhưng mà vì quên, như vậy vẫn thành pháp dự dục. Bằng họ cố ý không nói, không thưa cho chúng Tăng biết, người ấy mắc tội Ác tác.

Còn một điều nữa, người lãnh dục có tâm tốt, nhưng trong khi đi gặp đường sá trở ngại, bị giặc cướp, bị thú dữ, bị nước sông tràn ngập, tất cả nạn làm cho mạng phải chết và nạn có hại cho phạm hạnh không thể đi được, từ ngoại giới về đến trong chúng Tăng, như vậy không mất cái pháp dự dục.

Muốn cho tiện, luật lại cho một người lãnh dục của hai ba bốn vị cho đến lãnh dục đa số Tăng chúng. Tùy nhớ số bao nhiêu vị, nếu có thể nhớ

pháp danh hết càng tốt; bằng không thể nhớ pháp danh thì phải nói cái họ, nếu không thể nhớ họ thì sẽ nói tướng mạo : đen, trắng, thấp, cao; nếu không nhớ được tướng mạo thì phải nói đa số Tỳ Kheo y như sự của chúng Tăng dự dục thanh tịnh.

Nếu người lãnh dục, họ có những duyên sự xảy ra bất ngờ, không kịp đến với chúng Tăng, thì luật sẽ cho họ chuyển giao lời dục ấy lại cho vị Tỳ Kheo khác, và hãy nói lời chuyển trao như vầy :

"Thưa Đại đức, một lòng thương nghĩ, tôi Tỳ Kheo, pháp danh... (*một vị hay đa số, tùy đó để nói*). Tỳ Kheo đấy với tôi đây y như pháp sự của chúng Tăng, dự dục và thanh tịnh (*nói 1 lần xá ba cái*).

Nếu Tỳ Kheo vì cớ duyên sự kia đã dự dục rồi, bấy giờ duyên sự ấy đã yên xong, thì liền phải đi đến chỗ thuyết giới. Nếu trong một ngôi chùa nào mà đủ 4 vị Tỳ Kheo, thì phải nhóm nhau để thuyết giới, chớ không nên thuyết dục.

CHÍNH VĂN : *Ai sai Tỳ Kheo Ni đến thỉnh giáo giới ?*

CHÚ GIẢI : Cô Ni mang cái thân hữu lậu, mắc nhiều việc hình lụy, cho nên thiếu cái lợi du phương học đạo, cái ích sớm chiều dạy bảo. Đức Như Lai thương đấy, chế cho mỗi nửa tháng, qua bên đại Tăng cầu xin giáo thọ.

Vị Thượng Tọa Tăng mới sai ông Tăng có đủ mười đức, dùng lời êm dịu để dạy bảo khuyên gắng đi đến chỗ chỉ đạo.

Song, đời nay cách Phật đã xa, Tăng, Ni khinh lờn giáo pháp, đã không vâng làm, nên pháp này lần mất, người nghe cũng ít, người hành toàn không.

Tôi muốn đem pháp này trở lại, cho nên làm lời chú thích rõ ràng nơi đây. Tăng chúng Tỳ Kheo Ni kia đến ngày tụng giới nhóm Ni Tăng bạch hai lần Yết Ma, sai một Tỳ Kheo Ni qua bên chùa đại Tăng, cầu xin một vị giáo thọ, nếu cô Ni đi một mình không ai hộ, thì trong hàng Ni hãy sai hai ba người đi theo làm bạn.

Bấy giờ đã đến chùa Tăng, đến trước một vị cựu trụ Tỳ Kheo (*đáng lẽ đại tăng phải sai một tri sự, tiếp nhận cái lời cầu thỉnh của cô Ni kia, để hầu bạch lại với chư Tăng*), lễ kính rồi nghiêm mình cúi đầu chắp tay bạch rằng : "Đại đức một lòng nghĩ tưởng, Tỳ Kheo Ni Tăng chúng tôi hòa hợp lễ dưới chân Tỳ Kheo Tăng; cầu xin một vị giáo thọ" (*nói ba lần*).

Tới giờ Tỳ Kheo Tăng tụng giới, vị Thượng Tọa tụng giới kia mới hỏi rằng : có ai sai Tỳ Kheo Ni đến thỉnh giáo giới chăng ?

Đoạn này đức Phật dạy : Khi chúng Tăng tụng giới, vị Thượng Tọa phải hỏi rằng : "Bên chúng Tỳ Kheo Ni có sai ai qua thỉnh giáo giới chăng ?".

Lời hỏi đây là lời hỏi của vị Thượng Tọa tụng giới, hỏi trong khi làm phép Yết Ma tụng giới.

Bấy giờ ông Tri sự lãnh lời của cô Ni thưa trước, liền đứng dậy sửa đủ oai nghi, chắp tay bạch rằng : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo Ni Tăng ở chùa... hòa hợp sai một Tỳ Kheo Ni, pháp

danh... đến lễ dưới chân Tỳ Kheo Tăng, cầu xin một vị giáo thọ dạy bảo bên phái Ni (*nói như vậy ba lần*).

Theo phép, ông Tri sự lãnh lời của cô Ni thưa, phải đến vị Thượng Tọa mà bạch rằng : "Xin Đại đức từ mẫn, Đại đức có thể dạy bảo Tỳ Kheo Ni được chăng ?".

Nếu Thượng Tọa đáp rằng : "Không kham đấy". Thì bấy giờ đến những vị Thượng Tọa (*12, 13 hạ sắp lên*) mỗi mỗi đủ oai nghi thưa hỏi. Lúc ấy Thượng Tọa tụng giới kia phải hỏi lại cho chắc chắn rằng : Quý Đại đức đây ai làm vị giáo thọ dạy bảo Tỳ Kheo Ni ?

Nếu có người hứa, thì chúng Tăng hãy làm phép Yết Ma sai đi. Nhưng ông Tăng mà được chúng Tăng sai đi làm giáo thọ bên Ni kia phải là người có đủ 10 pháp :

1.- Giới luật cụ túc

2.- Đa văn

3.- Tụng hai bộ giới cho lâu

4.- Quyết đoán không nghi

5.- Biện tài thuyết pháp

6.- Dòng họ xuất gia

7.- Nhan mạo đoan chính để chúng Ni vừa thấy liền sinh tâm hoan hỷ.

8.- Kham nhận thuyết pháp cho Ni chúng, khuyên dạy hoan hỷ.

9.- Không vì Phật xuất gia mà mặc pháp phục, để phạm tứ trọng (*vì thấy chúng sinh khổ mới xuất gia*).

10.- Hoặc người đủ 20 hạ, hay trên 20 hạ, như vậy mới được sai đi.

Văn sai như vầy : Đại đức Tăng lóng nghe. Nếu đến giờ Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho. Trong chúng Tăng đây sai Tỳ Kheo tên... làm giáo thọ qua dạy bảo Tỳ Kheo Ni.

Bạch như vậy : tác bạch có thành không ?

Nếu đại chúng xét được, thì đồng chắp tay nói: "Thành". Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tăng nay sai Tỳ Kheo tên... đi giáo giới cho Tỳ Kheo Ni. Các bậc Trưởng lão trong đây ai bằng lòng chịu cho Tăng sai thầy Tỳ Kheo tên... qua giáo giới cho phái Tỳ Kheo Ni đấy, thì lẳng lặng, còn ai không bằng lòng thì nói, Yết Ma thành không ? Đồng đáp : "Thành".

Trong chúng Tăng đã bằng lòng sai Tỳ Kheo tên... giáo giới cho Tỳ Kheo Ni rồi, Tăng bằng lòng thì cứ im lặng, việc này như vậy mà suốt biết. (*Đoạn này nếu như có nhiều người khả năng về việc giáo giới bên Ni, thì vị Thượng Tọa, phải hỏi bên Ni muốn thỉnh ai ? Rồi tùy kia mà phái*).

Nếu Ni nói tùy ý đại Tăng phân định. Thì bấy giờ vị Thượng Tọa phải tùy theo ông nào thường hay đi giáo giới mà thứ lớp sai đi.

Tỳ Kheo Ni kia, ngày 16 lại đến trong chùa Tăng. Thưa rằng : "Có Đại đức nào hứa khả chăng?"

Bấy giờ vị Tỳ Kheo bị sai đi kia, đem theo một vị Tỳ Kheo nữa để làm bạn và cho biết giờ khắc đến. Còn bên phái Ni kia cũng phải đúng giờ khắc để đón rước.

Vị sư giáo giới ấy coi chừng Ni chúng nhóm xong, vì nói pháp bát kính, kế đó coi theo trình độ mà thuyết pháp để dạy bảo.

Nói tóm lại, nếu hoàn toàn bên đại Tăng, mà không có vị nào có thể giáo giới được bên Ni, thì ông Tỳ Kheo lãnh cái lời dặn bảo của cô Ni bữa trước, đem bạch lại cho vị Thượng Tọa hay rằng : "Hỏi khắp trong chúng Tăng mà không có ai kham nhận trách nhiệm đấy cả".

Bấy giờ vị Thượng Tọa liền đề nghị về vấn đề giáo thọ, dặn ông Tri sự lãnh lời cô Ni kia nên nhớ rằng : "Trong chúng đây không ai làm thầy giáo thọ được, thì ngày mai bên Ni chúng qua thỉnh và hỏi : Có vị Đại đức nào hứa khả không ?". Thì ông phải đáp rằng : Hôm qua tôi vì quý Ni Trưởng thỉnh hết trong đây mà không có ai chịu đi giáo thọ bên Ni Trưởng.

Song, ngài Thượng Tọa có lời dạy : "Bảo các Ni chúng, phải siêng năng tu hành và cẩn thận, chớ có buông lung" (*ngày 16 bên Ni qua, như lời Thượng Tọa dặn, thuật lại cho Ni chúng biết*).

Bấy giờ Ni Trưởng trở về chùa Ni, nhóm hết Ni chúng lại, rồi thuật đủ như lời của vị Thượng Tọa bên đại Tăng dạy. Thì Ni chúng ai nấy cũng đều chắp tay niệm Phật và xin "vâng" y giáo phụng hành.

CHÍNH VĂN : *Tăng nay hòa hợp để làm gì?*

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : "Tăng đã hòa hợp nhóm để làm pháp sự gì đây"; song khi làm pháp sự, cũng chẳng ngoài ba pháp :

1.- Tình sự : Như những sự thọ giới và sám hối v.v...

2.- Phi tình sự : Như những việc kiết các giới v.v...

3.- Tình, phi tình sự : Như những việc : xử, phân, ly y v.v...

Những pháp sự này, là cái quyền định đoạt của chúng Tăng, nên cần đối giữa chúng để hỏi những chuyện làm kia. Trong đây một người tùy mỗi việc mà đáp.

Ví dụ như : Thuyết giới thì đáp rằng :

CHÍNH VĂN : *Thuyết giới Yết Ma.*

Nghĩa là : Làm phép Yết Ma để thuyết giới (*nếu không phải thời thuyết giới thì cứ theo việc chi đó mà đáp*). Đáp rằng : "Làm pháp Yết Ma..."

CHÚ GIẢI : Tiếng Phạm gọi là : Yết Ma, dịch là : Sự.

Sự cũng gọi là biện sự.

Nghĩa là : các pháp sự do đây mà thành xong vậy.

Song, pháp Yết Ma nói chung có ba phép : bạch lần đầu, bạch lần thứ hai và bạch lần thứ tư, độ lượng theo việc đó mà bạch...

Dụ như : Việc nhẹ thì tác bạch một lần, cho chúng Tăng biết thôi, việc vừa vừa thì bạch hai lần, còn việc trọng thì bạch tới lần thứ tư.

Ba phép Yết Ma đây, có thể gồm hết tất cả pháp Yết Ma. Nhưng các pháp Yết Ma : nói sơ thì có 122 pháp. Pháp bạch lần đầu gồm có 27 pháp, pháp bạch lần thứ hai gồm có 57 pháp, pháp bạch lần thứ tư gồm có 38 pháp.

Các bộ luật khác, hoặc thêm, hoặc bớt. Như bộ Căn bản luật gồm có 101 việc.

Phàm làm các pháp sự Yết Ma, tất phải làm pháp phương tiện trước, nhưng trong khi thuyết giới, cần phải hỏi thêm câu này : "Bên phái Ni có sai Ni nào qua cầu thỉnh giáo giới chăng ?". Ngoài câu ấy, còn sáu câu hỏi kia, chung tất cả pháp Yết Ma.

Song, chỉ trừ pháp Yết Ma kiết giới thì không được phép vắng mặt một vị nào, nếu vắng không thành.

Nghĩa là : Phải đi cho đủ, để cho mỗi người được biết rõ giới tướng, chớ không cho thuyết dục. Thế thì sự kiết giới này, chúng phải nhóm đủ nhất định.

3.- GIỮ BẠCH PHÉP YẾT MA

(Phép này đơn bạch, bạch một lần)

CHÍNH VĂN : *Thưa Đại đức Tăng lóng nghe: nay ngày 15 tháng bạch nguyệt chúng Tăng thuyết giới. Nếu tới thời Tăng đến nhóm, Tăng bằng lòng cho hòa hợp thuyết giới.*

Bạch như vậy, tác bạch thành không ?

Đồng đáp : "Thành".

CHÚ GIẢI : Đại đức Tăng lóng nghe là gì ?

Nghĩa là : Bảo các Tỳ Kheo để tai chăm nghe, đừng duyên cảnh khác, chuyên tâm nhất ý đối với việc nghe này, phải chính nhớ để giữ làm.

Mười lăm ngày tháng bạch nguyệt là sao?

Đây là lấy nửa tháng trước mà nói, nếu nửa tháng sau thì là tháng hắc *nguyệt (vì không trăng)*.

Nhưng tháng thì có tháng đủ tháng thiếu, hoặc 14 hoặc 15 ngày 9 (*trong mỗi nửa tháng*) phải theo thời mà nói (*15 hay 14 ngày*)

Thế nào là chúng Tăng thuyết giới ?

Câu này là để rõ chúng Tăng thuyết giới, chớ không phải làm việc chi khác vậy.

Xét bộ giới bổn này của ngài Da Xá dịch, thì nói Bố tát thuyết giới. Còn bản này chỉ nói thuyết giới chớ không nói hai chữ Bố tát, là vì bớt vậy.

Vì sao ? Vì thuyết giới là chỉ nói y việc đó, chứ chưa rõ cái nghĩa của nó. Còn Bố tát đây lại có cái nghĩa trưởng dưỡng tịnh trừ.

Nghĩa là : Do chúng nhóm thuyết giới hay nuôi lớn các công đức và trừ hết các tâm phiền não luôn những pháp bất thiện.

Đúng thời chúng Tăng đến là sao ?

THỜI : Nghĩa là : Thời thuyết giới.

ĐẾN : Nghĩa là : Chúng Tăng y theo thời mà đến vậy.

Tăng bằng lòng cho bằng cách nào ?

Nghĩa là : Hiện tiền đại chúng tất cả bằng lòng hứa khả, hòa hợp thuyết giới Ba La Đề Mộc Xoa vậy.

Bạch như vậy là sao ? Nghĩa là : đem việc thuyết giới này mà thưa cho chúng biết vậy. Phàm tới ngày Bố tát, mấy ông niên thiếu Tỳ Kheo phải tới nhà thuyết giới, để dọn dẹp, rưới, quét trải tòa ngồi, nấu nước, thắp đèn, sắm thẻ (*lá phiếu*), nếu mấy ông không biết, thì vị Thượng Tọa phải dạy, nếu lười biếng không dạy, mắc tội Đột Kiết La. Sau khi thuyết giới hãy thu các đồ đạc đem để lại chỗ cũ, không làm y như vậy mắc tội như trên.

Sắm thẻ là gì ? Nghĩa là : Đựa mỗi người một cây thẻ, để cho biết số người là bao nhiêu. Thẻ kia làm bằng : đồng, thiếc, tre hay cây, dùng hộp hay là cái ống để đựng thẻ.

Vị Tỳ Kheo ngồi gần hãy kiểm soát cùng nhau, để cho biết vị nào có đến nhóm và vị nào vắng mặt, phải bạch trước cho Thượng Tọa hay rồi mới làm phép tụng giới.

Nhưng trong khi tụng giới mà chúng nhóm họp quá đông, nghe không rõ, thì phải lót cái tòa cao. Chưng cái tòa ấy thật cao và cho thật tốt, rồi vị Thượng Tọa lên ngồi trên tòa ấy mà tụng giới. Trong khi tụng nếu quên hoặc lầm, thì ông Tỳ Kheo ngồi kế đó phải nhắc. Bằng ông ấy quên nữa, thì ông Tỳ Kheo thứ hai kế đó phải tụng thế. Nhưng cũng tụng tiếp theo đấy chớ không được tụng trở lại.

Song, ông Tỳ Kheo mà tụng giới, trước phải học giới cho thuộc làu, đừng để khi tụng sai lầm giữa chúng. Hoặc trong khi tụng giới, có tám việc nạn xảy ra và có những chuyện khác, thì cho tụng giới bằng cách sơ lược.

Tám nạn là gì ? Là nạn vua, nạn giặc, nạn nước, nạn lửa, nạn bệnh, nạn độc trùng, nạn người, nạn phi nhân.

Có việc khác là gì ? Hoặc đại chúng nhóm mà thiếu giường ngồi, hoặc trong chúng nhiều người bệnh, hoặc trên chỗ ngồi che lợp không kín gặp trời mưa dột, hoặc gặp những chuyện đánh lộn xảy ra, hoặc gặp duyên thuyết pháp quá khuya, thì cho trong lúc mặt trời chưa mọc, nên làm phép Yết Ma thuyết giới, chớ không được đổ thừa vì cái chuyện thuyết pháp mà bỏ cái lãnh dục thanh tịnh Yết Ma thuyết giới cách đêm.

Lược bỏ 6 pháp phương tiện trước, còn bao nhiêu giới phải tụng đủ. Độ lượng cái nạn kia còn xa hay đã tới gần để mà tụng giới đủ hay tụng lược.

Nếu không có việc nạn, thì không nên tụng giới lược; hoặc tụng lời tựa giới hỏi chúng thanh tịnh rồi, nạn tới, liền bảo rằng : Chư Đại đức ! Bốn pháp Ba La Di này quý ngài cũng thường nghe rồi. Như vậy ba mươi pháp Tăng tàng cho đến trăm pháp Chúng học. Nếu nạn gấp tới, vị Thượng Tọa tụng giới đến đâu thì tùy đó để nói : Tôi đã tụng tới giới... còn bao nhiêu chúng Tăng cũng thường nghe rồi, bây giờ nạn tới để lo công chuyện. Nếu nạn duyên bức cận

quá, không kịp tụng cho rồi lời tựa giới kinh, thì như trong luật Tăng Kỳ có dạy. Vị Thượng Tọa bảo rằng : "Thưa chư Đại đức : Nay ngày 15 là thời Bố tát, các ngài chính thân, khẩu, ý chớ buông lung. Vị Thượng Tọa dứt lời. Đại chúng mỗi người tùy ý tản mác (*lánh nạn*)

Nếu thầy Tỳ Kheo ở riêng một mình, tới ngày Bố tát phải về chùa Tổ đình, cùng nhau dọn dẹp rưới quét, sắp đặt như trước để tụng giới. Nếu có ông khách Tỳ Kheo đến bốn ông hay trên bốn ông phải bạch trước rồi, vậy sau mới tụng giới. Nếu chỉ có ba ông, hoặc hai ông, thì mỗi ông đối với nhau mà bạch. Lời bạch như vầy: "Thưa hai trưởng lão nhớ nghĩ, nay ngày 15 chúng Tăng tụng giới, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh" (*nói ba lần*).

Nếu riêng có một ông, thì lòng nghĩ miệng nói : "Nay ngày 15 chúng Tăng tụng giới, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh" (*nói ba lần*).

Nếu ông có phạm giới không được tụng giới, không được nghe giới, không được tới ông phạm cầu sám hối.

Ông phạm kia cũng không được thọ cái sám hối của người.

Phải tới ông Tỳ Kheo thanh tịnh, trình bày vai bên hữu (*đắp y*) bỏ guốc, gối bên hữu chấm đất (*quỳ gối*) chắp tay. Nếu là vị Thượng Tọa, hãy lễ dưới chân, tự trần cái tội phạm của mình như pháp mà sám hối.

Hoặc trong khi phạm, lại sinh nghi thì cũng như trên, tới chỗ ông Tỳ Kheo thanh tịnh, tự trần cái tội phạm của mình.

Lời tự trần như vầy : "Tôi pháp danh... ở trong cái tội phạm lại sinh nghi (*nghi có phạm hay không phạm*). Nay tới Đại đức tự trần, chừng nào tôi hết nghi sẽ như pháp sám hối, nói như vậy rồi được nghe tụng giới".

Nếu Tỳ Kheo đang khi tụng giới nhớ biết mình có tội, hoặc tâm nghi, nếu tự trần ngay giữa chúng, sợ sinh náo loạn. Thì nói nhỏ với ông Tỳ Kheo ngồi gần, hoặc tự tâm gắng nhớ, đợi khi xuống tòa rồi, phải như pháp sám hối, như vậy thì được nghe giới.

Nếu trong tất cả chúng Tăng ai cũng phạm giới hết, hoặc sinh nghi, nên đối trước ông khách Tỳ Kheo thanh tịnh mà sám hối quyết nghi, vậy sau mới tụng giới.

Nếu không có khách Tỳ Kheo đến, phải sai hai, ba vị đến trong chúng Tăng thanh tịnh ở chùa gần, quyết nghi cho và sám hối rồi trở về chùa mình thì các Tỳ Kheo ở chùa mình kia, phải đến trước ông Tỳ Kheo đi sám hối về đó mà sám hối, vậy sau mới tụng giới.

Nếu chùa ở gần không có chúng Tăng thanh tịnh, thì đối nhau tác bạch rồi sẽ sám hối.

Tác bạch như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tất cả chúng Tăng trong đây, ai cũng phạm tội hết".

Nếu giờ chúng Tăng đến, chúng Tăng bằng lòng cho tất cả chúng Tăng đây sám hối. Bạch như vậy tác bạch thành không ?

Đồng đáp "Thành", vậy sau mới tụng giới. Song, một pháp sám hối đây, nghĩa là ai ai cũng biết cái tội của mình phạm, mà ngặt không có một ông Tỳ Kheo thanh tịnh nào, để cầu sám hối nên sự bất đắc dĩ mới cho làm sám bạch như vậy, thật lấy làm hổ thẹn !!! Chớ không phải đối với danh, chủng, tính, tướng, tội không biết, luông tuồng mà làm. Làm phép Yết Ma này, hãy mắc tội trừ diệt (*bỏ luật*).

Nếu tất cả chúng Tăng đối với tội có nghi, nên có lời tác bạch rồi, mới tự trần cái tội kia... Lời tác bạch như vầy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tất cả chúng Tăng trong đây đối với tội có nghi, nếu giờ chúng Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng đây tự nói cái tội, thưa bạch như thế rồi, vậy sau. mới tụng giới (*đây là chỉ phát lồ cái tội, để được tụng giới, chừng nào tội ấy hết nghi sẽ đến vị Thượng Tọa bạch rồi sám hối*).

Trong Ngũ Phần Luật dạy : "Nếu túng quá không có thanh tịnh Tăng, thì cho đối ông Tỳ Kheo có tội mà xin sám hối, nhưng không cho đối với ông đồng phạm một tội mà sám hối. Nếu ông Tỳ Kheo có bệnh nặng thì cho đối với ông Tỳ Kheo đồng phạm một tội mà sám hối đỡ cho yên lòng hết nghi, để nghe giới được thanh tịnh".

Nếu không biết tên tội và tướng tội. thì đợi có ông khách Tỳ Kheo trì luật đến ta sẽ cầu hỏi cho biết rồi như pháp mà sám hối.

Nếu ngày tụng giới, các ông cựu Tỳ Kheo nhóm họp, tụng bài tựa giới kinh rồi, có khách Tỳ Kheo đến ít, thì khách phải nói rằng : "Tôi thanh tịnh", nói lời như vầy : "Xin Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo pháp danh... được thanh tịnh". Một ông kia thưa như vậy xong, còn bao nhiêu ông thì cứ theo thứ lớp ngồi nghe.

Nếu tụng giới rồi, cả chúng chưa đứng dậy; hoặc phần nhiều chưa đứng dậy, hay đã đứng dậy hết rồi, khách Tỳ Kheo cũng phải nói "tôi Tỳ Kheo... được thanh tịnh".

Nếu tụng lời tựa giới rồi hay là tụng giới xong rồi, khách Tỳ Kheo đến hoặc bằng, hoặc nhiều hơn, thì phải tụng giới lại.

Nếu ông khách Tỳ Kheo tụng giới trước, ông cựu Tỳ Kheo đến sau cũng phải nói như trên (*tôi thanh tịnh*).

Nếu Tỳ Kheo tâm loạn, cuồng, si, phải làm Yết Ma cuồng, si cho ông.

Đây có ba bậc cuồng, si :

1.- Là khi tụng giới hoặc nhớ, hoặc không nhớ, hoặc đến, hoặc không đến.

2.- Hoặc nhớ mà đến.

3.- Hoặc chẳng nhớ chẳng đến.

Hai bậc giữa và sau chẳng nên làm phép Yết Ma.

Một bậc trước phải làm phép Bạch nhị Yết Ma.

Nếu bệnh cuồng hết, phải làm phép Bạch nhị Yết Ma mà giải.

Thầy Tỳ Kheo có năm hạ phải tụng giới và phép Yết Ma cho thuộc làu. Chẳng được đông nhiều Tỳ Kheo dốt ở chung một chỗ.

Đã không biết giới lại không biết tụng giới, chẳng biết phép Bố tát, phép Yết Ma Bố tát, phải nương theo thầy Tỳ Kheo tụng giới được kiết hạ an cư.

Nếu trong lúc an cư, mà người của mình y chỉ mạng chung, hoặc ông đi xa, hoặc ông thôi tu, những đến mắc 13 nạn v.v...

Nếu ngày hậu an cư chưa đến, thì phải đến chỗ chùa gần kiết hậu an cư, hoặc phải thỉnh thầy nào tụng giới được, đi đến chỗ an cư tụng cho mình nghe.

Nếu đã quá ngày hậu an cư, các Tỳ Kheo phải đến chùa gần hoặc có thầy học tụng được lời tựa, hoặc có thầy được bốn việc (*Ba La Di*), hoặc 13 việc, hoặc tụng được chín mươi việc hay tụng được Tăng tàng, mỗi ông kia tụng rồi trở về chỗ cũ dạy cho một thầy tụng. Nếu ông đó không thể tụng hết, tùy tụng tới đâu, các ông kia thứ lớp mà tụng tiếp chớ không được tụng trở lại. Nếu được như vậy là tốt, còn như không có ai tụng giới được, thì chỉ thuyết pháp tụng kinh, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi (*nghĩa là tới ngày Bố tát không nên không tụng giới*). Nhưng ngặt vì không có ai tụng được nên mới cho

thuyết pháp tụng kinh, chớ không phải cho làm phép tắc thường hoài.

Trong bộ Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu cả chúng không ai thuộc thì nên bảo ông Thượng Tọa ra ngoài giới, tâm nghĩ miệng nói làm phép Bố tát". Còn ba người ở trong giới, ba lần hô lên : Bố tát. Tức là phạt ông Thượng Tọa (*bởi làm Thượng Tọa không biết tụng*).

Hơn nữa không nên Bố tát sớm lắm (*vì sợ chúng Tăng đường xa đến chưa kịp*)

Nếu ông Tỳ Kheo ở một mình, nên đợi các ông khách Tỳ Kheo đến chung làm phép Bố tát. Nếu không khách đến ông có tội phải nghĩ như vầy : Nếu được Tỳ Kheo thanh tịnh, thì tội này ta sẽ y như pháp mà sám hối. Nghĩ như thế rồi tâm tưởng miệng nói : Bố tát (*3 lần*)

Nếu làm phép Bố tát đã xong, có ông khách Tỳ Kheo tới, khách ấy phải tùy hỷ mà nói: Trưởng lão đã làm phép Bố tát, tôi pháp danh... xin tùy hỷ. Nếu không tùy hỷ hãy ra ngoài Đại giới làm phép Bố tát, chớ chẳng lẽ ở trong một giới mà làm phép Bố tát hai lần. Nếu ông Tỳ Kheo trong khi đi xa, tới ngày Bố tát, thì ông ghé lại một chùa nào đó để làm phép Bố tát và sau khi Bố tát xong, không nên làm thinh mà đi, phải dặn ông Sa Di, hoặc người giữ vườn, hoặc người chăn trâu rằng : "Có Tỳ Kheo khác đến, chú phải nói giùm cho ông biết : Trong đây có làm phép Bố tát rồi". Nếu không có ai để dặn, thì viết chữ vào cột hay cánh cửa chùa, hoặc rải hoa

làm dấu. Ông sau có đến, phải hỏi và tìm dấu chớ không được vội làm phép Bố tát.

Nếu đi chung với người khách buôn tới ngày Bố tát, có cái nạn khủng bố. Người khách buôn lật đật đi; không đợi. Ta được phép đi theo, vừa đi vừa làm phép Bố tát.

Song, trước phải trù tính : Độ chừng bao nhiêu cây số mới tụng giới xong, hoặc dùng núi, hoặc dùng đá làm cây tràng nêu hay giăng tay đụng nhau làm Yết Ma kiết tiểu giới Bố tát rồi, vậy sau mới tụng giới Bố tát.

Nếu căn cứ trong Căn bản bộ, đến ngày Bố tát, đi giữa đường trống không làng, kiết tiểu giới mà tụng giới, đều không có tướng nêu bên ngoài.

Tức là dùng chỗ thân mình ngồi mà làm giới thể, nên trong văn Yết Ma nói rằng : Nay có bao nhiêu Tỳ Kheo nhóm đây kiết tiểu giới, nên biết rằng : Tiểu giới không có tướng ngoại, ở chỗ đi như vậy, chúng Tăng phải hòa hiệp nhóm một chỗ cùng nhau tụng giới.

Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp tùy theo thiện hữu đồng thầy xuống bên đường nhóm lại một chỗ, làm phép Bạch nhị Yết Ma kiết tiểu giới, tụng giới, đây là vì nạn duyên nên mới cho. Nếu không có nạn duyên thì không cho.

Tụng giới rồi phải làm phép Bạch nhị Yết Ma giải tiểu giới mà đi. Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Chẳng nên dùng tiếng ca ngâm mà tụng giới, phải dùng tiếng lời rành rẽ mà tụng giới.

Tiếng ca ngâm có 5 việc lỗi :

1.- Tâm đắm nhiễm tiếng đấy.
2.- Bị người đời chê cười.
3.- Đồng với người đời không khác.
4.- Ngăn bỏ việc tu hành.
5.- Ngăn pháp nhập định.

Trong bổn luật không cho tiếng ca thuyết pháp mà không cấm tụng giới, nghi là sót lầm.

Xét trong nghi thuyết pháp ban đầu cho, sau vì lỗi lầm liền không cho. Vì có năm điều lỗi lầm, rất đồng với Tỳ Ni Mẫu kinh nói trên.

4.- NÓI LỜI TỰA GIỚI KINH

Chia làm hai :

A/ Chính nói lời tựa
B/ Kết hỏi

A/ Chính nói lời tựa

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức, tôi nay muốn tụng giới Ba La Đề Mộc Xoa các ngài lóng nghe, khéo nghĩ nhớ lấy.*

Nếu biết mình có phạm thì phải sám hối, còn như không phạm thì im lặng. Vì im lặng nên biết các ngài thanh tịnh. Nếu có hỏi cũng đáp như vậy. Như vậy, Tỳ Kheo ở trong chúng, nhẫn đến ba phen hỏi. Nhớ nghĩ : Có tội mà không sám hối phạm tội cố vọng ngữ.

Phật nói : "Cố vọng ngữ là phép ngăn đạo".

Nếu Tỳ Kheo nhớ nghĩ mình có tội, muốn được thanh tịnh thì phải sám hối. Sám hối thì được an vui, không sám hối tội càng thêm nặng.

CHÚ GIẢI : "Các Đại đức ! Tôi nay nói giới Ba La Đề Mộc Xoa là gì ?".

Lời đây là bảo trong chúng cho biết thì giờ tụng giới sắp đến; mỗi người phải giữ gìn oai nghi nghiêm chỉnh ba nghiệp đừng cho tán loạn vậy.

Ba La Đề Mộc Xoa, Trung Hoa dịch : "Biệt giải thoát". Nghĩa đã giải thích như trước.

Chữ XOA, dịch : "Bảo giải thoát".

Nghĩa là : Giới này có năng lực bảo đảm người tu ra khỏi biển sinh tử vậy.

Các ngài lóng nghe là sao ? Là bảo : phải để ý kỹ, thiệt rõ thâm nhập ngữ nghĩa, để thành pháp văn huệ vậy.

Khéo nghĩ nhớ lấy là gì ? Nghĩa là : Phải đúng như nghĩa, nghe rồi nhớ, nhớ tưởng đừng quên, để thành pháp tư huệ vậy.

Nếu biết mình có phạm là gì ? Nghĩa là : Nghe rồi nhớ, lựa chọn chữ nghĩa, tốt xấu tự hiện trong tâm, nên bỏ những điều bất thiện; lựa lấy những điều thiện mà tu hành để thành pháp tu huệ, nếu thành thời nước chính pháp thường rót vào tâm ta vậy.

Có phạm v.v... là sao ? Nghĩa là : Việc của mình phạm, chưa đối với thầy khác phát lồ sám hối.

Nay tự phải nói rõ tên tội đó, mới được nghe giới, chớ để thầy khác thưa, lại phạm thêm tội vậy.

Không phạm là gì ? Nghĩa là : Không phạm; hoặc phạm mà đã sám hối rồi.

Im lặng là sao ? Nghĩa là : Đã không phạm, thì phải nhất tâm vắng lặng mà nghe giới vậy.

Vì im lặng v.v... là thế nào ? Bởi các ngài im lặng, cho nên biết là thanh tịnh không tội vậy.

Nếu có ai hỏi cũng đáp như vậy là sao ? Là trong khi khác có thầy gạn hỏi cứ như thật mà đáp. Đây cũng phải như thật mà đáp.

Như Tỳ Kheo ở trong chúng, nhẫn đến ba phen hỏi là thế nào ? Chữ Tỳ Kheo là chỉ cho ông phạm tội. Trong chúng là gì ?

Nghĩa là : Tăng chúng hiện tiền nghe giới.

Ba phen hỏi là gì ? Là khiến cho lời nói đầy đủ, không nhiều không ít. Ít thời người tối dốt khó nhận rõ. Người không hổ, chưa phát tâm thẹn mà sám hối. Nhiều thời nghe bắt chán sinh tâm mỏi mệt vậy.

Nhớ nghĩ v.v... là thế nào ? Nghĩa là : Do vị Thượng Tọa tụng giới, ba phen hỏi, nhớ biết có phạm mà không phát lồ, cho nên mắc tội cố vọng ngữ. Tuy yên lặng không nói, do vì hiện thân tướng, nên thành ngữ nghiệp.

Dầu trước có phạm, nhưng nay không nhớ biết, thì không phạm tội vọng ngữ. Mỗi lần hỏi tùy nhớ mắc tội, ba lần hỏi, ba lần nhớ, ba lần mắc tội,

Pháp ngăn đạo là sao ? Lời Phật nói : "Cố vọng ngữ là pháp ngăn đạo"

Ngăn những đạo chi ? Nghĩa là : Ngăn các đạo : Thiền định, Tam muội, Tứ quả, Niết bàn.

Muốn được thanh tịnh là sao ? Nghĩa là : Muốn cầu cho thanh tịnh không tội, thì tự phải sám hối.

Chẳng phải sợ người cật hỏi trách phạt mới đứng ra mà sám hối.

Thanh tịnh có hai : 1.- Tịnh nhân. 2.- Tịnh quả.

NHÂN : Nghĩa là : Giới trong sạch.

QUẢ : Nghĩa là : Quả Niết bàn.

Muốn được quả Niết bàn phải giữ gìn giới trong sạch. Vừa có chút mảy tỳ vết móng ở trong tâm liền phải đào bới tróc gốc rễ ấy, đứng cho rậm rạp cây nhánh càng ngày sum sê trở thành bông uế mà mất trái tịnh giới vậy.

Sám hối được an vui là sao ? Là : Do phát lồ sám hối thì thân tâm vắng lặng, liền được các pháp : Thiền định, Tam muội, cho đến chứng quả vui Niết bàn.

B/ Kết hỏi

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức tôi đã nói lời tựa giới kinh rồi. Nay xin hỏi các Đại đức : Trong đây được thanh tịnh không ? (ba lần). Thưa các Đại đức :*

Trong đây thanh tịnh, vì đều im lặng việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Lời tựa giới kinh là gì ? Đây là giềng mối của 250 giới kinh biệt giải thoát. Việc này biết rõ như vậy là sao ?

Việc này biết rõ là : Đã ba phen hỏi, chúng đều thanh tịnh, do vì thanh tịnh nên mới im lặng. Bởi vì chúng im lặng nên việc này tôi biết rõ như vậy, mới được phép tụng giới kinh.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN NHẤT)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN NHÌ

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

B.- CHƯNG BÀY GIỚI TƯỚNG

Chia làm tám :

1.- Pháp Ba La Di
2. Pháp Tăng tàng
3.- Pháp Bất định
4.- Pháp Xả đọa
5.- Pháp Ba Dật Đề
6.- Pháp Hối quá
7.- Pháp Chúng học
8.- Pháp Diệt tránh

1.- PHÁP BA LA DI (chia làm ba)

a/ Nêu chung
b/ Chia riêng
c/ Kết hỏi

a/ *NÊU CHUNG*

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức : Bốn phép Ba La Di này, rút trong Giới kinh, nửa tháng tụng một kỳ.*

CHÚ GIẢI : Rút trong giới kinh là thế nào?

Nghĩa là : Bốn phép này, rút trong Kinh Biệt Giải thoát, chính đức Phật ngài đã nói, chớ không phải rút trong bộ sách khác và người khác nói (*người khác là : Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát*).

Ba La Di là gì ? Ba La Di gồm nhiều nghĩa, cho nên dịch có nhiều tên :

1.- Khí. Nghĩa là : Bỏ

2.- Tha thắng. Nghĩa là : Kia hơn.

3.- Vô dư. Nghĩa là : Không còn phương pháp nào để cứu chữa dù có phát lồ sám hối, cũng thành dư chuyện.

4.- Cực ác. Nghĩa là : Vì tội này quá nặng, không còn tội nào hơn.

5.- Đoạn đầu. Nghĩa là : Vì không còn sống trở lại.

6.- Đọa Phụ xứ. Nghĩa là : Nói thầy Tỳ Kheo thọ giới, muốn ra khỏi sinh tử, cùng bốn ma cộng chiến; nếu phạm giới này, thì liền bị thua nó. *(Bốn ma là : phiền não ma, ngũ ấm ma, tử ma và thiên ma)*. Phạm giới này cũng như giống lúa bị rang, mặc dù gieo nơi ruộng tốt và thêm công bón tưới, nhưng không sinh được lúa hột.

Người phạm giới này cũng như vậy. Mặc dù tinh tấn gia công cách mấy, rốt cuộc cũng không sinh được hột lúa Đạo quả.

Lại nữa : Khi vừa phạm giới này, tức không phải Sa môn, không phải con Phật Thích Ca, mất tính Tỳ Kheo, trái hạnh Niết bàn đọa lạc sa ngã, bị người tịnh hạnh họ khinh khi đè nén. Lại nữa : Thầy Tỳ Kheo là con của vị Pháp vương, bị quân phi pháp kia đến hàng phục, chịu thua với nó, đã mất chỗ tôn quý cho nên gọi là : "Tha thắng" (*nó hơn*). Vì

không còn chỗ tôn quý, nên bỏ hẳn ra ngoài chúng thanh tịnh, không cho cùng với chúng Tăng tụng giới làm phép Yết Ma, làm phép Bố tát. Tất cả công đức thảy đều mất hết; cho nên nói rằng : "Khí" (*bỏ*) lược giải như thế.

b/*CHIA RIÊNG*

Giới thứ nhất
BẤT TỊNH HẠNH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo đồng giới, nếu không xả giới, giới ốm không tự ăn năn, phạm hạnh bất tịnh cho đến chung cùng loài súc sinh. Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di không được ở chung.*

CHÚ GIẢI : Đức Như Lai ra đời, trong 12 năm đầu, chúng đều thanh tịnh, chưa có sinh ra việc hữu lậu (*việc vô nhiễm*). Cùng các chúng Tăng vô sự (*thanh tịnh*) lược nói Giới kinh. Đến năm thứ 13, lần sinh việc hữu lậu.

Khi đó Phật ở nước Tỳ Xá Ly, trong thôn Ca Lan Đà, có người con ông Trưởng giả tên là Tu Đề Na, do tín tâm kiên cố, xuất gia học đạo. Sau đó bị bà mẹ khuyên dỗ, buộc ông phải có con để nối dòng. Túng thế ông cùng với vợ cũ ba phen làm hạnh bất tịnh, rồi ôm lòng lo rầu. Bạn đồng học thấy vậy hỏi duyên cớ ? Ông tự trần đúng sự thật; các Tỳ Kheo đem việc này thuật đủ với đức Thế Tôn. Bấy giờ đức Thế Tôn nhóm các Tỳ Kheo, dùng vô số phương tiện mà quở trách ông Tu Đề Na rằng : "Ông làm như thế là bậy lắm không phải oai nghi, không

phải Sa môn, không phải người tịnh hạnh, không phải hạnh tùy thuận, chuyện không nên làm".

Vì sao ? Đang ở trong pháp thanh tịnh của ta, cho đến tâm ái hết, sẽ chứng Niết bàn, mà nay ông lại cùng với vợ cũ làm cái hạnh bất tịnh như thế !

Thà lấy cái Nam căn để vào miệng con rắn độc (*nó cắn một cái mà chết*), chớ không nên để trong Nữ căn.

Vì sao ? Do vì làm việc đó mà phải đọa trong đường ác. Nếu phạm người nữ, một khi mạng chết thì đọa trong ba đường ác. Ta dùng vô số phương tiện nói pháp Đoạn dục, là đoạn nơi lòng dục tưởng, diệt cái dục niệm, trừ hết cái dục nhiệt, mới được khỏi cái tâm ái kiết.

Ta dùng vô số phương tiện nói việc dâm dục : Cũng như lửa phỏng, cũng như cầm đuốc mà đi ngược gió, cũng như trái cây sắp rụng, và cũng như sự cậy mượn (*giả dối không thật*).

Ví như xương khô, cũng như cục thịt thúi, như việc thấy trong mộng, như đạp nhằm mũi nhọn, như đi trên miểng bén, như đồ đất mới nắn đựng nước để giữa trời, như đầu rắn độc, như lưỡi gươm quơ múa, như ở trên mũi nhọn, như gươm bén xẻ thân, rất là nhơ nhớp.

Đức Phật quở trách, sau khi ngài quở trách rồi, liền nhóm chúng nói 10 câu nghĩa kiết giới cho các Tỳ Kheo.

Khi đó có ông Bạc Xà Tử Tỳ Kheo, ưu sầu không muốn tu tịnh hạnh nữa, mới trở về nhà cùng với vợ cũ làm những việc dâm dục.

Các Tỳ Kheo hay được bạch lên với Phật.

Phật quở : Ngươi là người si, phạm Ba La Di không được ở chung với các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Nếu Tỳ Kheo nào không muốn tu cái hạnh thanh tịnh nữa thì cho xả giới hườn gia, chừng nào muốn xuất gia tu tịnh hạnh trở lại, người đáng độ thì độ cho xuất gia, người đáng thọ đại giới, thì cho thọ đại giới. Do đây lại kết thêm câu: Giới bất hoàn (*không xả giới hoàn tục*), Giới ốm (*khuyết điểm*) không có tự ăn năn.

Lại có ông Tỳ Kheo nương trong rừng cùng với con khỉ cái chung nhau làm việc bất tịnh. Các thầy Tỳ Kheo hay, đem việc này bạch lên với Phật. Phật quở trách kia rồi mới kết thêm cho câu văn : Không nên cùng với loài súc sinh.

Nói : 10 câu nghĩa là gì ?

1.- Nhiếp Thủ Ư Tăng. Nghĩa là : Những thiện nam tín nữ trong thế gian có tâm tín, đi xuất gia thọ giới Cụ túc, ở trong chính pháp của đức Như Lai, được gồm thâu vào thành chúng thanh tịnh.

2.- Linh Tăng Hoan Hỷ. Nghĩa là : Ở trong pháp luật chân chính tu phạm hạnh thanh tịnh, khiến việc lành được tăng trưởng nên trong lòng thường hoan hỷ.

3.- Linh Tăng An Lạc. Nghĩa là : Do vì sự hoan hỷ, nên mới được cái quả vui Thiền định tịch diệt, cũng nhờ tu phạm hạnh thanh tịnh mới trả được cái nợ áo cơm của tín thí, tâm ta mới được an lạc (*vui sướng*).

4.- Linh Vị Tín Giả Tín. Nghĩa là : những người chưa được tin Phật, Pháp, thấy chư Tăng tu phạm hạnh thanh bạch đây, liền sinh tâm tịnh tín vậy (*tin một cách hết lòng*).

5.- Dĩ Tín Giả Linh Tăng Trưởng. Nghĩa là : Vì người đã sinh lòng tin, phải khéo giữ cái tin kia cho được thêm nhiều.

6.- Nam Điều Giả Linh Điều Thuận. Nghĩa là: Có những người phạm giới không biết xấu hổ nên dùng giới luật này mà vì điều phục họ. Người đáng trị phạt thì trị phạt, người đáng đuổi thẳng thì đuổi thẳng, để cho yên chúng.

7.- Tàm Quý Giả Đắc An Lạc. Nghĩa là : Vì khiến những người tu phạm hạnh có biết Tàm quý, khỏi đem lòng nghi nan và hết sự tranh luận, được ở yên tu hành.

8.- Đoạn Hiện Tại Hữu Lậu. Nghĩa là : Vì hiện mắc cái tâm phiền não, làm cho không tu hành được.

9.- Đoạn Vị Lai Hữu Lậu. Nghĩa là : Những phiền não chưa sinh, làm sao đừng cho nó sinh, và nếu phiền não sinh lỡ ra rồi, thì ta hãy cương quyết đoạn cho tới nguồn tới gốc.

10.- Chính Pháp Đắc Cửu Trụ. Nghĩa là : Do vì giữ gìn phạm hạnh, thì nền chính giáo đức Như Lai được còn mãi mãi giữa thế gian vậy.

Mười món công đức đây ở trong mỗi giới đều có, cho nên trong mỗi giới đều hay sinh ra 10 món công đức như :

1.- Nhiếp Thủ Ư Tăng v.v...

Ở trong mỗi công đức hay sinh ra 10 món chính pháp : Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, cả năm căn và ba món thiện căn : không Tham, không Sân, không Si; với hai món lành của Thân và Khẩu nghiệp.

Như vậy 250 giới, hiệp thành hai vạn năm nghìn biển phước.

Lại trong bộ Kiền Độ, đức Như Lai kiết các giới, mỗi giới đều hay sinh ra 10 món công đức chính pháp, bèn thành ra vô lượng biển phước. Do vì biển phước này thường chảy, hằng thời giặt rửa các tâm phiền não : Kiết sử, Cấu uế; hay khiến người tu hành ra khỏi đường sinh tử, phước đức và trí tuệ đầy đủ vậy.

LUẬN HAI CHỮ TỲ KHEO

Tỳ Kheo có tám hạng :

1.- Danh tự Tỳ Kheo. Nghĩa là : Người thế gian họ đặt cái tên, kêu là ông Tỳ Kheo, chứ không phải Pháp chúng xuất gia, thọ giới Tỳ Kheo đường hoàng.

2.- Tương tợ Tỳ Kheo. Nghĩa là : Có người cạo bỏ râu tóc, mà không chịu thọ giới của Phật, hình

mạo oai nghi, đi đứng làm bộ tỉnh táo giống hệt như Tỳ Kheo, nhưng cũng không phải Pháp chúng, đó là mấy ông Cư sĩ trọc đầu.

3.- Tự xưng Tỳ Kheo. Nghĩa là : Tự cạo bỏ râu tóc, rồi mặc áo Ca Sa trà trộn trong chúng Tăng, tự xưng rằng : "Ta là Tỳ Kheo". Đấy gọi là người Tặc Trụ : thằng giặc ở trong Phật pháp, cần phải diệt tẩn đuổi ra đứng truyền giới cho nó.

4.- Thiện lai Tỳ Kheo. Nghĩa là : Khi Phật còn ở đời có người tu được chứng quả vô học, đi đến chỗ Phật. Đức Như Lai kêu rằng : "Thiện lai Tỳ Kheo, ráng tu phạm hạnh để mà diệt cho hết cái nguồn khổ". Tức thời râu tóc tự rụng. Y Ca sa dính vào mình thành tính Tỳ Kheo.

Hạng này chính từ miệng Phật mà đắc giới. Nếu không phải hạng này không đắc vậy.

5.- Khất cầu Tỳ Kheo. Nghĩa là : Như các ngoại đạo, người thế tục khi tới người xin ăn, cũng tự xưng rằng : "Ta là Tỳ Kheo". Thế gọi là : Tỳ Kheo khất cầu, chớ không phải Pháp chúng.

6.- Các tuyệt y Tỳ Kheo. Nghĩa là : Ba Y của Tỳ Kheo cắt rọc từng miếng may lại và nhuộm màu hoại sắc mà mặc, như bọn ngoại đạo, người thế tục có người mặc y này cũng xưng là Tỳ Kheo, nhưng không phải phép chúng xuất gia vậy.

7.- Phá Kiết sử Tỳ Kheo. Nghĩa là : Tất cả phiền não đều gọi là kiết sử, nó kết buộc chúng sinh, làm cho chúng sinh phải trôi lăn trong ba cõi; nếu người xuất gia hoặc đủ hai mươi tuổi, hoặc dưới hai mươi

tuổi mà có thể đoạn được các thứ phiền não ấy, thì chứng quả A La Hán, liền gọi là được Cụ túc giới.

8.- Thọ đại giới bạch bốn lần Yết Ma, như pháp thành tựu đắc xứ sở Tỳ Kheo. Nghĩa là : Có người thiện nam trông cầu giới Cụ túc phát tâm cao thượng ái mộ quỳ trước chúng Tăng ba phen cầu khẩn. Chúng Tăng mới bạch từ một đến ba lần Yết Ma làm phép kiết giới truyền giới như pháp thành tựu cứu cánh viên mãn thành tánh Tỳ Kheo, nên gọi là thọ Đại giới bạch tứ Yết Ma như pháp thành tựu đắc xứ sở Tỳ Kheo; ở trong pháp Tỳ Kheo ông này mới đúng nghĩa Tỳ Kheo.

Theo trong văn này chỉ đề cập đến ông Tỳ Kheo thu tám, vì có Kiết giới đủ Thập sư bạch tứ Yết Ma Tỳ Kheo. Còn ông Thiện lai và ông Phá Kiết sử thì có giới đức tự nhiên hằng khỏi những tội lỗi phá giới cấm, vì phiền não đã đoạn, phạm hạnh đã lập; ngoài ra năm ông kia thì hình tướng tuy đồng cũng mang chuỗi, cũng cạo râu ra tướng Đại sư, nhưng kỳ thật là Cư sĩ trọc đầu chớ không phải Pháp chúng xuất gia, nên trong Luật không để vào hàng giới cấm vậy.

Cùng các Tỳ Kheo đồng giới là gì ? Như các hàng Tỳ Kheo thọ đồng giới, bạch bốn lần Yết Ma, được xứ sở, ở trong phép Tỳ Kheo, thế gọi là cùng các Tỳ Kheo đồng giới.

Thế nào là đồng giới ? Nghĩa là : cùng các Tỳ Kheo, đồng một lòng vâng giữ giới luật. Thà chết chớ không phạm, già trẻ đồng học, đều không có khác. Dù cho ông thọ giới trước 100 năm, nhưng cái giới

ông được học (*250 giới*), cùng với ông mới thọ giới, sự học giới (*250 giới*) cũng in nhau... Và ông mới thọ giới, sự cần học (*250 giới*) cùng Tỳ Kheo thọ giới đã 100 năm..., chỗ học giới ấy cũng không khác. Nên nói ở trong các giới pháp, Trì, Phạm, Oai nghi, cũng đều đồng nhau, nên gọi là đồng giới.

Câu không xả giới là gì ? Là giới không xả vậy. Nghĩa là : Nếu Tỳ Kheo không ưa tu tịnh hạnh nữa, thì luật cho xả giới về nhà làm ăn, chừng nào muốn xuất gia tu phạm hạnh lại, thì luật cũng rộng dung cho xuất gia thọ giới lại (*chỗ này nên chú ý : thọ giới sau phải ngồi sau*).

Tại sao trong đây có cái giới xả thành xả, mà cũng có cái giới xả không thành xả ?

Vì sao gọi là xả giới không thành xả ? Hoặc điên cuồng, hoặc tâm loạn, hoặc thống não (*đau màng óc*), hoặc phiền não ràng buộc, hoặc câm, hoặc điếc; hoặc đối với người điên cuồng, cho đến người câm, điếc mà xả giới (*vì không nghe hiểu cái tiếng nói, nên dù xả cũng không thành xả*).

Hoặc người trung quốc đối với người biên địa, hoặc người biên địa đối với người trung quốc, do vì không hiểu tiếng nói của nhau, nên xả cũng không thành xả.

Hoặc không thanh tịnh, tưởng thanh tịnh, hoặc thanh tịnh tưởng không thanh tịnh, hoặc giỡn cười, hoặc đối với các vị : Thiên Long, Quỷ thần, người ngủ, người chết, người vô tri, hoặc mình không

nói hoặc nói mà người không hiểu, như thế v.v... đều không gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả giới thành xả ? Nếu Tỳ Kheo chán phép Tỳ Kheo, bèn tới trước người không phải câm, điếc như trên, nói như vầy : "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ Hòa Thượng, bỏ A Xà Lê, bỏ các phạm hạnh, bỏ luật, bỏ các việc học, thọ pháp Cư sĩ, tôi làm tịnh nhân, tôi làm Ưu bà tắc, tôi làm Sa Di, tôi làm người ngoại đạo, tôi làm đệ tử của ngoại đạo, tôi chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử".

Hoặc nói như vầy : "Tôi thôi không dùng Phật, Phật đối với tôi không có ích chi, xa lìa chỗ Phật, như vậy nhẫn đến bỏ việc học v.v... cũng như vậy".

Hoặc nói lời khác như là : Phật Pháp Tăng nhẫn đến chê việc học v.v... Lại khen việc nhà, nhẫn đến nói tôi chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử.

Như vậy, tùy nói một lời nào, nói mà rõ ràng đấy; liền thành nghĩa xả giới.

Giới ốm, chẳng tự ăn năn là gì ? Nghĩa là : Ở trong giới pháp của Như Lai, không thể giữ được tâm sinh nhàm chán, gọi là Giới ốm.

Trong lòng buồn rầu, mà không nói ăn năn đấy, gọi là chẳng tự sám hối.

Trong đây hoặc có giới ốm chẳng thành giới xả, hoặc có giới ốm thành xả giới.

Thế nào gọi là giới ốm chẳng thành xả giới ? Như thầy Tỳ Kheo buồn rầu, không ưa tịnh hạnh, nhàm việc các Tỳ Kheo, ý muốn ở nhà, nhẫn đến việc ngũ dục lạc, làm hạnh chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Liền nói như vầy : Tôi nhớ cha, mẹ, anh em, chị em, vợ con, làng xóm, thành ấp, ruộng, vườn v.v...

Tôi muốn bỏ Phật, Pháp, Tăng, nhẫn đến bỏ việc học v.v... Liền muốn giữ gìn gia nghiệp, nhẫn đến hạnh chẳng phải Sa môn, chẳng phải Thích tử. Ông chỉ thốt những lời nói như vậy.

Nhưng chưa nhất định nói với người khác (*nói cho chúng biết*), thế gọi là giới ốm, chớ chẳng thành xả giới.

Thế nào giới ốm mà thành xả giới ? Nếu thầy Tỳ Kheo buồn rầu chẳng ưa phạm hạnh, nhàm việc của Tỳ Kheo, suy nghĩ như vầy : Tôi muốn xả giới tức thành xả giới. Thế gọi là : Giới ốm mà thành xả giới.

Tát Bà Đa Luận nói :

Nghĩa là : Khi xả giới không có người xuất gia, hoặc được người Cư sĩ, hoặc là đệ tử của Phật hay không phải đệ tử của Phật. Nhưng khiến cho người nghe hiểu lời nói với nhau, cũng được xả giới, nói một lần liền xả, chẳng cần nói đến ba lần.

Nghĩa là : Khi thọ giới như người vào biển tìm ngọc báu, dùng vô lượng vô số phương tiện mới được, nên phải cầu tam sư thất chứng. Còn khi xả giới như mất ngọc báu. Như : trộm, cướp, nước, lửa,

trong giây phút tiêu tan mất. Cũng như ở trên cao rớt xuống, nên đối với một người liền xả được.

Trong Ma Đắc Lặc Già Luận nói : "Không cho ở trước Sa Di, ngoại đạo và Cư sĩ mà xả thì không thành xả".

Phạm hạnh bất tịnh là gì ? Chữ phạm nghĩa là : Cố tâm làm chớ chẳng phải bị nạn ép buộc tâm không thọ vui, cũng không phải việc trong chiêm bao. Trong đây trái phạm là thân nghiệp làm quấy.

Chữ hạnh bất tịnh là : Việc dâm dục; do hạnh này nhiễm ở trong lòng dạ, trái ngược đạo thánh và sai hẳn Niết bàn.

Những đến cùng loài súc sinh là gì ? Nghĩa là : Từ trên Người, Trời, Quỷ, Thần, dưới đến cùng loài súc sinh làm việc xấu xa, những người có thể hành dâm, tức là phạm.

Ba La Di là sao ? Như người bị chặt đầu, không còn sống lại. Thầy Tỳ Kheo phạm giới này, không còn thành Tỳ Kheo nữa, nên kêu là Ba La Di; còn bao nhiêu nghĩa nữa, như trước đã giải.

Không được ở chung là sao ? Nghĩa là : Phải diệt tẩn, chẳng được cùng với chúng Tăng ở chung :

1. Đồng làm một pháp Yết Ma.
2. Đồng một chỗ tụng giới, không được ở trong hai việc này, nên kêu là : Chẳng được ở chung.

Trong thể thức phạm tội ấy là sao ? Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo có tâm dâm với tất cả người,

chẳng phải người, loài súc sinh, nam, nữ, hai hình, huỳnh môn, ở trong đường đại tiện, tiểu tiện và cái miệng, vào chừng mảy lông, thì phạm tội Ba La Di. Phương tiện mà không vào, phạm tội Thâu Lan Giá (*Thâu Lan Giá, Trung Hoa dịch là : Thô tội*).

Nói đối với cảnh có thể hành dâm như trên, lấy vật bao cách vào vật có cách, đem cái có cách vào cái không cách, đem cái không cách vào cái có cách, đem cái không cách vào cái không cách, đều phạm tội Ba La Di.

Nếu bị kẻ oan gia ép bức, đem cái nam căn vào ba chỗ. Khi mới vào, khi vào rồi, khi ra, ở trong ba khi này, tùy có một khi nào sinh lòng thọ vui, liền phạm tội Ba La Di.

Nếu oan gia ép bức trong đường đại tiện, Tỳ Kheo làm hạnh bất tịnh ở trong ba thời, tùy có một thời thọ vui thì phạm Bổn tội.

Nếu khi ngủ, cái nam căn nổi lên, người khác ở trên làm dâm dục, tự mình không hay biết thì không phạm.

Người chưa lìa lòng dục, có năm nhân duyên khiến cho nam căn khởi lên :

1.- Là Đại tiện gấp
2.- Tiểu tiện gấp
3.- Bệnh phong
4.- Loài trùng cắn
5.- Có tâm dâm dục.

Nếu người đã lìa tâm dục, thì không có một món sau.

Nếu cầm cái căn của người đem để vào miệng của mình, hoặc đem cái căn của mình để vào trong miệng của người, mà thọ vui, phạm Bổn tội.

Nếu dạy Tỳ Kheo khác làm, thì người dạy phạm Thô tội, còn người vâng dạy phạm Bổn tội. Dạy mà người không làm, thì người dạy phạm Đột Kiết La (*Trung Hoa dịch là Ác tác*)

Nếu bị kẻ oan gia ép bức, nơi tử thi chưa hoại, hoặc phần nhiều chưa hoại, cho vào thọ vui, thì mắc Bổn tội.

Hoặc hoại phân nửa, hoặc hoại phần nhiều, hoặc xương, hoặc hình tượng người nữ, hoặc hang đất, lỗ bùn, miệng bình, hoặc là các lỗ trong thân, đều phạm Thô tội.

Nếu đường (*đường đại tiểu*) tưởng là đường, hoặc lại sinh nghi, hoặc tưởng không phải đường đều mắc Bổn tội. Nếu chẳng phải đường, tưởng là đường, hoặc nghi, mắc Thô tội.

Phải biết rằng : Thầy Tỳ Kheo phương tiện tìm cách muốn làm việc phi pháp, thành rồi, mắc Bổn tội. Còn chưa thành phương tiện thì Thâu Lan Giá.

Từ ban đầu mới phương tiện sửa y, những đến chưa chạm tới thân sắp trở lại, thì mắc tội Ác tác.

Nếu thầy Tỳ Kheo có lòng tin giới và sợ tội lỗi, mà bị phiền não ép bức làm điều phi pháp, mà không có một chút tâm che giấu, buồn tủi, khóc lóc, không muốn bỏ lìa Pháp phục; cho đối với chúng Tăng ba phen cầu xin. Chúng Tăng làm phép Bach

tứ Yết Ma cho học giới, trọn đời thuận làm theo 35 việc...

Hoặc khi chúng Tăng tụng giới và làm phép Yết Ma, ông đến hay là không đến, chúng Tăng không lỗi.

Nếu Tỳ Kheo Ni phạm lỗi này cũng mắc tội Ba La Di.

Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, mắc tội Đột Kiết La Diệt tẩn. (*Ba giới sau tứ chúng mắc tội cũng đồng đây, chớ không nói riêng nữa*).

Thể thức không phạm : – Tâm không thọ vui, tất cả không có ý dâm dục và khi tối sơ Phật chưa lập giới, người si, cuồng, tâm loạn, thống não ràng buộc.

Tối sơ là sao ? Nghĩa là : Trước khi ban đầu Phật chưa lập giới, như ông Tu Đề Na v.v...

Cuồng, si là gì ? Hoặc là bà con chết, hoặc mất của cải, hoặc thân tứ đại bệnh, hoặc nghiệp báo đời trước cho nên điên cuồng.

Tâm loạn là sao ? Hoặc bị thần phi nhân quấy rối, hoặc thân tứ đại bệnh và nghiệp báo đời trước.

Thống não là gì ? Hoặc bị bệnh : phong, hàn, nhiệt v.v... khiến cho tâm đau đớn ép ngặt.

Những bệnh như vậy đều làm cho ta mất bản tính, chẳng biết đông tây, nhơ sạch, ở nơi tự thân không tưởng mình là Tỳ Kheo, cho nên không phạm.

Sắp về sau, các giới đều có bốn phép này, không thành việc phạm, so sánh đây nên biết, đều không nói lại nữa.

Song, giới này cần phải đủ bốn việc mới thành ra phạm :

1.- Là chân thật Tỳ Kheo.

Nghĩa là : đúng như pháp mà đắc giới.

2.- Là đủ cả tình cảnh.

Nghĩa là : Người căn không hoại, chẳng phải phi nhân và loài súc sinh.

3.- Là vào chừng quá mảy lông.

4.- Là tâm biết thọ vui là như đói được ăn, như khát được uống. Còn chẳng thọ vui, như ăn đồ phẩn uế và như sắt nóng háp thân. Đủ bốn duyên này, thì phạm Ba La Di cứu không được.

Nếu có tâm tin giới và sợ hãi, tâm không che giấu phạm Ba La Di, nhưng có thể sám hối được. Cho học (*35 việc*) là học giới. Cho học giới rồi, nếu còn phạm giới trọng nữa, thì phải diệt tẩn.

Tát Bà Đa Luận nói : Khi mới phạm một giới, thì đã đập bể đồ đựng Đạo, gọi là Ba La Di. Sau khi có giết người, phạm Đột Kiết La; thật tuy tội nặng, nhưng không có tên Ba La Di, vì không còn đồ đựng Đạo nữa.

Mẫu kinh nói : Cho học rồi gọi là : Thanh tịnh trì giới, song một kiếp này chẳng được ra khỏi đường sinh tử, nhưng mà khỏi đọa vào địa ngục.

Xét trong Căn Bản bộ. – Ba chúng dưới cũng cho học nói 35 việc :

1) Chẳng được truyền giới Cụ túc cho người.
2) Chẳng được cho người y chỉ.
3) Chẳng được nuôi Sa Di.
4) Nếu sai đi giáo giới Tỳ Kheo Ni, thì không được thọ lãnh.
5) Dầu có sai, không nên đi đến đó mà dạy bảo.
6) Chẳng được vì Tăng mà tụng giới.
7) Chẳng được ở trong chúng Tăng mà vấn đáp Tỳ Ni.
8) Chẳng được thọ Tăng sai làm thầy Tri sự.
9) Chẳng được thọ Tăng sai bình luận đoán việc.
10) Chẳng được thọ Tăng sai làm người Sứ mệnh.
11) Chẳng được sớm vào tụ lạc tối mới về.
12) Phải nương gần thầy Tỳ Kheo.
13) Chẳng được lân la với người ngoại đạo và người đời.
14) Phải thuận theo phép của Tỳ Kheo.
15) Chẳng được nói việc thế tục.
16) Chẳng được ở trong chúng tụng luật, nếu không ai tụng được thì cho.
17) Không được phạm lại tội này nữa.
18) Các tội khác cũng không nên phạm, hoặc tội tương tợ; hoặc từ tội đó mà sinh ra (*tùng sinh*) hoặc nặng hơn tội này.
19) Chẳng được chê chúng Tăng làm pháp Yết Ma.
20) Chẳng được chê người làm Yết Ma.
21) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh trải tòa cho mình ngồi.
22) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh múc nước mình rửa tay, chân.

23) Chẳng được thọ thầy Tỳ Kheo thanh tịnh bưng nước mình dùng (*uống*)
24) Chẳng được để thầy Tỳ Kheo thanh tịnh lau giày, guốc.
25) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh thoa chà nơi thân.
26) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh lễ bái.
27) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh rước đưa.
28) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh thưa xá.
29) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh cầm y.
30) Chẳng được thọ Tỳ Kheo thanh tịnh bưng bát.
31) Chẳng được cử tội Tỳ Kheo thanh tịnh làm phép nhớ nghĩ, tự nói sám hối.
32) Chẳng được chứng việc chính của người.
33) Chẳng được ngăn Tỳ Kheo thanh tịnh tụng giới.
34) Chẳng được ngăn Tỳ Kheo thanh tịnh Tự tứ.
35) Chẳng được cùng Tỳ Kheo thanh tịnh cãi lẫy.

Thập Tụng Luật nói : "Tất cả giới của Phật kiết phải vâng làm và phải ngồi rốt sau hàng của Đại Tỳ Kheo. Chẳng được ngủ chung phòng với Đại Tỳ Kheo quá ba đêm. Tự ông không được ngủ chung với người chưa thọ Cụ túc giới quá hai đêm; được với chúng Tăng làm phép Tự tứ; làm phép Bố tát".

Hai phép Yết Ma này chẳng được tính đủ số, còn các pháp Yết Ma khác chẳng được làm, nhưng được thọ tuổi hạ.

Tăng Kỳ Luật nói : "Đồ ăn bất tịnh của Tỳ Kheo, ông ăn cũng bất tịnh; đồ ăn bất tịnh của ông, Tỳ Kheo ăn cũng bất tịnh. Được với Tỳ Kheo làm

phép dư thực, trừ ra năm thứ sống hỏa tịnh và vàng, bạc, phải từ ông Sa Di mà thọ".

Giới thứ hai
CHẲNG CHO MÀ LẤY.

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, hoặc ở xóm đông nhà, hoặc chỗ vắng vẻ, người không cho lòng gian mà lấy, tùy theo phép không cho mà lấy, hoặc bị vua, quan đại thần bắt được, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước. Nói : ông là giặc, ông là si, ông không biết chi. Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di tội, không được ở chung.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá trên núi Linh Thứu, khi đó có ông Đàn Ni Ca Tỳ Kheo, bị ông tiều đốn củi phá nhà tranh của ông, ông mới nhồi đất lấy củi đốt, làm nhà toàn bằng ngói gạch, Phật cấm (*không cho*), dạy chúng Tăng đập phá, ông lại đi đến nói gạt quan giữ cây cho vua, lấy thứ cây tốt của vua Bình Sa Vương để dành, quan đại thần tâu với vua.

Vua nghĩ : Không nên vì chút ít cây mà giết mạng người xuất gia, mới quở trách rồi thả đi.

Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch với Phật, Phật hỏi các vị Tỳ Kheo : Theo phép của vua, người trộm vật đáng bao nhiêu bị xử tử.

Các Tỳ Kheo bạch rằng : "Nếu lấy từ năm tiền, hoặc vật cân xứng năm tiền thì xử tử". Phật liền y theo pháp của vua mà kiết giới. Trộm đủ năm tiền thì phạm Ba La Di.

Hoặc ở xóm đông là gì ? Nghĩa là : Ở chỗ người thường ở trong thành, hào, rào, tường.

Hoặc chỗ vắng vẻ là gì ? Nghĩa là : Ở ngoài rào tường của làng, không có xóm, chỗ đất trống.

Người không cho đem lòng gian lấy là sao ?

CHẲNG CHO : Nghĩa là : Chẳng phải người trao cho.

LÒNG GIAN LẤY : Nghĩa là biết vật đó của người, móng lòng lén lấy đem về cho mình, chẳng phải tưởng tạm dùng, chẳng phải tưởng bà con đồng ý mà lấy.

Không cho mà lấy là sao ? Nghĩa là : Đủ 5 tiền, hoặc hơn 5 tiền, hay vật đáng giá 5 tiền (*phép ở nước Xà Vệ, trộm 5 tiền sắp lên liệt vào tội xử tử*).

Phật y theo phép đó, chung lập Luật trong Châu Thiệm Bộ chỗ có Phật pháp, hạn chừng 5 tiền phạm tội trọng.

Nếu nước không dùng tiền, so sánh vật đáng 5 tiền thì phạm tội.

Thập Tụng Luật nói : "Một đồng tiền lớn đáng 16 đồng tiền nhỏ; đây thì trộm đủ 80 đồng tiền nhỏ thì thành tội trọng". (*Phép toán của biên tập : 1 đồng tiền lớn có 16 đồng tiền nhỏ. Trong 80 đồng tiền nhỏ đây, có mấy lần 16, thì sẽ có mấy đồng tiền lớn. Nghĩa là : 80 : 16 = 5*).

Căn Bản Luật nói : "Đủ 5 cái Ma sái thì phạm tội trọng". Ma sái là tên số, một cái Ma sái có 80 cái Bối xỉ, 5 cái Ma sái cộng thành 400 cái Bối xỉ.

(*Mỗi cái có 80 cái Bối xỉ, 5 cái Ma sái, có 5 lần 80 cái Bối xỉ nhiều hơn*).

Nghĩa là : 80 Bối xỉ × 5 = 400 Bối xỉ.

Một lượt lìa chỗ, mới phạm tội trọng. Cái Bối xỉ cũng gọi là Bối tử, tục gọi là Yểm biết loa, lại cũng gọi là Hải ba (*là con ốc nhỏ ngoài biển*). Đời thượng cổ rất quý trọng, dùng đem đổi đồ báu. Nay có chỗ cũng còn dùng ốc biển để làm tiền.

Vua là ai ? Là ông chủ trong nước.

Đại thần là chi ? Là người lãnh sự trong nước và quan Phụ tướng trong nước.

Bắt : Nghĩa là : Cầm giữ.

Giết : Nghĩa là : Dùng dao, gậy v.v... làm chết mạng sống của chúng sinh.

Trói : Nghĩa là : Gông, trăn, cùm, xiềng xích v.v...

Đuổi ra khỏi nước v.v... là sao ? Nghĩa là : Đuổi ra ngoài biên giới của nước, các việc này đều là vua, quan không tin Phật, Pháp, tâm lượng hẹp hòi, sinh lòng bất nhẫn, cho nên dùng phép trị phạt như vậy.

Nếu vua, quan, tin kính, thì chỉ dùng lời nói quở trách như sau :

Ông là giặc là gì ? Nghĩa là : Lìa việc lành và tâm vô kỷ, giữ theo niệm ác, nên kêu là tặc, do ngu si không biết chi, nên làm những việc ác đó.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc tự lấy, hoặc bảo người lấy, hay xúi người tìm cách lấy, có lòng gian khởi phương tiện.

Vật có chủ, tưởng là có chủ; hoặc vật trọng đáng 5 tiền, lấy khỏi chỗ cũ, tưởng là của mình, khi mới lìa chỗ thì phạm Ba La Di.

Hoặc phương tiện muốn lấy, mà lấy không được. nhẫn đến khi chạm đến vật ấy, lay động xoay lăn ngã nghiêng phạm Thô tội. Nếu lìa chỗ cũ tưởng là của mình, rồi đem trả lại chỗ cũ cũng phạm Bổn tội.

Nếu thấy vật của người đáng giá 5 tiền. Nghĩ rằng : Rồi sẽ trộm lấy, sau ăn năn không lấy, phạm Thô tội.

Tát Bà Đa Luận nói : "Người không cho mà lấy, hoặc có thứ không cho mà lấy, chẳng phải là tặc. Như lấy vật có chủ, nói là không chủ; hoặc là Tặc".

Nghĩa là : Chẳng phải chẳng cho mà lấy, như trong chúng Tăng cho ba cái bánh, mà lòng gian lấy bốn cái. Lại như vật không chủ tưởng là có chủ mà lấy; ấy là tặc. Chẳng phải chẳng cho mà lấy : Một là do người cho, hai là vật không chủ.

Hoặc là Tặc, cũng không cho mà lấy, như lòng gian lấy vật có chủ. Hoặc chẳng phải tặc, chẳng phải chẳng cho mà lấy, như không có lòng gian, lấy vật không chủ.

Nói chỗ : Hoặc ở dưới đất.

Nghĩa là : Các vật, bảy báu chôn giấu dưới đất.

Hoặc ở trên đất, như chỗ nương :

Nghĩa là : Của để trên tượng, ngựa, xe cộ v.v...

Hoặc chỗ gánh :

Nghĩa là : Ở trên đầu, trên vai, lưng, ôm trước ngực, các chỗ gánh, trên gánh có bảy báu các vật.

Hoặc ở trên hư không :

Nghĩa là : Gió thổi vật của người trên hư không và các loài chim v.v...

Hoặc ở trên :

Nghĩa là : Ở trên cây, trên tường, rào, nọc, sào y và trải đồ ở trên giường nệm gối.

Hoặc ở trong làng, hoặc ở chỗ vắng vẻ :

Nghĩa là : Ngoài làng có chủ, trên đất trống có bảy báu và những vật cần dùng, hoặc dùng phương tiện phá đất trống của người, hoặc nương theo sức mạnh của bà con, hoặc dùng lời biện luận dối gạt mà lấy, khi mới lấy được phạm Ba La Di.

Hoặc trong ruộng :

Nghĩa là : Lúa, bắp, mía, các vật trong ruộng, có đồ bảy báu các thứ, hoặc dùng phương tiện phá hư ruộng của người ta, nhẫn đến dối gạt mà lấy.

Hoặc ở chỗ :

Nghĩa là : Trong nhà, trước chợ, quán, vườn, ao, trước sân, sau nhà và các chỗ khác v.v...

Hoặc chỗ ghe, chỗ nước :

Nghĩa là : Người giầu đồ dưới nước, hoặc cá, trạnh, hoa sen v.v... những vật có chủ.

Hoặc lén qua ải không đóng thuế :

Phép của Tỳ Kheo không đóng thuế, hoặc người đời có vật phải đóng thuế, mà Tỳ Kheo đem lòng gian vì người đem vật qua, hay quăng cho khỏi ải, hoặc giấu cất đi, hoặc biện luận dối gạt, hoặc dùng chú thuật đi qua, nếu đúng 5 tiền hoặc hơn 5 tiền, phạm Bổn tội.

Hoặc lấy vật của người tin gửi :

Nghĩa là : Thọ vật của người tin gửi, rồi đem vật dời đi vì lòng gian, ở trên đầu dời để dưới vai, hoặc là ở vai dời lên đầu. Từ vai hữu dời qua vai tả, những đến tả hữu dời lẫn nhau, hoặc ôm ở trong lòng, hoặc để dưới đất.

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu lãnh vật của người gửi, chủ trở lại lấy đáp rằng : Tôi không có lãnh đồ của ông gửi", thì phạm Ác tác. Làm cho người chủ hồ nghi, phạm Thâu Lan Giá.

Chủ vật nói : "Tôi mất vật đó", thì phạm Ba La Di.

Hoặc lấy nước :

Nghĩa là : Chum lớn, nhỏ và các đồ đựng nước, hoặc nước thơm, nước thuốc, những đến trộm nước ruộng của người, hoặc vì người lén khai nước ruộng, hoặc có thù oán với người, khai bỏ nước ruộng của người, đáng 5 tiền phạm Bổn tội.

Hoặc trộm cây dương chi (*hoặc một cây, hoặc hai cây, những đến một bó, một vác*).

Hoặc chỗ vườn :

Nghĩa là : Tất cả cỏ cây, rừng bụi, hoa trái, những đến vật có chủ.

Hoặc chúng sinh không chân, 2 chân, 4 chân, nhiều chân.

Hoặc của cải chung :

Nghĩa là : Trộm được của cải đồng chia nhau.

Hoặc ước hẹn với người :

Nghĩa là : Dạy người đi trộm lấy của cải để cùng chia.

Hoặc rình (*chờ đồng lõa*) :

Nghĩa là : Tự đi xem chừng, người kia được vật sẽ chia cùng nhau.

Hoặc giữ gìn :

Nghĩa là : Từ ngoài được của đem về, tôi sẽ giữ gìn, nếu được vật sẽ chia ăn cùng nhau.

Hoặc coi đường :

Tôi sẽ coi đường, nếu có ai đến sẽ báo cho nhau, có được vật chi sẽ chia cùng nhau.

Các chỗ như trên có 7 báu và những vật cần dùng thuộc có chủ, đem lòng gian lấy, giá đáng 5 tiền sắp lên phạm Bổn tội.

Phương tiện muốn lấy, mà lấy không được, phạm Thô tội.

Phương tiện tìm 5 tiền sắp lên, mà được dưới 5 tiền, phạm Thô tội.

Tìm dưới 5 tiền mà được 5 tiền, phạm Ba La Di; tìm dưới 5 tiền được, thì phạm Thô tội. Không được, phạm Ác tác.

Người dạy tìm 5 tiền sắp lên mà được, thì cả hai người đều mắc Bổn tội. Còn không được, thì hai người đều mắc Thô tội.

Người dạy tìm dưới 5 tiền mà được 5 tiền; người lấy mắc Bổn tội, người dạy mắc Thô tội; còn không được thì cả hai mắc Ác tác.

Dạy người tìm 5 tiền sắp lên, người thọ dạy lấy vật khác hoặc lấy vật chỗ khác, người lấy phạm Bổn tội, người dạy phạm Thô tội.

Nếu người vâng lời dạy, không có lòng gian, thì không phạm. Còn người dạy so sánh vật, phạm tội. Nếu người dạy lấy vật nhưng không có lòng gian, người vâng lời lại xin chỉ cách lấy trộm, người dạy không phạm, người lấy mắc tội.

Nếu rất nhiều Tỳ Kheo, dạy một người đi lấy vật của người được 5 tiền sắp lên, thì hết thảy các thầy đều phạm Ba La Di.

Nếu trong chúng có người nghi liền can, mà người đó quyết đi lấy, được 5 tiền sắp lên, người can phạm Thô tội, người không can mắc Bổn tội. Được 5 tiền đem về chia nhau, tuy mỗi người được dưới 5 tiền. cũng đều phạm Bổn tội.

Ở chỗ đó, được vật đáng 5 tiền, đến chỗ này dưới 5 tiền cũng phạm Bổn tội. Ở chỗ đó, được vật dưới 5 tiền, đến chỗ này hơn 5 tiền phạm Thô tội. Trước chịu đi lấy vật của người, sau ăn năn không đi cũng phạm Ác tác.

Muốn trộm lấy của người, lầm lấy của mình, phạm Thô tội; người trộm lấy vật, mình giựt lại của người trộm, phạm Bổn tội.

Nếu đem lòng gian, trở đổi thẻ chia vật của người, khi mở thẻ, phạm Bổn tội; nếu trước sau lấy đủ 5 tiền cũng phạm Bổn tội.

Nếu nóng ý làm hư tổn, hoặc đốt, chôn, đập bể của người đáng giá 5 tiền phạm Bổn tội.

Nếu chia đất, lòng gian dời nêu nọc của người, đáng giá 5 tiền phạm Bổn tội.

Nếu lấy đồ vật ăn ở trong hang ổ của chim, chuột, so sánh giá tiền phạm tội, nếu vàng lụa không ai dùng, thì không phạm.

Vật có chủ, tưởng có chủ, trộm 5 tiền sắp lên phạm Bổn tội; dưới 5 tiền phạm Thô tội. Có chủ, nghi, lấy 5 tiền sắp lên phạm Thô tội; dưới 5 tiền Ác tác. Không chủ tưởng có chủ, hoặc sinh nghi lấy 5 tiền sắp lên phạm Thô tội; dưới 5 tiền phạm Ác tác.

Thể thức không phạm tội :

Tưởng là người cho, tưởng của mình, đồ phấn tảo tưởng không chủ, tưởng mượn lấy, tưởng đồng ý bà con thương mến v.v...

Trong đây có đủ sáu duyên mới thành phạm:

1.- Thật Tỳ Kheo.
2.- Có lòng gian trộm.
3.- Tự lấy, hoặc bảo người lấy.
4.- Vật của người tưởng có chủ.
5.- Đủ số tiền.
6.- Lìa chỗ cũ tưởng là của mình thì mắc Bổn tội.

Nếu duyên không đủ thì Thâu Lan Giá.

Ngũ Phần Luật nói : Vật thuộc của người, người giữ gìn chẳng cho mà lấy, gọi là lòng gian trộm. Lại dùng tâm bợ đỡ, tâm vạy vò, sân hận, tâm khủng bố mà lấy của người, cũng gọi là lòng gian trộm.

Luật Nhiếp nói : Việc trộm lược có năm thứ :

1.- Đối trước mặt cưỡng bách lấy.
2.- Lén trộm lấy.
3.- Giễu cợt lấy.
4,- Gửi gắm cho mình lấy luôn.
5.- Đưa coi rồi mình giựt lấy.

Năm thứ này đều là Tặc.

Nếu người chồng thật không nói cho, mà thầy Tỳ Kheo nói dối với người vợ để xin, tùy theo được vật ít nhiều, phạm tội Khinh, Trọng. Hoặc trộm Kinh sách đều tính giá phạm tội.

Hoặc trộm ngọc Xá lợi có người giữ gìn, ý tưởng : ngọc của bậc Đại sư, muốn trộm về để cúng

dường, phạm tội Ác tác. Nếu tưởng đem về bán mà cầu lợi, rồi trộm lấy mắc Bổn tội.

Hoặc đồ trang nghiêm trong chùa, tháp, miễu thờ Trời, có người giữ gìn mà trộm lấy, mắc Bổn tội. Phi nhân giữ gìn, mắc Thô tội; phòng có phi nhân giữ gìn, tưởng là các Trời, Thần, Dược xoa giữ gìn, lấy phạm Ác tác.

Nếu khi người gian trộm, đến chỗ kỳ hẹn, phạm tội ăn trộm. Nếu đệ tử mình bị bắt trộm đem đi, đã thuộc về họ; hoặc chưa thuộc về họ, tùy theo thứ lớp trước, phạm tội, hay không phạm tội.

Nếu thầy Tỳ Kheo bị người ép bức, bắt làm tôi tớ, tự mình trốn đi thì không phạm. Hoặc lưới rập bắt loài hữu tình, và bọn trộm bắt trâu cột nơi nọc trụ nào, lòng gian lén mở lấy lìa khỏi chỗ; phạm Ba La Di. Nếu vì lòng thương xót mở thả phạm Ác tác.

Thợ săn rượt nai vào chùa, hoặc bị thương hay không bị thương, không trả, không phạm, nếu con nai chết thì phải trả lại.

Hoặc ruộng, đất vườn, tiệm, quán, v.v... của người mà có ý tưởng của Tăng già nói dành phi lý, khi quan xử đoán cho, tâm của người chủ chưa bỏ, phạm Thô tội. Khi người chủ tính bỏ thì mắc Bổn tội. Quan không xử thì phạm Thô tội. Hoặc đến vua xử cho, xử được thì mắc Bổn tội, không đợi tâm người tính bỏ dụ đó mới phạm tội ư ?

Nếu đem vật của mình đến chỗ đóng thuế, rồi xúi người đem đồ trốn thuế, phạm Bổn tội.

Thà là vật của mình quyết lòng đem cho cha, mẹ v.v... thưa với người thâu thuế rằng : Vật này đều phạm Thô tội.

Nếu người buôn bán đem vật đáng đóng thuế, để trong y đãy cho thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo không biết xách đi qua thì không phạm.

Nếu vì cha mẹ và vì Tam Bảo, đem đồ qua chỗ đóng thuế, phải vì quan thâu thuế thuyết pháp nhiều cách, khen ngợi ngôi Tam Bảo và ơn sâu của cha mẹ. Quan thương xót không lấy thuế thì không phạm. Nếu quan cũng còn đòi hỏi thì phải đóng.

Hoặc của ngôi Tam Bảo, phải lấy đi một phần mà đóng thuế, sau rồi sẽ chia cho đồng, chớ để phần nào ít.

Nếu có vật của thí chủ đem đến, biết không phải phần của mình, mà nói : Tôi cũng được một phần. Nếu có lãnh vật đó theo số mà phạm tội. Nếu vì người khác đem vật tịnh giúp cho người bệnh, nghe người kia mạng chung, đem vật trả lại cho chủ. Nếu còn sống sau mới chết, thì vật đó thành của vong.

Nếu trộm lấy vật của người, vì sợ sệt đem cúng cho Tỳ Kheo chẳng được thọ. Nếu tâm tin tưởng lấy để trả lại cho người chủ, thọ không phạm.

Nếu người đầu đảng đem vật đến cúng, tùy nên thọ. Nếu bạn đầu vì mượn chác, sau tính không trả lại, khi nhất định không trả, thì phạm Bổn tội.

Cờ bạc gian giảo giả dối, gạt gẫm lấy của, so sánh số thành phạm. Phàm là vật cờ bạc đều phạm Ác tác.

Mình bị ăn trộm lấy của, tâm mình tính bỏ, thì là thuộc của nó, chẳng được giựt lại, hễ lấy lại thì so sánh theo số ít nhiều phạm nặng nhẹ. Khi bị ăn trộm lấy của, tâm chẳng nên lật đật tính bỏ liền, sau khi thấy vật biết của mình, thì lấy lại được.

Tăng Kỳ Luật nói : Thầy Tỳ Kheo bị ăn cướp lấy của cải, nếu đã tính là mất, giựt lấy trở lại, thì là ăn cướp của ăn cướp.

Nếu bọn ăn cướp đến chỗ đông nhà, đem của tính chia, thầy Tỳ Kheo đến xin được thì không tội, hoặc dùng thế lực khủng bố cho trả lại thì không tội, hoặc đi thưa ông chủ ấp, phương tiện khuyên lơn khiến trả lại, thì không tội. Nên biết thưa ra mà người ăn cướp bị hại, bị bắt, thì chẳng nên thưa.

Thiện Kiến Luật nói : Thầy Tỳ Kheo đem lòng gian lấy vật của ăn cướp, lìa thân phần của ăn cướp, nếu người ăn cướp mạnh hơn, giựt lấy trở lại. Thầy Tỳ Kheo tuy không được vật, cũng phạm Ba La Di. Vì lòng gian quyết lấy cho được, đã lìa chỗ cũ.

Nếu người Đàn việt cúng trái cây cho chúng Tăng, hoặc cho y phục, hoặc thỉnh cho thuốc thang, chúng Tăng không được chia ăn. Hoặc đem trái cây

làm tứ sự cúng dường. Thầy Tỳ Kheo đem lòng gian ăn quá phần, tùy theo giá nhiều ít, kiết tội.

Hoặc vì làm phòng xá cúng cho chúng Tăng, đổi làm đồ ăn, phạm Thô tội, phải thường tiền lại. Nếu thí chủ vì cúng y, thì phải sắm y, gặp lúc mất mùa chúng Tăng làm phép Yết Ma hòa hiệp ăn dùng thì không tội. Đem tiền cúng y mà mình làm phòng xá. Đem tiền cúng phòng xá mà mình sắm đồ ăn uống, thì cũng như thế.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thầy Tỳ Kheo làm chủ chùa, Tháp không có của, Tăng có của liền suy nghĩ như vầy : Thiên nhân sở dĩ cúng dường cho Tăng đó, đều nhờ ơn của Phật. Cúng dường cho Phật đó tức là cúng dường cho Tăng, ông liền đem vật của Tăng sửa sang Tháp, ông chủ chùa ấy phạm Ba La Di.

Hoặc Tháp có của, Tăng không của, liền nghĩ như vầy : Cúng dường cho Tăng thì Phật cũng có ở trong ấy một phần, liền đem vật của Tháp cúng dường cho Tăng, thì ông chủ chùa dùng như thế phạm Ba La Di.

Nếu Tháp không có của, Tăng có của, được như phép mượn dùng, nhưng phải làm tờ giấy nói rõ giờ nào mượn dùng, giờ nào phải trả. Hoặc Tăng không của, Tháp có của cũng như vậy.

Hoặc khi giao lãnh, phải ở giữa Tăng đọc giấy tờ mượn giao cho rõ ràng, nếu không đọc tờ giấy, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Nếu hai thầy Tỳ Kheo có của cải chung, bây giờ muốn chia. Một thầy Tỳ Kheo có tâm tham lấy

đủ số tiền, phạm Ba La Di. Nếu đồng ý lấy, hoặc nghĩ như vầy, nay dùng sau sẽ trả lại, thì không tội.

Thập Tụng Luật nói : "Người đàn việt thỉnh chúng Tăng, thứ lớp đãi cơm, nhưng chưa tới phiên mình, mà tự nói rằng : Tôi phải đi thì phạm Ba Dật Đề. Khi được phần ăn thì tính theo giá mà mắc tội".

Phá tổ chim, lấy tổ chim đều phạm Ác tác. Đem lòng vui phá đồ của thợ săn, phạm Thô tội; lòng thương xót phá thì phạm Ác tác.

Thiện Kiến Luật nói : Hoặc nhà chùa bỏ không, chẳng ai ở, thầy Tỳ Kheo đi đến, thấy có cây trái, phải đánh kiền chùy, ít nhất ba lần vỗ tay rồi ăn, không tội; nếu không vậy phạm tội ăn trộm.

Nếu chùa chúng Tăng lánh nạn chạy đi, khách Tỳ Kheo đến, thấy đồ ăn và trái cây, đem lòng gian lấy ăn, tùy theo giá ít nhiều, kết tội nặng, nhẹ. Nếu thầy Tỳ Kheo gặp người ăn trộm y, trong lúc nó chạy quăng y lại, Tỳ Kheo cũng cứ rượt, rượt không kịp trở lại lấy y lìa khỏi đất phạm Ba La Di.

Nếu người ăn trộm chạy cởi y quăng lại dưới đất, thầy Tỳ Kheo chạy rượt theo không kịp, trở lại thấy y dưới đất, nghĩ rằng : Người này quăng bỏ ta sẽ lượm lấy thì không phạm.

Nhưng mắc phương tiện lấy của người trộm, nên phạm Thô tội. Nếu người ăn trộm ở xa ngó lại nói rằng : Thầy đừng lấy y tôi, nếu Tỳ Kheo cố lấy khỏi chỗ đó thì phạm Ba La Di.

Nếu tôi tớ của người, thầy Tỳ Kheo nói rằng : Ông ở đây cực khổ sao không bỏ đi đến kia, thì có thể thong thả hơn; theo lời của thầy Tỳ Kheo mà đi, lìa chừng hai bước, Tỳ Kheo mắc Bổn tội.

Nếu tôi tớ trốn đi, thầy Tỳ Kheo nơi giữa đường xúi giục cho đi mau, tùy theo lời nói phạm tội trọng. Nếu tôi tớ đi chậm thầy Tỳ Kheo nói rằng : Đi chậm chủ bắt lại được, người tớ nghe lời chạy mau, thì phạm tội trọng.

Nếu Tỳ Kheo nói như vầy : Chỗ đó rất vui, đồ ăn uống đầy đủ, ai theo tôi cũng được no đủ. Đứa tớ nghe lời nói đó, liền tự đi theo thầy Tỳ Kheo, thì thầy Tỳ Kheo không phạm.

Lại nói rằng : Có bốn thầy Tỳ Kheo đồng ăn trộm, ba thầy phạm Ba La Di, một thầy khỏi. Vì cớ sao ?

Như bốn thầy Tỳ Kheo : Một ông thầy có ba người đệ tử, muốn trộm sáu tiền, thầy nói cùng đệ tử rằng : Mỗi ông trộm một tiền, tôi trộm ba tiền. Người đệ tử thứ nhất nói rằng : Thầy trộm ba tiền, tôi trộm một tiền, hai ông kia mỗi ông trộm một tiền. Rồi hai ông kia cũng tuần tự dạy với nhau như vậy. Thầy đó tự trộm ba tiền, phạm Thâu Lan Giá, dạy ba người đệ tử trộm cũng phạm Thâu Lan Giá.

Vì cớ sao ? Nghĩa là : Tự trộm khác, dạy người trộm khác, cho nên hai tội Thâu Lan Giá.

Còn ba người đệ tử vì sao Ba La Di ? Vì dạy người trộm đủ 5 tiền vậy.

Giới thứ ba
ĐOẠN MẠNG NGƯỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố tự tay mình đoạn mạng người; hay là cầm dao đưa cho người, khen ngợi cho chết, khuyên cho vui chết. Nói rằng : "Ôi ! Này nam tử, đời sống nhơ nhớp như vậy thà chết còn hơn, móng lòng suy nghĩ như vậy". Nhiều cách phương tiện khen ngợi cho chết, khuyên cho vui chết, thì Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di, không được ở chung.*

CHÚ GIẢI : Phật dạo trong thành Quảng Nghiêm, ở bên mé sông Di Hầu, trong nhà giảng đường, cùng các thầy Tỳ Kheo nói pháp Quán bất tịnh, các thầy Tỳ Kheo liền tu tập theo pháp Quán bất tịnh từ trong pháp định đứng dậy, nhờm gớm thân mạng, buồn rầu không vui, liền kiếm dao muốn tự tử, than chết, khen chết, khuyên chết.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo tên là Dật Lực Dà Nan Đề, Trung Hoa dịch Lộc Hỉ. Luật khác nói : (*Lộc Trượng ngoại đạo*), tay cầm dao bén vào trong vườn Bà Cừu, có một thầy Tỳ Kheo nhàm chán thân mạng. Nói rằng : "Ông có thể giết thân mạng giùm tôi, tôi đem dâng y bát cho ông", ông kia liền thọ lời mướn giết mạng ông này. Như vậy cho đến một ngày ông giết tới 60 thầy Tỳ Kheo. Đức A Nan bạch với Phật, Phật liền nhóm chúng Tăng bèn nói pháp A Na Ban Na tam muội (*sổ tức quán*) vắng lặng vui vẻ, các pháp bất thiện sinh ra, liền hay dứt được, hằng khiến chẳng sinh ra nữa, nói rồi liền cùng các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Cố tự tay mình đoạn mạng người là gì?

Cố : nghĩa là : Quyết lòng, chẳng phải lầm lạc vậy.

Tự tay mình : Nghĩa là : Chính tay mình làm vậy.

Đoạn : Nghĩa là : Khiến cho mạng căn của người dứt không còn nối nhau tứ đại rời rã.

Người : Chính là loài người, không phải loài khác vậy.

Thế nào gọi là mạng ? Vì tất cả chúng sinh kia lấy Thức làm cội gốc; Thức này có 6 thứ: Từ nhãn căn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý, sinh ra, do hay sinh ra Thức, nên gọi là căn. Từ 6 căn này, sinh ra 6 Thức nên gọi là thọ (*mạng sống*), là vì cớ sao ?

Vì 6 căn, 6 thức này, được nối nhau mà sống, nếu đoạn cái nối nhau ấy, thì gọi là Tử (*chết*). Cho nên ở đây gọi là mạng; có hai thứ :

1.- Từ khi mới vào thai mẹ, chỉ có thân mạng và ý ba căn.

2.- Từ 49 ngày sắp lên, 6 căn đầy đủ.

Hai món này đều gọi là nhân mạng, nếu giết hai món này đều kêu là đoạn mạng.

Cầm dao đưa cho người là sao ? Đây là dạy người giết. Nghĩa là : Cầm dao, gậy v.v... trao cho người khác, khiến đoạn mạng người, hoặc biết người khác nhàm chán thân mạng, liền cầm dao, v.v... trao cho người khen khuyên, khiến cho họ tự hại.

Khen ngợi cho người chết là gì ? Nghĩa là: Người kia ưa muốn chết, thì tán thán khen ngợi : Các ông có công đức tốt đẹp. Như nói rằng : Ông làm các việc lành đã làm nhiều công đức. Ông cứu độ biết bao nhiêu người, thế mà ông sống đây, thì chịu nhiều điều khổ não. Nếu chết thì chắc chắn sinh lên cõi Trời; nhiều cách phương tiện khen ngợi khiến cho họ chết.

Khuyên cho vui chết là gì ? Nghĩa là : Người kia ưa chết, thì gắng khuyên nói với họ rằng : Ông làm tội ác không có nhân từ, chứa lòng ác độc, chẳng làm việc lành, chẳng làm việc cứu hộ, ông sống thì chịu nhiều tội khổ, chẳng bằng chết sướng hơn.

Như vậy đối trước hai người thiện, ác này mà đem lời khen khuyên khiến cho họ tự chết, hoặc miệng nói, hoặc hiện tướng thân khẩu, hoặc sai người nói, hoặc sai người đem thư đến kia khiến cho họ tự sát.

Ôi ! Này nam tử là gì ? Đây là lời kêu gọi.

Đời sống nhơ nhớp thà chết không thèm sống là sao ? Nghĩa là : Ông làm tội ác bất thiện này, sống mà làm chi, sống thì tội ác càng ngày càng nhiều, thà chết cho rồi, thì có phước hơn. Vì trước kia khen ngợi và khuyên dỗ mà chẳng nghe theo, nên buông lời quở trách này, khiến cho họ đành tự chết.

Móng lòng suy nghĩ như vậy là gì ? Nghĩa là : Nếu quở trách cũng không nghe theo, lại dụng lòng giết như vậy, suy tìm cách khác.

Nhiều cách phương tiện v.v... là sao ? Nghĩa là : Dùng nhiều cách khéo léo khen ngợi, khuyên dỗ khiến cho họ phải chết vậy. Phương tiện trong đây gồm có ba thứ :

1.- Thân nghiệp. 2.- Thân ngữ. 3.- Ngữ nghiệp.

Nếu dùng tay của mình và ngói, đá, dao, trượng v.v... làm cho sát, thì gọi là : thân nghiệp.

Hoặc cầm dao trao cho người, dạy họ làm việc sát, hoặc cầm dao trao cho người khác, khen ngợi khuyên dỗ, khiến cho họ tự sát đó gọi là : thân ngữ nghiệp.

Hoặc quở trách, khen ngợi khiến cho họ tự sát, đấy gọi là : ngữ nghiệp.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu đem ba món như trên, khiến cho họ chết, đều phạm Ba La Di, còn như không chết thì phạm Thô tội.

Nếu dùng phương tiện khác, hoặc đào hầm hố, khiến cho họ sụp, hoặc làm máy móc khiến cho họ sụp máy.

Hoặc cho uống sái thuốc, hoặc làm hư thai người; hoặc mẹ chết còn sống, thì phạm Thô tội, vì không có tâm đó.

Nếu rất nhiều thầy Tỳ Kheo, sai một thầy đi giết mạng người trong đó có một thầy nghi liền can, mà người kia cũng quyết đi giết mạng người thì thầy can phạm Thô tội, các thầy không can phạm Ba La Di.

Hoặc thầy Tỳ Kheo phương tiện muốn tử tự thì mắc Thô tội. Hoặc Thiên Long, Quỷ Thần và loài súc sinh biết tiếng nói của người, hay biến hóa thân hình mà ta giết chết, thì Thô tội, còn không chết thì Ác tác.

Nhận biết là người mà cố giết, thì phạm Ba La Di. Thật người mà sinh nghi và tưởng là phi nhân, đều phạm Thâu Lan Giá. Phi nhân, tưởng là người và nghi mà giết cũng Thâu Lan Giá.

Thể thức không phạm là sao ? Giết lầm, tất cả không có tâm giết hại, trong đây trọn đủ năm duyên mới thành tội phạm :

1.- Thiệt Tỳ Kheo. 2.- Cảnh người.

(Nghĩa là : Nam, nữ, huỳnh môn và từ khi mới vào thai mẹ về sau).

3.- Cố giết. 4.- Tưởng là người. 5.- Khiến cho dứt mạng.

Năm duyên có thiếu thì không mắc Bổn tội.

Tăng Kỳ Luật nói : "Thầy Tỳ Kheo vì cố giết người, cầm dao, mắc tội Diệt Tỳ Ni".

Nếu chạm đến thân người phạm Thâu Lan Giá, nếu chết thì Ba La Di.

Thập Tụng Luật nói : "Có ba cách giết mạng người" :

1.- Dùng nội sắc, nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo dùng tay đánh người, nơi chân, nơi đầu và các bộ phận trong mình.

2.- Dùng chẳng phải nội sắc. Nghĩa là : Dùng cây, ngói, đá, dao, tên v.v... ở xa phóng cho người chết.

3.- Dùng nội sắc chẳng phải nội sắc. Nghĩa là: Dùng tay cầm cây, ngói, đá, dao, tên v.v... đánh cho người chết.

Lại có khi không dùng ba thứ như vậy. Nhưng cho uống thuốc độc, đào hầm, làm bẫy, làm rập, làm máy móc, tụng chú sai Thần, Quỷ v.v... mà giết người.

Nếu thầy Tỳ Kheo muốn hại người, đào hầm, gài bẫy gió, rập máy móc v.v... người nhân nơi đây mà chết, đều phạm Ba La Di. Hoặc chưa chết liền, sau nhân nơi đấy mà chết, cũng phạm Ba La Di. Sau không nhân nơi đấy mà chết, mắc Thâu Lan Giá.

Nếu phi nhân và súc sinh, nhân nơi đây mà chết, đều mắc Thâu Lan Giá.

Nếu muốn hại phi nhân, đào hầm v.v... Phi nhân chết thì Thô tội.

Người và súc sinh chết đều phạm Ác tác.

Nếu muốn hại súc sinh, đào hầm v.v... súc sinh chết phạm Ba Dật Đề, người và phi nhân chết đều Ác tác.

Nếu không nhất định giết loài nào, hễ có loài nào đến, đều khiến cho chết, người chết thì phạm Ba La Di.

Phi nhân chết, thì Thô tội, súc sinh chết, thì Ba Dật Đề. Dầu không có loài nào chết, thì Thâu Lan Giá cùng Đột Kiết La. Nếu tự đoạn âm, thì Thô tội, tự chặt ngón tay, Ác tác.

Luật Nhiếp nói : "Thầy Tỳ Kheo tự đánh cái sinh chi (*nam căn*)".

Phật nói : "Lý đáng đánh đây (*tâm*), mà trở thành đánh cái khác (*căn*) là người vô tri mắc tội Ác tác".

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : "Nếu người có thai súc sinh, phá hư, thì phạm tội trọng. Nếu súc sinh có thai người, phá hư, thì phạm tội trọng".

Muốn giết người phàm mà lầm giết vị A La Hán, muốn giết vị A La Hán mà giết lầm người phàm; muốn giết cha mà lầm giết mẹ, hoặc trái nơi đây đều Thâu Lan Giá, không phạm tội nghịch, nên trước tính giết mẹ, phương tiện rồi, tự tử (*chết*). Mẹ chết trước phạm tội trọng, trái lại mình chết trước, mẹ sau mới chết, mắc tội Thâu Lan Giá. Giết cha lầm giết A La Hán cũng lại như vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu nghe lời thầy Tỳ Kheo nói : Đi đánh giặc lấy nước khác và được của báu, thì đều phạm sát, đạo, hai tội Ba La Di..."

Giới thứ tư
ĐẠI VỌNG NGỮ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, thật không biết chi, mà tự nói rằng "Tôi được phép của bậc thượng nhân. Tôi đã vào Thánh Trí Thắng Pháp; tôi biết việc*

ấy, tôi thấy việc ấy. Tỳ Kheo đó khi khác, hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, tự mình muốn được thanh tịnh, nói lời như vầy : Tôi thật không biết, không thấy, nói biết, nói thấy là lời luống dối, thì Tỳ Kheo đó phạm Ba La Di, không được ở chung; trừ bậc Tăng thượng mạn".

CHÚ GIẢI : Khi ấy đức Thế Tôn dạo ở thành Quảng Nghiêm ở mé sông Di Hầu, nơi giảng đường Cao Các. Lúc đó nhằm thời lúa đắt, đi khất thực khó được. Các thầy Tỳ Kheo ở trong chùa bên sông Bà Cừu, đến các nhà Cư sĩ tự nói mình được pháp bậc Thượng nhân, và khen ngợi... Tỳ Kheo kia, cũng được pháp của bậc Thượng nhân. Các người Cư sĩ tin theo lời đó, liền đồ ăn uống cúng dường. Mấy thầy đó khỏi bị khổ sở về việc ăn uống. Sau khi an cư rồi đến ra mắt Thế Tôn, Phật an ủi hỏi thăm. Rồi các thầy liền đem những việc trước bạch lên với Phật. Phật nói : "Các ông là người si mê, có chứng thật còn chẳng nên nói với người, huống chi là không chứng". Phật dùng vô số phương tiện quở trách, rồi kiết giới cho quý thầy Tỳ Kheo.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo Tăng thượng mạn, nói với người rằng : "Tôi được Đạo", ông đó khi khác tu hành tinh tấn không có giải đãi, gắng tìm phương tiện, chứng được phép Tối Thượng, Thù Thắng, nghi phạm tội vọng ngữ, đem việc này bạch lên Phật. Phật nói : "Trừ bậc Tăng thượng mạn thì không phạm" (*Thầy Tỳ Kheo đó ở chỗ vắng vẻ tu tập vừa thành được phép Chỉ Quán hàng phục lòng phiền não, sau khi dạo chốn nhân gian không nhiếp các căn, lòng*

phiền não lại khởi ra rất sinh lòng hổ thẹn tinh tấn tu hành, chứng được quả A La Hán).

Thật không biết chi là sao ? Nghĩa là : Đối với pháp của bậc Thượng nhân, không được chứng ngộ.

Tự nói rằng là gì ? Nghĩa là : Tự xưng rằng ta đã chứng được vậy.

Pháp của bậc Thượng nhân là gì ? Là pháp của Hiền Thánh tu chứng. Pháp này đối với tất cả phàm phu, ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, những đến ngũ dục, thập kiết, các pháp hữu lậu, pháp này là trên hết.

Nên nói : "Niệm, Huệ, Chính cần, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát thánh đạo, các pháp thiền định, giải thoát, tam muội, chính thọ vậy. Lại hay trừ pháp hữu lậu kia, cũng gọi là pháp của bậc Thượng nhân".

Tôi đã vào Thánh trí thắng pháp là sao ?

Tôi đã vào : Nghĩa là : Tự mình đã chứng vào vậy.

Thánh : Là Phật và Thanh Văn.

Trí : Là khổ, tập, diệt, đạo, bốn trí Thánh đế và các trí khác v.v... Trí này là phép tối thượng thù thắng, hay chứng được quả Thánh, bậc Tam thừa.

Tôi biết việc ấy là sao ? Nghĩa là : Biết khổ, tập, diệt, đạo, bốn lẽ chắc chắn của bậc Thánh kia.

Tôi thấy việc ấy là gì ? Nghĩa là : Thấy bốn lẽ chắc chắn của bậc Thánh kia và được pháp Thiên nhãn thanh tịnh, xem thấy các chúng sinh, sinh đây chết kia, tùy theo nghiệp báo thiện ác; hoặc thấy Thiên Long, Quỷ Thần đến chỗ tôi. Lại biết : thuộc về ý căn, được ý căn thanh tịnh, chứng vào Trí Thánh.

Thấy : Thuộc về nhãn căn, được nhãn căn thanh tịnh, thấy rõ các pháp không còn sai lầm nữa.

Tỳ Kheo đó khi khác là sao ? Tỳ Kheo đó : là chỉ cho người chứng lầm.

Khi khác : Là sau khi nói dối gọi là khi khác.

Hoặc có người hỏi là sao Nghĩa là : Trong chúng tra hỏi : Ông dùng pháp nào mà được ? Từ ai mà được ? Ở chỗ nào mà được ? Khi được như thế nào ?

Khi hỏi như vậy ông mới chịu thật.

Hoặc không ai hỏi là gì ? Nghĩa là : Tự tâm mình sinh lòng ăn năn, không có ai hỏi mà tự phát lồ.

Tự muốn được thanh tịnh là gì ? Nghĩa là: Muốn cầu cho giới được thanh tịnh, mới thưa với chúng rằng : "Tôi thiệt không biết, không thấy bốn pháp chắc chắn của bậc Thánh v.v... mà tôi nói biết, nói thấy là lời luống dối".

Luống : Nghĩa là : Lời nói của mình không thật.

Dối : Nghĩa là : Dối gạt người khác.

Vọng ngữ là sao ? Nhân vì cái tâm vọng mới tự mình xưng nói.

Cớ sao giới này có lời nói : Hoặc có người hỏi, có người không hỏi muốn cầu thanh tịnh, đâu đợi người phát lồ mới phạm tội đó ư ?

Đây là do người kia, trước tự đối với người (*chúng*) bày nói, thì mắc tội ấy rồi, cho nên muốn đối với người, mà cầu cho thanh tịnh trở lại, tuy là lời nói phát lồ như vậy, nhưng khi vừa đối với người, thì tội đó đã thành, chớ chẳng phải nhờ phát lồ này mà được không phạm ! ?

Trừ bậc Tăng thượng mạn là sao ? Nghĩa là : Trừ người Tăng thượng mạn, không có lòng đối gạt, chẳng phạm vào trong tội vọng ngữ. Vì Tỳ Kheo kia tu hành phiền não tạm ngưng, tâm của ông tưởng thật mình đã chứng được quả Thánh, nên ở trong pháp Tăng thượng xuất thế, khởi sinh lòng kiêu mạn; song bậc thượng mạn này, chẳng phải là người giải đãi phá giới mà được.

Duy có người trì tịnh giới, tu thiền định, chẳng khéo phân biệt danh sắc. Tỳ Kheo kia ban đầu tu phép Tỳ Bà Xá Na (*phép quán*) trong lòng dứt hết việc vọng niệm, dõng mãnh tu hành được phép Xa Ma Tha (*định*), dùng sức khéo giữ gìn, tâm phiền não không sinh khởi. Tự nói : Đã được quả Thánh, cho nên sinh lòng tăng thượng mạn. Nếu tự biết mình thật không có chứng chi, mà cố làm việc dối gạt, thì ấy là vọng ngữ vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo luống dối không thật như vậy mà nói với người, hoặc ra dấu, hoặc sai người khác nói, hoặc gửi thư đến, hoặc làm tướng cho người biết, người kia biết thì phạm Ba La Di, không biết, mắc Thô tội.

Nếu tự mình ở chỗ tịnh, tưởng là không tịnh, hoặc chỗ không tịnh tưởng là tịnh. Tự nói : Tôi được pháp của bậc thượng nhân, phạm Thô tội. Hoặc đối với Thiên long, Quỷ thần và loài súc sinh biến hình được, mà nói, họ biết được thì Thô tội; không biết Ác tác. Nếu thật là được Đạo, đối với thầy Tỳ Kheo không đồng ý mà nói, thì Ác tác.

Nếu nói pháp tướng cho người nghe, nói được thì Ba La Di. Người tưởng là người dối nói, Ba La Di. Người, mà nghi. Người, tưởng là phi nhân, và phi nhân tưởng là người, hoặc nghi, đều mắc Thâu Lan Giá.

Thể thức không phạm là sao ? Nói pháp cho người nghe, tự chẳng nói tôi được, hoặc nói giễu cười, hoặc nói chỗ khuất, hoặc nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm v.v... Trong đấy trọn đủ 5 duyên mới thành phạm :

1.- Thật Tỳ Kheo. 2.- Đối với người. 3.- Cố tâm nói vọng. 4.- Thân khẩu hiện tướng. 5.- Người kia biết rõ.

Đủ 5 duyên này thì Ba La Di, có thiếu tùy theo nặng nhẹ kết tội cần phải biết.

Luật Nhiếp nói : Thầy Tỳ Kheo ý muốn khoe mình được thắng pháp, mà nói trớ rằng : "Có thầy Tỳ Kheo được những việc hay giỏi như vậy v.v..." nhưng chẳng nói là mình được, cũng Thô tội.

Ngũ Phần Luật nói : Vì lợi dưỡng, nhiều cách khen ngợi người khác được thành tựu : Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến mà ngụ ý khen mình, thì Thâu Lan Giá.

Nếu vì sự lợi dưỡng mà hiện tướng đắc đạo : đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng vững vàng, muốn khiến cho người biết thì Thâu Lan Giá.

Thập Tụng Luật nói : Có người hỏi thầy Tỳ Kheo rằng : "Thầy có phải A La Hán hay không ? ..." Nếu thầy có làm thinh thì Thâu Lan Giá... Phải đáp : "Tôi đây chẳng phải A La Hán".

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : Nếu có người hỏi : "Có đắc quả hay không ?". Đáp rằng : "Đắc", rồi chỉ quả ở trong tay, thì Thâu Lan Giá. Nếu nói : "Tôi không bị đọa tam đồ", cũng mắc tội Thâu Lan Giá.

Tát Bà Đa Luận nói : Cho đến nói rằng : "Tôi trì giới thanh tịnh, tâm dâm dục chẳng sinh khởi", nói mà chẳng thật đó thì phạm Thâu Lan Giá.

Không tụng kinh mà nói tụng kinh; mình chẳng phải Luận sư mà nói Luận sư, chẳng phải Luật sư mà nói Luật sư, chẳng phải Tọa thiền mà nói Tọa thiền. Nói tóm lại không có tụng tập, mà nói có tụng tập v.v... đều Thâu Lan Giá.

Tăng Kỳ Luật nói : Thà ăn tro than, và nuốt phẩn uế, chịu dao bén mổ bụng, chớ chẳng nên

đem lời luống dối mà nói cho được pháp hơn người để được sự cúng dường.

Như trong Luật bổn nói : Phật kêu các Tỳ Kheo mà dạy rằng : "Đời có hai thứ đại ăn cướp".

Những gì là hai ?

1.- Thật chẳng phải hạnh thanh tịnh, mà tự nói là thanh tịnh.

2.- Vì miệng, bụng, chẳng phải chân thật, mình không có chứng, mà ở trong đại chúng cố nói vọng ngữ. Tự xưng rằng : Ta được pháp bậc Thượng nhân". Mà kỳ thiệt trong đó ta vì miệng, bụng.

Hạng ấy gọi là : đại ăn cướp, do vì trộm thọ đồ ăn uống của người vậy.

c/ *KẾT HỎI*

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức : tôi đã nói bốn pháp Ba La Di. Nếu thầy Tỳ Kheo nào phạm trong mỗi pháp, thì không được ở chung với các thầy Tỳ Kheo khác, như trước, sau, phạm cũng vậy, thầy Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di, không được ở chung.*

Nay xin hỏi các Đại đức : Trong đây được thanh tịnh không ? (hỏi ba lần).

Thưa các Đại đức, nếu trong đây thanh tịnh, vì rằng im lặng, thì việc này như vậy suốt biết.

CHÚ GIẢI : Phạm trong mỗi pháp là gì ?

Nghĩa là : Ở trong 4 pháp Ba La Di, tùy phạm một pháp nào, thì chẳng phải Tỳ Kheo, chẳng được ở chung với chúng thanh tịnh.

Như trước, sau, phạm cũng vậy là sao ? Như trước khi chưa thọ đại giới, là người thế tục không phải thầy Tỳ Kheo; sau khi phạm giới rồi, cũng như người thế tục trước kia không khác.

Tỳ Kheo ấy phạm Ba La Di không được ở chung là sao ? Đã phạm pháp đó, thì chác lấy tội đó; gọi là tội ném bỏ.

Nghĩa là : Bỏ hẳn ở ngoài biển Phật pháp, nên chẳng được ở chung vậy.

Nếu 4 pháp này thanh tịnh được nghe các giới sau nên phải hỏi. Còn bao nhiêu nghĩa nữa, như trước đã giải, sắp về sau các thiên khác, sánh theo đây nên biết, chẳng cần lập lại. Trong đây tội Ba La Di, tên phạm tuy đồng, nhưng quả báo có khác. Vì sao ? – Như cảnh dâm chẳng phải một, a/ súc sinh, b/ loài người. Trong loài người lại có hạng xuất gia và hạng tại gia; song hạng người không xuất gia cũng có hai : 1/ Người trì giới. 2/ Người không trì giới.

Trong người xuất gia có 5 hạng :

Người trì giới, người không trì giới, cho đến Thánh nhân có sai khác v.v...

Như trong giới trộm, cướp. Cách trộm không phải một : Có người xuất gia, có người tại gia. Trong hạng người tại gia, trộm lấy vật của người cũng có nhiều cách.

Trong hạng người xuất gia, trộm cũng có nhiều cách, trong Tam Bảo cũng có nhiều cách.

Như trong giới sát, có người tại gia, có người xuất gia và người trì giới, người không trì giới, cho đến Thánh nhân sai khác cũng như vậy.

Như trong giới vọng ngữ, đến người tại gia nói tôi được pháp của bậc Thượng nhân thì phạm tội trọng, còn đến người xuất gia nói, thì phạm tội nhẹ.

Cho nên tên tội tuy đồng, nhưng quả báo có khác vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : Phàm phạm tội có ba thứ :

1.- Phạm tội nghiệp đạo.
2.- Phạm tội ác hạnh.
3.- Tội phạm giới.

Như ông Tu Đề Na ở trong ba tội :

1.- Phạm tội ác hạnh, vì dâm là ác pháp.
2.- Không có tội nghiệp đạo, vì là vợ của ông.
3.- Không có tội phạm giới, vì khi đó Phật chưa kiết giới.

Còn thầy Tỳ Kheo ở trong rừng phạm hai tội :

1.- Tội ác hạnh, vì dâm là ác pháp.
2.- Tội nghiệp đạo, vì con khỉ cái, là thuộc của con khỉ đực.
3.- Chẳng mắc tội phạm giới, vì là Phật chưa kiết giới.

Còn các giới khác thì sánh theo đây nên biết.

Lại khi trộm vật của người, dời vật đi khỏi chỗ cũ, có hai thứ :

1.- Lấy khỏi chỗ cũ.

2.- Lấy đem đi rồi trả lại chỗ cũ.

Người lấy đi luôn thì mắc hai thứ tội :

1.- Mắc tội nghiệp đạo, do vì lấy vật của người.

2.- Mắc tội phạm giới, vì Phật đã kiết giới rồi.

Người trả lại chỗ cũ mắc một tội, vì trước đã lìa chỗ cũ rồi trả lại chỗ cũ, chưa mất vật của người, không có tội nghiệp đạo, chỉ có tội phạm giới; theo nghĩa nên biết. Đều có tội ác hạnh, vì trộm là ác pháp vậy.

Trong Luật Nhiếp nói : Vì sao 3 pháp Ba La Di ban đầu nói "Giới Dâm" trước, "Giới Sát" sau, ngược thứ lớp không đồng, ở chỗ khác nói : Sát, Đạo, Dâm. Vọng, làm thứ lớp. Còn ở đây lại : Dâm, Đạo, Sát, Vọng, trái thứ lớp vậy ?

– Bởi ở đây y theo duyên phạm trước, sau mà nói, lại y theo cái trước dẫn sinh ra cái sau mà làm thứ lớp.

Vì do bất tịnh hạnh, nên làm việc trộm cướp, đã làm việc trộm cướp nên mới giết kẻ oan gia; giết rồi khi hỏi lại nói vọng ngữ. Lại tâm người phiền não rất cường thạnh hơn, nên sắp Giới Dâm ở trước.

Bốn pháp Ba La Di này tướng mạo nó ra sao ? Nghĩa là : Không biết nhàm lìa, không nhẫn, không chứng; nhưng người không nhàm lìa rất cường thạnh hơn, nên lập nó đứng đầu có hai nghĩa : 1.- Nơi dâm dục. 2.- Nơi của cải.

Vì không nhẫn nên làm việc sát sinh, vì chẳng chứng nên nói vọng ngữ. Có giải như trước nên lấy lời sau mà làm nghĩa chắc.

Nghĩa là : Do chúng sinh ở trên trái đất này, tâm phiền não nặng hơn, Phật lập giới này ở trước. Vì thầy Tỳ Kheo gấp ra khỏi ba cõi, dâm dục là cái nhân nhơ hữu lậu, và cội gốc đường sinh tử. Nên kinh Lăng Nghiêm cũng cấm Dâm là trước hết.

Phật dạy ngài A Nan rằng : "Nếu 6 đường chúng sinh ở trong các thế giới, mà tâm không có dâm dục, thì chẳng bị trôi lăn trong đường sinh tử".

Ông tu pháp Tam muội, chính là cầu ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm không trừ, thì trần lao không ra khỏi. Dầu có đa trí thiền định hiện tiền đi nữa, bằng tâm dâm không trừ, ắt phải lạc vào đường ma. Ông phải dạy người đời tu pháp Tam Ma Địa, thì trước phải đoạn tâm dâm. Đây là lời dạy sáng suốt thanh tịnh quyết định thứ nhất của mười phương các đức Như Lai Tiên Phật Thế Tôn.

Nếu người không đoạn lòng dâm, mà tu pháp thiền định, thì khác nào nấu cát mà muốn thành cơm, dầu nấu trải vô lượng kiếp, thì cũng chỉ là cát nóng mà thôi... Vì sao ?

Vì cơm chẳng phải do cát mà thành vậy.

Nếu ông đem thân dâm dục này, mà cầu quả mầu của chư Phật, dầu được diệu ngộ Thiền cơ, thì cũng là dâm căn mà thôi, căn bản đã là dâm, thì phải chịu luân chuyển trong ba cõi, quyết chẳng ra khỏi được.

Cõi Niết bàn của Phật sẽ do đường nào mà tu chứng ?

Chính là khiến cho máy Dâm, Thân và Tâm đều dứt, mà tính dứt cũng không, thì quả Bồ đề của Phật từ đây mới có thể trông mong; như trong kinh đã nói rõ, tự mình phải quan sát, khéo nghĩa mà tu hành chớ đừng để mất.

2.- PHÁP TĂNG TÀNG (chia làm ba) :

a/ Nêu chung
b/ Chia riêng
c/ Kết hỏi.

a/ NÊU CHUNG.

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức : Đây là 13 phép Tăng già Bà Thi Sa mỗi nửa tháng tụng một lần, rút ra trong Giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Tăng già : Là hòa hiệp chúng.

Bà Thi Sa : Là tàng.

Nghĩa là : Bốn pháp Ba La Di trước không có nghĩa dư tàng, nếu phạm trong một pháp, thì không có lý dư tàng nào còn trị được nữa.

Còn 13 pháp này cái thể có dư tàng. Nếu vị nào lỗi phạm thì còn chút đỉnh nghĩa dư cứu được, nhưng cần phải y theo trong Tăng già mà làm phép đó và phải nương theo Tăng già mà xả tội đó. Chớ chẳng phải y theo một, hai hay ba vị Tỳ Kheo mà làm phép đó, và chẳng phải y theo dưới 20 ông Tăng mà được xả tội đó được.

Kinh Tỳ Ni Mẫu nói : Như người ta bị giết mà cuống họng chưa đứt, nên gọi là Tàng.

Thí như : Hai người đồng vào trong trận, mà một người bị giết tuyệt mạng; còn người thứ hai cũng bị giết, mà mạng căn chưa tuyệt, nếu có thuốc hay thầy giỏi, thì có thể trị lành.

Nếu không có thầy hay cũng chưa chết luôn. Người phạm tội Tăng tàng đây cũng in như vậy, còn có chút lý sám hối được. Nếu được đại chúng thanh tịnh, đúng như pháp mà sám hối thì dứt tội, thì tội này mới hết.

Còn như đại chúng không thanh tịnh, thì tội đó không tiêu hết, nên gọi là Tăng tàng.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất
CỐ DỌC ÂM CHO XUẤT TINH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố dọc âm cho xuất tinh, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa, trừ trong chiêm bao.*

CHÚ GIẢI : Khi đó Phật dạo đi nơi thành Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di ý dâm lừng lẫy, liền tùy theo ý suy nghĩ mà dọc âm cho ra tinh (*thủ dâm*). Các Tỳ Kheo đem việc đó bạch lên Phật, Phật quở rằng : "Cớ sao đi xuất gia ở trong pháp thanh tịnh của ta mà làm việc nhơ nhớp, ông là người si mê, tay nào thọ của người tin thí, còn tay nào để dọc âm cho ra tinh". Phật dùng vô số phương tiện quở trách, rồi liền kiết giới cho các Tỳ Kheo.

Khi đó có một thầy Tỳ Kheo loạn ý ngủ mê, trong chiêm bao bị chảy tinh ra (*mộng tinh*). Nghĩ phạm tội Tăng tàng, đem việc này bạch lên Phật. Phật nói không phạm.

Song, loạn ý ngủ mê có 5 điều lỗi :

1.- Chiêm bao dữ
2.- Các vị chư Thiên không hộ
3.- Tâm không vào chính pháp
4.- Chẳng suy nghĩ tướng sáng
5.- Trong chiêm bao ra tinh.

Khéo nhiếp ý ngủ, cũng có 5 việc công đức, trái lại năm việc hại nói trên nên biết.

Cố dọc âm cho ra tinh là sao ? Cố : Nghĩa là : Cố tâm mà làm, do lòng vọng tưởng gió tà nhớ, nghĩ, thổi ngọn lửa dâm dục, nên trong sở thịt chảy tỷ ra, có hơi nóng biến làm tinh, nên trong tâm chảy khỏi chỗ cũ.

Thiện Kiến Luật nói : Lấy trái cật làm chỗ cũ, lại nói, chẳng phải vậy, cả thể đều có tinh, chỉ trừ tóc, móng và chỗ khô mới không tinh, nếu tinh lìa chỗ cũ, đến đường hay không đến đường, mà ra chúng con ruồi ăn no, thì phạm tội Tăng tàng.

Trừ trong chiêm bao là gì ? Nghĩa là : Ở trong chiêm bao không có phạm, do vì trong chiêm bao không có sự thật tìm được.

Nếu người tâm chưa lìa tham, sân, si, tán loạn mà ngủ, thì ắt ra đồ bất tịnh, nếu tâm chuyên niệm Phật, mà ngủ, thì không có lỗi đó. Nói cố tâm dọc

âm, là cái nhân phạm giới, trừ trong chiêm bao, là kết thêm duyên mở cho.

Tăng già Bà Thi Sa, là kết tướng tội vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : "Chiêm bao là luống dối không thật, nếu chiêm bao là chân thật, thì ở trong pháp của ta, người tu phạm hạnh không có giải thoát, vì tất cả chiêm bao đều không chân thật, cho nên những người tu phạm hạnh ở trong pháp của ta, đều được hết khổ".

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc vì vui, vì làm thử, vì phước đức, vì cúng tế, vì sinh lên cõi trời, vì bố thí, vì nối dòng, vì kiêu căng buông lung, vì nhan sắc tốt đẹp, như vậy tất cả phương tiện dọc âm cho xuất tinh thì phạm Tăng tàng, còn không xuất, phạm Thâu Lan Giá.

Đây có 6 thứ, móng tâm động thân ra đồ bất tịnh, đều phạm Tăng tàng :

1) Nội sắc 2) Ngoại sắc 3) Nội ngoại sắc
4) Nước 5) Gió 6) Không

Nội sắc là : Thân mình.

Ngoại sắc là : Thân người.

Nội ngoại sắc là : Thân mình, thân người, nước, gió, không.

Hoặc lấy nam căn để ngược nước, hoặc thuận nước, hoặc lấy nước mà rưới, hoặc đi nghịch gió, thuận gió, hay dùng miệng mà thổi. Hoặc giữa hư không động thân, cũng không nội sắc cũng không ngoại sắc, vì tự động mắc tội.

Như vậy tất cả ý tưởng nghĩ, thân động ra đồ bất tịnh, thì phạm tội Tăng tàng.

Hoặc người nữ nắm Tỳ Kheo phía trước hay phía sau, Tỳ Kheo động thân chảy đồ bất tịnh, thì phạm tội Tăng tàng

Còn như chẳng động thân không chảy đồ bất tịnh, thì phạm Ác tác.

Nếu thầy Tỳ Kheo dạy thầy Tỳ Kheo khác dọc âm cho xuất tinh, thì phạm Thô tội; không ra thì phạm Ác tác. Dạy người khác dọc âm, ra hay không ra tất cả đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni thì phạm Ba Dật Đề, còn ba chúng dưới thì Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là sao ? Vì nhớ nghĩ tà mà ra, và thấy sắc tốt đẹp không chạm đến, mà ra; hoặc khi đi chạm hai bên háng; hoặc đụng y, đụng quần, hoặc khi tắm rửa kỳ mài; hoặc tâm phiền não lừng lẫy; hoặc khi người khác chạm nhằm mà xuất ra, tất cả không móng ý, mà xuất ra đồ bất tịnh v.v...

Giới này Tỳ Kheo phạm Ba Dật Đề, là vì người nữ tâm phiền não sâu nặng, nên khó kiềm chế, lại phải ở chỗ khuất riêng nhiều duyên, nhiều sức, mới có thể ra được. Không đồng với người nam, tùy theo có việc thì liền ra, cho nên chế giới không đồng, mà tội cũng nhẹ vậy.

Căn Bản Luật nói : Khi thức làm phương tiện trong chiêm bao ra tinh. Hay trái đây, mà móng lòng thọ vui, hoặc trước làm phương tiện sau mới

dứt tâm; hay làm phương tiện mà khi tinh muốn ra, liền nhiếp tâm niệm, đều mắc Thô tội.

Hoặc cầm cái sinh chi của người khác mà cố dọc cho ra đồ bất tịnh; hay là do cái sinh chi của mình, hoặc tay cầm bóp cái sinh chi mà vui, hay là rờ bóp cố làm cho nó dậy lên đều phạm Thô tội. Nếu vì tâm nhiễm, xem coi cái sinh chi của mình, thì phạm tội Ác tác.

Lặc Già Luận nói : "Cái sinh chi ra tinh, mắc tội Thâu Lan Giá". Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu tâm dục nổi lên, cái sinh chi nổi dậy không cố tưởng cho ra, và chẳng cố dọc cho ra, phải tự trách tâm". Nếu thấy người khác làm việc dâm dục, và loại cầm thú giao hội, lòng dục nổi lên ra đồ bất tịnh thì phải trách tâm. Nếu vì thọ vui phương tiện mà theo xem, muốn cho ra đồ bất tịnh, khi ra thì phạm tội Tăng tàng. Nếu thấy nam nữ lõa hình, dục tâm nổi lên, ra đồ bất tịnh thì phải trách tâm. Nếu vì cớ vui theo để xem, khiến ra đồ bất tịnh thì phạm Tăng tàng.

Giới thứ hai
CỌ VỚI THÂN NGƯỜI NỮ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, cọ với thân người nữ; hoặc nắm tay nắm tóc, hay là chạm cọ mỗi mỗi thân phần, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi ấy ông Ca Lưu Đà Di nghe Phật chế giới : không cho xuất tinh, bèn rình người nữ vào phòng ông, rờ mó, hôn hít. Các Tỳ Kheo khác đem việc này bạch lên Phật; Phật quở trách rồi liền vì đó mà kiết giới.

Ý dâm dục là gì ? Nghĩa là : Tình sinh ái nhiễm vậy.

Cọ với người nữ là gì ? Câu ấy là nêu chung.

Nắm tay nắm tóc là gì ? Là câu giải riêng.

Chạm cọ mỗi mỗi thân phần là sao ? Là câu tổng kết, người nữ là cảnh làm việc dâm dục được.

THÂN : Nghĩa là : Từ chân tóc đến bàn chân.

Thân chạm nhau : Nghĩa là : Dùng thân này chạm đến thân kia, làm việc rờ chạm.

Đây có chín việc : Nghĩa là : Nắm rờ, kéo tới, xô lui, rờ ngược, rờ xuôi, nâng lên, để xuống, nắm, bóp.

Nắm rờ là gì ? Nghĩa là : Rờ phía trước thân, phía sau của thân.

Kéo tới : Nghĩa là kéo tới gần đến trước.

Xô lui : Là xô lui lại phía sau.

Rờ ngược : Là rờ từ dưới đến trên.

Rờ xuôi : Là rờ từ trên đến dưới.

Nâng lên : Là nắm giở đứng lên.

Để xuống : Là nắm để ngồi xuống.

Nắm : Là nắm cầm vú đùi trước sau.

Bóp : Là nhận bóp vú đùi trước và sau vậy.

Nắm tay là gì ? TAY : Nghĩa là : Từng ngón tay đến cánh tay.

Nắm tóc là sao ? TÓC : Nghĩa là : Đầu tóc.

Thế nào là chạm mỗi mỗi thân phần ?

CHẠM : Nghĩa là : Chạy nhằm.

Mỗi mỗi thân phần : Nghĩa là : Các chi tiết cả trong thân mình : vai, cánh tay, rún, vú, đùi, vế, bắp chuối, móng răng v.v...

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo dục tâm đắm nhiễm, chạm cọ đến người nữ, hoặc người nữ dục tâm đắm nhiễm chạm đến Tỳ Kheo, khi không y vật cách ra, tùy chạm nhiều ít mỗi chỗ, đều Tăng tàng. Tùy một người có y vật cách ra, cũng mắc Thô tội, hai người đều có cách, do y vật (*quần áo*) chạm nhau thì Ác tác.

Nếu chạm người nữ của Thiển long, Quỷ thần và loài súc sinh hay biến hình được đều mắc Thô tội. Chạm đến thân người hai hình thì Thô tội. Chạm cọ nhau với người nam, và loài súc sinh không biến hình được, cũng mắc Ác tác.

Hoặc tưởng là người nữ, mà chạm với thân người nam, hay là tưởng người nam, mà chạm cọ nhau với người nữ, đều Thâu Lan Giá. Người nữ này tưởng người nữ khác, hoặc người nữ khác tưởng người nữ này, đều phạm Tăng tàng.

Nếu chạm đến thân người nữ chết rồi, mà chưa hoại cũng phạm Tăng tàng. Còn hoại phân nửa, hay là hoại phần nhiều, mắc Thô tội.

Dầu người nữ dựa ở chỗ nào, mà thầy Tỳ Kheo dục tâm động khởi, thì phạm Thô tội.

Nếu người nữ làm lễ, giở chân, biết là chạm cọ, vui động thân, thì phạm Tăng tàng; còn không động thân thì mắc Ác tác.
cho đến chạm thân mình, tất cả đều phạm Ác tác.

Người nữ của loài người, tưởng là người nữ của loài người thì phạm Tăng tàng. Người nữ của loài người mà nghi và tưởng là người nữ của phi nhân, người nữ của phi nhân mà tưởng người nữ của loài người, hoặc sinh nghi... đều mắc Thô tội. (*Tỳ Kheo Ni phạm Ba La Di, ba chúng sau phạm Ác tác*).

Thể thức không phạm là sao ? Như có lấy vật chi cho, mà chạm nhằm nhau. Hay trợt chân té dưới đất, mà ngã nhằm trên người nữ. Hoặc người nữ bị nước trôi, hay là sa trong lửa, trong hầm, lòng lành vớt kéo ra. Hoặc người nữ lấy dây thắt cổ, uống thuốc độc tự vận ta vì cớ cứu vớt họ, tất cả không có lòng chạm thọ vui, thì không phạm.

Phật khi ấy đi dạo trong nhân gian, thấy đống lửa to cháy bừng. Hỏi các thầy Tỳ Kheo rằng : "Chí như có người ôm đống lửa kia mà rờ rẫm hôn hít, liền bị cháy tiêu cả da thịt, xương, gân. Lại có người ôm nắm người con gái trong bốn họ mà rờ rẫm, hôn hít, hai việc này việc nào tốt hơn ?".

Các thầy Tỳ Kheo nói rằng : "Ôm nắm và hôn hít người con gái kia, v.v... người đời cho là tốt. Còn ôm đống lửa thì bị cháy tiêu da thịt gân xương, thật quá đau đớn không thể chịu được".

Phật nói : "Thà ôm đống lửa mà hôn hít, cho đến cháy tiêu gân, xương là tốt...". Vì sao ?

Vì chẳng do nhân duyên đó (*hôn người nữ*) mà đọa trong ba đường dữ.

Nếu chẳng phải Sa môn, mà tự nói Sa môn, dữ, nhiều kiếp chịu khổ; cho nên phải giữ gìn tịnh giới, thọ của người thí chủ, tất cả đồ cần dùng, thì người thí chủ được nhiều điều hạnh phúc, đó thật đáng là người xuất gia, làm Sa môn cũng được thành tựu.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu người nữ té xuống sông, cầu cứu, thầy Tỳ Kheo tưởng như đất, kéo lên thì không phạm.

Hoặc trao tre, cây, dây kéo lên thì không phạm.

Hoặc người nữ lẹ nắm thầy Tỳ Kheo, thì thầy Tỳ Kheo phải chính niệm, nếu tâm có chi khác lạ, gộp y cho dầy để cầm, thì phạm Thâu Lan Giá, nếu y, chăn mềm, mỏng gộp nắm thì phạm Tăng tàng.

Thập Tụng Luật dạy : Người nữ bị nước trôi, cầu cứu, tuy tâm dâm khởi lên, nhưng chỉ nắm một chỗ đừng buông, đến bờ không nên cố tâm chạm cọ nữa, nếu còn chạm thì mắc tội.

Hoặc hình người nữ thêu, vẽ, chạm trổ bằng cây mà cố đụng chạm thì phạm Đột Kiết La.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người nữ đánh thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo đem lòng dâm dục vui thọ đó, thì phạm tội Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Nếu mẹ đến ôm hay con gái ngồi trong lòng (*Con gái ngồi trong lòng... là con của ông, khi chưa xuất gia, có vợ con v.v...*).

Hoặc con đường đi chật hẹp, miệng chạm môi người nữ, đều không phạm.

Có 5 thứ bàng sinh được nương qua sông : voi, ngựa, trâu đực, trâu nước, trâu mao. Còn trâu cái, chẳng được cỡi qua sông.

Giới thứ ba
NÓI LỜI THÔ ÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ý dâm dục cùng người nữ, nói lời dâm dục, thô ác. Tùy nói lời dâm dục thô ác phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Duyên khởi cũng đồng như trước.

Ý dâm dục : Đã giải như trước.

Người nữ : Nghĩa là : Người biết lời phàm quấy.

Lời thô ác là sao ? Nghĩa là : Lời xấu nhơ không sạch, chẳng phải việc phạm hạnh. Tuy tất cả các tội đều gọi là ác, nhưng đây là nhân duyên tội thô trọng, hiện nay làm nhân xấu bất tịnh này, qua đời sau nhất định mắc quả báo xấu không vừa ý, nên riêng nói là thô ác...

Nói lời dâm dục là gì ? Nghĩa là : Nói đường đại tiểu kia tốt xấu, nói lời sái pháp, nhằm với việc dâm dục.

Nói lời dâm dục thô ác với người nữ : Là câu nêu chung.

Tùy lời nói dâm dục thô ác : Là câu nêu tướng riêng.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Có 8 việc đều phạm Tăng tàng. Nghĩa là : Tự tìm, bảo người tìm, hỏi, đáp, giải, nói, dạy, mắng.

Tự tìm là gì ? Là Tỳ Kheo ý dâm dục, đối với người nữ nói rằng : "Vị thiên thần giúp tôi với cô làm việc như vậy... như vậy...".

Hỏi : Nghĩa là : Hỏi hai đường việc dâm dục kia : với chồng và việc tư thông với người ngoài.

Đáp : Nghĩa là : Đáp hai đường kia với chồng và làm việc tư thông.

Giải nói : cũng như trước.

Dạy : Nghĩa là : Dạy người kia sửa hai đường, làm cho chồng và người ngoài kính mến.

Mắng : Nghĩa là : Chê nhục hai đường kia vậy.

Như trước, nói mà rõ ràng, thì mỗi một lời, phạm Tăng tàng. Không rõ ràng thì phạm Thô tội. Hoặc ra dấu viết thư sai người, hiện tướng làm cho người nữ biết, Tăng tàng; không biết, Thô tội. Trừ hai đường, nói chỗ khác tốt xấu, phạm Thô tội.

Đối với người nữ Thiên long, Quỷ thần, người huỳnh môn, người hai hình, nói cho họ biết phạm Thô tội. Không biết phạm Ác tác. Đối với người nữ của loài súc sinh không biến hình được, và người nam mà nói, phạm Ác tác.

Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, đối với người nói lời thô ác hay là tưởng lời thô ác, phạm Tăng tàng; nghi nói lời thô ác và chẳng phải thô ác, tưởng là thô ác, hoặc lại sinh nghi, đều phạm Thâu Lan Giá.

Người nữ tưởng là người nữ, phạm Tăng tàng. Người nữ nghi hoặc tưởng là người nữ của phi nhân, và người nữ của phi nhân, tưởng là người nữ của loài người; hoặc lại sinh nghi, hoặc là người nữ, tưởng là người nam; hay là người nam tưởng là người nữ, đều phạm Thâu Lan Giá

Người nữ này tưởng là người nữ khác, người nữ khác tưởng là người nữ này, đều Tăng tàng.

Dầu tính tốt mà nói lời thô ác, tuy tâm không có dâm dục cũng phạm Đột Kiết La. Tỳ Kheo Ni phạm Thâu Lan Giá. Ba chúng sau cũng Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là gì ? Vì người nữ nói pháp bất tịnh quán, hay là khi nói Tỳ Ni nói lần đến đây; hoặc nói trong chiêm bao, hay là nói đây nói lầm chỗ kia v.v...

Căn Bản bộ nói : Nếu người nữ nói lời tục tĩu, mà thầy Tỳ Kheo nghe lời nói lãnh thọ, vui lòng việc đó, tuy chẳng phải mình nói, cũng mắc Tăng tàng.

Hoặc ở nước khác tuy nói lời thô xấu, song chẳng phải lời tục tĩu ở nước ta đều không phạm.

Giới thứ tư
KHEN THÂN MÌNH XIN CÚNG DƯỜNG.

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ý dâm dục, ở trước người nữ, tự khen mình rằng : "Đại muội ôi ! Qua tu phạm hạnh, giữ giới tinh tấn, làm các việc lành, em nên đem việc dâm dục đó cúng dường cho qua. Cúng dường như vậy là quý hơn hết", phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Ý dâm dục : Đã giải như trên.

Ở trước người nữ là sao ? Nghĩa là : Ở trước người nữ, biết được lời nghĩa tốt xấu.

Tự khen mình rằng là gì ? Đây có ba cách khen mình :

1.- Tự khen danh dự và nhan sắc đoan chính tốt đẹp của mình.

2.- Tự khen danh dự dòng Sát Đế Lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Bà La Môn.

3.- Tự khoe danh dự, những pháp lành của mình tu chứng.

Đại muội ôi : Là lời kêu gọi người nữ kia.

Qua tu phạm hạnh : Là lời mình hay tu tập hạnh thanh tịnh, do hạnh này mà được đạo Niết bàn, nên nói là phạm hạnh.

Giữ giới tinh tấn là sao ? Là khoe mình giữ giới hoàn toàn, không thiếu, không lủng lọt, không nhiễm ô vậy.

Làm các việc lành như thế nào ? Là tự siêng năng tu tập các pháp lành.

Tối thắng nhiệm mầu : Tức là công đức của 12 hạnh Đầu đà và hay đọc tụng, đa văn, thuyết pháp, trì luật, tọa thiền v.v... Nhờ tu tịnh hạnh nên giới mới được hoàn toàn, do giới hoàn toàn nên thành tựu các công đức tối thắng nhiệm mầu vậy.

Sắp về trước thuật rõ công đức của mình, từ đây về sau mới đòi việc cúng dường.

Em đem việc dâm dục ấy cúng dường cho qua là sao ? Đây là rõ chính đòi sự cúng dường phi pháp, lựa chẳng phải việc khác vậy.

Cúng dường như vậy, là quý hơn hết ? Nghĩa là : Cúng dường sự dâm dục như vậy, đối trong các món cúng dường, là quý hơn hết.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu ở trước người nữ, một tiếng tự khen mình, thì phạm một tội Tăng tàng; tùy khen mình nhiều ít, rõ ràng mỗi một lời nói thì phạm một tội Tăng tàng. Nói không rõ ràng, phạm Thô tội.

Nếu đưa tay làm dấu, hoặc gửi thư, sai người, hiện tướng làm cho người kia biết, đều phạm Tăng tàng; còn không biết phạm Thô tội.

Trừ hai đường ra, lại đòi cúng dường chỗ khác, phạm Thâu Lan Giá.

Ở trước Thiên long, Quỷ thần nữ, hay là súc sinh nữ, biến hình được, nói rõ ràng, phạm Thô tội; còn không rõ ràng, phạm Ác tác.

Ở trước người nam súc sinh mà khen mình, phạm Đột Kiết La.

Người nữ của loài người, tưởng là người nữ phi nhân, hoặc nghi và bốn chúng kia, phạm tội nặng nhẹ, như giới trước đã giải.

Thể thức không phạm là sao ? Nói rằng : "Thầy Tỳ Kheo này hiền lành, cô nên đem thân, khẩu, ý, nghiệp lành mà cúng dường; hoặc khi vì nói Luật Tỳ Ni lời nói giống nhau cho đến nói lầm lộn v.v... (*Sát Đế Lợi, như trong 90 việc (Ba Dật Đề) mà giới "Vào cung vua" đã có giải*).

Giới thứ năm
LÀM MAI MỐI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo qua lại kia đây làm mai mối, đem ý của người nam, nói với người nữ, hay đem ý người nữ nói với người nam, hoặc thành vợ chồng, hay thành việc tư thông; cho đến chừng trong giây phút, phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trong non Linh Thứu, khi ấy thầy Tỳ Kheo tên Ca La, quen biết việc thế tục, vì người làm mai mối, cho những người nam, nữ kia cưới gả. Người nào được vừa ý thì vui mừng cúng dường khen ngợi, còn người nào không được vừa ý, thì oán, mắng nhiếc, trách

móc. Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên Phật. Phật dùng nhiều cách quở trách rồi kiết giới.

Đem ý người nam, nói với người nữ, hay là đem ý người nữ nói với người nam. Nghĩa là : Đem ý của nam, nữ kia đây, nói cho biết nhau vậy.

Hoặc thành vợ chồng, hay thành việc tư thông là sao ?

Thành vợ : Là trọn đời làm vợ chính thức.

Tư thông : Là tạm thời lén giao hội cùng nhau.

Nhẫn đến chừng giây phút là sao ? Rõ chẳng phải thời gian lâu dài vậy.

Một ngày một đêm cộng có 30 tu du (*giây phút*) nhẫn đến hội hợp trong một tu du, cũng mắc Bổn tội.

Người qua lại kia đây mai mối : là sứ vậy.

Còn đem ý nam, nữ nói với nhau : Là chủ vậy.

Làm thành vợ chồng và tư thông : Là sự vậy.

Nhẫn đến trong tu du : Là giờ phút vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Người nam, nữ kia, cầu thầy Tỳ Kheo làm người sứ, nói rằng · Đại đức cưới vợ giùm tôi, hay là tư thông

giùm tôi, hoặc nói chừng trong tu du, hoặc trong một phút; thầy Tỳ Kheo thọ lời đó đi đến kia nói, rồi thọ lời bên kia, trở về trả lời, thì phạm Tăng tàng.

Như vậy nên biết thầy Tỳ Kheo thọ lời nói, hai lần sau sai người khác; hoặc tự làm lần đầu, lần sau, còn lần giữa sai người khác, đều phạm tội Tăng tàng.

Đây có bốn việc đều thành mai mối :

1.- Lời nói
2.- Viết thư
3.- Lấy ngón tay ra dấu
4.- Hiện tướng.

Dùng trong bốn việc này, hoặc ở chỗ kia thọ lời đi đến nói, trở về trả lời, ở trong ba việc, hoặc riêng dùng một việc, mà làm ba; hoặc dùng hai, ba việc, mà làm xen lộn, hoặc tự đi rồi về, hoặc sai người đi rồi trở về làm cho người kia biết, thì phạm Tăng tàng. Không biết thì phạm Thô tội.

Ở trong ba lần, làm hai lần, phạm Thâu Lan Giá.

Làm một lần, phạm Đột Kiết La.

Tùy mai mối nhiều ít, nói rõ ràng mỗi một lần, phạm tội Tăng tàng... Không rõ ràng phạm Thô tội.

Nếu mai mối cho người nữ của Trời, Rồng, Quỷ hay là súc sinh cái mà biến hình được và người

huỳnh môn, người hai căn đều mắc Thô tội. Mai mối cho người nam của loài súc sinh đều phạm Ác tác.

Người nữ tưởng là người nữ, phạm Tăng tàng, người nữ của loài người mà nghi và tưởng là người nữ của vị phi nhân, người nữ của phi nhân, tưởng là người nữ của phi nhân và nghi đều phạm Thâu Lan Giá.

Nếu đem thư đến cho người, mà chẳng xem coi; hoặc vì người đời, làm sứ cho các việc khác, đều Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Vì hòa hiệp việc biệt ly, chồng vợ rầy nhau, hòa hiệp dạy sám hối; vì cha mẹ có bệnh và bị giam trong ngục, vì Cư sĩ tín tâm có bệnh ở trong ngục. Vì Tam Bảo, vì Tháp, vì thầy Tỳ Kheo có bệnh, v.v... coi thư rồi cầm đi không phạm.

Năm giới trên đây đều thuộc về dâm dục.

Giới thứ nhất, tuy không có cảnh người nữ, mà được thọ vui; hai giới kế đó thân nghiệp, ngữ nghiệp, mà thọ việc dục lạc. Giới thứ tư, do phương tiện khéo léo cầu việc dục lạc. Giới thứ năm này, làm cho người khác thọ việc dục lạc, mà trong đó lợi dụng về việc sinh sống .

Thiện Kiến Luật nói : Nếu cha mẹ đánh lộn, cha đuổi mẹ về nhà ông ngoại. Sau rồi sinh tâm ăn năn, nói với thầy Tỳ Kheo rằng : "Tôi già cả sớm tối không có người hầu hạ nuôi dưỡng, nên nói với mẹ

ông trở về nuôi tôi". Tỳ Kheo thọ lời đó, đến nói với mẹ, trở về đáp với cha thì phạm tội Tăng tàng.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu nam tử có nhiều vợ, mà có vợ thì thương, có vợ lại không thương". Tỳ Kheo nói rằng : "Ông phải thương cho đồng, làm cho quân bình". Đáp rằng xin vâng lời thầy dạy; thì phạm Thâu Lan Giá.

Nếu vợ chồng rầy rà mà thầy Tỳ Kheo khuyên dạy cho hòa hiệp, cũng phạm Thâu Lan Giá. Nếu vợ chồng kia không hiệp hòa, hoặc là đối với việc thờ Phật kính Tăng còn thiếu vì việc làm phước khuyên cho hòa hiệp thì không tội.

Nếu khuyên cho vợ sớm về nhà chồng, thì phạm Thâu Lan Giá. Có hai thầy Tỳ Kheo (*vì trước khi chưa đi xuất gia*) một thầy có con trai, một thầy có con gái, liền tự làm sui gia, hai thầy đều phạm Tăng tàng.

Có người nuôi ngựa nhiều, mà không có giống tốt nhảy, cậy thầy Tỳ Kheo nói nhà nào có giống ngựa tốt, vì tôi tìm giùm. Thầy Tỳ Kheo đi hỏi giùm phạm tội Thâu Lan Giá.

Giới Nhân Duyên Kinh nói : Mở cho loài súc sinh cái, đực, lộn nhau phạm tội Tăng tàng.

Luật Nhiếp nói : Nếu nói rằng : "Sao không đòi vợ, thì phạm tội Ác tác". Hay nói rằng : "Nhà kia có con gái, sao không đến đó cầu hỏi... Vì ý muốn làm mai mối, thì phạm Thô tội". Nếu nói người này sao không vào nhà (*nhập xá = ở rể*), hoặc nói rằng : "Cô gái sao không thờ cô này (*tức là mẹ chồng*). Nếu nói

chú này sao không cất nhà riêng ? (*biệt thất = lấy vợ lẽ*)... Nếu nói lời chỉ in giống với việc mai mối chừng một chút, đều phạm Ác tác".

Đệ tử bạch với thầy rằng : "Con muốn làm mai mối cho người kia, mà thầy làm thinh hứa cho lời đó. thì phạm Thô tội".

Nhân duyên chi mà bốn giới này theo thứ lớp như vậy ?

– Vì những người nam chưa biết ý của người nữ, trước đã nắm tay, muốn thử tình của người kia. Nếu hứa cho, kế nắm cánh tay, cho đến rờ cổ, rờ bụng lần lần chạm đến chỗ khác. Nếu không cho liền nói lời tục tĩu, để khêu gợi tình của người kia.

Đây là đối với người nữ chưa tin Phật, Pháp, nên có hai việc này; nếu người nữ biết tin kính Phật Pháp, biết họ ưa làm phước, thì nói các pháp lành mà khuyên dạy đó. Trong ba giới này là chính thân mình nhiễm về sự dâm dục. Còn một giới sau là : Vì người mà làm việc mai mối cho nam, nữ, hòa hiệp, để cầu y thực.

Phụ văn : Người hai hình ? Nghĩa là : Một thân mà có đủ nam, nữ hai căn.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN HAI)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHU THICH

QUYỂN BA

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới Thứ Sáu

CHẲNG ĐƯỢC LÀM THẤT RIÊNG QUÁ LƯỢNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự xin làm thất, không có thí chủ, mình tự làm cho mình; phải làm đúng lượng.*

Đúng lượng trong đây như thế nào ? Bề dài 12 gang tay, bề rộng 7 gang tay của Phật. Phải mời các Tỳ Kheo khác chỉ bảo chỗ nơi. Các Tỳ Kheo kia phải chỉ bảo chỗ nơi, là chỗ không nạn; chỗ không hại. Nếu Tỳ Kheo nhè chỗ có nạn, có hại, xin làm thất cho mình, không có thí chủ mà tự mình làm cho mình; không mời các Tỳ Kheo khác chỉ bảo chỗ nơi, nếu làm quá lượng đấy, phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trong non Linh Thứu, cho các thầy Tỳ Kheo làm phòng thất riêng. Bấy giờ có thầy Tỳ Kheo ở nước Khoáng Dã, nghe Phật hứa cho, bèn làm phòng riêng lớn, hao công rất nhiều, thường xuyên đi khuyên tới, các ông Cư sĩ nhàm chán lánh xa.

Lại có một thầy Tỳ Kheo khác, muốn làm phòng thất, tự đi đốn cây đại thọ; ông thần ở trên cây ấy mất chỗ ở, đến kiện với đức Thế Tôn.

Một khi tình cờ, ngài Đại Ca Diếp đi đến thành Khoáng Dã, các ông Cư sĩ thấy ngài còn ở xa, đều lánh mặt. Ông Ca Diếp hỏi ra mới biết việc ấy, đem bạch đủ lên Phật.

Phật quở trách thầy Tỳ Kheo kia, rồi vì đó mà liền kiết giới.

Tự xin làm nhà là sao ? Tự xin là : Chính mình đi xin cây và xin công thợ v.v... Làm thất : Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm.

Không chủ là gì ? Nghĩa là : Không người thí chủ làm hộ, tự mình đi xin cầu vậy.

Tự làm cho mình là sao ? Là chính làm cho mình chẳng phải làm cho chúng Tăng vậy.

Phải đúng lượng là thế nào ? Là đúng theo lượng Phật chế mà làm, thì khỏi cái lỗi thất lớn bộn bề và không cái thất nhỏ chật hẹp.

Đúng lượng trong đây là gì ? Chính lượng trong đây là : bề dài 12 gang tay, bề ngang 7 gang tay của Phật.

Bề dài 12 gang tay của Phật là sao ? Dài: Ý nói bề thâm hậu của cái thất. Một gang tay của Phật bằng 3 gang tay của người thường.

Bề trong rộng 7 gang là gì ? Là cái lượng rộng của bề ngang trong cái thất vậy.

Phải mời các Tỳ Kheo khác chỉ dạy chỗ nơi v.v... là sao ? Chữ Tỳ Kheo : Nghĩa là chỉ cho chúng Tăng, hay là sai một vị Tỳ Kheo khác.

Chỉ : Là dạy. Cho : là trao cho

Thầy Tỳ Kheo khi muốn làm phòng, trước phải tự xem coi chỗ đó, không nạn, không hại, xong rồi trở về tịnh xá, mời chúng Tăng đến xem và chỉ dạy chỗ nơi. Cách mời như thế này :

"Xin Đại đức Tăng lóng nghe. Tôi Tỳ Kheo ... xin làm thất; không có thí chủ làm, tôi tự làm cho tôi. Nay đến chúng Tăng xin chỉ chỗ : chỗ không nạn, không hại" (*bạch ba lần*).

Chúng Tăng phải xem xét, thầy Tỳ Kheo đó có thể tin được hay không ?

Nếu tin được thì cho làm, nếu như không tin được, thì trong chúng Tăng phải đến coi địa thế đó; nếu chúng Tăng không đi phải sai từ 1 đến 3 vị Tỳ Kheo đáng tin được, đến chỗ kia xem coi, nếu như địa cuộc đó có nạn, có hại, thì không nên cho, bằng như không nạn, thì chúng Tăng phải làm phép bạch hai lần Yết Ma, chấp thuận cho.

Văn bạch như vầy : "Bạch Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... tự xin làm thất, không có thí chủ; ông tự làm, nay đến chúng Tăng, xin chọn cho chỗ không nạn, không hại". Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, sẽ chọn cảnh cuộc cho Tỳ Kheo, chỗ không nạn, không hại.

Bạch như vậy, phép bạch thành không ? Chúng Tăng xét được, thì đồng đáp : "Thành".

Bạch Đại đức Tăng lóng nghe : "Tỳ Kheo... đây, tự xin làm thất, không có thí chủ, ông tự làm, nay đến chúng Tăng xin chọn chỗ không nạn, không hại. Chúng Tăng nay chỉ chỗ cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại".

Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng chọn cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại đấy, thì im lặng, còn vị nào không bằng lòng cứ nói. Yết Ma thành không ? Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng chọn cho Tỳ Kheo... chỗ không nạn, không hại rồi, vì chúng Tăng bằng lòng nên im lặng thì việc này rõ như vậy.

Chỗ có nạn là sao ? Là chỗ có các loài thú dữ, nhẫn đến nhỏ như loài kiến. Tỳ Kheo kia nếu không bị các loài thú và loài trùng đó làm hại, thì phải bảo người sửa sang cho bằng phẳng. Nếu đất bị người ta nhận, thì phải cùng nhau phân đoán cho rành rẽ, đừng để cho ai nói.

Chỗ ngại là sao ? Nghĩa là : Quanh ngoài bốn phía thất, không lọt xe cỏ quay qua lại.

Tăng Kỳ Luật nói : Bốn phía, mỗi phía không lọt 12 nấc thang, mỗi khoảng nấc thang cách nhau một cánh chỏ (*cỡ 4 tấc tây*).

Luật Nhiếp nói : Không được gần bên thất trong một tầm mà có giếng và có đường đi, hay là bờ dốc cao.

Thập Tụng Luật nói : Đất trong bốn phía chừng một tầm (*2 thước 5 tây*) có đất của tháp, hoặc đất của quan, đất của Cư sĩ, đất của ngoại đạo, đất của cô Tỳ Kheo Ni, hoặc có đá lớn suối nước chảy, cây lớn, hầm sâu, đều gọi là chỗ hại cả.

Nếu Tỳ Kheo tự xin làm thất, nhẫn đến chỗ không hại, được như vậy, thế mới gọi là thuận theo lời Phật dạy, khỏi tội.

Nếu thầy Tỳ Kheo làm thất chỗ có nạn, nhẫn đến làm quá lượng, đó gọi là trái lời Phật dạy, mắc tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hai tội nặng, hai tội nhẹ, nếu không nhờ chúng Tăng chỉ chỗ và làm quá lượng, mắc hai tội Tăng tàng; hễ làm chỗ có nạn, có hại, phạm hai tội Ác tác, mướn người khác làm cũng vậy.

Trong bốn việc trên, tùy theo thiếu một việc, mắc tội nhiều ít, nặng, nhẹ, cứ theo đây nên biết. Nếu làm mà không thành thì mắc hai Thô tội và hai Ác tác. Nếu làm thất giùm cho người ta khi thành, thì phạm hai Thô tội, hai Ác tác. Làm giùm mà không thành, thì bốn Ác tác.

Nếu chúng Tăng chọn chỗ cho, mà tưởng là không chọn chỗ mà làm càn, thì phạm Tăng tàng. Nếu sinh tâm nghi v.v... thì đều phạm Thô tội, làm quá lượng cũng như vậy.

Nếu chỗ có nạn, tưởng có nạn và nghi, v.v... thì đều phạm Ác tác, có hại cũng vậy.

Cô Tỳ Kheo Ni phạm Thâu Lan Giá. Ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là sao ? Làm cho chúng Tăng, làm cho Phật, làm cho giảng đường, làm cái thảo am, làm am bằng lá, hay là làm thất nhỏ để dung thân.

Thập Tụng Luật nói : Nếu được cái thất họ làm sẵn trước rồi, thì không phạm.

Thiện Kiến Luật nói : Bớt bề dài một gang, thêm bề ngang một gang, nếu bớt bề ngang thêm bề dài, thì cũng không được, huống chi dài, rộng đều quá lượng ư... !

Làm chưa rồi, nhẫn đến một nắm bùn, cũng phạm. Nếu cái thất bề dài 6, bề ngang 4, mà không chủ, tự mình làm, thì cũng phạm.

Vì sao ? – Bởi vì chẳng phải cỡ của cái thất.

Nếu làm một cái thất ở chung hai, ba ông. Một thầy Tỳ Kheo, một ông Sa Di đều không phạm.

Vì sao ? – Vì một ông không có phần (*có phần nguyên một cái thất*). Nếu chia riêng từ phần, ông nào được phần riêng một cái thất, phạm tội Tăng tàng.

Giới thứ bảy
LÀM PHÒNG LỚN KHÔNG MỜI CHÚNG TĂNG CHỈ CHỖ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo muốn làm phòng lớn, có thí chủ làm cho mình, phải mời các Tỳ Kheo*

khác chỉ dạy chỗ nơi cho; các Tỳ Kheo kia phải chỉ bảo chỗ nơi, là chỗ không nạn, không hại. Nếu Tỳ Kheo nhè chỗ có nạn, có hại, làm phòng lớn, có thí chủ làm cho mình, mà không mời các Tỳ Kheo khác đến xem và chỉ bảo chỗ nơi, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiểm Di, trong vườn ông Trưởng giả, tên Mỹ Âm. Khi đó vua Ưu Điền, cùng Tôn giả Xiển Đà kết làm bạn thân hữu, vì đó mà mặc tình ông làm phòng xá.

Ở gần bên thành có cây linh tên là Ni Câu Luật (*đại thọ*) phần nhiều người và ngựa, đi qua hay lại ngừng nghỉ dưới gốc cây ấy.

Ông Xiển Đà đốn cây đó, đem làm thất lớn, mấy ông Cư sĩ thấy chê ghét. Các thầy Tỳ Kheo nghe biết, đem việc ấy bạch lên Phật, Phật vì đó kiết giới.

Phòng lớn là sao ? Lớn có hai nghĩa :

1.- Thí Đại : hại tiền của quá nhiều.
2.- Hình lớn : hạn quá lượng

Có chủ là gì ? Là có người thí chủ làm cho, còn bao nhiêu như giới trước đã giải.

Vì sao giới này khác hơn giới trước ? Vì giới này có thí chủ, nên cho làm quá lượng. Còn văn mời chúng Tăng chọn chỗ, và chúng Tăng làm phép Yết Ma chỉ dạy cho cũng in như giới trước, chỉ khác là đổi hai chữ Đại phòng mà thôi.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Là : 1.- Tội Tăng tàng. 2.- Tội Ác tác. Còn bao nhiêu cũng đồng như giới trước.

Duyên có thiếu v.v... và phạm tội nặng nhẹ, thì nghiệm theo đây mà biết, không tiện giải nhiều.

Nơi đây nói rõ những phép kiết giới và giải giới. Phật nói tùy theo chỗ ở, hoặc làng, hoặc ấp, cảnh giới nào cho kiết giới.

Xem trong bản Tùy Cơ Yết Ma, nói Pháp Kiết giới.

Tóm lại có 2 pháp : 1.- Tác pháp. 2.- Tự nhiên.

Giới Tác pháp là gì ? Như trong Luật bổn nói thì có ba pháp :

1 - Đại giới. 2.- Giới tràng. 3.- Tiểu giới.

Giới Tự nhiên là gì ? Chia riêng có 4 :

1.- Tụ lạc. 2.- Lan nhã. 3.- Đạo hành. 4.- Thủy giới.

1.- Giới Tụ lạc là gì ? Có hai phép :

a/ Nếu chỗ đó phân biệt không được, cứ theo Luật Tăng Kỳ, cỡ 7 cây, tính chung có 6 gian và 63 bước, đều không có chúng khác, được làm phép Yết Ma.

b/ Như chỗ đó phân biệt được, cứ theo trong Thập Tụng Luật, đều nhóm chúng Tăng trong tụ lạc đó. (*Lấy tụ lạc làm giới*).

2.- Giới Lan nhã là gì ? Có hai pháp :

a/ Không nạn – Như trong Căn Bản Luật nói : Không làng chỗ A Lan Nhã (*chỗ vắng vẻ*) như chỗ ruộng trống, châu vi mỗi phía chừng một Cu Lô Xá, theo trong đây thì 8 dặm (*còn bản xưa nói 5 dặm*) có bao nhiêu Tỳ Kheo đồng nhóm một chỗ làm các pháp Yết Ma.

b/ Có các nạn. – Như trong Thiện Kiến Luật nói : Nhỏ nhất là hoặc vuông, hoặc tròn, chừng 7 cái Bàn Đà La (*một Bàn Đà La có 28 cánh chở*) nhóm chúng Tăng trong đó làm phép Yết Ma.

3.- Giới Đạo hành là gì ? Trong Thập Tụng Luật nói : Chung quanh chừng 600 bước.

4.- Giới Thủy giới là gì ? Trong Ngũ Phần Luật nói : chúng Tăng ở trên chiếc thuyền, bảo ông mạnh hơn hết, lấy nước và cát quăng ra bốn phía, hễ đến chỗ nào thì làm ranh giới chỗ đó.

Trong 6 tướng này cũng phải xoay thân và mặt ngó tới, trong chừng hạn vuông vức cỡ 6 tướng nói trên, mà nhóm Tăng không có chúng khác, mới được gọi là đúng pháp.[1]

Đại giới là gì ? Trong Ngũ Phần Luật nói : Rất xa chừng 3 do tuần.

Trong Căn Bản Luật dạy : chừng hai cái rưỡi Du Thiện Na mới nên làm phép Kiết giới. Nếu quá

---

[1] *Tụ lạc có 2, Lan nhã có 2, Đạo hành có 1, Thủy giới có 1, cộng là 6 tướng.*

thì không phải Giới vậy (*một cái Du Thiện Na xa hơn 30 dặm, 2 cái rưỡi xa cỡ 80 dặm*)(*một dặm có 3600 bước, tính phỏng chừng 25 cây số ngàn*).

Nên kiết như vậy, phải lót chỗ ngồi, đánh kiền chùy đều nhóm một chỗ, không cho thọ người thuyết dục (*vì chưa Kiết giới không có giới để nhiếp sự thọ dục và thuyết dục. Hơn nữa nếu cho thọ thuyết dục, thì không biết giới tướng, nên có lỗi mất y, và phá hạ*).

Trong đây ông Cựu trụ Tỳ Kheo phải xướng cái tướng bốn phương của Đại giới. Nếu phương Đông có núi thì nói có núi, nếu có hầm thì xướng có hầm; hoặc làng, hoặc thành, hoặc bờ đắp, hoặc vườn, hoặc rừng, hoặc ao, hoặc cây, hoặc đá, hoặc vách tường, hoặc miễu thờ thần. Tướng phương Đông như vậy, thì các tướng phương khác cũng như vậy.

Nhưng chỗ kiết giới, không được hai giới liền nhau, phải để hở chính giữa, không được cách dòng nước chảy mau, trừ ra có cầu và thuyền đi lại.

Pháp xướng tướng giới, phải khởi thân đảnh lễ chúng Tăng một lạy, rồi quỳ gối bạch rằng : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo cựu trụ pháp danh là..." (*nếu ông đó chẳng phải là cựu trụ, mà hễ biết xướng tướng ranh giới, thì cũng được. Phải trừ hai chữ cựu trụ đừng nói*).

Thay thế chúng Tăng, xướng tướng Đại giới của bốn phương. Từ góc Đông Nam nêu cái chi...? Đến góc Tây Nam nêu cái chi ? Từ đó đến góc Tây Bắc nêu cái chi ?... Từ đây đến góc Đông Bắc nêu cái chi ?... Từ đây đến góc Đông Nam nêu cái chi...?

Đây là cái tướng bên ngoài của Đại giới, giáp một vòng rồi (*phải rành rẽ xướng ba lần*).

Hễ có quanh co tùy theo sự mà xướng đó, nếu không biết chừng phần chế hạn, thì kiết đã không thành, mà pháp Yết Ma cũng hư hỏng; hoặc thọ giới hay làm các pháp sự đều là luống hết.

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở lâu chỗ này, xướng tướng bốn phương của Đại giới. Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, thì chúng Tăng nay ở trong tướng của bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng tụng một giới. Bạch như vậy tác bạch thành không ?

– Đồng đáp : "Thành".

Xin Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở lâu chỗ này, xướng tướng bốn phương của Đại giới, chúng Tăng nay ở trong tướng của bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới.

Bậc Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kiết Đại giới, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới đấy thì lẳng lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng, ở trong tướng bốn phương đây, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới kiết Đại giới rồi, vì chúng Tăng đã bằng lòng, nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Luật Nhiếp nói : Như sông rạch có cầu, thì cho kiết giới chung, rường cầu có hư, nếu muốn sửa

sang, chừng trong 7 ngày đêm, nếu quá đến đêm thứ tám, thì giới pháp mất, nếu mình không để tâm sửa lại, hễ cầu hư thì mất giới liền.

Phàm ông khách Tỳ Kheo đi đến chỗ lạ, phải ở được trong bảy, tám ngày rồi, hễ không ai đi đến, thì nên cùng nhau kiết giới, đây là vì chỗ trống bỏ lâu, không có Tỳ Kheo ở.

Bấy giờ các Tỳ Kheo ý muốn, kiết rộng, hoặc kiết hẹp. Phật nói : "Nếu muốn đổi kiết lại, thì phải giải giới trước". Vậy sau muốn kiết rộng, kiết hẹp gì tùy ý, phải bạch hai lần Yết Ma như vầy mới giải :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nay Tỳ Kheo ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, đến giờ chúng Tăng nhóm, Tăng bằng lòng cho giải giới, bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nay Tỳ Kheo ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới, các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Xướng rồi trong chúng nên cử một vị biết làm phép Yết Ma. Hỏi và đáp xong rồi, phải bạch như vầy :

Tăng đã bằng lòng, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng thì việc này rõ như vậy. (*Nếu giải giới,*

trong Đại giới, có giới tràng, thì văn giải cũng đồng như đây. Không có văn nào khác).

Khi đó có hai chỗ ở : tụng giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn cho tụng giới chung, lợi dưỡng chung, Phật cho mỗi chỗ giải giới riêng, rồi nhóm hết chúng Tăng lại một chỗ, xướng tướng bốn phương, rồi kiết giới chung lại.

Văn kiết đại khái đồng như trên, chỉ nói câu : Chúng Tăng ở chỗ này với chỗ kia hai chỗ, kiết Đại giới, tụng giới chung, lợi dưỡng chung là khác thôi.

Lại có hai chỗ ở : Tụng giới riêng và lợi dưỡng riêng. Muốn tụng giới chung, lợi dưỡng riêng. Phật cho mỗi chỗ giải, rồi kiết chung lại. Văn kiết lược đồng như văn trước, nên biết.

Lại có hai chỗ ở : Tụng giới riêng, lợi dưỡng chung, vì muốn giữ gìn chỗ ở. Phật cho giải rồi kiết lại.

Khi đó các thầy Tỳ Kheo có việc phải dùng chúng 4 thầy khởi làm phép Yết Ma; hoặc chúng 5 thầy hoặc chúng 10 thầy hoặc chúng 20 thầy, khởi làm phép Yết Ma. Đại chúng ở trong đó nhóm họp sợ nhọc nhằn. Phải dạy : Cho kiết Giới tràng phải kiết như vậy; xướng giới tướng bốn phương...

Hoặc đóng nọc, hoặc trụ đá, hoặc lấy bờ làm chuẩn, để cho biết chừng hạn.

Nguyên Giới tràng này, vốn vì có việc cần yếu vì chúng Tăng phần nhiều khó nhóm, hoặc thường có khởi sự, chúng Tăng nhóm hoài sợ mỏi mệt, nên

cho kiết riêng Giới tràng này. Nếu chúng Tăng nhóm hết được, thì đều phải nhóm ở trong Đại giới làm các phép Yết Ma. Tràng này lớn nhỏ luật chế không nhất định.

Xét lời chú của ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói: Bên nước Tây quốc đều có độ lượng, vừa hơn một trượng, đất bằng gạch xây, cao chừng hai thước, trong tường đắp nền cao chừng 5 tấc, để cho chúng Tăng ngồi chung quanh, đều không thềm cấp và trau đồi các việc. Chính giữa để tháp nhỏ, cao bằng đầu người, khai cửa nhỏ một bên, ra vào vừa được.

Thiện Kiến Luật nói : Giới tràng nhỏ nhất là dung nạp 21 người, đây là tính nhỏ nhất, đặng cho khi khác có xuất tội Tăng tàng và bao nhiêu tất cả pháp Yết Ma cũng đều thành hết. Nếu muốn kiết phải ở một bên trong Đại giới, chỗ không nạn, không ngại, ở đó mà kiết.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Phải ở chung quanh trong Đại giới. Căn Bản, Ngũ Phần đều bảo : Kiết trước Đại giới.

Khi giải, giải sau Đại giới, phải trước đặt ba lớp nêu tường, trong bao một lớp, là ngoại tướng của Giới tràng, chặng giữa một lớp, là nội tướng của Đại giới.

Đại giới và Giới tràng không được dính liền nhau, cũng phải chừa ở chính giữa trống. Một lớp ngoài hết là cái tướng ngoại Đại giới, lập ba tướng rồi, chúng Tăng đều ở trong giới tự nhiên, nhóm ở trong nêu Giới tràng; trước cử một thầy Tỳ Kheo

xướng ngoại tướng của Giới tràng; phải xướng như vầy :

Đại đức Tăng nghe, tôi Tỳ Kheo (*mỗ*) ở trụ xứ này, vì Tăng xướng tướng bốn phương của Tiểu giới. Từ góc Đông Nam của trụ xứ này lấy (*mỗ vật*) làm nêu. Đến góc Tây Nam lấy (*mỗ vật*) làm nêu. Từ đây về phương Bắc, đến góc Tây Bắc, lấy (*mỗ vật*) làm nêu. Từ đây về phương Đông, đến góc Đông Bắc, lấy (*mỗ vật*) làm nêu. Từ đây về phương Nam, trở lại góc Đông Nam, lấy (*mỗ vật*) làm nêu. Đây là ngoại tướng của Giới tràng giáp một vòng.

Nếu có quanh co thì tùy theo việc mà nói; còn phép Yết Ma thì như văn trước nên biết phải xướng như vầy :

Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo ở chỗ này, xướng tướng bốn phương của Tiểu giới, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới đây kiết Giới tràng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo ở chỗ này xướng tướng bốn phương của Tiểu giới, Tăng nay ở trong tướng bốn phương của Tiểu giới đây, kiết Giới tràng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở trong tướng bốn phương đây kiết Giới tràng, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng ở trong tướng bốn phương đây kiết Giới tràng rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lắng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Kiết rồi nêu bảng cho biết chỗ đó để cho người sau đến biết ranh phần của các giới. Kế đó mới xướng tướng trong ngoài của Đại giới :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng xướng tướng trong ngoài bốn phương của Đại giới. Trước xướng tướng trong. Từ tướng ngoài của Giới tràng cây nêu góc Đông Nam, ngoài chừng hai thước nêu cái chi... Đấy là cứ theo đương thời, có chi nói nấy, không cần đọc lời văn.

Đây là nội tướng của Đại giới : Góc Đông Nam cây nêu chi... Từ đây qua phương Tây, đến góc Tây Nam, cây nêu chi... Từ đây qua phương Bắc, đến góc Tây Bắc, cây nêu chi... Từ đây qua phương Đông, đến góc Đông Bắc, cây nêu chi... Tư đây qua phương Nam, đến góc Đông Nam, cây nêu chi...

Kế đó xướng ngoại tướng : Từ chỗ ở đây góc Đông Nam chỗ nêu chi... Qua phương Tây, đến góc Tây Nam, cây nêu chi... Từ đây qua phương Bắc, đến góc Tây Bắc, cây nêu chi... Từ đây qua phương Đông, đến góc Đông Bắc, cây nêu chi... Từ đây trở về phương Nam, đến góc Đông Nam, cây nêu chi...

Kia là nội tướng, đây là ngoại tướng, và đây là tướng nội ngoại của Đại giới (*giáp một vòng rồi xướng ba lần*).

Phàm muốn xướng tướng nêu, phải mời 4, 5 ông Tỳ Kheo ra ngoài Giới tràng, đồng nhóm hết chúng Tăng ở trong tướng nêu. Vậy sau khi xướng hai lớp tướng nêu rồi, trong chúng Tăng mới làm phép kiết giới. Văn như phép kiết Đại giới trước không khác, cho nên không nói lại.

Đây là phép kiết Đại giới có Giới tràng. Nếu không dùng Giới tràng, thì phải kiết thẳng như văn trước. Nếu muốn giải, thì trước giải Đại giới rồi sau giải Giới tràng. Trong Luật thiếu văn giải, cho nên đây ta nên đổi văn kiết làm văn giải như vầy :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Nay Tỳ Kheo ở chỗ này, giải Giới tràng, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng thì cho giải Giới tràng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Nay Tỳ Kheo ở chỗ này, giải Giới tràng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng ở chỗ này, giải Giới tràng, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành". Chúng Tăng đã bằng lòng giải Giới tràng rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, việc này rõ như vậy.

Nói Tiểu giới là sao ? Có ba món đều vì nạn duyên mới cho. Nếu không nạn không duyên thì không cho.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo cản không cho ông khác thọ giới. Phật nói : Ở trong Đại giới, ông nào không đồng ý cho ra ngoài giới mau mau nhóm một

chỗ mà kiết Tiểu giới để thọ giới. Nếu ngày Bố tát ở chỗ không làng, đi giữa đồng trống. Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp, thì tùy thầy nào đồng ý, ở dưới đường nhóm lại một chỗ, kiết Tiểu giới để tụng giới.

Lại đến ngày Tự tứ, ở chỗ vắng vẻ không làng; hoặc đi giữa đường, nếu hòa hiệp không được, thì tùy theo thầy, bạn đồng ý với nhau, đi chỗ khác kiết Tiểu giới để Tự tứ.

Ba giới này đều không có tướng ngoại, tức là thân ngồi chỗ nào, lấy đó làm giới thể. Nên trong nghi Thọ giới nói : Đây là chúng Tăng nhóm một chỗ kiết Tiểu giới.

Trong nghi Tụng giới nói : Nay có bao nhiêu Tỳ Kheo, nhóm chỗ ở này kiết Tiểu giới.

Trong nghi Tự tứ nói : Các Tỳ Kheo chỗ ngồi đã đủ, chỗ ngồi các Tỳ Kheo có chừng như vậy, chúng Tăng ở trong đó kiết Tiểu giới v.v... thế thì biết. Tiểu giới không có tướng ngoại : để ngăn người quở trách vậy.

Như trong luật nói : Ngoài giới, quở không thành quở. Nếu lập tướng Đại giới, không xướng thì là phi pháp. Còn Tiểu giới không tướng nêu, nếu lập cũng phi pháp.

Cho nên Đại giới riêng một người xướng, khi làm phép Yết Ma, trong văn có lớp lang. Tiểu giới đã không phép xướng, trong văn Yết Ma tự rõ tướng nêu, lấy chỗ ngồi làm giới thể do vì đó mà không để lâu được; cho nên pháp sự xong rồi thì phải giải giới

mà đi. Còn văn kiết với văn giải đủ như trong Đại Luật, và trong bản Yết Ma. Muốn kiết giới "bất thất y", thì văn như trong giới "ly y túc" đã nói.

Kế đây kiết giới tịnh địa (*làm nhà bếp*)

Khi đó có thầy Tỳ Kheo bệnh thổ tả (*ỉa mửa*) bảo người trong thành nấu cháo, cửa thành mở trưa, chưa kịp được cháo thì ông đã tịch. Phật nói : cho ở trong chùa kiết làm tịnh địa, bạch nhị Yết Ma, nên xướng, hoặc trong phòng, hoặc trong nhà sưởi (*nhà để đồ cho ấm*), hoặc nhà đi kinh hành.

Trong Luật đã cho xướng cái tướng khi kiết: Chúng Tăng phải ở bên ngoài cái phòng xướng vói. Nếu nghi chỗ đó trước có kiết tịnh địa, phải giải rồi kiết lại, phải một thầy Tỳ Kheo đứng dậy đủ oai nghi, đối giữa chúng Tăng xướng rằng : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng xướng chỗ tịnh địa, ở trong đất chùa này, trong phòng và các chỗ rau trái để làm nơi tịnh địa".

Xướng ba lần rồi, nếu còn xướng chỗ khác, cứ theo việc nên biết. Xướng xong mới làm phép Yết Ma.

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Đúng giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay kiết trong phòng này... và các chỗ rau, trái đây, để làm tịnh địa. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tăng nay kiết trong phòng này và các chỗ rau trái đây, để làm nơi

tịnh địa. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng kiết trong phòng này và các chỗ rau trái đây, để làm nơi tịnh địa, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng cho kiết phòng này... và các chỗ rau trái đây, để làm nơi tịnh địa rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Phật nói : Có 4 món tịnh địa :

1.- Người đàn việt, hoặc người kinh dinh khi cất chùa, phân xứ, nói như vầy : "Chỗ... làm tịnh địa cho chúng Tăng".

2.- Hoặc làm chùa cho chúng Tăng mà chưa cúng cho chúng Tăng.

3.- Hoặc phân nửa có rào giậu, hoặc phần nhiều không rào giậu, hoặc trống rỗng hết, hoặc có vách tường, hoặc có hào cũng xướng như vậy.

4.- Chúng Tăng làm phép bạch nhị Yết Ma mà kiết, không nên kiết trong phòng tốt bậc nhất để làm tịnh địa; phải kiết trong phòng bậc hạ (*phòng xấu để làm nhà bếp*).

Nếu phòng của 5 chúng xuất gia, thì phải chừa phòng Tỳ Kheo ra, nhẫn đến miễu thờ Quỷ thần, đều được kiết làm tịnh địa, hoặc có duyên chi giải rồi, sau kiết lại. Trong Luật thiếu văn giải, phải đổi văn kiết mà xướng như vầy :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng

Tăng nay giải chỗ tịnh địa này. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : chúng Tăng nay giải chỗ tịnh địa này. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay giải chỗ tịnh địa này thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng giải chỗ tịnh địa này rồi. Vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Ngũ Phần và Căn Bản đồng cho kiết chung trong Tăng phường làm tịnh địa, như trong Ký Quy truyện bảo : Y theo bộ Căn Bản mà kiết, có 5 pháp tịnh địa :

1.- Pháp khởi tâm tác ?

Nghĩa là : Trước khi làm chùa, định làm nền bằng đá rồi, hoặc cử một thầy Tỳ Kheo làm kiểm giảo (*xem xét*) phải có ý kiến như vầy : Ở trong chùa, hoặc phải để một phòng làm tịnh trù cho chúng Tăng.

2.- Pháp cộng ấn tri ?

Nghĩa là : Khi định làm nền chùa, hoặc chỉ có ba người, thì phải một thầy Tỳ Kheo nói với các thầy Tỳ Kheo kia rằng : Các ngài Cụ thọ, đều phải để tâm ấn định ở chùa này, ở trong một chùa đây, hoặc phải để một cái phòng làm tịnh trù cho chúng Tăng (*xướng ba lần như vậy*).

3.- Pháp như ngưu ngọa ?

Nghĩa là : Cái chùa, cái thất, cái nhà hình giống như con trâu nằm. Còn cửa phòng không nhất định ở chỗ nào.

4.- Pháp cố phế xứ ?

Nghĩa là : Chỗ này trải qua đã lâu, vì chúng Tăng bỏ phế, như vị nào đến gặp chỗ đó cũ, thì làm pháp tịnh vậy. Nhưng mà chỗ này không được để cách đêm, tức là phải làm phép kiết lại.

5.- Pháp bỉnh pháp tác ?

Nghĩa là : Bạch hai lần Yết Ma mà kiết vậy, như trước 5 pháp kiết làm tịnh địa rồi.

Các thầy Tỳ Kheo được hai món an lạc :

1.- Chứa trữ vật thực ở ngoài giới, nấu nướng ở trong giới.

2.- Chứa trữ vật thực ở trong giới, nấu nướng ở ngoài giới, đều không có lỗi.

Chư Tổ đã kiểm điểm trong bốn bộ, và xem kỹ ý chỉ trong các Luật, chỗ lập tịnh trù, cũng đồng như đây. Nhưng trước khi chưa kiết tịnh trù, hoặc ngủ và ăn chung đồng giới, thì có hai lỗi : "Nấu và ngủ". Đã thêm pháp kiết tịnh trù kia, tuy ngủ chung một giới mà không có tội "Ngủ và nấu".

Nói một chùa, là nói luôn chỗ ở vì lấy chỗ ở ấy làm tịnh trù, thì trong tất cả phòng thứ sống, thứ chín đều chứa được cả. Nếu không cho nghỉ ở trong

giới; không lẽ bảo chúng Tăng ra ngoài giới mà nghỉ...!?

Kiết tịnh trù có hai điều lợi ích :

1.- Chúng Tăng khỏi hộ *túc (ngủ phải giữ đồ)*.

2.- Chứa vật thực không có tội (*Ở bên Ấn Độ lưu truyền kiết chung trong một chùa làm tịnh xứ vậy*).

Giới thứ tám
VÔ CĂN CỨ VU BÁNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vì giận hờn che đậy, Tỳ Kheo không phạm Ba La Di. Đem tội Ba La Di mà vu báng, muốn phá hư cái hạnh thanh tịnh của ông kia; Tỳ Kheo đó đến khi khác hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, biết việc ấy vô căn cứ nói : "Tôi vì sân giận nên nói lời như thế". Nếu Tỳ Kheo mà nói lời như vậy, phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó có ông Tôn giả tên Đạp Bà Ma La Tử, chứng quả A La Hán rồi tự nghĩ : "Ta phải ra sức cúng dường cho Tăng chúng". Bèn đến bạch Phật, Phật dạy các thầy Tỳ Kheo bạch nhị Yết Ma, cử ông Đạp Bà chia ngọa cụ cho chúng Tăng, và sắp thứ lớp cho chúng Tăng thọ thỉ chủ thỉnh.

Khi đó có ông Từ Địa Tỳ Kheo mới đến, ông là bậc hạ tọa, theo thứ lớp ông được phòng và ngọa cụ xấu, bèn sinh tâm giận hờn; qua ngày sau sắp chúng Tăng thọ thỉ chủ thỉnh. Ông Từ Địa nhằm phiên sai ông đến nhà đàn việt, người đàn việt nghe ông đến, bèn trải tọa cụ xấu và đãi đồ ăn hèn. Ông

càng thêm giận dữ, mới dạy người em gái của ông là cô Từ Tỳ Kheo Ni...

Khi đó đợi giữa hội Phật và chúng Tăng mà vu báng nói : "Ông Tôn giả Đạp Bà đến rờ tôi". Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Tôn giả ? Tôn giả đáp rằng : "Tôi từ khi sinh đến nay, ở trong giấc mộng còn không có việc đó, huống chi lúc tỉnh mà có ư !"

Phật bảo các Tỳ Kheo : "Có hai hạng người quyết vào địa ngục".

Sao gọi là hai ?

1.- Nếu người chẳng phải phạm hạnh, tự xưng phạm hạnh.

2.- Nếu người thật phạm hạnh mà nói chẳng phải phạm hạnh, đem việc vô cớ mà vu báng họ, đó gọi là hai hạng người

Phật dùng các lời quở trách ông Từ Địa, rồi liền kiết giới này.

Giận hờn che đậy là sao ?

Giận hờn : Là do tâm giận mà phiền hờn vậy. Lại giận người nói là giận, giận mình nói là hờn.

Che đậy : Là bị sự giận hờn che phủ trong tâm, chẳng phải do tâm tốt, và tâm vô ký mà sinh ra chuyện vu báng vậy.

Tỳ Kheo không có tội Ba La Di là sao ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó không phạm 4 tội Ba La Di.

Đem tội Ba La Di không căn cứ vu báng là sao ?

Căn : là ba căn : Thấy, nghe, nghi.

Thấy : Thật thấy ông kia phạm tội Tứ khí.

Nghe : Là nghe ông kia phạm tội Tứ khí, hoặc là nghe vị ở một bên nói lại.

Nghi : có hai món : Hoặc từ chỗ thấy mà sinh nghi.

Nghĩa là : Thấy ông kia và người nữ lõa mình, hoặc ra hoặc vào, tay cầm dao, làm bạn với người ác.

Hoặc từ nghe mà sinh nghi.

Nghĩa là : Nghe tiếng giường cọt kẹt, nghe tiếng trở mình, nghe tiếng nói xầm xì, nghe tiếng giao hội, nghe tiếng trộm 5 tiền, nghe nói tội sát nhân, hoặc nghe nói được pháp của Thượng nhân.

Nếu không ba điều ấy, thì là không căn cứ.

Nghĩa là : Đem những việc xấu vô cớ đó muốn vu báng cho ông kia, mà sinh tâm chê bai càn, đó là việc chê bai không căn cứ vậy.

Muốn phá hư hạnh thanh tịnh của ông kia là sao ? Ý muốn phá hư hạnh tốt của ông kia, cũng vì sự giận hờn khiến ra làm những việc chẳng phải hạnh Tỳ Kheo, chẳng phải hạnh Sa môn, chẳng phải con nhà Thích tử vậy.

Tỳ Kheo đó đến khi khác v.v... là gì ? Tỳ Kheo đó : Là chỉ cho người hờn giận.

Khi khác : Là sau khi khác, nghĩ biết việc mình vu báng đó là không căn cứ, sinh tâm hối hận

tự muốn phát lồ, mong cầu thanh tịnh. Hoặc bị người cật hỏi, hoặc không bị người cật hỏi, mà tới người kia nói rằng : "Tôi vì cớ giận hờn nên nói lời vu cáo đó, chớ thật chẳng phải ông kia phạm vậy".

Nếu Tỳ Kheo nói lời như vậy là sao ? Nghĩa là : Dấy lời vu cáo không căn cứ như trên và nói lời ăn năn ấy; một khi đã thốt lời vu cáo rồi, liền phạm tội đó, đâu phải đợi đến sau khi tới nói với người mà ăn năn được khỏi lỗi ư ?

Giận hờn che đậy, nhẫn đến muốn phá hư hạnh thanh tịnh của ông kia. Đó là cái nhân gây tội.

Tỳ Kheo đó khi khắc, cho đến cố nói lời như vậy, là muốn mình thanh tịnh, hết tội, ngờ đâu lời nói như thế, là kết thêm tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu Tỳ Kheo này đem việc Tứ khí mà vu báng Tỳ Kheo kia, hoặc dùng phi pháp khác mà vu báng Tỳ Kheo nói rằng : "Ông phạm biên tội, hoặc nói nhiễm ô Tỳ Kheo Ni, hoặc nói tội Tặc trụ, hoặc nói phá nội, ngoại đạo, hoặc nói phạm tội ngũ nghịch, hoặc nói phạm với kẻ phi nhân, hoặc loài súc sinh, hoặc kẻ huỳnh môn, hoặc người hai căn.

Dùng những cái phi pháp như vậy, để vu báng cho Tỳ Kheo kia, không luận là ông kia thanh tịnh hay không thanh tịnh. Chỉ dùng ba việc không căn cứ mà nói láo để vu tội cho ông kia. Nói rõ ràng thì phạm Tăng tàng, không rõ ràng thì phạm Thâu Lan Giá.

Hoặc trước thấy việc có căn cứ, sau quên việc đó, quấy nói có căn cứ phạm tội đồng như trước. Hoặc lấy tay ra dấu, hoặc bảo người đem thư, hoặc làm bộ tịch cho biết, rõ ràng hoặc không rõ ràng, phạm tội cũng như trên.

Hoặc dùng tội Bát khí, mà vu báng cô Tỳ Kheo Ni, mắc tội đồng như trước. Nếu vu báng người khác, phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thể thức không phạm là gì ? Có thấy, nghe, và nghi ba căn, nói chân thật, hoặc cười giỡn, nói lầm v.v...

(Ba chúng sau là : Thức Xoa Ma Na. Sa Di. Sa Di Ni. Nếu bốn chúng thì thêm Tỳ Kheo Ni).

Giới thứ chín
LẤY CHÚT MẢY MÚN MÀ VU BÁNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì có giận hờn, lấy một chút trong phận sự khác, nhè Tỳ Khẹo không tội Ba La Di mà đem tội Ba La Di không căn cứ vu báng, muốn phá hư cái hạnh thanh tịnh của ông kia; ông đó đến khi khác hoặc có người hỏi, hoặc không ai hỏi, biết mình lấy chút cớ ở trong phần khác, Tỳ Kheo ấy tự nói rằng : "Tôi vì giận hờn nên nói lời như thế". Nếu Tỳ Kheo nói lời như thế, phạm Tăng già Bà Thi Sa.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự đồng như trước. Bấy giờ ông Từ Địa Tỳ Kheo từ trên non Linh Thứu đi xuống, thấy con dê đực cùng dê cái hành dâm. Liền thí dụ: Con dê đực là Tôn giả Đạp Bà, còn chỉ con dê cái

dụ cô Tử Tỳ Kheo Ni. Liền đến nói với Tỳ Kheo khác rằng : "Trước tôi dùng việc không căn cứ mà vu báng cho hai người kia, chớ nay đây chính tạc mắt tôi thấy rõ".

Các thầy Tỳ Kheo nghe rồi mới gạn hỏi ông, ông đem việc tương tự, tỷ loại mà nói.

Các thầy Tỳ Kheo đem việc đó bạch Phật, Phật mới quở trách ông Từ Địa, rồi liền kiết giới.

Lấy chút chuyện ở trong phần khác là sao ? Là ở trong phần việc khác, lấy chút tội được vu báng người ta, như lấy con dê tỷ với người, hoặc là lấy việc tương tự khác mà vu báng; lại ở trong phần khác, tức là phần tội Tứ khí. Nhưng tội Tứ khí là việc sinh tử đọa lạc với nhân Niết bàn tịch tịnh, thì hai việc trái nhau, mà lại đem để so sánh.

Tùy phạm một, tức phi Sa môn, phi Thích tử, mất tính Tỳ Kheo, nên gọi là ở trong phần việc khác. Trong tội Tứ khí, lấy một chút tội, hoặc thấy người kia và người nữ cười nói, hoặc thấy lượm đồ rách rưới trong đống rác, hoặc giết loài súc sinh, tới loài súc sinh nói được pháp bậc thượng nhân v.v... vu oan cho người, phạm tội Ba La Di, đó là ở trong phần việc khác, lấy một chút chuyện, hoặc thấy người phạm tội Tăng tàng, nhẫn đến tội Đột Kiết La, tội ác thuyết mà vu báng người phạm tội Ba La Di, cũng gọi là lấy một chút chuyện vậy.

Còn bao nhiêu cũng giải như giới trước.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Hoặc lấy việc tương tự, như trùng tên, trùng họ,

hình dạng giống, hoặc đem việc người này mà vu báng người kia, hoặc thấy nghe người kia phạm khi còn ở nhà, nay đem ra vu báng, và kiếm tất cả việc khác vu oan cho người. Rõ ràng hay không rõ ràng mắc tội nặng, nhẹ, có phạm, không phạm, cũng đồng như giới trước.

Giới thứ mười
KHÔNG CHỊU BỎ VIỆC PHÁ HOẠI TĂNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, muốn phá hoại hòa hiệp Tăng, phương tiện chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng, bền giữ không bỏ, thì Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này rằng : "Đại đức đừng phá hoại hòa hiệp Tăng, đừng phương tiện phá hoại hòa hiệp Tăng và đừng chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng, bền giữ không bỏ"*

Đại đức phải hòa hiệp với chúng Tăng, hòa hiệp với chúng Tăng vui mừng đừng rầy rà, đồng học một thầy, như nước hòa với sữa, ở trong Phật pháp có thêm nhiều sự an vui đời đời. Tỳ Kheo ấy khi can gián như vậy, bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, nhẫn đến ba phen, bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Chỗ Phật ngự đồng như trước. Khi đó ông Điều Đạt, vì việc lợi dưỡng học được phép thần thông, hóa độ Thái tử A Xà Thế, khiến sinh lòng tin ưa, được nhiều việc cúng dường, nhưng không bằng Phật. Rồi sinh tâm tật đố, liền mất thần thông.

Bấy giờ ông muốn thâu đồ chúng, đến chỗ đức Thế Tôn cầu Phật phú chúc, đặng ông thâu đồ chúng. Phật nhân đó quở trách ông, tâm ông không vui, mới dạy Thái tử A Xà Thế giết cha, ông sai người hại Phật.

Nhưng không được, ông bèn lên chót núi, cầm đá xa quăng đức Thế Tôn (*xê hết một ngón chân*), do đó danh ác vang đồn, nên việc lợi dưỡng đều dứt mất; ông mới rủ năm người hiệp với ông, đi từng nhà khất thực.

Phật cấm không cho ăn riêng chúng, ông mới đâm ra ý nghĩ như vầy : "Chưa từng có ông Cù Đàm nào, mà đoạn khẩu thực của người ta, ta quyết phá Tăng chuyển pháp luân kia cho tan rã. Dù thân ta chết rồi, cũng được danh đồn muôn thuở".

Vì sao ? Vì người ta nói ông Cù Đàm có đại thần lực, trí huệ vô ngại, thế mà Điều Đạt này còn phá tan. Ông bèn hiệp với bốn thầy Tỳ Kheo kết làm bạn hữu, lại ra 5 pháp dạy các thầy Tỳ Kheo rằng :

1) Trọn đời phải đi khất thực mà ăn.
2) Trọn đời phải mặc y phấn tảo (*lượm vải kết lại*).
3) Trọn đời ngồi nơi đất trống (*ngoài đồng nội*)
4) Không uống sữa và ăn muối.
5) Không ăn cá thịt.

Làm như vậy để cho những hàng tân học và Tỳ Kheo vô trí kia tin ưa để ông lợi dụng lập phe đảng hại Phật.

Các thầy Tỳ Kheo nghe rồi đến bạch với đức Thế Tôn. Phật nói : Người phá hòa hiệp Tăng mắc tội rất nặng đọa trong địa ngục chịu khổ một kiếp không thể cứu được. Phật bèn nhóm chúng Tăng quở trách ông nữa, và bạch 4 lần Yết Ma, liền vì đó mà kiết giới.

Muốn phá hoại hòa hiệp Tăng là sao ? Muốn phá hoại : Là muốn phá chia làm hai chúng vậy.

Hòa hiệp : Là không riêng chúng đồng một phép Yết Ma, đồng một chỗ tụng giới.

Tăng : là 4 Tỳ Kheo sắp lên, nhẫn đến vô số.

Phá : có 18 việc : Pháp, phi pháp, luật, phi luật, phạm, bất phạm, hoặc khinh, hoặc trọng, hữu tàng, vô tàng, thô ác, phi thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết.

Thập Tụng Luật nói : Việc thường sở hành đó, hoặc bạch nhất, hoặc bạch nhị, hoặc bạch tứ Yết Ma, pháp Bố tát, pháp Tự tứ, lập 14 người làm phép Yết Ma.

Tát Bà Đa Luận nói : Pháp Bát thánh đạo, là pháp thường dùng, mà nói là pháp không thường dùng. Năm pháp đó là pháp không thường dùng, mà lại nói thường dùng. Còn bao nhiêu như trong Đại Luật, và trong Tiêu Thích có giải.

Phương tiện chịu sự phá hoại hòa hiệp Tăng là gì ? Nghĩa là : Tìm cách khuyến dụ người bạn kia, thọ 18 việc phá Tăng.

Bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Giữ chắc 18 việc tà, mà không chịu dứt bỏ.

Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này thế nào ? Tỳ Kheo kia là ông trì chính pháp, trước phải có lời can gián riêng thầy Tỳ Kheo phá Tăng như vầy : "Đại đức không nên phá hòa hiệp Tăng v.v..."

Đại đức : Là nói người phá Tăng, đây rõ không nên phá hòa hiệp Tăng, nếu phá thì chắc đọa trong địa ngục chịu khổ một kiếp.

Đại đức phải cùng chúng Tăng hòa hiệp là sao ? Nghĩa là : Bỏ cái việc phá tăng, cùng chúng Tăng hòa hiệp ở chung, không những khỏi khổ dưới địa ngục mà thôi, lại còn có thêm nhiều sự lợi ích an vui đời đời.

Hoan hỷ không rầy rà là sao ? Nghĩa là : Cùng với chúng Tăng hòa hiệp, thì pháp lành được thêm lớn, ai ai đều sinh tâm vui vẻ, do vì vui vẻ mà kia đây đồng thấy không có rầy rà vậy.

Đồng học một thầy là gì ? Nghĩa là : Đồng một đức Như Lai Đại sư ở trong giáo pháp của ngài mà tu học, không sinh tâm dị kiến, do vì giáo pháp của đức Như Lai, tuy phân làm 12 bộ, nhưng thể cũng không khác.

Như nước hòa với sữa là sao ? Nghĩa là : Nói nước lộn với sữa, tức là một loại, không riêng sắc và vị. Dụ như : Bốn họ kia, tuy khác dòng mà một phen đi xuất gia, vào trong pháp của đức Như Lai, thì đồng một pháp tu học, hạnh và lý thuận nhau, một tướng không khác.

Ở trong Phật pháp càng thêm lợi ích an vui đời đời là gì ? Nghĩa là : Đã đồng học một pháp, hạnh và lý không trái, thì sẽ dẹp được tâm phiền não ở trong cái giáo pháp đức Như Lai, được thêm lợi ích hưng thạnh an vui đời đời. Lại y bốn pháp Thánh chủng, thì được đương đời pháp lạc còn hoài, đời sau được quả vui cõi Niết bàn tịch diệt.

Tỳ Kheo kia can gián như vậy, mà bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Tỳ Kheo ấy khi được lời can gián riêng như trước, mà ông giữ chặt tà pháp, không chịu dứt bỏ.

Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián v.v... là gì ? Nghĩa là : Bạch nhất Yết Ma hay là bạch tam Yết Ma mà can gián.

Muốn phá hoại hoại Tăng, nhẫn đến bền giữ không bỏ là sao ? Ấy là cái nhân khởi phạm.

Tỳ Kheo kia phải can gián Tỳ Kheo này là gì ? Nghĩa là : Có lời can gián riêng như sau...

Đừng phá hoại hòa hiệp Tăng, cho đến bền giữ không bỏ là sao ? Ấy là lời răn đe quở trách.

Phải hòa hiệp với chúng Tăng, nhẫn đến lợi ích an vui đời đời là gì ? Đó là lời khuyến dụ.

Tại sao phải ba phen can gián ? Là : Trong chúng Tăng làm phép bạch ba lần Yết Ma mà can vậy.

Không bỏ là gì ? Là cái văn kết tội.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Là Tỳ Kheo kia được lời can như trước, nói rằng : "Đại đức

đừng tìm cách muốn phá hòa hiệp Tăng, cho đến ở trong Phật pháp càng thêm lợi ích an vui đời đời. Đại đức phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng lại quở trách can gián mà phạm tội nặng"; nếu ông kia nhận lời đó, thì tốt, bằng không nhận lời đó, lại phải thưa trong tứ chúng, hay hoặc vua, quan đại thần, đạo khác, hoặc thưa với ông trí thức ở phương khác.

Nói, mà ông đó không tin nhận lời tôi, vậy thì các ngài phải đến khuyến dụ ông, nếu ông không nhận lời, thì phải đem ông tới giữa chúng Tăng làm lời tác bạch mà can ông, tác bạch rồi phải năn nỉ thêm rằng : "Đại đức tôi đã đơn bạch xong rồi, còn ba lần Yết Ma nữa, Đại đức nay phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng vì Đại đức làm phép Yết Ma mà phạm thêm tội nặng".

Nếu ông nhận lời đó thì tốt, bằng ông không nhận lời đó, thì phải bạch nhất Yết Ma, cho đến bạch nhị Yết Ma, trong mỗi phép Yết Ma rồi, đều phải dấy lời năn nỉ như trước, nếu ông không bỏ, để đi đến bạch Yết Ma lần thứ ba rồi, thì phạm tội Tăng tàng.

Còn tác bạch và bạch nhị Yết Ma rồi, mà ông bỏ thì phạm ba Thô tội. Còn tác bạch và bạch nhất Yết Ma rồi mà ông bỏ thì phạm hai Thô tội. Mới làm phép tác bạch xong, mà ông bỏ thì phạm một Thô tội... Còn làm phép sơ bạch chưa xong mà ông bỏ thì phạm Đột Kiết La.

Nếu tất cả pháp chưa bạch, mà ông tìm cách muốn phá hòa hiệp Tăng, thọ pháp phá Tăng, bền giữ không bỏ, mỗi mỗi đều phạm Đột Kiết La.

Nếu khi chúng Tăng khởi lời can gián, có Tỳ Kheo khác xía vô rằng : Ông đừng bỏ, phạm Thô tội; khi chưa dấy lời can, mà bảo đừng bỏ, thì phạm tội Ác tác.

Còn Tỳ Kheo Ni bảo đừng bỏ, thì phạm Thô tội đồng như trên, các người khác bảo đừng bỏ, thì phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm ra sao ? Mới can liền bỏ, ông kia làm pháp Yết Ma phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy, hoặc tất cả chưa can gián, hoặc vì phá bạn ác làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật v.v... thì không phạm.

Thập Tụng Luật nói : Trước không dùng lời nhỏ nhẹ khuyên lơn, bèn bạch bốn lần Yết Ma dạy bảo đó, người làm phép Yết Ma phạm Đột Kiết La, chưa bạch bốn lần Yết Ma liền đuổi ra, thì người làm phép Yết Ma cũng Đột Kiết La. Chưa ba lần khuyên lơn ở trong giới riêng thỉnh người làm phép Yết Ma, thì Thâu Lan Giá, vì nhân duyên phá Tăng vậy. Nếu chúng Tăng biết mà không can thì chúng Tăng cũng đồng tội.

Tăng Kỳ Luật nói : Vì việc sân giận mà đập bát, xé y, phá tháp, dỡ phòng chúng Tăng, phá chúng Tăng, phá Giới, đều Thâu Lan Giá.

Chừng cỡ nào thì gọi là phá tăng ? Nghĩa là : Truyền lời nói dối, lời tương tự, làm phép Yết Ma lấy thẻ, lại không phải một thầy Tỳ Kheo mà phá được, cũng không phải Tỳ Kheo Ni, hay là ba chúng sau mà phá được, như chúng này 1, 2, 3, ông Tỳ Kheo, chúng kia 1, 2, 3, ông Tỳ Kheo, phát thẻ phá Tăng, làm phép Yết Ma cũng không phá được.

Nhưng làm cho chúng Tăng không được thanh tịnh. Phải hai bên mỗi chúng 4 ông sắp lên, làm phép Yết Ma, phát thẻ phá Tăng đó mới gọi là phá Tăng.

Có bao nhiêu pháp phá nữa có sai khác, tội phân nặng, nhẹ, địa ngục thọ báo không đồng (*như trong Đại Luật và ở trong văn Tiêu Thích đã nói rõ*).

Ngũ Phần Luật nói : Có bốn việc gọi là phá Tăng. Nói 5 pháp (*khổ hạnh*) bỏ thẻ, cầm thẻ, ở trong đồng giới, riêng làm việc chúng Tăng.

Lại nữa hoặc vua, hoặc quan đại thần, hoặc 6 chúng khác bảo chúng Tăng không hòa hiệp mà chẳng phải phá, hoặc một ông Tỳ Kheo, nhẫn đến 7 ông Tỳ Kheo, không hòa hiệp cũng chẳng phải phá, hoặc không hỏi vị Thượng Tọa, mà làm việc chúng Tăng, đó là không hòa hiệp, cũng không phải phá Tăng. Nếu không cùng nhau ăn chung, khi ăn ngồi riêng kình cãi mắng nhiếc, cũng không gọi là phá Tăng.

Cần yếu là ở trong giới, 8 thầy Tỳ Kheo sắp lên, chia làm hai bộ chúng riêng làm việc chúng Tăng, đó mới gọi là phá Tăng, (*làm pháp Yết Ma*

riêng, tụng giới riêng, ông làm chủ trong đó đọa địa ngục một kiếp không thể cứu được).

Thập Tụng Luật nói : Phá Tăng có hai phép :
1.- Phá phép Yết Ma
2.- Phá Tăng chuyển pháp luân.

Phá Yết Ma là sao ? Là ở trong một giới, riêng làm phép Yết Ma mà Bố tát.

Phá Tăng chuyển pháp luân là gì ? Luân : Là pháp Bát thánh đạo, bảo ông kia bỏ Bát thánh đạo mà vào trong tà đạo.

Tát Bà Đa Luận nói : Phá Tăng chuyển pháp luân, phạm tội nghịch mắc Thâu Lan Giá, sám hối không được; phá pháp Yết Ma Tăng, phạm không phải tội nghịch Thâu Lan Giá sám hối được.

Phá Tăng chuyển pháp luân, ít nhất là chín người, một người tự xưng là Phật, phá Yết Ma Tăng, ít nhất là tám người không tự xưng mình là Phật.

Phá Tăng chuyển pháp luân, ở trong giới hay ngoài giới đều phá được, phá pháp Yết Ma Tăng cốt phải ở trong giới riêng làm phép Yết Ma. Phá Tăng chuyển pháp luân tất phải người nam tử (*Tăng phá Tăng*), phá pháp Yết Ma Tăng người nữ cũng phá được (*Ni phá Ni*), phá Tăng chuyển pháp luân, phá tục đế Tăng; phá Yết Ma Tăng, cũng là phá đệ nhất nghĩa Tăng; phá Tăng chuyển pháp luân, chỉ ở trong cõi Nam Diêm Phù Đề; phá Yết Ma Tăng suốt cả ba châu thiên hạ.

Giới thứ mười một
KẾT BẠN ĐẢNG PHÁ TĂNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phe đảng, hoặc 1, 2, 3 những đến vô số. Tỳ Kheo kia, nói với Tỳ Kheo này rằng : "Đại đức đừng can gián Tỳ Kheo này, vì Tỳ Kheo này là Tỳ Kheo nói Pháp, nói Luật, Tỳ Kheo này nói ra chúng tôi vui mừng, Tỳ Kheo này nói ra chúng tôi công nhận"*

Tỳ Kheo kia nói rằng : "Đại đức đừng nói như vậy, nói Tỳ Kheo đó là Tỳ Kheo nói Pháp, nói Luật, Tỳ Kheo đó nói ra các ngài vui mừng, các ngài công nhận; song Tỳ Kheo đó chẳng phải là Tỳ Kheo nói Pháp, Tỳ Kheo nói Luật"

Đại đức đừng nên phá hoại hòa hiệp Tăng, các Đại đức phải cùng với chúng Tăng hòa hiệp. Đại đức với chúng Tăng hòa hiệp hoan hỷ không rầy, đồng học một thầy, như nước hòa sữa, ở trong Phật pháp càng thêm nhiều lợi ích an vui đời đời.

Tỳ Khẻo ấy khi được lời can gián như vậy, mà ông bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, nhẫn đến ba phen can gián, bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, trên non Linh Thứu, khi đó ông Điều Đạt kết phe đảng phương tiện trợ phá hòa hiệp Tăng. Phe của ông Điều Đạt đứng lên nói với chư Tỳ Kheo rằng : "Các Đại đức không nên quở trách ông Điều Đạt, vì ông Điều Đạt chúng tôi là người nói Pháp, nói Luật, ông nói ra chúng tôi vui mừng công nhận".

Các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên Phật. Phật cho phép chúng Tăng quở trách ông và bạch tứ Yết Ma mà kiết giới (*cấm phe đảng*)

Nói Pháp : Là nói Tạng Tu Đa La (*tạng Kinh*)

Nói Luật : Là nói Tạng Tỳ Nại Da (tạng *Luật*)

Lại nữa nói Pháp : là lời lẽ tròn đủ.

Nói Luật : là nghị luận tội nặng, nhẹ, khai, giá, không sai.

Lại nói Pháp : Là luận nghĩa vô sinh.

Nói Luật : là dẹp trừ ba độc.

Lại hay dẫn nghĩa chân thật, gọi là nói pháp, nói ra lời dịu dàng gọi là nói luật.

Chúng tôi vui mừng là gì ? Nghĩa là : Tỳ Kheo này nói ra việc chi, chúng tôi tình sinh ưa thích.

Chúng tôi công nhận là sao ? Nghĩa là : Chúng tôi bằng lòng lời nói đó, tùy thuận và vâng làm theo. Còn bao nhiêu giải như trước.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc một, hai, ba Tỳ Kheo, cho đến rất đông Tỳ Kheo, cùng nhau kết phe đảng để làm việc phi pháp, noi với các Tỳ Kheo rằng : "Đại đức không nên can gián Tỳ Kheo này, vì Tỳ Kheo này là Tỳ Kheo nói pháp... cho đến chúng tôi công nhận".

Các Tỳ Kheo kia can rằng : "Đại đức đừng nói như vậy, cho đến câu càng thêm lợi ích an vui đời đời. Ông phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng có lời quở trách mà phạm tội nặng. Nếu ông nghe lời

thì tốt, bằng ông không nghe, thì phải làm phép tác bạch, như vậy mỗi lần Yết Ma mỗi lần can quở, cùng phạm tội nhẹ, tội nặng, có phạm hay không phạm cũng đồng như giới trước, đây không lập lại".

Luật Nhiếp nói : Nếu khi can gián Tỳ Kheo ấy, mấy người bạn ác đồng tâm, dầu cho không nói lời chi cũng phạm Tăng tàng. Có người nói không đồng ý mà trong tâm cũng muốn phá, phạm Thô tội. Hoặc có người tuy nói đồng ý, nhưng trong tâm không muốn phá, hoặc tâm không phá, không đồng việc đó, thì không phạm, hoặc sinh tâm nghi thì Thô tội.

Nếu các Tỳ Kheo Ni phá, thì không nên dạy dỗ quý cô, phải bảo các cô rằng : "Này các cô Ni, trước phải hòa hiệp rồi, vậy sau mới cầu giáo thọ, nếu các cô không thưa hỏi quý thầy bên đại Tăng cứ tự ý làm phép tắc, và nhóm đồ chúng, mắc Thô tội".

Có các ông Sa Di bị quở trách v.v... Nếu các thầy Tỳ Kheo cấp cho cơm áo và đem về nuôi, cũng phá đồ chúng của người ta, mắc Thô tội. Nếu phát tâm tốt, muốn hàng phục Sa Di kia, tạm thời đem về để mà răn dạy, rồi bảo phải trở lại thầy của chúng thì không phạm.

Thập Tụng Luật nói : Nếu một ông Tỳ Kheo bị tẩn, mà 4 ông Tỳ Kheo tùy thuận theo đó, cũng gọi là phá Tăng. Nếu ông đó là đa trí, đa thức, đa văn, đại đức, hiểu thông nghĩa ba tạng, thì chúng Tăng không nên làm phép bất kiến tẩn. Nếu tẩn thì phạm Thâu Lan Giá, tội này gần bằng tội phá Tăng (*bất kiến tẩn là : để cho ngài tự thấy, tự xử*).

Giới thứ mười hai
LÀM NHƠ NHÀ NGƯỜI BỊ ĐUỔI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, nương tụ lạc, hoặc ở trong thành ấp, làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu; làm nhơ nhà người, ai cũng thấy cũng nghe, làm hạnh xấu, ai cũng thấy cũng nghe. Các Tỳ Kheo phải nói với Tỳ Kheo ấy rằng : "Đại đức làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe".*

Đại đức, ông làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu, nay phải xa lánh cho khỏi tụ lạc này, không nên ở đây. Tỳ Kheo bị đuổi ấy nói với các Tỳ Kheo kia rằng : "Đại đức, các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, có ông đồng tội như vậy, có ông đuổi, có ông không đuổi.

Các Tỳ Kheo đáp rằng : "Đại đức đừng nói như vậy. Nói các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, có ông đồng tội như vậy, có ông thì đuổi, có ông không đuổi, mà thiệt các Tỳ Kheo trong đây không phải thương, không phải giận, không phải sợ, không phải si chi cả... Đại đức làm nhơ nhà người, làm hạnh xấu. Làm nhơ nhà người ai cũng thấy cũng nghe; làm hạnh xấu ai cũng thấy cũng nghe".

Tỳ Kheo ấy khi được lời can như thế, mà ông bền giữ không bỏ, các Tỳ Kheo kia phải ba phen can cho bỏ việc đó đi, nhẫn đến ba phen can bỏ thì tốt, còn không bỏ, thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, bấy giờ trong ấp Kỳ Liên có hai thầy Tỳ Kheo, một ông tên là Mã Sư, một ông tên là Mãn Túc. Hai ông đồng làm việc phi pháp, tự trồng bông, tự bón tưới, tự hái

bông, tự kết hoa làm tràng, tự đem tràng hoa tặng người, và dạy người làm. Cùng với phụ nữ ngồi chung một giường, ăn chung một mâm, cho đến ca xướng múa hát, giễu cợt, khảy đờn, đánh trống, thổi còi, lãnh làm mướn, giỡn cười v.v...

Khi đó có rất đông Tỳ Kheo, đến khất thực trong ấp Kỳ Liên, thứ lớp tề chỉnh, cúi đầu đi thẳng, không ngó hai bên. Các ông Cư sĩ thấy, nói mấy ông này làm gì là lạ. Rồi không cúng đồ ăn uống. Các thầy Tỳ Kheo hỏi ra mới biết cớ đó, và mới hay Tỳ Kheo ấy làm hạnh xấu, nhiễm ô với người tịnh tín kia, đem việc này bạch Phật. Phật phái ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, đến làm phép Yết Ma mà đuổi hai ông ấy.

Hai Tôn giả vâng sắc lệnh Phật, đến nhóm chúng Tăng, rồi bạch 4 lần Yết Ma làm phép cử tội, làm phép nhớ nghĩ, buộc tội cho hai ông kia. Khi ấy hai ông đó nói rằng : "Chúng Tăng có thương, có giận, có sợ, có si, lại có các Tỳ Kheo đồng tội như tôi, có ông đuổi có ông không đuổi, mà nay lại đuổi mình tôi".

Ông Tôn giả đem việc này bạch Phật. Phật dạy chúng Tăng bạch bốn lần Yết Ma can gián hai ông kia và liền kiết giới này.

Nương ở tụ lạc, hoặc thành, ấp là sao ? Nghĩa là : Chỗ đó có ngõ đi, đường sá, gọi là tụ (*làng*), ngoài tụ xa xa có nhà, gọi là là lạc (*xóm*), chỗ đế đô vua ở, gọi là thành ấp.

Nương : Là nương chỗ kia mà ở vậy.

Làm nhơ nhà người là sao ? Nhà người : là nhà của kẻ nam, người nữ vậy.

Nhơ : Là người tịnh tín trước kia, ai ai cũng đều đem tâm cung kính, nhân thầy Tỳ Kheo làm hạnh phi pháp, đem vật tặng cho, làm nhơ lòng người phổ tín kia, mất chỗ phước lợi, đối với chỗ ông không cho đồ, thì họ đều không có lòng tưởng việc cung kính, cúng dường.

Đây là bốn việc hay làm nhơ nhà người :

1.- Nương ở nhà người, làm nhơ nhà người : Từ một nhà này được vật, đem cho một nhà khác. Nhà họ đem vật cho, họ nghe họ không vui. Còn nhà được vật Tỳ Kheo cho, họ tính phải trả ơn, thì họ nói như vầy : "Nếu ông cho tôi, thì tôi phải cho trả lại ông. Nếu ông không cho tôi, thì lẽ nào tôi lại cho ông".

2.- Nương việc lợi dưỡng, làm nhơ nhà người : Nếu Tỳ Kheo như pháp được lợi, những đến đồ ăn trong bát còn dư, hoặc cho ông Cư sĩ này, mà không cho ông Cư sĩ khác. Ông Cư sĩ được vật, thì ông tính phải trả ơn, cho đến ông không cho tôi, thì tôi lẽ nào cho ông v.v...

3.- Nương người quen biết, làm nhơ nhà người: Nếu Tỳ Kheo nương ông vua, hoặc nương quan đại thần, hoặc vì ông Cư sĩ này, mà không vì ông Cư sĩ kia. Ông Cư sĩ được nhờ, họ tính phải trả ơn, họ nói rằng : "Thầy có giúp tôi thì tôi mới cúng dường, nếu thầy không giúp tôi, thì tôi không cúng dường".

4.- Nương ở trong chùa làm nhơ nhà người : Nếu thầy Tỳ Kheo lấy bông trái của chúng Tăng, cho ông Cư sĩ này mà không cho ông Cư sĩ khác, cho đến thầy cho tôi, thì tôi mới cúng dường cho thầy, không cho thì tôi không cúng dường cho thầy...

Làm hạnh xấu là gì ? Nghĩa là : Ông tự trồng bông, trồng cây, cũng dạy người trồng cho đến lãnh làm mướn, hoặc giỡn cười v.v...

Ai cũng thấy cũng nghe là sao ? Nghĩa là : Làm các hạnh xấu phi pháp nhiều người đều thấy, nghe biết.

Chư Tỳ Kheo là ai ? Là người giữ gìn chính pháp.

Phải nói là gì ? Là lời can gián ông kia.

Tỳ Kheo ấy là ai ? Là ông làm việc phi pháp.

Nay hãy lánh xa tụ lạc này, chớ không nên ở đây là sao ? Ấy là lời xua đuổi vậy.

Có thương là gì ? Là yêu mến ông kia, thì không đuổi.

Có giận là sao ? Là hễ sân giận ông kia thì đuổi đi.

Có sợ là gì ? Là sợ ông kia, thì không dám trị phạt.

Có si là sao ? Là không trí thức, cho nên không khéo phân biệt, tội đáng đuổi mà không đuổi, tội không đáng đuổi mà đuổi vậy.

Nếu Tỳ Kheo nương ở tụ lạc (làng xóm) cho đến ai cũng thấy cũng nghe là sao ? Là cái nhân phạm tội.

Đại đức làm nhơ nhà người, cho đến ai cũng thấy cũng nghe là gì ? Là chỉ chỗ tội lỗi.

Ông làm nhơ nhà người, nhẫn đến không nên ở đây là sao ? Đó là lời xua đuổi.

Các Tỳ Kheo có ông thương, giận, sợ, si, nhẫn đến có ông không đuổi là sao ? Đó là lời ông kháng cự, không chịu bị đuổi.

Các Tỳ Kheo bảo rằng : "Đừng nói lời như vậy, nhẫn đến ai cũng thấy, cũng nghe" là sao ? Là lời thương mà can gián riêng của các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Ba phen can gián là gì ? Là trong chúng Tăng làm phép bạch ba lần Yết Ma, mà can gián ông kia vậy.

Không bỏ là sao ? Là văn kết tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo nương ở trong tụ lạc, làm nhơ nhà người, nhẫn đến ai cũng thấy, cũng nghe, Tỳ Kheo kia phải can ba lần như trước rồi, còn phải bảo rằng : "Đại đức phải bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng quở trách lại phạm tội nặng". Nếu ông không nghe lời, thì trong chúng Tăng bạch từ một lần đến ba lần Yết Ma mà can ông. Trong mỗi lần bạch Yết Ma phải năn nỉ ông bỏ việc đó đi. Nếu ông không

nghe, hễ bạch đến lần Yết Ma thứ ba rồi, thì phạm tội Tăng tàng. Còn bao nhiêu tội nặng, nhẹ, v.v... cũng đồng như giới "phá Tăng" nói trên.

Trong giới đây có khác là sao ? Nay cứ theo thứ lớp mà giải như sạu : nếu khi chưa làm pháp đơn bạch, mà nói trong chúng Tăng có thương, có giận, có sợ, có si, mỗi lần phạm một tội Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : Nếu nói các thầy Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si thì mắc 4 tội Thâu Lan Giá. Còn nếu nói có ông đuổi, có ông không đuổi, đó là cái cớ mắng nhiếc chúng Tăng, nên phạm tội Ba Dật Đề.

Nếu khi chưa làm phép Yết Ma đuổi, mà ông nói các Tỳ Kheo có thương, có giận, có sợ, có si, thì phạm Đột Kiết La.

Nếu cho cha, mẹ, hay là cho người bệnh, cho con nít, cho người đàn bà chửa, cho người ở trong lao ngục, cho người bị trói thì không phạm tội làm nhơ nhà người.

Hoặc là dạy người trồng bông, kết làm tràng đem cúng dường ngôi Tam Bảo thì không phạm tội.

Hoặc chạy trốn giặc, gặp ác thú, gặp nạn ghê sợ, hoặc nhảy qua hầm hố, hoặc kêu hú bạn đi đường, hoặc vì cha, mẹ bệnh v.v... hoặc vì tháp, vì chúng Tăng, vì Tỳ Kheo bệnh, đem thư qua lại, thì không phạm tội ác hạnh.

Nếu Tỳ Kheo đối trong kinh luật của Phật, ca chơi như khóc, múa men như điên, giỡn cười như

con nít và các hạnh xấu khác cũng không nên làm. Thầy Tỳ Kheo không nên cạo tóc cho người Cư sĩ; trừ người đó muốn đi xuất gia. Không nên lạy người Cư sĩ và tháp miếu của họ, cũng không nên khinh dễ họ.

Không nên coi bói cho người, mình cũng không nên tới thầy bói để coi bói, không nên thờ pháp của các phái ngoại đạo (*ông Địa, ông Táo, ông Thổ thần, bà Chúa Tiên, Chúa Ngọc, Mẹ Sinh, v.v...*) Không nên tụng phù chú của ngoại đạo đặng xây nền nhà, cầu sự kiết hung, chú vẽ bùa, chú giải chi tiết *(chú hết nhức mình nhức mẩy)*, chú sát lợi, chú khởi thi quỷ, chú biết người sống chết tốt xấu, chú biết tiếng loài cầm thú.

Không nên tự mình đánh nhạc, nếu vì cúng dường tháp, thì cho bảo người bạch y đánh. Không nên nuôi chim Anh võ cùng các thứ chim và chó.

Luật Nhiếp nói : Vì cớ phòng thủ, tùy ý nuôi chó.

Không nên cưỡi ngựa, voi, đi xe cộ, kiệu cáng và nắm cầm dao kiếm; người già bệnh thì cho đi xe kéo, nhưng mà đi xe của người nam, hoặc đi lánh nạn thì cho cưỡi voi, ngựa.

Tát Bà Đa Luận nói : Nếu thầy Tỳ Kheo hễ có ai cầu thỉnh hoặc vì việc Tam Bảo, hoặc là vì mình, lấy các vật cho vị Quốc vương hay là cho quan Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ v.v... thì cũng gọi là nhơ nhà người. Vì sao ?

Phàm người xuất gia không còn tham muốn, giữ mình cho thanh tịnh, để sửa tâm hành đạo. Nếu đem cho người thế tục, đó là mình làm sứ tin qua lại, làm phế loạn nghiệp chính, chẳng phải người xuất gia nên làm.

Lại nữa đem vật tặng cho người thế gian, thì phá tâm tốt bình đẳng của người thí kia. Người được vật của thầy Tỳ Kheo thì họ vui mừng thương kính, còn người không được vật, dầu cho bậc Thánh Hiền cũng không có tâm thương kính, và mất phước lợi rộng lớn của người trước kia, lại còn làm rối loạn Phật pháp.

Phàm người tại gia, phải cúng dường cho người xuất gia, mà người xuất gia trở lại cúng dường cho người tại gia, thì trên mất Thánh tâm, dưới loạn chính pháp.

Phàm người tại gia, thường đối với ngôi Tam Bảo, cúng dường cầu ruộng phước thanh tịnh, nên cắt bớt huyết nhục để trồng căn lành. Nay do vì nhân duyên người xuất gia lại tặng cho đó. Nếu người tại gia trở lại có cái tâm trông cầu người xuất gia cho, là phá cái tâm tín kính thanh tịnh của người trước kia; cũng là làm mất tất cả các món cúng dường của người xuất gia.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, dầu cho có lập được tháp bằng bảy báu, đủ thứ trang nghiêm, chẳng bằng ngồi không mà giữ giới thanh tịnh, tức là cúng dường chân thật Pháp thân của đức Như Lai vậy.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, rồi họ giúp mình lập được một tòa tinh xá bằng rừng Kỳ Hoàn đi nữa, cũng không bằng ngồi yên giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cúng dường Tam Bảo.

Nếu đem chút vật tặng cho người tại gia, dầu cho tất cả Thánh chúng ở cõi Diêm Phù Đề, được bốn món cúng dường đầy đủ đi nữa, cũng không bằng ngồi yên giữ giới thanh tịnh, tức là thanh tịnh cúng dường tất cả Thánh chúng.

Nếu người có thế lực, muốn phá tháp, hoại tượng, phải đem đồ tặng cho, thì mới được khỏi phá, phải đem bông trái trong chùa bán đi, nếu chùa có tiền hoặc có duyên khác mình được vật, tùy theo đó mà cống hiến cho yên.

Nếu người có thế lực, muốn ở trong chùa, để phá loạn cho hư hao đất chùa, tùy mình có vật chi đem bán lấy tiền, tùy theo duyên mà dứt khoát. Vật của Thường trụ Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng, hoặc người có thế lực, muốn phá hư hao tùy ở trong đất đó có sản xuất ra vật chi, đem bán lấy tiền lo lót cho yên ổn.

Nếu cha mẹ mà thọ Tam quy Ngũ giới, thì cho cúng dường; hay vì người làm công quả trong chùa, như thế thì nên cho.

Nếu người thí chủ muốn sắm đồ cho chúng Tăng và muốn biết phép tắc (*kỷ luật*) như vậy cũng nên cho.

Tất cả người côi cút nghèo nàn đi xin vì tâm thương xót nên cho.

Lại tất cả người nữ, hoặc mẹ, con gái, chị em gái, không luận bà con hay người dưng, đều không cho ngồi chung một giường chiếu, do vì mất oai nghi vậy.

Trong tứ chúng lấy hương xông y, mắc tội Ác tác. Tỳ Kheo Ni phạm Ba Dật Đề vì người nữ có tâm đắm nhiễm rất nặng. Không nên xúi voi giỡn cho đến gà đá.

Nếu cha mẹ khi chết, tất cả không được khóc lóc; Tứ chúng khóc phạm Ác tác, Tỳ Kheo Ni khóc phạm Ba Dật Đề, vì do tâm người nữ ái luyến rất nặng.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người đàn việt thỉnh thầy Tỳ Kheo đưa đám ma, không nên đi. Nếu thầy Tỳ Kheo suy nghĩ : Tôi đi đến đó để quán tử thi là vô thường, do nhân duyên đó mà tôi được chứng quả, như vậy thì nên đi, không lỗi.

Căn Bản Luật nói : Thầy Tỳ Kheo ở những chỗ có Thiên thần ở, không nên cúng dường, cũng không nên khinh dễ họ và hủy hình tượng đó; cũng không nên đi nhiễu miễu ấy. Nếu nhân tiện đường mà đi quanh miễu đó, thì phải tụng bài kệ của Phật, tằng hắng và khảy móng tay ba tiếng, cho kia thức tỉnh.

Thầy Tỳ Kheo không nên bán thuốc, nếu thật thầy thuốc hay, khởi lòng từ thương xót, nhằm bệnh cho thuốc thì được. Còn lãnh giá tiền người ta để hốt thuốc và lãnh mướn, làm mướn cho người, phạm tội Ác tác.

Phật quở các người lộn xộn quá, đi xuất gia rồi, không nên vội đem nghề nghiệp trước, thuở trước bày ra, cũng không nên chứa đồ đạc khéo léo. Phải chăng nếu ông đó trước kia làm thầy thuốc, thì bây giờ cho chứa ống kim và cái túi đựng kéo, còn ông đó trước là học trò, thì cho để bình mực.

Giới thứ mười ba
KHÔNG BỎ TÍNH ÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, tính ác không nghe lời can gián của người; ở trong giới pháp, các thầy Tỳ Kheo như pháp can gián rồi, tự mình không nhận lời can, nói rằng : "Các Đại đức đừng nói với tôi những việc tốt, việc xấu; tôi cũng không tới các Đại đức nói những việc tốt việc xấu. Thôi đi, các Đại đức đừng can gián tôi".*

Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : "Đại đức đừng tự mình không nhận lời can, Đại đức phải nhận lời can ấy". Đại đức như pháp, can gián các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo cũng như pháp can gián Đại đức.

Như vậy mới phải là chúng đệ tử của Phật, được thêm nhiều lợi ích, thay nhau can gián, thay nhau dạy bảo, thay nhau sám hối. Tỳ Kheo ấy khi được lời can như vậy, mà ông giữ bền không bỏ. Tỳ Kheo kia phải ba phen can gián cho bỏ việc ấy, những đến ba phen can gián bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì phạm Tăng già Bà Thi Sa.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiểm Di, trong vườn ông Trưởng giả tên là Mỹ Âm.

Bấy giờ Tôn giả Xiển Đà Tỳ Kheo, tính ác không nhận lời người can gián. Các Tỳ Kheo bạch lên Phật.

Phật ra lệnh : Chúng Tăng làm phép Yết Ma quở can ông, rồi vì đó kiết giới.

Tính ác không thọ lời can của người là sao ? Nghĩa là : Bẩm tính ông đó hay kình chống, không nhận lời lãnh dạy bảo của các Tỳ Kheo.

Ở trong giới pháp là gì ? Là phạm ở trong 7 tụ :

1.- Tội Tha Thắng
2.- Tội Tăng tàng
3.- Tội Ba Dật Đề
4.- Tội Hối quá
5.- Tội Thâu Lan Giá
6.- Tội Đột Kiết La
7.- Tội Ác thuyết.

Các Tỳ Kheo kia khi dùng lời can gián đúng như pháp như luật mà ông giữ chắc tính ác, không vâng lời kia vậy.

Các Tỳ Kheo là ai ? Là chỉ các thiện Tỳ Kheo trì chính pháp vậy.

Như pháp can gián là sao ? Nghĩa là : đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà khuyên can vậy.

Tự mình không thọ lời can gián là gì ? Nghĩa là : Các Tỳ Kheo kia đem giới luật đúng như pháp dạy bảo mà ông đem tâm chống trả, không nhận lời

các Tỳ Kheo kia, nên mới ngăn, không cho nói chuyện vậy.

Các Đại đức đừng tới nói với tôi việc tốt, việc xấu là sao ? Nghĩa là : Việc lợi ích ông không cần khuyến dụ, còn việc không lợi ích ông bảo đừng ngăn cản ông, ấy là lời ngạo mạn vậy.

Tôi cũng không tới các Đại đức nói những việc tốt, việc xấu là gì ? Đây là muốn rõ phần mình không can thiệp gì đến ai, mà ai cũng đừng can thiệp gì đến mình, cũng là ngăn lời cản gián của chúng Tăng vậy.

Thôi đi là sao ? Là lời ngăn chặn trước khi Tỳ Kheo kia chưa mở miệng, bảo đừng nói vậy.

Đừng can gián tôi là gì ? Nghĩa là : tâm mình không chịu, còn thốt ra lời nói, lại càng không chịu nữa.

Tỳ Khẹo kia can gián Tỳ Kheo này là sao ? Nghĩa là : Ông kia phải dùng đúng như pháp mà can dạy ông này.

Đừng tự mình không thọ lời can là sao ? Đó là lời dạy răn.

Tự mình phải thọ lời can là gì ? Là lời dạy bảo.

Đại đức như pháp can giản các Tỳ Kheo v.v... là gì ? Đây là lời khuyến dụ.

Nghĩa là : Chính phải dùng pháp luật kia đây lẫn nhau, dạy bảo can gián.

Như vậy mới là chúng đệ tử của Phật, được thêm nhiều lợi ích là sao ? Chính rõ phải lẫn nhau can gián thì mới được lợi ích, do vì lẫn nhau can gián, nên chúng đệ tử Phật được thêm lớn pháp lành, do vì pháp lành thêm lớn, nên Phật pháp mới rõ ràng, do vì rõ ràng nên chính pháp mới được cửu trụ vậy.

Lẫn nhau can gián, lẫn nhau dạy bảo, lẫn nhau sám hối là gì ? Đây là ân cần dạy bảo, can gián lẫn nhau vậy.

Can gián : Là ngăn việc không lợi ích.

Dạy bảo : Là khiến được việc lợi lành.

Sám hối : Là bỏ việc ác trước, mà tu việc lành sau vậy.

Khi can như vậy mà ông bền giữ không bỏ là sao ? Nghĩa là : Khi Tỳ Kheo ấy được Tỳ Kheo kia can riêng như vậy mà ông giữ bền tính ác, không chịu sửa theo.

Tính ác không nghe lời người, cho đến đừng can gián tôi là gì ? Là cái nhân khởi phạm tội.

Đừng tự mình không nhận lời can cho đến lẫn nhau sám hối là sao ? Đây là lời can gián riêng.

Ba phen can gián là gì ? Nghĩa là : Trong chúng Tăng bạch ba lần Yết Ma, mà can gián ông.

Không bỏ là sao ? Là văn kết tội.

Thể thức phạm tội trong giới này là gì ? Như : nhẹ, nặng, và bốn chúng kia mắc tội, có phạm không phạm, cũng đồng như giới trước.

Nếu vì người vô trí, khi quở can, phải nói ông đó như vầy : "Chỗ sở hành Hòa Thượng A Xà Lê của ông cũng can ông như thế, ông phải học hỏi, tụng kinh lại".

Bấy giờ Phật bảo các thầy Tỳ Kheo rằng : "Nay ta vì các ông, nói 8 thứ ngựa dữ và 8 hạng người ác".

Những gì là tám ?

1.- Hoặc có con ngựa dữ, tra hàm thiếc và roi, muốn cho nó đi, mà nó dục dặc không đi.

2.- Hoặc dựa hai bên gọng xe, không chịu chạy tới.

3.- Hoặc nhảy dựng lên ngã xuống đất, bị trầy đầu gối lại gãy gọng xe.

4.- Hoặc thụt lùi không chạy tới.

5.- Hoặc là giong chạy đường khác, bể bánh, gãy trục.

6.- Hoặc không sợ thằng chăn cũng không sợ roi, phương tiện ngậm hàm thiếc, chạy càn kềm chế không được.

7.- Hoặc hai chân dựng dứng, sôi bọt mồm.

8.- Hoặc nằm bẹp xuống.

Đó là 8 thứ ngựa dữ.

Còn những gì là 8 hạng người dữ ?

1.- Hoặc có thầy Tỳ Kheo, cử tội thấy, nghe, nghi, cho ông, mà ông lại nói rằng : "Tôi không nhớ,

tôi không nhớ". Như con ngựa dữ kia tra hàm thiếc và roi. mà còn dục dặc không đi.

2.- Hoặc không nói phạm, không nói không phạm; dứng chần ngần làm thinh đó. Như con ngựa dữ kia, dựa nính hai bên gọng xe mà không chịu đi tới.

3.- Hoặc nói Trưởng lão cũng phạm tội như tôi, làm sao trị phạt tôi được. Như con ngựa dữ kia nhảy lộn ngã xuống đất, đã trầy đầu gối lại gãy gọng xe vậy.

4.- Hoặc nói Trưởng lão tự ngu si, cũng phải nhờ thầy dạy, mà muốn dạy tôi. Như con ngựa dữ kia xụt xịt thụt lùi mà không đi tới.

5.- Hoặc đem việc khác mà trả lời, lại sinh tâm sận hận. Như con ngựa dữ kia, chạy bậy trong đường hiểm bị bể bánh, gãy trục.

6.- Hoặc không sợ chúng Tăng, cũng không sợ phạm lỗi, mà cũng không chịu ai cử tội, bèn lấy tọa cụ vắt trên vai mà đi tuốt, không quở trách và kềm chế được. Như con ngựa dữ kia, không sợ thằng chăn mà cũng không sợ roi ngậm hàm thiếc chạy lủi, không thể kềm chế được.

7.- Hoặc lật trái cái y, dứng giữa chúng Tăng múa tay nói lớn : "Ai cho các ông dạy bảo tôi đó". Như con ngựa dữ kia, dựng ngược hai chân lên sôi bọt mồm vậy.

8.- Hoặc nói : "Trưởng lão cũng không cho tôi y, bát, ngọa cụ, thuốc thang, cớ sao lại dạy tôi", ông nói như vậy rồi liền xả giới và lột y bỏ bên đường,

đến chỗ chúng Tăng buông lời nói như vầy : "Tôi đã thôi tu rồi, ý mấy cha khoái không ?". Như con ngựa dữ kia, nằm bẹp xuống.

Đó là 8 hạng người ác, cũng như 8 thứ ngựa dữ kia thiệt đáng thương xót !

Này các đệ tử ôi ! Ta đã giảng đủ rồi, các ông phải ngồi chỗ trống hoặc dưới gốc cây, mà tu tập Thiền định, chớ đừng buông lung, sau rồi ăn năn không kịp; đây chính là lời ta dạy bảo các ông. (*Như các văn Yết Ma trước, trong Đại Luật và trong bản Yết Ma có chép đủ*).

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa các Đại đức, tôi đã nói 13 phép Tăng già Bà Thi Sa, 9 giới ban đầu vừa làm thì phạm, còn 4 giới sau những đến ba phen can gián.*

Nếu Tỳ Kheo nào phạm mỗi mỗi pháp, biết mà che giấu, phải cưỡng cho phép Ba Lợi Bà Sa, hành Ba Lợi Bà Sa rồi, lại thêm sáu đêm hành phép Ma Na Đỏa, hành Ma Na Đỏa xong, còn phép xả tội. Phải đủ trong 20 ông Tăng mới xả được tội cho ông Tỳ Kheo đó. Nếu thiếu một, không đủ 20 ông Tăng để xả tội cho Tỳ Kheo đó, thì cái tội Tỳ Kheo đó không dứt được. Các Tỳ Kheo tác pháp Yết Ma trên cũng đáng quở trách. Việc này là phải thời.

Nay hỏi các Đại đức, trong đây thanh tịnh hay không ? (hỏi ba lần). Chư Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì lắng lặng thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : **Tôi đã nói là gì ?** Nghĩa là : Tự bày cái việc của mình đã nói rồi, muốn cho chúng

Tăng nghe được xét lại tội đó, để dần dần đi đến giai đoạn chấm dứt vậy.

Chín giới ban đầu vừa làm thì phạm là sao ? Nghĩa là : Chín (9) giới trước trong khi vừa làm, thì bèn mắc Bổn tội (*Tăng tàng*) không đợi chúng Tăng can gián không bỏ mới thành phạm ư !

Bốn (4) giới sau nhẫn đến ba phen can gián là sao ?

Nghĩa là : Bốn (4) giới sau bạch ba lần Yết Ma can gián rồi mới phạm tội đó.

Phạm mỗi mỗi pháp là gì ? Nghĩa là : Ở trong 13 pháp (*Tăng tàng*) tùy phạm một tội vậy.

Biết mà che giấu là sao ? Nghĩa là : tâm rõ biết mình có phạm tội đó, mà cố che giấu, không chịu phát lồ với ai vậy.

Phải cượng cho phép Ba Lợi Bà Sa là gì ? Cượng : Nghĩa là : Không vui.

Ba Lợi Bà Sa : Trung Hoa dịch là ở riêng; là tùy ông kia che giấu mấy ngày chúng Tăng phải cho phép không vui ở riêng mấy ngày.

Hành Ba Lợi Bà Sa rồi :

Nghĩa là : Che giấu mấy ngày, phải làm (*phạt*) mấy ngày ở riêng; nhưng trong chặng giữa hành đúng như pháp không có phạm nữa.

Lại thêm 6 đêm hành Ma Na Đỏa là sao ? Ma Na Đỏa : Trung Hoa dịch là Ý hỉ.

Nghĩa là : Hành pháp ở riêng rồi, lại tăng thêm cho 6 đêm Ý hỉ, hành 6 pháp Ý hỉ rồi, tội này mới được thanh tịnh, thì tâm ông được vui vẻ, mà chúng Tăng cũng được vui vẻ.

Nghĩa là : Chúng Tăng biết ông đó, nhân nơi đây mà cải hối ăn năn, không còn khởi tâm phiền não thành người thanh tịnh; nên mới làm phép xả tội cho ông; nếu ông không che giấu, thì không cần làm phép ở riêng; chỉ làm ngay 6 đêm Ý hỉ mà thôi; đây vì nói đêm mà gồm cả ngày, cho nên nói là 6 đêm vậy.

Hành Ma Na Đỏa rồi là gì ? Nghĩa là : Sáu đêm hành đúng như pháp rồi, mà trong thời gian ấy không hoại pháp đó.

Còn pháp xả tội v.v... là sao ? Nghĩa là : Trong 6 đêm mà làm phép đó, là làm phương tiện cho tội ấy được thanh tịnh, còn phép xả tội nữa. Phải đối với 20 ông Tăng mà xả, nếu thiếu, không đủ 20 ông Tăng, thì pháp ấy không thành xả, và tội của vị ấy cũng không dứt và chúng Tăng cũng mang lỗi phi pháp.

Bởi vì đức Như Lai là ngôi Pháp vương, thâm hiểu nghiệp tính của chúng sinh, nên cần phải 20 ông Tăng thanh tịnh, thì tội ấy mới dứt, chẳng phải vậy thì không khỏi.

Dụ như người bị kẻ chặt đầu chỉ còn cái cuống họng, nếu không nhờ thầy giỏi và thuốc hay, thiếu ra công lực, thì không thế gì sống được.

Người phạm giới này cũng vậy, nếu không y pháp và không chúng Tăng thanh tịnh, thiếu chúng thiếu duyên, mà giới trở lại thanh tịnh được, thì không có lẽ đó.

Ấy là phải thời là gì ? Đây là phép xả tội cho ông đó. Còn bao nhiêu văn đều giải như giới trước.

Trong đây hành pháp như thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo phạm tội Tăng tàng có che giấu, phải tùy che giấu mấy ngày, làm phép Yết Ma trị tội che giấu. Tỳ Kheo kia phải đến giữa chúng Tăng, đủ oai nghi lễ dưới chân chúng Tăng, quỳ gối chắp tay bạch rằng :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng có che giấu (*hoặc mấy ngày, phải tùy theo khi che giấu : năm, tháng, ngày, giờ xứng nói*). Tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng, che giấu bao nhiêu ngày... nay đối chúng Tăng, xin phép che giấu Yết Ma, xin chúng Tăng cho tôi Tỳ Kheo pháp danh... tùy che giấu mấy ngày Yết Ma, xin thương xót tôi" (*nói ba lần*).

Trong chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma mà cho, nếu trong khi hành pháp che giấu, lại phạm thêm, phải đối chúng Tăng xin phép che giấu, bổn nhật trị, chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma mà cho.

(*Đây là tội mới, tội cũ hiệp một pháp, gọi là pháp che giấu hư hoại. Nếu phép che giấu không hư hoại, hành xong thì xin y phép ý hỉ 6 đêm*).

Hành pháp che giấu xong, phải đối chúng Tăng xin ý hỉ 6 đêm, chúng Tăng phải bạch tứ Yết

Ma mà cho; hành pháp 6 đêm ý hỉ rồi, đến chúng Tăng xin phép xả tội, chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma xả tội cho ông.

Nếu phạm Tăng tàng không che giấu, phải đến chúng Tăng xin phép ý hỉ 6 đêm, chư Tăng bạch bốn lần Yết Ma cho vị đó.

Khi làm phép ý hỉ lại phạm thêm, phải xin phép ý hỉ bổn nhật trị, chư Tăng phải bạch bốn lần Yết Ma mà cho vị đó.

(*Đây cứ tội mới và tội cũ hiệp lại làm phép Yết Ma mà trị, thế gọi là phép Ma Na Đỏa bị hư hoại*).

Hành pháp bổn nhật trị rồi, xin phép xả tội; chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma xả tội cho ông. Như phạm thêm nhiều tội Tăng tàng, hoặc che giấu một đêm, nhẫn đến 10 đêm, phải bạch tứ Yết Ma, cho làm chung nhiều tội Tăng tàng 10 đêm che giấu, (*như pháp hành rồi, kế đó cho phép ý hỉ, rồi làm phép xả tội*). Hoặc có phạm hai tội Tăng tàng, mỗi một tội đều có che giấu, hoặc nhớ một tội, quên một tội; hoặc có một tội nghi, một tội không nghi; hoặc một tội biết một tội không biết; hoặc khi xin làm phép che giấu, một tội nói, một tội không nói, phải tùy theo chỗ nhớ, chỗ biết, chỗ nói, không nghi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông.

Hoặc sau rồi ông nhớ lại, tỉnh lại, nói được, hết nghi, phải tùy ông phạm tội chi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Nếu che giấu hai tháng, hoặc nhớ một tháng, quên một tháng cho đến nói một tháng, một tháng không nói cũng như vậy.

Hoặc có Tỳ Kheo phạm hai tội Tăng tàng, rồi thôi tu; lúc thôi tu, rồi trở lại xin thọ Đại giới, hoặc trước sau đều che giấu, hoặc trước che giấu sau phát lồ, hoặc trước phát lồ sau che giấu. Phải tùy theo ngày che giấu, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Hoặc trước sau đều phát lồ, thì phải cho Ý hỉ.

Trước : là trước khi thôi tu.
Sau : là sau khi trở lại thọ Đại giới.

Hoặc trước một tội giấu, một tội không giấu, sau hai tội đều giấu. Hoặc trước che giấu, sau cũng che giấu, trước phát lồ, sau cũng phát lồ. Hoặc trước che giấu sau phát lồ; trước phát lồ sau che giấu. Hoặc trước che giấu một tội, phát lồ một tội, sau đều hai tội phát lồ. Như thế đều phải tùy chỗ che giấu đó, chúng Tăng làm phép Yết Ma che giấu cho ông.

Hành pháp che giấu rồi, vậy sau hai tội đều cho làm phép Ý hỉ. Một tội nhớ, một tội quên. Một tội nghi, một tội không nghi. Một tội biết, một tội không biết. Một tội nói, một tội không nói đều như văn trên. Một tội che giấu, một tội không che giấu, làm bốn câu, cộng thành 20 câu.

Khi đương hành phép che giấu. Khi hành phép che giấu rồi. Hoặc khi đương hành phép ý hỉ. Hay hành phép Ý hỉ rồi. Đều làm 20 câu cũng vậy (*từ một câu che giấu, một câu không che giấu, đến đây cộng lại có 100 câu*).

Trước kia làm Sa Di, sau thọ Đại giới; một trăm câu cũng như vậy.

Hoặc điên cuồng, tâm loạn, thống não, cử tội ông không thấy tội; cử tội không sám hối, cử tội ông không bỏ ác kiến, mỗi mỗi có 100 câu (*cộng lại có 800 câu*)

Hoặc khi hành tội che giấu, ông thôi tu, sau rồi trở lại thọ Đại giới, (*sau phải hành tiếp tục tội che giấu những ngày trước*). Hoặc phải làm phép trị tội bổn nhật của ông thôi tu kia (*sau làm phép trị tội bổn nhật cho ông*). Hoặc hành tội che giấu rồi, thôi tu (*sau phải cho phép Ý hỉ*). Hoặc đương hành pháp Ý hỉ mà thôi tu (*sau phải cho tiếp ngày đó mà hành lại*). Hoặc hành pháp Ý hỉ rồi thôi tu (*sau phải xả tội cho ông*).

Làm Sa Di cho đến cử tội không bỏ ác kiến, đều thành 5 câu, cũng như vậy (*từ khi làm phép che giấu cho đến thôi tu, đến đây cộng lại có 40 câu*).

Nếu có Tỳ Kheo phạm tội Tăng tàng, mà nói phạm Tứ khí che giấu hoặc nói phạm Ba Dật Đề, cho đến tội ác thuyết che giấu ấy là không phải che giấu, phải dạy ông sám hối Đột Kiết La rồi, cho phép Ý hỉ; hoặc có phạm Ba Dật Đề, nói là Tứ khí, v.v... mà che giấu. Đều trước dạy sám hối Đột Kiết La rồi, sau theo pháp sám hối Bổn tội (*Ba Dật Đề*).

Nếu phạm tội Tăng tàng, tưởng Tăng tàng che giấu, phải dạy sám hối tội Đột Kiết La rồi, làm phép Yết Ma che giấu cho ông. Hoặc phạm tội Tăng tàng, không nhớ số phạm cũng không nhớ số ngày, hoặc nhớ số phạm không nhớ số ngày đều phải làm phép che giấu cho, từ ngày thanh tịnh lại đây. Hoặc nhớ

số ngày không nhớ số phạm, phải lấy số ngày, cho làm phép che giấu cho ông, nghi, không nghi, biết, không biết, cũng như vậy.

Nếu Tỳ Kheo đối chúng Tăng xin hành phép Ma Na Đỏa mà trong ngày đó giữa chừng, phạm thêm, rồi che giấu; chúng Tăng phải nói rằng : "Ông nên hành pháp Ma Na Đỏa lại". Nếu ông hành pháp Ma Na Đỏa lại từ một đêm, cho đến 6 đêm, trong khoảng giữa phạm thêm rồi che giấu, phải cho hành pháp Ma Na Đỏa lại, kế làm phép bổn nhật trị ông, vậy sau mới làm phép xả tội.

Thầy Tỳ Kheo tự hành tội che giấu, cho đến làm phép xả tội v.v... không nên thay nhau làm phép Yết Ma che giấu và phép bổn nhật trị, phép ý hỉ, phải đủ số 20 ông Tăng xả tội.

Tỳ Kheo hành phép che giấu, có 8 việc mất đêm, và phạm tội Ác tác.

1.- Đi đến chùa khác không bạch

2.- Ông khách Tỳ Kheo đến không bạch

3.- Có việc đi ra ngoài không bạch

4.- Trong chùa đi chậm rãi không bạch

5.- Có bệnh không mượn người bạch

6.- Hai ba thầy ngủ chung một thất (*ông phải ở riêng trong một phòng nhỏ*)

7.- Ở chỗ không thầy Tỳ Kheo

8.- Khi nửa tháng tụng giới không bạch.

Khi bạch phải đủ oai nghi, bạch như vầy :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo pháp danh... phạm tội Tăng tàng che giấu.

Tôi Tỳ Kheo pháp danh... tùy ngày che giấu, đối chúng Tăng xin phép Yết Ma ngày che giấu; chúng Tăng đã làm phép Yết Ma tùy ngày che giấu cho tôi.

Tôi Tỳ Kheo pháp danh... đã hành bao nhiêu ngày còn bao nhiêu ngày... chưa hành. Bạch chư Đại đức hay, tôi hành tội che giấu, hoặc hành tội Ý hỉ.

Phải thường ở trong chúng mà ngủ, mỗi ngày cứ theo như trước mà bạch. Nếu đến ngày Bố tát, ông kia yếu đuối, có nhiều việc hổ thẹn; phải đến thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, bạch rằng : "Thưa Đại đức Thượng Tọa, tôi ngày nay bỏ phép dạy, không thật hành". Nếu khi muốn hành, phải đến thầy Tỳ Kheo thanh tịnh bạch rằng : "Thưa Đại đức, tôi ngày nay tùy theo chỗ dạy bảo, sẽ làm".

Tỳ Kheo làm phép che giấu, phép Ý hỉ, phải làm 35 việc, nếu không làm thì phạm tội (*35 việc như thiên đầu về Giới dâm có giải; phải biết tội này không phải nhẹ*). Phép sám hối trong đây nhiều chỗ nhặt nhiệm, lý phải ròng chuyên mới được. Mình phải y luật mà thật hành, không như vậy pháp sám kia thành luống, mình còn chịu lấy tội nặng.

Tướng phạm trong đây có sai khác phép Yết Ma xả tội và phép hành tội che giấu, phép hành tội Ma Na Đỏa, đủ ở trong Đại Luật, về thiên Phú tàng Kiền độ và trong bản Yết Ma, đây không giải nhiều.

Có chỗ nói : Nếu không nhớ số ngày che giấu, phải hành cho đủ 100 ngày làm số hạn định.

Thập Tụng Luật nói : Kể từ ngày thọ Đại giới trở lại đây mà trị.

Ngũ Phần Luật dạy : Kể từ ngày ông nhớ tội phạm sắp lại mà trị, cho ở riêng, còn nghi cũng như vậy.

Mẫu kinh nói : Do nghĩa gì gọi là biệt trụ ? Nghĩa là : Phải ở riêng một phòng, không được ở chung với chúng Tăng, phải ngồi rốt sau tất cả đại chúng, không được ăn chung một mâm, nhưng còn phải làm việc nhọc cho tất cả chúng Tăng như là : quét tháp và quét phòng chúng Tăng, nhẫn đến quét nhà đại tiểu cho chúng Tăng, đều dọn dẹp sửa sang hết. Tuy lại còn vào trong chúng Tăng, nhưng không được bàn luận với chúng Tăng, nếu chúng Tăng có hỏi ý kiến cũng không được luận đáp, do vì lẽ đó nên gọi là Biệt trụ.

Ma Na Đỏa là gì ? Bản nhà Tần dịch là Ý hỉ.

Nghĩa là : Ý mình vui vẻ, cũng khiến chúng Tăng vui vẻ, hành khổ như trước không khác, chỉ có khác là hạn ngày ít hơn thôi.

Thiện Kiến Luật nói : Bản đời Tần dịch : Chiết phục cống cao, nghĩa là bẻ dẹp tâm cống cao; cũng nói : "Hạ ý", hạ ý là : hạ mình xuống vâng thờ chúng Tăng vậy.

Ngũ Phần Luật nói : Có các Tỳ Kheo, hoặc khi hành pháp Biệt trụ, hoặc khi hành pháp Ý hỉ, hoặc

hành pháp Ý hỉ rồi, khi kêu ông vào xả tội, mà ông qua đời. Chư Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn, ông kia cụ giới qua đời hay là phá giới mà qua đời ?".

Phật nói : Đều là Cụ giới.

Nói tội Thâu Lan Giá có hai ngôi :

1.- Ngôi Căn bản, cũng gọi là ngôi Độc đầu.

2.- Ngôi Tùng sinh, cũng gọi là ngôi Phương tiện.

Trong hai ngôi này, pháp sám chia làm ba phẩm :

1.- Thượng phẩm : Đối với trong đại chúng mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản phá chủ chuyển pháp luân, trộm bốn tiền, trộm đồ ăn của chúng Tăng, giết Trời v.v... Trong ngôi Tùng sinh : Ba La Di bậc hạ, nặng hơn tội Thâu Lan Giá.

2.- Trung phẩm : Đối với ba thầy Tỳ Kheo mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản, phá chúng Tăng Yết Ma, làm bạn phá chuyển pháp luân, trộm ba tiền, chạm cọ lẫn nhau với người nữ có y, v.v...

Trong ngôi Tùng sinh : Ba La Di bậc hạ, nhẹ hơn Thâu Lan Giá; Tăng tàng bậc hạ, nặng hơn Thâu Lan Giá.

3.- Hạ phẩm : Đối với một thầy Tỳ Kheo mà sám.

Nghĩa là : Trong ngôi Căn bản : Tâm ác mắng chúng Tăng, trộm một tiền, dùng tóc người, dùng da người, dùng bát bằng đá, cạn lông, lõa hình, ăn huyết nhục sống, mặc y ngoại đạo, v.v...

Trong ngôi Tùng sinh : Tăng tàng bậc hạ nhẹ hơn tội Thâu Lan Giá.

Xét trong Thập Tụng Luật : Nặng thì phải sám hối giữa tất cả chúng Tăng. Tội vừa vừa : phải ra ngoài giới, đối với bốn thầy Tỳ Kheo làm pháp mà sám hối. Tội nhẹ thì đồng như trên.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Tội Thâu Lan Giá ở trong tội Thô ác sinh ra, cho nên gọi là Thâu Lan Giá. Lại nữa : muốn khởi việc lớn mà không thành nên gọi là Thâu Lan Giá. Lại nữa nặng hơn tội Đột Kiết La và Ác thuyết nên gọi là Thâu Lan Giá.

Nếu muốn sám trừ tội này, về tội Thâu Lan Giá phẩm thượng khi đối trong đại chúng mà sám, phải đến trong chúng Tăng đủ oai nghi, cầu chúng Tăng, ba phen xin rồi, mới thỉnh một ông làm Sám chủ; Sám chủ kia phải xin phép, xin phép chúng Tăng rồi, vậy sau mới thọ cái sám hối ông kia.

(*Xét trong Thập Tụng Luật : đối với tất cả chúng Tăng và bốn thầy Tỳ Kheo mà sám, pháp sám cũng đồng như đây*).

Còn trung phẩm, thì đối với tiểu chúng mà sám; phải đến chỗ ba Tỳ Kheo thanh tịnh, thỉnh một ông làm vị Sám chủ. Vị Sám chủ phải hỏi hai ông Tỳ Kheo kia rồi, vậy sau mới thọ cho ông kia

sám. Muốn đối trước hai thầy Tỳ Kheo mà sám, cũng đồng như văn đây.

Còn phẩm hạ : thì đối với một ông mà sám, phải đến chỗ một thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, trước thỉnh làm ông Chủ sám rồi, vậy sau mới sám hối. Pháp sám trong đây và pháp bạch Tăng, văn bạch Sám chủ, cũng đồng như văn sám Xả đọa, chỉ trừ xả và đổi tên tội, là khác mà thôi, nên đây không giải nữa.

Quán Phật Tam muội Kinh nói : Phạm tội Thâu Lan Giá lâu không sám hối, luống ăn đồ của chúng Tăng, ngồi ở trong chúng Tăng, cùng chúng Tăng Bố tát, như vậy đông nhiều đến vô lượng người tội bất tịnh ác nghiệp, đến khi mạng chung cả mình đều thơm ngát, như con xạ hương, không thể ở được, ông đó mới suy nghĩ như vầy :

Bây giờ mình phải ở nơi nào, cho đừng nghe mùi thơm này, hơi thơm đó cũng như luồng gió cuồng phong đến xông ướp nơi lòng ta. Suy nghĩ như vậy rồi, thì quỷ ngục tốt và quỷ La Sát hóa thân mình cũng như cái bình tốt, trong đựng đầy cứt đái, đến chỗ người tội, lấy tay thoa vuốt khiến cho người tội kia tâm ưa say đắm; hơi đứt mạng chung, cũng như luồng gió thổi đọa vào địa ngục phẩn sôi, thân thể rã rời, các loài trùng mổ ăn, chạy đông, chạy tây cũng không khỏi được.

Lớp thì bị chẻ xương rút tủy, đói khát ép ngặt, uống nước phẩn sôi, giòi tửa, sên lãi rút cắn cuốn lưỡi, một ngày một đêm, chín muôn ức lần sinh, chín muôn ức lần tử.

Khi tội hết rồi, sinh vào nhà bần tiện, làm tôi mọi cho người, không được rảnh rang, dầu sinh vào thời kỳ nào, hằng gặp ông vua hung ác, ông chủ tà kiến, đủ chuyện ác nghiệt, ép ngặt thân thể, nào là u nhọt, nào là ghẻ độc cả mình.

3.- PHÁP BẤT ĐỊNH (chia làm ba)

a/ Nêu chung
b/ Chia riêng
c/ Kết hỏi.

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, hai pháp bất định này mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra.*

CHÚ GIẢI : Pháp bất định :

Nghĩa là : Cái thể tội này, tướng không nhất định, gồm có nhiều tội không thể định chắc được.

Tát Bà Đa Luận nói : Bấy giờ Phật ngồi nơi đạo tràng đã quyết định : Giới chia làm năm Thiên : nhẹ, nặng, khai cho, ngăn cấm, không pháp nào là không định.

Đây sở dĩ nói không định là sao ? Là chỉ cho người đáng tin, không biết danh tội và cũng không biết tướng tội nặng hay nhẹ. Miễn thấy người chung với người nữ một chỗ, cũng không biết làm việc chi, hoặc làm việc dâm dục, hoặc đụng chạm, hoặc rờ rẫm, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói quá năm, sáu lời, nên gọi là Bất định (*Ni không có hai pháp này*).

b/ CHIA RIÊNG (có hai)

Pháp Bất Định trước

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, cùng với người nữ ngồi riêng chỗ khuất, chỗ che ngăn, có thể hành dâm, nói lời phi pháp, có người trụ tín Ưu bà di; ở trong ba pháp nói ra mỗi pháp, hoặc Ba La Di, hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề. Thầy Tỳ Kheo ngồi đó tự nói rằng : "Tôi phạm tội này" ở trong ba tội, phải theo mỗi tội mà trị, hoặc Ba La Di, hoặc Tăng già, hoặc Bà Thi Sa, hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề, đúng như lời của cô trụ tín Ưu bà di nói, phải như pháp mà trị Tỳ Kheo đó, gọi là pháp bất định.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di khi chưa đi xuất gia, có quen với vợ người bạn thân tên là Trai Ưu bà di, thường ưa trìu mến nhau; trong khi ông đi khất thực, đi đến nhà người ấy, ngồi chung một giường nơi chỗ khuất vắng, nói chuyện phi pháp, bà Tỳ Xá Khư nghe tiếng, đến nhìn thấy rõ ràng, đem việc này bạch lên đức Thế Tôn; đức Thế Tôn dùng đủ thứ quở trách ông Ca Lưu Đà Di, rồi cùng các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Tát Bà Đa Luận nói : Phật cùng chư Tỳ Kheo kiết giới :

1.- Ngăn ngừa lời phỉ báng

2.- Trừ việc kinh cãi.

3.- Pháp lành được thêm lớn. Thầy Tỳ Kheo đi xuất gia muốn dứt hẳn tục nhơ ở đời, cho Trời, người yêu chuộng tin kính.

4.- Dứt ác nghiệp theo thứ lớp, ban đầu thì ngồi chỗ khuất, mà sau lần lần tiêm nhiễm trìu mến, không chỗ nào là không đến, cho nên phải ngăn ngừa mà chế ra giới đây.

Người nữ : Là người nữ cõi người, hoặc già, hoặc trẻ, mà có hành dâm được.

Riêng : Là một thầy Tỳ Kheo, một người nữ chớ không còn ai nữa.

Chỗ khuất có hai chỗ :

1.- Là thấy che khuất, hoặc bụi bay, hoặc sương mù, hoặc ở chỗ tối tăm không thấy nhau.

2.- Là nghe che khuất, những đến chỗ nói thường không nghe tiếng vậy.

Chỗ che ngăn : Hoặc gốc cây, hoặc vách tường, hoặc hàng rào, hoặc y phủ, và các vật ngăn che khác, các chỗ đó đều là ngăn che thân hình được và cũng giấu chỗ hổ thẹn.

Có thể hành dâm là gì ? Là chỗ đó kham làm việc bất tịnh.

Ngồi : là chỗ thân ở, hoặc là giường hay là tòa ngồi, những đến dưới đất trải được chiếc chiếu, hai thân ngồi được.

Nói lời phi pháp là sao ? Là nói lời quấy vậy.

Người trụ tín Ưu bà di là ai ? Nghĩa là : Người này đối với ngôi Tam Bảo tâm rất tín kính, không bao giờ lui sụt và đối với bốn chân đế không còn nghi lầm, chắc chứng quả Tứ đế, dầu cho có nhân

duyên chi mất mạng đi nữa, quen không nói vọng, dầu cô kia chưa chứng quả tứ đế, mà có cái tâm tin mến ngôi Tam Bảo, thọ trì năm giới, nhớ giỏi, nói năng không lầm, ngôn hạnh trung tín, chân thật không láo dối, cũng gọi là người trụ tín vậy.

Ưu bà di : dịch là : Cận sự nữ.

Ở trong ba pháp nói ra mỗi pháp là thế nào ? Nghĩa là : Trong pháp Tứ khí, 13 Tăng tàng, và 90 Xả đọa, tùy nói mỗi một pháp trong đó.

Thầy Tỳ Kheo ngồi đó tự nói : Tôi phạm tội này, v.v... là gì ? Nghĩa là : Do Tỳ Kheo đó cứ sự thật trình bày những chỗ phạm của mình thì chúng Tăng theo lời của ông mà trị tội đó, nếu lời của thầy Tỳ Kheo đó, với lời của cô Ưu bà di không hợp nhau, thì phải theo lời của cô Ưu bà di mà trị ông. Nếu ông cự chối, không chịu, phải bạch tứ Yết Ma, cử cho ông gọi tội bất kiến.

(*Thập Tụng và Căn bản nói : Làm phép Yết Ma dạy cho ông tìm tướng tội*).

Nếu cô Ưu bà di, vì muốn hộ Tỳ Kheo kia, không chịu nói để làm chứng, hoặc nói lảng qua việc khác, hoặc nói việc chi không rành rẽ, đều phải y theo lời của Tỳ Kheo kia nói mà trị ông.

Thể thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Hoặc Tỳ Kheo tự nói chỗ mình đi đến, tự nói đến chỗ nào, tự nói ngồi, tự nói nằm, tự nói làm việc dâm dục, thì phải y lời Tỳ Kheo đó mà trị ông, nếu ông không nhận có làm dâm dục phải y theo lời của cô trụ tín Ưu bà di nói mà trị ông.

Nếu ông nói chỗ đi, chỗ đến, chỗ ngồi, mà không nói chỗ nằm và làm dâm dục; hoặc ông nói chỗ đi, chỗ đến, mà không nói chỗ ngồi, chỗ nằm và làm dâm dục; hoặc ông nói chỗ đi, mà không nói chỗ đến, chỗ ngồi, chỗ nằm và làm dâm dục. Và ông không nói chỗ đi, những đến ông không nói chỗ làm dâm dục, v.v... đều cứ y theo lời của cô trụ tín mà trị ông.

Phải đúng như pháp mà trị là sao ? Nghĩa là : đúng như pháp, như luật, như lời Phật dạy, ở trong ba pháp tùy theo sự mà trị.

Ông đã không chịu tội, thì chúng Tăng phải vì ông mà làm phép Yết Ma, rồi cho ông 35 hạnh Tùy thuận.

Tát Bà Đa Luận nói : Hoặc làm phép Yết Ma rồi, nếu ông nói tội trước thì phải giải phép Yết Ma, rồi tùy theo tội nặng nhẹ mà trị ông. Nếu ông không nói, dầu trọn đời cũng không nên giải phép Yết Ma.

Pháp Bất định sau

CHÍNH VĂN : *Nếu thầy Tỳ Kheo cùng với người nữ ở chỗ trống trải, là chỗ ngồi không thể làm việc dâm dục được, chỉ nói lời thô ác, cô trụ tín Ưu bà di ở trong hai pháp, nói ra mỗi pháp; hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề. Tỳ Kheo ngồi đó tự nói rằng : "Tôi phạm tội đấy", đối trong hai pháp, phải mỗi mỗi mà trị; hoặc Tăng già Bà Thi Sa, hoặc Ba Dật Đề, như lời của cô trụ tín Ưu bà di đã nói, phải như pháp mà trị Tỳ Kheo đó. Thế gọi là pháp bất định.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Song giới này cùng giới trước, về sự tướng phần nhiều giống nhau. Nhưng trong giới này đặc biệt hơn, căn cứ theo giới trước thì có ba việc :

1.- Là ngồi chỗ khuất
2.- Là chỗ ngăn che
3.- Là chỗ có thể làm việc dâm dục.

Còn trong giới này chỉ có hai việc :

1.- Ngồi chỗ trống trải
2.- Ngồi chỗ không thể làm việc dâm dục.

Song, tội Ba La Di kia, không do đâu mà sinh ra được. Bởi kia chung ngồi chỗ trống, hoặc thân đụng cọ với nhau, hoặc nói lời thô ác, hoặc nói những chuyện đòi hỏi việc cúng dường phi pháp v.v... Nên mắc tội Tăng tàng.

Nếu riêng cùng người nữ ngồi chỗ trống, hoặc nói pháp quá 5, 6 câu (*lời*) hoặc nói với người : Thật được pháp bậc Thượng nhân, hoặc nói Thô tội của người khác, v.v... nên phạm Ba Dật Đề.

Trong đây nói chữ hoặc cũng là lời Bất định.

Nghĩa là : Đối với việc của vị kia làm không rốt ráo (*chưa phải thiệt nặng như tội Ba La Di, tội Ba Dật Đề, tội Tăng tàng*) chỉ là phạm Thâu Lan Giá, Đột Kiết La và Ác thuyết mà thôi. Giới này chỉ trừ việc dâm dục kia, hành tướng có khác mà thôi, còn bao nhiêu như chỗ đi, chỗ đứng, chỗ đến và chỗ ngồi, nằm đều giải y như giới trước.

c/ KẾT HỎI.

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã tụng hai pháp Bất định rồi, nay hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không ? (hỏi ba lần).*

Chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Văn kiết trong đây, như văn trước nên biết, không còn giải riêng nữa.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN BA)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN TƯ

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

4.- PHÁP XẢ ĐỌA (chia làm ba)

a/ Nêu chung
b/ Chia riêng
c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là 30 phép Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, mỗi nửa tháng tụng, rút trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Ni Tát Kỳ, Trung Hoa dịch là : Xả. Ba Dật Đề có nghĩa là : Đọa. Lại có chỗ giải chữ "Ni" là : Hết, "Tát Kỳ" là : Xả.

Nghĩa là : Những của cải bị phạm kia, đều phải đem xả hết cho chúng Tăng, hoặc xả cho nhiều người, hoặc xả cho một người, không được xả cho biệt chúng.

Chữ Xả nghĩa là : Cúng hay cho.

Đã xả vật rồi, còn tội đọa phải đối với chúng Tăng mà sám hối. Tội đọa trong đây cũng đồng với 90 tội ở sau.

Song, tội đọa của đại Tăng, cộng có 120 món, mà đây lựa ra có 30 món, vì chứa của cải mà sinh phạm, vì tâm tham lam quá mạnh, nên Phật dạy phải xả cho chúng Tăng.

Còn 90 giới Ba Dật Đề sau, không vật chi phải xả, vì thế nên khác, 30 món này gọi là : Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

b/CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất
CHỨA Y DƯ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, và y Ca Hi Na (y công đức) đã xả; được chứa y dư trong 10 ngày, không làm phép tịnh thí được chứa. Nếu qua 10 ngày, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, dạy các thầy Tỳ Kheo phải giữ ba y không nên dư. Bọn Lục quần Tỳ Kheo sớm mai, trưa và chiều, hai thời đều chứa y dư, nên Phật mới cấm không cho.

Bấy giờ ông A Nan được y phấn tảo, muốn cúng cho ngài Đại Ca Diếp, vì ngài thường hay tu hạnh Đầu đà, cũng thường mặc y này, nhưng ngài mắc đi vắng. Ông A Nan sợ phạm chứa y dư, mới đến bạch Phật. Phật hỏi : Ông Ca Diếp chừng mấy ngày nữa mới về ? Ông bạch rằng : "Chừng 10 ngày

nữa". Phật nhân đó mà kiết giới, cho chứa y dư đúng 10 ngày vậy.

Ba y đã đủ là sao ? Nghĩa là : Ba y của thầy Tỳ Kheo đã đủ; y Ca Hi Na (*y công đức*) đã xả, cũng gọi là y đủ. Không thọ y công đức, cũng gọi là y đủ. Do nhờ thọ y công đức, mà trong năm tháng được chứa y dư, và được hưởng luôn năm việc mà không phạm giới; không thọ y công đức cũng được chứa y dư, và luôn năm việc trong một tháng.

Do nhờ ông kiết hạ có công đức, tuy ông không thọ y công đức, cũng thưởng cho ông năm việc được tự tại trong một tháng. Y công đức đây thọ ngày 16 tháng 7, đến ngày rằm tháng chạp (*tức là ngày lạp trừ*) chúng Tăng làm phép Yết Ma đặng xả, nên gọi là đã xả.

Chứa y dư là sao ? Nghĩa là : Trừ ngoài ba y của mình thọ trì, và chứa y vật dư, những đến miếng vải bề dài tám ngón, bề ngang bốn ngón tay của Phật, đều gọi là dư vậy.

Y có 10 món :

1) Y Dã tâm miên (*y bằng tơ lụa*)
2) Y Kiếp bối (*y vải*)
3) Y mao (*y dệt bằng lông*)
4) Y Sô ma (*bằng gai*)
5) Y Thô bố (*bằng vải to hay lấy cỏ dệt thành*)
6) Y Phiến na (*bên Tây vức dùng loại gai dệt thành vải, giống như bố to, phương đây không có*).

7) Y Ma (*bằng vải gai*).
8) Y Si di la
9) Y Cựu di la
10) Y Sắm la bán ni

Trong 10 ngày là sao ? Nghĩa là : đúng trong 10 ngày thôi.

Không tịnh thí là gì ? Tịnh thí có hai cách:

1.- Là Chân thật tịnh thí.

Nghĩa là : Thiệt tình cúng cho thầy Tỳ Kheo kia vậy.

2.- Triển chuyển tịnh thí.

Nghĩa là : đối trước Tỳ Kheo kia làm phép rồi, vậy sau chứa để (*pháp tịnh thí y như trong 90 giới Ba Dật Đề sau*) về giới thứ 59 "trước tịnh thí y" có giải.

Được chứa là sao ? Nghĩa là : Được chứa để đúng trong 10 ngày vậy.

Nếu quá 10 ngày là gì ? Nghĩa là : Cái y nào đáng thọ trì, thì cứ để thọ trì, cái nào đáng tịnh thí, thì phải tịnh thí, nếu không vậy đến ngày thứ mười một mặt trời mọc, thì mắc tội Xả đọa.

Thể thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Nghĩa là : Như thầy Tỳ Kheo được người cho y vào tay, tức lấy ngày đó làm ngày đầu; đến ngày thứ mười, trong mười ngày đó, hoặc mỗi ngày được y, hoặc ngày có ngày không, hoặc chỉ được y ngày đầu đến ngày thứ 11 khi mặt trời mọc, tùy được bao nhiêu y, đều phạm Xả đọa.

Cái y được ngày thứ hai, nhẫn đến ngày thứ mười tuy không đủ 10 ngày nhưng vì cái y được ngày ban đầu, có thế lực nối luôn, cho nên cũng phạm Xả đọa. Như ngày ban đầu được y mà không tịnh thí, qua ngày thứ hai, nhẫn đến ngày thứ 10. Chặng giữa hoặc được, hoặc không được, hoặc có tịnh thí hoặc không tịnh thí, nhưng bị cái không tịnh thí ban đầu kia, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa.

Nhẫn đến cái y được giữa chừng đó, hoặc sai cho người, hoặc bỏ mất đi, hoặc làm rách nát, hoặc đem sửa làm vật khác, hoặc bị người giả ý quen lớn lấy, hoặc quên đi, các y đó tùy theo sức cái y được ngày ban đầu, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa.

Nếu cái y Xả đọa mà không xả, lại đem đổi y khác thì phạm một tội Xả đọa, một tội Ác tác. Y này phải xả cho chúng Tăng hoặc một ông cho đến nhiều ông, không được xả biệt chúng.

Nếu xả mà không đúng phép xả, thì mắc tội Ác tác.

Khi xả y rồi, phải đối trước một thầy Tỳ Kheo thanh tịnh mà sám hối. Tỳ Kheo thọ sám kia xin phép chúng Tăng rồi, vậy sau mới nhận ông kia sám; nếu chúng Tăng đông nhiều khó nhóm, mà thầy Tỳ Kheo nhân có việc đi xa, thì chúng Tăng phải hỏi rằng : "Y của thầy muốn cho ai".

Tùy theo lời nói của ông nói mà cho, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, rồi trả y lại cho thầy Tỳ

Kheo đó. Nếu ông không có việc như trên, thì phải để cách đêm, rồi mới làm phép Yết Ma trả lại cho ông. Trong 30 pháp đây mà pháp xả của cải, pháp sám hối, pháp Yết Ma, đều phụ ở văn kiết sau.

Nếu không trả lại, phạm Ác tác, hoặc có người xúi đừng trả, cũng phạm Ác tác; hoặc làm pháp tịnh thí, hoặc đem cho người khác, hoặc để làm ba y hoặc làm y tạp toái hoặc cố làm cho y rách, hoặc đốt, hoặc sửa làm phi y, hoặc thường thường đắp cho hư, đều phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là gì ? Đúng 10 ngày làm phép tịnh thí, hoặc sai đem cho người khác, hoặc bị ăn cướp lấy, hoặc tưởng mất, cháy, trôi, nên không tịnh thí, không sai đem cho người, như vậy không phạm.

Ông dặn cho y kia hoặc mạng chung, hoặc đi luôn không về, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc bắt đi, hoặc bị thú dữ hại v.v... Như vậy không tịnh thí không phạm.

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : "Sao gọi là được y dư ?".

Nghĩa là : Hoặc được y ở nơi tay, hoặc được ở trên đầu gối, trên vai, dấy tưởng y đó của mình.

Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc được vật chung của hai người chưa chia, thì không phạm, nếu chia ra rồi, mà không làm phép tịnh thí, quá 10 ngày thì phạm. Hoặc thí chủ thỉnh trai tăng và thí y cùng các

vật, thầy Tỳ Kheo bệnh đi không được, dặn ông khác lãnh giùm phần y của mình, ông đó lãnh y đem về, tuy lâu mà chưa trao cho, cũng không phạm (*vì không phải của mình*)".

Nếu Tỳ Kheo bệnh, nghe ông kia đem y đến rồi mà chưa được, tuy lâu cũng không phạm, hoặc bảo người dệt y, dệt rồi tuy lâu mà chưa đưa cũng không phạm; hoặc mua y tuy trả tiền xong rồi, tuy lâu mà chưa đưa cũng không phạm; hoặc sắm y cúng dường Phật và chúng Tăng, tìm gom góp để một chỗ, tuy lâu mà chưa đem cúng, cũng không phạm.

Hoặc đi đường nhằm chỗ ghê sợ giấu y mà đi, quá 10 ngày trở lại lấy thì phạm; hoặc người lấy đem về cho mình cũng phạm (*vì quá 10 ngày*); hoặc bị bọn cướp rượt, mình bỏ y chạy, quá 10 ngày, có người đem về giùm cho mình thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc khi thí chủ nói như vầy : của tôi đây, ông muốn lấy vật chi thì lấy dùng, tuy không làm phép thuyết tịnh nhưng dùng cũng không phạm; hoặc vật của mình gửi cho người, hoặc tưởng mình chưa được, đều không phạm".

Hoặc được y 5 ngày rồi nổi điên, sau tỉnh lại trừ cho 5 ngày nữa. Còn bao nhiêu nghĩa mở cho, hay cấm lại, cứ theo sự nên biết.

Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc ngày ban đầu được y, ngày thứ hai xả, như vậy nhẫn đến ngày thứ 9 được y, ngày thứ 10 xả, ngày thứ 10 được y không

xả, không thọ trì, không làm phép tịnh thí, đến ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, thì phạm Xả đọa".

Nghĩa là : Cái y được ngày thứ 9, qua ngày thứ 10 mặc dù xả và tác tịnh rồi, nhưng cái y được ngày thứ 10, do vì nhân duyên nối theo cái trước, nên phạm Xả đọa (*vì cái y xả cái y lãnh được đồng trong một ngày*).

Hoặc ngày ban đầu được y, liền ngày ban đầu xả, qua ngày thứ hai mặc dù được y nhưng do vì không nối nhau với ngày đầu thì cái y ngày thứ hai được phép thứ lớp chứa đủ 10 ngày.

Hoặc ngày đầu được y, ngày thứ hai xả, cách ngày thứ hai không được y, qua ngày thứ ba mới được y, thì cái y ngày thứ ba đây được phép thứ lớp chứa đến ngày thứ 10, do vì ngày không nối nhau nên không phạm.

Nếu Tỳ Kheo, y đã xả, tội đã sám hối, nhưng tâm cầu y còn nối nhau chưa đoạn. Nếu được y nữa, y đó nối kế y trước, nên phạm Xả đọa. Nếu Tỳ Kheo y xả rồi, tội sám hối rồi, và tâm nối nhau đã dứt rồi; tức ngày đó, hoặc được cái y cầu ngày trước, hoặc được y vô ý (*không tâm mong cầu*) đó không thuộc về tâm nối nhau, do vì tâm nối nhau đã dứt. Nếu liền ngày đó xả y, liền ngày đó sám hối, nhưng cái tâm cầu y không dứt, thì dù cho đến nhẫn một tháng nữa mới được y; đó cũng thuộc về tâm nối luôn với cái y trước, nên phạm Xả đọa.

Hoặc liền ngày đó được y, liền ngày đó phạm tội, không cần trải qua 10 ngày, hoặc ngày nay xả y

rồi, tội sám hối rồi, tâm cầu y cũng dứt rồi, qua ngày sau mặc dù lại sinh tâm cầu y, nhưng không thuộc về cái nối nhau, do vì tâm chặng giữa đã dứt. Nếu như mặt trời vừa mọc xả y. tội đã sám hối và tâm nối nhau cũng dứt rồi, đến chiều lại muốn cầu y nữa, y này phải xả, làm phép sám tội Đột Kiết La.

Nếu y đã xả, tâm nối nhau đã đoạn, mà tội chưa sám hối dầu cho cách nhiều ngày mới được y, y này phải xả, sám tội Đột Kiết La. Do vì tâm ngày trước nối nhau và tâm ngày sau, cũng nối nhau không dứt nên đồng phạm tội.

Thập Tụng Luật nói : "Ba y không nên thiếu, không nên dư, nếu sắm thiếu thì phạm Ác tác, nếu sắm dư, phạm Xả đọa".

Dịch rằng : Nói tướng sáng rõ ràng là gì ? Ấy là tướng sáng mặt trời sắp mọc vậy.

Nghĩa là : Nó hiện ra, theo trước mặt trời chưa mọc hai khắc là sáng, ấy là tướng sáng, là thấy sắc trắng của trời hiện ra, tức là dùng con mắt mình nhìn thấy chỉ trong bàn tay làm hạn định.

Kế đây nói rõ về y Ca Hi Na. Chữ Ca Hi Na, Trung Hoa dịch là : Công đức.

Nghĩa là : Thọ y này, nhờ sức y đó, ở trong năm tháng, được giữ gìn năm việc công đức, cũng gọi là y thưởng thiện phạt ác.

Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo an cư có công đức lành nên thưởng y này, còn những chúng phi pháp phá an cư, thì phạt họ bằng cách : không được y

này. Tỳ Kheo an cư xong rồi, có bốn việc phải làm :

1.- Phải Tự tứ
2.- Phải Giải giới
3.- Phải kiết giới
4.- Phải thọ y công đức

Hoặc bị nước trôi mất giới tướng, hoặc bị nạn giặc cướp, chúng Tăng phải ra khỏi giới, hoặc trong chúng muốn giới rộng, hẹp, phải giải giới trước, vậy sau mới kiết lại, không muốn thì thôi.

Thọ y công đức rồi được năm việc lợi :

1) Được chứa y dư.
2) Được lìa y ngủ
3) Được ăn riêng chúng
4) Được ăn nhiều lần
5) Trước sau giờ ăn, được vào nơi tụ lạc, khỏi thưa với chúng Tăng.

Làm sao thành thọ y công đức ? Hoặc được y mới, hoặc y người đàn việt cúng, hoặc y phấn tảo. Nếu phải là y mới hay là y cũ; nếu là y cũ, thì lấy vải mới kết lại làm phép tịnh; trái lại đây cũng như vậy; hoặc chưa giặt, hoặc giặt rồi, kết làm phép tịnh. Chẳng phải dùng tà mạng mà được, chẳng phải tâm dua nịnh mà được, chẳng phải giả trang Thiền tướng mà được, chẳng phải lấy sự dóc phách mà được, chẳng phải cách đêm, chẳng phải y Xả đọa, chẳng phải lấy y làm phép tịnh thí mà thay thế làm y công đức. Phải tức ngày đó đem đến mới hợp pháp "là y công đức" bốn phía đặt thành, 5 điều 10 bức, nếu quá số đó cũng nên thọ.

Nghĩa là : Y 7 điều thì 21 bức, nhẫn đến 25 điều thì 125 bức.

Phải tự giặt nhuộm cho hoại sắc, trải ủi cho ngay thẳng, rồi cắt ra từng 10 miếng. May lại thành 10 bức, đối trước chúng Tăng ở trong giới mà thọ. Không phải đối trước một người mà thọ, cũng chẳng phải một người thọ, cũng chẳng phải hai, ba, bốn ông thọ.

Phàm ở trong một chùa, ít nhất là 5 thầy Tỳ Kheo giỏi, thanh tịnh ở chung một giới; một thầy thọ sai bốn thầy làm phép Yết Ma, thì thành thọ. Không được ở ngoài giới mà thọ.

Nếu trên 5 thầy, có vị thuyết dục cũng thành thọ; hòa hợp ra ngoài giới trở về nghe chúng Tăng thọ y công đức rồi, rồi liền bèn tùy hỷ cũng thành thọ. Nếu thí chủ cúng nhiều y vật, nên lựa lấy một cái tốt nhất để làm y công đức, còn bao nhiêu làm phép Yết Ma chia; phải bạch như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng thọ y công đức, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng hòa hiệp thọ y công đức". Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành". Kế đó cử một vị giữ y công đức.

Thập Tụng Luật nói : "Vị nào có 5 việc như sau đây, không nên cử" :

1) Tùy thương
2) Tùy giận
3) Tùy sợ
4) Tùy si
5) Không biết pháp thọ,và không thọ

Trái lại như trên thì nên cử.

Lại có 5 hạng Tỳ Kheo không được làm người giữ y công đức :

1.- Không hạ
2.- Phá An cư
3.- Hậu an cư
4.- Bị tẩn
5.- Bị biệt trụ

Luật bổn nói : "Phải hỏi ai là người có thể giữ y công đức này được ?".

Như có người đáp rằng : "Tôi Tỳ Kheo pháp danh... giữ được". Trong chúng phải xét người đó, có thể được thì làm phép Yết Ma mà cử như vầy :

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chúng Tăng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức. Các bậc Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng cử Tỳ Kheo pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo, pháp danh... vì chúng Tăng giữ y công đức rồi, chúng Tăng đã bằng lòng vì lẳng lặng, việc này rõ như vậy. Khi ấy chúng Tăng bèn bạch nhị Yết Ma, giao y công đức cho vị giữ y, cách giao như vầy :

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Ở trong chùa đây, chúng Tăng được y vật đáng chia, chúng Tăng hiện tiền nên chia, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo ấy phải giữ y này, vì chúng Tăng thọ làm y công đức, ở chùa này mà giữ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Ở trong chùa đây, chúng Tăng được y vật đáng chia, chúng Tăng hiện tiền nên chia, chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo ấy sẽ giữ y này, vì chúng Tăng thọ làm y công đức, ở chùa này mà giữ. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng đem y này giao cho Tỳ Kheo... thọ làm y công đức, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng, trao y cho Tỳ Kheo... rồi, Tăng đã bằng lòng, vì im lặng, việc này như vậy suốt biết.

Tỳ Kheo giữ y phải đứng dậy cầm y, tùy các Tỳ Kheo tay rờ đụng y nói với nhau nghe cho rõ, nói lời như vầy : "Y này chúng Tăng sẽ thọ làm y công đức, y này chúng Tăng nay thọ làm y công đức, y này chúng Tăng đã thọ làm y công đức rồi". (*nói ba lần*). Các Tỳ Kheo kia phải nói như vầy : "Những vị thọ, đã khéo thọ; trong đây có bao nhiêu công đức, tiếng khen và lợi lộc, đều thuộc về tôi". Vị giữ y kia, phải đáp lại rằng : "Phải".

Hoặc được vải chưa may y, phải đối trước chúng Tăng làm phép Yết Ma, bảo các Tỳ Kheo đem may. Nên cử như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng cử Tỳ Kheo... vì chúng Tăng may y công đức cho chúng Tăng. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Chúng Tăng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng đấy thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo... may y công đức cho chúng Tăng. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này như vậy suốt biết. May y rồi phải y như phép trước mà thọ.

Thiện Kiến Luật nói : "Ngày 16 tháng 7, mặt trời vừa mọc đem cái y công đức ra cho chúng Tăng cắt. Tỳ Kheo phải bảo ông chủ y phải sắm kim, chỉ, nhuộm hoại sắc, bao nhiêu thầy Tỳ Kheo may y, ông đàn việt phải cúng dường cơm nước. Người vì chúng Tăng thọ y công đức phải biết những cách thọ và dùng. Hoặc y cắt rọc thì phải giặt trước, rồi mời các Tỳ Kheo nhóm lại để cắt ra may, liền ngày đó nhuộm cho xong, điểm tịnh rồi nên thọ".

Nếu may chưa xong, phải mời hết thảy Tỳ Kheo nhóm lại may cho xong. Không được viện lẽ đạo đức, làm trễ nãi công việc, chỉ trừ ông nào có bệnh thôi.

Luật Nhiếp nói : "Nhẫn đến một ông may được hai, ba mũi kim, cũng xúm lại may giúp cho rồi (*chớ đừng lười biếng*), ông căng cái y kia phải lấy dầu thơm rải, hương xông và bông trái trang nghiêm cúng dường y công đức rồi, để trên mâm sạch bưng đến trước vị Thượng Tọa và chúng Tăng. Bưng y mà đứng nhẫn đến nói ba lần rồi, liền ở trước vị Thượng Tọa mở căng cái y, vị Thượng Tọa khen rằng : "Lành thay pháp trương y ! Hay thay pháp trương y ! Y này việc lợi dưỡng và hữu ích, tôi sẽ được...". Như vậy thứ lớp toàn chúng, cho đến vị rốt sau cũng đều khen mừng như thế".

Ông căng y kia, không nên đem y này đến chỗ đại, tiểu và nhà trù, không nên để chỗ đất trống, không nên ra ngoài giới, dầu có việc chi phải đi, cũng không nên ở cách đêm.

Có 10 hạng người không đồng thọ y công đức:

1) Chưa có hạ
2) Phá hạ
3) Kiết hạ sau
4) Kiết hạ chỗ khác (*chúng khác*)
5) Trong khi trương y vắng mặt.
6) Đương làm phép biệt trụ (*ở riêng*)
7) Làm phép biệt trụ rồi.
8) Đương làm phép ý hỉ
9) Làm phép ý hỉ rồi.
10) Trao cho 35 việc học (*bị phạt làm theo 35 việc*)

Cũng có 10 hạng người kiết hạ, chỉ được thọ lợi dưỡng mà không lợi ích.

Nghĩa là : Đem Sa Di thế vào hạng người thứ tư trước (*là vì kiết hạ chỗ khác*) liền thành 10 hạng người.

Lại có 5 hạng người kiết hạ, việc lợi dưỡng, lợi ích đều mất hết.

Nghĩa là : Có ba hạng người xả trí và không kiết hạ ở chỗ khác, với những đảng phi pháp phá Tăng.

Thiện Kiến Luật nói : "Hoặc ở trong một chùa không đủ 5 thầy, và không biết pháp thọ y công đức, nên mời chúng Tăng chùa khác cho đủ số mà thọ và làm phép Yết Ma. Nhưng chúng Tăng ở chùa kia không được thọ y công đức, cũng không được thọ phần y (*dự giùm để làm phép thôi*)".

Tăng Kỳ Luật nói : "Cho ông kiết hạ ở riêng một mình được thọ y công đức, khi ông lãnh vải phải nói rằng : "Y công đức này tôi sẽ lãnh may (*nói như vậy ba lần*). Khi cắt phải nói : "Y công đức này tôi phải thọ". Khi may, khi giặt, khi nhuộm, khi điểm tịnh, khi đao tịnh (*lấy kéo nhấp làm phép tịnh*), cũng nói như trên; khi may thành rồi, phải tâm tưởng nói rằng : "Tôi Tỳ Kheo... nay thọ y công đức này" (*nói như vậy ba lần*)".

Mùa Đông 4 tháng đã mãn; chúng Tăng phải xả y công đức, phải xả như vầy, làm phép phương tiện như trước, rồi bạch như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng xả y công đức, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho chúng Tăng nay hòa hiệp xả y công

đức. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Xả rồi, không còn hưởng được 5 việc công đức nữa. Dầu có y dư và các vật cũng phải xả luôn; hoặc làm phép tịnh thí v.v... Không vậy, quá 10 ngày phạm Xả đọa.

Nếu không xả, để quá chừng hạn y công đức, phải tội Đột Kiết La.

Có 8 nhân duyên xả y công đức :

1.- Khứ – Thọ công đức y rồi móng ý chẳng trở về ra ngoài giới đi, bèn mất công đức y.

2.- Cánh – Thọ công đức y rồi, ra ngoài giới may y khi may xong, bèn mất công đức y.

3.- Bất cánh – Ra ngoài giới nghĩ như thế này : Cũng chẳng may y, chẳng chẳng trở lại, may chưa xong mất công đức y.

4.- Thất – Ra ngoài giới may y xong, mất y công đức y cũng mất.

5.- Đoạn vọng – Ra ngoài giới, trông mong đến chốn được y, nhưng rốt cuộc thất vọng và cũng mất luôn công đức y.

6.- Văn – Ra ngoài giới may y, nghe chúng Tăng xả công đức y, ông cũng mất luôn công đức y.

Trong chúng Tăng xả công đức y, là chỉ về 15 tháng chạp về trước, từ 16 tháng 7 về sau, trong thời gian 5 tháng đó, nếu có nhân duyên gì phải xả y, thì ông nghe hay không nghe đều mất cả.

7.- Xuất giới – Ra ngoài giới may y xong, hằng có ý trở về, nhưng còn ở ngoài giới, chúng Tăng xả công đức y thì ông cũng mất công đức.

8.- Cộng xuất – Ở ngoài giới may y, hoặc xong, hoặc chưa xong, trở về trụ xứ, cùng chư Tăng hòa hiệp chung xả.

Lại có hai món xả công đức y :

1.- Tỳ Kheo giữ y công đức ra ngoài giới ngủ.

2.- Chúng Tăng hòa hiệp đồng xả (*rộng như trong Đại Luật quyển 43 trang 18 nói*).

Giới thứ hai
LÌA Y MÀ NGỦ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, y Ca Hi Na đã xả, trong ba y, lìa mỗi y ngủ chỗ khác, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ Tăng làm phép Yết Ma cho.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Bấy giờ phái Lục quần Tỳ Kheo đi dạo khắp nhân gian, đem y gửi gấm nơi Tỳ Kheo bạn thân. Tỳ Kheo ấy thường đem phơi. Các Tỳ Kheo khác thấy việc này, đem bạch lên Phật. Phật liền cùng các Tỳ Kheo kiết giới.

Khi đó có một Tỳ Kheo mắc chứng bệnh cần tiếu (*gầy ốm*). Có cái y phấn tảo Tăng Già Lê rất nặng, có duyên sự muốn đi trong nhân gian, ngặt vì đem theo không nổi. Các Tỳ Kheo thấy vậy bạch giùm lên Phật. Phật dạy chúng Tăng bạch nhị Yết Ma, kiết giới bất thất y cho Tỳ Kheo có bệnh. Ông Tỳ Kheo có bệnh kia phải đến trước chúng Tăng, đủ

oai nghi lễ vị Thượng Tọa, quỳ gối chắp tay xin rằng : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... cái y phấn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, tôi nay nhờ chúng Tăng kiết cho tôi giới "Bất thất y" (*nói ba lần*). Chúng Tăng phải làm phép Yết Ma cho".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tôi Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... cái y phấn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, tôi nay nhờ chúng Tăng kiết cho tôi giới Bất thất y cho, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo đó. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo... mắc chứng bệnh... mà cái y phấn tảo Tăng Già Lê rất nặng này, có việc phải đi trong nhân gian, mà đem theo không nổi, nay theo cầu chúng Tăng kiết giới Bất thất y. Nay chúng Tăng làm phép kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo... Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng làm phép kiết giới Bất thất y cho Tỳ Kheo... thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng kiết cho Tỳ Kheo... giới Bất thất y rồi, Vì chúng Tăng đã bằng lòng nên im lặng, thì việc này rõ như vậy.

Ba y đã đủ, y Ca Hi Na đã xả, như giới trước đã giải.

Ba y là gì ? Là :

1) An Đà Hội (*dịch là : hạ trước y = y bậc hạ*)
2) Uất Đa La Tăng (*dịch là : Thượng trước y = Y bậc thượng*).
3) Tăng Già Lê (*dịch là : Trùng phục y = Y nhiều lớp*).

Ba y này bên nước Ấn Độ gọi chung là : Chi phạt la, lấy sắc mà đặt tên, cũng gọi là y Ca sa. Sở dĩ đặt ba tên, ấy là vì nêu ba phen chuyển pháp luân; nêu rõ ba đời chư Phật đều dùng; nêu đoạn dứt tam độc; nêu ra khỏi tam giới; nêu độ ba loài và cũng vì muốn nêu bày pháp chưa từng có để cho khác hợn ngoại đạo.

Vì nêu cái tâm ít ham muốn cho biết vừa đủ bởi ba y không nhiều không ít, vừa đủ giúp thân hành đạo, cũng vì để ngăn sự lạnh nóng trong ba mùa Đông, Xuân, Hạ. Như mùa Đông thì đắp y nhiều lớp, mùa Xuân đắp y bậc trung, mùa Hạ đắp y bậc hạ. Còn lạnh thì đắp hết ba y để ngăn sự lạnh.

Tăng Kỳ Luật nói : "Ba y là cờ nêu của bậc Sa môn hiền thánh, cho nên các đệ tử của ta đều đắp ba y này, đủ ngăn sự lạnh lắm, nóng lắm và ruồi, muỗi, mòng, lại cũng che kín chỗ xấu hổ; khiến Thánh chủng không hư".

Hoặc tính ông đó chịu lạnh không nổi, cho lấy cái y cũ rách, tùy ý may chồng thêm nhiều lớp, tức là thiểu dục thiểu sự vậy (*ít ham muốn và thèm khát*).

Lìa là gì ? Nghĩa là : Thân ở chỗ này mà y ở chỗ khác.

Mỗi mỗi y là sao ? Nghĩa là : Trong ba y tùy lìa một cái vậy.

Ngủ chỗ khác như thế nào ? Nghĩa là : Ngủ ở giới hạn khác, khi mặt trời mọc, thì phạm Xả đọa. Đây là cứ ba y thọ trì rồi, nếu lìa ngủ một đêm tức là mất y, nên phạm tội đó.

Trừ Tăng làm phép Yết Ma cho là sao ? Nghĩa là : Ông Tỳ Kheo có duyên bệnh, chúng Tăng làm phép Yết Ma cho, nên không phạm.

Trong đây có mấy giới ? Nghĩa là : Trong giới bất thất y, thì trong Tăng già lam (*chùa*) là một giới, dưới gốc cây một giới, sân một giới, trên xe một giới, trên ghe một giới, trong làng một giới, trong nhà một giới, trong giảng đường một giới, trong kho một giới, trong lẫm một giới.

Gốc cây : Là cây lớn che phủ chỗ ngồi kiết già vừa được.

Sân : Là cái chỗ để đạp năm thứ lúa.
Xe : Là chỗ xe quay trở vừa lọt.
Ghe : Là chỗ ghe quay trở vừa lọt.
Làng : Có bốn thứ giải như trước.
Giảng đường : Là nhiều chỗ trống trải.
Kho : là chỗ chứa trữ các vật.
Lẫm : Là chỗ chứa trữ lúa gạo.

Sao gọi là mất y ? Hoặc trong chùa có bao nhiêu giới hạn, nhẫn đến lẫm lúa có bao nhiêu giới hạn, và giới hạn chùa này khác với giới hạn chùa kia, nhẫn đến giới hạn lẫm này khác với giới hạn lẫm kia và giới hạn cũng khác với nhau hết.

Hoặc ở bên các giới hạn như trước, như giới kiết trên thuyền dùng sức người bậc trung, lượm đá hoặc gạch quăng đến đâu, đó gọi là thế phần của giới. Hoặc để trong giới Già lam (*chùa*) qua ngủ ở giới dưới gốc cây, nhẫn đến ngủ ở giới kho tàng; hoặc để y ở giới kho tàng, các chỗ v.v... mà ngủ trong giới Già làm, và để y các chỗ khác, ngủ các chỗ khác. Nếu trong tâm không tưởng xả y, hoặc tay không nắm y, hoặc không đến chỗ quăng đá, mặt trời vừa mọc, tùy theo chỗ lìa y phạm Xả đọa. Trừ số ba y ra, lìa các y khác, phạm Ác tác. Hoặc chỗ vắng vẻ không làng, để y trong khoảng 8 cây rồi ngủ chỗ khác, không tưởng xả y, v.v... mặt trời vừa mọc, phạm Xả đọa.

Nói không xả y là sao ? Nghĩa là : Có việc tạm đi rồi tính về liền, nhưng vì rủi gặp nạn cản lại, nên ngày đó về liền không được, phải ở lại chỗ đó, mượn ba y dư của người mà thọ trì. Còn ba y của mình thọ trì trước, tâm tưởng xả, vậy sau mới thọ trì y mượn. Nếu chỗ đó Tỳ Kheo không có y dư, thì mượn của cô Ni cũng được, mai xả rồi trả lại, trở về chùa làm phép thọ trì ba y cũ lại.

Còn nếu chỗ đó hai chúng không y dư để mượn, thì phải tâm tưởng xả của mình thọ trì, thà là không y thọ trì. phạm thất oai nghi Ác tác, khỏi cái tội đọa (*ly y*) nặng hơn.

Nói 8 khoảng cây, một khoảng cây cách nhau 7 cung, 8 khoảng cây cách nhau cộng có : 56 cung. Mỗi một cung là 4 cánh chỏ người bậc trung (*là 244*

cánh chỏ : 112 thước tây) 8 khoảng cây đây là cái giới hạn của y vậy.

Căn Bản Luật nói : "Hoặc đường đi xa chừng 49 tầm; đứng và ngồi, nằm, nội trong một tầm; là phần hạn không mất y, ngồi nằm chính giữa của hai giới, nhẫn đến cái chéo y không lìa thân, cũng không gọi là mất y".

Cái y Xả đọa này, phải xả rồi sám hối, phép cũng đồng như trước, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma trả y lại liền cho Tỳ Kheo ấy. Nếu không trả lại để dùng, nhẫn đến mặc thường cho rách, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Thể thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Mặt trời chưa mọc, tay rờ đụng y, nhẫn đến về tới chỗ quăng đá, hoặc bị ăn cướp giật, hay tưởng là mất, cháy, trôi, hư v.v... Hoặc đường hiểm nạn, bị bắt trói buộc, mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Thiện Kiến Luật nói : "Làm phép Yết Ma là : Tùy ông bệnh chưa lành, được phép lìa y cách đêm. Như bệnh lành muốn về, mà đường sá hiểm nạn, không về được, phải dấy lòng tưởng về, thì tuy bệnh lành, cũng không mất y. Nếu cố ý quyết định không về thì mất y. Quá 10 ngày phạm tội dư y".

Nếu bệnh lành về đến chỗ y, mà bệnh phát lại, muốn đi dưỡng bệnh nữa, thì nương theo phép Yết Ma trước, không cần làm phép Yết Ma lại nữa.

Nhân đây nói rõ phép kiết giới Bất thất y. – Khi đó có ông Ly Dục Tỳ Kheo muốn đến ở trong

hang chỗ vắng vẻ, sợ phạm tội lìa y cách đêm, Phật mới dạy chúng Tăng bạch nhị Yết Ma; kiết giới Bất thất y. trừ cách dòng nước chảy mạnh.

Bạch như vầy : – Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nếu đến giờ Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho kiết giới Bất thất y. Trừ giới thôn và thôn ngoại. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nay chúng Tăng kiết giới Bất thất y. Trừ giới thôn và thôn ngoại. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho chúng Tăng ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. kiết giới Bất thất y, trừ giới thôn và thôn ngoại ấy, thì lẳng lặng. Vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, kiết giới Bất thất y, trừ giới thôn và thôn ngoại rồi, chúng Tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này như vậy suốt biết.

Giới hạn Bất thất y này không có tướng chi khác, tức là đồng y ở trong một Đại giới mà kiết. Trước kiết Đại giới rồi, sau kiết giới Bất thất y.

Song, Tăng già lam có ba hạng :

1.- Hoặc Đại giới cùng đất Tăng già làm bằng nhau:

2.- Hoặc Đại giới nhỏ hơn đất Tăng già lam, đều không cần kiết giới Bất thất y.

3.- Nếu Đại giới lớn hơn đất Tăng già lam, thì phải y pháp kiết giới Bất thất y, để tùy giới nhiếp y vậy.

Trừ giới thôn và thôn ngoại là sao ? Nghĩa là : Trừ giới tụ lạc và ngoài tụ lạc, lấy đất trống làm chỗ ở, làm phép Yết Ma kiết giới Bất thất y. trước nhân lập phép Yết Ma, không thôn (*không làng*). Bấy giờ để y trong thôn (*làng*) sau nhân có việc xảy ra, nên mới trừ chữ "thôn". Nay làm phép Yết Ma mà không cần hỏi câu : có thôn hay không thôn; phép đó phải trừ.

Tát Bà Đa Luận nói : "Phải luận rành nghĩa này, do vì có thôn xáp nhập, nên có 5 ý quyết trừ".

1.- Hoặc trước làm phép kiết không thôn rồi, bấy giờ nhà của tịnh nhân ở ngoài thôn xáp nhập, hễ nhập đến chỗ nào thì chỗ đó không còn là giới y nữa.

2.- Hơn nữa, hoặc người trong thôn đó, khi ra khi về, thì giới y cũng theo họ luôn.

3.- Nếu trước làm phép kiết có trừ chữ Thôn ra, thì giới y vẫn không theo họ, mặc dù người trong thôn ra về, nhưng chỗ đất trống trước sau cũng vẫn là đất trống, giới y bao giờ cũng được đầy đủ. Bởi do khi kiết có chữ thôn hay không thôn, thì người trong thôn hay ngoài thôn, khi tới khi về thì giới y cũng không phải giải và kiết chi cả.

4.- Nếu thầy Tỳ Kheo thân ở trong thôn, y cũng ở trong thôn, thì phải đến chỗ y mà ở.

5.- Nếu thấy ở trong thôn, y ở chốn lan nhã (*chỗ đất trống*) phải ra ngoài giới thôn; hoặc thân ở chốn lan nhã, y để trong thôn, phải đến chỗ y. Nếu thân và y đều ở chốn lan nhã, thì không phạm.

Nếu muốn giải giới, thì trước phải giải giới Bất thất y rồi, sau mới giải Đại giới, bạch như vầy mà giải :

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho giải giới Bất thất y. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

– Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chỗ này đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới. Chúng Tăng nay giải giới Bất thất y. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, chúng Tăng nay ở chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới Bất thất y ấy, thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng chỗ này, đồng ở một chỗ, đồng một chỗ tụng giới, giải giới Bất thất y rồi, Vì chúng Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Thập Tụng Luật nói : "Nếu giải đại giới, thì giới Bất thất y cũng mất, cón nếu giải giới Bất thất y, thì Đại giới còn nguyên".

Giới thứ ba
CHỨA Y QUÁ MỘT THÁNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ba y đã đủ, y công đức đã xả. Nếu Tỳ Kheo được y phi thời, muốn dùng thì thọ, thọ rồi phải mau mau may cho xong, nếu đủ thì tốt, còn như không đủ, được chứa một tháng chờ cho đủ. Nếu chứa quá, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có thầy Tỳ Kheo y Tăng Già Lê cũ rách, được vải trong khoảng 10 ngày, chưa đủ sợ phạm y dư, bạn đồng học đem việc này bạch lên đức Thế Tôn. Phật cho phép Tỳ Kheo chứa vải dư, sắm chưa đủ, được chứa một tháng đợi cho đủ.

Khi đó có phái Lục quần Tỳ Kheo, nghe Phật cho phép chứa nhiều y dư, họ chứa nhiều thứ y dư, mà bạn đồng học lại thiếu, các Tỳ Kheo bạch lên Phật. Phật cùng các Tỳ Kheo kiết giới.

Ba y đã đủ, và y Ca Hi Na đã xả là gì ? Là như giới trước đã giải.

Nếu Tỳ Kheo được y phi thời là sao ? Được : Nghĩa là từ nơi kẻ nam người nữ xuất gia, hay tại gia mà được.

Sao gọi là phải thời, sao gọi là phi thời ? Nghĩa là : Nếu không thọ y công đức một tháng sau ngày Tự tứ, thì thọ y công đức 5 tháng sau ngày Tự tứ. Thế gọi là y phải thời, quá thời hạn đây, gọi là y phi thời. Nghĩa là : Ở trong phi thời ấy, được y gọi là phi thời vậy.

Muốn dùng thì thọ là sao ? *Muốn dùng* : Nghĩa là trông mong được y vậy. *Thì thọ* : Nghĩa là nên chứa vậy.

Thọ rồi mau may cho xong là sao ? Nghĩa là : Đã được y rồi, thì trong ba y, tùy thiếu một y nào, phải mau mau may cho thành y đặng thọ trì, đừng quá 10 ngày vậy.

Nếu đủ thì tốt là sao ? Nghĩa là : Vải lãnh trước và vải lãnh sau đồng một thứ, vừa đủ may một cái y không thiếu vậy.

Như không đủ thì được chứa một tháng là thế nào ? Nghĩa là : Vải còn thiếu, có chỗ trông mong được nữa, cho đình lại, nhẫn đến trải qua 30 ngày, thì phải sắm cho đủ.

Thể thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Hoặc trong 10 ngày được vải, một thứ đủ thì phải cắt ra, hoặc lược, hoặc may thành y, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc bảo đem cho người. Không như vậy thì đến ngày thứ 11, khi mặt trời mọc, tùy vải nhiều ít, đều phạm Xả đọa.

Nếu vải một thứ không đủ, đến ngày thứ 11 có vải một thứ đủ, thì phải cắt lược may các việc như trước, không như vậy thì quá ngày thứ 12, khi mặt trời mọc, tùy vải nhiều ít, đều phạm Xả đọa.

Cho đến ngày thứ 29 được vải, cũng cắt, lược, may, làm phép tịnh thí các việc v.v... cũng như vậy. Đến ngày thứ 30 được vải, hoặc đủ, hoặc thiếu, hoặc vải một thứ, hoặc vải không phải một thứ, phải liền ngày đó cắt, lược, may, làm phép tịnh thí,

đem cho người v.v... các việc, nếu không vậy thì đến ngày thứ 31, khi mặt trời mọc phạm Xả đọa.

Y này phải xả rồi, sám hối tội đọa, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma trả lại cho Tỳ Kheo đó. Có phạm, không phạm và bốn chúng mắc tội, đều đồng như giới trước.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu trước ngày thứ 29 được thứ vải to, vải ấy đã thuyết tịnh, như chưa đủ may thành cái y, qua ngày 29 được thứ vải mỏng, vải này cũng chưa đủ. Nếu muốn tùy ý, cho đình đãi trong một tháng để xin thêm được thứ vải mỏng để may thành cái y, nhưng chỉ nội trong một tháng không được quá.

Kế đây nói rõ về cách thức may y : Bấy giờ Phật liền bảo ông A Nan dạy các Tỳ Kheo cắt may, cắt y ngay thẳng, giống như bờ ruộng. Phật nói : đệ tử của chư Phật đời quá khứ, cũng như đời vị lai đều đắp cái y như vậy : như ta ngày nay cầm dao cắt rọc, để may thành cái y cho Sa môn; khỏi bị côn đồ cướp giật, và cho các thầy Tỳ Kheo may cái y An Đà Hội, Uất Đa La Tăng, y Tăng Già Lê bằng kiểu cắt rọc, và cũng cho may cái y An đà hội không cắt rọc được (*mạn y An Đà Hội*).

Chương Phục Nghi nói : Cái tướng điều y, hình nó giống bờ ruộng chứa nước, dưỡng cho mộng lúa tốt tươi, ví như mặc y này hay sinh ra công đức vậy. Phật dạy may y giống như đây, nghĩa không có luống vậy.

Đời nay dịch lầm rằng : Khai thông đường nước đó, chính là từ nơi đây mà xuyên tạc (*sai lầm*) nguyên chẳng phải Phật chế. Sự thật Phật chế may đường dọc và đường ngang như ruộng bờ mẫu (*để tượng trưng là y phước điền*) mà họ lầm tưởng là may hai đường xuôi như rạch mương, để cho nước chảy thông vậy, thật là lầm !

Phật cho xếp lá may như chân con chim xòe, hoặc may cái thành như răng con ngựa. Nên 5 điều, không nên 6 điều, nên 7 điều, không nên 8 điều, nên 9 điều, không nên 10 điều, nhẫn đến 19 điều, không nên 20 điều, nếu quá số điều đây thì không nên sắm (*nay xét trong các bộ luật khác, cho tột bực đến 25 điều*).

Nếu y An Đà Hội và y Uất Đa La Tăng mới, thì phải may một lớp; còn y Tăng Già Lê, thì may hai lớp. Nếu y An Đà Hội và y Uất Đa La Tăng cũ, thì cho may hai lớp. Còn y Tăng Già Lê cũ, cho may bốn lớp. Nếu y phấn tảo, thì tùy ý may mấy lớp cũng được. Không nên lấy những miếng vải lụn vụn mà may ba y. Cho may y An Đà Hội bề dài 4 cánh chỏ, bề ngang 2 cánh; may y Uất Đa La Tăng và y Tăng Già Lê, bề ngang 3 cánh, bề dài 5 cánh.

Nếu được y mạn bề ngang, bề dọc đều đủ thì cắt may y có đều được thì tốt, nếu thiếu vải thì cho may lá kèm lên trên, phải nhuộm cho hoại sắc, may làm y Sa môn, y có rách phải vá lại, cho chồng lên hai lớp mà may cái thành. Tùy theo lỗ lớn nhỏ hay vuông tròn mà vá đó.

Xét cái căn trong các bộ Luật khác thì y Tăng Già Lê gồm có 9 phẩm :

Ba phẩm hạ : là y 9 điều, y 11 điều và y 13 điều, khổ bức 2 miếng dài, một miếng vắn.

Ba phẩm bậc trung : Là y 15 điều, y 17 điều và y 19 điều, 3 miếng dài, một miếng vắn.

Ba phẩm thượng : Là y 21 điều, y 23 điều, y 25 điều, 4 miếng dài, một miếng vắn.

Y Uất Đa La Tăng : 7 điều, 2 miếng dài, một miếng vắn.

Y An Đà Hội : 5 điều, 1 miếng dài, một miếng vắn.

Phật nói : Ba y làm phép thọ trì, nếu có nghi thì làm phép xả, rồi thọ lại, nếu có ba y không làm phép thọ trì, thì phạm tội Đột Kiết La. Song trong luật này thiếu văn thọ y. Tìm trong các bộ Luật khác thì có văn dạy cách thọ. Nay y trong Thập Tụng, phải đủ oai nghi, đối với một thầy Tỳ Kheo mà thưa như vầy : Thưa Đại đức một lòng đoái tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái y An Đà Hội đây 5 điều, một miếng dài, một miếng vắn, cắt đứt may thành một cái y, nay tôi xin thọ trì (*nói ba lần*).

– Nếu thọ y Uất Đa La Tăng, nên bạch như vầy : Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... cái y Uất Đa La Tăng 7 điều này 2 miếng dài, một miếng vắn, cắt rọc may thành y nay tôi xin thọ trì (*nói ba lần*).

– Nếu thọ y Tăng Già Lê cũng phải thưa rằng : Thưa Đại đức một lòng đoái tưởng, tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này (*bao nhiêu điều, bao nhiêu miếng dài, bao nhiêu miếng vắn, tùy theo y mà nói*) cắt đứt may thành một cái y, nay tôi xin thọ trì (*nói 3 lần*).

Nếu có duyên muốn xả, y như trong Tăng Kỳ Luật phải thưa như vầy : Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này, là số ba y của tôi, trước thọ trì nay xin xả (*nói một lần*). Còn hai y dưới, muốn xả cứ theo đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : ba cái y mạn cũng cho làm phép thọ trì, văn sau của ngài Nam Sơn nói : y An Đà Hội được may 4 thứ :

1.- Cắt may ra
2.- May bẻ lá (*xếp dĩ*)
3.- May chụp lá chồng lên
4.- May trơn.

Trong đó có y chính và tùng, hai phẩm :

Chính có 3 thứ : 1.- Cắt ra may 2.- May xếp lá. 3.- May chụp lá.

Tùng có 21 thứ : Man y có một thứ. Trung y có 2 thứ, đại y có 18 thứ.

Thập Tụng Luật nói : "Nếu thầy Tỳ Kheo nghèo thiếu y, không sắm nổi y cắt rọc, thì cho phép may chồng điều lên cái y man để làm y ngủ, hoặc y 7, hoặc y 9, hoặc y 11 điều, hoặc y 13 điều, hoặc y 15 điều, hoặc hơn 15 điều cũng được".

Y Uất Đa La Tăng :

Chính có hai thứ : Cắt ra may, may chụp lá.

Tùng có 22 thứ : Nghĩa là : Y bậc hạ có 4 thứ, đại y 18 thứ.

Y Tăng Già Lê : Chính có 18 thứ.

a/ Cắt ra may
b/ May chụp lá
Hai thứ này mỗi thứ có 9 phẩm.

Tùng có 6 thứ :
Trung y có 2 thứ, hạ y có 4 thứ vậy.

Nếu được y chính làm phép như trên mà thọ trì (*Nếu may y bẻ lá hay chụp lá, khi làm phép thọ trì phải thay đổi hai chữ cắt rọc*).

Nếu y An Đà Hội thiếu, mà y trung và y thượng có dư cho đem làm y tùng mà thọ trì, thì phải làm phép như vầy :

Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y An Đà Hội này 25 điều, 4 miếng dài, 1 miếng vắn, cắt rọc may thành y, nay tôi xin thọ trì. (*nói ba lần*).

Cho đến y chín điều, bảy điều, làm phép thọ trì sánh theo đây nên biết.

Nếu y Uất Đa La Tăng thiếu mà hai y kia có dư, cũng được đem làm y tùng, so ở trên đây nên biết.

Y Tăng Già Lê có thiếu cũng vậy.

Nếu khi thọ y man An Đà Hội, thì phải thưa như vầy :

Thưa Đại đức một lòng thương xót tôi Tỳ Kheo... y man An Đà Hội này, nay tôi xin thọ trì. (*nói ba lần*).

Nếu đem y man mà làm tùng Uất Đa La Tăng hay là y Tăng Già Lê, thì cũng chuẩn theo An Đà Hội mà thọ trì. Không nên cái y đó chưa xả, lại đem đổi cho ông khác, phải xả rồi vậy sau mới đổi chác.

Thiện Kiến Luật và Ngũ Phần Luật cho thầy Tỳ Kheo ở một mình, tâm tưởng miệng nói tự thọ.

Nghĩa là : Một mình đối trước bàn Phật, làm phép thọ trì, phải đủ oai nghi, tay cầm y bạch rằng: "Tôi Tỳ Kheo... y Tăng Già Lê này bao nhiêu điều, bao nhiêu miếng dài, bao nhiêu miếng vắn, căt rọc, xếp lá hay chụp lá may thành y, nay tôi xin thọ trì" (*nói ba lần*).

Nếu ba y muốn đổi chác nhau, phải trước làm phép xả cái y mình thọ trì, sau sẽ thọ cái y mới đổi của ông kia, còn cái y xả của mình, phải dấy tâm tưởng làm phép tịnh thí (*Phép tịnh thí như trong giới Triếp trước tịnh thí y Ba Dật Đề thứ 59 có giải*).

Tát Bà Đa Luận nói : "Ba y nếu rách nhưng cái viền không đứt đoạn, thì không mất phép thọ trì".

Căn Bản Luật nói : "Y lớn nhỏ sai khác có ba bậc : là bậc thượng, trung và hạ"

Đại y bậc thượng : bề đứng 3 cánh chỏ, bề ngang 5 cánh chỏ (*một cánh chỏ cỡ 4 tấc tây*)

Y bậc hạ : bề đứng 2 cánh chỏ rưỡi, bề ngang 4 cánh chỏ rưỡi.

Chính giữa hai bậc đó, gọi là y bậc trung, còn 2 y kia cũng như vậy.

Y 5 điều có hai thứ :

1.- Bề đứng 2 cánh chỏ, bề ngang 5 cánh chỏ.

2.- Bề đứng 2 cánh chỏ, bề ngang 4 cánh chỏ.

Ngũ Phần Luật nói : "Cỡ cánh chỏ dài vắn không nhất định. Phật dạy tùy theo cỡ của thân".

Luật Nhiếp nói : "Như thân lớn mà cánh chỏ vắn, thì theo cỡ của thân, không theo cỡ cánh chỏ, trái lại thân nhỏ mà cánh chỏ dài, thì cũng theo cỡ của thân".

Còn cách thức may y, hình nó giống bờ ruộng, mà cắt rọc ra may, điều nó xếp qua hai bên, không nên xuôi một phía, các điều có ba cỡ khác nhau, là bậc thượng, trung, hạ.

Điều bậc thượng rộng bốn ngón tay, hoặc bằng cái chân con chim xòe ra, còn hẹp thì bằng hai ngón tay, chính giữa hai bậc ấy là bậc trung vậy. Phàm may, bức nhỏ phải ngang giữa bức lớn, song bức nhỏ trong bức lớn, khi cắt phải thêm phân nửa lá (*nửa điều*) sau khi may rồi, mới là sáng tối cân xứng ngang nhau, nếu may khác đây, thì chẳng phải vậy.

Bốn bên đặt thành hơi hẹp hơn cái điều, may một miếng trên chỗ vai, cách thành 4 ngón tay, chính giữa miếng vải đó khoét một lỗ nhỏ, đặt sợi

khuy nhỏ, dài chừng 2 ngón tay buộc lại với nhau, như số 8, bèn thành 2 khuy. Bên thành ở trước ngực nên kết cái nút. Xấp vài ba lớp vải, là chỗ đơm cái nút, hoặc tùy theo thân lớn nhỏ.

Nút có ba thứ :

1.- Nút giống như hột anh áo
2.- Nút giống như hột quỳ
3.- Nút giống như hột lê.

Thành trên thành dưới cũng kết nút khuy như vậy, dù đắp mặc, trở lên trở xuống cũng được, không lỗi.

Nếu khi đi ra ngoài, gài cái nút vào khuy, như vậy quấn luôn trên cổ, lấy chéo y vắt lên vai. Nếu cái thành y đứt hư, thì phải lấy vải vá lại, hoặc lấy chỉ khiếu cùng hai bên lại (*kết cái thân và cái thành y lại cho dính nhau*).

Hoặc y muốn rách, phải lấy chỉ dài lèo qua lại nhiều lớp, hoặc thấy lủng lỗ, thì phải sửa kết, hoặc trong bức nào có rã, thì vá chồng lên thêm một miếng vải nữa. Nếu như rách hết không còn dùng được, thì phải đem làm tim đèn, hoặc bằm nhỏ, trộn với phẩn trâu làm hồ, hoặc lấp lỗ cột, hoặc tô vách tường. Làm như vậy cho người thí chủ không mất ruộng phước lại còn tăng thêm.

Nếu thân đắp y rồi, không nên ngồi chỗ bậy bạ, như là chỗ đất ướt, đống cây, tảng đá, đống rác; nếu khi làm việc cần phải hộ y, đừng cho đất cát lấm y; nếu khi đi du lịch gặp chỗ chông gai, phải vén y lên, đừng để gai quào lủng rách; hoặc y đáng

giặt mà không giặt, đáng vá, đáng nhuộm, mà không vá, không nhuộm đều phạm Ác tác.

Không nên đắp đại y mà làm công việc thường hay là đi ngoài đường, không nên để y lót dưới chân mà ngồi (*để y kẹt dưới đít*) và đắp mà nằm, cũng không nên để mình trần mà đắp, khi lễ bái, y đừng cho phết đất (*phải trải tọa cụ hay chiếu*) và đừng để bao đầu gối.

Không nên lót hai cái y bậc hạ mà ngồi nằm trên ấy, nếu túng ngặt không có vật khác, thì phương tiện cho lót ngồi nằm không phạm.

Nếu ba y ở trên vai có dấy mùi hôi nhơ, phải lấy miếng vải lót mà lót chỗ vai đó, bề dài một cánh chỏ rưỡi, bề ngang một gang tay, may bìa bốn phía, tra nút bóp gắn lên vai áo, chỗ dấy mùi hôi nhơ, sau nó có lấm dơ nữa gỡ ra giặt.

Phép giặt y phải lược một thùng nước tro mà giặt, hoặc lấy tay hay chân vò đạp nhè nhẹ mà giặt. Nếu bị dính keo hay là vật nhơ khác, thì phải dùng nước sôi hay là nước tro v.v... mà giặt đó (*nay có xà phòng giặt y càng thuận tiện*).

Phép nhuộm y : Trước lấy vỏ cây, rửa sạch bụi đất, đâm giã cho nhỏ đem phơi cho khô, sắc lấy ba nước, đổ riêng ba chậu, nhúng chậu đầu trước, kế đó nhúng chậu thứ hai, sau nhúng đến chậu thứ ba. Mà trước khi nhúng phải dùng một chút nước lã nhồi cho ướt đều lá y, nhuộm rồi vắt bỏ nước đó, bóp nhồi vài lần cho thấm đều mới đem phơi.

Y mới, phải nhuộm bằng nước vỏ cây tươi, và phơi ở ngoài nắng. Còn y cũ phải nhuộm bằng nước vỏ cây khô, và phơi ở trong chỗ mát, đợi cho khô rồi lấy chút nước lã nhồi, thì màu nó rất tươi và cũng không phai lợt.

Cách thức phơi y : Lấy dây sạch giăng ngang phơi y lên, chẻ kẹp tre kẹp nó lại, nước chảy xuống mé dưới phải trở nó lên đừng cho nó xuống đất, phải thường thường coi chừng trở. Nếu y hai lớp, phải phơi trên sào tre, và cũng phải trở cho thường thường (*nếu y lớn nặng, khi phơi trên sào tre, coi trở cho thường thường*).

Trong ba y không nên đắp mà cạo tóc, phải sắm riêng cái choàng cạo tóc, hoặc lấy cái chăn tắm choàng lên vai mà cạo cũng được.

Phải sắm cái túi đựng y. Kiểu mẫu may túi : lấy một bức vải bố dài cỡ ba cánh chỏ, rộng một cánh chỏ rưỡi, xấp dài hai lớp, may hai đầu lại, chính giữa chừa miệng, để y trong đó mang trên vai, miệng kết sợi dây khuy buộc lại (*cái khuy cài có răng cưa, ví dụ : Fermeture Métallique*) đừng cho loài trùng chun vào.

Khi để y cái nào thường dùng thì để trên, cái nào không thường dùng thì để dưới.

Lại ba y để lên trên, các y kia để ở dưới, để ý giữ gìn như hộ da thân và muốn cho thí chủ được phước nhiều, và người thọ thí khỏi sự thiếu thốn.

Đại y là gì ? Là chủ trong các y, không nên làm việc gì cũng đắp, chỉ khi vào chốn tụ lạc, khi đi

khất thực tùy theo khi ăn uống, khi nhập chúng thọ cơm, khi lễ tháp, khi nghe kinh, khi lễ vị Hòa Thượng, vị Yết Ma và khi lễ đồng phạm hạnh, những chỗ như vậy thì nên đắp đại y.

Còn y 7 điều, nên đắp trong chỗ sạch nơi chùa chiền và khi ăn cơm các việc. Còn y 5 điều, tùy chỗ nào đắp cũng được, đều không phạm.

Phàm khi đắp y phải bỏ ba thứ tâm :

1.- Tâm tinh tấn

2.- Tâm thọ dụng dễ duôi (*khinh thường*)

3.- Tâm mong cầu danh tiếng. Giả dạng mặc y xấu, muốn người ta biết mình là người có đức hạnh.

Nếu có ba thứ tâm như trên, thì không nên đắp, miễn cho hoại sắc và vừa được đỡ thân, thuận theo Phật dạy gắng tu pháp lành và phải khởi 5 thứ tâm :

1.- Biết độ lượng mà dùng chớ cho hao tốn.

2.- Biết thay đổi không nên mặc hoài một cái, làm cho mau hôi, mau rách.

3.- Biết nghĩ xét công người làm ra rất khó, dấy tâm lo trả ơn kia, khi lãnh dùng rồi đừng làm việc phi pháp.

4.- Biết thời tiết, thời nào lạnh thì đắp y dầy, thời nào nóng thì đắp y mỏng cho hợp pháp.

5.- Biết số 13 món hộ thân, đủ được giúp thân, đừng chất chứa y nhiều, nuôi lớn lòng tham, phế bỏ đạo nghiệp.

Nói 13 món là gì ?

1) Y chín điều
2) Y bảy điều
3) Y năm điều
4) Tọa cụ
5) Quần
6) Quần phụ (*quần lót*)
7) Áo che nách
8) Áo che nách phụ *(áo lót)*
9) Khăn lau mình
10) Khăn lau mặt
11) Choàng cạo tóc
12) Khăn tủ ghẻ
13) Cái túi đựng thuốc (*thuốc trị bệnh*).

Lại giải rằng : nói dùng vỏ cây xắt nước để nhuộm cũng không nhất định bởi tùy chỗ, tùy xứ có vật chi, hoặc rễ cây, hoặc lá cây, hoặc hợp màu để nhuộm được.

Giới thứ tư
KHÔNG NÊN THỌ Y CỦA CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo thọ y của Tỳ Kheo Ni không bà con, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ đổi chác nhau.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, khi đó có thầy Tỳ Kheo, mặc cái y Tăng Già Lê phấn tảo cũ rách, cô Liên Hoa Sắc Tỳ Kheo Ni xem thấy, dấy lòng thương xót, liền cởi cái y quý giá của cô, đem đổi y rách của ông kia, rồi cô mặc y ấy đến ra

mắt đức Thế Tôn. Phật nói : "Này Liên Hoa Sắc, ngươi không nên làm như vậy, ta cho Tỳ Kheo Ni chứa năm thứ y toàn vẹn, còn các y khác thì tùy ý tịnh thí cho ai cũng được". Nhân đây Phật kiết giới cấm Tỳ Kheo thọ y của mấy cô.

Các thầy Tỳ Kheo ai cũng sợ, nên cẩn thận, không dám thọ y của mấy cô Ni bà con. Phật nói : cho thọ.

Vì sao ? Nếu thiệt bà con, thì có tâm xét nét, coi cô kia có y dư, hay là không dư, còn mình thì đáng thọ hay là không đáng thọ, hoặc tốt hay xấu, hoặc mới hay cũ.

Bấy giờ trong rừng Kỳ Hoàn, Tăng và Ni hai bộ, được thí chủ cúng y cùng nhau đem chia, hai bên đều chia lộn y, mà không dám đổi lại, Phật nói: cho đổi lại, vì cớ ấy mà kiết thêm câu : Trừ đổi cho nhau.

Bà con là gì ? Là thân thuộc với cha mẹ.

Nghĩa là : Bảy đời trở lại, có bao nhiêu thân tộc, đều gọi là bà con. Khác đây không phải bà con. Vì khi mình thọ y của cô Ni không bà con, thì mình không xét coi cô kia có dư hay không có dư, nếu của người bà con, thì minh theo để tâm suy xét rồi mới thọ. Nên Phật cấm thọ y của người không bà con vậy.

Tỳ Kheo Ni là gì ? Nghĩa là : Người đối trước hai bộ Tăng, thọ giới cụ túc, chớ chẳng phải Sa Di Ni, hay là cô học pháp.

Y là gì ? Là có 10 thứ y đã giải như trước.

Trừ đổi cho nhau là sao ? Nghĩa là : Cho đổi không tội, hoặc đem y đổi y, hoặc đem y đổi các vật, hoặc đem các vật đổi y, hoặc đem ống kim, dao cạo, chỉ, nhẫn đến một hoàn thuốc đổi y.

Trong phép xả y, phép sám hối, phép trả y, phạm tội nặng nhẹ đều giải như giới trước. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La, nếu vì chúng Tăng, vì tháp thọ đó, thì không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : "Thọ y, bát (*thuộc 5 món chính của cô Ni*) đúng cỡ, phạm Xả đọa, thọ y không đúng cỡ, phạm Ác tác".

Ngũ Phần Luật nói : "Thọ y của hai chúng dưới (*Sa Di Ni, Thức Xoa*) không bà con phạm Ác tác, nếu người bà con phạm giới tà kiến, mà mình thọ y của họ, thì phạm Ác tác".

Căn Bản Luật nói : "Nếu cô Ni đem y cúng cho chúng Tăng, hoặc vì ông nói pháp nên cho y, hoặc vì ông thọ giới cụ túc nên cho y, hoặc thấy ông kia bị ăn cướp nên cho y, hoặc khi mua của quý cô, cũng được : hoặc mấy cô được nhiều lợi dưỡng đem vải đến trước thầy Tỳ Kheo, để dưới đất nói như vầy :

"Cúi xin thánh giả từ bi, vì tôi nạp thọ vải này, rồi bỏ mà đi, thọ cũng không phạm".

Giới thứ năm
MƯỢN CÔ NI KHÔNG BÀ CON GIẶT Y

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, mượn cô Ni không bà con giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Trong vườn ông Cấp Cô Độc, khi đó ông Ca Lưu Đà Di, với cô Tỳ Kheo Ni tên Thâu Lan Nan Đà, ngồi ngang ngó mặt nhau, bèn chảy nước bất tịnh (*tức là xuất tinh*), ông mượn cô đem giặt giùm, cô gỡ cái tinh dính trong quần, để vào cái nữ căn, sau bèn thọ thai. Nhân đây mà Phật liền cấm, không cho cô Ni giặt y, các thầy Tỳ Kheo sợ cẩn thận, không dám mượn cô Ni bà con giặt y, Phật nói : "Cho mượn cô Ni bà con giặt".

Không bà con v.v... là sao ? Đã giải như trước. Đây là ngăn ngừa người nghi họ chê bai nên mở cho cô Ni có bà con; và cũng ngừa việc dâm dục, bởi vì thường thấy mấy cô không bà con, thì lòng phiền não càng thêm mạnh, nên tội lỗi từ nơi đây mà sinh, thế nên cấm mượn cô Ni không bà con giặt vậy.

Giặt là sao ? Là giặt rửa, nhẫn đến nhúng vào nước một lần.

Cũ là gì ? Là nhẫn đến đắp vào thân một lần cũng gọi là y cũ.

Nhuộm là sao ? Là nhẫn đến một phen nhúng vào nước màu vậy.

Đập là gì ? Là nhẫn đến lấy tay vỗ một cái.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu mượn cô Ni giặt, nhuộm và đập là đủ ba việc (*giặt, nhuộm và đập*) thì phạm ba tội Xả đọa, tùy có một việc cô kia không làm, thì phạm một tội Ác tác, nếu mượn ba việc mà cô kia không làm hết, thì phạm ba tội Ác tác. Ví mượn có thiếu, có đủ, phạm tội cứ theo đây nên biết, nếu thiệt y mới phạm Ác tác.

Nếu mượn cô Thức Xoa hay là cô Sa Di Ni không bà con giặt y cũ cũng phạm Ác tác, còn phép xả y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm không phạm cũng giải đồng như giới trước. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu vì Hòa Thượng, A Xà Lê, đem y mượn cô Ni giặt, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni, vì tháp hay vì chúng Tăng thì không phạm"

Lặc Già Luận nói : "Mượn giặt tọa cụ phạm Xả đọa, giặt nệm gối, v.v... phạm Ác tác".

Luật Nhiếp nói : "Hoặc Tỳ Kheo già bệnh, yếu đuối, hoặc mấy cô cung kính trọng đức, lòng muốn giặt giùm, hoặc kẻ đệ tử hoặc mượn cô Ni bà con, mà cô không bà con giặt giùm như đây đều không phạm".

Nếu y nhơ, mình đem giặt, hoặc mượn đệ tử phải khéo dụng tâm, đừng cho y rách, phàm giặt y có 5 điều lợi :

1.- Trừ hôi hám
2.- Kiến rệp khỏi sinh
3.- Thân không xót xảy (*ngứa ngầm*)
4.- Nhuộm ăn màu
5.- Đắp dùng lâu rách.

Không giặt y cũng có năm điều lỗi, trái lại trên, thành 5 việc lợi.

Mặc y hoại sắc cũng có 5 việc lợi :

1.- Thuận theo hình dạng của Phật
2.- Vì lìa tâm kiêu mạn
3.- Không nhiễm đắm trần cấu
4.- Không sinh rận rệp
5.- Khi cầm mềm mại dễ giữ gìn.

Giặt y thường lắm cũng có 5 việc lỗi :

1.- Mau rách
2.- Mệt nhọc
3.- Dùng rất nhọc tâm
4.- Nhọc sức vô ích
5.- Ngăn ngại các việc lành.

Đắp y nhuộm tốt cũng có 5 việc lỗi :

1) Tự nuôi lớn tâm buông lung, người khác sinh tâm tật đố.
2) Người kia biết mình ưa sửa sang sạch đẹp
3) Khi tìm thì rất nhọc nhằn.
4) Hay ngăn các việc lành.
5) Nhuộm quá rách y, và dùng không được chắc.

Đập giũ quá cũng có 5 việc lỗi, đồng giải như văn trước; hoặc có người thí chủ, cúng cho mình cái y láng tốt, phải nhuộm lại cho xuống màu mà dùng, nếu còn láng tốt, thì đem để giữa mù sương, thoa cho nó mất láng; hoặc lấy nước ngâm cho nó ra màu rồi dùng, như trước đã nói; không y đây mà làm, thì phạm Ác tác.

Giới thứ sáu
TỚI NHÀ CƯ SĨ KHÔNG BÀ CON XIN Y

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, tới Cư sĩ hoặc vợ Cư sĩ không bà con xin y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ khi khác (khi bị ăn cướp giật y, mất y, cháy y, trôi y, đó gọi là khi khác).*

CHÚ GIẢI : : Khi ấy Phật ngự tại nước Xá Vệ. Ông Bạt Nan Đà Thích tử gắng xin cái y bạch điệp quý báu của ông Trưởng giả. Người đời thấy vậy sinh tâm nghi cười, nhân nơi đây Phật liền kiết giới cấm. Các thầy Tỳ Kheo đều sợ cẩn thận, không dám tới bà con Cư sĩ xin y. Phật nói : "Cho xin y Cư sĩ có bà con".

Khi đó các thầy Tỳ Kheo kiết hạ an cư mãn rồi, đến ra mắt đức Thế Tôn, sợ đi ban ngày trời nắng, nên đi ban đêm, trời tối đi lạc đường bị ăn cướp giật y, lõa hình mà đi về chùa, sở dĩ lõa hình mà đi có hai nghĩa :

1.- Là vì Phật chế giới cấm, nên không dám xin y.

2.- Là vì khiến tương lai Tỳ Kheo có xảy ra nạn này : muốn Phật vì nhân duyên mở cho. Phật nói : "Lõa hình mà đi phạm Ác tác, phải lấy cỏ nhuyễn hay là lá cây che lại về đến chùa, lấy y dư của mình mặc vô".

Nếu mình không có, thì mượn y dư của thầy Tỳ Kheo bạn thân mà mặc, nếu biết Tỳ Kheo bạn thân không có dư, thì mượn đỡ đồ của chúng Tăng mà che thân, rồi ra ngoài lần lượt kiếm xin, nếu được vải rồi, thì phải đem về giặt, nhuộm may xong để làm phép thọ và mặc lại như cũ. Nếu không được vậy, thì như pháp mà trị tội.

Khi đó có Tỳ Kheo, bị cướp giật y, mất y, cháy y, trôi y, sợ cẩn thận không dám tới Cư sĩ không bà con mà xin y. Phật nói : "Cho xin" do các duyên đây, mà Phật kiết thêm câu : Trừ khi khác.

Giới trước, kiết giới cấm xin y người xuất gia, nhưng cấm xin bên Ni. Giới này cấm tới người tại gia xin, không luận kẻ nam người nữ, cũng đều không cho.

Cư sĩ là chi ? Nghĩa là : Những người tại gia nhiều người giàu có, gia nghiệp dư dả. Lại có chỗ giải : "Người ưa luận danh ngôn, giữ mình trong sạch, đó gọi là người Cư sĩ".

Xin y là sao ? Là tới người kia xin hỏi mà được.

Y là gì ? Có 10 thứ đã giải thích như trước.

Trừ khi khác là khi nào ? Là lúc bị nạn, thì xin không phạm.

Cướp y là gì ? Là bị ăn cướp giật lấy.

Mất y là sao ? Là mình làm rớt mất, hoặc bỏ quên chỗ khác.

Cháy y như thế nào ? Là bị lửa đốt cháy vậy.

Trôi là gì ? Là bị nước cuốn trôi mất vậy.

Trong đây phép xả y, phép sám hối, phép hườn y v.v... đều giải như giới trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Hoặc xin y của ông đồng xuất gia, hoặc mình xin giùm người khác, hoặc người khác xin giùm mình, hoặc không xin mà người ta đem cho, thảy đều không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : Hoặc mình xin, hoặc mượn người khác xin, hoặc giả danh lạnh, nóng mà xin, hoặc nói công đức thí y mà xin, hễ được thì phạm Xả đọa.

Nếu xin vải làm vợt lược nước, xin miếng nhỏ vá y, xin miếng bao đầu, xin miếng băng ghẻ, hoặc miếng bằng 4 ngón tay, hoặc một điều trong y, đều không phạm.

Vì hai thầy mà xin, phạm tội Diệt Tỳ Ni (*Hai thầy là : Hòa Thượng và A Xà Lê*). Vì tháp, vì chúng Tăng mà xin thì không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc sai người đem thư, hoặc nhắn tin người khác, hoặc hai người xin chung

một y, hoặc mình xin giùm người khác, đều phạm Đột Kiết La. Nếu được cái y đúng cỡ thì phạm Xả đọa, được y không đúng cỡ, phạm Đột Kiết La".

Nếu bà con cho mình ít, mình lại đòi nhiều, hay xin giùm cho người khác, thì cũng phạm Đột Kiết La, hoặc người không bà con, trước thỉnh mình cúng y, sau họ nghèo thiếu, còn theo xin nữa, phạm Đột Kiết La. Hoặc cho ít, mình lại xin nhiều, hay là xin giùm người khác, cũng phạm tội Đột Kiết La.

Giới thứ bảy
THỌ Y QUÁ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo bị mất y, cướp y, cháy y, trôi y, hoặc Cư sĩ hay vợ Cư sĩ không bà con, tự tứ (là tự ý) thỉnh cho nhiều y, Tỳ Kheo đó phải biết đủ mà thọ, nếu thọ quá thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi đó có nhiều Tỳ Kheo bị ăn cướp giật y, đi về đến Kỳ Hoàn tịnh xá, có ông Cư sĩ nghe các thầy mất y, ông đem nhiều y tốt đến cúng, tùy ý lấy dùng, các Tỳ Kheo đáp rằng : "Chúng tôi còn đủ ba y, không dám thọ nữa".

Phái Lục quần Tỳ Kheo, bảo các Tỳ Kheo rằng: "Sao không lấy cho chúng tôi, hay là cho ông khác ư". Các thầy Tỳ Kheo liền lấy cho mấy ông. Bấy giờ các ông Thiểu dục Tỳ Kheo quở trách rồi bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Mất y v.v... là sao ? Như văn trên đã giải.

Tự tứ thỉnh là gì ? Nghĩa là : Ông Cư sĩ nói tự ý thầy Tỳ Kheo, muốn xin mấy cái cũng được.

Phải biết đủ mà thọ y là sao ? Biết đủ có 2 nghĩa :

1.- Đối với người tại gia biết đủ. Nghĩa là : Tùy người Cư sĩ cho bao nhiêu thì thọ bấy nhiêu.

2.- Sự biết đủ của người xuất gia là ba y thôi. Nếu mất một y thì không nên thọ, hoặc mất hai y mà còn lại một y, hoặc y đó hai lớp, ba lớp, bốn lớp, phải gỡ ra để làm đủ ba y mà thọ trì, nếu ba y mất hết, phải biết đủ mà thọ ba y thôi.

Nếu Cư sĩ thỉnh tự ý cho nhiều y, hoặc y mịn, y mỏng, phải thọ làm hai lớp, ba lớp, bốn lớp, vá may cái thành kết miếng vải trên vai lót mồ hôi, và cũng kết thêm nút khuy cho đủ (*như trong giới thứ ba trước đã nói*).

Nếu vải còn dư phải hỏi Cư sĩ rằng : "Vải này còn dư đây Cư sĩ có làm việc chi không ?"

Nếu thí chủ nói : "Chúng tôi không vì việc mất y mà cho, chính chúng tôi vì muốn đem cho Đại đức thôi", nếu Tỳ Kheo muốn thọ, thì thọ. Nhưng thọ quá số ba y, thì phạm Xả đọa.

Pháp xả y, sám hối, hườn y v.v... Có phạm không phạm như giới trước đã giải. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Luật khác : thì cho thọ y Tăng Già Lê và y An Đà Hội.

Giới thứ tám
XIN Y TỐT TRẢ GIÁ THÊM.

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, có hai vợ chồng ông Cư sĩ vì thầy Tỳ Kheo lo số tiền sắm y, mua y như vầy : cho Tỳ Kheo... mà thầy Tỳ Kheo đó trước không thọ thỉnh tự ý, lại đến nhà Cư sĩ nói lời như vầy : "Lành thay Cư sĩ, vì tôi mua y như vầy... như vầy cho tôi", vì cớ muốn cho tốt, nếu được y thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà Thích tử, nghe vợ chồng ông đàn việt sắm số tiền muốn mua y cúng, ông liền đi đến nhà kia bảo rằng : Nếu Cư sĩ muốn cúng y cho tôi thì phải may rộng, lớn, mới, chắc, tốt, mịn, như vậy mới nhằm y tôi thọ trì. Ông đàn việt kia liền sinh tâm chê ghét.

Phật liền nhân đây mà kiết giới.

Khi đó có Cư sĩ thỉnh thầy Tỳ Kheo bằng cách tự ý. Ông hỏi Tỳ Kheo rằng : "Đại đức muốn dùng y hạng nào ?". Thầy Tỳ Kheo tâm nghi sợ phạm giới, không dám trả lời. Lại có Cư sĩ nữa, muốn sắm cho thầy Tỳ Kheo cái y quý giá, thầy Tỳ Kheo thiểu dục tri túc (*tức là ông ít muốn và biết đủ*) muốn dùng cái y khác, cũng có tâm nghi sợ, không dám tùy ý xin hỏi. Phật dạy : "Nếu thỉnh bằng cách tự ý, thì cho tự do xin hỏi không ngại".

Nhân đây Phật kiết giới thêm : "Trừ tự ý thỉnh".

Hai vợ chồng ông Cư sĩ là ai ? Là hai vợ chồng người thí chủ, đồng tâm dâng cúng y cho thầy Tỳ Kheo vậy.

Lo số tiền là sao ? Lo : Nghĩa là : dự bị chứa đế sẵn.

Giá tiền y là những gì ? Nghĩa là : Vàng, bạc, tiền, cũng gồm hết các thứ bảy báu v.v...

Mua là sao ? Nghĩa là : Lấy giá cả đổi được vật đó, chẳng phải xin của ai cả.

Y như vầy là sao ? Là 10 món y thầy Tỳ Kheo cần dùng vậy.

Cho là gì ? Là không phải tự thầy Tỳ Kheo tới xin, mà chính ông Cư sĩ muốn cúng cho vậy.

Trước không thọ thỉnh tự ý là thế nào ? Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo, trước chưa từng được **Cư sĩ** mời thỉnh tự ý xin y, mà ông lại đi đến gắng cầu y lớn quý giá. Cầu cũng có hai thế :

1.- Cầu y quá cao giá, những đến cầu thêm một phần, trong 16 phần của một tiền (*một tiền có 16 phần, là xin lại một phần trong 16 phần*).

2.- Cầu cái y cho thật lớn và rộng, những đến cầu thêm một sợi chỉ vậy.

Lành thay Cư sĩ là sao ? Đây là lời khen tặng, muốn cho Cư sĩ kia cúng thêm y tốt vậy.

Y như vầy như vầy là thế nào ? Là cái y rộng, lớn, mới, tốt, chắc, mịn.

Vì cớ muốn chớ tốt v.v... Là vì thầy Tỳ Kheo muốn xin y tốt như vậy, hễ xin được thì phạm tội Xả đọa, còn xin không được, phạm Ác tác.

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Phép xả y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm, không phạm đồng như giới trước.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : "Hoặc sai người, hoặc gửi thư hoặc nhắn tin (*để nói về việc xin y*) phạm Đột Kiết La".

Nếu ta không vì cố tâm xin cái y tốt đẹp, quý giá rộng lớn, mà tùy Cư sĩ đem cho cái y quý giá tốt đẹp và rộng lớn bằng cỡ nói trên, hoặc kém giá hơn ta thọ không phạm.

Được cái y đúng cỡ, bề đứng đúng 4 cánh chỏ, bề ngang 8 cánh chỏ, phạm Xả đọa, (*vì lòng tham cầu*), được cái y không đúng cỡ phạm Ác tác, nếu người bà con nghèo thiếu, mà tới xin, phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : "Tới bà con xin y tốt, thì phạm Ác tác".

Căn Bản Luật nói : "Nếu mình xin miếng vải nhỏ, mà họ cho miếng vải lớn thì không phạm".

Giới thứ chín
KHUYÊN NHIỀU NGƯỜI CHUNG ĐẬU TIỀN MUA Y

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, có hai Cư sĩ hoặc vợ Cư sĩ sắp đặt chung đậu số tiền như vậy, mua y như vậy để cúng cho Tỳ Kheo... mà Tỳ Kheo ấy, trước*

không thọ Cư sĩ thỉnh tự ý; đến nhà hai Cư sĩ nói lời như vầy : Lành thay Cư sĩ, chung đậu số tiền, mua một lá y như vầy, như vầy cho tôi, vì cớ muốn tốt vậy; nếu được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như giới trước, giới trước là nói vợ chồng một ông Cư sĩ lo số tiền mua y mà cúng cho thầy Tỳ Kheo; nhưng Tỳ Kheo khuyên bảo thêm tiền, sắm y cho tốt. Còn giới này cả hai vợ chồng Cư sĩ hợp tác đậu tiền để mua y cúng cho thầy Tỳ Kheo, nhưng chưa cúng mà ông đến khuyên hợp tiền lại, mua một cái y cho thật tốt. Vì thế giới này và giới trước có khác, ngoài ra có phạm, không phạm cũng đồng như giới trước.

Giới thứ mười
CẤM ĐÒI MAY Y QUÁ SÁU LẦN.

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, hoặc có vua, quan Đại thần, Bà La Môn, cùng Ưu bà tắc, Ưu bà di, phái người đem số tiền y đến cho Tỳ Kheo sắm y, bảo đem số tiền như vầy cho Tỳ Kheo...*

Người kia đến chỗ thầy Tỳ Kheo thưa rằng : "Thưa Đại đức nay tôi đem tiền y này cho ngài, xin ngài nạp thọ", thì vị Tỳ Kheo phải nói với phái viên như vầy : "Tôi không dám thọ tiền y đó, nếu tôi muốn dùng y, hạp thời và thanh tịnh thì mới thọ".

Phái viên hỏi : Đại đức có người giúp việc không ? Vị Tỳ Kheo đáp rằng "Có".

Hoặc người tịnh nhân đó là người giúp việc cho Tỳ Kheo, ở trong đất chùa hay ở ngoài đất chùa và thường hay giúp việc cho các thầy Tỳ Kheo, ông

nên đem tiền đó mà giao cho người ấy. Khi đó phái viên đi đến chỗ tịnh nhân, giao tiền y rồi trở lại chỗ vị Tỳ Kheo thưa rằng : "Thưa Đại đức, tôi đã giao số tiền y cho vị tịnh nhân mà ngài đã chỉ đó rồi".

Vậy Đại đức phải biết thời đến đó thì được y, Tỳ Kheo muốn dùng y, phải đi đến chỗ tịnh nhân, hoặc hai lần, ba lần, nhắc cho kia nhớ, phải bảo như vầy : Ta muốn dùng y, hoặc hai lần, hoặc ba lần để cho kia nhớ, nếu được y thì tốt bằng không được y, đến bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im trước mặt, được y thì tốt, nếu chẳng được y, hễ nhắc đến lần thứ bảy được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Còn không được y, thì vị Tỳ Kheo phải cho thí chủ hay hoặc phái người cho thí chủ hay, nói rằng : "Trước ông bà phái người đem tiền y cho ông Tỳ Kheo... mà rốt cuộc ông ấy không được y, vậy ông bà phải lấy số tiền ấy về đừng để mất, thế là phải thời".

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong thành Vương Xá, nơi vườn ông Cấp Cô Độc, có quan Đại thần phái người đem tiền y cho ông Bạt Nan Đà (*hoặc nói : gửi cho khách buôn đem đến*). Ông Bạt Nan Đà bèn dắt người phái viên ấy vào thành Xá Vệ, đem tiền y trao cho ông Trưởng giả quen giữ. Khi đó quan Đại thần hỏi người phái viên rằng : "Tôi trước phái ông đem tiền cho ông Bạt Nan Đà sắm y, ông có vì tôi đắp y đó không ?". Người phái viên đáp rằng : "Không thấy đắp". Quan Đại thần lại phái người đòi tiền lại. Ông Bạt Nan Đà nghe rồi, bèn mau đến nhà ông Trưởng giả đòi tiền y.

Khi đó các ông Trưởng giả trong thành đi nhóm hội, trước có ra điều lệ, ai không đi nhóm hội, thì phạt 500 quan tiền, ông Trưởng giả bạch với Tỳ Kheo rằng : "Thưa Đại đức đợi tôi một chút, tôi đi phó hội về đã". Ông Bạt Nan Đà nói : "Không được đâu phải sắm y cho tôi trước rồi sẽ đi nhóm hội". Ông trưởng giả lo sắm y rồi, thì cuộc nhóm hội cũng xong, bị phạt 500 quan tiền. Khi đó ông Trưởng giả, cùng các nhà Cư sĩ ai ai cũng nhàm ghét, vì thế mà Phật liền kiết giới này.

Vua quan đại thần và Cư sĩ là ai ? Nghĩa là : đồng như giới trước đã giải.

Bà La Môn là gì ? Trung Hoa dịch : Tịnh hạnh, cũng nói : "Tịnh vệ".

Nghĩa là : Người nòi giống Phạm thiên, cũng gọi là : Phạm chí, chính là dòng quý bên nước ngũ thiên Ấn Độ, nước khác thì không có, nên nước đó gọi là Phạm thiên vậy.

Phái người là sao ? Nghĩa là : Hoặc sai người nam, nữ, người huỳnh môn v.v...

Người đem giá tiền y là gì ? Nghĩa là : Đem vàng, bạc, tiền, bảy báu v.v.. cúng cho vậy.

Tôi không nên thọ tiền y là gì ? Phép của thầy Tỳ Kheo, không nên thọ chứa vàng, bạc, vật báu, cùng là lúa gạo, đậu mè, ruộng vườn, tôi tớ, trâu ngựa, xe cộ v.v... Nếu họ cúng cho Thường trụ Tam Bảo thì được chứa, nhưng phải giao phó cho tịnh nhân, hay là người tục tín v.v... Tính phần đóng thuế, để cúng cho chúng Tăng, chớ chúng Tăng

không được sai tịnh nhân làm, và mướn người khác làm cho mình, nếu làm thì thành ra của bất tịnh, chúng Tăng không nên ăn dùng, nếu ăn dùng thì mắc tội.

Hạp thời thanh tịnh tôi mới thọ là sao ? Hạp thời : Là nhằm thời Tỳ Kheo dùng y, hoặc thời Phật mở cho Tỳ Kheo chứa y.

Còn thanh tịnh : Là không trái pháp cấm của Như Lai và không có các việc ngăn trở có thể thọ dụng được, tôi sẽ nhận lãnh để làm y thọ trì vậy.

Tịnh nhân ở trong đất chùa là ai ? Là người tịnh nhân ở trong chùa, hay thường giúp làm các việc cho chúng Tăng, tức là người giúp việc cho Tỳ Kheo vậy.

Ưu bà tắc là gì ? Dịch là Cận sự nam, tức là người quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới và nương gần dâng thờ các bậc Tỳ Kheo, cũng tức là người giúp việc cho thầy Tỳ Kheo đó.

Phái viên đi đến chỗ tịnh nhân là ai ? Nghĩa là : Người sứ kia đi đến chỗ người tịnh nhân mà Tỳ Kheo chỉ đó, đem số tiền may y cho ông, dặn phải hạp thời mua y thanh tịnh cho thầy Tỳ Kheo kia vậy.

Đại đức biết thời dùng y, đến chỗ tịnh nhân kia thì sẽ được là thế nào ? Nghĩa là : Người phái viên giao số tiền y rồi, trở lại chỗ Tỳ Kheo bạch rằng : "Thưa Đại đức biết thời dùng y, đến chỗ tịnh nhân kia, sẽ được tịnh y vậy".

Tỳ Kheo muốn dùng y phải đến chỗ tịnh nhân là gì ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó khi muốn dùng y, thì phải đến chỗ người được giao số tiền kia mà hỏi.

Hoặc hai lần, ba lần nhắc cho nhớ là sao ? Nghĩa là : Hai ba lần đi đến nhắc cho tịnh nhân kia nhớ.

Tịnh nhân : Nghĩa là : Hoặc có người ở tại nhà, hoặc có người ở tại chợ, hoặc có người ở tại công sở, nhắc rằng : "Này ông, tôi nay muốn dùng y, ông sắm y cho tôi, đó là nhắc cho nhớ vậy".

Nếu được thì tốt là thế nào ? Nghĩa là : Tỏ ý mình muốn, không mượn cách khác đòi.

Nếu không được y, hoặc bốn lần, năm lần, sáu lần, đứng im ở trước mặt là sao ? Nghĩa là : Ba lần nhắc đòi chưa được y, phải bốn lần, năm lần, sáu lần, đi đến chỗ tịnh nhân kia. Hoặc ở tại nhà, hoặc ông ở tại chợ, hoặc ông ở tại công sở, đến trước mặt ông làm thinh mà đứng. Nếu người tịnh nhân hỏi rằng : "Ngài có việc chi đứng đây ?". Thầy Tỳ Kheo đáp rằng : "Tự ông biết lấy". Nếu người tịnh nhân nói : "Tôi không biết". Nếu lúc có người khác biết, thì thầy Tỳ Kheo phải nói : "Người kia biết đó".

Làm như vậy được y thì tốt, nếu không được y thì không đến đòi nữa.

Nếu thầy Tỳ Kheo nhắc một lần, mất hai lần đứng im, nói ba lần, mất sáu lần đứng im.

Thể thức phạm tội trong giới này như thế nào ? Nếu quá 3 lần nhắc, 6 lần đứng im, hễ được y thì phạm Xả đọa.

Nếu 3 lần nhắc, 6 lần đứng im, cũng chưa được y, phải đến nhà ông đàn việt cúng tiền sắm y kia, hoặc mình đến, hoặc sai người đáng tin cậy đến, cho người thí chủ hay đặng họ lấy tiền lại, đừng để cho luống mất. Đấy là phép trả lại vậy.

Nếu ông đàn việt kia nói : "Tôi đã cúng cho ngài rồi, thì không dám lấy lại". Tỳ Kheo đó phải lừa khi, dịu lời phương tiện đòi y.

Thể thức không phạm là sao ? Nếu vì làm cái y Tạp toái thì nên đòi, nhưng khi đòi phải khéo dùng phương tiện, lấy lời dịu ngọt mà đòi. Phép xả y, phép sám hối, phép hườn y, có phạm, không phạm đồng như giới trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm. Ba chúng sau phạm Ác tác.

Tỳ Bà Sa nói : "Thể của giới này, chính là ở nơi ba lần nhắc, ba lần lẳng lặng, chớ không được quá. Nếu nhắc đến lần thứ bảy được y thành tội, không được y, phạm tội Đột Kiết La".

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu nhắc bằng cách làm thinh, thì được nhắc đến 12 lần, nếu một lần nhắc đòi ra tiếng, thì trừ hết hai lần nhắc đòi bằng cách làm thinh, nhẫn đến 6 lần nhắc, đòi ra tiếng, mất hết 12 lần làm thinh".

Tăng Kỳ Luật nói : "Ba lần nhắc đòi, sáu lần làm thinh hoặc ông hẹn lâu hẹn mau".

Vì sao gọi là hẹn lâu hẹn mau ? Nghĩa là : Khi đến, nhắc đòi, ông kia đáp rằng : "Tôn giả đợi một tháng nữa đến lấy y". Thầy Tỳ Kheo đợi đủ đến hỏi. Nếu ông kia nói : "Đợi một tháng nữa đến thì có", cũng phải đợi một tháng nữa, đến hỏi. Nếu ông kia lại kỳ lần thứ ba (*Một tháng nữa ngài đến lấy, chắc chắn có y*). Thầy Tỳ Kheo cũng phải đợi đúng một tháng rồi đến hỏi.

Nếu quá 3 tháng rồi, thì không được hỏi nữa. Nếu ông hẹn nửa tháng hay là 10 ngày nữa, nhẫn đến trong một tu du, cũng không nên hỏi nữa.

Đến 6 lần như vậy rồi, quá 6 tháng rồi, nhẫn đến 6 phần tu du rồi không nên đến đứng làm thinh nữa. Nếu khi đến nói với người thí chủ cúng tiền y, người chủ nói : "Tôi trước đã cúng cho ngài rồi, ngài theo phương tiện hỏi lại". Bấy giờ thầy Tỳ Kheo được như trước : ba lần hỏi, 6 lần đứng làm thinh.

Căn Bản Luật nói : "Nếu thầy Tỳ Kheo phái người đến cho nhà thí chủ hay rồi. Tịnh nhân tới nói như vầy : "Thưa Thánh giả hãy lấy tiền y này". Thầy Tỳ Kheo phải đáp rằng : "Tiền y đây tôi đã xả rồi, ông phải đem trả lại cho chủ cúng tiền sắm y kia", trả như vậy là phải. Nếu thầy Tỳ Kheo lấy tiền y đó, thì phạm Xả đọa".

Nếu người tịnh nhân nói : "Thánh giả hãy thọ tiền y này, còn người thí chủ kia tôi sẽ tỏ phân với họ cho họ vui lòng". Nếu nói như vậy thì ta lấy tiền y kia không phạm.

Giới thứ mười một
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CÁC THỨ TƠ TẰM LÀM NGOẠ CỤ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng các tơ tằm, xen lộn làm ngọa cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Khoáng Dã, phái Lục quần Tỳ Kheo dùng các thứ tơ tằm làm ngọa cụ mới, đến nhà nuôi tằm nói rằng : "Chúng tôi muốn dùng chỉ tơ". Người thợ nuôi tằm trả lời rằng : "Người đợi một chút nữa, đến thời tằm chín rồi lại". Phái Lục sư đứng một bên trông đợi dòm coi, thì loài tằm kén kia đang rộ tiếng mãi trông chảo nước sôi lửa đỏ. Các ông Cư sĩ thấy chê cười. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới.

Các thứ xen lộn là gì ? Nghĩa là : Các thứ lông, hoặc bông kiếp bối, hoặc câu giá la, hoặc nhũ diệp thảo, hoặc Sô ma, hoặc ma (*chỉ gai*).

Các thứ tơ tằm là chi ? Nghĩa là : Chỉ tơ vậy.

Làm là gì ? Nghĩa là : Hoặc mình làm, hoặc dạy người làm.

Mới là sao ? Có hai thứ :

1.- Mới làm 2.- Mới được (*mới xin được*)

Trong đây nói mới, tức là mới làm vậy.

Ngọa cụ là chi ? Nghĩa là : Tấm nệm bằng nỉ. Nệm đây cũng có hai thứ :

1.- Nệm dồn gòn.
2.- Nệm để trơn mà có xen tơ.

Đều không cho dùng, vì sát nhiều sinh mạng, hại vật mất lòng từ, lại nói là vật quý, nên hay khiến thân tâm buông lung, tự đi xin, tự làm, hoặc dạy người làm; ngăn bỏ đạo nghiệp.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm, hễ làm thành rồi thì phạm Xả đọa, chưa thành, phạm Ác tác. Làm giùm cho người khác, thành cùng không thành, đều phạm Ác tác.

Pháp xả trong đây phải làm bằng cách nào ? Hoặc lấy rìu búa bằm cho nhỏ, đem trộn hồ, hoặc tô vách tường, hay là vách đất, còn tội đọa kia phải sám hối. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Thể thức không phạm trong đây là sao ? Hoặc được cái tọa cụ đã thành, hoặc lấy búa bằm nhỏ đem trộn hồ v.v...

Ngũ Phần Luật dạy : "Xả cho chúng Tăng không nên xả cho người khác, tất cả chúng Tăng đều được thay phiên ngồi nằm, chỉ trừ Tỳ Kheo đó không được ngồi nằm".

Tăng Kỳ Luật dạy : Xả cho chúng Tăng để trải dưới đất, hoặc làm tấm trướng, tấm màn hay là tấm rèm che trước".

Chỉ tơ có hai thứ : 1.- Tơ sinh 2.- Tơ tác.

Tơ sinh là gì ? Là thứ tơ nhuyễn, mịn tốt nhất.

Tơ tác là gì ? Là thau càn, thứ tơ to xấu, có gút mắt. Sau khi dệt thành hàng rồi, thì người ta phải nện cho nó dẻ dặt và láng mặt.

Cũng không cho dùng chỉ tơ với lông dê, dệt làm ba y, hoặc làm chỉ bề dọc hoặc làm bề ngang, hoặc xen chính giữa, hoặc ngoài bìa, hoặc khoảng nhỏ, hoặc viền, hoặc lá nhỏ (*điều y*) nếu may thành rồi phạm Xả đọa, hễ dùng thì phạm Diệt Tỳ Ni.

Tát Bà Đa Luận nói : Như xin được cái y may để sẵn, thì không tội".

Luật Nhiếp nói : "Hoặc y người ta dùng rồi, hoặc y cũ sửa lại thì không phạm, hoặc có người cho hay rằng : "Tôi sẽ sắm cúng cho Đại đức cái y bằng tơ lụa", nếu ý mình muốn, làm thinh không cản, tức là mình có tâm tham, cũng phạm tội đọa".

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN TƯ)

PHỤ CHÚ

LỤC QUẦN TỲ KHEO

1) Nan Đà
2) Bạt Nan Đà
Hai vị này thị hiện đa tham và đa sân
3) Ca Lưu Đà Di, thị hiện đa dục
4) Xuyễn Đà, thị hiện đa sân
5) Mã Túc
6) Mãn Túc
Hai vị này thị hiện đa si

Lục quần Tỳ Kheo đây, chính là bậc Đại quyền Bồ Tát thị hiện, không một pháp nào mà không thông hiểu, khéo giải ba tạng mười hai bộ kinh và pháp ngũ minh, trăm nghề chước lạ. Mỗi vị có chín người đệ tử ra quân vào trận, thị hiện đủ cách các việc phi oai nghi, nhưng kỳ thật là đại hộ trong pháp môn để tuyên thông Phật giáo vậy.

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN NĂM

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ mười hai
KHÔNG NÊN DÙNG LÔNG DÊ TOÀN ĐEN LÀM NGỌA CỤ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng lông dê thuần đen mới làm ngọa cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Khi đó Phật ngự tại thành Quảng Nghiêm, có các bọn Lê Xa Tử v.v... ưa làm việc dâm dục, sắm choàng bằng lông dê màu thuần đen, trùm mình đi ban đêm cho người không thấy. Phái Lục quần bắt chước, ông kia nói : "Đại đức, tôi vì việc dâm dục mới sắm như vậy. Còn Đại đức sắm thứ đó để làm chi?". Các Tỳ Kheo nghe rồi đem bạch lên đức Phật. Phật do đó mà kiết giới.

Mới là thế nào ? Nghĩa là : chẳng phải cũ rách vậy.

Lông dê nâu thuần đen là gì ? Thuần : Nghĩa là : không xen các thứ khác.

Đen có hai thứ : 1.- Tự nhiên đen.
2.- Nhuộm nó mới đen.

Làm ngọa cụ mới là sao ? Như giới trước đã giải. Phạm tội nặng nhẹ cũng giải như giới trước. Phép xả, phép sám hối, phép trả lại, cũng giải như giới dư y. Còn bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Thể thức không phạm trong đây là sao ? Hoặc được cái ngọa cụ may rồi, hoặc cắt ra từng miếng, hoặc xếp lá mỏng nhỏ, xếp lại làm hai lớp, hoặc làm nệm, làm gối, làm tọa cụ vuông nhỏ, làm cái tấm lót bát, làm cái túi đựng dao cạo v.v...

Ngũ Phần Luật dạy : "Xả cho chúng Tăng trải trên giường ngồi nằm, không được trải dưới đất, còn các nghĩa khác đồng giải như giới trước.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu làm được bằng lông dê đen mục hư thì không phạm. Hoặc vì pháp, vì chúng Tăng, thì không phạm; hoặc lấy lông khác, hoặc lấy bông gòn, gai v.v... hiệp lại mà làm thì phạm Đột Kiết La. Làm y nhẫn đến 4 cánh chỏ cũng phạm Xả đọa".

Giới thứ mười ba
PHẢI XEN BA MÀU LÀM NGỌA CỤ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm ngọa cụ mới, thì phải dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư luốc. Nếu Tỳ Kheo không dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư luốc làm ngọa cụ mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Lục quần Tỳ Kheo lấy lông dê thuần trắng làm ngọa cụ. Các Cư sĩ chê cười nói : "Các ngài làm sao mà giống nhà Vua, hay là quan Đại thần". Các Tỳ Kheo nghe rồi bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới.

Làm mới ngọa cụ, thuần đen là sao ? Bốn điều đã có giải như giới trước.

Lông dê là chi ? Rõ chẳng phải các thứ lông khác vậy.

Trắng : Hoặc tự nhiên trắng, hay là nhuộm mới trắng.

Luốc : Là thứ lông trên đầu, lông lỗ tai, lông dưới chân, hoặc các thứ lông màu luốc.

Có chỗ giải rằng : "Lông trắng là thứ lông bên hông, hay là lông trên xương sống và lông trên cổ".

Luốc : là lông đầu, lông chân, lông bụng, là chỗ thường hành động (*đụng chạm*), lông đó thô xấu cũng kêu là lông bậc hạ.

Hai, ba, bốn, là số có thứ tự vậy.

Như muốn làm ngọa cụ 40 bát la (*160 lượng*) lông dê thì phải dùng 20 bát la (*80 lượng*) lông đen, 10 bát la (*40 lượng*) lông bạch, 10 bát la (*40 lượng*) lông luốc.

Thập Tụng Luật nói : Một bát la dịch là "4 lượng". Như muốn làm ngọa cụ 30 bát la lông dê, hay là 20 bát la lông dê, sánh theo đây nên biết. Dùng lông dê đen hai phần, trắng, luốc mỗi thứ một phần, nên thành thứ ba, thứ tư cho thứ lớp. Chẳng

phải bảo thứ đen ít, mà trắng với luốc nhiều đâu ? Cứ theo đây thì lông đen khó tìm, lông trắng hơi dễ, chỉ có lông luốc dễ tìm hơn hết.

Cũng vì lông đen với lông trắng là vật mịn, nhuyễn, quý giá hay khiến tâm mình buông lung, còn lông luốc thể nó to xấu vốn không quý giá, nên lòng không tham đắm vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm mà không y số lượng, thành rồi, thì phạm Xả đọa, chưa thành cũng phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Hoặc làm lông trắng không đủ, phải dùng nhiều lông luốc cho đủ, hoặc làm toàn lông luốc cũng được. Pháp xả, sám hối, trả lại, có phạm, không phạm, đều giải như giới trên. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : "Nếu dùng lông dê đen nhẫn đến nhiều hơn một lượng, cũng phạm Xả đọa. Dùng lông trắng nhẫn đến nhiều hơn một lượng, thì phạm Ác tác, dùng lông luốc nhẫn đến thiếu một lượng thì phạm Xả đọa.

Căn Bản Luật nói : "Hoặc lông đen dễ tìm, còn lông trắng và lông luốc khó tìm, thì lông trắng và lông luốc có thêm bớt đều không phạm".

Giới thứ mười bốn
PHẢI GIỮ NGỌA CỤ CHO ĐẾN SÁU NĂM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm ngọa cụ mới thì phải giữ cho đủ 6 năm. Nếu không đủ 6 năm không xả*

cái cũ, lại làm thêm cái mới, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Trừ có phép Yết Ma của chúng Tăng cho.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước, phái Lục quần Tỳ Kheo chê ngọa cụ hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc mỏng, hoặc dầy, không xả cái cũ lại sắm cái mới, chất chứa rất nhiều. Phật thấy vậy liền kiết giới.

Khi ấy có một vị Tỳ Kheo đau bệnh càn tiếu, muốn đi du lịch trong nhân gian, có cái ngọa cụ phấn tảo rất nặng đem theo không nổi, các vị Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật dạy ông Tỳ Kheo kia, đến chúng Tăng ba lần xin. Chúng Tăng bạch nhị Yết Ma cho ông trọng 6 năm, tùy ý sắm ngọa cụ mới, cho nên kiết thêm câu : "Trừ phép Yết Ma của chúng Tăng cho".

Phải giữ cho đến 6 năm là sao ? Nghĩa là : Phải giữ cho đến mãn 6 năm vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nghĩa là : nếu chưa đủ 6 năm, không xả ngọa cụ cũ, lại còn sắm ngọa cụ mới, thì phạm Xả đọa. Còn phạm nặng, nhẹ, phép xả, phép sám hối, trả lại, cùng bốn chúng kia phạm tội, cũng đồng như giới trước.

Thể thức không phạm trong đây là sao ? Là có phép chúng Tăng cho, và giữ đúng 6 năm, hoặc thiếu 6 năm mà xả cái cũ sắm cái mới, hoặc không có mà sắm cái mới, hoặc người khác sắm cho, hoặc được cái họ may rồi.

Giới thứ mười năm
MAY TỌA CỤ PHẢI KẾT MIẾNG CŨ Ở TRÊN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo may tọa cụ mới, thì phải lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc. Nếu may tọa cụ mới, không lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn ông Cấp Cô Độc, có thí chủ phái người đi thỉnh chúng Tăng cúng dường cơm. Theo phép thường của chư Phật : hễ các thầy Tỳ Kheo đi thọ thỉnh rồi, thì Phật đi xét hết các phòng, nhân thấy các thầy Tỳ Kheo bỏ tọa cụ tràn lan khắp nơi. Phật mới dạy các Tỳ Kheo may tọa cụ mới, lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay, kết trên cái mới cho hoại sắc. Phái Lục quần không y lời Phật dạy, nên Phật mới vì đó mà kiết giới.

Căn Bản Luật nói : "Đức Thế Tôn có 5 nhân duyên, không đến nhà người thỉnh" :

1.- Muốn ở chỗ yên lặng.
2.- Vì đi nói pháp cho chư thiên nghe.
3.- Vì đi thăm đệ tử bệnh.
4.- Vì xét ngọa cụ của các Tỳ Kheo.
5.- Chế giới cho các Tỳ Kheo.

Ý Phật trong đây muốn xét ngọa cụ và chế giới cho các Tỳ Kheo, nên không đến nhà người thỉnh.

Tọa cụ là gì ? Là cái đồ lót để khi ngồi nằm, cũng nói là cái y tùy tọa, cũng là món đồ để hộ y hộ thân, trong khi nằm ngồi, nên phải cần sắm.

Tiếng Phạm nói là : Ni sư đàn, cũng nói là : Ni sư đản na.

Phải lấy miếng cũ vuông rộng một gang tay để làm gì ? Nghĩa là : Khi may ngọa cụ mới phải hớt một miếng chưa rách bên cái tọa cụ cũ, giặt nhuộm cho sạch, vuông vức một gang tay của Phật, kết ở trên cái tọa cụ mới, tùy ý mà kết, hoặc ngoài bìa, hoặc chính giữa.

Cho hoại sắc là sao ? Nghĩa là : Làm cho nó hư sắc mới tốt, mà thành pháp phục của thầy Sa môn, cũng là bỏ hẳn lòng tham ái, cũng muốn cho bền chắc, và cũng để cho các thầy Tỳ Kheo tri túc thọ dùng, vì có tâm ái hộ, khỏi hao tổn của tín thí, mà phước của thí chủ được tự nhiên tăng trưởng vậy.

Một gang tay của Phật bằng ba gang tay của người thường. Lại có chỗ giải rằng : "Một gang tay của Phật sánh với thước nhà Châu (*Trung Hoa*) là hai thước vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu không lấy cái cũ kết trên cái mới, làm cho hoại sắc, thành rồi, thì phạm Xả đọa, không thành phạm Ác tác. Còn phạm nhẹ, nặng, phép xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội, đồng như giới trước.

Thể thức không phạm tội ra thế nào ? Nếu cái tọa cụ cũ rách hết không còn miếng nào kết được, hoặc người khác may giùm, hoặc được tọa cụ may sẵn, hoặc may toàn bằng vải cũ.

Thiện Kiến Luật nói : "Cũ", là nhẫn đến ngồi một lần cũng gọi là cũ.

Bốn phía thành, tùy lấy một phía, hoặc vuông hoặc tròn, đem kết trên cái mới, nếu không kết được, thì xé nhỏ may xen vào cái mới cũng được.

Giới Nhân Duyên kinh nói : "Lấy vải cũ viền bốn phía làm cho loạn cái màu sắc mới kia".

Bà Sa Luật nói : "Trong khoảng rộng lấy một miếng chừng một gang tay, xé dài rồi tùy theo rộng hẹp phân làm viền, viền giáp vòng cái tọa cụ".

Căn Bản Luật nói : "Miếng vải cũ bằng một gang tay của Phật, khi kết, nếu bớt một ngón tay, hay nửa ngón tay, cũng phạm Xả đọa, hoặc lấy hết cái cũ, may trùm lên cái mới, hoặc cái cũ rách hết không thể kết vá trên cái mới được, thì không phạm".

Giải rằng : Trong Giới Nhân Duyên cùng Bà Sa Luật dạy : Lấy miếng cũ viền bốn phía của cái thành ngọa cụ mới, một là làm cho hoại sắc, hai là làm cho chắc chắn.

Đời nay lấy miếng vải mới, viền bốn phía thành cho tốt, đó là do cớ tham tốt, nguyên chẳng phải lời Phật chế.

Trong Luật dạy : "Cái y chỗ đắp trên vai, kết một miếng vải để lót mùi hôi, có dơ thì gỡ ra giặt".

Đời nay may y, lấy một miếng vải vuông nhỏ, kết ở ngoài quấy xưng là núi Tu Di. Còn hai bên kèm (*người lầm đặt cái Bàn bà thêm hai miếng, gọi là nhật nguyệt*)

Trong Tam thiên Oai nghi dạy : "Kết vải y cũ vào bốn góc tọa cụ mới"

Trong Ngũ Phần dạy : "Kết bốn góc tọa cụ, cũng vì muốn cho bền chắc".

Đời nay lầm tưởng là : Tứ Thiên Vương ở bốn góc, truyền dạy đời sau noi theo cái lầm đó.

Giới thứ mười sáu
CẦM LÔNG DÊ ĐI QUÁ BA DO TUẦN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đi đường được lông dê, nếu không người cầm hộ, thì được tự cầm đi 3 do tuần, nếu đi quá 3 do tuần thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Ông Bạt Nan Đà đi đường được nhiều lông dê, xỏ đầu gậy quảy đi tòn ten, các ông Cư sĩ chê trách rằng : "Trang Thích tử mà sao buôn bán lông dê". Phật nhân đó liền kiết giới.

Đi đường là sao ? Nghĩa là : Đang đi ở giữa đường vậy.

Được lông dê là gì ? Nghĩa là : Hoặc có người cúng cho, hoặc lượm được ở đống rác.

Nếu không người cầm là sao ? Nghĩa là : Không có người khác để mượn quảy, cầm giùm vậy.

Được tự cầm cho đến đi trong 3 do tuần là gì ? Nghĩa là : Phật cho mình tự cầm đi, xa lắm là ba do tuần, không nên cầm đi quá.

Do tuần : Là cái tên số dặm ở bên nước Thiên Trúc, số có lớn nhỏ không nhất định, nay lấy bậc trung mà nói thì một do tuần chừng hơn 30 dặm, 3 do tuần độ cỡ 100 dặm (*chừng 30 cây số ngàn*).

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nghĩa là : Nếu Tỳ Kheo đi đường, hoặc tại chỗ ở, được lông dê, muốn dùng thì lấy, hoặc không người cầm giùm, được tự cầm chừng ba do tuần thôi. Nếu có người cầm, phải mượn họ cầm hộ, đi đến chỗ kia (*về đến chùa*), nếu họ đi giữa đường mỏi, thầy Tỳ Kheo không nên cầm tiếp, nếu cầm thì phạm Ác tác.

Nếu mượn bốn chúng kia cầm quá ba do tuần, thì cũng phạm Ác tác, trừ lông dê ra, cầm tất cả như cỏ, lá, gai v.v... quá ba do tuần, cũng phạm Ác tác, nếu quảy các vật trên đầu gậy mà đi, thì cũng phạm Ác tác.

Phép xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội cũng đồng như giới trước.

Thể thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Hoặc đem dệt làm cái khăn cầm đồ nóng, hoặc làm cái túi đựng giày guốc, chút đỉnh thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc dệt làm dây lưng, dây nịt, hoặc bỏ trong túi kín cầm đi không phạm. Phàm các thầy Tỳ Kheo, không nên gánh vác".

Ngũ Phần Luật nói : "Phải mượn tịnh nhân quảy, nếu không có tịnh nhân, mới cho mình cầm, chớ không cho quảy, gánh, hay là đầu đội vai mang"

Giới thứ mười bảy
CẤM MƯỢN CÔ NI KHÔNG BÀ CON GIẶT NHUỘM LÔNG DÊ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo mượn Tỳ Kheo Ni không bà con giặt nhuộm, xé lông dê, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xích Trạch, nơi vườn Ni Câu Luật. Phái Lục quần lấy lông dê làm tọa cụ mới, mượn Tỳ Kheo Ni Đại Ái Đạo, giặt nhuộm, xé lông dê, màu nhuộm ăn tay. Phật thấy vậy nhân đó mà kiết giới. Các thầy Tỳ Kheo đều sợ, cẩn thận không dám mượn cô Ni bà con. Phật mới mở cho mượn cô Ni bà con.

Giặt nhuộm là gì ? Nghĩa là : Như giới trước đã giải.

Xé là gì ? Nghĩa là : Nhẫn đến lấy tay xé một miếng.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu mượn giặt, nhuộm, xé, ba việc, thì phạm ba tội Xả đọa. Nếu mượn làm giùm ba việc, mà tùy việc nào không làm, thì người mượn đó chỉ phạm tội Đột Kiết La, còn người làm việc nào, thì Xả đọa.

Mượn Sa Di Ni hay là Thức Xoa Ma Na không bà con, phạm Đột Kiết La.

Pháp xả, sám hối, trả lại và bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước. Nếu vì người bệnh, vì chúng Tăng, vì Phật, vì tháp, mượn làm thì không phạm.

Giới thứ mười tám
CẤM THỌ VÀNG, BẠC VÀ TIỀN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự tay cầm tiền, hoặc vàng, bạc, hay bảo người cầm, hoặc người cúng để dưới đất mà thọ, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Bạt Nan Đà cầm bát vào thành Vương Xá khất thực. Đến nhà ông quan Đại thần quen trước, vợ ông quan ấy muốn đem tiền đi chợ mua đồ ăn cúng cho ông. Bạt Nan Đà nói : Nếu cô muốn mua đồ ăn cúng cho tôi, thì thôi để đem tiền cúng cho tôi cũng được.

Cô kia mới để tiền dưới đất cho ngài, khi đó ông Bạt Nan Đà lấy tiền đó gửi trên chợ rồi đi. Vua quan Đại thần và hàng Cư sĩ ai ai cũng đều chê trách rằng : Sa môn Thích tử gì mà lại còn ham tiền, bạc, vàng báu !

Khi đó ông quan Đại thần tên là Châu Kế, biện tài rất giỏi, ông đứng ra bàn cho mọi người nghe, khiến ai nấy dứt lòng chê hiềm, mà lại còn sinh tâm vui vẻ và tin kính nữa. Rồi ông mới đến bạch với đức Thế Tôn. Phật nói : Này quan Đại thần, như lời của ông nói, đối trong chính pháp rất có lợi ích.

Vì sao ? Vì trang Sa môn Thích tử phải lánh xa tiền bạc của báu thì mới khỏi dính dấp đến việc trau dồi tốt đẹp. Nếu còn tham đắm đến vàng, bạc, tiền, báu, thì phải bị ngũ dục sai khiến, nếu bị ngũ dục sai khiến, thì chẳng phải pháp giải thoát của trang Sa môn Thích tử.

Phật nói : Nếu có ai nhận ta làm thầy, mà còn cầm vàng bạc, tiền, báu, thì quyết chắc người ấy chẳng phải là đệ tử của ta.

Phải biết : mặt trời, mặt trăng còn bị bốn cái hại : không được sáng, không thanh tịnh, không thể chiếu, cũng không có oai thần.

Những gì là bốn ?

1.- Bị A Tu La lấy tay che ánh sáng.
2.- Khói che
3.- Mây che.
4.- Bụi và sương mù.

Đó là việc đại hại của mặt trời, mặt trăng.

Còn trong hàng Sa môn, Bà La Môn, cũng có bốn cái hại : Là không sáng, không thanh tịnh, không thể chiếu và mất cả oai thần.

Những gì là bốn ?

1.- Là không bỏ rượu
2.- Không bỏ dâm dục.
3.- Không bỏ việc cầm nắm vàng, bạc.
4.- Không bỏ việc tà mạng nuôi sống.

Đó là bốn việc đại hại, làm cho hàng Sa môn, Bà La Môn, không sáng suốt, không thanh tịnh, cho đến không oai thần. Bấy giờ Phật dùng vô số phương tiện quở trách ông Bạt Nan Đà rồi liền vì các thầy Tỳ Kheo kiết giới.

Tự tay cầm là sao ? Là chính tay mình cầm, cho đến khắp cả châu thân mỗi chỗ : cánh chỏ, đầu gối v.v... đều thọ vậy.

Tiền là gì ? Là ở trên mặt có hình, tùy theo mỗi nước xài dùng; hoặc tiền bằng đồng, tiền bằng sắt, tiền bằng chì, tiền bằng thiếc v.v... làm tiền vậy.

Vàng, bạc là chi ? Hoặc thành hay chưa thành (*có hình*) mà người đời trọng dung vậy.

Dạy người cầm là sao ? Nghĩa là : Bảo người khác cầm giùm cũng phạm tội.

Để dưới đất mà thọ bằng cách nào ? Là chẳng phải tự tay người kia trao cho, lúc họ để dưới đất mà thọ lấy cũng phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, nhẫn đến lấy vải gói, hoặc lấy đồ đựng tiền, v.v... cũng phạm Bổn tội.

Tiền này phải xả, tội phải sám hối. Pháp xả trong đây : hoặc xả cho người giữ vườn có tin mến Phật pháp, hoặc xả cho người Ưu bà tắc, phải nói với ông đó rằng : đây là món tôi không nên lấy, ông phải biết đó !

Nếu ông kia lấy rồi, trả lại cho thầy Tỳ Kheo, thì thầy Tỳ Kheo phải vì người chủ tiền mà thọ rồi bảo một tịnh nhân giữ giùm tiền ấy.

Nếu Tỳ Kheo được y bát, ống kim, tọa cụ, đúng pháp và thanh tịnh, thì phải đổi lẫn nhau mà thọ trì. Hay là người Cư sĩ lấy giùm rồi trao y bát, ống kim, tọa cụ cho thầy Tỳ Kheo, thầy Tỳ Kheo nên lãnh mà thọ trì (*khỏi đổi và làm phép tịnh thì*).

Nếu người kia lấy rồi, không trao lại, thì phải cậy Tỳ Kheo khác đòi giùm rằng : "Phật có dạy làm phép tịnh thí nên Tỳ Kheo kia mới đưa cho ông, vậy

thì ông phải trả của ấy lại cho ông Tỳ Kheo kia". Nếu Tỳ Kheo khác không đòi giùm, thì ta phải thân hành đến nói rằng : "Phật có dạy làm phép tịnh thí, nên tôi đưa cho ngài, nay ngài phải đem của ấy cho chúng Tăng, hay là cho tháp, cho Hòa Thượng, cho đồng Hòa Thượng, cho A Xà Lê, đồng A Xà Lê, cho ông trí thức quen biết, hay trả lại cho chủ. Vì sao ?

Vì không muốn để mất của thí chủ kia, nếu không bảo Ưu bà tắc kia biết đó ! xem đó ! Mà bảo người kia lấy ngay, phạm tội Đột Kiết La. Tỳ Kheo Ni đồng phạm. Ba chúng dưới phạm Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Cứ theo đây thì lấy vật của phần mình, phạm Xả đọa. Hoặc vật của người khác chung với của mình, thì cũng bị tội đọa không phép xả (*vì vật đã có chủ, thì phải trả lại cho chủ, chỉ sám hối tội đọa thôi*).

Thiện Kiến Luật nói : Nhẫn đến tiền làm bằng mủ cây, như cao su, v.v... mà quốc độ đó xài dùng, đều không được cầm, cũng không được bảo người cầm. Hễ cầm thì đồng phạm, nếu cầm cho mình thì phạm Xả đọa, hoặc vì Tăng, vì chúng, nhẫn đến vì một người, hoặc cầm đi sắm tượng Phật đều phạm Ác tác.

Không phạm là : mình không lấy, không bảo người lấy, nếu người Cư sĩ đem vàng bạc cúng cho Tỳ Kheo, thì Tỳ Kheo phải đáp rằng : "Tôi không phép thọ". Cư sĩ lại nói : "Đại đức, tôi đã định xả tâm bố thí cho ngài rồi, không nên đem về", nói rồi để dưới đất bỏ đi, khi đi rồi, thầy Tỳ Kheo ở đó coi

chừng, nếu có Cư sĩ khác đến hỏi, thì như thật mà đáp.

Cư sĩ nói : "Đại đức đã không phép thọ, mỗi bố thí cho đệ tử, thầy Tỳ Kheo làm thinh, Cư sĩ lấy đem mua đồ ăn, hoặc mua y phục, vật tịnh cho thầy Tỳ Kheo được thọ.

Nếu không có tịnh nhân biết phép, mà vàng, bạc đó ở trong thất, thì thầy Tỳ Kheo phải đóng cửa đừng cho mất, nếu gặp người bán y bát, thì thầy Tỳ Kheo kêu lại chỉ vàng, bạc mà nói rằng : "Bần đạo muốn dùng y bát này, mà có vàng, bạc đây, Cư sĩ tự biết !". Nếu không ai bán y bát, mà có người bán đường mật, các thứ nước uống phi thời, hoặc thuốc uống 7 ngày, thuốc trọn đời, mời họ đến chỗ tiền bạc đó nói rằng : "Có vàng, bạc đây, mà chúng Tăng muốn dùng thuốc này, Cư sĩ tự biết !". Được thuốc rồi, chúng Tăng được uống dùng, nhưng Tỳ Kheo ấy không được uống dùng, các người Cư sĩ, tịnh nhân, nhẫn đến súc sinh, đều không được uống. Vì sao ? Vì đó là vật của chúng Tăng.

Nếu không gặp người bán thuốc, thì vàng, bạc của người thí chủ bỏ lại mà đi đó, không có phương tiện gì được thọ.

Nếu thấy người Ưu bà tắc thì Tỳ Kheo kêu lại bảo : đem tiền này liệng đi, nếu Ưu bà tắc nói : Vì sao liệng đi, thì tôi sẽ lượm lấy. Tỳ Kheo trả lời : Tùy ý ông. Nếu ông Ưu bà tắc biết phép, đem mua y bát cho chúng Tăng thọ (*trừ Tỳ Kheo này không được thọ*).

Nếu không có ông Ưu bà tắc nào để mượn quăng bỏ tiền ấy, thì chúng Tăng phải bạch tứ Yết Ma, cử một thầy Tỳ Kheo biết đủ năm phép, đem vàng bạc này nhắm mắt rồi quăng, và cũng đừng nhớ đến chỗ quăng, nếu nhớ đến chỗ quăng, thì phạm Đột Kiết La.

Ngũ Phần Luật nói : "Chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, cử một thầy Tỳ Kheo, làm người quăng vàng bạc, Tỳ Kheo kia phải quăng vàng bạc đó vào một hầm, hay là vào trong nước, trong lửa, trong đồng trống, không nên nhớ chỗ quăng, nếu cầm để chỗ khác, thì không nên cầm trở lại lần thứ hai nữa. Tỳ Kheo kia không nên hỏi chúng Tăng, tiền này quăng cách nào ? Chúng Tăng cũng không nên dạy làm vầy... làm vầy... Nếu Tỳ Kheo kia không quăng và không hỏi, mà lại bảo ông tịnh nhân đem đổi các vật như là : Y và đồ ăn cho chúng Tăng. Chúng Tăng được thọ, nếu chia ra mỗi phần thì vị phạm tội (*Tỳ Kheo ấy*) không được lãnh phần.

Không phạm là sao ? Nghĩa là : tuy tiền cúng cho thầy Tỳ Kheo, mà thầy Tỳ Kheo không hay, ông tịnh nhân lãnh rồi, mua vật tịnh cúng cho thầy Tỳ Kheo được thọ.

Tăng Kỳ Luật nói : "Cho người bệnh bảo tịnh nhân đem cất, nhưng đừng sinh tâm tham đắm. Nếu vật phạm Xả đọa, xả cho chúng Tăng rồi, không nên lấy lại cho Tỳ Kheo kia, còn chúng Tăng cũng không được chia, nếu có nhiều thì đem nhập về kho của thường trụ, nếu sinh lợi thì được làm phòng xá, hoặc sắm trung y, không được ăn dùng.

Phàm Tỳ Kheo được tiền, hoặc an cư rồi, khi đó được tiền y, không nên tự tay mình lấy mà không cho tịnh nhân hay, nếu không có tịnh nhân thì chỉ chỗ đất bên chân mà nói : chỗ này đây ông nên biết, họ để dưới đất rồi mình lấy cỏ, lá, gạch, ngói, các vật đứng xa quăng tủ lên, đợi tịnh nhân đến, chỉ cho biết, tùy theo trong quốc độ xài dùng, hoặc tiền bằng đồng, bằng sắt, bằng mủ keo, bằng da, bằng tre, các thứ đồ không được cầm. Hoặc có quốc độ xài dùng tiền lạm xạm (*như bạc giấy lộn xộn*) và có quốc độ không xài dùng, mà nó là tiền thiệt (*như tiền vàng*) nếu cầm, đều phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Thập Tụng Luật nói : "Tay mình lấy đồ báu, nếu ít thì quăng bỏ, nếu nhiều mà gặp tịnh nhân đồng tâm phải nói : vì nó bất tịnh nên tôi không lấy, ông phải lấy. Tịnh nhân lấy rồi nói với Tỳ Kheo rằng : "Vật này cho ngài". Tỳ Kheo nói : "Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh thì tôi mới thọ".

Nếu không gặp tịnh nhân đồng tâm thì phải may ngọa cụ cho chúng Tăng bốn phương, và phải vào chúng Tăng bạch rằng :

"Thưa Đại đức, chính tay tôi lấy đồ báu, phạm Ba Dật Đề, tôi nay phát lồ sám hối không dám che giấu !".

Chúng Tăng hỏi : "Ông xả vật báu ấy chưa ?"

– Đáp rằng : "Xả rồi".

Chúng Tăng phải hỏi : "Ông thấy tội của ông chưa ?".

– Đáp rằng : "Thấy"

Chúng Tăng phải dặn rằng : "Sau đừng phạm nữa nhé".

Nếu ông nói chưa xả, thì chúng Tăng phải dạy cho ông làm phép xả, nếu chúng Tăng không dạy phép xả, thì tất cả chúng Tăng đều phạm Đột Kiết La, nếu chúng Tăng có dạy mà Tỳ Kheo ấy không xả thì phạm Đột Kiết La.

Tát Bà Đa Luận nói : "Tịnh nhân lấy rồi, nói với Tỳ Kheo rằng : "Vật này cho ngài". Tỳ Kheo nói : Đây là vật bất tịnh, nếu tịnh thì tôi mới thọ, tức là làm phép thuyết tịnh. Làm phép thuyết tịnh rồi, vậy sau mới vào chúng Tăng sám hối".

Căn Bản Luật nói : Nếu có người cúng tiền y, muốn dùng thì thọ, thọ rồi liền tưởng vật của người kia, mà cất giữ; song phải tìm một ông tịnh nhân, hoặc người Ưu bà tắc, mà hỏi họ rằng : "Ông có thể vì tôi mà làm ông tịnh thí chủ được không ?".

Nếu ông nói được, thì thầy Tỳ Kheo phải dấy tâm gửi gấm cho người ấy, mà mình chứa giữ vật ấy, nên bảo người cầm không nên tự cầm, dầu cho ông cận sự kia có đi xa, nhưng hễ ông còn sống, thì là chủ tịnh thí của mình. Nếu chưa tìm được ông tịnh nhân làm chủ tịnh thí, thì phải đem vật ấy, đối trước một Tỳ Kheo nói lời như vầy : "Đại đức nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo... được vật bất tịnh này, tôi nay đem vật bất tịnh này, đổi lấy của tịnh...". Nói như vậy ba lần, tùy ý xài, đừng để tâm nghi.

Luật Nhiếp nói : Nếu không có ông chủ tịnh thí, thì mình đem vàng bạc các vật, đối trước một

Tỳ Kheo mà nói như vầy : "Đại đức nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo... được vật bất tịnh này, nay đem vật bất tịnh này, đổi lấy của tịnh". (*nói ba lần rồi đem cất*).

Nếu thấy Tỳ Kheo đi giữa đường, được vàng, bạc, v.v... làm tiền lương đi đường, mình phải cầm đi, hoặc bảo ông tịnh nhân hay ông Sa Di cầm đi cũng được, phải biết ông Sa Di đối với vàng, bạc v.v... chỉ cấm chứa để chớ không cấm cầm nắm.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thầy Tỳ Kheo bảo ông Sa Di mới tu cầm vàng, bạc, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni, nếu thấy ông Sa Di đó trước có cầm rồi, sau bảo cầm thì không phạm.

Giải rằng : Cứ theo Căn bản và Luật Nhiếp : Cho làm phép tịnh thí rồi chứa để, đó chính Phật vì lòng thương xót kẻ đệ tử ở đời mạt pháp, căn tính hạ liệt nên cho chứa, nhưng người chứa cần phải biết hổ thẹn, lòng thường nhàm lìa, đừng sinh tham đắm, để cho hai ruộng kẻ thí, người thọ đều có lợi ích, được như vậy mới nên dùng, không nên giấu kín trong rương túi đến khi nhắm mắt tắt hơi, mạng căn khó dứt !

Dụ như con chim se sẻ muốn bay lên hư không, mà bị con dọp (*con sò*) nó níu lại, thiệt là mình tự dối lấy mình và tự hại lấy mình vậy.

Giới thứ mười chín
CẤM MUA BÁN VẬT BÁU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo mua bán mỗi món vật báu thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Bạt Nan Đà đi dạo chợ, đem tiền đổi tiền, các ông Cư sĩ thấy đều chê cười, do đó mà các thầy Tỳ Kheo bạch lên đức Phật, Phật liền kiết giới.

Mua bán mỗi thứ là chi ? Chẳng phải đổi chác một việc.

Nghĩa là : đem vàng thành rồi, vàng chưa thành, bạc thành rồi, bạc chưa thành đem đổi lẫn nhau.

Thành là sao ? Nghĩa là : lấy vàng, bạc làm thành các món đồ.

Chưa thành là gì ? Nghĩa là : lấy vàng, bạc làm các món đồ mà chưa thành vậy.

Hoặc lấy tiền đổi vàng bạc, lấy vàng bạc đổi tiền, hoặc lấy tiền đổi tiền. Tiền có 8 thứ :

1.- Tiền bằng vàng
2.- Tiền bằng bạc
3.- Tiền bằng đồng
4.- Tiền bằng sắt
5.- Tiền bằng bạch lạp
6.- Tiền bằng chì
7.- Tiền bằng thiếc
8.- Tiền bằng mủ cây.

Vật báu là chi ? Tức là vàng, bạc, tiền, bảy báu, chuỗi anh lạc v.v... Pháp xả trong đây và bốn chúng kia phạm tội cũng giải đồng như giới cấm vật báu ở trước.

Thể thức không phạm trong đây là sao ? Vì Phật, Pháp, Tăng, đem tiền đổi chuỗi anh lạc, đem chuỗi anh lạc đổi lấy tiền.

Căn Bản Luật nói : Khi ấy thầy Tỳ Kheo được vật thí chủ cúng cho thường trụ, đem cất trong kho. Thí chủ đến hỏi rằng : "Thánh giả, ý gì mà không sửa sang trong chùa ?".

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : "Hiền thủ, bởi vì không có tiền của". Thí chủ nói : "Tôi đã cúng tiền của nhiều lắm mà !".

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : "Tiền của ấy hiện ở trong kho chúng Tăng". Thí chủ nói : "Không nên như vậy, nhà tôi đâu không chỗ cất, các ngài sao không đem đổi làm sinh lợi ư ?"

Các thầy Tỳ Kheo đáp rằng : "Phật cấm, không cho làm việc sinh lợi". Các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật.

Phật nói : Nếu vì chúng Tăng làm sinh lợi, thì các Cư sĩ tín tâm nghe Phật nói rồi, vì Phật, Pháp, Tăng, cúng vô để làm của thường trụ, vật của Tam Bảo cũng nên làm cho có lợi ích; của sinh lợi cũng đem về cho Tam Bảo, để được cúng dường.

Nếu khi cho vay phải nói rành rẽ, khi trả phải trả gấp hai, cũng phải làm tờ giấy kỳ hẹn, cùng người đứng bảo đảm, ký tên ngày nào tháng nào, để tên vị Thượng Tọa, cùng tên thầy thư ký, dầu cho người cận sự tín tâm đi nữa cũng phải trả gấp hai.

Luật Nhiếp nói : "Phải cầu người tử tế bảo lãnh và giấy tờ kỳ hạn phải rành rẽ, đến ngày giáp

năm phải thưa với vị Thượng Tọa, cùng thầy thư ký, đều cho đồng biết, hoặc là nói với người cận sự tín tâm kia".

Giới thứ hai mươi
CẤM MUA BÁN CÁC THỨ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo mua bán các thứ thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Khi Phật ngự trong vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà đem gừng sống lên chợ đổi đồ ăn và o bế cái y cũ lại đổi lấy cái y mới của ngoại đạo. Ngoại đạo nghĩ tiếc không chịu đổi nhau, các thầy Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới.

Mua là sao ? Là mua rẻ bán mắc vậy.

Bán là gì ? Là thêm lên giá cả.

Mua bán các thứ là chi ? Nghĩa là : đem thuốc phải thời, thuốc không phải thời, thuốc 7 ngày, thuốc trọn đời, và y vật v.v... đổi chác qua lại lẫn nhau.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu thầy Tỳ Kheo mua bán các thứ, bán rồi thì phạm Xả đọa, chưa bán phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, giải đồng như trong giới chứa y dư.

Giới trước đem vàng, bạc, tiền, vật báu đổi chác, nên dạy xả cho ông tịnh nhân. Còn giới này đem y, thuốc đổi chác nên dạy xả cho chúng Tăng vậy. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm trong đây là sao ? Cho năm chúng xuất gia đổi chác với nhau, vì đã xét định rồi không có hơn thua với nhau như cách mua bán ở ngoài chợ và không nên đổi chác với người ngoài, hoặc bảo tịnh nhân đổi, nếu có tiếc thì trả lại hoặc đem sữa đổi dầu, hoặc đem dầu đổi sữa.

Tăng Kỳ Luật nói : "Các thứ đó hoặc mình hỏi giá, hoặc bảo người hỏi giá, hoặc mình lên giá, hoặc bảo người lên giá, hoặc mình sụt giá, hoặc bảo người sụt giá, khi nói lời bất tịnh (*lời không chân thật*) phạm tội Diệt Tỳ Ni, khi được thì phạm Xả đọa. Nếu vật đó đáng giá 50 đồng, mà đòi 100 đồng, thầy Tỳ Kheo nói : để tôi 50 đồng, được không ? Trả như vậy không gọi là mất giá".

Nếu biết người kia muốn mua vật ấy, không nên mua giành, hễ mua thì mắc tội Diệt Tỳ Ni. Nếu khi thầy Tỳ Kheo thấy bán bát, nghĩ như vầy : Bát này tốt, đến chỗ đó sẽ bán được lời, khi mua phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nếu suy nghĩ như vầy : Tôi có vật này không có tịnh nhân, đấy là vật thanh tịnh, nên mua đi, thì không tội.

Nếu thầy Tỳ Kheo vì chúng Tăng làm ông Trị nguyệt đi chợ một tháng để mua sữa, dầu v.v... Khi mua các vật, nói lời bất tịnh, (*chê đắt rẻ*) phạm Diệt Tỳ Ni. Nếu mua sữa, dầu v.v... cho mình, tất cả không nói lời tịnh, mua được thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Nếu Tỳ Kheo với Tỳ Kheo đổi chác với nhau nói lời bất tịnh mà mua đấy và mua đối với tất cả 96 hạng người xuất gia, nói lời bất tịnh mà mua đấy, đều không phạm.

Nếu có người đàn việt vì thầy Tỳ Kheo, đưa tiền sẵn trong tiệm nói rằng : Nếu có thầy Tỳ Kheo... hằng ngày đến đây, muốn cần dùng món chi thì tùy ý đưa cho ông; sau thầy Tỳ Kheo đến hỏi, có nói lời tịnh cùng bất tịnh (*mà mua*) thì không tội.

Tỳ Kheo đó hỏi vật trong tiệm không có, chủ tiệm bèn đưa tiền cho Tỳ Kheo đi mua chỗ khác. Tỳ Kheo đi đến chỗ khác mua đồ, nói lời bất tịnh (*trả giá đắt rẻ*) phạm Xả đọa.

Khi Tỳ Kheo mua lúa nghĩ như vầy : "Lúa này sau sẽ được giá", khi mua phạm Diệt Tỳ Ni, khi bán phạm Xả đọa.

Nếu suy nghĩ như vầy : sợ chừng qua tháng đó... lúa đắt, nên ta nay mua lúa này, ta sẽ nhờ nó được tụng kinh, ngồi thiền và hành đạo. Đến khi sau lúa đắt hoặc để ăn lâu, hoặc cho Hòa Thượng, A Xà Lê, hoặc đem bố thí làm việc công đức, còn bao nhiêu đem bán, được lời thì không tội, mua bát, mua thuốc v.v... cũng như vậy (*không tội*).

Căn Bản Luật nói : "Nếu vì lợi mà mua, không vì lợi mà bán, thì khi mua phạm Ác tác, khi bán không phạm. Nếu không vì lợi mà mua, vì lợi mà bán, thì khi mua không phạm, khi bán phạm Xả đọa. Nếu tới phương khác, mua được vật mà tâm không cầu lợi, khi đem về xứ này, khi bán tuy được lời thì không phạm".

Luật Nhiếp nói : "Khi mua bán mà nói không chân thật, hoặc dùng cân non, giạ thiếu, dối gạt người phạm tội vọng ngữ, trong khi được vật thì

phạm tội ăn trộm. Phàm khi đem của cải, muốn mua bán trước phải định ý, đừng có tâm cầu lợi, thời tùy chỗ nào được lợi thảy đều không phạm".

Dầu cho ba y, không nên tính có lợi mà đem buôn bán. Lại đối với người thế tục, trong khi ra chợ mua chác, mình không nên trả giá cả, nên mượn người Cư sĩ nào đó có tâm tin kính Phật, Pháp, hoặc bảo ông Sa Di mua giùm thì không phạm.

Nếu không có mấy người ấy, thì mình phải trả giá chừng hai tiếng ba tiếng, rồi mua theo giá của họ, không nên quá số đó cùng trả cao thấp. Như thật ta không muốn mua, mà tăng giá của người thì phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu mình muốn đổi chác, phải sai tịnh nhân như vầy : Vì ta đem vật này đổi lấy vật khác, lại phải suy nghĩ như vầy : thà để họ lời của mình, chớ mình không nên lời của họ".

Thập Tụng Luật nói : "Nếu đem vật xả đọa đổi đồ ăn, ăn mỗi miếng, thì phạm mỗi tội Đột Kiết La, mua y đắp cứ mỗi lần đắp phạm Ba Dật Đề".

Tát Bà Đa Luận nói : "Tội mua bán đối với trong tất cả tội Ba Dật Đề là nặng hơn hết. Thà làm người hàng thịt, chớ không nên buôn bán". Vì cớ nào ?

Bởi vì người hàng thịt, chỉ hại có loài súc sinh, còn mua bán thì tất cả đều dối gạt, không luận kẻ đạo người tục, kẻ hiền người ngu, người trì giới,

người phá giới gì cũng đều gạt gẫm hết, lại thường đem lòng ác.

Ví dụ : Như chứa lúa, tâm thường trông mong cho năm mất mùa đói khát, sương tuyết mưa đá tai hại, hoặc chứa muối và các vật, thì ý tưởng thường trông mong cho bốn phương phản loạn, hoặc đường sá trắc trở.

Ví dụ : Như bán hòm, thường trông mong cho người ta chết.

Luận như có người buôn bán có tâm ác như vậy, thì của buôn bán đó, dầu sắm đồ ăn cúng cho chúng Tăng, chúng Tăng không nên ăn. Nếu đem làm phòng cho bốn phương chúng Tăng, chúng Tăng cũng không nên ở, như đem làm tháp và đúc tượng, không nên lễ bái.

Lại có chỗ nói rằng : "Chỉ dấy tưởng Phật rồi lễ bái ?".

Phàm thầy Tỳ Kheo giữ giới không nên thọ dùng vật ấy, nếu thầy Tỳ Kheo đấy chết (*Tỳ Kheo buôn bán*) thì vật này chúng Tăng nên làm phép Yết Ma mà chia.

Hỏi rằng : "Thầy Tỳ Kheo khi còn sống, chúng Tăng không nên thọ dùng vật ấy, tại sao khi ông chết chúng Tăng lại được chia ?"

Đáp rằng : "Vì nghiệp mua bán đó tội lỗi quá nặng. Nếu khi ông còn sống cho chúng Tăng ăn dùng vật đó, thì ông cứ mua bán mãi không thôi, đây là trong ruộng phước chúng Tăng, nên không cho thọ dùng vật nhơ ấy, tự để cho ông biết, đời nay

không phước đời sau mắc tội nặng nề, vì do nhân duyên đó mà lòng không dám tái phạm. Song, nay Tỳ Kheo đó đã chết, không còn gây nhân mua bán nữa, thế nên cho làm phép Yết Ma chia vật đó".

Giới thứ hai mươi mốt
CẤM CHỨA BÁT DƯ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo chứa bát dư không tịnh thí, thì được chứa trong 10 ngày, nếu quá thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc. Phái Lục quần chứa bát dư, cái nào tốt thì thọ trì, cái nào xấu thì bỏ bậy bạ.

Các ông Cư sĩ vào phòng xem thấy nhiều bát dư, bèn chê trách rằng : "In như tiệm lò gốm". Các Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật liền kiết giới không cho chứa bát.

Khi ấy ông A Nan được cái bát quý giá, muốn cúng cho ngài Ca Diếp, mà ngài Ca Diếp lại đi khỏi, ông A Nan sợ phạm tội dư bát, đến bạch đức Thế Tôn. Phật hỏi : "Ông Ca Diếp mấy ngày nữa mới về ?".

Ông A Nan bạch rằng : "Chừng 10 ngày nữa".

Do đây Phật cho chứa đúng 10 ngày vậy.

Chứa là gì ? Nghĩa là : tâm còn tưởng thuộc về của mình.

Bát dư là gì ? Nghĩa là : cái bát mình đã thọ trì rồi, mà còn chứa bát dư nữa, thế gọi là dư vậy.

Bát có hai thứ : 1.- Bằng thiếc. 2.- Bằng đất hầm.

Màu nó cũng có hai thứ : 1.- Màu đỏ. 2.- Màu đen.

Cỡ nó cũng có hai hạng : 1.- Bát lớn đựng ba đấu. 2.- Bát nhỏ đựng một đấu rưỡi (*theo đấu nhà Đường, thì bát lớn đựng một đấu, bát nhỏ đựng nửa đấu*) đây là cỡ của bát nên thọ trì.

Song, trong Luật bổn, thì không nói văn thọ, xét trong các bộ khác đều có dạy phép thọ trì : "Phải đối trước một thầy Tỳ Kheo đảnh lễ một lạy, rồi quỳ xuống lấy cái bát để ngửa trên bàn tay tả, tay bên hữu vịn cái bát bạch rằng : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo pháp danh... bát đa la này chừng đúng lượng mà thọ, vì thường dùng vậy" (*bạch ba lần*).

Có duyên muốn xả, thì cách xả như pháp xả y, nên biết.

Bát là gì ? Tiếng Phạm : Bát đa la, dịch là : cái đồ đúng pháp.

Nghĩa là : Thể, sắc, lượng, ba cái đều đúng như pháp.

THỂ : Nghĩa là : bằng thiếc hay bằng sành.

SẮC : Nghĩa là : Đỏ và đen.

LƯỢNG : (cỡ) : Nghĩa là : Ba đấu hay một đấu rưỡi. Nếu hơn ba đấu hay thiếu một đấu rưỡi, thì không phải cỡ bát đúng lượng, không nên thọ trì vậy.

Không tịnh thí là sao ? Tịnh thí có hai cách:

1.- Là chân thật tịnh thí.
2.- Là Triển chuyển tịnh thí.

Được chứa trong 10 ngày là cách nào ? Nghĩa là : Được chứa trong 10 ngày không được quá. Nếu quá 10 ngày, qua ngày thứ 11, mặt trời vừa mọc, thì phạm Xả đọa. Trong 10 ngày được bát, phải làm phép tịnh thí, hay không tịnh thí, nhẫn đến hoặc quên đi, mỗi câu mỗi câu phạm Xả đọa, lệ như trong "Giới dư y" đã nói, lại không có tướng khác, cho nên đây không giải thêm.

Pháp xả, pháp sám hối, pháp trả lại và không phạm cũng đều đồng vậy. Tỳ Kheo Ni chứa một đêm phạm Xả đọa, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Nếu được bát trẹt, bát nhỏ, bát vừa vừa cho chứa khỏi lam phép tịnh thí.

KIỀN TỬ : Là cái bát nhỏ, trẹt, chỗ nói bát trẹt, để vào bát nhỏ, bát nhỏ để vào bát vừa vừa, bát vừa vừa để vào bát lớn.

Không nên chứa bát bằng cây, bát cây là bát của ngoại đạo, không nên chứa bát bằng đá, bát bằng đá là bát của Như Lai, không nên chứa bát bằng vàng, bằng bạc, bằng lưu ly, đó là bát của người thế gian, không nên chung quanh bát vẽ dây Bồ đào cùng vẽ hoa sen, vẽ hình tượng hay là chạm chữ vạn, để danh hiệu của mình, không nên ràng bốn bên cái bát, hoặc miệng bát, không nên bao cả cái bát.

Nên bao hai phần chừa một phần, nếu lủng nhiều lỗ, thì nên bao hết, cơm lọt trong lỗ, tùy cái nào cạy ra được thì cạy, còn cái nào cạy không được cũng không phạm. Cho nên cái túi đựng bát, làm dây mang trên vai, kẹp bát ở dưới nách day miệng ra ngoài, bát có lủng hư cho vá lại.

Nếu người xuất gia biết làm bát, cho làm bát giùm các Tỳ Kheo, cho chứa đồ làm bát, cho xông bát, cho làm lò xông bát, hoặc bằng chảo, bằng ghè, lấy những thứ hồ thoa, hoặc dùng hột hạnh, hột mè, đâm thoa trong cái bát, lấy tro để dưới đất bằng, làm cái chỗ xông bát, lấy cây chống, lật bát để lên trên, cái bát úp trên cái lò, lấy tro tấp bốn phía tay ém cho chắc, hoặc củi, hoặc phẩn trâu khô,[1] dẫn bốn bên đốt lửa, phải làm như vậy mà xông.

Mẫu kinh nói : "Hoặc hột mè, hoặc hột hồ ma, đâm nát trét bát trên lò để bát ở giữa lò xông đó, xông rồi cái lò phải khéo vỡ, chớ cho lọt mưa".

Ni Đà Na nói : Cho sắm cái lồng trùm bát, lồng có hai thứ :

1.- Là thợ làm. Nghĩa là : mua của thợ lò gốm.

2.- Là mình làm. Nghĩa là : Lấy cái hũ hay cái ghè cắt làm hai đoạn, nên lấy cỏ trộn với bùn, thoa khắp ở ngoài, lấy xác hồ ma, thoa trét mé trong, đợi khô, ở trong để nếp nát, lấy lồng úp lên bên miệng trét hồ, nên lấy vật đỡ cái bát lên cao, trong lồng khói ra, thì lấy tro lấp trên miệng, nên chất chồng

---

[1] *Trâu ăn cỏ thơm trên núi Tuyết sơn nên phẩn nó thơm như trầm.*

nhiều lớp phẩn trâu, đốt lửa ở trên, mình phải coi chừng lửa, hay là mượn người khác coi chừng, nếu nó không ăn màu thì phải thường thường rửa đi, vậy sau mới đốt lửa lại, nên quét chỗ đất cho sạch, đừng để chết các loài trùng.

Thập Tụng Luật nói : "Bát là cái cờ nêu của hằng hà sa chư Phật, không nên đựng đồ bất tịnh".

Ngũ Phần Luật nói : "Trì bát cũng phải đúng như pháp : không nên đựng vải rách hay là đựng cơm dư, đựng nước quá giờ ngọ, đựng hương và thuốc, phải rửa sạch đem cất, kính hộ như tròng con mắt, quá giờ ngọ không nên mượn bát làm chén uống nước, cho sắm chén uống nước bằng đồng, bằng thiếc, bằng sành và riêng sắm thố ăn cháo".

Lại nói : Bát có ba cỡ :

1.- Bát lớn đựng ba bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

2.- Bát nhỏ đựng 1 bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

3.- Bát vừa vừa đựng 2 bát tha cơm, trừ canh và rau ra.

Tăng Kỳ Luật nói : "Không cho trong bát để ngăn, nếu lấy bánh làm ngăn, hay là lấy cơm làm ngăn, thì không phạm".

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu chứa dư bát thiếc trắng hay là bát bằng sành mà chưa xông và tất cả bát không nhằm cỡ, phạm Đột Kiết La".

Luật Nhiếp nói : "Không phạm là như bát thiếu cỡ hay là quá cỡ, hoặc muốn để dành cho người muốn xuất gia thọ giới Cụ túc, giúp cho họ dùng, tuy không biết, cũng đều không phạm, hoặc để đựng canh rau, hay là đựng nước uống, nên sắm hai cái bát nhỏ, một cái để đựng muối dã, một cái để đựng muỗng thảy đều không phạm".

Lại trong cái bát lớn muốn để cái bát nhỏ vào cũng được khi cần dùng cho dễ, chứa nhiều không phạm. Nên sắm thêm một cái bát lớn, để phòng khi có khách Tăng đến.

Đức Thế Tôn cho ra một cái bát, là ý không nhiều không ít, cho thuận lẽ trung đạo, để giúp thân tu hành, biết thọ vừa đủ thôi, như hộ tròng con mắt; khi đi đường đừng để trần mang đi, chớ gói trong chéo y, nên lấy đãy đựng, mang ở trên vai mà đi. Nếu ở trong chùa phải làm cái lồng úp lại, còn ở chốn Lan nhã thì phải bện tre lau làm lồng, hồ và phẩn trâu trét trong, ngoài lồng ấy rồi, để bát ở trong.

Giải rằng : Nói một bát tha đây, dịch là : một thăng, cứ theo trong Tát Bà Đa Luận nói : cỡ chừng bảy hộp.

Giới thứ hai mươi hai
BÁT THIẾU 5 CHỖ LỦNG, TÌM XIN BÁT MỚI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo chứa bát, thiếu 5 chỗ và không chảy, tìm xin bát mới, vì muốn cho tốt, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề. Tỳ Kheo kia phải đến*

trước chúng Tăng mà xá, lần lượt lấy cái bát chót hết cho thọ trì, nhẫn đến bể cũng phải trì, thế là phải thời.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà làm bể một cái bát, ông vào trong thành, đến mỗi nhà Cư sĩ, xin bát, các Cư sĩ đều ra chợ, mỗi người mua cho ông một cái bát, té ra ông bể một cái bát, mà được rất nhiều bát.

Sau khi đó các Cư sĩ đi nhóm hội nói chuyện với nhau mới biết, thì ai cũng chê trách ông Bạt Nan Đà. Phật vì đó liền kiết giới.

Chứa bát là gì ? Nghĩa là : Cái bát của mình đang thọ trì.

Thiếu 5 chỗ vá là chi ? *Thiếu* : là không đủ vậy.

Năm chỗ vá : Nghĩa là lủng cách hai ngón tay vá một chỗ.

Vá : là nối nhau chắp dính liền vậy.

Thế nào gọi là không lủng ? Do còn đựng cơm canh vậy.

Lại tìm bát mới vì muốn cho tốt là sao ? Nghĩa là : mình sẵn có cái bát chưa chảy, mà vì lòng tham xin bát mới cho tốt đẹp, nên mới tới nhà Cư sĩ mà xin cái bát thứ hai. Nếu thiếu năm chỗ vá mà không chảy lại tìm cái bát mới phạm Xả đọa. Nếu đủ năm chỗ vá, mà không chảy lại tìm xin bát mới phạm Ác tác.

Tỳ Kheo kia là ai ? Là chỉ vị Tỳ Kheo phạm tội.

Phải đến trong chúng Tăng mà xả là sao ? Nghĩa là : phải đối trước chúng Tăng ở trong giới đây mà xả chớ không được xả cho biệt chúng, xả rồi sám hối tội đọa. Chúng Tăng phải làm phép Yết Ma trả bát lại cho ông, bát này nếu thật tốt quý giá, thì phải để lại, lấy cái bát xấu hơn, bạch nhị Yết Ma đưa cho ông, làm phép Yết Ma rồi, cái bát kia phải đem đến trong chúng Tăng, thứ lớp mà xả chuyền cho nhau, nếu chuyền rồi mà rốt cuộc không có thầy nào lấy, thì phải trả lại cho Tỳ Kheo kia, dạy phải giữ trọn đời.

Còn bát ông thọ trì trước đó, cũng phải đúng như phép thọ trì như thường, còn bát xả đọa này không nên thọ trì. Chỉ dạy : thường chứa dùng thôi. Nên hành như vầy : phải tác bạch thưa trong chúng Tăng, bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, nay đem cái bát này, thứ lớp thưa vị Thượng Tọa, thưa như vậy.

Thưa rồi, phải cầm đưa vị Thượng Tọa, nếu vị Thượng Tọa muốn lấy bát này, thì đưa cho đó, rồi phải lấy cái bát của vị Thượng Tọa đưa cho vị Thượng Tọa thứ hai; nếu đưa cho Tỳ Kheo kia, thì Tỳ Kheo kia phải lấy. Không nên đem hộ cho chúng Tăng mà không lấy, cũng không nên vì nhân duyên này, mà thọ trì cái bát rất xấu, nếu thọ trì thì phạm Đột Kiết La.

Nếu vị Thượng Tọa thứ hai lấy bát này, thì phải lấy cái bát vị Thượng Tọa thứ hai đó đưa cho vị Thượng Tọa thứ ba. Nếu đưa cho Tỳ Kheo kia, thì Tỳ Kheo kia phải thọ, không nên đem hộ cho chúng

Tăng, mà không thọ. Không nên vì nhân duyên này mà thọ trì cái bát rất xấu, nếu thọ trì thì phạm Đột Kiết La.

Như thế lần lượt đến ông hạ toạ chót, nếu đem cái bát này trả lại cho ông Tỳ Kheo kia, hoặc đem cái bát của ông chót hết, cho Tỳ Kheo bị phạm, phải bạch nhị Yết Ma cho ông.

VĂN BẠCH YẾT MA

Văn bạch như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, Tăng nay lấy cái bát của ông hạ tọa chót hết đây". Nếu thật cái bát của Tỳ Kheo đó, nên nói như vầy : "Chúng Tăng nay lấy cái bát chót của Tỳ Kheo đó, cho Tỳ Kheo (*bị phạm*) thọ trì cho đến bể".

Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chúng Tăng nay lấy cái bát của ông hạ tọa chót hết đây, cho Tỳ Kheo... thọ trì đến bể. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng, chúng Tăng đưa cái bát cho Tỳ Kheo... thì lẳng lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng đưa bát cho Tỳ Kheo... rồi, vì chúng Tăng đây bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Cứ trong Căn Bản bộ nói : Trước bạch nhị Yết Ma cử một thầy Tỳ Kheo đủ năm đức, dạy chuyền cái bát bị phạm, ông đắc cử phải đối trước chúng

Tăng tác bạch rằng : "Thưa Đại đức Tăng, tôi Tỳ Kheo... sẽ chuyền cái bát bị phạm, các vị cụ thọ (*Đại đức*) ngày mai, mỗi vị phải đem cái bát của mình đến trong chúng Tăng". Sáng ngày chư Tỳ Kheo đều đem bát của mình đến trong chúng Tăng, thầy Tỳ Kheo chuyền bát, cầm cái bát bị phạm đó, tới trước vị Thượng Tọa khâm khen cái bát : đầy đủ, thanh tịnh, ngài có thể thọ dùng được, hoặc vị Thượng Tọa lấy, cùng không lấy, lệ như trước nên biết, chuyền cho đến tột hết chúng, còn lại một cái bát chót sau, giao cho Tỳ Kheo kia, dặn bảo phải giữ gìn mãi mãi.

Những đến bể cũng phải trì (giữ) **là sao ?** Không phải làm phép thọ trì.

Nghĩa là : ông phạm được cái bát chót rất xấu, phải khéo dụng tâm giữ gìn, những đến bể cũng phải giữ để thọ dùng.

Thế mới là phải thời là sao ? Nghĩa là : phép đây phải đưa cái bát xấu hơn hết trong Tỳ Kheo kia, bảo phải giữ gìn vậy. Tỳ Kheo kia giữ cái bát này, không được để chỗ có ngói gạch rớt, không được để dưới chỗ dựng cây gậy và dưới chỗ dựng dao, không được để dưới chỗ treo đồ đạc, hoặc giữa đường hay trên đá, dưới chỗ trái cây hay rụng và chỗ đất gập ghềnh.

Không nên một tay cầm hai bát, trừ có ngón tay chêm kẽ giữa, cũng không nên một tay cầm hai bát mở cửa, trừ có để ý cẩn thận, không nên để phía trong ngạch cửa, dưới cửa sổ, không nên để dưới giường dây, giường cây hoặc để giữa giường, hay là góc giường, trừ khi để tạm, không nên đứng

gác chân đỡ trên cái bát, nhẫn đến đạp cho bể, không nên cố ý phá hư hay là cố ý để cho mất, làm món phi bát mà dùng. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Dưới năm chỗ hàn mà chảy, đi tìm xin bát mới, hoặc tới người bà con, hay người xuất gia xin, hoặc xin giùm ông khác, hay là ông khác xin giùm mình, hay là không xin mà được; hoặc là trong khi thí chủ cúng cho chúng Tăng, thứ lớp chia mà được; hoặc mình có tiền mua sắm.

Căn Bản bộ nói : Tỳ Kheo chuyền bát, lấy bát giao cho Tỳ Kheo kia dặn rằng : "Cái bát này ông không nên giữ thọ trì, không nên phân chia, cũng không được cho người, phải chín chắn từ từ như pháp mà dùng, cho đến được cái bát chót, mới được giữ gìn đến bể".

Phải sắm hai cái túi đựng bát, túi tốt đựng bát dư này, túi xấu đựng bát thọ trì cũ, nếu khi đi khất thực thì phải đem theo hai cái bát, nếu được cơm ngon thì để trong cái bát dư, được cơm dở để trong cái bát cũ, và khi ăn phải ăn cơm trong bát cũ trước. Còn khi rửa phải rửa bát dư trước. Như vậy cho đến khi hong phơi, khi đem cất cũng đều căn cứ cái bát dư đó làm trước.

Hoặc để trong lồng, hay là khi xông lửa đều phải nhường chỗ tốt, để bát dư trước, hoặc khi đi đường cái bát cũ mượn người mang, còn cái bát dư chính mình phải mang, nếu không ai thì mang bên vai hữu mà đi.

Đây là trị phạt ông đó cho đến trọn đời, hoặc là đến bể mới thôi, phải khéo giữ gìn, pháp hành như đây, không y đây mà hành, thì mắc tội Diệt Tỳ Ni.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo, cái bát bể nhiều miếng đem dùi mấy lỗ, lấy dây nhỏ ràng lại cho dính, ăn rồi mở ra rửa, rửa rồi mắc ràng lại, bỏ phế hết việc tu hành. Phật nói : Nếu bát khó tìm thì tùy ý vá sửa, nếu chỗ dễ tìm thì nên bỏ quách nó đi rồi tìm cái mới khác.

Phép vá bát có năm cách :

1.- Lấy kim nhỏ tán cho bít lỗ.

2.- Đặt một miếng thiếc nhỏ, để tán vào lỗ lủng cho chắc.

3.- Vá cách như răng cá, bốn phía dùi lủng trong ngoài kẹp nhau.

4.- Lấy một miếng thiếc đắp lên chỗ lủng, chung quanh đóng cúc.

5.- Vá bằng mạt nhỏ (*tức bột nhuyễn*).

Mạt có hai thứ :

1.- Là mạt sắt giũa.

2.- Mạt đá mài.

Song, mạt sắt thì vá bát sắt, thứ mạt đá thì hàn bát sành, khi dùng mạt mà vá, lấy dầu trộn vô, để trong cối sắt, dùng chày sắt nghiền cho nhỏ, mới đem trám lỗ, rồi lấy chút lửa đốt cho cứng.

Nếu nó còn thô rít, thì lấy dầu thoa, như pháp mà xông. Nếu bát bằng sành lủng lỗ thì lấy nước

đường cát trộn với xi măng mà trét vô, cho bít lỗ, lấy lửa hơ cho khô, nếu nứt bể, thì thọc lủng làm như vành trống, lấy mặt trống sắt để lên trên, lấy hồ trét, xông lửa cho cứng mà dùng đỡ.

Giải rằng : Trong đây nói đường cát, cũng như đường thẻ vậy.

Giới thứ hai mươi ba
KHÔNG CHO MƯỢN THỢ DỆT
KHÔNG BÀ CON DỆT Y

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự xin chỉ, mượn thợ dệt không bà con dệt làm ba y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà muốn may y Tăng Già Lê, vào trong thành đến nhà các ông Cư sĩ xin chỉ, xin được nhiều chỉ, bèn đem mượn thợ dệt, bảo dệt làm ba y, tự tay mình kéo chỉ, tự coi thợ dệt. Các Cư sĩ thấy vậy chê cười. Phật liền kiết giới.

Tự xin là gì ? Nghĩa là : tự mình đi tìm xin mỗi nhà, mỗi nhà.

Chỉ là chi ? Như xin chỉ 10 thứ y nói trước.

Không bà con là sao ? Là như trên đã giải.

Thợ dệt là ai ? Là người dệt y vậy.

Ba y là sao ? Là đã có giải trước rồi.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu thợ dệt và người cho chỉ, đều không phải là bà con, hoặc thợ dệt không bà con, mà người cho chỉ là

bà con, hoặc người cho chỉ không bà con, mà người thợ dệt là bà con, cũng đều phạm.

Hoặc mình coi dệt, hoặc mình tự dệt, hoặc tự mình kéo chỉ đều phạm Đột Kiết La. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như "giới y dư". Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Nghĩa là : Thợ dệt và người cho chỉ, đều là bà con, hoặc mình dệt làm cái túi đựng bát, giải áo, dây lưng, mão, vớ, khăn gói, guốc v.v... thì không phạm.

Căn Bản bộ nói : Tới người không bà con xin chỉ, mắc Ác tác, mượn thợ không bà con dệt, phạm Xả đọa, mình dệt lấy cũng phạm Ác tác.

Nếu trả đúng tiền cho thợ dệt thì không phạm. Nếu mình cố tâm dối trá, khoe cái đức thù thắng của mình, khi xin được chỉ, thì phạm Ác tác và đồng thời phạm tha thắng (*Ba La Di*), dù mình thật có đức cũng Ác tác và tội đọa.

Tuy thợ dệt có bà con, mà không lựa thời xin, làm cho người ta phiền muộn, hoặc hiện tướng lạ cũng phạm Ác tác.

Tát Bà Đa nói : Nếu thiếu y, chính phải xin y, không nên xin chỉ dệt y, nếu có cần chỉ may y, hay là làm dây lưng thì không tội.

Giới thứ hai mươi bốn
KHÔNG CHO KHUYÊN THỢ DỆT Y TỐT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, có hai ông bà Cư sĩ bảo thợ dệt, dệt y cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo kia trước*

không thọ thỉnh tự ý, lén lên nhà thợ dệt nói rằng : "Y này thì chỉ tính dệt cho tôi. Ông dệt giùm cho thật tốt và rộng, lớn, chắc, mịn, tôi sẽ trả tiền thêm cho ông ít nhiều". Tỳ Kheo kia trả tiền thêm giá đáng một bữa ăn, nếu được y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có ông Cư sĩ đem chỉ tốt bảo thợ dệt, dệt y cho ông Bạt Nan Đà, thợ dệt đi đến chùa cho ông Bạt Nan Đà hay, ông bèn đến nhà Cư sĩ, hỏi người vợ Cư sĩ xin thêm chỉ nữa, rồi ông đem đưa cho thợ dệt, bảo dệt cho thật tốt và rộng rãi, chắc chắn, tôi sẽ trả tiền công thêm. Khi dệt y xong rồi, ông Cư sĩ thấy không giống lời của mình bảo ông thợ khi trước, hỏi ra mới hay biết căn do, tức thì chê cười, Phật nhân nơi đây kiết giới.

Khi đó có ông Cư sĩ thỉnh tự ý, các Tỳ Kheo nghi không dám nhận lời, và không dám hỏi ý khác, vì cớ đo Phật bèn kiết thêm câu : "Trừ trước có thọ thỉnh tự ý, thì không phạm".

Dệt thật tốt là sao ? Nghĩa là : tinh hảo, cũng là cái nghĩa dệt y rộng, lớn, mịn chắc.

Rộng : Là bảo cho đủ bề đứng.

Lớn : Là bảo cho đủ bề dài.

Chắc : Là bền chắc.

Mịn : là nhỏ (*nhuyễn*)

Nhẫn đến giá đáng chừng bữa ăn là sao ? Nghĩa là : Ý nói trả thêm tiền công, nhẫn đến rất ít chừng một bữa ăn cũng phạm, còn bao nhiêu nghĩa nữa đồng giải như trước.

Thể thức phạm tội trong đây ra sao ? Nếu Tỳ Kheo trước không được thọ thỉnh tự ý, lại đến bảo dệt y tốt, được thì phạm Xả đọa, không được thì phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau, phạm Ác tác.

Thể thức không phạm ra thế nào ? Hoặc tới bà con, hay là người xuất gia mà xin, hoặc người khác xin giùm cho ta, v.v...

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : "Y này không luận đúng cỡ, hay là không đúng cỡ, cũng đều phạm tội, nếu vì ông thợ dệt nói pháp, luôn việc bảo dệt, dầu không cho tiền công đáng bữa ăn, được y tốt, cũng phạm Đột Kiết La, nếu mình có chỉ mượn thợ dệt, dệt y thì không tội".

Giới thứ hai mươi năm
TRƯỚC CHO Y SAU ĐÒI LẠI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, trước cho Tỳ Kheo khác y, sau vì sân hận, hoặc mình đòi lại, hoặc mượn người khác đòi lại, nói rằng : "Trả y lại cho tôi, không cho đâu". Nếu Tỳ Kheo kia trả lại, Tỳ Kheo này lấy y, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà, trước cho đệ tử ông Nan Đà cái y, sau nhân vì có việc mượn làm giùm ông không làm, bèn sinh lòng sân hận cưỡng giật y lại, các Tỳ Kheo đem việc này bạch lên đức Phật. Phật liền nhân đây mà kiết giới.

Trước cho Tỳ Kheo khác y là sao ? Rõ là không phải tạm cho cũng không phải mượn đắp.

Nghĩa là : mình thiệt tình cúng cho ông kia vậy.

Sau vì sân hận là sao ? Rõ chẳng phải thương tưởng, do vì trái ý mình, sinh tâm buồn giận, gây ra nghiệp ác của ý vậy.

Hoặc mình đòi lại là gì ? Là nói rõ thân nghiệp gây tội.

Hoặc mượn người khác đòi lại là sao ? Là nói rõ thuộc về khẩu nghiệp gây tội.

Trả y lại cho tôi không cho ông đâu là sao ? Nghĩa là : trông mong muốn được y trước mà theo ông kia đòi lại vậy.

Nếu Tỳ Kheo kia trả y lại là thế nào ? Nghĩa là : y đã lìa thân của Tỳ Kheo kia.

Tỳ Kheo này lấy y là sao ? Nghĩa là : lấy y vào tay, tưởng thuộc về mình vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu lấy lại đem cất, thì phạm Xả đọa, không cất phạm Ác tác. Nếu máng trên cây, trên tường, trên rào, trên nọc, trên sào, trên giường, trên khuôn dệt, trải trên đất, lấy rồi đi khỏi chỗ cũ, thì phạm Xả đọa; lấy chưa khỏi chỗ cũ phạm Ác tác. Pháp xả, sám hối, trả lại, đồng giải như trước. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thể thức không phạm ra thế nào ? Không sân hận, người kia biết tâm mình ăn năn (*muốn đòi*

y lại) liền trả y lại, hoặc người khác khuyên bảo trả y lại. Hoặc có người mượn y một cách vô đạo lý nên lấy lại không cho mượn, sợ mất y, sợ rách y nên lấy lại. Hoặc ông đó phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc ông đó bị cử tội, hoặc ông đó bị diệt tẩn, hoặc ông đó sẽ diệt tẩn, hoặc vì việc đó mà mang nạn, phạm hạnh nạn, tất cả việc như vậy, giật lấy không giấu cất không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu giật lấy y của ông Sa Di bị hành biệt trụ, người hành Ý hỉ, người đui mù, người điếc, câm, người không thấy, tội tẩn, người ác tà bị tẩn, thì đều phạm Xả đọa".

Nếu lấy y của người cuồng loạn, của người bệnh hư tâm lãng trí, người phạm tội tứ trọng, người phạm tội ngũ nghịch, người thọ 5 pháp của ông Điều Đạt và y của bốn chúng, thì đều phạm Đột Kiết La. Nếu cô Ni lấy y của Tỳ Kheo thì phạm Ác tác, lấy y của cô Ni v.v... phạm Xả đọa.

Thể của giới này, cội gốc chính mình ban đầu đem y cho người, sau vì giận tạm đòi lại phạm Xả đọa, sau khi trả y cho ông kia còn phải sám hối Ba Dật Đề.

Nếu trước chính mình cho người y, sau cũng chính mình lấy lại, thì phải tính giá tiền mà kết tội. Nếu trước tạm cho người y sau bèn lấy lại thì không tội, nếu vì cớ giận hờn, muốn làm cho ông kia buồn, tạm lấy lại, thì phạm Đột Kiết La.

Nếu thầy vì muốn hàng phục đệ tử, cho nó bỏ việc ác tâm, tạm lấy lại thì không phạm.

Giới thứ hai mươi sáu
CHỨA THUỐC QUÁ 7 NGÀY

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo có bệnh, thuốc dư như là : sữa, dầu, sữa tươi, mật, thạch mật, được uống trong 7 ngày, nếu quá 7 ngày uống, thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, các thầy Tỳ Kheo bị gió mùa thu sinh bệnh, thân thể khô gầy, lại sinh ra ghẻ độc, Phật cho lúc phải thời hay phi thời, có nhân duyên bệnh uống 5 thứ thuốc. Khi đó đệ tử ông Tất Lăng Già Bà Ta, giấu cất chất chứa 5 thứ thuốc rất nhiều, mỗi chỗ chảy nhớt phòng xá hôi hám.

Các vị trưởng giả, thấy chất chứa bỏ bậy bạ như thế, đều sinh tâm chê ghét. Đức Như Lai nhân đó mới chế giới này.

Có bệnh là sao ? Nghĩa là : Thân mang tật bệnh, thầy thuốc dạy uống mấy thứ thuốc đó.

Dư là gì ? Là người kia trao tay mà được rồi, hoặc ăn hay không ăn còn lại qua ngày thứ hai, thì gọi là dư vậy.

Thuốc là chi ? Như là : sữa hộp, dầu, sữa tươi, mật, đường phèn, 5 thứ này vậy.

Sữa hộp : Là trong vú bò, dê, v.v... nặn ra khuấy cán làm thành, hoặc lấy cỏ, là thuốc tán cho nhỏ, để trong sữa mà thành vậy.

Dầu : Nghĩa là : lấy hột mè, hộ hồ ma, hột mang thanh (*đậu phộng*), các thứ hột ép ra thành dầu vậy.

Sữa tươi : là từ trong vú của bò, dê, v.v... làm thành mà chưa chín. Ban đầu từ nơi nhũ (*thời kỳ phôi thai*) nặn ra thành lạc, lạc làm thành sanh tô, sanh tô hấp gia vị thành thục tô, thục tô nấu chín thành đề hồ, đề hồ là thứ thuốc bổ bậc nhất (*tiêu biểu là Phật thừa vậy*).

Mật là gì ? Là các thứ mật ong.

Thạch mật là sao ? Là nước mía thắng kẹo thành đường, cứng chắc, gọi là thạch mật.

Thạch mật có thứ đen thứ trắng; thứ trắng vị thuần, ngọt thanh, hay trị được bệnh nóng nảy. Thứ đen, vị của nó hơi đắng đắng, hay trị được bệnh lạnh.

Nếu các thứ đường mía, hoặc đậm, hoặc lợt, hoặc chưa thành còn lộn với nước, cũng thuộc về thạch mật. Nếu nước mía chưa thắng, cho uống phi thời, thắng rồi không cho. Cây mía thì cho ăn lúc phải thời.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo thấy người thắng thạch mật, để xen các món trộn vào (*như khuấy bột*) không dám ăn phi thời. Phật nói cho ăn phi thời, nhưng phải làm phép mới được.

Nếu có bệnh phong, cũng cho phép dùng các thứ dầu mỡ để trị.

Mỡ có 5 thứ :

1.- Mỡ gấu
2.- Mỡ cá
3.- Mỡ lừa

4.- Mỡ heo
5.- Mỡ cá ma kiệt.

Nếu thọ trong lúc phải thời nấu, lúc phải thời lược. lúc phải thời uống, đều phải đúng pháp; lược cho sạch sẽ, từ nơi tay tịnh nhân trao cho, làm phép thọ trì, cho đến ngày lành bệnh, tùy ý uống, không cho thọ, nấu, lược, uống phi thời.

Sữa hộp và thạch mật hay trừ được bệnh nóng. Mật hay trừ được bệnh đàm ấm (*bệnh đàm*) cùng với bệnh thủy, đường cát nó cũng hay trị được bệnh đàm ấm, sữa hộp và mật cũng hay trị bệnh phong đàm.

Hi đường (*nước đường*) hay trừ được 3 bệnh: bệnh phong, bệnh đàm, bệnh nóng.

Được uống trong 7 ngày là sao ? Nghĩa là : từ ngày ban đầu thọ được thuốc của người vào tay, cho đến ngày thứ 7, trong 7 ngày đó, phải thời hay là phi thời mình được lấy uống, đây là nói đến lời chót hết, cho nên nói 7 ngày.

Song ngày ban đầu lãnh được thuốc, cần phải làm phép, phải bưng thuốc đối trước một thầy Tỳ Kheo bạch như vầy :

"Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có chứng bệnh... đây là món thuốc 7 ngày để luôn đêm, uống trong 7 ngày, nay đối trước Đại đức đây xin thọ " (*nói ba lần*).

Nếu nói ít ngày, thì nên tùy theo ngày mà thưa.

Luật Nhiếp dạy : "Trong lúc phải thời rửa tay thọ thuốc, để thuốc trên bàn tay tả, tay hữu vịn lên trên, đối trước ông kia làm phép".

Nếu quá 7 ngày mà uống là sao ? Nghĩa là : vượt qua hạn định vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Ngày ban đầu được thuốc cho đến ngày thứ 7, trong chặng giữa hoặc được, hoặc không được, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc không làm phép tịnh thí, tùy còn ít nhiều. Đến ngày thứ 8 mặt trời vừa mọc, đều phạm Xả đọa. Nhẫn đến dạy đem cho người, mất hư v.v... cũng phạm.

Pháp xả, sám hối, trả lại, đều phải giải như giới (*dư y*) trước. Nhưng giới này nói về thuốc và 7 ngày là khác. Nếu thuốc phạm Xả đọa mà không xả, lại đem đổi thuốc khác, thì phạm một tội Xả đọa và một tội Ác tác.

Chúng Tăng làm phép Yết Ma trả thuốc này lại cho Tỳ Kheo bệnh ấy, để thoa chân hoặc thắp đèn. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Đột Kiết La.

Thể thức không phạm là sao ? Là sữa và dầu quá 7 ngày đem thoa cánh cửa, nếu mật, thạch mật, thì cho người giữ vườn, hoặc đến ngày thứ 7, đem xả cho Tỳ Kheo ăn hết.

Thoa chân : Nghĩa là : khi lấy dầu thoa trên chân, thì nó hay trừ được bệnh phong thấp, lại gót chân có mạch thông lên con mắt, cho nên một khi lấy dầu thoa, thì con mắt được sáng trong.

Ngũ Phần Luật nói : "Nên xả cho chúng Tăng, rồi chúng Tăng cho người bạch y, hay là cho ông Sa Di, hoặc để thắp đèn, Tỳ Kheo kia không được dùng, tất cả Tỳ Kheo cũng đều không được dùng (*ăn*)".

Thiện Kiến Luật nói : "Chứa đủ 7 ngày đem cho ông Sa Di, đến ngày thứ 8 có bệnh gấp muốn dùng, cho phép đến ông Sa Di xin dùng không tội".

Thuốc là gì ? Là không ngoài bốn món :

1.- Là thuốc phải thời : như là : cơm, lỡ (*cơm xay nát*), bánh, trái, rễ, ngó, bông, lá v.v... từ sớm mai cho tới đứng bóng được ăn, không cho ăn phi thời, đó gọi là thuốc phải thời.

2.- Thuốc phi thời : Có 8 món nước :

a) Nước trái lê
b) Nước hột diêm phù *(hình nó lớn như trái trầm hoa, sắc nó đỏ, chất nó chua và ngọt)*
c) Nước trái táo chua
d) Nước mía
e) Nước trái thị (*thị*)
f) Nước xá lầu già (*nước ngó sen lóng trong*)
g) Nước trái Bà lâu sư (*trái nó giống như hột anh áo, cũng tương tự như trái am ma la*).
h) Nước trái bồ đào (*trái nho*).

Trừ 8 thứ nước này ra, còn bao nhiêu nước, như nước trái quýt, nước trái dừa, nước trái thạch

lựu, nước trái chuối, các thứ nước uống không say người, thì cũng cho làm uống, phải để trong đồ sạch, lọc lóng trong như nước, lấy nước nhỏ vào làm phép tịnh, từ nơi tay tịnh nhân dâng cho mình. Tỳ Kheo lãnh nước đó phải đối với Tỳ Kheo khác làm phép như vầy : "Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có bệnh... vì nước phi thời ấy để uống cả lúc phi thời, nay đối trước Đại đức xin thọ" (*nói ba lần*).

Thọ rồi "chính" "xế" cũng uống được, đó gọi là thuốc phi thời, không cho ngày nay thọ, để đến ngày mai uống, nếu uống thì đúng như pháp mà trị tội.

3.- Thuốc 7 ngày là chi ? Là sữa, v.v... như trên đã nói, từ người kia dâng thọ được, đối một thầy Tỳ Kheo làm phép rồi, nhẫn đến trong 7 ngày cho tự mình lấy uống, gọi là thuốc 7 ngày.

4.- Thuốc trọn đời là sao ? Là như trái Ha lê lặc (*người tục kêu tắt là trái ha*), trái tỷ ích lặc (*giống như hột đào, công dụng của nó cũng như ha lê lặc*), A ma lặc (*các thứ nước trái cam*), nhị La tất bạt, hồ tiêu và các thứ như rễ, ngó, lá, bông, trái đều được làm thuốc dùng. Và các thứ cao đơn hoàn tán, tất cả chất mặn, đăng, chua, cay, nhẫn đến tro đất, v.v... làm đồ ăn không thể được. Nhưng có nhân duyên bệnh trầm trệ, nhằm món cũng có thể làm thuốc, từ người kia dâng thọ được; phải đối một thầy Tỳ Kheo làm phép rồi, nhẫn đến trọn đời cho mình tự lấy uống. Nên làm phép như vầy : "Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... vì có bệnh... thuốc

trọn đời đây để uống luôn đêm, nên đây đối trước Đại đức xin thọ" (*nói ba lần*).

Nếu bốn thứ thuốc hòa lộn, có ý là thuốc cho chung một lượt, chớ không phải trộn chung lại, khi uống phải xin phép từng món lẫn nhau, nên làm theo phép thứ một mà uống. Ba thứ thuốc sau hòa lộn, nên làm theo phép thứ hai mà uống, hai món thuốc hòa lộn sau nên làm theo phép thứ tư mà uống.

Song bốn món thuốc này đều vì trị lành bệnh nên mới uống, trong khi uống, phải tưởng vì cớ lành bệnh, mới nên ăn uống. Như thế thuốc ban đầu, vì trị ghẻ đói, vì muốn thành đạo nghiệp nên mới thọ đồ ăn uống, chớ chẳng phải vì sự ngon ngọt, mập béo mà thọ dùng vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu dùng thuốc phải thời v.v... tức là cơm, lỡ, bánh, trái, rễ, ngó, bông, lá, v.v... trợ cho món thuốc 7 ngày thành tựu nên làm món thuốc 7 ngày không tội".

Hoặc lấy món thuốc 7 ngày v.v... tức là sữa hộp, dầu, sữa tươi, mật, thạch mật giúp cho thành món thuốc trọn đời, làm thuốc uống trọn đời không tội. Hoặc lấy món thuốc 7 ngày v.v... giúp cho thành món thuốc phải thời, nên làm thuốc phải thời mà uống, tùy thế lực có mạnh nên giúp nhau mới thành, nếu số phần sức mạnh bằng nhau, thì tùy tên mà định lấy (*phân, quân, thần, tá, sứ*).

Căn bản Yết Ma chú thích rằng : Song bên nước Tây quốc (*Ấn Độ*), khi làm đường cát cũng có

để bột gạo, còn làm thạch mật thì có để sữa và dầu. Phật mở cho phi thời được ăn uống, nhưng vì ngăn thô tướng, giúp thân để hành đạo lâu dài (*thô tướng tức là nhai có tiếng vậy*).

Các châu phía Nam Hải, lấy cây mía xắt nước làm đường tán phải thời đều ăn được, chuẩn theo đạo lý cõi Đông hạ này (*Trung Hoa*), lấy mạch nha làm kẹo cục, mặc dù phi thời cũng cho ăn.

Vì sao ? Vì mía là thuốc phải thời, nước mía là thuốc phi thời. Bột gạo tuy rằng thuốc phải thời, mạch nha, đường tán cũng nào ngăn quá ngọ ! Xét rõ tuy có lý lắm, nhưng thật hành cùng không thật hành, cũng đều do tâm mình, nước nấu hột hạnh có cặn đục quyết không cho uống, mật nấu chung với củ cải và vị hoài sơn cũng thế (*cũng cấm*).

Luật Nhiếp nói : "Cái thể cây mía là thuốc phải thời, nước mía là thuốc phi thời, còn đường là thuốc 7 ngày, đốt cháy thành tro bèn làm món ăn trọn đời, còn các vật khác, sánh với đây nên biết".

Có 6 thứ giấm :

1.- Đại giấm
2.- Giấm bấp
3.- Giấm thuốc
4.- Giấm tiểu
5.- Giấm lạc tương
6.- Giấm tán lạc tương.

Khi uống dùng *giấm* phải lấy một chút nước nhỏ vào làm phép tịnh, lấy lụa vải lược qua, màu nó

giống như màu tre gai (*nước măn vòi*) phải thời cùng phi thời, có bệnh hay không bệnh tùy ý uống dùng.

Các thứ trái cây v.v... muốn làm nước để uống, như nước phải thời thọ lấy, phải rửa tay cho sạch, bóp nát hòa với nước lóng trong cho phải thời uống; hoặc mình làm trong khi phi thời được uống. Hoặc dạy ông Sa Di làm phải thời, cùng phi thời thì dù phi thời hay phải thời đều được uống cả.

Nếu muốn làm thứ nước uống cả phi thời và phải thời, thì trong khi phải thời lo làm và thọ trước đi, đối với người làm phép mà thọ. Để qua khỏi thời đầu hôm mới được tự lấy mà uống, nếu quá thời đó thì không nên uống.

Nếu uống trong lúc phải thời, lược hay không lược tùy ý, còn uống trong lúc phi thời thì cần phải lược lóng trong, sáu thứ giấm kia theo đây nên biết.

Có 5 hạng người được giữ thuốc 7 ngày :

1.- Người đi đường
2.- Người đoạn thực
3.- Người bệnh
4.- Người giữ gìn chùa.
5.- Người làm lụng.

Khi đi đường hoặc lấy đường thẻ để trong gạo. Nếu đường có dính gạo, thí lấy tay phủi gạo rồi ăn. Nếu để trong lớ, phải lấy nước rửa, nếu có dính khăn, thì lấy miếng tre cạo bỏ, lấy nước rửa thêm lần nữa, rồi ăn đó không phạm.

Nếu không có thể làm cho khỏi dính, thì trước dùng nước rửa rồi lấy tay vò cho nát, để trong nước

sạch, lấy vải thưa lược, để dành qua phi thời được uống.

Song các thứ đường này, phải thời cùng phi thời, có bệnh, không bệnh ăn cũng không phạm. Nước mía và dầu mè, v.v... hoặc trong lúc phi thời thọ, ép lúc phi thời, tuy lược rồi, nhưng giữ cất chớ không được ăn. Nếu mật thì lấy nước nhỏ vào làm phép tịnh, phải thời cùng phi thời tùy ý cho ăn.

Nếu có duyên bệnh thầy thuốc cho uống, thuốc phi thường thì cũng cho uống, vì trừ các độc vậy. Nhưng phải mượn người tín tâm lấy giùm. Nếu uống thuốc mà có chất tỏi trong đó, thì xin đừng nằm ngọa cụ của chúng Tăng và đừng đi đến cầu đại, tiểu của chúng Tăng, không được vào trong chúng Tăng, không cho lễ Phật, nhiễu tháp, có người tục đến không cho nói pháp họ nghe, dầu thỉnh cũng không cho đi, phải ở phòng bìa dưới gió.

Sau khi uống thuốc mạnh rồi, còn đình lại 7 ngày, đợi cho hơi hôi tiêu hết, tắm giặt cho sạch sẽ, chỗ mình ở kia, phải rưới quét cho sạch. Nếu uống thuốc có chất hồ thông (*hành*) phải đình lại 3 ngày, trạch trán (*tỏi*) phải đình lại một ngày, có bệnh cho đeo các thứ hương thơm và thoa dầu thơm trong mình.

Không nên vào trong chúng, và vì người tục thuyết pháp v.v... Bệnh mạnh rồi phải trừ bỏ (*tỏi, dầu thơm*), tắm rửa giặt y, mới cho được như thường; nếu có người tín tâm đem dầu thơm cho nữa, cũng nên thọ, để ở đầu giường, hoặc đem thoa cánh cửa

thường hít cái hơi nó vào mũi, hay khiến con mắt sáng, bông thơm cũng như vậy.

Đã làm phép được giữ gìn thuốc uống trong 7 ngày rồi, thì phải sinh lòng nhớ rằng : "Đây là thuốc 7 ngày sẽ uống, nếu không để tâm như vậy mà uống, thì mỗi miếng mỗi phạm Ác tác".

Nếu vì muốn cho hình dạng tốt đẹp, hoặc đắm vị ngon, hoặc cầu cho mập mạp, hoặc có tâm dối trá, giả bệnh mà ăn uống các món thuốc, cũng phạm Ác tác. Lại chính khi uống, còn phải thưa với vị đồng phạm hạnh rằng : "Thưa Đại đức tôi đã uống hết một ngày còn lại 6 ngày nữa, tôi sẽ uống tiếp", cho đến ngày thứ 7 cũng phải thưa cho biết.

Giới thứ hai mươi bảy
CẤM TRƯỚC MỘT THÁNG XIN Y TẮM MƯA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, mùa xuân còn một tháng phải tìm xin y tắm mưa. Còn nửa tháng nên tắm. Nếu Tỳ Kheo trước một tháng tìm xin y tắm mưa, trước nửa tháng mặc tắm thì phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc; bà Tỳ Xá Khư thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường. Khi đó trời mưa lớn, Phật cho các Tỳ Kheo tắm trong đám mưa. Bà sai đứa tớ gái đến bạch Phật, thì ngọ sắp đến, nó ở xa thấy các Tỳ Kheo lõa hình tắm tưởng là ngoại đạo, trở về thưa với bà, bà dạy đi đến thỉnh nữa.

Phật đến nhà thọ cúng xong rồi, bà liền nguyện : Xin đức Thế Tôn cho phép con dâng cơm

cho Tỳ Kheo khách, dâng cơm cho Tỳ Kheo đi xa, dâng cơm cho Tỳ Kheo bệnh, và cúng thuốc cho Tỳ Kheo bệnh, cúng đồ ăn cho người nuôi bệnh, cúng cháo cho Tỳ Kheo, cúng y tắm mưa cho các Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni. Tám lời nguyện như vậy trọn đời dâng hộ; Phật đều hứa cho.

Bấy giờ phái Lục quần nghe Phật hứa cho, rồi trong tất cả thời như là : xuân, hạ, thu, đông, lúc nào cũng xin y tắm mưa. Y tắm mưa chưa xả lại đem ra dùng vào việc khác, hoặc hiện có y tắm mưa, còn lõa hình tắm (*cố ý để xin*), các Tỳ Kheo bạch Phật; Phật liền kiết giới.

Mùa xuân còn một tháng là gì ? Nghĩa là : mùa Xuân 4 tháng, đã hết 3 tháng rồi, còn lại 1 tháng tức là ngày 16 tháng 3 cho đến ngày 15 tháng 4 vậy.

Phải tìm xin y tắm mưa là sao ? Nghĩa là : Ở trong một tháng này phải tìm xin chăn tắm vậy.

Gặp khi mưa lớn mặc vào tắm, nên gọi là y tắm mưa.

Còn nửa tháng nên mặc tắm là sao ? Tức là nửa tháng sau.

Nghĩa là : đến ngày mồng một tháng 4 mới cho thọ dùng.

Trước một tháng phải tìm xin là thế nào ? Nghĩa là : chưa đến ngày 16 tháng 3 mà đi xin vậy. Nếu chưa đến thời xin mà có người tự đem đến cho,

thì nên làm phép thuyết tịnh rồi để đúng thời xin mới được dùng.

Trước nửa tháng mặc tắm là sao ? Nghĩa là : chưa đến ngày mồng 1 tháng 4 mà dùng vậy.

Sắm trước như thế này là để ngừa nạn gấp rút xin không kịp (*vì đông người*), mùa mưa sắp đến, ngày Kiết hạ an cư cận rồi, nên cho cách trước ngày Kiết hạ một tháng xin y tắm mưa để sẵn, không nên tắm trước thời này, lại không cho xin trong mùa hạ, vì lúc an cư chính phải nhiếp tâm tu tập, không nên sửa sang tìm kiếm, bỏ phế nghiệp chính. Chưa đến tháng tư thì trời chưa mưa lớn, nên không cho mặc tắm, do đây nên biết, mưa nhỏ không cho mặc tắm, cũng không cho mặc vào trong nước khác tắm vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Xin trước ngày 16 tháng 3, và dùng trước ngày mồng 1 tháng 4, thì phạm Xả đọa. Pháp xả, sám hối, trả lại, v.v... đồng như giới trước. Bốn chúng kia phạm tội Đột Kiết La; chỉ trừ cô Ni không có y tắm mưa nên không phạm.

Thể thức không phạm là gì ? Hoặc xả y tắm mưa rồi, để dùng về việc khác, hoặc choàng chăn tắm thường mà tắm hoặc không có y tắm mưa, hoặc tự làm y tắm mưa v.v...

Tăng Kỳ Luật nói : Y này không được để vào số ba y, cũng không được làm phép tịnh thí, không được mặc vào trong ao, sông mà tắm, và tắm khi

mưa nho nhỏ, cũng không nên lõa hình mà tắm, phải mặc quần vắn, hoặc mặc y cũ khác.

Không nên mặc y tắm mưa làm các công việc khác, cần phải mặc tắm trong khi mưa lớn, nếu mưa mau tạnh còn mồ hôi nhớt cho mặc vào tắm nước chỗ khác.

Hoặc thời ăn muốn lấy dầu thoa mình, hoặc khi bệnh hoặc ở đường nhiều người đi, cho buộc hai đầu dây giăng che (*vì muốn yên tịnh*).

Đến ngày rằm tháng 8 phải xả, một thầy nên đối trong chúng Tăng xướng như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng đã xả y tắm mưa" (*nói như vậy ba lần*).

Nếu đến ngày 16 mới xả thì phạm Diệt Tỳ Ni. Xả rồi cho may làm số ba y, cũng được đối với Tỳ Kheo trí thức làm phép tịnh thí và được vào các chỗ khác mà tắm, mặc làm các công việc không tội.

Tát Bà Đa Luận nói : Sắm y tắm mưa có hai việc :

1.- Là khi mưa lấy che bốn phía, ở trong đó tắm mưa, nếu khi trời nắng, thì cũng lấy che ở trong đó tắm gội.

2.- Là về mùa hạ mưa nhiều, thường lấy gói ba y quảy mang đem đi lại.

Nếu nhuần hai tháng 3, thì không nên tháng 3 trước tìm xin y tắm mưa. Tỳ Kheo không chứa y tắm mưa không tội.

Giải rằng : Xét trong bộ Căn bản, người tiền an cư thứ lớp như trước mà xin, nên chứa để những đến còn nửa tháng nữa tự tứ, không nên cho dùng.

Người hậu an cư thì tùy ý, hoặc tiền hoặc hậu xin sắm nhưng trước khi chưa đến ngày tự tứ (*hậu an cư*) nửa tháng, không nên dùng nữa.

Như trong Thập Tụng, hay là trong Tát Bà Đa thì người tiền an cư, người hậu an cư, đến ngày rằm tháng 7, đều không cho chứa dùng.

Nói chữ Xá lặc đó tức là : quần nhỏ vậy (*quần lồng*).

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN NĂM)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN SÁU

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ hai mươi tám
CẤM Y THÍ GẤP QUÁ THỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, ba tháng hạ còn 10 ngày nữa mới mãn; chư Tỳ Kheo được y thí gấp, Tỳ Kheo biết đó là y thí gấp nên thọ. Thọ rồi nhẫn đến nên chứa để y phải thời, nếu chứa quá, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Tỳ Lan Nhã, mùa hạ An cư mãn rồi, cho chư Tỳ Kheo thọ y mùa hạ. Phái Lục quần nghe Phật cho liền trong xuân, hạ, đông, tất cả thời thường xin y, mà mùa An cư chưa mãn, cũng xin y, cũng thọ y.

Khi đó ông Bạt Nan Đà, ở một chỗ An cư mãn rồi, nghe chỗ khác An cư được cúng nhiều y, liền đi đến kia, mỗi chỗ đồng chia y, được nhiều phần y đem về, chư Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật dạy : "Không nên mỗi thời thường đi xin y và mùa An cư chưa mãn mà đi xin y, không nên An cư chỗ này mà thọ phần y chỗ khác". Bấy giờ vua Ba Tư Nặc sai

ông Tiên Thọ, ông Túc Cựu hai vị Đại thần đi chinh phạt kẻ phản tặc. Đại thần tự nghĩ rằng : Mình đi chinh phạt đây không biết có về được chăng ? Mình phải sắm cơm và y để cúng dường cho chúng Tăng trước.

Chư Tỳ Kheo vì An cư chưa mãn, không dám thọ y, đem việc này bạch lên đức Phật. Phật dạy : "Cho thọ y cúng gấp". Do đây mà Phật vì chư Tỳ Kheo kiết giới.

Ba tháng hạ còn 10 ngày nữa mới mãn là sao ? Nghĩa là : Ba tháng tiền An cư chưa mãn, còn 10 ngày nữa mới đến thời Tự tứ, tức là ngày mồng 6 tháng 7 cho đến ngày 15 tháng 7 vậy.

Y thí gấp là chi ? Thọ thì được, không thọ thì mất.

Nghĩa là : Hai quan Đại thần vì có nạn duyên gấp, đem y thí cho chúng Tăng, để cầu ruộng phước, như sắp đi ra trận, hoặc vì bệnh nặng, hoặc vợ gần ngày sinh, các thời thí như vậy, nếu quá thời này, không còn thí nữa, nên gọi là : Y thí gấp.

Biết đó là y thí gấp là gì ? Rõ chẳng phải y khác vậy, vì tất cả y khác thì cần phải An cư mãn rồi mới được thọ, dù có đàn việt dâng cúng, phải bạch nhị Yết Ma cử một ông vì chúng Tăng chấp chưởng, y đến ngày An cư mãn rồi mới đem ra chia.

Tát Bà Đa Luận nói : "Trừ y thí gấp, ngoài ra tất cả y An cư ắt phải đợi một thời Tự tứ mới chia, nếu trong khi An cư mà chia, thì phạm Đột Kiết La".

Nên thọ là sao ? Nghĩa là : Thời nên thọ y, nếu mình không thọ, thì người kia mất lợi công đức, Tỳ Kheo cũng mất cái lợi thọ y, thế nên cho thọ vậy.

Thọ rồi là gì ? Nghĩa là : Thọ được y vào tay vậy.

Nhẫn đến chứa y phải thời là sao ? Chứa : là đem cất vậy.

Nghĩa là : Ngày Tự tứ rồi, không thọ y Ca Hi Na một tháng, thì thọ y Ca Hi Na 5 tháng, đó là y phải thời. Ở trong vòng hai thời này, được chứa y dư mà không phạm giới, nên nói cho chứa y vậy.

Bà Sa Luật nói : "Sở dĩ một tháng gọi là y phải thời vì An cư rồi, người đàn việt hay sắm đồ ăn uống và y phục cúng dường cho chúng Tăng và giúp đỡ các món cho chư Tỳ Kheo giặt nhuộm y phục (*như bồn chậu và màu nhuộm v.v...*) vì nhân duyên đó mà trong một tháng, đem của cải xả thí, nên gọi là y phải thời".

Nếu chứa quá là sao ? Nghĩa là : Quá một tháng hay quá 5 tháng, nếu không thọ y công đức, thì đến rằm tháng 8 y này phải xả, hoặc làm phép tịnh thí, hoặc có thiếu ba y, đem làm phép thọ trì cho đủ, không vậy thì ngày 16, mặt trời mọc phạm Xả đọa. Nếu có y công đức, đến rằm tháng chạp, y này phải làm phép xả như trước v.v... Không như vậy đến ngày 16 tháng chạp, mặt trời mọc phạm Xả đọa.

Thể thức phạm tội trong đây sai khác như thế nào ? Nếu trước khi Tự tứ 10 ngày được y thí gấp, cho chứa đến y phải thời, nếu còn 9 ngày nữa,

được cái y thí gấp, cho chứa đến y phải thời, lại thêm một ngày nữa, như vậy cho đến còn một ngày nữa, được y thí gấp, chứa đến y phải thời lại thêm 9 ngày nữa, như thế được trước sau đủ 10 ngày, chứa không phạm. Nếu quá 10 ngày thì phạm. Qua sau còn tăng thêm nhiều chứa nhẫn đến một ngày cũng phạm. Pháp xả, pháp sám hối, pháp trả y, đồng giải như trước. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Hoặc bị cướp y, mất y, cháy y, trôi y và quá trước 10 ngày (*được y trước ngày mồng 6 tháng 7*) không phạm. Hoặc tưởng bị cướp y, mất y v.v... hoặc bị giặc, bị thú dữ, bị nước lụt, bị nạn nguy, nạn vua, mạng nạn, phạm hạnh nạn, hoặc ông lãnh gửi chết, hoặc ông đi xa, ông thôi tu v.v... như vậy quá sau ngày rằm tháng 8, không xả cũng không phạm.

Căn Bản Luật nói : Có năm món y thí gấp :

1.- Vì bệnh mà thí
2.- Vì người khác bệnh mà thí
3.- Khi sắp chết mà thí
4.- Vì vong hồn người chết mà thí
5.- Khi sắp đi xa mà thí.

Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc Vua, Thái tử, Hoàng hậu, quan đại thần, trước sắp đi đánh giặc, đem các món cúng cho chúng Tăng, vì mấy người ấy ít hay phát tâm, hoặc con gái sắp về nhà chồng, hoặc người bệnh thí, khiến kẻ còn người mất đều có lợi ích, hoặc có những nạn duyên gấp nên gọi là y thí gấp".

Nhân đây giảng rõ công việc đáng làm trong ba tháng hạ. Nghĩa là : Thầy Tỳ Kheo không nên mỗi giờ đi dạo trong nhân gian hoài, bỏ phế đạo nghiệp, mà đạp chết các loài sinh mạng, không có khi nào nghỉ ngừng. Chưa khỏi miệng thế gian chê cười, nên phải Kiết hạ An cư trong ba tháng, không việc chi, nên Kiết hạ tiền An cư ở ba tháng trước.

Nghĩa là : Bắt đầu từ ngày 16 tháng 4 đến ngày rằm tháng 7.

Có việc cho kiết hậu An cư, ở ba tháng sau tức là : bắt đầu từ ngày 16 tháng 5 đến ngày rằm tháng 8.

Khi muốn An cư, mình phải trù tính, hoặc ở trong Tăng già lam, hoặc ở A Lan Nhã; hoặc ở dưới gốc cây, hay là hang trên núi v.v... chỗ nào đừng có nạn khủng bố, độc trùng, các nạn tiếng kêu ồn ào, có thể ở yên đến An cư rồi hay không ?

Có Đại đức nào mình y chỉ được không ? Trong mùa hạ phải nương với vị Luật sư tụng làu hai bộ Luật (*Tăng và Ni*).

Chỗ này nếu không có ông Luật sư, mà có ông Pháp sư, ông Luận sư hay không ?

Hay thương xót thường dạy bảo cho ta và khiến cho ta khỏi sinh tâm lêu lổng hay không?

Lại cũng đừng ở chỗ có điều nghi mà không ai để hỏi ! Rủi có chỗ phạm lỗi, muốn được trừ dứt *không có ai sám hối* ! Trong chúng không có kẻ ưa gây phá Tăng hay không ?...

Chỗ đó không khởi nhân duyên phạm giới, bị phạm hạnh và mạng nạn làm trở ngăn hay không ?...

Trù lượng như vậy được hợp pháp rồi, mới bạch với vị mình nương rằng : Thưa Đại đức một lòng chiếu cố. Tôi Tỳ Kheo... nay nương trong Tăng già lam *(nếu ở làng phải nói làng chi, nếu ở phòng riêng, phải nói ở phòng chi)* Kiết hạ An cư ba tháng trước, phòng nhà có hư, được sửa sang lại *(nói ba lần)*.

Nếu hậu An cư, nên cải nói ba tháng sau *(xét trong bộ khác nói ba lần rồi)*, ông cho y chỉ trả lời rằng : "Từ nay sắp tới đừng buông lung". Đáp : "Xin vâng".

Xét trong bản Yết Ma, lại phải hỏi rằng : Ông nương với vị trì Luật nào ?... Đáp : "Chúng tôi nương với vị trì Luật..."

Ông bị nương nói : Có nghi nên hỏi ?... Đáp : "Dạ".

Mùa hạ An cư phải nương vị Luật sư tụng được hai bộ Luật Tỳ Ni, không nương với ông đó, thì phạm tội đọa.

Còn lời nói phòng nhà hư cho sửa sang đó, là riêng chỗ ở của chúng Tăng, nếu ở nhà người đàn việt, ở hang trong núi, ở dưới gốc cây, nên tùy theo việc mà nói. Còn pháp An cư bốn chúng, văn đều đồng như trước, chỉ đổi câu xưng tên là khác.

Nếu không có ông y chỉ nào đáng bạch, thì phải tâm niệm An cư, chuẩn theo như văn trước, chỉ

trừ câu ban đầu là "Đại đức nhất tâm niệm" (*lời đối với ông kia*)

Đây là lời nói của ông bị để y chỉ.

Nghĩa là : Chỗ ở đó, không có Tỳ Kheo nào đáng để ta y chỉ để đối với ông làm phép y chỉ, chớ không phải nói : Ta theo ông Giáo sư dạy học kia, hoặc ở chỗ đó không có ông để y chỉ, thì mình nương với ông thọ học đó (*giáo sư*), hoặc chỗ đó chật hẹp và ồn ào quá. Như gần chợ, trường hát, thì trong Ngũ Phần Luật nói : Nên ở chỗ 7 ngày đặng đi qua lại, tâm tưởng ở xa y chỉ.

Khi đó có thầy Tỳ Kheo đi đến chỗ không có vị Đại đức nào để xin y chỉ và quên không làm phép tâm niệm y chỉ, không biết có thành An cư không ?

Phật bảo : Nếu vì An cư quyết đến, thì thành An cư.

Bấy giờ chư Tỳ Kheo đi đến chỗ An cư, được An cư, vào trong giới, thì mặt trời vừa mọc, không biết có thành An cư không ?..

Phật bảo : "Nếu vì An cư quyết đến, thì thành An cư, kế đó vào vườn cũng vậy. Lại một chân bước vào giới, một chân vào vườn cũng như thế (*hễ quyết An cư thì thành*)".

Đây cứ theo hai khoản trước sau, hai cái 16 ngày đêm mà nói, xét trong luật cũng cho An cư chặng giữa, nếu là chặng giữa thì trước từ ngày 17 tháng 4, sau ngày rằm tháng 5, tùy ngày nào kiết được thì kiết.

Luật Nhiếp nói : Đã đến ngày rằm, ông dạy việc kia (*thầy Tri sự*) dạy quét lau phòng nhà cho sạch sẽ rồi, trong khi nhóm chúng phải cáo bạch rằng : "Ngày mai các Đại đức, phải làm lễ An cư". Những công việc trong hạ các ngài ai cũng đều để tâm lo lắng sắp đặt. Đến ngày 16 thầy Tri sự phải xem coi số chúng Tăng nhiều ít, được sắm thẻ bao nhiêu, lấy nước thơm rửa, dầu thơm thoa, để trong cái mâm sạch, hoa tươi sắp lên trên, lấy vật sạch phủ lên, đánh kiền chùy nhóm Đại chúng, mâm thẻ để trước vị Thượng Tọa, kế đó phải tuyên cáo : Những bản cấm trong hạ v.v...

Bảo thầy Tri chúng, đi giáp thưa rằng : "Các Đại đức nếu đồng tâm ưa muốn, thì nên An cư như vầy : Các vị Tỳ Kheo không nên ở trong hạ cật tội lẫn nhau, cũng không nên ra điều luật phi pháp, làm cho các Tỳ Kheo ở không yên vui, nếu ai trái điều kiện này, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni".

Ông đi phát thẻ, bưng mâm thẻ đi trước, ông thâu thẻ bưng mâm không đi sau. Kính đức Thích Ca một thẻ, đó kế cả Đại chúng đều đứng dậy khỏi chỗ tòa, ngồi chồm hổm vững vàng, lãnh lấy thẻ rồi, hai tay dâng thẻ để trên mâm không, nếu có ông Sa Di thì Thân Giáo sư (*tức Hòa Thượng*) của ông, hoặc quỷ phạm sư (*tức thầy giáo thọ của ông*), nên lấy thẻ thế, sau rốt tặng vị Thiên thần Hộ pháp một thẻ (*vị thần giữ Già lam*).

Đã đi phát xong hết rồi, bây giờ kiểm điểm số thẻ lại để tuyên bố cho đại chúng biết rằng : Nay ở chỗ này, hiện những vị lãnh thẻ đó, Tỳ Kheo có bao

nhiêu... Sa Di có bao nhiêu... thì chủ tên chi ?... người lo việc tên gì ?... ở xóm làng chi ? là chỗ đi khất thực v.v...

Khi đó các thầy Tỳ Kheo đều nên quan sát coi chỗ nào đi khất thực, sau khi quan sát xong, phải tự nghĩ rằng : "Ta ở chỗ này, làm phép An cư được, không đến đỗi sinh khổ, dầu có sinh cũng khỏi được, nếu có bệnh hoạn có người trông nom hầu hạ cấp cho ta thuốc thang và các món cần dùng, thảy đều đầy đủ".

Suy nghĩ như vậy rồi, nên tới chỗ khuất, đối một thầy Tỳ Kheo, sửa đủ oai nghi tề chỉnh, ngồi chồm hổm chắp tay nói ba lần như trên để thọ phép An cư.

Nếu An cư rồi có khách Tỳ Kheo đến, không nên đổi phòng ông đó, ông đó cũng không nên đi. Nếu có chỗ nào muốn An cư, phải đi đến trước, xem coi phòng xá, ngọa cụ, vậy sau mới lãnh phòng.

Trước khi An cư phải bạch nhị Yết Ma, cử một ông chia phòng và chia ngọa cụ, cử xong phải đếm số Tỳ Kheo, số phòng, số ngọa cụ, đếm số rồi đến trước vị Thượng Tọa nói như vầy : "Thưa Đại đức, phòng xá và ngọa cụ như vậy, tùy ý Đại đức muốn cái nào thì lãnh".

Giao cho vị Thượng Tọa rồi, kế đó giao cho vị Thượng Tọa thứ hai, như vậy lần lượt cho đến vị hạ tọa (*ông chót*) nếu còn dư, chia lại cũng bắt đầu từ vị Thượng Tọa lần lượt đến vị chót, chia cho đến ba lượt, còn dư mới cho làm chỗ ở cho khách Tỳ Kheo.

Nếu có Tỳ Kheo giỏi (*thông ba tạng*) đến nên giao cho, không nên chia chỗ chúng Tăng nhóm, hoặc nhà tắm, nhà để kiết hạ (*tức nhà Thiền*) và nhà để đi kinh hành (*vì những chỗ này là chỗ công cộng*) dù được phòng xá nhỏ hư cũng phải thọ, rồi tùy sức sẽ sửa sang lại.

Nếu muốn An cư trong hang vắng vẻ, phải trước đến làm dấu, hoặc biên pháp danh tôi là... muốn An cư chỗ này. Khi mãn ra đi phải bôi bỏ dấu vết, tên họ và pháp danh...

Nếu phòng xá có chật hẹp, không dung chứa nhiều được, cho chứa cái chõng vừa vừa, những đến chỗ chia nhau ngồi được, không nên dời giường nệm, tọa cụ, định để ở phòng này đem lại phòng khác (*khi An cư không cho dời đơn*). Nếu phòng đây dư nhiều, cho hỏi ông cựu trụ, hoặc hỏi ông chủ chùa được dời, khi đi phải trả chỗ cũ.

Không nên ở giữa đất trống hay là trên cây mà An cư, cho ở dưới gốc cây, nhẫn đến cây cao quá đầu, nhánh lá sum sê, che ngồi một chỗ, cùng trong nhà nhỏ, hang trong núi, trong bộng cây đứng khỏi dụng đầu, ngồi được lọt đầu gối, chỗ che đủ cho nước mưa đừng chảy vào thì An cư được.

Nên nương với người chăn trâu, người đốn gỗ hay là nương ở trên thuyền mà An cư trong mùa hạ, nếu mấy người đó có dời đi, ta tùy chỗ của họ đi mà đi, nếu trong xóm đông, trong hạ xóm đó chia làm hai phần, tùy theo chỗ nào họ cung cấp các vật cần dùng cho đủ, chỗ đó họ dời đi thì nên đi theo.

Minh Liễu Luận nói : Ở chỗ không có 5 lỗi, được ở trong đó mà An cư";

1.- Chỗ rất xa làng xóm, xin những vật cần dùng khó được.

2.- Rất gần thành thị, ngăn việc tu hành.

3.- Chỗ kiến và muỗi rất nhiều, mình và chúng sinh hai bên đều có hại.

4.- Không có vị đủ 5 đức để mình nương

Năm đức là :

a) Chỗ mình chưa nghe, ông dạy cho mình nghe.
b) Chỗ mình nghe rồi, ông làm được thêm thanh tịnh.
c) Hay giải quyết những chỗ nghi cho mình.
d) Thông suốt không còn che ngăn.
e) Chính kiến.

5.- Không có thí chủ cung cấp thuốc thang cơm cháo.

Phàm người An cư trong hạ không nên ra ngoài giới một đêm.

Nếu có người đàn việt thỉnh đi xa, không thể về liền ngày đó được, cho thọ phép đi 7 ngày. Không nên chuyên về sự ăn uống mà đi, trừ các nhân duyên, hoặc vì 6 món, nhẫn đến đi tìm thuốc thang, đến ngày thứ 7 phải về.

Hoặc 5 chúng thỉnh để sám hối tội, ba chúng sau thỉnh để thọ giới, hoặc Vua, quan Đại thần, ông Cận sự, cha mẹ, các bà con và những anh em quen

biết v.v... mời thỉnh, hoặc đi thăm bệnh, hoặc mình đi cầu người đồng tụng, cho đến vì việc Tam Bảo đều cho phép thọ 7 ngày đi rồi về, phải thọ như vầy : Sửa đủ oai nghi, đối với một thầy Tỳ Kheo thưa rằng : Thưa Trưởng lão một lòng chiếu cố ! Tôi Tỳ Kheo... nay vì việc... xin phép ra ngoài giới 7 ngày, rồi trở về trong đây An cư, bạch cho Trưởng lão được hay (*nói ba lần*). Hoặc đi việc đó không đến 7 ngày, thì phải tùy theo mấy ngày mà nói.

Thập Tụng Luật nói : "Thọ phép 7 ngày, không có Tỳ Kheo, cho theo 4 chúng kia mà thọ, không được tâm niệm mà thọ trừ 5 hạng người :

Nghĩa là : người ở chỗ A Lan Nhã, người ở một mình, người đi xa, người bệnh lâu và người năm mất mùa khất thực khó được ở nhà cùng bà con. Năm hạng người này có tâm niệm An cư, khi đói khát ở gần bà con.

Không nhân duyên được Phật hứa cho, thì không được phép ra ngoài giới ngủ nhẫn đến một đêm, cho năm chúng An cư có việc Phật sự cần thiết được phép cho đi ban ngày, hoặc đi ra đường, việc rồi phải trở về trong giới, vì không phép ở cách đêm.

Nếu chỗ ở xa, 7 ngày về không kịp cho thọ phép quá 7 ngày, hoặc nửa tháng, một tháng, bạch nhị Yết Ma, nên bạch như vầy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc...

phải đi, trở về trong đây An cư. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư. Các vị Trưởng lão ai bằng lòng cho chúng Tăng cho Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư, thì lẳng lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng, Tỳ Kheo... thọ phép quá 7 ngày (*hoặc nửa tháng, một tháng*) ra ngoài giới vì việc... phải đi, trở về trong đây An cư rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

(*Phải biết như trước, ba cách thọ pháp đi ban ngày, đều không cho ở luôn đêm không đồng với Luật khác*).

Hoặc thọ phép 7 ngày đi ra ngoài giới, bị người cầm ở lại, hoặc bị đường sá ngăn trở và các nạn sự, trong tâm muốn về, mà về không kịp ngày đó, không gọi là mất tuổi.

Nếu chỗ An cư nạn phạm hạnh, mạng nạn, hoặc vì ý riêng của mình mà thành phá Tăng, hoặc vì ngăn việc phá Tăng, hoặc vì hòa hiệp với chúng Tăng kia, hoặc đồ ăn uống không được vừa ý (*thiếu phần lợi dưỡng nên phải dời hạ*), thuốc thang cho người tịnh nhân, có những việc như vậy nên đi. Hoặc ở chỗ tiền An cư nghe chỗ khác được lợi dưỡng nhiều, bèn đi đến chỗ kia, Tỳ Kheo này không được

tuổi trước (*tiền An cư*) vì trái phép cũ (*phép hứa hẹn trước*) mắc tội. Hoặc không việc chi mà đi, hoặc thọ phép 7 ngày, mà đi quá 7 ngày, ông đó phá tiền an cư, vì trái phép cũ mắc tội.

Về kịp trong 7 ngày, thành tiền An cư, không trái phép cũ (*phép hứa hẹn trước*) khỏi tội thọ 7 ngày sau rốt (*còn 7 ngày nữa mãn An cư*) ra ngoài giới, về cùng không về, cũng thành tiền An cư khỏi tội, hậu An cư cũng như vậy.

Nếu ở chỗ này An cư, nghe chúng Tăng ở chỗ khác An cư, được của cải rất nhiều, rồi qua chỗ đó ở, tức là mất chỗ này, dù đến chỗ ở đó, giây lâu rồi trở về cũng mất chỗ đó.

Nếu thọ người thỉnh An cư chỗ đó, thấy có mạng nạn, phạm hạnh nạn, phải đi đến thưa với người đàn việt, xin dời đi, người đàn việt nghe theo thì tốt, không nghe thì cũng cứ đi.

Khi đó các thầy Tỳ Kheo Kiết hạ An cư, tự ra điều luật cấm không được nói với nhau, không cho lễ bái với nhau, không cho hỏi han với nhau. Phật quở : Các ông ở chung nhau, mà giống in kẻ oan gia, cũng như con dê câm. Ta đã dùng vô số phương tiện dạy các Tỳ Kheo kia đây dạy bảo lẫn nhau, thọ lãnh lời dạy cùng nhau, thức tỉnh cho nhau, không nên đồng thọ pháp câm như vậy, giống như ngoại đạo, nếu còn làm theo phép câm như vậy nữa phạm Đột Kiết La.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu đi đường chưa tới chỗ ở, mà đã đến ngày An cư phải ở bên đường, hoặc

nương dưới gốc cây, hoặc ở trên xe, phải thọ phép An cư". Đến mặt trời vừa mọc hừng sáng, đi đến chỗ ở, đợi tới ngày hậu An cư, đối với một thầy Tỳ Kheo, quỳ gối chắp tay ba lần nói : "Tôi thọ phép hậu An cư".

Nếu đang đi giữa đường, mà tới ngày tiền An cư, không thọ phép tiền An cư, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Đến chỗ ở mà vừa đúng ngày hậu An cư, mà không thọ phép hậu An cư, mắc hai tội Diệt Tỳ Ni. Người đó phá An cư không được phần y cúng.

Nếu mùa xuân, đông, giao phòng xá rồi, có vị Thượng Tọa đến tùy theo thứ lớp mà ở. Còn khi An cư giao phòng xá rồi, vị Thượng Tọa đến, không nên theo thứ lớp mà ở, nếu đuổi ông ở trước thì phạm tội. Không cho chẳng nói chuyện với nhau, muốn phương tiện ít việc không nói chuyện (*cấm khẩu*) được nửa tháng, đến ngày Bố tát phải nói với nhau và hỏi han công chuyện, đáp công việc, chú nguyện, qua ngày Bố tát rồi, không nói lại như trước (*tịnh khẩu*).

Tỳ Kheo An cư mãn rồi nên làm phép Tự tứ.

Nói Tự tứ là gì ? Nghĩa là : Ở trong 3 tháng hoặc có phạm lỗi mà không hay biết nay đây mặc dù chúng Tăng ở trong ba tội, thấy, nghe, nghi, cứ việc chỉ lỗi giùm được như pháp sám hối cho hết tội vậy, cũng nói là chữ (*tùy ý*) tức là ở trong ba việc tùy ý chúng Tăng, tự do chỉ tội để ta sám trừ tội ấy vậy.

Nếu ở chỗ có 5 thầy Tỳ Kheo, hoặc trên 5 thầy, phải cử một ông bạch Tự tứ, vị Thượng Tọa phải trước thời tiểu thực, hay là thời ngọ thực tuyên

bố rằng : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe : Nay chúng Tăng đến tháng... ngày... giờ... nhóm tại... để Tự tứ".

Cho ở trong nhà tụng giới đó mà Tự tứ, nên ngày : 14, 15, 16 mà làm lễ Tự tứ. Bạch nhị Yết Ma mà cử một ông truyền Tự tứ. Ông đó phải đủ 5 đức :

1. - Không ái
2. - Không sân
3. - Không sợ
4. - Không si
5. - Biết người nào đã Tự tứ, người nào chưa Tự tứ.

Hòa hợp Tăng rồi, phải hỏi rằng : Tỳ Kheo... có thể vì chúng Tăng làm người truyền Tự tứ được không ?

Đáp rằng : "Thưa được".

Văn tác bạch cử người truyền Tự tứ như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tự tứ". Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tự tứ. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng chúng Tăng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tự tứ thì lẳng lặng. Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Chúng Tăng đã bằng lòng cử Tỳ Kheo... làm ông truyền Tự tứ rồi, và chúng Tăng đã bằng lòng nên lẳng lặng, thì việc này rõ như vậy.

Bộ khác cho cử đến hai, ba ông, không được quá.

Nếu vị Thượng Tọa hay là người đủ 5 đức, thì phải trước bạch rồi, sau mới Tự tứ, làm phép bạch như vầy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, ngày nay chúng Tăng làm lễ Tự tứ, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng hòa hiệp Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Bạch rồi ông đủ 5 đức đến trước vị Thượng Tọa, thứ lớp mỗi mỗi Tự tứ. Vị Thượng Tọa và ông ngũ đức, trịch vai áo bên hữu, cởi giày đồng quỳ xuống chắp tay, đối với vị ngũ đức nói như vầy : Thưa Đại đức, chúng Tăng ngày nay Tự tứ, tôi Tỳ Kheo... cũng xin Tự tứ, nếu tôi có tội thấy, nghe, nghi, cúi xin Đại đức Trưởng lão thương xót chỉ giùm tôi, nếu tôi thấy tội, sẽ đúng như pháp mà sám hối (*nói ba lần*)

Tự tứ rồi ngồi sắp hàng hai, ông 5 đức cũng nói như vậy (*3 lần*), nếu có ông già bệnh, tùy để cho ông ngồi yên tại chỗ của ông mà Tự tứ, nếu khi ông nói lầm lộn thì phải mỗi mỗi dạy ông.

Bá Nhất Yết Ma nói : "Cho ông nói không được (*ông nói thuộc lòng không được*) sẽ được phép biên ra trong miếng giấy mà đọc".

Thập Tụng Luật nói : "Nếu ông hành Tự tứ là Thượng Tọa, phải trịch vai áo cúi đầu thưa với vị Thượng Tọa thứ hai rằng : "Thưa Trưởng lão, nay đến ngày Tự tứ". Khi đó vị Thượng Tọa thứ hai phải

đứng dậy trịch vai phía bên hữu quỳ xuống, hai tay rờ chân vị Thượng Tọa nói ba lần mà Tự tứ".

Nếu ông hạ tọa là người hành Tự tứ cho ông, phải trịch vai áo bên hữu, quỳ gối chắp tay nói như vầy : Thưa Thượng Tọa, nay đến ngày Tự tứ. Vị Thượng Tọa cũng phải trịch vai áo bên hữu, quỳ gối chắp tay nói 3 lần Tự tứ, thứ lớp như vậy đến hết. Chúng Tăng và mình làm phép Tự tứ rồi, phải đến trước vị Thượng Tọa xướng rằng : "Thưa Đại đức, chúng Tăng đã nhất tâm làm lễ Tự tứ rồi", bèn lễ như thường mà lui ra.

Tăng Kỳ Luật nói : "Ông làm phép Tự tứ, đến chỗ tòa của ông cũng phải thọ Tự tứ, ông được Tự tứ của chúng Tăng rồi, vậy sau mới Tự tứ cho mình".

Trong Căn bản và Thập Tụng nói : "Cho chúng Tăng Tự tứ rồi, ông vì chúng Tăng làm lễ Tự tứ, làm lễ Tự tứ lẫn nhau".

Luật Nhiếp nói : Chúng nếu ít, thì nên cử một ông làm người chịu thọ Tự tứ của chúng Tăng. Trong chúng Tăng đông người, thì phải cử đôi ba ông, như cử hai ông, thì một ông bắt từ Thượng Tọa thọ Tự tứ, còn một ông từ phân nửa sắp về sau chia làm hai công việc để làm Tự tứ cho mau rồi. Nếu cử ba ông, thì phải phân nhau làm ba tốp (*đứng ba chỗ*) theo thứ lớp làm Tự tứ.

Tỳ Kheo Tự tứ nếu chỉ có một ông, thì phải đối với người mình đã làm Tự tứ cho họ, mà cậy họ làm Tự tứ lại cho mình, nếu như hai ba ông cũng tự tiện lẫn nhau mà làm phép Tự tứ.

Nếu có "tám nạn" và duyên khác xảy ra làm Tự tứ không kịp đầy đủ, thì làm được phần nào... rồi lo đi lánh nạn... như nghi thức tụng giới, cho Tự tứ lược, nếu nạn sự còn xa, có thể nói đủ phải nói cho đủ. Nếu nạn sự tới gần, nói ba lần không kịp, phải nói một lần, nếu không làm y như vậy, phải y pháp mà trị.

Nếu nạn sự cận quá, không thể nói kịp một lần, các Tỳ Kheo phải tác bạch, đồng nói chung với nhau ba lần mà Tự tứ.

Bạch như vầy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay cử hai người đối với nhau, ba lần mà Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tác bạch như vậy rồi, cứ hai vị đối với nhau nói 3 lần mà Tự tứ.

Nghĩa là : mỗi cặp, mỗi cặp đối với nhau mà nói.

Nói hai lần hoặc một lần cũng như vậy, nếu nạn sự gần quá, mỗi cặp nói với nhau ba lần cũng không kịp, thì phải bỏ việc này mà đi lánh nạn.

Nếu có bốn ông không thể làm phép tác bạch để cử ông truyền Tự tứ, thì bốn ông ấy phải nhóm lại đối với nhau cũng làm Tự tứ.

Lời bạch như vầy : Thưa ba Đại đức nhớ tưởng, ngày nay chúng Tăng làm lễ Tự tứ, tôi Tỳ Kheo... xin Tự tứ và thanh tịnh (*nói ba lần*).

Nếu có ba ông, hoặc hai ông cũng làm phép bạch như trên, chỉ đổi câu đầu, số người đối thú là khác, không được riêng chúng, và phạm tội mà Tự tứ. Vì có tội nên phép Tự tứ không thành, phải sám hối rồi sau mới Tự tứ.

Bốn ông không được thọ ông thứ năm thuyết dục.

Nghĩa là : Số chúng năm ông, thi không được một ông nào được phép thuyết dục, phải đủ mặt để tự tứ lẫn nhau cho đến một ông cũng vậy, không được phép thọ ông thứ hai thuyết dục, phải tâm niệm Tự tứ.

Nếu có một ông, thì phải tâm tưởng miệng nói : Ngày nay chúng Tăng Tự tứ, tôi Tỳ Kheo... cũng Tự tứ và thanh tịnh (*nói ba lần*).

Một thầy Tỳ Kheo ở riêng, đến ngày Tự tứ, phải đến nhà tụng giới, quét rưới, dọn dẹp, sắp đặt các việc đúng phép tắc như trong nghi tụng giới, đợi các Tỳ Kheo đến cùng nhau làm lễ Tự tứ, không có vị nào đến, thì một mình nói ba lần mà Tự tứ.

Cho ông hậu An cư theo ông tiền An cư làm lễ Tự tứ, Tự tứ xong phải ở đợi cho đủ ngày, tức là ngày rằm tháng 8, nếu chia các món ngọa cụ v.v... của người cúng trong hạ, cũng cho ông thọ, không nên chưa đủ ba tháng bèn kể số tuổi hạ.

Nếu ở chỗ tiền An cư hay là hậu An cư, người ở lộn xộn, nên theo chỗ của Thượng Tọa mà Tự tứ. Hoặc vị Thượng Tọa tiền hay hậu An cư, nên theo

ông cựu trụ mà Tự tứ, ông cựu trụ cũng tiền, hậu, phải theo bên nhiều mà Tự tứ.

Nếu đi giữa đường được hòa hiệp mà Tự tứ thì tốt, nếu hòa hiệp không được, thì theo thầy bạn đồng sự dời chỗ khác, bạch nhị Yết Ma kiết tiểu giới làm lễ Tự tứ, khi đi phải giải giới mà đi.

Nếu có ông phạm tội tứ khí, phải trục xuất rồi mới Tự tứ, nếu phạm tội Tăng tàng, phải làm phép Yết Ma, cho phép Phú tàng, hoặc cho phép ý hỉ, hoặc cho phép xuất tội, tùy xử cho xong rồi, vậy sau mới Tự tứ.

Nếu phạm các thiên khác, phải sám hối rồi mới Tự tứ.

Nếu ngày nay Tự tứ, ắt sẽ có việc gây kình, hoặc có thể phá Tăng v.v... không nên Tự tứ liền ngày đó, phải đình lại một chút *(lúc)* rồi Tự tứ, cho ngăn Tự tứ, không nên cầu cho. Tự tứ tức là : cho.

Nếu ông ngăn Tự tứ kia là người ba nghiệp không thanh tịnh vì vô trí không hiểu biết rành rẽ, không biết hỏi, cũng không biết đáp, các Tỳ Kheo khác phải dạy bảo ông rằng : Thôi đi, không nên khởi việc đấu tranh đó, không nhận lời của ông đâu. Nói như vậy rồi Tự tứ.

Nếu ông kia ba nghiệp thanh tịnh v.v... phải hỏi rằng : Vì việc gì mà ngăn ? Vì thấy người phá giới ? Vì thấy người phá chính kiến ? Vì thấy người phá oai nghi ? Hay là vì thấy người việc gì ? Nghe việc gì ? Nghi việc gì ?...

Nếu không thể đáp đủ, tùy theo ông cử tội vô căn (*ngăn cản Tự tứ không có duyên cớ*) mà kết tội, nếu ông có thể đáp đủ, thì tùy mấy ông kia phạm tội gì mà trị tội, vậy sau chúng Tăng mới Tự tứ. Nếu có Tỳ Kheo bệnh, ngăn Tỳ Kheo có bệnh kia cùng Tỳ Kheo không bệnh ngăn lẫn nhau, phải nói rằng : Phật dạy như vầy, phải đợi cho ông hết bệnh, nên đúng như pháp mà thôi, Tỳ Kheo kia cũng phải đúng như pháp mà nói (*nói tội : thấy, ngăn, nghi*) làm như vậy rồi sau mới Tự tứ.

Nếu có rất đông Tỳ Kheo An cư tinh tấn được chứng quả Tăng thượng, sợ Tự tứ ngày nay, thì không được vui như vậy, vì thế nên làm phép đơn bạch, tăng thêm ngày Tự tứ, đến đủ 4 tháng sẽ Tự tứ. Hoặc có Tỳ Kheo ở chỗ khác, gây kình không hòa hiệp muốn đến đây mà Tự tứ, chúng ở đây hoặc định ngày rằm Tự tứ, bấy giờ sụt lại một ngày là ngày 14 hoặc định Tự tứ ngày 14, sụt lại một ngày là ngày 13.

Nếu nghe tin ngày họ đến, liền nhóm chúng Tăng mau mau Tự tứ. Nếu nghe họ đến trong giới rồi, thì chúng Tăng liền ra ngoài giới (*kiết tiểu giới*) mà Tự tứ, nếu nghe họ đã vào trong chùa rồi, nên đưa các món như là : nước tắm, chậu giặt rồi mời họ tắm, còn mình trốn ra ngoài giới mà Tự tứ.

Nếu các ông khách Tỳ Kheo ấy, kêu ta Tự tứ, ta liền trả lời rằng : "Chúng tôi Tự tứ rồi". Nếu các ông cựu Tỳ Kheo Tự tứ rồi, ông khách Tỳ Kheo không được ngăn, khi ông khách Tự tứ, thì ông cựu Tỳ Kheo được ngăn. Phương tiện như vậy ngăn được

thì tốt, không được phải làm phép bạch, tăng lên (*thêm*) ngày Tự tứ.

Bạch rằng : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho bữa nay không Tự tứ, để đến ngày 30 sẽ Tự tứ. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Nếu ông khách ở đến ngày 30, phải làm phép bạch lên ngày Tự tứ lần thứ hai, nếu ông khách ở đến ngày rằm tháng sau mà cũng không đi, thì bấy giờ phải đúng pháp, đúng luật cượng hòa hiệp mà Tự tứ. Nếu Tỳ Kheo khách, Tỳ Kheo cựu nhiều, ít hay bằng v.v... thì công việc sánh đồng như trong nghi tụng giới, phải biết. Không nên ở trước Tỳ Kheo Ni và người chưa thọ đại giới, làm phép Yết Ma mà Tự tứ, không nên Tự tứ rồi, lại tụng giới nữa. Bởi vì Tự tứ, tức là tụng giới.

Nếu Tỳ Kheo Ni An cư mãn rồi phải bạch nhị Yết Ma, cử một cô Tỳ Kheo Ni, vì chúng Ni qua bên Tỳ Kheo Tăng, thưa được Tự tứ. Cô kia đi đến chúng Tăng, đảnh lễ chúng Tăng rồi quỳ, cúi đầu, chắp tay thưa rằng : "Thưa Đại đức, chúng Tỳ Kheo Ni kiết hạ An cư rồi, bên Tỳ Kheo Tăng cũng kiết hạ An cư xong rồi, chúng Tỳ Kheo Ni sai tôi qua thưa với Đại đức Tăng thương xót mấy cô mà chỉ giùm ba tội : thấy, nghe và nghi, được Tự tứ, nếu mấy cô thấy tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (*nói ba lần*). Thưa ba lần rồi vị Thượng Tọa trả lời như vầy : "Đại đức Tăng không thấy bên Tỳ Kheo Ni có tội : thấy, nghe và nghi nào đáng cử".

Rồi tiếp dạy các cô Tỳ Kheo Ni rằng : Mấy cô cứ y như pháp mà Tự tứ và xuất gia phải dè dặt chớ có buông lung.

Cô bị sai phải đảnh lễ chúng Tăng Tỳ Kheo Tăng rồi về, hoặc bên Tăng, bên Ni hai chúng mỗi bên đều không đủ 5 người, đến ngày Tự tứ, các cô Tỳ Kheo Ni phải đến chỗ Tỳ Kheo Tăng lễ bái hỏi han rồi về. Còn Sa Di phải đối với Tỳ Kheo mà Tự tứ, Sa Di Ni, Thức Xoa Ma Na phải đối với Tỳ Kheo Ni mà Tự tứ.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu trong chúng An cư, có một người tiền An cư, thì đến ngày rằm tháng 7, cả chúng phải đồng ý với ông đó, mà thọ lễ Tự tứ, Tự tứ rồi phải ở đến ngày rằm tháng 8".

Nếu tất cả chúng kiết hậu An cư, thì tất cả chúng phải đợi tới ngày rằm tháng 8 mà Tự tứ. nếu chúng đông đến một vạn, hai vạn, phải nhóm lại một chỗ, cho đến mặt trời chưa lố mọc, ở trong đó Tự tứ cho rồi. Nếu chúng nhiều đến 6 vạn, 8 vạn, sợ trễ phải bớt ra ngoài giới mà Tự tứ.

Căn Bản bộ nói : "An cư gần mãn còn 7, 8 ngày nữa Tự tứ, phải ở gần làng xóm dán một tấm bố cáo, cho xa gần đều hay biết, hoặc già, hoặc trẻ, năm chúng xuất gia, hay là các nhà thí chủ, trong việc cúng dường, cùng nhau phải toan lo sắm sửa".

Các thầy Tỳ Kheo trẻ tuổi, lo quét rưới sửa sang trong chùa, ngoài tháp, đến ngày 14 bảo mấy ông trì kinh, tụng kinh suốt đêm, gần sáng làm lễ Tự tứ cho xong, chớ để đến mặt trời mọc.

Bạch nhị Yết Ma cử một vị đủ 5 đức rồi, vị đủ 5 đức ấy phải đi chia tranh tươi cho chúng Tăng trải ngồi rồi, mới làm phép đơn bạch, khi đó mỗi vị để ý lãnh một nắm tranh ngược xuôi sắp ngang tréo trả, dời thân trước tới hai chân đều đạp trên tranh, tay nắm một chút tranh rải ra trước, nói ba lần mà Tự tứ.

Ngũ Phần Luật nói : "Dạy lót cỏ dưới đất làm chỗ ngồi Tự tứ xong rồi, năm chúng xuất gia và bá tính mỗi người đều đem kéo, vạch, chỉ, kim và khăn, lụa v.v... cúng cho chúng Tăng hiện tiền giải hạ".

Ngày nay sở dĩ dâng kéo kim đây, là ý cầu cho trí tuệ sáng suốt. Bấy giờ vị ngũ đức, phải cầm kéo, vạch, kim, chỉ, hoặc cầm các món cần dùng của hàng Sa môn v.v... đứng trước vị Thượng Tọa thưa như vầy : "Thưa Đại đức, các vật này có thể nên để cúng dường lúc làm lễ Tự tứ, cho các vị An cư hay không ? Hoặc ở chỗ này, được các vật lợi ở chỗ khác đem đến, chúng Tăng nhóm hòa hiệp nên chia không ?... Trong chúng đồng đáp một lượt : "Nên chia".

Nếu làm không đúng theo đây, Tỳ Kheo được cử và đại chúng đồng phạm tội Diệt pháp.

Nội Pháp truyện nói : Nếu đêm 14 cần phải thỉnh vị Kinh sư, lên tòa tụng kinh. Bấy giờ kẻ Tăng người tục đồng vân tập, nhang đèn thắp sáng luôn, đem hương hoa cúng dường. Sáng mai đồng đi ra nhiễu thành, ai ai cũng đều để tâm cung kính, hành lễ các tháp, để tượng Phật trên xe, đánh trống trổi nhạc vang trời, tràng phan bảo cái phất phơi mặt đất, sắp đến giờ Tỵ mới trở về chùa, giờ ngọ mới thọ trai, qua giờ ngọ đều nhóm chúng làm lễ Tự tứ.

Tỳ Kheo đứng trước, kế Tỳ Kheo Ni, kế Thức Xoa Ma Na, kế Sa Di, Sa Di Ni, Tự tứ xong rồi, tùy ai muốn đi Đông đi Tây thì đi, tức là việc kiết hạ đã xong rồi vậy, không nhọc gì ở lại một đêm nữa mới đủ.

Có chỗ dịch rằng : Pháp Tự tứ này là y trong bộ Luật Thiết Nhất Thế Hữu bộ, ngài Nam Sơn giải : trong bộ này thì không cho ra ngoài giới mà Tự tứ. Do vì phá hạ và lìa y, hơn nữa vì phần đêm chưa mãn vậy, phải mãn đêm rằm mới đủ, đến ngày 16 trời vừa sáng, mới gọi là kiết hạ mãn.

Hỏi rằng : Vì sao mà kiết hạ chỉ có ba tháng ?

Đáp : 1.- Thân sinh sống tạm này, phải nhờ món nuôi dưỡng nó, cho nên kiết hạ 3 tháng trước, mở thêm một tháng sau, vì đợi sắm y phục đỡ thân vậy.

2.- Nếu kiết hạ 4 tháng trọn thì phải kiết ngày 16 tháng 4 mới thành, nếu có lộn quên thì không thành kiết, giáo pháp quá gắt, khó dùng thường được, cho nên đức Như Lai thuận theo người, mới bắt đầu từ ngày 16 tháng 4, đến sau ngày 16 tháng 5 mở thêm một tháng mới kiết được thành.

Chịch Hoa Sao nói : Trong các Kinh, Luật lấy ngày 16 tháng 7 là tuổi sinh ra năm phần pháp thân của thầy Tỳ Kheo, thì ngày rằm tháng 7 là ngày lạp trừ (*mãn năm, tuổi hạ*). Thầy Tỳ Kheo là người xuất gia thoát tục, nên không kể theo tuổi đời, mà lấy theo số hạ lạp vậy.

Giới thứ hai mươi chín
TRONG THÁNG CA ĐỀ
KHÔNG CHO LÌA Y QUÁ SÁU ĐÊM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo kiết hạ 3 tháng rồi, một tháng Ca đề sau cũng mãn, ở chỗ vắng có việc nghi sợ sệt. Tỳ Kheo ở chỗ như vậy, trong ba y, muốn để lại một y, gửi trong nhà người. Các Tỳ Kheo có nhân duyên lìa y mà ngủ, nhẫn đến 6 đêm, nếu quá phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, chư Tỳ Kheo An cư rồi, một tháng Ca Đề sau, ở chỗ vắng vẻ có nhiều giặc cướp. Phật cho phép ở chỗ như vậy, để lại một cái y, gửi trong nhà người; khi ấy phái Lục quần liền đem y gửi trong tịnh xá và dặn Tỳ Kheo quen giữ giùm rồi đi. Các Tỳ Kheo bạch lên đức Phật. Phật vì đó mà kiết giới.

Kiết hạ ba tháng rồi là sao ? Nghĩa là : ngày rằm tháng 7 là ngày mãn hạ.

Một tháng Ca Đề sau là chi ? Chữ Ca Đề, Trung Hoa dịch là "Mão tinh", tức là tháng này nhằm tháng sao mão; chính là ngày 16 tháng 7, đến ngày rằm tháng 8 là một tháng sau trong 4 tháng hạ vậy.

Mãn là chi ? Nghĩa là : Ông hậu An cư, phải ở chờ cho mãn một tháng Ca đề, dầu theo ông tiền An cư Tự tứ, ông hậu An cư cũng phải ở cho hết một tháng này mới đủ 90 ngày. Nếu có việc nghi sợ, cho lìa y ngủ đến 6 đêm, chớ không phải một tháng Ca đề mãn rồi, mà được lìa y ngủ đây. Nếu không phải vậy thì trái với văn trong 4 bộ Luật kia.

Vì mấy bộ kia đều nói : Tháng sau chưa mãn, song, một tháng này, là thời ở bên nước Ấn Độ nhiều giặc cướp nổi lên, cũng chẳng phải nói ông tiền An cư, vì ông tiền An cư không thọ y công đức đi nữa, cũng được một tháng lìa y mà ngủ.

Ở chỗ vắng vẻ là sao ? Nghĩa là : chỗ đó cách làng 5 dặm, ít người đi đến.

Các việc nghi nạn là thế nào ? Nghĩa là : Nghi trong đây có giặc cướp, sắp đến lấy cướp đồ đạc và y phục.

Sợ sệt là chi ? Nghĩa là : chỗ này thường có giặc đến cướp giật, mà sợ mất y và đồ đạc vậy.

Chỗ là gì ? Tức là : chùa, am, ở chỗ vắng vẻ vậy.

Ở là sao ? Nghĩa là : trong đó Kiết hạ hậu An cư.

Tỳ Kheo ở chỗ như vậy là chỗ nào ? Nghĩa là : tại chỗ ở đó có việc nghi sợ.

Ba y là gì ? Tức là : Y Tăng Già Lê, y Uất Đa La Tăng và y An Đà Hội.

Muốn để lại một cái y là sao ? Nghĩa là : trong ba y tùy để lại một cái.

Gửi trong nhà người là gì ? Là để gửi y, trong nhà thế tục trong làng.

Có nhân duyên là sao ? Là có duyên sự như việc Tam Bảo v.v...

Lìa y mà ngủ là thế nào ? Là lìa cái y của mình đã gửi.

Nhẫn đến 6 đêm là gì ? Nghĩa là : Có nhân duyên như trước, cho lìa y mà ngủ lâu lắm là 6 đêm thôi.

Nếu quá là sao ? Nghĩa là : quá thời hạn 6 đêm thì mắc tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Lìa y 6 đêm rồi, nhằm đêm thứ 7 mặt trời chưa mọc không xả y, tay không rờ đụng y và không đến chỗ quăng đá. Khi mặt trời mọc phạm Xả đọa, trừ ba y ra, lìa các y khác, phạm Đột Kiết La.

Phép xả, sám hối, trả lại (*trả y*) v.v... đồng như trước, bốn chúng kia phạm Đột Kiết La. Trừ cô Ni không được phép ở chỗ vắng vẻ.

Thể thức không phạm là sao ? Là tưởng bị cướp y, mất y, trôi y, cháy y v.v... Hoặc đường sá ghe đi không thông, gặp các nạn ngăn trở v.v...

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa nói : "Từ ngày 16 tháng 7, thứ lớp 6 đêm cho Tỳ Kheo An cư ở chỗ vắng vẻ được lìa y mà ngủ". Phật sở dĩ cho đó, là vì nước ngoài, giặc cướp có lúc trong một tháng này, là mùa giặc hay sinh ra, vì thế nên cho gửi vậy.

Thiện Kiến nói : "Nếu ở chỗ vắng vẻ, có chúng Tăng đông, phòng xá chắc kín, không cần phải gửi y trong tụ lạc". Gửi y rồi đến đêm thứ 6 phải qua thăm coi, thấy y rồi trở về chỗ cũ (*tức là chỗ vắng vẻ*).

Tăng Kỳ Luật nói : Không cho gửi Đại y và y ngủ, được gửi y thất điều thôi".

Ngũ Phần Luật nói : "Tùy theo y nào nhiều lớp gửi một cái, không được gửi "y ngủ" vì y ngủ thường mặc trong thân, không được gửi hai cái, vì khi lễ bái, nhập chúng, đi khất thực, không nên đắp một cái y vậy".

Giới thứ ba mươi
KHÔNG NÊN VẬT CÚNG CHO TĂNG LẠI ĐEM VỀ CHO MÌNH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết vật đó của chúng Tăng, tự xin đem về cho mình, phạm Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, có một Cư sĩ thường đem cúng thí cho chúng Tăng, ông muốn dâng cơm cho Phật và chúng Tăng và cúng y tốt luôn nữa; khi đó ông Bạt Nan Đà nói rằng : "Những người dâng y cho chúng Tăng nhiều lắm rồi, ông nay đem đồ ăn này cúng cho chúng Tăng, còn y đó để lại cúng cho tôi".

Ông Cư sĩ nghe lời, ngày mai thỉnh chúng Tăng đến nhà, thấy các Tỳ Kheo oai nghi cụ túc, phát la lớn rằng : "Tôi tính sắm y tề chỉnh như vầy để cúng dường cho chúng Tăng, mà sao lại làm cho trở ngại như thế". Các Tỳ Kheo nghe vậy, hỏi ra mới biết cớ, liền đem việc này bạch lên đức Thế Tôn. Phật vì đó kiết giới.

Biết là sao ? Là hoặc tự mình biết, hay là nhờ người khác nói mà biết, không phải chẳng biết vậy.

Chúng Tăng là ai ? Tức là chúng đệ tử của Phật vậy.

Vật đó là gì ? Nghĩa là : sáu món hộ thân của Tỳ Kheo, những đến chén uống nước.

Vật của chúng Tăng là chi ? Là tín thí họ vì chúng Tăng sắm, đã đem dâng cho chúng Tăng rồi, hoặc đã hứa sẽ đem dâng cho chúng Tăng.

Tự xin đem về chi mình là sao ? Nghĩa là : biết vật đó thuộc về của chúng Tăng, mà khôn khéo quanh đem về cho mình vậy.

Thể thức phạm tội trong đây ra thế nào ? Nếu Tỳ Kheo, biết thật vật của chúng Tăng, tự bảo cúng lại cho mình, thì phạm Xả đọa; nếu lấy vật của chúng Tăng đem về cho tháp, hay vật của tháp đem về cho chúng Tăng, hoặc vật của bốn phương Tăng, hoặc vật của hiện tiền Tăng, hoặc vật của Tỳ Kheo Tăng, hoặc vật của Tỳ Kheo Ni Tăng; vật ở chùa này đem cho chùa kia, vật của chùa kia đem cho chùa này, như vậy đem cho lẫn lộn nhau, thì phạm Đột Kiết La, bởi vì không nhập về cho mình, nên phạm tội nhẹ.

Nếu đã hứa và cũng biết là đã hứa mà còn bảo, đem về cho mình, phạm Xả đọa; đã hứa mà còn nghi, phạm Ác tác, nếu chưa hứa tưởng là đã hứa và nghi, đều phạm Ác tác. Phép xả, phép sám hối, phép trả vật đồng như giới trước; Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là sao ? Hoặc mình không biết, hoặc đã hứa rồi, tưởng là không hứa, hoặc hứa cho ít, mình khuyên cho nhiều, hoặc hứa cho ít người, mình khuyên cho nhiều người; muốn

cho vật xấu mình khuyên cho vật tốt; hoặc cười giỡn nói: hoặc là nói lầm, nói một mình, nói trong giấc chiêm bao, muốn nói cái này, lầm nói cái khác.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu có người đến muốn bố thí, hỏi thầy Tỳ Kheo rằng : Nên cho chỗ nào".

Đáp rằng : "Tùy ông kính chỗ nào thì cho chỗ đó".

Hỏi : Cúng chỗ nào được phước báo nhiều ?

Đáp : Cúng cho chúng Tăng được phước báo nhiều.

Hỏi : Vị Tăng nào giữ giới thanh tịnh có công đức ?

Đáp : Chúng Tăng không có vị nào phạm giới và không thanh tịnh.

Nếu người đem vật đến, cúng cho một Tỳ Kheo, Tỳ Kheo phải bảo rằng : "Cúng cho chúng Tăng, thì được nhiều phước báo".

Nếu họ nói : "Tôi đã thường cúng cho chúng Tăng rồi, nay chính tôi muốn cúng cho Tôn giả, thì bấy giờ ta mới thọ, không tội. Nếu biết vật đó họ đem cúng cho chúng Tăng, mà lập thế khiến trở cúng riêng về cho mình, thì phạm Xả đọa. Vật này chúng Tăng không nên trả lại, chúng Tăng để dùng, nếu bảo đem cúng cho ông khác, phạm Ba Dật Đề.

Xét trong bộ Nhất Thiết Hữu : Vật của chúng Tăng khác, bảo đem cúng cho mình cũng phạm Xả đọa, hoặc vật của họ đem cúng cho ông khác, mình bảo cúng về cho ông khác nữa, hay là bảo cúng cho

chúng Tăng, hoặc họ đem vật cho chúng Tăng, mình bảo đem cho ông khác, hoặc đem cho chúng Tăng khác, khi đem phạm Ác tác; khi ai được của này thì mình cũng phạm Ác tác, ông khác tức là một thầy, hai thầy, ba thầy Tỳ Kheo vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu vật của tháp này, đem cho tháp kia, không cần lấy lại, vì phước đồng vậy, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La".

Nếu đem vật của chùa này về chùa khác, không nên lấy lại vì chùa với chùa vẫn đồng vậy, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La. Nếu đem vật của chúng Tăng Tự tứ ở đây, cho chúng Tăng khác, phải lấy lại, vì vật Tự tứ thuộc về riêng khác, sám hối tội Đột Kiết La.

Nếu không trả lại, tính số tiền mà kết tội, của hiện tiền Tăng cũng như vậy; nếu đem vật của người này cho người khác, phải lấy lại trả cho chủ, sám hối tội Đột Kiết La. Nếu không trả tính số tiền mà kết tội.

Căn Bản Luật nói : "Đem vật của chùa này cho chùa kia, đem vật phòng này cho phòng kia, đem vật làng này cho làng kia, đem vật căn nhà này cho căn nhà kia, đem vật ở giữa căn nhà cho người ngoài cửa, đem vật ở ngoài cửa cho người trên gác, nhẫn đến vật của phòng, làng, nhà, cửa, gác dời cho lẫn nhau đều phạm Ác tác" (*tức là thí chủ muốn cúng chỗ này, mình bảo cúng chỗ kia không được*).

Hoặc đem vật của tượng này cho tượng khác, hoặc đem vật của tháp này cho tháp khác, hoặc

đem vật ở dưới nền tháp, cột đứng, đường đi, từng cấp, đồ úp bát, đài vuông, vành tròn, cho đến cái bình báu, đem đổi lẫn nhau, đều phạm Ác tác. Nếu vua cậy thế lực bảo đổi cho nhau thì không tội.

Nếu đem vật của người nghèo này cho người nghèo khác, hoặc đem vật của loài bàng sinh này cho loài bàng sinh kia, hoặc đem vật của bàng sinh cho người, đem vật của người cho loài bàng sinh, đem vật của người xuất gia cho người thế tục, hoặc trái lại đều phạm Ác tác. Hoặc mình không tìm mà được, không phạm. Như thế kẻ nam người nữ, huỳnh môn và vật của tứ chúng đem cho lẫn nhau, lệ theo trên nên biết.

Nhân đây nói rõ về phép cúng dường và điều kiện chia vật. Phép cúng dường chia vật thuộc về đâu : Nếu có người muốn tự làm phòng để cúng cho một ông, hoặc cúng cho nhiều ông, hoặc cúng cho chúng Tăng, rồi đem lại cúng cho ông khác, hoặc cúng cho nhiều ông hoặc cúng cho chúng Tăng khác, hoặc cúng cho ông đồng phái, hoặc cúng cho ông phái khác, đều gọi là cúng phi pháp, thọ phi pháp, ở phi pháp.

Hoặc có người tự muốn làm phòng, cúng cho một người, hoặc cúng cho nhiều người, hoặc cúng cho chúng Tăng, hoặc cúng cho hai bộ Tăng, đó là cúng đúng pháp, thọ đúng pháp và ở đúng pháp.

Hoặc ở trong đất của Tăng làm phòng riêng, có vị Thượng Tọa đến phải nhường lại, nếu không nhường lại, thì phải trả đất lại cho Tăng chớ không có lý do nào đem đất của Tăng dành riêng về mình.

phàm vật của bốn phương Tăng, thì không nên chia, không nên nhập về của mình, không được mua bán, không phải chúng Tăng được mua bán, không phải đông người bán, nhẫn đến một người bán được. Nếu người nào đem nhập về mình, hoặc chia, hoặc mua bán v.v... đều không thành, phạm Thâu Lan Giá.

Những gì là vật của bốn phương Tăng ? Hoặc chùa, hoặc vật trong chùa, phòng nhà, hoặc vật trong phòng nhà như là : mái, thạp, nồi, chảo, búa, đục, đài để đèn và các món trọng vật, giường dây, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, ngọa cụ các vật, cây cối, tre, cỏ đều không cho chia. Cho chia bông trái, hoặc bông cúng Phật, hoặc chúng Tăng hiện tiền, được y vật nên chia, phải đếm coi số người nhiều ít, vật tốt xấu xen với nhau, bảo người mù quăng thẻ mà chia.

Nếu có khách Tỳ Kheo đến, trước khi chưa quăng thẻ, thì được dự phần chia, nếu đến sau khi quăng thẻ, thì không được dự phần chia; khi chia y, có khách thường đến, nên bạch nhị Yết Ma, cử một người đi chia, cử rồi lại bạch nhị Yết Ma giao đồ vật cho người ấy, bảo chia cho chúng Tăng (*phép cử và phép giao y v.v... chép đủ trong Đại Luật và trong bản Yết Ma*).

Hoặc chỉ có 4 người, không cần cử và giao, phải ngay ở nơi đó, bạch nhị Yết Ma rồi chia, làm phép rồi, xét coi số người nhiều ít chia cho đồng. Nếu chúng Tăng hòa hiệp, nên cho Sa Di đồng phần, không hòa hiệp (*không bằng lòng*) nên cho phân nửa; chúng Tăng nếu không bằng lòng, nên

cho một phần ba. Nếu chúng Tăng quyết không cho, thì không nên chia (*cho*). Tịnh nhân giúp làm việc chùa, chia cho một phần tư, nếu chúng Tăng không cho thì không nên chia. Nếu có ba thầy, thì phải kia đây đồng nói ba lần rồi chia, thưa nói như vầy : "Thưa nhị Đại đức nhớ nghĩ, ở chỗ đây có y phải thời, hoặc y phi thời, chúng Tăng có mặt tại đây nên chia, chỗ này không đủ số Tăng, đây là phần của tôi" (*nói ba lần*).

Hoặc có hai ông cũng nói như vậy, hoặc một ông phải tâm niệm theo như trước đối với ông kia (*vì có một ông không biết nói với ai*). Hoặc ở chỗ đó có thầy Tỳ Kheo, tưởng có Tỳ Kheo và nghi, lại muốn riêng chúng mà chia, thì không thành chia, phạm Ác tác, hoặc có Tỳ Kheo, tưởng là không Tỳ Kheo, không thành chia, nhưng không phạm; không Tỳ Kheo tưởng có Tỳ Kheo và nghi, đều thành chia, phạm Ác tác. Không Tỳ Kheo, tưởng không Tỳ Kheo, thành chia không phạm, thọ y thành hay là không thành, phạm hay là không phạm cũng như thế.

Nếu Tăng Ni hai bộ, được y và vật đáng chia (*thí dụ : thí chủ trai Tăng hai bộ Tăng Ni*) thì phải chia làm hai phần; nếu không Tỳ Kheo Ni, những đến chỉ có Sa Di Ni, cũng phải chia làm hai phần, nếu không Sa Di Ni, thì Tỳ Kheo Tăng được chia với nhau. Nếu chỗ đó có Ni mà không Tỳ Kheo, chỉ có Sa Di, thì cũng được chia làm hai phần; nếu không Sa Di, thì chúng Tỳ Kheo Ni được chia với nhau.

Ney Tỳ Kheo tịch rồi, của cải trong chùa như là : ruộng, vườn, trái cây, phòng riêng, vật của

phòng riêng, bình bằng đồng, bồn chậu chảo bằng đồng, đài để đèn, các vật quý, giường, nệm, gối v.v... cùng người tịnh nhân giúp việc chùa, xe kiệu, chậu tắm, tích trượng, quạt, các món vật liệu, của đó đều thuộc về bốn phương Tăng, không được chia. Những y, bát, ngọa cụ, ống kim, đãy đựng y, đồ chứa, chúng Tăng hiện tiền được chia.

Nếu người nuôi bệnh, đem y và đồ đạc của người tịch (*chết*) đến trong chúng Tăng, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma, thưởng cho người nuôi bệnh đó. Nếu ba y rất nhiều, nên lấy một cái của người tịch thường dùng mà cho.

Chúng Tăng phải xem xét người nuôi bệnh ấy, nếu thiệt siêng năng bậc nhất, thì cho ba y bậc thượng, nếu người nuôi bệnh đó bậc trung, thì cho ba y bậc trung, nếu người đó bậc hạ thì cho ba y bậc hạ.

Nếu người tịch có thiếu nợ, thì cho đem y dư mà trả, hoặc không có y dư thì bán ba y chính mà trả cho chủ nợ, còn dư lại thì cho người nuôi bệnh.

Người nuôi bệnh phải hỏi người bệnh, cái nào là ba y thọ trì, cái nào là y dư ? Ông thiếu nợ ai ? Ai thiếu nợ ông ? Ông muốn cho ai ? Nếu không hỏi, đúng như pháp mà trị.

Người nuôi bệnh phải chăng là người đủ năm phép :

1.- Biết người bệnh : vật nào đáng ăn, vật nào phải cử. Vật đáng ăn thì cho ăn.

2.- Người bệnh có đi đại tiểu tiện và ói mửa không nhờm gớm.

3.- Có lòng thương xót, không vì sự cơm áo.

4.- Hay săn sóc thuốc thang cho đến ngày hết bệnh hoặc là tịch mới thôi.

5.- Hay vì người bệnh nói pháp cho nghe, khiến cho người bệnh vui vẻ, thân tâm họ đối với pháp lành được thêm ích.

Có đủ năm pháp như vậy, lúc ấy tùy trong 6 món y vật của ông bệnh, nên lấy món nào, thưởng cho người nuôi bệnh. Nếu không có món nào thì thôi, cũng được đem vật khác mà thế, nếu người bệnh giờ sắp lâm chung nói : Tôi có các vật này, tôi cho Phật, cho Pháp, cho chúng Tăng, hoặc cho tháp, hoặc cho người... Nếu tôi tịch thì tôi cho, bằng tôi còn sống trả lại cho tôi.

Phật dạy : "Không nên cho như vậy, phải để cho chúng Tăng hiện tiền chia". Nếu có Tỳ Kheo ở trong làng mạng chung, mà đời ông không nương chỗ nào nhất định. Trong làng đó có Ưu bà tắc tin ưa Phật pháp, hoặc là người giữ vườn cho chùa, phải biên giữ, đợi người trong năm chúng xuất gia đến, đem giao các vật ấy. Nếu không có người nào đến, thì đem cho chùa ở gần đó.

Vật của vong, chúng Tăng hiện tiền nên chia, không nên để quá ngày An cư. Phép chia vật của vong, cũng như phép chia y trước. Nếu chúng Tăng hoặc ba ông, nhẫn đến vật thuộc một ông, nên biết.

Hoặc Tỳ Kheo ở chỗ này kiết hạ, lại đi ở chỗ khác, nên chia vật An cư ở chỗ nhiều ngày, nếu ở hai chỗ đồng nhau, cho mỗi chỗ lấy phân nửa. Không nên ở chỗ này An cư lãnh phần y rồi, lại đi chỗ khác lãnh phần y chia nữa.

Nếu Tỳ Kheo An cư rồi mà chưa chia y bèn bỏ đi, thì phải dặn người lãnh phần y giùm, chúng Tăng phải cho. Nếu không dặn hoặc dặn lơ là, hoặc ông lãnh lời dặn quên đi, đều không phải lỗi của chúng Tăng vậy.

Hoặc một thầy Tỳ Kheo ở chỗ kiết hạ An cư, được nhiều y và vật, Tỳ Kheo kia tâm nên tưởng rằng : "Đây là vật của tôi", hoặc làm phép thọ, hoặc không làm phép thọ, lại có Tỳ Kheo khác đến không nên chia.

Nếu chúng Tăng được y vật nhiều, sau chúng Tăng tách ra làm hai phe, thì vật đó phải chia làm hai phần, nếu chia chưa được mà chúng Tăng tách rồi, nên hỏi ông đàn việt, tùy theo ông đàn việt nói, sẽ y theo đó mà chia, hoặc ông đàn việt kia nói không biết, hoặc nói đồng cho, thì bấy giờ phải chia làm hai phần.

Nếu chúng Tăng được y đáng chia, có Tỳ Kheo ở bộ này, đi qua ở bộ chúng kia thì không nên chia cho. Có Tỳ Kheo đi qua bộ chúng kia, nhưng qua chưa tới, bèn tịch giữa đường, thì y bát của ông phải cho bộ chúng kia (*tức là bộ chúng ông muốn qua mà đi chưa tới đó*). Hoặc Tỳ Kheo bị cử tội rồi tịch, y bát của ông đem cho chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma cử tội cho ông.

Nếu chúng Tăng tách ra làm hai bộ, ông đàn việt thỉnh nhóm lại một chỗ cúng dường cơm nước, y và chỉ. nên tùy theo đàn việt cúng cho.

Nếu chúng Tăng kiết hạ An cư, được y rồi chúng Tăng tách ra làm hai bộ, thì phải đếm số người bên nào nhiều, bên nào ít mà chia; nếu chưa được y cúng mùa hạ, chúng Tăng tách ra làm hai phần thì cũng phải đếm số người mà chia, hoặc được y cúng mùa hạ, hoặc chưa được y và của cúng mùa hạ, mà đi qua bộ khác, cũng phải cho.

Phàm cúng có 8 cách :

1.- Cúng cho Tỳ Kheo Tăng
2.- Cúng cho Tỳ Kheo Ni
3.- Cúng cho hai bộ Tăng.
4.- Cúng cho bốn phương Tăng.
5.- Cúng cho chúng Tăng ở trong giới.
6.- Cúng cho chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma.
7.- Cúng xưng tên tuổi cho người nào.
8.- Cúng cho một ông.

Đều phải tùy người đàn việt nói mà chia.

Nếu Tỳ Kheo không thương, không giận, không sợ, không si, và biết món nào đã chia, món nào chưa chia. Chúng Tăng nên cử một vị chia cháo, chia đồ ăn thời sớm mai, chia năm món ăn thời ngọ, cử một vị thỉnh chúng Tăng, trải ngọa cụ, chia ngọa cụ, chia y tắm, chia y, nên lãnh nên cho; cử một thầy Tỳ Kheo và một ông Sa Di, tất cả cũng như vậy.

Có năm phép đó vì chúng Tăng chia vật, được phước sinh lên cõi trời, mau như tên bắn. Trái năm phép trên, vì chúng Tăng chia vật, phạm tội đọa vào địa ngục cũng mau như tên bắn (*vì chia vật bất minh*).

Trong đây phép chia vật thuộc chỗ nào : hoặc chúng Tăng bốn phương, hoặc chúng Tăng hiện tiền, hoặc đông người hay là một người, hoặc phải thời hay là phi thời, sự nó rất tỉ mỉ, trong đây khó thuật cho hết, không nên lửng lơ, phải xét rõ trong Đại Luật và trong bản Yết Ma, thì việc làm mới đúng.

Tăng Kỳ Luật nói : "Ông Sa Di tịch, vật với ông thuộc về Hòa Thượng của ông".

Ngũ Phần Luật nói : "Ông Sa Di tịch chúng Tăng hiện tiền nên chia".

Luật Nhiếp nói : "Nếu thầy Tỳ Kheo tịch, các đồ ăn uống, nhẫn đến một lá cây, còn y vật lợi dưỡng kia, nhẫn đến một chút vải làm tim đèn, đều phải chia đồng". Nếu y thật tốt quý giá, không nên cắt nát, phải bán lấy tiền mà chia. Nếu có Tỳ Kheo đến kịp trong 5 thời này nên chia :

1.- Thời đánh kiền chùy
2.- Thời tụng kiến vô thường.
3.- Thời lễ tháp.
4.- Thời phát thẻ.
5.- Thời tác bạch.

Hoặc chúng nhóm không hòa, hoặc không có ông làm phép, nếu làm phép cho ông trước và ông sau.

Nghĩa là : lấy một chút ít của cải, hoặc một vài tiền v.v... của người vong, hiến cho ông Thượng Tọa thứ nhất, đến ông hạ tọa chót hết, còn lại mỗi mỗi đi cho, dùng để ghi chắc, vậy sau chúng Tăng hiện tiền đồng chia như thường, lại không cần làm phép.

Nếu làm phép trước, sau rồi có ông khác đến, thì không nên chia. Nếu bốn thời trước có mặt, thời sau bỏ đi (*vắng mặt*) cũng không nên chia. Nếu tác bạch rồi các vị được hòa hợp ở trong giới, đều được thọ phần lợi dưỡng.

Nếu không tác bạch không làm phép trước, sau thì sẽ như thế nào ? Hễ là Thanh Văn đệ tử của Phật, có bao nhiêu hiện tại trong Nam thiệm bộ châu hoặc ở chỗ khác cũng đều có phần.

Vật sở hữu như là : ruộng, nhà, phố xá, ngọa cụ, khảm, nệm, đồ bằng đồng, bằng sắt, tre, cây, cùng ngọa cụ bằng da, khăn cạo tóc, tôi tớ, cơm nước, lúa bắp, mè v.v... nhập vào kho bốn phương Tăng.

Hoặc chén bát lớn nhỏ, kim, dùi, lưỡi hái, câu liêm (*câu liêm*), hỏa lư (*lư đốt trầm*) cùng các túi, bình tẩy tịnh, chai đựng dầu, tất cả y chăn, không luận ba y chính, hay là y tắm mưa, hoặc nhuộm rồi hay là chưa nhuộm, các thứ như về giày, guốc, đỏ, trắng, màu vàng và màu xanh, chúng Tăng hiện tiền nên chia.

Còn những thứ màu sắc tốt, bậc thượng phải nhập vào điện Phật, cũng để dùng về việc sơn vẽ tượng Phật. Các thứ dược thảo v.v... nên để trong

kho chúng Tăng, được cúng cho người bệnh. Còn các thứ trân bảo châu ngọc, chia làm hai phần : một phần chia cho Pháp, một phần chia cho Tăng.

Phần chia cho Pháp, để tả kinh Phật và sắm sửa tòa sư tử. Phần nhập về chúng Tăng, thì chúng Tăng hiện tiền, nên chia; như kinh luận thì không nên chia phải để trong Tạng kinh, chúng Tăng bốn phương được tụng chung. Còn sách của ngoại đạo thì bán đi, chúng Tăng hiện tiền được chia tiền ấy, những vật người thiếu ông có giấy tờ, nếu đòi sớm được thì nên chia, còn chưa đòi được thì giấy ấy phải để trong kho của Tăng, sau dùng về việc bốn phương Tăng.

Hoặc có vàng, bạc thành đồ hay chưa thành, hay là tiền bằng vỏ ốc, các thứ tiền đồng chia làm ba phần, chia cho Phật một phần, cho Pháp một phần, cho Tăng một phần.

Tiền của Phật đem sửa sang điện Phật và sửa tháp, còn hai phần kia như trước nên biết.

Hoặc Tỳ Kheo có bệnh có lời trối như vầy : "Sau khi tôi chết rồi, nên đem vật của tôi đây mà cho người kia". Đó là phép của người thế tục, không phải lời dặn gửi. Vật đấy chúng Tăng hiện tiền phải chia bằng cách đối diện trao tay, cho như vậy mới là phải. Còn tử thi kia, nên làm lễ trà tỳ, cúng dường tụng kinh, việc xong rồi, vậy sau mới chia vật.

Nếu người chết kia có gửi vật chỗ khác, thì chúng Tăng ở chỗ đó được chia vật ấy, hoặc đất tháp của hàng Thanh Văn, đệ tử Phật, vật lợi có

sinh sản ra, thì nên tu bổ cho tháp đó, nếu có dư ra, thì chúng Tăng hiện tiền nên chia.

PHẦN SAU KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa Đại đức, tôi đã tụng 30 pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề rồi. Nay hỏi các Đại đức trong đây thanh tịnh hay không ?... (hỏi ba lần).*

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì rằng yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

CHÚ GIẢI : Văn kết trong đây cũng giải như trước, trong mỗi giới trước đều có giải hình tướng hết, nay sẽ nói tóm rõ về pháp sám hối; song, pháp sám đây sự thì chung, chúng Tăng thì riêng.

Nghĩa gồm có 3 việc xả :

1. - Xả của cải : Tức là cái duyên lìa tội.
2. - Xả tham đọa : Là cái nhưng lìa tội.
3. - Xả tội : Là dứt cái nghiệp sinh tử tương tục.

Nếu không xả của cải, thì phép sám hối không thành, còn tâm tham không xả, thì nhân luân hồi không dứt, tội mà không xả, thì hạnh ô nhiễm không quên. Trong ba việc này nếu thiếu một việc, thì thân tâm không thanh tịnh, được của cải vào tay nữa, thì tội càng chồng thêm, do vì thế lực tội trước nhiễm lây, sinh ra tội sau vậy.

Nên trong Tát Bà Đa Luật nói : "Y đã xả, tội đã sám hối, tâm cầu y không đoạn, hoặc đương ngày đó cho tới một tháng, được cái y đó, hay có cái khác phạm Xả đọa".

Do vì tâm tham mỗi ngày nối luôn không dứt, liền mắc tội được y ngày đó, không cần cách ngày. Nếu xả y liền ngày đó rồi, sám hối, tâm tham dứt, ngày sau lại sinh tâm cầu y, thì không phạm. Vì tâm cầu y chặng giữa đã dứt vậy.

Nếu đã xả, tâm cầu y đã dứt, nhưng tội chưa sám hối, dầu cho trải qua nhiều ngày, được món trước, hoặc được món khác, của đó phải xả rồi sám hối tội Đột Kiết La.

Phàm khi xả, tâm phải cho thiết thật, tình không còn quyến luyến, thì hoặc được cái cũ cũng như được cái mới, hoặc làm phép thọ trì, hoặc làm phép thuyết tịnh, thì được chứa.

Nay trong 30 món xả đây, trừ hai món báu (*vàng, bạc*) không xả cho hàng Tỳ Kheo, còn ngọa cụ bằng tằm tơ thì phải bằm nhỏ bỏ đi.

Còn bao nhiêu tùy ở chỗ nào, hoặc xả cho chúng Tăng hoặc xả cho nhiều người, hoặc một người, không nên xả riêng chúng; nếu xả không thành xả, phạm tội Ác tác.

Khi xả cho chúng Tăng phải đem ra giữa chúng Tăng, trịch y lột guốc, đối trước vị Thượng Tọa lễ một lạy, quỳ gối chắp tay thưa xả như vầy:

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe. Tôi Tỳ Kheo ... cố tâm chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) nếu biết số thì nói; hoặc vải và của khác, không thể đếm được thì nói rất nhiều. Y dư quá 10 ngày... (*còn bao nhiêu như là : cố tâm lìa y, những đến sự cố đem vật chúng Tăng về mình, đều phải tùy theo món, tên sự mỗi mỗi*

mà thưa đó) phạm Xả đọa, tôi nay đem xả cho chúng Tăng (*nói một lần rồi xả*), vậy sau xin sám hối như vầy : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu... hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy món tên sự nói riêng*) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng (*trong đây có bao nhiêu, hoặc rất nhiều*), tội Ba Dật Đề, nay theo chúng Tăng xin sám hối. Xin chúng Tăng thương xót cho. Tôi Tỳ Kheo... sám hối (*nói ba lần*), rồi liền đối trong chúng Tăng, thỉnh một vị Tỳ Kheo thanh tịnh làm ông chủ sám. Trong Luật thiếu văn thỉnh, xét trong bản Yết Ma có đủ. Phải đủ oai nghi đến chỗ Tỳ Kheo kia, thỉnh như vầy : Thưa Đại đức một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*). Tội Ba Dật Đề, nay thỉnh Đại đức làm ông sám chủ, cúi xin Đại đức vì tôi, làm ông sám chủ sám hối, xin thương xót tôi (*nói ba lần*). Chủ sám kia không nên hứa liền, phải bạch với chúng Tăng rằng : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*). Tội Ba Dật Đề, nay theo chúng Tăng xin sám hối; nếu giờ chúng Tăng nhóm, chúng Tăng bằng lòng cho, tôi Tỳ Kheo... thọ cái sám hối cho ông kia. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Bạch như vậy rồi mới trả lời ông kia rằng : "Tôi xin hoan hỷ". Ông kia phải đủ oai nghi chí

thành cầu khẩn và tàm quý đoạn tâm tương tục, xin cầu chứng minh tự trần tội ấy, nếu lửng lơ khinh lờn, tội ắt không dứt, phải nói lời bạch sám như vầy : Thưa Đại đức một lòng thương xót, tôi Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, y này đã xả cho chúng Tăng trong đây có (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*). Tội Ba Dật Đề, nay đối Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ mình có phạm, nên phát lồ, biết không nên dám che giấu, xin Đại đức nhớ tôi thanh tịnh, giới thân cụ túc, thanh tịnh Bố tát (*nói ba lần rồi ông chủ thọ sám đáp rằng*) : Tự trách lấy tâm ông, phải sinh lòng nhàm chán, (*ông kia phải đáp*) : "Dạ".

Nếu vật Xả đọa, đã xài hư rồi, tuy vật không còn, mà tội phải mỗi mỗi đúng như pháp sám hối cho dứt, khi sám hối rồi, chúng Tăng phải trả lại vật cho Tỳ Kheo đó, phép trả lại có ba cách :

1.- Luôn cuộc đó chuyển giao lại.
2.- Để cách đêm rồi giao lại.
3.- Tức ở nơi tòa trao ngay lại.

Hoặc y dư, hoặc y một tháng, hoặc y thí gấp, chứa quá ngày, bát dư, thuốc dư, năm vật dư này, người có duyên sự phải đi thì chuyển giao lại, người không duyên sự thì phải để cách đêm mới trả lại, còn bao nhiêu thì tức ở nơi tòa trao ngay lại.

Nói có duyên sự là gì ? Chúng Tăng ở chỗ đó nhiều khó nhóm. Tỳ Kheo đó có duyên sự muốn đi

xa thì phải hỏi rằng : Y vật của ông đây giao lại cho ai ?... Tùy ông kia nói mà cho, phải bạch như vầy mà chuyển giao cho : Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, đã xả cho chúng Tăng; nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay đem y này cho Tỳ Kheo... Tỳ Kheo kia, phải giao lại cho Tỳ Kheo...đây. Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*còn bao nhiêu tùy sự mà nói*) phạm Xả đọa, đã xả cho chúng Tăng; chúng Tăng nay đem y này cho Tỳ Kheo... kia, Tỳ Kheo kia, phải giao lại cho Tỳ Kheo... này. Các vị Trưởng lão nào bằng lòng cho, Tăng đem y này cho Tỳ Kheo... kia, Tỳ Kheo... kia sẽ giao lại cho Tỳ Kheo... đây, thì lẳng lặng, Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Tăng đã bằng lòng giao cho Tỳ Kheo ... kia rồi, vì Tăng đã bằng lòng nên yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : Trong hàng Tỳ Kheo tri thức kia, trong chúng Tăng được cái y đó rồi, ở chỗ khuất đưa nhau, nếu không phải 5 thứ y dư, thì liền ngay ở nơi tòa giao lại, và thật 5 món dư để cách đêm rồi, đều đồng thưa như vầy : "Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày (*phạm giới khác tùy sự*

mà nói) phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng; nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay đem y này giao lại cho Tỳ Kheo... Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư quá 10 ngày ... phạm Xả đọa, y này đã xả cho chúng Tăng, Tăng nay đem y này trả lại cho Tỳ Kheo... Các vị Trưởng lão nào bằng lòng, cho Tăng đem y này trả lại cho Tỳ Kheo... thì lẳng lặng, Còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? – Đồng đáp :"Thành".

Tăng đã bằng lòng giao y lại cho Tỳ Kheo... rồi, Vì Tăng đã bằng lòng nên yên lặng, thì việc này rõ như vậy.

Chuẩn theo các bộ Luật : Tất cả vật phạm đó, phải cách một đêm mới giao lại cho người chủ.

Trong Căn Bản bộ : Đến ngày thứ ba mới giao lại, cần yếu ở trong chặng giữa, cũng phải cách một ngày.

Nếu đối trong chúng Tăng xả vật rồi, nếu không trả lại, nhẫn đến thường đắp cho hư, đều phạm tội Đột Kiết La.

Hoặc ở trước ba thầy Tỳ Kheo mà sám hối, thì phải đến chỗ ba thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, đủ oai nghi mà xả, bạch như vầy : Thưa Đại đức Tăng một lòng thương xót, tôi Tỳ Kheo... cố chứa y dư (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) quá 10 ngày, phạm Xả đọa, tôi nay xả cho các Đại đức (*nói một lần*).

Xả rồi phải sám hối bổn tội, trước phải thỉnh một ông chủ sám, văn thỉnh như trên, ông chủ sám phải hỏi hai Tỳ Kheo kia rằng : Nếu hai vị Trưởng lão cho, tôi thọ Tỳ Kheo... sám hối, thì tôi sẽ thọ. Hai Tỳ Kheo kia đáp rằng : "Được". Ông chủ sám trả lời lại với người có tội kia như vầy : "Tôi xin hoan hỷ".

Đã hứa rồi vậy sau mới sám hối, lời sám đồng như trước, và cách trả y lại, phải làm y như trước v.v...

Nếu đối với hai thầy Tỳ Kheo mà sám, thì văn sám cũng đồng với văn sám ba thầy không có chi khác. Còn văn sám đối với một thầy, chỉ trừ văn hỏi thầy đứng một bên (*người thứ hai*), bao nhiêu đồng y như trước. Song tội Xả đọa này, khi phạm không phát lồ liền, và mặc dùng vật phạm, bèn có tội tùng sinh che giấu và đẳng phần tội.

Như trong San Bổ Yết Ma nói : Hết thảy có 8 phẩm Đột Kiết La, hai phẩm Căn bản, hai phẩm Tùng sinh, hai phẩm Phú tàng, hiệp lại có 6 phẩm và đẳng phần tội. Hai phẩm đầu che giấu tội Căn bản nên sinh ra tội đọa, hai phẩm giữa, che giấu tội đắp dùng y bất tịnh mà sinh ra, hai phẩm sau che giấu tội khi chúng Tăng tụng giới im lặng mà sinh ra, đều cách đêm đầu, đến đêm thứ hai sắp lên, mà sinh ra.

Nếu căn cứ trong bản Tứ Phần Yết Ma rút ra, thì tổng kết hết cả thảy các tội từ đầu chí cuối, các ngôi sai khác, gồm có 12 ngôi, mỗi ngôi có ba tội.

1.- Ngôi thứ nhất có 3 tội là gì ? Nghĩa là: chứa dư phạm Ba Dật Đề và Căn bản, triển chuyển, là hai tội che giấu.

2.- Ngôi thứ nhì cũng có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng tụng giới tự nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội Phú tàng.

3.- Ngôi thứ ba cũng có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Khi đối thú tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

4.- Ngôi thứ tư có 3 tội là sao ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng làm lễ Tự tứ, đáp thanh tịnh phạm tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

5.- Ngôi thứ năm có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Khi đối thú Tự tứ nói thanh tịnh, phạm một tội Ba Dật Đề và hai tội che giấu.

6.- Ngôi thứ sáu có 3 tội là chi ? Nghĩa là : Tự mình có tội, vì chúng tụng giới, phạm một tội Đột Kiết La, hai tội che giấu.

7.- Ngôi thứ bảy có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Tự mình có phạm, không nên nghe giới, phạm một tội Đột Kiết La, và hai tội che giấu.

8.- Ngôi thứ tám có 3 tội là gì ? Nghĩa là : Khi chúng Tăng tụng giới, hai chỗ (*nhị bất định*), ba lần hỏi lẳng lặng, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

9.- Ngôi thứ chín có 3 tội là sao ? Nghĩa là : Khi tâm niệm tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

10.- Ngôi thứ mười có 3 tội ra thế nào ? Nghĩa là : Khi tâm niệm Tự tứ, tự nói thanh tịnh, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

11.- Ngôi thứ mười một có 3 tội là ra thế nào ? Nghĩa là : Tự mình có tội, thọ người khác sám hối, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

12.- Ngôi thứ mười hai có 3 tội như thế nào ? Nghĩa là : Đắp dùng y Xả đọa, phạm một tội Đột Kiết La và hai tội che giấu.

Những tội này hoặc có hoặc không, mình phải suy xét, tùy có phạm lỗi nhiều ít, cứ theo văn mà tác bạch, nay pháp sám hối có chia ra ba ngôi :

Ngôi thứ nhất : Sám chung hai mươi bốn tội che giấu. Nghĩa là : Bắt đầu từ Căn bản Ba Dật Đề, cho đến ngôi thứ 12 là đắp dùng y Xả đọa, mỗi ngôi sau tội Đột Kiết La có hai tội Phú tàng cũng do vì các tội (*12 ngôi*) này, chủng loại đồng nhau.

Ngôi thứ hai : Sám chung tội không nên tụng giới v.v... 7 ngôi tội Đột Kiết La, cũng vì có 7 tội này chủng loại đồng nhau.

Ngôi thứ ba : Sám chung tội chứa dư v.v... năm ngôi tội Ba Dật Đề. Vả chăng như muốn sám hối, phải trước sám hối tội che giấu và tội tùng sinh, kế đó sám luôn tội Căn bản, nay đây trước sám 24 tội che giấu, phải tâm chí thành cầu khẩn, đủ oai nghi tác bạch như vầy :

1.- Tôi Tỳ Kheo chứa (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) y dư, quá 10 ngày (*bao nhiêu, hoặc rất nhiều*) tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề.

2.- Đã phạm tội này, khi chúng Tăng tụng giới, tôi nói thanh tịnh phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

3.- Khi đối thú tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

4.- Khi chúng Tăng Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

5.- Khi đối thú Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

6.- Tự tôi có tội, vì chúng Tăng tụng giới, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

7.- Tự tôi có tội, không nên nghe giới, mà tôi cố tới nghe, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

8.- Khi chúng Tăng tụng giới, "hai chỗ" hỏi ba lần, tôi dối làm im phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

9.- Khi tâm niệm tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

10.- Khi tâm niệm Tự tứ, tôi tự nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

11.- Tôi tự có tội, thọ cho ông kia sám hối, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

12.- Tôi đắp mặc y Xả đọa, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

Các tội này tôi đều hiểu biết hết, mà cố không phát lồ, trải cách đêm, phạm tội Đột Kiết La che giấu, tôi không nhớ số (*biết số phải y số mà nói*) qua đêm thứ hai sắp tới, phạm tội Đột Kiết La. Tùy triển chuyển che giấu không nhớ số (*nhớ thì phải nói*). Tôi nay sám hối không dám che giấu, sám hối thì an

vui, không sám hối thì không an vui, nhớ nghĩ mình có phạm, nên phát lồ, biết nên không dám che giấu, tôi nay tự trách lấy tâm tôi và sinh lòng nhàm chán (*nói một lần*).

Tuy nói tự trách lấy tâm, nhưng phải kể bày cho đủ, thân phải lễ bái chí thành, miệng phải khẩn cầu tha thiết và ý phải hối hận ăn năn, thì tội mới tiêu dứt, tuy là tự trách, nhưng phải đối ông kia cầu xin chứng minh.

Đây không đồng với tội Đột Kiết La phạm lầm, tự trách lấy tâm ăn năn mà thôi. Nếu căn cứ nơi bộ San Bổ và các bộ Luật khác, đều phải đối với ông kia, cầu ông trách giùm. Các tội sau cũng điều lệ theo tội này. Kế đây sám từ tội không nên tụng giới v.v... 7 ngôi Đột Kiết La, phải đủ oai nghi, bạch như vầy : "Tôi Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu*) y dư quá 10 ngày (*tùy theo giới khác đổi nói*) phạm (*bao nhiêu*) tội Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề".

1.- Đã phạm tội này, lại vì chúng Tăng tụng giới, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

2.- Lại tự tôi có tội, không nên nghe giới, mà tôi cố tới nghe, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

3.- Khi chúng Tăng tụng giới, hai chỗ, ba lần hỏi, phạm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

4.- Khi tâm niệm tụng giới, tự nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

5.- Khi tâm niệm Tự tứ, tự nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

6.- Chính tôi có tội, lại thọ cho ông kia sám hối, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La.

7.- Đắp dùng y xả đọa, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Đột Kiết La. Tôi nay xin sám hối.

Nhưng đến câu tự trách lấy tâm, và sinh lòng nhàm chán đồng như trên (*nói một lần*), sám hối rồi mới sám hối tội y dư v.v... 5 ngôi Ba Dật Đề, phải đủ oai nghi, đối với ông sám chủ bạch như vầy :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cố chứa (*bao nhiêu*) y dư quá 10 ngày (*nếu phạm giới khác thì tùy theo đổi nói*) phạm Xả đọa:

1.- Y này đã xả cho chúng Tăng, trong đây có (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

2.- Tôi đã phạm tội này, khi chúng Tăng Bố tát, tôi lại nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

3.- Khi đối thú tụng giới, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

4.- Khi chúng Tăng Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

5.- Khi đối thú Tự tứ, tôi nói thanh tịnh, phạm thêm (*bao nhiêu*) tội Ba Dật Đề.

Nay tới Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không an vui, nghĩ nhớ có phạm nên phát lồ, biết nên không dám che giấu, xin Đại đức ức niệm tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bố tát (*nói 3*

lần, rồi ông chủ sám bảo rằng) : Ông phải tự trách lấy tâm mình và sinh lòng nhàm chán. Đáp : "Dạ".

Nếu không có tội tùng sinh, che giấu v.v... cứ theo văn trước mà bạch. Nếu vì sợ ông sám chủ lật đật khó biết, nên biên sẵn văn này.

Những ông thọ sám hối, cần phải dự gạn hỏi trước, có phạm bao nhiêu tội phú tàng, tùng sinh v.v... và phải nói rành rẽ nào danh tội, chủng tội, tính tội, vậy sau mới chịu làm sám chủ.

Danh là gì ? Nghĩa là : Trong 6 tụ, mỗi tên giới khác nhau.

Chủng là gì ? Tức là chứa y dư, lỵ y, 30 việc, mỗi việc có khác.

Tính là chi ? Nghĩa là : Một hay nhiều không đồng cho nên trong Luật nói : một tên có nhiều món, tự tính, hay phi tự tính, trụ, biệt, dị, tính, tướng, phi tính tướng v.v...

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN SÁU)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN BẢY

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

5.- PHÁP BA DẬT ĐỀ (chia làm ba)

a/ Nêu chung

b/ Chia riêng

c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là 90 pháp Ba Dật Đề, mỗi nửa tháng tụng một lần trong giới kinh chép ra.*

CHÚ GIẢI : Ba Dật Đề là gì ? Nghĩa là đọa lạc.

Thập Tụng Luật nói : "Đọa trong địa ngục này bị đốt nấu, che bịt, trong đó có 8 ngục nóng, 8 ngục lạnh".

Căn Bản Luật nói : Người phạm tội này, đọa trong địa ngục, bàng sinh hay là ngạ quỷ, ở trong ba đường ác chịu khổ đốt nấu. Lại nữa, phạm tội này, nếu không ân cần sám trừ, thì nó hãy ngăn các pháp lành".

Bộ Luật Nhiếp nói : Ba Dật Đề Ca. Nghĩa là thiêu đốt đọa vào ác thú. Lại Ba Dật Đề Ca đản ý nói ở nơi chỗ đọa lạc thiêu đốt, chỉ cái chỗ đọa kia. Tuy còn các tội khác, nhưng đều là đọa. Y theo âm thanh, đây gọi là đọa cũng được. Ví như tiếng "cù" nghĩa là "đi" đó là ở nơi người v.v... nhưng cái nghĩa đi ở nơi loài trâu di chuyển cũng dùng tiếng "cù" thì có ngại gì (*chỉ người, vật có khác thôi*). Nghĩa đọa cũng như vậy, không có lỗi chi.

Lại nữa, trong các thiên học xứ (*6 tụ còn lại*) về ngôi phương tiện : Không có tâm cung kính lời Phật dạy cũng phạm tội Đọa (*cố tâm phạm giới*).

Ba Dật Đề Ca căn cứ trên đây cũng lợi một phần. Nghĩa đọa đều duy thông.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất
CẤM NÓI VỌNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết mà cố nói vọng, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị Xích Trạch, trong vườn Ni Câu Loại, ông Thích tử Tương Lực cùng với kẻ ngoại đạo đàm luận, khi luận không bằng họ, thì trở trái lời trước, hoặc ở trong chúng Tăng cũng lại trở trái lời trước, những kẻ ngoại đạo phạm chí đều sinh tâm chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết là gì ? Tức là tâm mình rõ biết, không phải lầm lộn.

Nói vọng là gì ? Nghĩa là ở trước người, tâm khẩu trái nhau, buông ra lời nói dối gạt.

Nói dối có 8 thứ : Nghĩa là không thấy, không nghe, không xúc, không biết, nói tôi thấy, nghe, xúc, biết. Hoặc thấy, nghe, xúc, biết, nói tôi không thấy, nghe, xúc, biết. Nhưng thấy thuộc về nhãn thức. Nghe thuộc về nhĩ thức. Xúc thuộc về tỷ, thiệt, thân ba thức. Biết thuộc về ý thức. Lấy 6 thức này tóm lại làm bốn tên, vì Nhãn, Nhĩ, Ý ba căn này tính nó rất lanh lẹ, dụng lực của nó phần nhiều, lại nữa nó hay duyên lấy cảnh giới xa, cho nên chia riêng mỗi phần mà đặt tên vậy. Tỷ, Thiệt, Thân, ba căn này tính nó chậm lụt, dụng lực của nó rất ít, lại nói chuyên duyên lấy cảnh giới gần thôi, cho nên chung gọi là Xúc.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ?

Nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác.

Nếu khi tụng giới, nhẫn đến ba lần hỏi, biết mình có phạm không chịu phát lồ, thì phạm tội Ác tác, Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau Ác tác.

Thể thức không phạm ? Cứ nói thiệt ý tưởng có thấy, nghe, xúc, biết, y trong ý tưởng mà nói.

Tổng có 5 món vọng ngữ :

1.- Nói vọng ngữ tội Ba La Di : Như là nói mình được pháp của bậc Thượng nhân.

2.- Nói vọng ngữ phạm tội Tăng tàng : Như là đem tội Ba La Di vô cớ vu báng người ta,

3.- Nói vọng ngữ phạm tội Ba Dật Đề : Như là đem tội Tăng tàng vô cớ vu báng và phạm ngay tội này.

4.- Nói vọng ngữ phạm tội Thâu Lan Giá : Như nói được pháp của Thượng nhân mà không rõ ràng, vu báng không rõ ràng.

5.- Nói vọng ngữ phạm tội Đột Kiết La : Như khi tụng giới hỏi ba lần im lặng, và trong đây nói không rõ ràng.

Thiện Kiến Luật nói : "Nói vọng là gì ?" – Tâm khẩu trái nhau, cũng gọi là nói luống" (*khống*).

Luật Nhiếp nói : "Ý muốn gạt người kia, khi nói ra mỗi lời thì phạm mỗi tội, khởi tâm muốn dối, thì phạm tội trách tâm". Nhẫn đến nói ra người kia không hiểu, cũng phạm tội đối thuyết ác tác. Nói việc gì thân cũng bày hiện là người trí thức, đồng phạm bổn tội (*tức là tội Ba Dật Đề*).

Phàm làm đệ tử của Phật, thường nói những lời chân thật, không nên thề nơi mình ngay, để tỏ vẻ cho người tin, dầu người chê bai đi nữa, cũng không nên thề.

Luật Bổn nói : "Khi đó phái Lục quần có xảy ra việc chút ít, bèn thốt lời trù rủa : Nói tôi có nói như vậy, sẽ đọa trong ba đường ác, đừng sinh trong Phật pháp, nếu ông có như vậy, cũng sẽ đọa trong ba đường ác, không sinh trong Phật pháp".

Phật dạy : Không nên thề như vậy ! Cho nói như vầy : Nếu tôi mà có như vậy thì, Nam mô Phật,

nếu ông mà có làm việc như vậy, thì cũng Nam mô Phật.

Như Cư sĩ có nhảy mũi, và đến lễ bái phải chú nguyện rằng : Cầu cho ông được trường thọ. Nếu vị hạ tọa nhảy mũi, thì phải chú nguyện rằng : Không bệnh. Nếu khi vị Thượng Tọa nhảy mũi ta nói như vầy : Hòa nam (*cung kính*).

Giới thứ hai
CẤM NÓI LỜI CHÊ BAI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dùng lời chủng loại chê bai, thì phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, phái Lục quần tranh về việc xử đoán, dùng chủng loại mắng Tỳ Kheo kia, Tỳ Kheo kia hổ thẹn, quên hết việc trước sau, không nói được, các Tỳ Kheo bạch lên Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Chê bai là gì ? Nghĩa là : trong miệng thốt ra lời hủy nhục mà quở mắng ông kia, làm cho ông kia hổ thẹn, trong đây dùng chủng loại chê bai có 7 việc :

1.- Nói giống hèn
2.- Họ hèn
3.- Hạnh nghiệp hèn
4.- Làm công nghệ hèn
5.- Phạm lỗi
6.- Kiết sử
7.- Bệnh hoạn

Chủng là gì ? Nghĩa là nói : Ông là chủ sát nhân, ông là người đổ phẩn, ông có tài đi làm mọi người ta, ông giống kẻ kéo xe v.v... Đó gọi là giống hèn.

Họ là gì ? Nghĩa là nói : các họ hèn khác, nếu không phải giống họ hèn, thì quen theo cái nghề nghiệp hèn, cũng gọi là giống họ hèn.

Hạnh nghiệp hèn là gì ? Nghĩa toàn người mua bán heo dê và sát trâu, thả ó, săn lưới, làm giặc, để bắt giặc, người giữ thành, biết việc hành phạt trong ngục v.v... các nghiệp hèn hạ.

Làm công nghệ hèn là gì ? Nghĩa là đồ thợ rèn, thợ mộc, thợ lò gốm, thợ đóng giày, thợ cạo tóc, làm các nghệ thuật hèn.

Phạm lỗi là gì ? Nghĩa là phạm tội thất tụ, từ tội Ba La Di cho đến tội ác thuyết.

Kiết sử là gì ? Nghĩa là giận, hờn, buồn, ghét, cho đến 500 kiết sử phiền não.

Bệnh hoạn là gì ? Nghĩa là đui, mù, sói, què, xụi, điếc, ngọng, câm v.v... cho đến nhọt, lác, ung thư, và bao nhiêu bệnh khác.

Thể thức phạm tội trong đây thế nào ? Dùng 7 việc như trước, hoặc mắng ở trước mặt, nói : Ông đây là người sát nhân, cho đến ông đây là người điếc câm. Hoặc mắng thí dụ : ông đây giống như người sát nhân, cho đến ông đây giống đây giống như người điếc câm. Hoặc tự thí tỷ mà mắng, nói : tôi không phải là người sát nhân, cho đến tôi không

phải người điếc, người câm, hủy mạ các Tỳ Kheo như vậy, đều phạm tội Đọa, mắng không rõ ràng thì phạm Ác tác.

Như khi nói pháp, mắng ở trước mặt, thí dụ mắng, tỉ lệ mắng, rõ ràng hay không rõ ràng đều phạm Ác tác. Khi nói pháp lành mắng : ông là người ở A Lan Nhã, đi khất thực, mặc nạp y cho đến ông là người ngồi thiền, ông giống như các người ở A Lan Nhã, tôi không phải giống người ở A Lan Nhã đâu v.v...

Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Thể thức không phạm là gì ? Nói lợi ích vì nhau, vì người nói pháp, nói luật, dạy bảo mới nói, vì thương mến mới nói, hoặc nói chơi, nói lỡ lời, nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm.

Phụ văn : Xét trong Tăng Kỳ Luật và bộ Tát Bà Đa Luận : Mình có tâm khinh khi dầu cho dòng họ nghề nghiệp tôn quý đi nữa, nói cũng phạm tội Ác tác. Nếu khinh mắng bốn chúng kia và tất cả người tại gia đều phạm Ác tác.

Giới thứ ba
CẤM NÓI HAI LƯỠI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nói hai lưỡi phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, phái Lục quần đem truyền lời kín bên kia, tới nói bên này cho đến trong chúng yên ổn, bèn làm cho sinh

sự gây kình, khi gây kình rồi, thì không thể dứt được, các Tỳ Kheo biết do ông đó làm ra, đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Nói hai lưỡi là gì ? Nghĩa là chuyển lời nói kia đây, cho sinh sự gây kình làm cho xa lìa nhau.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Bảy việc như trước tùy lấy một việc, tới nói với người kia : (*mỗ giáp*)... nói ông là dòng sát nhân, những đến đồ điếc, đồ câm, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, không rõ ràng thì phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Vì phá ông tri thức ác và ông có phe đảng ác muốn phá hoại chúng Tăng, và làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật, muốn phá tháp, phá chùa và ông kia không nghĩa lý, không lợi ích, nói chành chạch v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu tâm muốn làm cho ông kia xa lìa, ông kia bỏ đi, hay không đi, đều phạm Ba Dật Đề".

Tát Bà Đa Luận nói : "Truyền lời của tứ chúng, và truyền tất cả lời của người tại gia, đều phạm Đột Kiết La". Nếu không truyền lời của bên này bên kia, chỉ nói cho hai bên rã tan, cũng phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật nói : "Nếu bạch y ở trong chùa muốn làm việc ác xâm não thầy Tỳ Kheo, phải nói khó gắt cho kia bỏ, nếu không bỏ, không nên đi ngay tới nhà vua mà thưa, phải nói trước cho người ác kia biết, vậy sau mới nói với Thái tử, và quan Đại

thần v.v... Nếu ông thật bỏ tính ác thì thôi từ đây, đừng cho làm việc nữa" (*bãi dịch*).

Giới thứ tư
CẤM CÙNG NGƯỜI PHỤ NỮ NGỦ CHUNG MỘT NHÀ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng người phụ nữ ngủ chung một nhà phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự đồng như trước, Tôn giả A Na Luật đến làng đó không có Tỳ Kheo, nghe có một nhà dâm nữ thường rước khách ở trong đó, ông bèn đến ngủ nhờ, đêm đó ông ngồi kiết già quán tưởng, dâm nữ kia, đầu hôm và khuya hai lần đến, cầu ngài làm chồng.

Tôn giả không đáp, cũng không xem ngó, cô bèn cởi y, đến nắm tay Tôn giả. Tôn giả vận thần thông, thân ngài bay lên hư không. Dâm nữ hổ thẹn mặc y và chắp tay, ngó lên hư không cầu sám hối ba lần. Tôn giả hạ xuống ngồi lại chỗ cũ, và nói pháp mầu cho nghe, cô bèn chứng quả Tu Đà Hoàn, xin ngài thọ Tam quy ngũ giới, làm Ưu bà di, các Tỳ Kheo nghe rồi đem bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phụ nữ là gì ? Nghĩa là người con gái có tính hiểu phải quấy, mạng căn chưa dứt.

Nhà là gì ? Bốn phía có vách tường ngăn, trên có che lợp, hoặc không tấm vách trước, tuy có che mà không khắp, hoặc có che khắp mà có chỗ trống.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc Tỳ Kheo tới ngủ trước, người phụ nữ tới sau, hoặc người phụ nữ tới trước, Tỳ Kheo đến sau, hoặc hai người đồng đến một lượt, hoặc nằm nghiêng tùy hông sát đất và tùy trăn trở qua lại được đều phạm tội Đọa.

Hoặc con gái Thiên long, con gái quỷ thần, con gái súc sinh và người huỳnh môn, người hai căn đồng ngủ trong một nhà đều phạm Ác tác. Nếu ban ngày, người phụ nữ đứng, Tỳ Kheo nằm cũng phạm Ác tác, còn bốn chúng kia phạm đồng như trước.

Thể thức không phạm là sao ? Không biết nhà kia có con gái, hoặc nhà có lợp, mà bốn phía không ngăn, hoặc ngăn phân nửa, hay là ngăn một góc, hoặc là ngăn bít hết mà trên không che lợp, hoặc lợp một góc, hoặc lợp phân nửa, ngăn phân nửa, lợp một góc, ngăn một góc, hoặc để đất trống, đi được, ngồi được, hoặc bệnh nằm được, hoặc bị người bắt buộc v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Nếu người con gái ở trên lầu, Tỳ Kheo ở dưới, hoặc Tỳ Kheo ở trên lầu, người con gái ở dưới, có nấc thang bỏ đi, cỏ cửa đóng chắc, nếu không bỏ thang, nên làm ống khóa khóa lại, tuy ở một nhà thời có vật che ngăn cấm dứt đường đi, nếu không vậy thì khi mặt trời mọc đều phạm tội Đọa".

Nếu con gái của Thiên long biến hình được và con gái bàng sinh, đồng thời ngủ chung một chỗ, cũng phạm Ác tác, con gái còn nhỏ hay bàng sinh, không hành dâm được, thì không phạm, hoặc có

cha, có mẹ, có chồng v.v... giữ gìn đồng ngủ chung một nhà không phạm.

Ngũ Phần Luật nói : "Hoặc lợp chung mà ngăn riêng, hoặc đại hội nói pháp, hoặc mẹ, chị em, ở gần, bệnh hoạn, có người nam biết phải quấy, không nằm đều không phạm.

Giới thứ năm
CẤM NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI NGỦ CHUNG

CHÍNH VĂN : *Nếu người chưa thọ đại giới ngủ chung quá hai đêm, đến đêm thứ ba phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi thành Khoáng Dã, phái Lục quần cho các ông Trưởng giả ở nhà giảng đường ngủ nghỉ, trong phái Lục quần có một ông loạn tâm ngủ mê, chuyển thân nghiêng qua "sinh chi" bại lộ, các Trưởng giả thấy chê cười, quẹt phá, các Tỳ Kheo hổ thẹn bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Sau chư Tỳ Kheo nghi ông La Hầu La chưa thọ đại giới, đuổi ra ngủ ở trước nhà xí, Phật mở cho chư Tỳ Kheo, với người chưa thọ đại giới, ngủ chung hai đêm, nếu ngủ đến đêm thứ ba, lúc mặt trời chưa mọc, phải lánh Sa Di đi, như đến đêm thứ tư hoặc mình đi, hay bảo ông Sa Di kia đi.

Người chưa thọ đại giới là gì ? Tức là trừ hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, còn bao nhiêu đều là chưa thọ đại giới cả.

Ngủ chung là gì ? Nghĩa là chung một nhà đồng ngủ.

Nhà là gì ? Giải như trước.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc đến trước đến sau, hoặc đồng đến một lượt, hông sát đất trở trăn đều phạm, hoặc con trai của Thiên long, quỷ thần, súc sinh, ngủ quá hai đêm, đêm thứ ba phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Cũng giải đồng như trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu không cho Sa Di ngủ chung hai đêm, ắt có nhiều việc buồn, và có xảy nhân duyên mất mạng, do vì lòng thương xót, cho ngủ chung hai đêm, vì hộ Phật pháp, không cho ngủ ba đêm". Nếu ngủ chung quá hai đêm rồi, đêm thứ ba lại cho Sa Di khác ngủ chung phạm Ba Dật Đề, do vì ông này nối tiếp với ông trước.

Nếu ngủ chung hai đêm rồi, dời đi chỗ khác, cách một đêm rồi, trở lại ngủ chung không lỗi, hoặc ngồi suốt đêm không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : Đến khi đêm thứ tư, phải dời qua phòng khác, hoặc ra ngoài đất trống, có gió mưa tuyết xuống lạnh, sẽ trở vào phòng ngồi cho đến hừng sáng. Nếu Tỳ Kheo già bệnh, ngồi không kham, thì phải lấy tấm vải giăng che ngang đầu, hay ngang nách, tấm vải thả chấm xuống đất, phải lấy đồ dằn lên, làm cho có con vật nào chun qua lại không được. Nếu khi đi đường, không có tấm vải giăng, ông Sa Di đáng tin, nên nói với ông rằng :

Ông ngủ tôi ngồi, khi mình muốn nằm phải kêu cho ông thức nói : Tôi ngủ ông ngồi, nếu ông còn ngủ nữa thì không có phước đức.

Luật Nhiếp nói : Đến đêm thứ ba ông ra ngoài ngủ, không nên đuổi ông ra ngoài chùa, và cách khỏi trước mái hiên, chỉ nên khỏi thế phận phòng mình thôi".

Nếu sợ ác Tỳ Kheo vì làm việc phá giới, phải bảo ông Sa Di tới phòng ông thiện hữu ngủ nhờ. Nếu không có ông thiện hữu, nên đồng đuổi ông ác Tỳ Kheo đó ra, hoặc mình dắt ông Sa Di đến chỗ khác ngủ. Nếu mình an cư rồi, không được đi, nên sinh lòng thương xót, vì phòng hộ ngủ chung không phạm. Hoặc nạn duyên không có giường chiếu khác, nên lấy cái y thất, xếp làm bốn lớp mà trải nằm, lấy cái y đại kê đầu, hoặc dùng đắp thân, còn cái y ngủ lấy mặc trong mình.

Phàm khi nằm ngủ, phải nằm nghiêng, hông bên hữu, hai chân chồng lên, thân đừng trăn trở, phải tưởng ánh sáng ở ngay tam tinh, yên trụ ở trong chính niệm, tình không lăng xăng, y phục không nhàu nhèo, trong khi ngủ biết chừng, phải nhớ dậy sớm, đầu đêm hay cuối đêm, hằng tưởng việc thiện.

Đây là phép của thầy Sa môn nằm ngủ, nếu không đau bệnh ban ngày không nên nằm, có người bệnh tuy ngủ chung quá hai đêm không phạm.

Giới thứ sáu
CẤM NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI TỤNG CHUNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cho người chưa thọ đại giới tụng chung phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng Dã, phái Lục quần cho các ông Trưởng giả, ở nhà giảng đường, chung tụng kinh niệm Phật, khi đó các ông tụng tiếng lớn, như bọn Bà La Môn đọc thơ không khác, làm loạn tâm các vị ngồi thiền, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Người chưa thọ đại giới ? Đây cũng giải như trước.

Tụng chung là gì ? Nghĩa là đồng câu, đồng chữ đọc tụng kinh pháp vậy.

Đồng câu là gì ? Nghĩa là hai người đồng tụng một câu, không sau không trước, hoặc một người tụng câu trước chưa rồi, người thứ hai lặp lại.

Đồng chữ là gì ? Nghĩa là hai người tụng chung một chữ, không sau không trước, hoặc một người tụng chữ trước chưa rồi, người thứ hai tụng lặp lại.

Kinh pháp là gì ? Nghĩa là từ miệng Phật nói ra, hoặc hàng Thanh Văn nói ra, hàng Tiên nhân chư Thiên nói ra, Phật ấn chứng cho, đều gọi là pháp.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Cho người chưa thọ đại giới tụng chung, hoặc miệng

mình dạy, hay là viết ra dạy, rõ ràng thì phạm tội Đọa, không rõ ràng thì phạm Ác tác.

Tụng chung với hàng Thiên long, quỷ thần và súc sinh biến hình được, rõ ràng hay không rõ ràng, đều phạm Ác tác. Nếu thầy không dạy rằng : Tôi nói rồi các ông sẽ nói theo, thì thầy phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Tôi nói rồi, ông sẽ nói, một người đọc rồi, một người biên ra, hoặc hai người đồng nghiệp đồng tụng, cho đến tụng lầm.

Phụ văn : Xét trong Tăng Kỳ, Thập Tụng, Ngũ Phần, Căn bản và Bổn bộ : Cũng không cho người chưa thọ đại giới chung tụng kinh pháp.

Căn cứ theo bộ Giới Nhân Duyên kinh, phái Lục quần tới Sa Di nói luật, Phật nhân đó cấm không cho : "Tới người chưa thọ đại giới, nói một câu giới pháp".

Luật Nhiếp : "Ý cũng đồng như đây, nghĩa là trong pháp này với luật in nhau".

Thiện Kiến Luật nói : "Hoặc Pháp sư soạn ra bài văn tự, đồng chung tụng đó thì không phạm, vì thế nên biết". Ngũ thiên thất tụ, chỉ có thầy Tỳ Kheo được nghe thôi, không phải phần của người khác, như kho bí mật của nhà vua, thì các hàng ngoại quan không được gắm ghé.

Nếu tới người chưa thọ đại giới mà nói, thì đây kia đều bị tổn hại, lại ngăn con đường xuất gia, trọn đời họ không được thọ giới cụ túc. Nếu tụng kinh

pháp, cứ theo trong luật chỗ nào mở, tự biết mà phương tiện cho.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu dạy kinh cho người chưa thọ đại giới đồng tụng thì phạm tội Đọa".

Đồng tụng là gì ? Là đồng thời tụng, hoặc dạy tiếng chưa dứt ông kia lại tụng, hoặc ông kia tụng chưa rồi, ông này lại dạy, mỗi câu mỗi câu, đều phạm mỗi tội Đọa.

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu ai người tụng kinh làu, tụng chung không phạm, không nên đọc rập bài kệ".

Luật Nhiếp nói : "Không phạm là, hoặc miệng cà lăm, hoặc tính ông đó nói mau, hoặc tụng chung để sửa bài câu cho đúng cách, nếu khi dạy phải nói trước với ông kia rằng : Ông đừng cho ông và tôi đồng thời nói. Như vậy tuy đồng mà không phạm, nếu làm tiếng ngâm nga, mà dạy kinh pháp phạm Ác tác".

Hoặc khi nói pháp, hoặc khi tán thán ở chỗ kín đó làm tiếng tụng kinh không phạm, không nên tán tụng kinh điển ngoài thơ, hoặc muốn hàng phục kẻ ngoại đạo, trừ người có trí lực, một ngày phân làm ba thời, thời sớm mai và thời trưa, nên học Phật pháp, thời chiều cho học ngoại điển. Không nên tính năm tháng làm ba thời, hoặc đọc sách giống người Bà La Môn, nếu đọc tụng mỗi đoạn, phạm tội Diệt pháp.

Hoặc theo phương ngôn của mỗi nước, tùy thời, ngâm nga để dạy dẫn dắt, thì cũng không

phạm, nếu muốn tụng kinh, trước đặt bàn cao cho tốt, đem kinh để sắp đặt hương hoa cho trang nghiêm, vị Pháp sư thuyết pháp nếu người ta không thỉnh, bèn vì người thuyết pháp, phạm tội Diệt pháp.

Ngũ Phần nói : "Cho học sách ngoại, không cho vì đắm ưa bỏ phế đạo nghiệp, vì muốn hàng phục ngoại đạo, nên cho đọc ngoại thơ, không cho làm theo sách ấy, sinh tâm chấp, không cho đem kinh Phật, làm sách ngoại đạo, phạm tội Thâu Lan Giá".

Luật bổn nói : "Không cho đem lời ngôn luận ngoại đạo xen lộn trong kinh Phật, cho tìm hiểu tiếng nói của mỗi nước, tụng tập kinh Phật".

Giới thứ bảy
CẤM TỚI NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI, NÓI TỘI LỖI KIA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết ông kia có tội thô ác, tới nói với người chưa thọ đại giới, phạm Ba Dật Đề. Trừ phép Yết Ma của Tăng cho.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó có Tỳ Kheo hành phép biệt trụ, ý hỉ, ngồi ở sau chót, phái Lục quần nói với các Cư sĩ rằng : Những vị này phạm tội như vậy, nên chúng Tăng phạt ngồi sau chót, Tỳ Kheo bị phạt nói cho các Tỳ Kheo kia nghe, ai ai cũng hổ thẹn, chư Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Khi sau ông Xá Lợi Phất, được chúng Tăng cử đến nhà vua và rao khắp trong dân chúng, nói lỗi của ông Điều Đạt, mà nghe Phật chế giới cấm (*không được tới người chưa thọ đại giới nói tội lỗi của chúng Tăng*), nên sinh lòng sợ sệt. Phật nói : Chúng Tăng cử không phạm, vì thế nên Phật kiết thêm câu : Trừ có phép Yết Ma của Tăng cho.

Biết là gì ? Tâm mình biết thật ông kia có tội chẳng phải không biết.

Ông kia là gì ? Là người đã thọ giới cụ túc.

Tội thô ác là gì ? Tức là tội Ba La Di và Tăng tàng.

Tới nói với người chưa thọ đại giới ? Là đối trước người chưa thọ đại giới cụ túc, kể bày chỗ phạm lỗi của ông kia.

Trừ có phép Yết Ma của Tăng cho ? Nghĩa là trừ đại chúng làm phép sai một vị đi nói tội lỗi của ông kia, thì không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Nếu nói rõ ràng phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác, trừ tội thô ác, đem tội khác tới người chưa thọ đại giới nói cũng phạm Ác tác.

Trừ Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đem tội thô ác của người khác tới người khác, tới người chưa thọ đại giới nói, đều phạm Ác tác.

Thô ác tưởng thô ác, phạm tội Đọa, nghi phạm Ác tác, không thô ác tưởng thô ác và nghi,

đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia đều phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Không biết, hoặc người bạch y trước có nghe tội thô ác của ông này v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : "Như làm phép Yết Ma cử Tỳ Kheo đó, làm người đi rao tội, mà Tỳ Kheo khác nói, thì phạm Ác tác". Như bảo tới nói với ông này ở chỗ này mà lại tới nói với ông khác ở chỗ khác, đều phạm Ác tác. Nếu chúng Tăng làm phép Yết Ma tùy ý, tùy thời, tùy chỗ nói tội, rồi đi nói, thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Làm phép Yết Ma cử đi bố cáo cho dân chúng biết vì ngăn sự tổn hại Tam Bảo, vì ngăn ác đảng phá giới khiến làm cho bỏ ác hữu, nương gần thiện hữu".

Lại muốn đem tâm hộ các ông kia, đừng để mấy ông làm hạnh ác nữa, cũng đừng xúm nhau nói các Tỳ Kheo v.v... phần nhiều phạm giới, phải che đậy nhau.

Lại cũng đừng cho ông ở nhà bạch y, nhân đó mà làm việc vô ích. Như trước không biết đó là nhà thế tục, tưởng là không biết hoặc là nghi đem tội thô ác của ông kia mà nói, thì phạm tội Đọa. Như trước biết đó là nhà thế tục, tâm tưởng không biết hoặc nghi, mà nói tội thô ác, ông kia phạm Ác tác.

Nếu ông kia không biết, tâm tưởng không biết vô phạm. Nếu tới cô Ni nói mình phạm thô tội, cũng phạm Ác tác, tuy có làm phép Yết Ma, suy mình

biết người, có tâm buồn riêng, mà tới người nói cũng phạm Ác tác.

Do đây nên biết những người xuất gia có nói lời chi, đều phải lợi ích, không nên buồn rầu riêng tới nói với người.

Tát Bà Đa Luận nói : "Thà phá tháp hoại tượng, không nên tới người chưa thọ đại giới nói lời xấu của Tỳ Kheo, nếu nói tội lỗi của người, thì là phá hư pháp thân của mình.

Nếu tới nói tên tội hai thiên trước, phạm tội Đọa, nói tướng tội, phạm Ác tác, nói tên tội, tướng tội, ba thiên sau đều phạm Ác tác.

Giới thứ tám
CẤM TỚI NGƯỜI CHƯA THỌ ĐẠI GIỚI, NÓI PHÁP MÌNH CHỨNG

CHÍNH VĂN : *Nếu khuyên, tới người chưa thọ đại giới nói pháp hơn người nói : Tôi thấy việc ấy, tôi biết việc ấy. Thấy biết thật đó phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên khởi đồng như giới vọng ngữ thiên đầu trong giới này khác đó, nghĩa là mình có chứng thật, mà tới người chưa thọ đại giới nói, vì thế nên không kết vào tội vọng ngữ vậy.

Nói pháp hơn người là gì ? Tức là người chứng pháp bậc thượng, nghĩa là bậc thánh này được pháp lợi, trên hơn tất cả phàm ngu, không còn ai hơn nữa.

Sao gọi là hơn người, mà không nói hơn trời ? ... Nghĩa là Phật xuất hiện trong nhân gian,

chỉ ở trong loài người kiết giới. Vì ở trong loài người có giới Ba La Đề Mộc Xoa mà thôi (*trong các loài khác không có*). Lại nữa người thắng hơn trời, vì người hay tu tập các pháp lành, đến chứng được quả thánh, còn chư Thiên đắm nhiễm dục lạc, không thể tu tập, vì thế chỉ nói hơn người, thời đã hơn Trời vậy.

Thật là gì ? Nghĩa là mình có thật chứng được pháp này vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Như chân thật chứng được pháp này tới người chưa thọ đại giới nói, hễ rõ ràng thì phạm tội Đọa, còn không rõ ràng phạm Ác tác.

Nếu tới Tỳ Kheo không đồng ý mà nói, cũng phạm Ác tác, còn bao nhiêu phạm hay không phạm, đồng giải như giới Ba La Di thứ tư trước.

Trong đây khác là giới kia phạm Ba La Di, giới này phạm tội Đọa, giới kia phạm Thâu Lan Giá, giới này phạm Ác tác, đó là khác. Còn tứ chúng kia, phạm đồng như trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu thật chứng được quả thứ tư, nhẫn đến chứng pháp bất tịnh quán, tới người khác nói đều phạm tội Đọa".

Nếu vì danh lợi, nói tôi trì giới thanh tịnh, thật tụng được ba tạng, và tùy theo các thứ kinh tụng, tôi đều giải nghĩa được hết, có ai hỏi nghĩa thi cũng đáp được, hành vi như thế, tôi nói với người, đều phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : "Có chứng thật mà nói, thì không phạm". Luật Nhiếp nói : "Đối với người thế tục hiện thần thông thì phạm Ác tác, nếu muốn hiển bày pháp Phật, hiện sự ít có, tự bày phước đức của mình, hoặc muốn chỉ kia, để giáo hóa chúng sinh, cho tâm họ điều phục, tuy nói không phạm".

Giới thứ chín
CẤM NÓI PHÁP CHO NGƯỜI NỮ QUÁ LỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời, phạm Ba Dật Đề, trừ có người nam biết.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, ông Ca Lưu Đà Di, nói pháp cho người phụ nữ nghe, kề sát lỗ tai, người thấy sinh tâm nghi, Phật đều đó liền kiết giới cấm.

Sau chư Tỳ Kheo sợ không dám nói pháp cho người nữ nghe, và khi có người nam, cũng không dám nói quá lời, vì thế Phật kiết thêm câu: "Năm sáu lời v.v...".

Người nữ là gì ? Nghĩa là người hay hiểu biết những lời lành dữ.

Nói : Nghĩa là miệng tỏ bày nói ra.

Pháp : Đồng giải như trước.

Quá : Là trong năm sáu lời, mà lại muốn nói thêm quá nhiều.

Năm sáu lời ? Năm tức là ngũ ấm, như nói sắc vô ngã, thọ, tưởng, hành, thức cũng vô ngã. Sáu

tức là sáu căn, như nói nhãn vô thường, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng vô thường. Lại nữa có chỗ nói pháp số năm số sáu hiệp nhau cũng gọi là năm sáu lời.

Người nam tử có trí biết ? Nghĩa là người thế gian hiểu biết việc thô ác hay không thô ác, tính không dâm loạn, nên làm người chứng minh, bởi vì có người này không dám nói lời tà vạy, cũng dứt việc chê bai nữa, nếu hết thảy người xuất gia, không gọi là người chứng minh, vì sự tương đồng vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Vì người nữ nói pháp, đáng nói năm, nói đến sáu, đáng nói sáu, nói đến bảy, rõ ràng hay không rõ ràng và bốn chúng kia phạm tội hay không phạm, đồng như giới trước.

Thể thức không phạm là gì ? Nói chừng năm sáu lời thôi, có người nam hiểu biết nói quá năm sáu lời thì được, nếu không có người nam hiểu biết, truyền ngũ giới, cũng nói pháp ngũ giới, truyền pháp Bát quan trai giới, và nói pháp Bát quan trai, hoặc nói pháp Bát thánh đạo, hoặc nói pháp thập ác, hoặc nói pháp thập thiện, hoặc người nữ hỏi nghĩa nên đáp, nếu không hiểu, nên vì họ nói rộng.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu vì người nữ nói năm sáu lời rồi nói rằng : Chị em, pháp chính cỡ này thôi, rồi đứng dậy đi. Nếu có nhân duyên trở lại ngồi nữa, vì họ nói thì không phạm, hoặc nói năm sáu lời rồi, lại có người nữ khác đến, vì người nữ sau nói, như vậy tiếp tục cho đến vô lượng người nữ nói cũng không phạm.

Hoặc mình tụng kinh, người nữ đến nghe, hoặc người hỏi nghĩa tóm tắt cho họ hiểu được, nói quá năm sáu lời cũng không phạm.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận nói : "Nói pháp bố thí được phước báo, và lời chú nguyện không phạm, nếu nói việc thường trong thế gian, phạm tội Đột Kiết La. Cho vì cô Ni nói pháp, tất cả Ni chúng nghe, vì pháp dạy bảo nên không lỗi".

Giới thứ mười
CẤM ĐÀO ĐẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự tay đào đất, hoặc dạy người khác đào, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng Dã, phái Lục quần làm nhà giảng đường cho Phật, tự đào đất chung quanh bốn phía, các ông Trưởng giả thấy chê cười nói : Thích tử gì mà đoạn mạng căn của người ta. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Kia bèn dạy người đào nói rằng : Đào chỗ này để chỗ này. Phật bèn thêm câu : "Không được dạy người đào".

Đất là gì ? Nghĩa là đất đào rồi, hay đất chưa đào.

Đất đào rồi : Nghĩa là đất đó đã từng bị đào, loại trùng núp ẩn chạy tan, và cỏ cây không mọc cũng có nghĩa là đất chết.

Đất chưa đào : Nghĩa là đất chưa từng bị đào, hễ đến mùa tháng 4, có trời mưa xuống, và nước sông tràn lên thấm ướt, các loại trùng và cỏ cây

phát sinh như thường, cũng gọi đất chưa đào, và có nghĩa là đất sống.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Nếu đất từng bị đào, có trời mưa xuống ướt, hoặc nước lớn tràn thấm, trải qua ba tháng đó gọi là đất sống, nếu không có nước mưa thấm ướt đến mà trải qua 6 tháng cũng gọi là đất sống, khác đây thì không phải là đất sống ".

Xét trong Thiện Kiến Luật : "Bốn phần cát đá, một phần đất và đất bị đốt gọi là đất chết".

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc dùng cuốc đào, hoặc cày giẫy, hoặc cây xăm đập, hoặc dùng cu liêm và dao sắt soi, cho đến lấy móng tay bấm dấu, lấy nọc đóng xuống trên đất, lấy lửa đốt tất cả đều phạm tội Đọa.

Nếu không dạy rằng : Coi chỗ này biết chỗ này, phạm Ác tác. Còn bao nhiêu bốn chúng kia đồng phạm như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Như nói, phải biết chỗ này phải coi chỗ này, hoặc kéo cây, tre trong rừng, hoặc hàng rào ngã đỡ cho ngay lại, hoặc lật tảng đá, lấy phân trâu, hốt đất của chuột moi, hoặc cào chỗ đất đi kinh hành, đất trong nhà, hay là chỗ đi qua lại, hoặc quét dưới đất, hoặc chống tích trượng dưới đất, nếu không cố đào tất cả đều không phạm.

Song, phép của Tỳ Kheo, có muốn cần dùng phải tác tịnh nói : phải biết đây, phải xem đây, cho

ông kia biết, ông xem chỗ nào nên đào, chỗ nào nên để, không được chỉ ngay, đào ở đây, để ở đây.

Ngũ Phần Luật nói : "Ba chúng sau vô cớ đào đất phạm Ác tác, nếu hốt đất khô thì không phạm". Hoặc Tỳ Kheo mỗi chỗ cần dùng, nói với tịnh nhân rằng : – ông biết chỗ này – như ông không hiểu thì nói : ông xem chỗ này, ông cũng không hiểu, nói nữa : Tôi dùng chỗ này, ông cũng chưa hiểu, nói nữa : Cho tôi chỗ này.

Tát Bà Đa Luận nói : Phàm muốn hái rau cỏ, phải nói xa rằng : Chỗ đó có vật tốt, tác tịnh cho tôi, nếu đến một bên chỉ biểu thì phạm. Tăng Kỳ Luật nói : Nếu đất nứt dựa mé sông, lấy chân đạp cho lở chơi, mỗi đạp phạm mỗi tội Đọa, mình đi mé bờ, đất nứt lở không tội. Nếu cục đất to, một người ôm không nổi, phá bể phạm tội Đọa, phá bể bớt cỡ một người ôm nặng thì không phạm.

Nếu Tỳ Kheo làm việc, sợ mất của tháp, của chúng Tăng muốn giấu trong đất, hoặc trong chỗ đất sống trống, không nên mình đào, phải dạy tịnh nhân biết, hoặc ở chỗ tử địa khuất, mình nên đào giấu, đóng nọc và nhổ nọc cũng vậy, nếu chỗ đất chết bị mưa rồi, không nên lấy và dạy tịnh nhân lấy, hết mưa mà chỗ có thấm ướt, vậy sau mình lấy không tội, đào đất phân nửa cát, phạm Ác tác, toàn cát không, không phạm. Đào chỗ đá, sạn, than tro, lệ đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : "Như đào chỗ bùn lầy, nhẫn đến lút từ đầu gối, đào moi lấy tùy đào mỗi

cục phạm mỗi Ác tác, hoặc lấy tay vẽ đất cho đến lọt hột cải, tùy vẽ mỗi đường phạm mỗi tội Ác tác".

Như Tỳ Kheo làm thợ mộc, khi muốn khởi làm chính điện hoặc làm nhà chúng Tăng, vẽ chỗ đất làm hình nền, không phạm, các Tỳ Kheo khác mà vẽ thì phạm tội. Nếu chỗ mỏ sinh vàng, bạc v.v... hoặc nhồi nhét đất vàng đất đỏ, đất sét trắng, chỗ đá sinh (*sống*), chỗ đá bùn, chỗ cát, chỗ đất muối, đào thì không phạm.

Căn Bản Luật nói : "Nhổ nọc phạm Ác tác, như Tỳ Kheo làm việc khi muốn định nền, được sao tốt, ngày tốt, không tịnh nhân mình nên đem nọc đóng muốn làm đấu ranh giới, đóng sâu xuống cỡ 4 ngón tay thì không phạm".

Giới thứ mười một
CẤM PHÁ HOẠI LÀNG CỦA QUỶ THẦN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phá hoại làng của quỷ thần, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có một thầy Tỳ Kheo sửa sang phòng xá, tự ông đốn cây. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Phá hoại là gì ? Là đốn, chặt, thiêu, đốt, nhổ, bẻ, kêu chung là : phá hoại.

Quỷ thần là gì ? Là phi nhân vậy.

Làng ? Là các thứ cỏ cây, nghĩa là tất cả quỷ thần nương ở các thứ đó, cũng như người nương ở trong làng. Nay nói làng quỷ thần nương ở có 5 giống sống. Năm giống sống là gì ?

1.- Củ : Nghĩa là các thứ củ như là : củ gừng, củ hương phụ, củ tước đầu hương, củ huỳnh liên, v.v... các thứ mọc mầm đâm chồi vậy.

2.- Nhánh : Nghĩa là nhánh dương, nhánh liễu, nhánh cây bồ đề, nhánh cây bối đa la v.v... những nhánh tươi sống vậy.

3.- Lóng : Nghĩa là lóng xứng ý hoa, lóng la lặc, lóng cỏ liêu v.v... những cây trong ruột trống còn tươi sống vậy.

4.- Cây bộng chính giữa ruột : Nghĩa là mía, tre, ngó sen v.v... những cây trong ruột còn tươi vậy.

5.- Thứ hột : Nghĩa là hột sinh ra hột, như là hột lúa, hột bắp, hột đậu, hột cải v.v...

Phụ văn : Giới Nhân Duyên kinh nói : "Có vị thần nương ở trong cội cây, có vị thần nương ở trong nhánh cây, có vị thần nương ở trong da cây, có vị thần nương ở vỏ cây nứt, có vị thần nương ở trong bông búp, có vị thần nương ở trong lá cây, có vị thần nương ở trong hoa, có vị thần nương ở trong trái cây, tất cả cây cỏ, đều có vị thần nương ở ăn chất thơm ấy".

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Đối với 5 thứ này còn tươi, như tươi, tưởng là tươi, tự chặt, tự sao, tự nấu và dạy người khác làm, đều phạm tội Đọa. Như tươi, nghi tưởng khô, như khô tưởng tươi, và nghi, tự làm dạy người khác làm, đều phạm Đột Kiết La.

Còn khô tưởng khô thì không phạm. Trong Luật bớt câu này, xét đúng nghĩa phải có, tưởng 6 cảnh này, các giới ở về, thiên khác, lệ theo đây nên nhớ.

Hoặc cỏ cây tươi, và không phải cỏ cây tươi, cảnh tưởng nên làm 5 câu : tự chặt, tự sao, tự nấu và dạy người khác làm, phạm tội nặng, nhẹ như trên nên biết.

Như đóng cọc nhổ gác trên cây, đem lửa gác trên cây, cỏ tươi và chặt cây cỏ tươi đứt phần nhiều, đều phạm tội Đọa, nếu chặt cây cỏ nửa khô nửa tươi phạm Ác tác. Nếu không nói "xem đây biết đây", cũng phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Ngũ Phần Luật nói : "Ba chúng sau, vô cớ mà chặt cỏ cây tươi, phạm Đột Kiết La, xét theo đây nên biết, ba chúng sau hữu sự không cấm, vô sự thì ngăn, sinh địa (*đất sống*) sánh đây cũng vậy".

Thể thức không phạm là gì ? Có nói : "phải biết đây, xem đây", chặt cây cỏ khô, kéo đổ đi trong rừng tre, sửa rào giậu, xeo lật tảng đá, cầm gậy chống đất, cỏ bò lấp đường, lấy gậy vẹt ra, quét chỗ đất đi kinh hành, tất cả không cố tâm, chặt lầm không phạm.

Không nên trái bất tịnh ăn, phải làm 5 phép tịnh rồi mới ăn.

1.- Hỏa tịnh (*những đến lấy lửa châm 1 lần*)

2.- Đao tịnh (*lấy dao gọt một chút*)

3.- Sanh tịnh (*trên trái tự có chỗ hư*)

4.- Điểu trác tịnh (*chim mổ có dấu*)
5.- Bất trùng chủng tịnh (*thứ trái non, để giống không được*).

Trong đây thứ trước và thứ sau, tịnh rồi ăn được, còn ba thứ kia, bỏ hột mới ăn. Lại có năm thứ tịnh nữa :

1.- Bì bác (*lột một chút vỏ*)
2.- Bác bì (*lột hết vỏ*)
3.- Hủ (*thứ rã nát*)
4.- Phá (*nứt bể*)
5.- Táo (*tự nó héo khô*).

Không nên ăn rau bất tịnh, không được tự mình làm tịnh, không nên tự tay trao cho người làm tịnh, phải để dưới đất, bảo người làm tịnh, làm tịnh rồi, không nên không thọ mà ăn.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc trái bồ đào và trái dưa, để chung một đống, lấy lửa châm ba bốn chỗ, tức là làm phép tịnh, hoặc bí đao mỗi trái đều phải riêng làm tịnh. Nếu tự mình lấy dao làm tịnh v.v... khi làm thì phạm tội Đọa, khi ăn không phạm".

Ngũ Phần Luật nói : Như ăn thứ củ cũng phải làm 5 phép tịnh, nghĩa là : lột vỏ, dao cắt, làm cho bể, rữa, lấy lửa châm. Như ăn thứ cọng lá nên làm ba món tịnh, nghĩa là : dao chích, lửa châm, rữa, như khi làm tịnh phải làm tịnh chung, ở trong một đống, trong một bồn, một lần làm phép tịnh, kêu là làm phép tịnh chung, như chỗ ở có cỏ tươi, ở giữa sân, cho bảo tịnh nhân biết...

Tăng Kỳ Luật nói : "Có quốc độ gom đống lúa, sợ phi nhân trộm, lấy tro than rắc chung quanh lên trên làm dấu, tức đó là làm phép tịnh, như ông chủ chùa có kho lúa chưa tịnh, sợ Tỳ Kheo tuổi nhỏ không hiểu phép này, sai tịnh nhân lấy lửa làm tịnh, cho đến hết kho lúa, Tỳ Kheo được nói rằng : "Xay giã đi không phạm".

Hoặc có bèo nổi đầy mặt nước, không nên lấy tay vẹt ra múc nước mà dùng, phải tìm múc ở lỗ chân trâu, ngựa mà dùng, nếu chỗ đó không có trâu, ngựa, nên lượm đất hay đá ném lên nói như vầy : Lên cho tới trời Phạm thiên đi, đất đá rơi xuống nước bèo dang ra, được múc dùng không tội.

Nếu lật bèo có nổi trên mặt nước, phạm tội Diệt Tỳ Ni, lượm quăng lên bờ phạm tội Đọa, nếu lượm phẩn trâu khô lộn cỏ tươi châm rễ dính phạm tội Đọa.

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : Xúc tro, đất, hoặc cát, đổ lấp trên cỏ tươi phạm Ác tác hoặc nói người khác rằng : lấy giùm trái này, tôi muốn ăn phạm Ác tác, trái tươi chưa làm phép tịnh, nuốt trộng phạm Ác tác, nếu nhai bể phạm tội Đọa, nhổ nấm mèo phạm Ác tác, thọc trái chín rụng phạm Ác tác, đập trái sống rụng phạm tội Đọa.

Thiện Kiến Luật nói : Nếu châm lửa tịnh rồi, sau còn mọc mộng, chỗ mọc mộng làm tịnh lại, ăn chỗ không nứt mộng, nếu muốn dùng bông trái, cho oằn nhánh cây xuống bảo tịnh nhân hái, không phạm, không nên làm cho nhánh gẫy, nếu cây cao tịnh nhân vói không tới, Tỳ Kheo bồng đỡ tịnh nhân

lên hái, không phạm; nếu cây ngã đè thầy Tỳ Kheo mà chưa chết, tuy trong tay có dao búa v.v... thà chịu chết, không nên đốn cây và đào đất, cho khỏi mạng mình, vì sao ?

Vì đào đất và đốn cây, phạm tội Đọa, người trí tuệ thà giữ giới mà chết, chớ không nên phạm giới mà sống, hoặc cây đè Tỳ Kheo kia thì được đốn cây và đào đất vì cứu mạng kia thì không phạm. Nếu người phóng lửa đốt chùa vì hộ chỗ ở, được cắt cỏ đào đất làm cho tắt lửa không phạm.

Căn Bản Luật nói : "Hoặc ở trong cỏ tươi và đất đống bèo xanh khi đi kinh hành, khởi niệm làm cho cỏ hư hại, đều phạm tội Đọa". Nếu chỉ để tâm đi kinh hành thì không phạm.

Nếu nhổ nấm trên đất phạm Ác tác, hoặc hũ, ché và y phục, nệm, chiếu v.v... có đóng mốc xanh hay là đóng mốc trắng, dấy tâm làm cho tổn hại đều phạm Ác tác, bảo người biết làm tịnh rồi thọ dùng, thì không phạm. Phàm Tỳ Kheo dạy việc vì muốn làm am thất khi sắp đốn cây, trước 7, 8 ngày, sắp đồ ăn dưới gốc cây kia cúng, tụng kinh vô thường ba biến. Tỳ Kheo Trưởng lão nên vì chú nguyện, nói pháp thập thiện, tán thán nghiệp lành. Lại nên nói rằng : Như vị Thiên thần ở cây này lâu, nên tìm chỗ khác mà ở, cây này nay vì Tam Bảo có việc cần làm. 7, 8 ngày rồi nên sai tịnh nhân đốn.

Đương khi đốn cây, có tướng lạ hiện ra, nên vì tán thán công đức bố thí, chỉ cái lỗi tham lam xẻn tiếc, nếu còn hiện tướng lạ nữa, thì không nên đốn, nếu không hiện tướng lạ nữa thì nên đốn.

Bà Sa Luận nói : Có ba giới Phật pháp rất lợi ích.

1.- Không nên gánh vác.
2.- Không nên đốn cây cỏ.
3.- Không nên đào đất.

Nếu Phật không cấm ba giới này, tất cả quốc vương sẽ sai các Tỳ Kheo làm việc, có ba giới này, Đế vương và Quốc vương, tất cả đều dứt tâm.

Giới thứ mười hai
CẤM NÓI LỜI LẠ CHO NGƯỜI TỨC GIẬN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vọng nói lời lạ làm cho người tức giận, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Câu Thiểm Tỳ, ông Xiển Đà phạm tội, khi chư Tỳ Kheo hỏi, thì ông đem việc khác mà trả lời : Ông muốn nơi gì ? Muốn luận nghĩa lý gì ? Muốn nói tôi hay là nói với ai ? Ai là người phạm tội ? Tội do đâu sinh ra ? Tôi không thấy tội, vì sao nói tôi có tội ? Chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật dạy chúng Tăng làm phép Yết Ma nói lời khác liền kiết giới cấm.

Nếu Tỳ Kheo nói lời khác phạm Ba Dật Đề, chúng Tăng đã đồng cấm không được nói lời khác, sau bèn chọc cho chúng Tăng buồn, kêu ông đến ông không đến, khi không kêu, ông lại đến, đáng đứng dậy không đứng dậy, đáng ngồi xuống mà ông lại đứng dậy, đáng nói mà ông nín, không đáng nói mà ông lại la lên.

Phật dạy chúng Tăng làm phép Yết Ma, chọc chúng Tăng buồn, mới hiệp hai việc này : "Nói lời khác và làm chọc buồn" mà vì kiết giới (*văn bạch Yết Ma như trong luật bổn đã dạy*).

Vọng là gì ? Tức là không đúng sự thật kia mà đối đáp vậy. Nói lời lạ là gì ? Tức là nói lời khác, nghĩa là khi các Tỳ Kheo như pháp hỏi, ông ấy quyết lòng không chịu, bèn đem chuyện khác mà trả lời : ông nói với ai, nói việc gì, nhẫn đến tôi không thấy tội. Nếu trước chúng Tăng chưa làm phép bạch hỏi các lời như thế, đều phạm Ác tác, nếu chúng Tăng làm phép bạch rồi, nói các lời khác như vậy, đều phạm tội Đọa.

Làm cho người khác tức giận là gì ? Nghĩa là cố tâm làm cho ông kia sinh tâm buồn, kêu đến không đến, không kêu bèn đến, nhẫn đến không đáng nói mà lại la lên. Nếu trước khi chưa làm phép bạch, mà chọc chúng Tăng buồn như thế, tất cả đều phạm Ác tác, nếu chúng Tăng đã làm phép bạch rồi, mà chọc chúng Tăng như thế, tất cả đều phạm tội Đọa. Nếu vị Thượng Tọa kêu đến mà ông không đến phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Nặng tai nghe không rõ, người kia nói láp đáp không rành câu chuyện, ông hỏi lại ông kia, giống như kiếm chuyện khác.

Nếu ông kia muốn làm phép Yết Ma phi pháp phi luật, muốn vì hai thầy thân hữu, làm phép Yết Ma không lợi ích, không cho ông hòa hiệp, kêu đến không đến, hoặc ông muốn biết lời dạy đó, bảo

đừng đến ông bèn đến, hoặc khi phải ngồi một chỗ mà ăn, hoặc ông bệnh, nghe kêu, đứng dậy đi, đáng lẽ ông phải thưa như vầy :

Thưa Đại đức cho phép tôi có nhân duyên như vậy (*bệnh*) nên không đi được. hoặc có các nạn sự. dạy ông đừng đi, ông bèn đi, hoặc có tâm ác hối v.v... Không cùng nói, hoặc chúng Tăng làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật không lợi ích, dạy ông đừng nói, ông bèn nói đủ thứ như vậy, tuồng như ông làm xúc não nhưng đều không phạm.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu trong chúng Tăng hỏi khác mà ông đáp khác, thì phạm tội Đọa. Trong đông người hoặc hai thầy Trưởng lão hỏi khác, đáp khác, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Luật Nhiếp nói : "Nếu đối với chúng Tăng và bậc tôn túc dạy xứng lý cho ta, tâm nhơ trái buồn, cũng phạm tội Đọa, dạy không xứng lý, ta nói lời trái buồn, phạm Ác tác".

Nếu sai làm Tri chúng, dùng tâm nhơ nhuốc, việc nên làm không làm, việc không nên làm mà làm, cũng phạm tội Đọa, không có tâm nhơ phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu khinh hai thầy và khinh giới mỗi lời phạm mỗi tội Đọa, khinh các Tỳ Kheo phạm Ác tác, nhẫn đến thầy dạy quét đất mà không quét, dạy quét xuôi gió, lại quét ngược gió, đều phạm Ác tác".

Căn Bản Luật nói : Nếu thầy Tỳ Kheo thấy người thợ săn rượt con nai v.v... chạy vào chùa, thợ

săn hỏi rằng : Ông có thấy con nai chạy ngang qua đây không ?

Không nên đáp rằng : Thấy. Nếu nhằm mùa lạnh, đáp rằng : Ông nên tạm vào thất này hơ lửa cho ấm, nếu nhằm mùa nóng, đáp rằng : Ông nên tạm vào đây uống nước cho mát, ngừng nghỉ một chút. Nếu thợ săn nói tôi không mệt mỏi, tôi hỏi con nai có chạy ngang qua đây không ?...

Trước mình nên xem móng tay, trả lời rằng : Tôi chỉ thấy móng tay, nếu hỏi nữa, nên xem trên hư không trả lời rằng : Tôi thấy hư không. Nếu thợ săn hỏi rằng : Tôi không hỏi móng tay và hư không, tôi chỉ hỏi loài hữu tình khá giết để ăn thịt có chạy ngang qua đây không ?...

Tỳ Kheo nên xem bốn phương tưởng như vầy : Ở trong thắng Nghĩa đế, tất cả các hạnh, vốn không hữu tình, liền trả lời : Tôi không thấy hữu tình, nói như vậy không phạm.

Giới thứ mười ba
CẤM TRÁCH MẮNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trách mắng phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như thiên thứ hai trong giới vô căn báng. Ông Ma La Tử bị chúng Tăng sai chia ngọa cụ cho chúng Tăng, và chia đồ ăn cho chúng Tăng, ông Từ Địa Tỳ Kheo ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe, chê trách rằng : ông Ma La Tử có

thương, có giận, có sợ, có si, chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Sau ở chỗ tai nghe mắt không thấy, mắng rằng : ông Ma La Tử, có thương, giận, sợ, si. Phật mới hiệp lại hai việc này kiết giới thêm.

a.- Trách là gì ? Nghĩa là lòng dạ không ưa mà oán ghét hủy mạ người hoặc mắng người trước mặt, hoặc mắng sau lưng, trong đây chỉ lấy cái nghĩa đối diện. Đối trước mặt là gì ? Chỗ chừng mắt thấy tai không nghe, mà nói có thương v.v...

b.- Mắng là gì ? Nghĩa là buông ra lời nói chẳng lành mà trách mắng người, hoặc mắng trước mặt, hoặc mắng sau lưng, trong đây lấy cái nghĩa mắng sau lưng. Mắng sau lưng là gì ? Chỗ chừng tai nghe mắt không thấy mà nói có thương, có giận v.v...

Thể thức phạm tội trong đây là như thế nào ? Hoặc đối trước mặt, hoặc đối sau lưng mà mắng, nói rõ ràng, phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu vị Thượng Tọa dạy mà ông trách mắng, hoặc ông lãnh lời dạy rồi trách mắng, phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Ông kia thật có sự ấy và sợ sau ăn năn đã muộn, nên nói cho ông như pháp phát lồ, chớ không phải mắng, hoặc nói giỡn cợt, nói một mình, nói trong chiêm bao, nói lầm v.v... (*xét ra trong Luật khác đồng nói : hiềm trách ông bị chúng Tăng sai, phạm tội Đọa, hiềm trách ông khác, phạm Ác tác*).

Giới thứ mười bốn
CẤM TRẢI NGỌA CỤ CỦA CHÚNG TĂNG RỒI KHÔNG CẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy giường dây, giường cây của chúng Tăng, hoặc đồ nằm, nệm ngồi, trải ở nơi đất trống, hoặc bảo người trải, bỏ đi, mình không cất, không bảo người cất, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Cấp Cô Độc, phái Thập thất quần Tỳ Kheo lấy tọa cụ của chúng Tăng, trải nơi đất trống, đi kinh hành, không thâu cất, bị gió thổi bụi đất lấm, trùng và chim mổ hư, nhơ nhớp không sạch, chư Tỳ Kheo thấy vậy bèn bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Lấy là gì ? Hoặc mình lấy, hoặc dạy người khác lấy.

Chúng Tăng là gì ? Nghĩa là 4 thầy Tỳ Kheo sắp lên. Trong đây là giường dây v.v... nghĩa là vật của chúng Tăng.

Vật chúng Tăng là gì ? Hoặc họ vì chúng Tăng sắm, chưa đem cúng cho chúng Tăng, hoặc thuộc về chúng Tăng, nghĩa là đã vào tay của chúng Tăng tức đã cúng cho chúng Tăng vậy.

Giường dây là gì ? Có 5 thứ, nghĩa là :

1.- Giường chân tiện
2.- Giường chân ngay
3.- Giường chân cong
4.- Giường buộc treo
5.- Giường không chân.

Giường cây cũng có 5 thứ như thế.

Ngọa cụ là gì ? Hoặc dùng để ngồi, hoặc dùng để nằm.

Nệm ngồi là gì ? Là cái dùng để ngồi.

Trải nơi đất trống là gì ? Là chỗ không có che lợp.

Trải ? Là để khắp vậy.

Bỏ đi ? Nghĩa là lìa chỗ ở, đi nơi khác.

Mình không cất ? Nghĩa là mình không thâu cất.

Không dạy người cất ? Nghĩa là không căn dặn người kia cất giùm, hoặc mình có duyên sự muốn đi, phải dặn bảo Tỳ Kheo cựu trụ hoặc dặn ông hay sửa sang nói rằng : Tôi nay có duyên sự muốn đi gấp, nhắc Đại đức giữ gìn, xem xét cất giùm, nếu không có ông nào hết, mình phải cất để chỗ khuất rồi đi, nếu không có chỗ khuất phải lấy cái tốt để ở dưới, rồi lấy cái xấu phủ lên trên rồi đi, nếu về liền được nên đi, hoặc đi mau, về mau không hư đồ, nên đi đại, hoặc mưa vừa vừa dầm mưa đi liều về kịp được, nên dầm mưa đi, mưa lâm râm về kịp được thì nên đi.

Thể thức phạm tội trong đây thế nào ? Nếu không làm phương tiện như trước mà đi, khi mới ra khỏi cửa, liền phạm tội Đọa, nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, ý muốn đi mà không đi, ăn năn lại, tất cả phạm Ác tác.

Hoặc hai người ngồi chung một giường, ông hạ tọa phải thu cất rồi đi, ông hạ tọa có ý nạnh hẹ, thì ông Thượng Tọa phải thâu cất, mà ông Thượng Tọa không thâu cất, ông hạ tọa phạm tội Đọa, Thượng Tọa cũng do sái oai nghi vậy, phạm tội Ác tác.

Ông Thượng Tọa có ý tưởng ông hạ tọa phải thâu cất, mà ông hạ tọa không cất ông Thượng Tọa phạm tội Đọa. Nếu hai người đồng tới một lượt, không đồng cất, hai người đều phạm tội Đọa.

Hoặc giường dây, giường cây, giường xích đu, hay là giường ngồi tắm, để trống, hoặc ngọa cụ, hoặc trải dưới đất, hoặc lấy dây buộc, nhợ gai, bỏ ngoài đất trống không thâu cất, bèn bỏ đi, đều phạm Ác tác. Nếu trải ngọa cụ của chúng Tăng ở nơi đất trống không thâu cất, mà vào phòng ngồi suy nghĩ (*ngồi thiền*), phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Dặn bảo rồi đi, như vậy mới được an ổn, còn đi liền về liền như trước, nên biết. Nếu gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, cho không cất, cứ đi. Ngoài ra những giường dư không v.v... phải thu cất rồi mới đi, nếu hai người chung ngồi, ông hạ tọa nên cất, hoặc khi luận pháp luật thua nhau ba lạp cho ngồi chung giường cây, thua nhau hai lạp, cho ngồi chung giường dây nhỏ, không nên hai người đồng ngủ một giường, trừ bệnh.

Không nên hai người đồng nằm đắp chung một mền, nếu không dư mền cho trải trên đất, riêng mỗi người lót khảm mà nằm. Trời lạnh chỉ có một cái

mền, cho mặc áo lót trong thân mỗi người, ngoài mới phủ trùm cái mền lên, trái đây phạm tội.

Phụ văn : Xét trong luật bổn, không cất vật của chúng Tăng, phải tội Đọa. Nếu vật riêng của mỗi người, hoặc vật của mình, không cất phạm Ác tác. Có dặn bảo người phải là Tỳ Kheo, các người khác không kham, nhưng có duyên sự thì cũng cho.

Bà Sa Luật : Ông Sa Di lớn trì giới giỏi cũng nên dặn bảo đó. Luật Nhiếp nói : Nếu không có Tỳ Kheo, nên kêu mượn ông Sa Di, chỗ đây không có Sa Di, nên dặn thí chủ gần, ông thí chủ cũng không có, nên xem bốn phương không có ai giấu chìa khóa cửa chỗ kín rồi mới đi. Nếu đi ở giữa đường, gặp thầy Tỳ Kheo ở một chỗ, phải chỉ chỗ giấu chìa khóa cửa, hoặc đi giữa đường trao cho người khác cất, khi về chùa rồi đầu hôm không cất, đợi đến mặt trời mọc, không hư mà cất, phạm Ác tác, nếu hư mà cất đó, phạm tội Đọa.

Có năm hạng người không nên dặn bảo :

1.- Người không biết hổ thẹn
2.- Người thù hiềm
3.- Người già yếu
4.- Người có bệnh
5.- Ông Sa Di.

Phàm y phục hay sở hữu của chúng Tăng, không nên lấy vật khác mà cúng thế đó, vì không hợp thọ dùng, dù vật thế kia cũng không phải vật rách nát. Nếu ngọa cụ của chúng Tăng dùng có hư rách đó, không nên không vá sửa, kia có chỗ rách

lủng, cần phải tu bổ vá lại, nếu đứt khúc đó, phải nối liền lại, nếu tu bổ không kham đó, xé nhỏ làm tim đèn, cho đến lấy nhét lỗ kẽ tường hở, cho thí chủ thêm phước.

Chư Tỳ Kheo khi nghe pháp ban đêm, không nên cho cô Ni và người tục, ông Sa Di đồng ngồi một chiếu, có nạn duyên không phạm. Ông không hạ không nên ngồi chung với ông có ba hạ, ông một hạ không nên ngồi chung với ông bốn hạ, ông hai hạ sắp lui, cùng với ông ba hạ đủ, đều cho đồng ngồi.

Hoặc nhà của người bạch y hẹp ? Tùy ông Thân giáo sư cho đồng ngồi không phạm, ở trên một giường cho ngồi ba người, hoặc cây khô lớn, cho ngồi hai người, cây vuông, cây vuông nhỏ chỉ ngồi một người, không nên chồng nhiều lớp cây khô mà ngồi.

Giới thứ mười lăm
CẤM TRẢI NGỌA CỤ TRONG PHÒNG CHÚNG TĂNG KHÔNG CẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trong phòng chúng Tăng, lấy ngọa cụ của chúng Tăng, hoặc mình trải hoặc bảo người trải, khi đi không cất, không bảo người cất, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Bấy giờ có ông khách Tỳ Kheo nói với ông Tỳ Kheo cựu trụ rằng : Tôi ở trong phòng chúng Tăng, lấy ngọa cụ chúng Tăng trải nằm ngủ, khi sau không cho người chủ hay bèn bỏ đi, ngọa cụ rã hư bị trùng cắn

bay màu, chư Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phòng chúng Tăng là gì ? Tức là chỗ chúng Tăng ở có thể chứa được 4 oai nghi vậy.

Ngọa cụ là gì ? Đồng giải như trước, hoặc trải giường, nệm, gối, cho đến miếng khảm lót nằm của chúng Tăng, khi đi phải cất, hoặc dặn rằng : giữ gìn gắm cất giùm tôi. Nếu không người mà cũng không sợ mất, phải dời giường cách vách một chút, kê chân lên, gối nệm để ở trong, lấy vải cũ phủ lên trên, nếu sợ hư rã, phải lấy ngọa cụ v.v... để y vô gói lại máng trên gác, dựng nghiêng giường lại rồi đi.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu không làm việc như trước mà đi, khi ra ngoài giới phạm tội Đọa. Một chân ở ngoài giới nhẫn đến hẹn đi mà không đi, đều phạm Ác tác. Hoặc không tính trở về, ngủ ở ngoài hai đêm, đến đêm thứ ba, trời hừng đông, trở về phòng không kịp, cũng chẳng sai người về gửi gắm giữ gìn vật đó, phải tội Đọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Thể thức không phạm là gì ? Làm việc thứ lớp như trước rồi đi, hoặc đi về liền, hoặc bị các nạn duyên về liền không được sai người về v.v... các việc nói trên, như giới trước.

Phụ văn : Thiện Kiến Luật nói : "Trải ngọa cụ trong phòng chúng Tăng nếu không có hàng rào ngăn cách, mình không dẹp cất đi xa chừng một lần đá quăng, thì phạm Ác tác, xa tới hai lần đá quăng thì phạm tội Đọa".

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu khi muốn đi, trong phòng đó phải rưới quét cho sạch, nệm gối phơi cho khô, nói với người chủ giường nệm hay biết. Nếu ngủ ở nhà người thế tục khi đi phải tỏ vẻ cám ơn, hoặc chiếu trải đó, khi đi phải hỏi, chiếu này phải để chỗ nào ? Tùy người chủ nói, thì để chỗ đó. Nếu chủ nói : ông đi đi, tôi sẽ dọn dẹp, phải xếp tém lại một góc, rồi mới đi.

Giới thứ mười sáu
CẤM CƯỠNG ĐOẠT CHỖ NGỦ NGHỈ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết chỗ Tỳ Kheo kia ở trước, đến sau cưỡng trải ngọa cụ chính giữa mà ngủ, lại nghĩ rằng nếu ông chê chật, thì sẽ lánh mình mà đi, nhân duyên như vậy không chi khác, không phải oai nghi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần và phái Thập thất quần đi đường tới làng đó không có Tỳ Kheo, phái Thập thất quần nói với phái Lục quần rằng ông là bậc Thượng Tọa chúng tôi, phải đi trước tìm chỗ ở. Phái Lục quần trả lời : các ông tự đi, tôi khỏi tìm chỗ ở.

Khi đó phái Thập thất quần bèn đi tìm chỗ trải ngọa cụ ngủ nghỉ, phái Lục quần đến sau, dự luận niên lạp theo thứ lớp bảo đứng dậy, ông kia không đứng dậy, bèn cưỡng chính giữa trải ngọa cụ ngủ nghỉ. phái Thập thất quần lớn tiếng : các tôn giả dừng làm như vậy. Chư Tỳ Kheo nghe bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết là gì ? Hoặc mình biết, hoặc người khác nói cho biết, rõ chẳng phải không biết vậy.

Chỗ Tỳ Kheo kia ở trước là gì ? Nghĩa là có Tỳ Kheo ở trong đó ngủ nghỉ rồi vậy.

Đến sau là gì ? Là Tỳ Kheo đến sau cậy thế ỷ mạnh nằm càn ngồi ngang.

Chính giữa là gì ? Hoặc trên đầu, hoặc dưới chân, hoặc hai bên hông.

Ngọa cụ là gì ? Trải bằng cỏ bằng lá, cho đến trải ngọa cụ trên đất.

Nghĩ rằng là gì ? Sinh tâm xấu, muốn cho ông kia lánh mình mà đi.

Ông kia nếu chê chật là gì ? Nghĩa là ông kia bị ép bức khổ sở không vui tự phải lánh mình đi.

Nhân duyên như vậy không có chi khác là gì ? Nghĩa là việc ỷ mạnh không tốt như trên, làm cho người phải tránh, chớ không chi khác.

Không phải oai nghi là gì ? Nghĩa là không phải việc của hàng Sa môn nên làm, nên phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Tùy nơi thân mình lăn trở, hông đụng giường phạm Ba Dật Đề. Bốn chúng kia đều phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không biết ông kia ở trước, hoặc nói rồi mới nghỉ, hoặc rộng rãi không ngăn ngại nhau, hoặc có người bạn cũ bảo trải ở

chính giữa đấy, hoặc có người bệnh ngã xiêu, hoặc người bắt nhốt các nạn v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu chỗ ở nhỏ, một Tỳ Kheo phải một căn, trải giường nệm, nếu ông đến sau, ngủ trên giường ông kia, ông đó là bậc Thượng Tọa phải nói rằng : Trưởng lão không biết đức Thế Tôn chế giới ra sao ư ?

Nếu đó là bậc hạ tọa phải quở trách : Ông quấy lắm, ông không biết đức Thế Tôn chế giới ra sao, ông đến sau, sao lại được ngủ trên giường ông khác ?...

Nếu Tỳ Kheo ở chỗ khác kinh hành nhiễu tháp Phật, Tỳ Kheo cựu trụ đến kinh hành, phải lánh đi, nếu làm nhiễu loạn ông thì phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni phạm Thô tội, ba chúng sau phạm Diệt Tỳ Ni, người thế tục phạm Diệt Tỳ Ni tâm hối.

Thập Tụng Luật nói : "Vì làm cho ông kia buồn, nên đóng cửa, mở cửa, hoặc đóng hướng này mở hướng khác, hoặc đốt lửa, tắt lửa, hoặc đốt đèn, tắt đèn..."

Phàm bài văn chú nguyện tụng kinh, hay nói pháp cùng vấn nạn, tùy nói việc cao quá. Ông kia không hiểu không vui đều phạm tội Đọa (*thuyết pháp bất đầu cơ*).

Luật Nhiếp nói : Nhà đi đại tiểu tiện, không tùy lớn nhỏ, người đến trước thì vào trước, chỗ rửa chân phải tùy lớn nhỏ. Đồ đạc của chúng Tăng nhẫn đến diệm nhuộm đồ, hễ người trước dùng, cũng phải đợi rồi, không nên tùy niên lạp lớn nhỏ,

rồi giặt lấy trước mà dùng, cũng không nên trong chậu để còn một chút nước nhuộm làm cho tâm trở ngại ông sau. khi đọc kinh, hay tụng kinh, ông đến trước phải ngồi trước, không nên tùy lớn nhỏ, làm cho ông kia phải dời đi, dao cạo tóc của chúng Tăng cạo rồi phải trả lại chỗ cũ, không nên trễ nãi, những việc này không y đây mà làm, đều phạm Ác tác.

Giới thứ mười bảy
CẤM KÉO ÔNG KHÁC RA KHỎI PHÒNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì giận không ưa Tỳ Kheo khác, Tỳ Kheo kia ở trong phòng của chúng Tăng, hoặc mình tự kéo, hoặc bảo người kéo ra, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phái Thập thất quần vào chùa rưới quét phòng nhà, trải ngọa cụ ngủ nghỉ, phái Lục quần đến sau vì giận không ưa, cưỡng kéo ông kia ra khỏi phòng, Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Kéo ra là gì ? Hoặc lấy tay kéo ra, hoặc đuổi ông tự ra, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc kéo nhiều ông ra nhiều cửa, phạm nhiều tội Đọa, nếu kéo nhiều người ra một cửa, phạm nhiều tội Đọa, nếu kéo một người ra một cửa phạm một tội Đọa, ra nhiều cửa phạm nhiều tội Đọa. Nếu đem vật ông kia quăng ra ngoài cửa hoặc đóng cửa bỏ ông kia ở ngoài, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không có tâm giận hờn, tùy thứ lớp phải ra, nếu đến đêm thứ ba, đuổi ông Sa Di ra, hoặc đuổi ông phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc ông bị tẩn, và ông đáng tẩn, hoặc do vì đây mà có phạm hạnh mạng nạn những người như vậy đuổi ra không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu đem những người không ưa đến ở chung trong phòng, muốn cho họ tự ra, hoặc ra hay không ra, đều phạm Ác tác".

Kéo bốn chúng kia ra, phạm Ác tác. Cô Ni kéo hai chúng trước ra phạm tội Đọa. Kéo ba chúng sau ra phạm Ác tác. Nếu kéo ông không biết tàm quý, và muốn hàng phục kẻ đệ tử, mà kéo ra thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc có Tỳ Kheo đó là người đấu tranh, hay làm cho chúng Tăng sinh việc đấu tranh, khi chúng Tăng đấu tranh rồi, thì làm cho chúng Tăng đấu tranh thêm lên, ông đó giới luật, kiến thức, phép tắc phần nhiều hư hỏng, những ông như thế giận kéo ra, nếu ta không có thiện tâm cũng phạm Ác tác".

Hoặc chỗ đó không phải phòng chúng Tăng, kéo thầy Tỳ Kheo thanh tịnh ra phạm Ác tác. Hoặc người phá giới, đại chúng phải đồng đuổi ra, hoặc sợ ông đánh lộn, phải làm cho ông sợ, cầm y bát phương tiện cho ông ra, hoặc đối trong môn đồ, hoặc đối với người khác, phải có tâm quở trách, và trừng răn cho ông kia dứt, thì kéo ra khỏi phòng, không phạm.

Song không nên đuổi ông ra khỏi chỗ ở, hoặc ông không có tội phá giới, nhưng toàn chúng nói cũng không được thì phải làm phép kéo bướng đặng bẻ dẹp đó, phải bảo người có trí, tới ông kia mở lời khuyên can, cho ông kia dứt niệm ác, mà đến sám tạ. Hoặc ông Sa Di không tâm cung kính, không được dạy bảo đó, hãy cho 6 vật rồi đuổi ra khỏi. Nếu ông Sa Di cho ta y cửu và y ngũ, cũng đuổi, không vị.

Nếu Tỳ Kheo ở chỗ rồng rắn đến nhiều và thường, phải khảy móng tay nói rằng : Hiền thủ ngươi phải đi xa đi, chớ làm não Tỳ Kheo. Nếu bảo rồi mà nó không đi, thì phải lấy vật mềm buộc kéo đi, đừng lấy những thứ dây bằng lông buộc, làm cho nó thương tổn. Đến chỗ lùm cỏ, vững vàng mở thả, đợi cho nó vào trong hang rồi, vậy sau mới bỏ đi.

Hoặc mình muốn bỏ bò chét, rận, rệp v.v... thì không nên tùy tiện bỏ dưới đất, phải để lên miếng bố trắng cũ, xem chừng lạnh nóng mà yên để đó. Đây nếu không có chỗ như thế, phải để trong kẽ tường, hay là nơi lỗ cột mặc dầu nó tự sống.

Tạp Sự nói : Loài bích sắc (*rận, rệp*) phải để trong cỏ xanh, nếu không chỗ như vậy, phải để chỗ mát mẻ, hoặc có thứ trùng khác, nên yên để chỗ thích hợp nó, phàm loài có mạng sống, không nên treo bỏ cho nó chết ngộp.

Luật bổn nói : Không nên ở chỗ nhiều người bắt rệp dưới đất, xưa có ông Tỳ Kheo già bệnh thường thường trỗi dậy bắt bỏ rận rệp coi bộ mệt

nhọc. Phật cho lấy nanh, sừng, tre, lau, sậy v.v... làm cái ống, bắt rệp bỏ trong ống, rệp có bò ra, cho làm cái nắp đậy lại, lấy dây buộc để dưới chân giường.

Có chỗ rằng : Không nên để trong ống lâu, cũng đừng để cho nó đói lạnh, phải đem ra nhằm chỗ thích hợp mà để. Nói phép kéo bướng đó, nghĩa là để tạm bợ, không cho nói chung, làm việc chung, ví như con ngựa dữ khó điều phục, tức là phải khớp cương và căng nọc mà đuổi bỏ đi.

Giới thứ mười tám
CẤM Ở TRÊN LẦU NGỒI GIƯỜNG SÚT CHÂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ở trên phòng lầu gác, hoặc ngồi nằm trên giường dây, giường cây sút chân, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó Tỳ Kheo ở trên lầu gác, giường sút chân ngồi không vững vàng, ván mỏng chân giường lọt, rớt xuống trúng Tỳ Kheo đương ở dưới lả thân chảy máu, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Phòng là gì ? Hoặc là phòng chúng Tăng, hoặc phòng riêng, tức là phòng trên lầu hai từng. Xét giới bổn trong bộ Da Xá dịch ra : chữ phòng không nói phòng trên hay phòng dưới.

Từng gác là gì ? Nghĩa là căn phòng ở trên gác hai từng, đứng khỏi đụng đầu. Xét ra gác này nhằm căn thứ ván mỏng và mục không chắc, hoặc làm gác bằng tre tầm vông vậy.

Giường sút chân là gì ? Tức là cái giường chân sút ra, giường sút chân gác mỏng không chắc, lại ngồi không vững vàng, lỗi do đấy sinh ra. Nếu giường đó sút chân, mà gác chắc thì không lỗi, gác không chắc, lấy chân để nhún nhẹ nhẹ, nếu ván có tách, đóng lại cho chắc, hoặc lấy cây chống, ấy cũng không lỗi, dù gác chắc, giường chắc cũng phải tề chỉnh. Song phép Tỳ Kheo đi đứng nằm ngồi, cần phải nhiếp tâm xem xét. Nếu lung lòng giỡn cợt tức thì phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Tùy hông sát giường, tùy có trăn trở, phạm tội Đọa. Trừ giường sút chân sẵn, hoặc ngồi giường chiếc, hoặc ngồi giường một tấm ván, hoặc giường tắm, tất cả đều phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội như trước.

Không phạm là gì ? Như ngồi giường chân tiện, giường chân ngay, giường chân cong, giường không chân, giường cây lớn, hoặc trên gác lót bít, hoặc giường để ngửa, hoặc giường đã sút chân v.v...

Giới thứ mười chín
CẤM ĐEM NƯỚC CÓ TRÙNG XỐI HỒ XỐI CỎ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết nước có trùng, hoặc mình đem xối hồ xối cỏ, hoặc bảo người xối, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự ở nước Câu Thiểm Di, ông Xiển Đà xây nhà lớn, dùng nước có trùng trộn hồ, hoặc dạy người trộn. Phật nhân đó kiết giới cấm.

Biết là gì ? Hoặc mình xem biết, hoặc người khác nói mình biết.

Nước là gì ? Là nước sông, nước ao, nước giếng, nhẫn đến các loại nước dấm v.v...

Trùng là gì ? Là loại trùng nước, mắt thấy được, hoặc lược rồi mà còn thấy.

Xối là gì ? Là rưới vậy, khác tên chớ cũng là dùng, dùng có trong ngoài.

Trong là gì ? Nghĩa là thuộc về nước ăn uống; ngoài, nghĩa là dùng để xối rưới rửa ráy, giặt nhuộm, tắm gội. Trong giới đây vì nước dùng ở ngoài nên cấm, còn nước dùng ở trong, như giới sau có cấm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Biết nước có trùng, dùng xối hồ xối cỏ, hoặc lấy cỏ đất quăng bỏ trong đấy, đều phạm tội Đọa. Nước có trùng, nghi và nước không trùng tưởng có trùng, hoặc nghi, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Không biết nước có trùng, tưởng kia không trùng hoặc trùng lớn, lấy tay quậy nước cho nó dang đi, hoặc có lược nước rưới đất v.v...

Phụ văn : Nếu xét trong Ngũ Phần, và trong Thuyết Nhất Thế Hữu Bộ : nước có trùng mà nghi thì mắc Bổn tội (*tức là tội Ba Dật Đề*), với bộ Căn bản thì không đồng, còn bao nhiêu giới khác, nghi thì mắc tội, sánh theo đây nên biết.

Thập Tụng Luật nói : "Tùy trùng chết mấy con, phạm mấy tội Đọa".

Căn Bản Luật nói : "Nước sông, nước ao, phần nhiều có trùng, cá, các Tỳ Kheo cố tâm sát, quyết đi trong nước kia đạp trùng chết, đều phạm tội Đọa, không chết phạm Ác tác, ở chỗ nào nước có trùng, đắp đừng cho lở, sợ trùng ở dưới bờ chết, phạm tội đồng như trước".

Luật Nhiếp nói : "Dẫu nước không trùng cũng không nên hất bỏ, phạm Ác tác. Phải rải tan ra, hoặc đem tới lỗ đưa cao chừng cánh chỏ, nghiêng mình đổ đó".

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu Tỳ Kheo sắm sửa làm phòng nhà thất kín, khi dùng nước, hoặc nước sông, nước ao, nước giếng, lược sẵn vào mái cho đầy, coi kỹ không trùng, vậy sau mới dùng".

Nếu để lâu sinh trùng, phải lược lọc lại, xem cho kỹ, nếu cũng sinh trùng thì lược cho đến lần thứ ba, nếu nước đó lược để lâu sinh trùng nữa phải đem đổ lại trong giếng, xem cho chín chắn như trước, nếu nước cũ còn sinh trùng nữa, thì phải bỏ công việc làm phòng nhà đó đi đến chỗ khác ở. Trùng sinh không chừng, hoặc trước không có, sau rồi mới sinh, hoặc trước có trùng sau lại hết, cho nên Tỳ Kheo mỗi ngày phải chín chắn quan sát, không trùng mới nên dùng.

Bà Sa Luật nói : "Muốn ở chỗ đó, trước phải xem nước lấy lụa trắng cho thật nhuyễn may bàn lược một lớp, bảo ông trì giới chín chắn lược nước,

nước lược rồi đổ vào mái, đợi mặt trời soi vào coi cho thật kỹ, nếu nước cũ có trùng, phải làm bàn lược ba lớp, ba lớp lược còn sinh trùng nữa, thì chỗ này không nên ở".

Phàm sát sinh cũng có nguyên nhân :

1.- Vì lòng tham lông, sừng, da, thịt mà sát.

2.- Có tâm oán ghét giận hờn mà sát.

3.- Không có tâm vì việc tham lợi và sân hại mà sát. Đó gọi là ngu si sát. (*đây dùng nước có trùng chính là người ngu si sát sinh vậy*).

Giới thứ hai mươi
CẤM LỢP NHÀ QUÁ BA LỚP

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm phòng nhà lớn, cửa sổ, cửa song, và các món trang sức, chỉ dạy lợp nhà chừng hai ba lớp thôi, nếu quá phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Ông kia khởi tâm làm phòng lớn, lợp còn dư tranh, lại lợp chồng thêm quá ba lớp không thôi, nhà ấy bèn sập hư. Các Cư sĩ thấy chê cười, chư Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Làm là gì ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người khác làm.

Phòng nhà lớn là gì ? Nghĩa là làm quá cỡ, và dùng nhiều vật.

Cánh cửa là gì ? Trung Hoa dịch là hộ phiến.

Cửa sổ là gì ? Vách tường khai lỗ cho lọt ánh sáng.

Các món trang sức là gì ? Là chạm khắc vẽ vời các thứ trau dồi tốt đẹp. Xét phong tục bên Tây quốc làm nhà cửa, đài quán ngạch cửa cao bằng đầu người, vách tường xây trộn bằng hồ vôi, trên nóc lợp bằng ngói in hoặc bằng tranh, hay là bằng rơm, cửa sổ trên vách tường làm bằng cây có vẽ vời chạm trổ nhiều cách lạ để trau dồi.

Chỉ bảo ? Cũng như dạy bảo.

Che lợp ? Tức lợp nhà, có hai thứ : lợp xuôi và lợp ngang.

Chừng hai, ba là gì ? Nghĩa là lợp chừng hai, ba lớp là vừa rồi.

Nếu quá là gì ? Tức là vượt bỏ hạn lượng, cho nên phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu dạy lợp hai lớp rồi, lớp thứ ba chưa rồi, sẽ bỏ đi cho xa chỗ mắt không thấy tai không nghe, nếu ở trễ lợp lớp thứ ba rồi, phạm tội Đọa. Nếu đi đến chỗ đó không nghe mà còn thấy, hoặc không thấy, mà còn nghe, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Lợp lớp thứ ba chưa rồi, bỏ đi đến chỗ không thấy không nghe, nếu bị nạn trắc trở đi không được thì không phạm.

Phụ văn : Xét trong Bổn bộ, cùng trong Thập Tụng Luật : thì lợp lớp thứ ba rồi bỏ đi không phạm. Bộ khác nói : lợp đến lớp thứ tư rồi mới thành phạm.

Căn Bản Luật nói : "Nếu khi khởi làm nhà gạch, phải trộn hồ nhão, bắt đầu xây nền dưới đất, tức là sáng khởi chân tường phải xây hai ba lớp gạch giáp vòng chân nền, nếu quá ba lớp phạm tội Đọa. Phải xây bằng gạch hầm và đá, cừ. Hoặc như người thí chủ muốn mau thành, tuy xây quá số lớp, cũng đều không phạm".

Nhân đây nói rõ phép phòng xá. Khi đó có Tỳ Kheo đắp y bày vai hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, chúng con sẽ ở đâu và làm phòng xá ngọa cụ bằng cách nào ?

Phật dạy : Cho ở A Lan Nhã, hoặc dưới gốc cây, hoặc phòng trống, hoặc cốc và hang núi, hoặc ngoài chỗ đất trống, kết cỏ trải bên đám cỏ tranh, bên rừng, bên gò mả, bên nước, hoặc lót cỏ, lót lá cây, hoặc người đàn việt vì chúng Tăng làm nhà đại giảng đường lầu gác và các thứ phòng cho làm.

Tỳ Kheo muốn làm phòng để cần dùng, tất cả đều cho đó, cho đóng giường, cho sắm nệm, may gối tròn, gối vuông, gối ba góc, cho làm cửa, then cửa, cánh cửa, ống khóa, cho làm cửa kéo đóng bằng song nhỏ, cây cài cửa ngang, cây song hồng, ngạch gác ngang, có ông Sa Di còn nhỏ ở trong phòng, cũng phải ngăn riêng, cho đóng giường lớn, giường nhỏ, giường ngồi riêng, dùng ván thì cho ván lót dưới đất, cho làm cái nhà Bố tát lớn, khi Bố tát đông người, phải lót giường dài, kết tòa bằng cỏ, hoặc lót tòa cỏ trên đất, hoặc kết tòa bằng lá cây.

Cho làm cái nhà kinh hành dài, nếu có Tỳ Kheo già yếu bệnh hoạn, cho buộc dây hai đầu, lần dây mà đi kinh hành, lâu ngày có lở tay, cho làm ống bằng giấy, hoặc bằng ống tre, xỏ vô dây mà đi kinh hành, đi kinh hành có mỏi mệt, cho để hai cái giường hai đầu. Phải làm riêng chỗ rửa chân.

Trong đất chùa cho đào ao, trên cất rạp che, bốn phía làm lan can. Cho làm nhà để nước riêng. Tỳ Kheo có bệnh, không nên ở trên lầu gác và ở trong phòng lớn, phải làm thất nhỏ ở riêng, để cái bô và ống nhổ, hoặc có trâu dê vào chùa, cho làm rào ngăn, lấy cây cưa ra làm trụ, hai miếng cây đồng óp lại làm lan can. Cho đào mương chung quanh cho nước chảy thông, hoặc đào giếng, nên đóng lan can chung quanh giếng, trên miệng giếng làm nắp đậy. Cho ở chỗ khuất bên nhà làm nhà tắm, phải làm kiếng cửa mở ra, trên phải khai lỗ thông hơi. Nên làm giường tắm phải lấy gạch đá lót đất cho bằng.

Phải làm cái nhà riêng để y khậu, và một cái nhà để nước nóng, một cái để củi, khi vào nhà tắm phải thứ lớp mà ngồi, không nên tắm chung với người bạch y, nếu thiệt người hay khâm khen Tam Bảo thì cho tắm. Cho bốn thứ che ngăn mà tắm, hoặc bằng vách tường, che bằng cây, che bằng cỏ, che bằng nước (*lu nước*).

Khi ta tắm, có bệnh lạnh nên làm nhà hơ lửa riêng, trong để lò lửa, không nên vẽ hình tượng của con trai, con gái trau dồi nhà cửa, cho dùng các thứ

màu, vẽ hình cầm thú (*việc vẽ vời trau dồi nhà cửa ở trong mục Tiêu Thích có nói đủ*).

Không nên trọn đời cứ sửa sang ở trong phòng mình, nếu làm nhà lầu tốt cao lớn, cho làm trải đến 12 năm, trong 6 năm đầu phải lợp cho xong, còn lại cửa nẻo v.v... tùy lượng lớn nhỏ mà làm. Tỳ Kheo sửa sang không nên tất cả thời lãnh sửa phòng cho chúng Tăng, cho ba tháng hạ mãn rồi, tùy vị Thượng Tọa phân cắt.

Không nên lãnh sửa phòng mỗi chỗ khác, phải 90 ngày ở một chỗ. Người làm việc không nên ở trong chúng đông người. Nếu ở, không nên làm việc ít mà đòi phòng tri sự.

Khi kiết hạ an cư lãnh phòng làm việc rồi, không được lại lãnh phòng khác nữa. Tức là lấy cái phòng mình ở, làm cái phòng an cư. Nếu phòng chúng Tăng cũ hư, có ông Cư sĩ khác nói : cho tôi đi, tôi sẽ vì chúng Tăng sửa sang lại. Cho chúng Tăng bạch nhị Yết Ma cho Tỳ Kheo làm việc, Tăng chưa chia phòng cho ông, nhưng ông trước khi có việc ra đi, phải dặn người lãnh giùm, phải chia rành rẽ, lãnh giùm cái phòng chỗ nào đó. Không nên chứa đồ của người bạch y, như là lưỡi cày, cào cỏ. Không nên làm cái giường bằng sành, cái dạ bằng sành, cái thăng bằng sành, cái ô, cái hộp cũng vậy.

Ngũ Phần Luật nói : "Không cho mua ruộng, nhà, phố xá. Có thí chủ cúng, cho chúng Tăng thọ, nhưng bảo tịnh nhân biết v.v..."

Giới thứ hai mươi mốt
CẤM TỰ MÌNH ĐI GIÁO GIỚI CHO CÔ NI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, chúng Tăng không sai, đi giáo giới cho Tỳ Kheo Ni, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Cấp Cô Độc, cô Tỳ Kheo Ni tên Đại Ái Đạo, xin Phật cho các Tỳ Kheo đi thuyết pháp dạy bảo cho các cô Ni. Phật ra lệnh cho ông A Nan tùy theo thứ lớp mà sai các vị Thượng Tọa đi thuyết pháp dạy bảo cô Ni. Khi đó nhằm phiên Tôn giả Bàn Đà đi, song Tôn giả chỉ thuộc có một bài kệ, khi đến chùa các cô Ni ba phen thỉnh, mà ngài ba phen cũng chỉ lập lại một bài kệ. Khi ngài đọc bài kệ lần thứ ba rồi ngài nhập vào đệ tứ thiền, các cô Ni La Hán kia rất vui mừng, chỉ có bọn Lục quần Ni bèn sinh tâm kiêu ngạo và hủy báng. Tôn giả liền thăng lên hư không hiện các thần thông nói pháp rồi bay đi.

Lúc ấy phái Lục quần Tỳ Kheo tự đi giáo giới, bèn nói việc khác, không nói chính pháp, chỉ bàn luận những việc thế tục. Phái Lục quần Ni rất vui vẻ, cô Ni Đại Ái Đạo đến bạch Phật. Phật bảo chư Tỳ Kheo, từ nay sắp về sau, phải bạch nhị Yết Ma, do trong chúng Tăng sai, mới được đi dạy bảo cô Ni.

Khi đó có phái Lục quần ra ngoài giới, thay nhau sai đi, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật dạy : Ông đi giáo giới cho các cô Ni, phải có đủ 10 pháp, rồi nhân đó Phật liền kiết giới cấm. *(Mười pháp là gì ? Đồng giải như trước, trong sáu pháp phương tiện đã chép).*

Chúng Tăng là gì ? Là những vị đồng y một giới, đồng làm một phép Yết Ma.

Không sai là gì ? Là chúng Tăng không bạch nhị Yết Ma sai đi vậy.

Giáo giới là gì ? Nghĩa là do 8 pháp này không nên trái, mới hứa dạy bảo đó.

1) Cô Ni trăm tuổi, thấy thầy Tỳ Kheo mới thọ giới, phải đứng dậy tiếp rước, hỏi han lễ bái mời ngồi.

2) Không được chê mắng thầy Tỳ Kheo.

3) Không được cử tội thầy Tỳ Kheo, hay là làm cho ông nhớ, tưởng, tự trị lấy ông, không được ngăn ông tìm tội, ngăn tụng giới, ngăn tự tứ, và chỉ tội lỗi. Tỳ Kheo được chỉ tội lỗi của cô Ni.

4) Phải tới chúng Tỳ Kheo Tăng cầu xin thọ đại giới.

5) Nếu có phạm tội Tăng tàng, phải ở trong hai bộ Tăng nửa tháng hành pháp ở riêng.

6) Nửa tháng phải tới chúng Tỳ Kheo Tăng cầu một vị day bảo.

7) Không nên ở chỗ không Tỳ Kheo mà kiết hạ an cư.

8) Khi an cư phải đến trong chúng Tỳ Kheo Tăng, cầu ba việc thấy, nghe, nghi mà tự tứ.

Tám pháp như vậy phải tôn trọng, vâng thờ tán thán, trọn đời không nên trái phạm (*cũng gọi là pháp bát kính*).

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu chúng Tăng không sai, hoặc không phải ngày đi dạy bảo mà đi, nói pháp bát kính phạm Ác tác, nói các pháp khác phạm tội Đọa. Nếu chúng Tăng sai đi, phải hẹn giờ đến, cô Ni cũng hẹn giờ rước, hẹn mà không đến phạm Ác tác, đến mà cô Ni không rước, cũng phạm Ác tác, cô Ni phải ra ngoài nửa do tuần rước, cùng các món cần dùng, không vậy thì phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Như trước chúng Tăng có sai đi, nếu có các nạn ngăn trở, không đúng với thời khắc mà đến.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu không có phép chúng Tăng sai giáo giới cô Ni, mà nói mỗi lời phạm mỗi tội Đọa. Còn giáo giới cho cô Thức Xoa Ma Na, hay cô Sa Di Ni, thì đều phạm Ác tác".

Nếu chúng Tăng không sai, vì muốn dạy bảo, vào chỗ cô Ni ở, tùy vào nhiều ít, mỗi bước phạm mỗi tội Đọa. Nếu một chân vào cửa, phạm Ác tác. Trừ Tỳ Kheo Ni có bệnh.

Thiện Kiến Luật nói : Có 8 pháp, kham đi giáo giới cho các cô Ni.

1) Ông trì giới không phạm.
2) Ông giữ gìn tạng luật, và tu pháp tối thượng thừa.

3) Ông oai nghi cụ túc, không nuôi sống bằng các tà mạng, không đến năm chỗ.
4) Ông đó thấy tội nhỏ sinh lòng sợ.
5) Ông đó bèn giữ tâm không lui sụt.
6) Ông đa văn
7) Ông đa văn kiên cố.
8) Ông nói pháp rành rẽ.

Trước giữa và sau đều lành. Ròng một tâm thanh bạch phạm hạnh được hoàn toàn, chính kiến không tà vạy, tụng làu hai bộ giới, chữ nghĩa rành rẽ, tiếng nói thanh tao, nên cô Ni chánh quý trọng, khéo hậu tùy thuận nói pháp. Nhưng trước không nói pháp bát kính, mà nói pháp khác, phạm Ác tác.

Tăng Kỳ Luật nói : Giáo giới cô Ni, không nên ở đến mặt trời lặn, cũng không nên đi đến khi mặt trời chưa mọc, không nên ở chỗ khuất lấp, không nên ở chỗ trống trải, tức phải ở chỗ không khuất không trống, hoặc nhà giảng đường, hoặc dưới gốc cây.

Không nên ngày 14, ngày rằm và đầu tháng, ngày mùng một, mùng hai, mùng ba; phải bắt đầu từ ngày mùng bốn cho đến ngày 13 nên đi giáo giới, không nên giáo giới mà chúng Ni không hòa hiệp.

Khi đến rồi, phải hỏi chúng Tỳ Kheo Ni hòa hiệp chăng ?...

Nếu đáp : Hòa hiệp, phải sai một cô kêu đến, nếu đến không được, chỉ cho dự dục giáo giới, không nên giáo giới thiên lệch, có ý muốn theo mình,

không nên nói nhiều ông giáo giới, hoặc nói tạng luật, hoặc nói tạng luận.

Căn Bản Luật nói : Giáo giới nghĩa là đem giới, định, huệ, ba pháp học mà dạy bảo đó, **không đến 5 chỗ :** cha, mẹ, thân giáo sư, quỷ phạm sư và người bệnh, năm chỗ đó thường phải cúng dường vậy.

Giới thứ hai mươi hai
CẤM DẠY BẢO CÔ NI ĐẾN MẶT TRỜI LẶN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vì Tăng sai bảo dạy Tỳ Kheo Ni, trễ đến mặt trời lặn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi ấy Tôn giả Nan Đà vì Tăng sai dạy bảo chúng Ni, nhưng Tôn giả Nan Đà có tiếng tốt khi nói pháp chúng Ni vui nghe, bèn quên đến mặt trời lặn, các cô Ni ra khỏi rừng Kỳ Hoàn vào thành, thì cửa thành đã đóng, phải nương ngủ bên hào thành, sáng ra mở cửa thì các cô đã vào thành trước hết. Các ông Trưởng giả thấy chê cười, nói mấy cô ngủ chung với các Tỳ Kheo. Phật nhân đây liền kiết giới cấm. (*Ông Nan Đà này chẳng phải là em Phật*).

Vì chúng Tăng sai ? Là trong chúng Tăng, bạch nhị Yết Ma mà sai.

Cho đến mặt trời lặn ? Là mặt trời khuất về hướng Tây, giờ sắp vào đêm, không phải giờ dạy bảo, nếu giáo giới như vậy gọi là phi thời.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc dạy bảo đến mặt trời lặn, phạm tội Đọa, trừ

dạy bảo như là dạy kinh, dạy tụng kinh, duyên thưa hỏi, hoặc dạy việc khác, cần phải ở đến tối, phạm Ác tác, trừ Tỳ Kheo Ni, nếu vì người phụ nữ khác, dạy kinh cho đến dạy việc khác đến mặt trời lặn cũng phạm Ác tác.

Mặt trời lặn tưởng là mặt trời lặn, phạm tội Đọa, mặt trời lặn mà nghi và tưởng mặt trời chưa lặn, nếu mặt trời chưa lặn tưởng mặt trời lặn và nghi đều phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Khi nói pháp mặt trời chưa lặn bèn thôi hoặc nói pháp ở nơi bến ghe thuyền cô Ni đồng nghe với một người khách buôn, nói pháp ban đêm, hoặc đến chùa cô Ni nói pháp, hoặc ngày tụng giới, mấy cô Ni đến thỉnh thầy dạy bảo, gặp nói pháp, bèn cho quý cô nghe, đến mặt trời lặn không phạm.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Tuy phải thời, song, hoặc các Ni đứng, hoặc lại công việc lăng xăng chưa dứt, hoặc thân có ngăn ngại mà phải nói pháp đó, cũng là phi thời. Hoặc thí chủ có bổn ý thỉnh vị pháp sư nói pháp luôn ban đêm, hoặc chùa cô Ni ngang gần cửa thành, hoặc cửa thành không đóng, hoặc chùa mấy cô Ni ở trong thành, hoặc các cô Ni tạm ở nhà Cư sĩ, như vậy đều không phạm".

Giới thứ hai mươi ba
CẤM CHÊ NÓI ÔNG KIA ĐI DẠY CÁC CÔ NI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nói các Tỳ Kheo kia rằng : Các Tỳ Kheo vì cớ ăn uống nên đi dạy bảo Tỳ Kheo Ni, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Bấy giờ chúng Tỳ Kheo Ni nghe vị giáo thọ sư dạy bảo, đi ra nửa do tuần đón rước, sắp đặt phòng xá, sắm sửa cơm nước, sàng tòa và chỗ tắm rửa. Phái Lục quần không được chúng Tăng sai, bèn sinh tâm tật đố nói : các Tỳ Kheo đó không chân thật, cũng vì cớ ăn uống mới đi dạy bảo cô Ni, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Dấy lời nói như vậy ? Tức là lời nói chê bai.

Ăn uống là gì ? Nghĩa là ăn chính, hay là không chính, tóm mà nói là, một món ăn trong Tứ thánh chủng[1] vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu nói các Tỳ Kheo vì cớ ăn uống mới đi dạy bảo các cô Ni, vì cớ ăn uống mới dạy mấy cô tụng kinh, dạy truyền giới. Nói mà rõ ràng đều phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Sự kia thật vậy cho đến nói trong giấc chiêm bao, hoặc nói lầm v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu nói vì cớ thuốc men đó, phạm Diệt Tỳ Ni.

Ngũ Phần Luật nói : Nếu vì cớ cúng dường nên đi dạy bảo Tỳ Kheo Ni và ba chúng sau phạm Đột Kiết La. Nếu nói các Tỳ Kheo hành mười hai hạnh đầu đà, ngồi thiền, tụng kinh làm các việc công đức,

---

[1] *1. Ẩm thực. 2.- Y phục. 3. Ngọa cụ. 4. Y dược, cũng gọi là đoạn ác tu thiện.*

cũng đều vì có lợi cúng dường, nếu nói mỗi lời, phạm mỗi tội Đột Kiết La.

Giới thứ hai mươi bốn
CẤM CHO Y CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cho y cô Tỳ Kheo Ni không phải bà con, phạm Ba Dật Đề. Trừ đổi chác nhau.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong thành có một thầy Tỳ Kheo đi khất thực oai nghi cụ túc, cô Ni xem thấy, mời ngài mỗi bữa đến dùng cơm, ngài không dám thọ. Tỳ Kheo ấy sau được một cái y chia, muốn đáp lại ơn người mời trước, nhưng ý tưởng có lẽ chắc cô kia không thọ, bèn đem cho, nào ngờ đâu cô Ni kia thọ đó, Tỳ Kheo ấy thường thường đến người trách móc cô Ni kia, các Tỳ Kheo nghe bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Không phải bà con là gì ? Là người không phải trong thân họ hàng ruột thịt, nên không để tâm nghĩ tưởng, coi Tỳ Kheo đó, có y hay không rồi mới thọ.

Y là gì ? Là 10 món như đã kể trước.

Trừ đổi chác nhau là sao ? Nghĩa là hai bên đồng đổi qua lại không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Cho y cô Ni không bà con, phạm tội Đọa. Bốn chúng kia cho người không bà con, phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cho cô Ni bà con, và đổi nhau.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Nếu cho y cô Ni bà con tà kiến phá giới, phạm Ác tác. Cho y hai người nữ kia, không bà con, phạm Ác tác. Nếu vì người làm việc sửa sang có công nghiệp hoặc vì người hay nói kinh pháp, hoặc vì người hay tụng giới kinh, cho y đều không phạm.

Căn Bản Luật nói : Nếu thấy người bị nạn mất hết y phục đem cho, hoặc nhân người nói pháp, hoặc người thọ giới cho đó thì không phạm.

Giới thứ hai mươi lăm
CẤM MAY Y CHO CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo may y cô Tỳ Kheo Ni không bà con, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó có cô Ni muốn may đại y, đem đến chùa Tăng mượn, ông Ca Lưu Đà Di bèn lãnh may giùm, ông bèn thêu hai cái hình nam nữ ôm nhau. Cô Ni đó đến, ông xếp y lại trao cho cô Ni, dặn rằng : Cái y này không nên quấy mở ra xem, cũng đừng bày cho ai thấy, hoặc đến khi bạch chúng, phải mặc đứng sau Ni chúng. Cô Ni kia y lời dạy, đến thời mặc y đó đi sau hết. Khi ấy, các Cư sĩ thấy vỗ tay cười lớn, các cô Ni xét biết bạch chư Tỳ Kheo, chư Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Không bà con là gì ? Là do người không bà con, thì không có tâm ái hộ, mới có tổn giảm làm việc không lợi ích.

May ? Có nghĩa là may cắt giặt nhuộm vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? May y cho cô Ni không bà con, tùy cắt ra nhiều ít, tùy may chừng một mũi kim, cũng phạm tội Đọa. Hoặc mặc vô xem, nắm, chằng, hong sửa, rờ rẫm nắm góc, kéo ngay, kết một miếng vải, hoặc viền, hoặc kết chỉ, hoặc nối chỉ, tất cả đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Vì chúng Tăng, vì tháp may, mượn đắp giặt nhuộm ủi sửa trả lại cho người chủ.

Ngũ Phần Luật nói : "Khi lãnh vải thì phạm Ác tác".

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN BẢY).

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN TÁM

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ hai mươi sáu
CẤM CÙNG CÔ NI NGỒI CHỖ KHUẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng cô Ni ngồi chung chỗ khuất, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó ông Ca Lưu Đà Di đến chỗ cô Tỳ Kheo Ni Thâu Lan Nan Đà, ngồi chung một chỗ ngoài cửa. Cư sĩ thấy chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Ngồi chung là gì ? Nghĩa là một ông thầy và một cô Ni ngồi chung vậy.

Chỗ khuất là sao ? Là chỗ có che khuất, đã giải trong giới "Bất định" trước.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc ngồi chung với cô Ni chỗ khuất, phạm tội Đọa, đứng ngay đó, phạm Ác tác. Nếu đui mà không điếc, hoặc điếc mà không đui, phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Có bạn hữu ở gần, hoặc con đường phải đi qua, hoặc bệnh xỉu nằm dưới đất v.v...

Phụ văn : Xét Căn Bản bộ : "Dẫu oai nghi cụ túc đi nữa, cũng phạm tội Đọa".

Tát Bà Đa Luận nói : "Đứng dậy rồi lại ngồi nữa, tùy ngồi bao nhiêu lần, phạm bấy nhiêu tội Đọa". Hoặc ngồi chung với hai người nữ kia (*Sa Di Ni Thức Xoa*) ở chỗ khuất cũng phạm tội Đọa.

Giới thứ hai mươi bảy
CẤM ĐI CHUNG VỚI CÔ NI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo Ni hẹn nhau đi chung một đường, từ làng này đến làng khác, phạm Ba Dật Đề. Trừ khi khác, khi khác đó là : khi đi chung với người hành khách hoặc đi chỗ có nghi sợ, đó gọi là khi khác.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần Tỳ Kheo cùng phái Lục quần Ni, đi du lịch trong nhân gian, các ông Cư sĩ thấy chê trách, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Sau các Tỳ Kheo đi giữa đường xảy gặp nhau sợ phạm không dám đi chung. Phật nói : "Không hẹn trước không phạm". Khi đó Tăng Ni hai chúng đều muốn đến nước Tỳ Xá Ly, sợ không dám đi chung, các cô Ni đi sau xa, bị giặc cướp bắt, do đó mà Phật mở cho câu : "Trừ khi khác" là đây vậy.

Hẹn là gì ? Là kết bạn hẹn đi đến chỗ nào vậy.

Đi chung một đường là sao ? Rõ chẳng phải đi đường khác.

Đường là gì ? Nghĩa là trong làng, thành, ấp, có chia ra từng ngã đi rộng rãi nên gọi là đường.

Đi là chi ? Là đồng bước chân đi.

Từ làng này đến làng khác ? Là đi từ tụ lạc này qua tụ lạc khác, đường này qua đường nọ vậy.

Trừ khi khác là gì ? Nghĩa là ở trong nạn duyên, có người khách buôn đi chung không phạm.

Chỗ có nghi sợ là gì ? Như trong giới ba mươi việc đã giải thích.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc hẹn với cô Ni đi, cho đến ranh giới trong làng, tùy chúng nhiều ít, và giới hạn bao nhiêu mỗi chỗ phạm tội Đọa, hoặc đi chỗ vắng không làng, cho đến 10 dặm, phạm tội Đọa. Hoặc thiếu một làng, hay thiếu 10 dặm, hoặc trong đó làng nhiều, đường đi trong một giới, hoặc phương tiện muốn đi, hẹn nhau sửa soạn, tất cả phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Vì thế lực bắt buộc hay nạn duyên...

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu không hẹn mà tình cờ đi chung một đường, phải dạy đi cách nhau xa một tiếng kêu không nghe, nếu đi chung nói tiếng nghe được, phạm Ác tác". Nếu đi chung với hai người nữ kia, tính đi chung đường cũng đồng phạm tội như đi với cô Tỳ Kheo Ni vậy.

Cô Ni kia đi chung với Tỳ Kheo phạm tội Đột Kiết La.

Luật Nhiếp nói : Phàm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni khi sắp đi, dự trước một ngày, phải bạch hai thầy (*nhị sư*). Tôi nay có việc đi đến làng xóm kia cho hay không, tùy thầy, con không dám trái nghịch.

Nếu không có hai thầy phải bạch với vị Thượng Tọa, các món và ngọa cụ dặn người giữ giùm. Có ông thù nghịch không nên đi chung, nếu có nhân duyên đi chung với nhau, phải sám hối nhau rồi cho đi chung.

Phàm khi đi đường, phải nói lời pháp ngữ, đừng buông ra lời quái lạ, hoặc tín niệm Phật, đừng cho tâm tán loạn, hoặc đến miễu thờ Thiên thần ta tụng bài kệ kinh Phật, đờn chỉ mà đi, nếu có đi giữa đường khi tạm nghỉ, hoặc đến nơi ao giếng, những chỗ múc nước, cũng phải tụng bài kệ Dà Đà, tới chỗ nghỉ ngơi cũng tụng kinh Tam khải *(kinh Vô thường)*.

Đồ ăn của cô Ni, thầy Tỳ Kheo mang giùm, nếu đến khi ăn, cô Ni cũng đem cho đồ, rủi Tỳ Kheo bệnh nặng, phải đồng khiêng, nếu thiếu người khiêng, cô Ni khiêng giúp cũng được.

Nếu đến làng xóm, tùy bệnh muốn dùng vật chi, hoặc tìm xin thuốc thang, hoặc thời khất thực, mượn người coi chừng đồ đạc, đem cơm về chia cho. Nếu cô Ni có bệnh, lệ theo đây nên biết. Kệ Dà đà : như chỗ khác đã giải.

Thập Tụng Luật nói : Nếu có chỗ nghi sợ, y và cơm của cô Ni, thầy Tỳ Kheo nên lấy đem đi đến

chỗ yên ổn, nên trả lại nói rằng : Chị em, các chị tùy ý không nên đi chung nữa, nếu còn đi chung, đến một làng xóm, thì phạm tội Đọa".

Giới thứ hai mươi tám
CẤM ĐI CHUNG VỚI CÔ NI MỘT THUYỀN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng Tỳ Kheo Ni hẹn đi chung một thuyền hoặc xuôi nước, ngược nước, phạm Ba Dật Đề. Trừ đi đò ngang qua sông.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phật chế giới không nên đi chung một thuyền. Khi ấy hai chúng Tăng Ni đều muốn đi đò ngang qua sông Hằng do vì không được đi chung một thuyền, các cô Ni bèn ở lại sau, gặp trời mưa lớn, nước sông tràn lên, ghe chèo qua không kịp, các cô Ni phải ngủ trên bờ, đêm đó bị giặc cướp bắt, cho nên Phật mở cho câu : "Trừ đi ngang qua sông vậy".

Hẹn đi chung một thuyền là gì ? Là ước hẹn với nhau chở chung một thuyền.

Ngược nước là sao ? Là nghịch dòng nước chảy.

Xuôi nước là chi ? Là thuận dòng nước chảy.

Trừ đi ngang qua sông là gì ? Là từ bờ bên này, thẳng qua bờ bên kia, không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Cùng cô Ni hẹn đi một thuyền, xuôi nước hay ngược nước, nếu khi bước vào thuyền rồi, thì phạm tội Đọa, hoặc bước một chân trên thuyền, hoặc phương

tiện muốn bước vào thuyền mà không vào, hoặc hẹn nhau sửa soạn đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia mắc tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Không hẹn nhau, hoặc khi đi ngang qua sông, tài công không đưa ngược nước, hoặc bị các nạn v.v...

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Cùng hai người nữ kia hẹn nhau chở chung một thuyền, cũng đồng phạm như cô Ni vậy". Tỳ Kheo Ni tính chở chung với một thuyền Tỳ Kheo Tăng phạm Đột Kiết La.

Căn Bản Luật nói : "Hoặc chèo và bánh lái gẫy, tùy theo dòng nước trôi đi, hoặc tránh bãi cồn, hoặc tài công không chịu đưa qua như thế không phạm".

Giới thứ hai mươi chín
CẤM NHỜ CÔ NI KHEN ĐƯỢC ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo Ni vì nhân duyên giáo hóa khen ngợi, được đồ ăn uống, phạm Ba Dật Đề. Trừ thí chủ có để ý trước.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong thành có một vị Cư sĩ, thỉnh ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên đến nhà cúng dường cơm nước, có Tỳ Kheo Ni Thâu Lan Nan Đà trước đến nhà Cư sĩ kia hủy báng hai Tôn giả đó là người hạ tiện, khen ông Điều Đạt và năm ông kia (*phái Lục quần*) là rồng trong các loài rồng.

Trong khi nói chuyện thì hai Tôn giả kia đến, cô liền trở lời rằng : "Rồng trong các rồng đã đến". Đoạn hai vị Tôn giả ăn xong, trở về bạch Phật, Phật bèn quở trách ông Điều Đạt và bè đảng của ông, vì sai cô Ni đi khuyến hóa được được ăn, nhân đó Phật liền kiết giới cấm.

Sau các Tỳ Kheo, không biết có người đi khuyến hóa hay không khuyến hóa mới được ăn. Phật nói : "Không biết thì không phạm". Khi ấy trong thành Vương Xá có ông đại Trưởng giả, là người quen biết của ông Lê Sư Đạt Tôn giả nghĩ rằng : Nếu các Tôn giả đi đến thành này, tôi sẽ vì cớ quý Tôn giả mới đến lần đầu mà cúng dường cho chúng Tăng.

Sau khi ông Tôn giả đến thành, cô Ni ở trong nhà Trưởng giả nghe Tôn giả đến, bèn đi báo tin cho Trưởng giả hay, nhân đó liền thiết trai cúng dường, thỉnh ông Tôn giả và chúng Tăng.

Khi đó ông Lê Sư Đạt hỏi ra mới biết nhân duyên, cô Ni báo tin, bèn không dám thọ thực. Phật nói : Người thí chủ trước có để ý, thì không phạm. Do đây Phật ghi thêm câu : "Trừ đàn việt trước có để ý".

Khâm khen dạy bảo : Nghĩa là khen cái đức tốt quá phần, nói Tỳ Kheo này tu 12 hạnh đầu đà, cũng là vị pháp sư đa văn trì luật, ngồi thiền, nếu cúng dường cho ngài, thì được phước báo thù thắng do đây mà tán dương khuyến hóa người đàn việt cho họ sinh lòng tín kính, mà làm việc huệ thí vậy.

Nhân duyên ? Chính là do việc giáo hóa, bày biểu đó mà được ăn, không phải việc chi khác.

Được ăn mỗi miếng ? Ăn : Nghĩa là thí chủ cúng cho các món ăn như cơm, bún, bánh, trái, sữa đặc, sữa tươi, canh rau v.v...

Hạ thực ? Nghĩa là ăn ngốn nghiến nhai nuốt (*ăn cách hà tiện*).

Trừ người thí chủ có ý trước : Là thí chủ trước có nghĩ, thỉnh Tỳ Kheo ấy, cô Ni kia sau tuy có khâm khen được ăn cũng không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Tỳ Kheo kia biết nhờ cô Ni dạy bảo mà được ăn, nuốt mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa, được các thứ cúng như y, đèn, dầu v.v... đều phạm Ác tác.

Giáo hóa, tưởng giáo hóa phạm tội Đọa, giáo hóa nghi và không giáo hóa, tưởng giáo hóa và nghi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

Không phạm là gì ? Cô Ni là người thí chủ, hoặc thí chủ mượn cô Ni sắm sửa giùm v.v...

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu vì nhân duyên bốn chúng kia khâm khen mà được ăn, phạm Ác tác".

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu không tâm tà vạy tán thán công đức, chỉ nói công đức bố thí hàng Sa môn, bố thí thì được phước báo rất lớn, ăn đó không phạm".

Luật Nhiếp nói : "Cứ như thật mà tán thán công đức, không có tâm bợ nịnh dối giả, hoặc nhà

chính tín hoặc nhà bà con, dù biết tán thán ăn đó cũng không phạm".

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu có tán thán như thế mà được ăn, phải triển chuyển đổi đồ ăn cho ông khác, không nên bỏ đồ ăn mà đi, nếu ông ngồi ngang không sạch, không thích đổi đó, phải tâm tưởng như vầy :

Cơm trong bát này, chính của Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) cho, tôi sẽ ăn không tội.

Giới thứ ba mươi
CẤM CÙNG NGƯỜI PHỤ NỮ ĐI CHUNG MỘT ĐƯỜNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cùng người phụ nữ hẹn nhau đồng đi một đường, cho đến trong làng, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi ấy, ông Tôn giả A Na Luật đi đường, gặp nàng dâu cùng mẹ chồng kình cãi nhau, nàng dâu muốn về nhà cha mẹ ruột, bèn đi theo ông Tôn giả, lúc ấy người chồng theo kịp, tưởng Tôn giả dụ vợ nó trốn đi, bèn đánh Tôn giả gần chết. Tôn giả liền trụt xuống bên đường ngồi kiết già, nhập vào định Hỏa quang tam muội, người chồng kia bèn phát thiện tâm, chờ Tôn giả xả định rồi đảnh lễ xin sám hối. Tôn giả vì người ấy nói pháp mầu, rồi đi, về chùa thuật lại cho các Tỳ Kheo nghe. Các Tỳ Kheo đem vụ này bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Thể thức phạm tội nặng nhẹ trong đây, có phạm không phạm đồng giải như giới "cùng cô Ni đi chung", đây chỉ khác là người nữ thế gian, nên không giải thêm, bốn chúng kia phạm Đột Kiết La.

Căn Bản Luật nói : "Nếu người kia mượn người nữ dẫn đường giùm, hoặc quên đường người nữ dắt chỉ không phạm". Trong Căn Bản bộ nói : "Đó là không có người nam đồng bạn nên phạm".

Giới thứ ba mươi mốt
CẤM THỌ QUÁ MỘT BỮA ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo có chỗ thí một bữa ăn, Tỳ Kheo không bệnh nên thọ một bữa ăn, nếu thọ quá phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó tại nước Câu Tát La có một làng không chúng Tăng ở, có ông Cư sĩ vì chúng Tăng làm chỗ ở và thường cung cấp cơm nước, những vị ở trong đây chỉ cho ăn một bữa. Phái Lục quần đến ở đó được bữa cơm rất ngon, vì cớ tham nhiễm, ở đến đêm thứ hai không chịu đi ý muốn được bữa cơm ăn thường thường. Cư sĩ biết nên chê cười, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Khi đó ông Xá Lợi Phất đi đến chỗ kia bị bệnh, sợ ở nán lại phạm giới, phải đỡ đem đi, bệnh phát thêm nhiều, do đây mà Phật ghi thêm câu : "Nếu không bệnh".

Cúng là gì ? Nghĩa là cung cấp các món cần dùng.

Chỗ cúng một bữa ăn là sao ? Là chỗ kia chỉ cúng có một bữa ăn, hay một đêm ngủ nhờ thôi, chớ không được thường bữa vậy.

Nói ăn đó là gì ? Là thời ăn chính vậy.

Không bệnh là chi ? Tức là thân tứ đại điều hòa không các chứng đau khổ, nếu thân có bệnh, không thể đi đứng, đau đớn khó chịu, không được an ổn, đó là bệnh vậy.

Phải ăn một bữa là gì ? Là chính phải thọ bữa ăn mà người đã định cúng, không được mong thêm bữa nữa.

Nếu thọ quá là sao ? Nghĩa là thọ bữa ăn thứ hai tức là quá, phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu không bệnh, ở chỗ kia một đêm thọ đồ ăn quá nhiều, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Còn thọ thêm các vật cúng như là y, đèn dầu v.v... phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Nếu Cư sĩ ân cần thỉnh ở lại cúng nhiều ngày hoặc thí chủ thứ lớp thỉnh ăn. Ngày nay ăn của ông này, ngày mai thọ của ông khác, hoặc bị nạn ngăn trở..

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu quá một đêm không ăn phạm Ác tác. Nếu ngủ chỗ khác, ăn trong chỗ này cũng phạm tội Đọa. Ông bệnh cho đến từ một làng trở lại đi cũng không nổi, thân có lở lói ít lắm, như tre quào cũng gọi là bệnh.

Giới thứ ba mươi hai
CẤM LẦN LƯỢT ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lần lượt ăn, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác, tức là thời bệnh, thời thí y, đó gọi là thời khác.*

CHÚ GIẢI : Bấy giờ Phật cầu chư Tỳ Kheo đi dạo trong nhân gian. Có ông Sa Nâu dòng Bà La Môn, chở theo 500 cỗ xe đồ ăn uống trải qua từ mùa Đông cho đến mùa Hạ, đi theo đức Thế Tôn, ông chờ ngày nào họ không cúng dường Phật thì ngày đó ông thiết cúng mà lại không có ngày nào hở được.

Ông đến thưa với ông A Nan bạch giùm với Phật rằng : Tôi muốn đem đồ ăn uống đây rải ra khắp mặt đất cho Phật và chúng Tăng đi qua, tức là Phật và đại chúng đã thị sự cúng dường của tôi rồi vậy.

Đức A Nan nghe thế đến bạch Phật, Phật nói : dạy ông nấu cháo, và làm bánh, cúng dường cho chúng Tăng.

Khi ấy nước Tần Đầu, các ông Cư sĩ nghe Phật cho chúng Tăng ăn cháo và bánh, đều rất vui mừng, các ông làm bánh ngon, cháo đặc dâng cúng, có một ông quan Đại thần thiếu đức tin thấy Phật và chúng Tăng được cúng dường nhiều, biết ắt có phước điền bèn sắm cơm ngon thỉnh chúng Tăng, song chúng Tăng trước ăn cháo đặc hãy còn no, nên không ăn được nhiều, quan Đại thần trách, vì thế Phật cấm không cho ăn cháo đặc, do vì chưa kiết

giới. Cháo đặc : Tức là lấy cỏ, rẽ nó ra không nhiếp lại.

Khi ấy trong thành Vương Xá, có ông Nhạc sư thiếu đức tin sắm món ngon thỉnh Phật và chúng Tăng cúng dường, mà chúng Tăng trước đã ăn cơm, bánh, bún v.v... còn no, nên không ăn nhiều được, ông Nhạc sư chê trách. Phật nhân đó ghi vào Giới bổn : "Không cho ăn lắt nhắt"

Khi đó các Tỳ Kheo bệnh họ thỉnh cho ăn, mà không nói dự lời tùy bệnh ăn và uống thuốc. Hoặc có dự lời tùy bệnh ăn và uống thuốc, sợ né không dám ăn e phạm tội ăn lắt nhắt.

Phật mở cho Tỳ Kheo bệnh được ăn lắt nhắt, khi đó có ông Cư sĩ thỉnh Phật và chúng Tăng, lại có ông Cư sĩ khác cũng muốn thỉnh Phật và chúng Tăng dâng cơm và y. Các Tỳ Kheo sợ tránh không dám thọ thỉnh, sau đến bạch Phật, Phật lại mở thêm cho thời dâng y, cho ăn lắt nhắt. Phật ghi thêm vào Giới bổn câu : "Trừ thời khác" là đây vậy.

Ăn lắt nhắt là gì ? Cũng gọi là ăn hoài hoài, nghĩa là thọ nhà này thỉnh ăn rồi, lại thọ ăn ở nhà khác nữa. Thỉnh có hai cách : 1.- Thỉnh chúng Tăng thứ lớp. 2.- Thỉnh riêng.

Đồ ăn là gì ? Là cơm, bánh, bún, trái v.v...

Trừ thời khác là gì ? Là thời Phật hứa cho.

Thời bệnh là chi ? Là thân có bệnh, không thể ngồi ăn một lần mà no được.

Thời dâng y là sao ? Là thời Tự tứ họ dâng y thường, được 5 điều lợi một tháng, hay là dâng y công đức, được hưởng 5 điều lợi trong 5 tháng, hay thời khác là thời dâng cơm mà có dâng y nữa.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Nếu thí chủ cúng cái chăn tắm, các cái áo cánh, hoặc tiền v.v... đem cho, lấy tiền đó vừa đủ sắm y thôi". Căn Bản Luật nói : "Cho đến khi khăn lau mặt, quần dài, thọ đó đều không phạm".

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc ngày nay có nhiều người thỉnh ăn, mình phải thọ thỉnh một người, còn bao nhiêu phải nhường lại cho chúng Tăng. Nói lời như vầy : "Trưởng lão, tôi mắc đến chứng chỗ kia, nay xin cúng dường cho ngài". Nếu không xả cái thỉnh của ông trước, mà thọ thỉnh của ông sau, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Trái lại không xả người thỉnh sau mà thọ ông thỉnh trước ăn mỗi miếng phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La.

(*Nếu cô Tỳ Kheo Ni, trước thọ thỉnh ăn no rồi, người sau mời ăn nữa, tuy còn giờ ngọ cũng phạm tội Đọa*).

Không phạm là gì ? Nếu thỉnh dâng món ăn phi thời, hoặc ăn chưa no hoặc không người thỉnh ăn, hoặc ăn rồi được cơm nữa, hoặc thọ một chỗ có ăn trước ăn sau (*nửa ngọ trước nửa ngọ sau*)

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu chúng Tăng sai hoặc ăn ở phòng riêng, hoặc người Cư sĩ

đến ngày thọ Bát quan trai thiết cúng dường, hoặc bữa ăn thường không phạm".

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : "Hoặc trước thọ dâng cơm, sau thọ có dâng cơm và y, không phạm". Thí chủ nói với Tỳ Kheo rằng : "Mời ngài đến nhà tôi sẽ dâng cơm và y, ăn không phạm". Thí chủ nói : Đấy là bữa cơm giữa, các chỗ ăn tùy ý ăn, ăn cũng không phạm". Trừ bốn món ăn chính thức: 1.- Cơm. 2.- Đậu bắp mè. 3.- Bún. 4.- Bánh, tùy ăn bao nhiêu không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Nếu ở một nhà, hoặc ở trong chùa hay ở A Lan Nhã, muốn tìm món ăn mập béo, hoặc ưa ăn ngon mà thường ăn, phạm Ác tác. Hoặc có tâm khinh lờn, hoặc ôm lòng kiêu dối không ăn cũng phạm Ác tác".

Thập Tụng Luật nói : "Phật cho phép Tỳ Kheo ngày lễ được ăn lắt nhắt". Tỳ Kheo bệnh không được thọ hai lần thỉnh, hoặc một chỗ thỉnh ăn không no, thì nên thọ hai chỗ, không nên thọ chỗ thứ ba, nếu thọ hai chỗ không no, được thọ ba chỗ, không nên thọ bốn chỗ, nếu thọ ba chỗ cũng không no, cho thọ bốn chỗ lần lần đi ăn cho đến đúng ngọ.

Trong Thập Tụng Luật lời tựa nói : Ông A Nan trước thọ ông kia thỉnh, đến thời lại quên, đi theo Phật thọ vua thỉnh, khi để đồ ăn vào miệng nhớ biết có hai chỗ thỉnh, mà quên cho ông khác một chỗ, nên không dám nhả cơm ra vì cung kính Phật, mà cũng không dám nuốt vì giữ giới. Phật biết ông A Nan có tâm hối hận, nên bảo ông A Nan tâm tưởng

cho ông kia rồi ăn. Có 5 hạng người tâm tưởng dự ăn : 1.- Người ngồi thiền. 2.- Người ở riêng. 3.- Người đi xa. 4.- Người đau lâu. 5.- Gặp mùa đói khát, nương ở nhà bà con. Ngoài ra đều không cho ăn riêng.

Xét trong Căn Bản bộ : thời làm việc, thời đi đường, cũng cho ăn thường thường.

Giới thứ ba mươi ba
CẤM ĂN RIÊNG CHÚNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ăn riêng chúng, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác là : thời bệnh, thời may y, thời dâng y, thời đi đường, thời đi ghe, thời đại chúng nhóm, thời Sa môn dâng cơm, đó là thời khác.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, ông Điều Đạt, xúi người hại Phật, lại xúi vua A Xà Thế giết cha, danh ác đồn khắp, phần lợi dưỡng bặt dứt, ông cùng năm người đi mỗi nhà khất thực, Phật lại chế giới cấm "không cho ăn riêng chúng".

Khi đó có Tỳ Kheo bệnh, sợ không dám ăn riêng chúng. Phật dạy : "Cho Tỳ Kheo bệnh được ăn riêng chúng". Lúc Tự tứ rồi trong tháng Ca Đề (*từ 16 tháng 7 đến 15 tháng 8*), Tỳ Kheo sắm y, các ông Cư sĩ nghĩ chúng Tăng mệt nhọc, đến thỉnh dâng cơm, Tỳ Kheo không dám thọ. Phật dạy : "Cho thời sắm y được thọ ăn riêng chúng". Lại khi đó có ông Cư sĩ muốn dâng cơm và y đến thỉnh, các Tỳ Kheo không dám thọ. Phật dạy : "Cho thọ thời dâng y được ăn riêng chúng".

Khi đó có các Tỳ Kheo cùng nhiều ông Cư sĩ đồng đi đường hiểm. Cư sĩ dâng cơm. Tỳ Kheo không dám thọ bèn vào trong làng khất thực, đi sau không kịp bạn, nên bị giặc cướp giật. Phật dạy : "Nếu đi đường hiểm, cho thọ ăn riêng chúng, cho ông Cư sĩ đi chung thuyền cũng vậy".

Lúc ấy đông nhiều Tỳ Kheo đi đến một làng nhỏ, các ông Cư sĩ nghĩ rằng : Chúng Tỳ Kheo đông nhiều mà làng thì hẹp, nay chúng Tăng đồng nấu ăn, thì rất mệt nhọc, vậy mình phải cúng dường, các Tỳ Kheo không dám thọ, Phật dạy : "Cho khi đại chúng nhóm, được ăn riêng chúng".

Khi ấy người chị của vua Bình Sa Vương muốn đi xuất gia làm Sa môn trong phái ngoại đạo. Nhân vì các vị Sa môn thiết đãi cơm thỉnh luôn các vị Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo đều không dám thọ. Phật dạy : "Cho thời Sa môn thí thực được ăn riêng chúng". Vì các duyên như thế, nên Phật chế thêm câu : "Trừ thời khác vậy".

Ăn riêng chúng là gì ? Nghĩa là từ bốn Tỳ Kheo trở lên, ăn riêng một chỗ khác.

Ăn là món chính như là : cơm, bún, bánh v.v...

Bệnh là nhẫn đến gót chân trặc trẹo, cũng gọi là bệnh.

Thời may y ? Là ngày Tự tứ rồi một tháng hay là năm tháng, may y cho đến một mũi kim sắp lên.

Thời thí y : Đồng giải như trước.

Đi đường : Cho đến nửa do tuần, hoặc đi hay về, đi đường cũng thế.

Đại chúng nhóm là gì ? Đông nhiều Tỳ Kheo nhóm họp, nhẫn đến đồ ăn đủ 4 người, thêm một người nữa phải lo, đó cũng gọi đông người ăn không đủ, nên tùy người đàn việt chia thỉnh, ăn riêng không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc vì pháp sự, hoặc vì duyên khác, chúng Tăng nhóm hội rất ít lắm là 4 ông Tỳ Kheo cựu trụ và 4 ông khách Tỳ Kheo gọi là đại chúng, mặc dù chúng nhóm nhưng món ăn dễ được, nên không cho ăn riêng chúng".

Sa môn thí thực là gì ? Sa môn : đây gọi là cần lao, cũng nói : Cần hành, trong văn đây nói Sa môn đó là không phải hàng Sa môn Thích tử của Phật.

Nguyên bên nước Tây quốc, những kẻ ngoại đạo đi xuất gia có 96 phái cũng kêu là Sa môn, họ lấy sự nhọc thân cầu đạo. Các phái ngoại đạo như trên thiết cúng dường, hoặc do người xuất gia trong phái ngoại đạo kia thỉnh ăn, cũng gọi là Sa môn thí thực.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu Tỳ Kheo không nhân duyên chi mà ăn riêng chúng, thì phải bạch rằng : "Tôi ở trong giới ăn riêng chúng đây", không nhân duyên chi muốn xin đi, mà tôi muốn xin đi. Hoặc hai, ba người tùy ý ăn hoặc bốn người hay quá bốn người thì nên chia ra làm hai bộ thay nhau mà vào ăn.

Hoặc Tỳ Kheo có nhân duyên ăn riêng chúng, muốn vào thì liền phải đứng dậy bạch rằng : - Tôi có nhân duyên ăn riêng chúng muốn xin vào, cho tùy vị Thượng Tọa thứ lớp vào ăn – Nếu không nhân duyên ăn riêng chúng ăn mỗi miếng phạm tội Đọa. Nếu có nhân duyên mà không xin, ăn đó phạm Ác tác. – Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Không đủ 4 người, hoặc 4 người thay nhau ăn thì không phạm.

Phụ văn : Thiện Kiến Luật nói : Ăn riêng chúng có hai hạng :

1.- Có thỉnh. 2.- Đi khất thực : Như một ông Cư sĩ tới chỗ 4 thầy Tỳ Kheo, do chính giờ ăn thỉnh rằng : Xin Đại đức thọ món này, đó gọi là thỉnh, nếu thọ một thời, ăn một chỗ 4 thầy đồng phạm tội, hoặc thọ thỉnh một lần rồi đi riêng, hoặc mỗi người thọ, mỗi người ăn không tội. Hoặc thỉnh riêng, đi riêng đến nhà Cư sĩ thọ ăn một thời phạm tội. Đó gọi là thọ thỉnh phạm tội. Và tới người xin phạm tội là gì ?

Như bốn thầy Tỳ Kheo khất thực, gặp ông Cư sĩ nói rằng : Cho chúng tôi 4 người ăn, hoặc đi chung hoặc đi riêng mà thọ ăn một thời, thì phạm tội, đó là tới xin người phạm tội. Hoặc thỉnh 4 thầy có một thầy hiểu pháp muốn ăn chung sợ phạm, liền dùng phương tiện khi dâng cơm che bát không thọ. Cư sĩ hỏi rằng : Vì sao không thọ ?... Đáp : Chỉ cho ba vị kia ăn đi, vì tôi muốn chú nguyện. Ba

người kia ăn rồi sau ông thọ ăn thì không phạm. Nếu thỉnh dâng cơm, đến nhà dâng cháo thì không phạm.

Thập Tụng Luật nói : Do có hai việc lợi, nên ngăn ăn riêng chúng :

1.- Vì lòng thương xót người thí chủ theo hộ.

2.- Muốn phá các việc ác của thầy Tỳ Kheo dùng thế lực (*như Điều Đạt nương A Xà Thế*).

Nếu 3 thầy Tỳ Kheo ăn riêng một chỗ, thầy thứ tư lấy phần ăn thì không phạm. Hoặc đi bộ hay đi ghe, ngày mai tới, ngày nay ăn, hoặc ngày mai đi, ngày nay ăn đều phạm tội Đọa.

Căn Bản Luật nói : "Nếu ba người ăn, một người không ăn, hoặc ba người ăn no, một người không no, ăn đều không phạm". Hoặc lấy cơm trao cho ông kia, cho đến một thìa muối. Hoặc một đũa rau cho chỗ chúng kia ăn đều không phạm.

Hoặc thí chủ nói : Những vị vào đây tôi đều cho ăn, hoặc thí chủ làm phòng riêng để cúng dường và những vị ở trong phòng tôi, tôi đều dâng cho ăn, đó cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Nếu 4 thầy Tỳ Kheo ở trong một giới, một ông ăn riêng, cũng gọi là ăn riêng chúng". Nếu trong bốn thầy, có một thầy khai duyên có, hoặc rồi ăn chung với chúng, hoặc ăn riêng một mình cũng đều không phạm.

Tát Bà Đa Luận nói : Nếu khi ăn vật của thường trụ Tăng thì phải làm 4 món tướng :

1.- Đánh kiền chùy. 2.- Thổi ốc. 3.- Đánh trống. 4.- Lớn tiếng kêu, cho người trong giới nghe biết.

Là 4 món tướng ấy, tùy làm một món, đừng cho tán loạn, không thành pháp Tăng. Nếu không làm tướng, mà ăn gọi là ăn trộm vật của thường trụ chớ không gọi là tội ăn riêng chúng.

Nếu làm 4 tướng rồi ăn, dầu cho trong giới có các Tỳ Kheo hay không Tỳ Kheo, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc biết có Tỳ Kheo hay không Tỳ Kheo, hoặc tới hay không tới, theo lệ thường công khai đừng giấu, tất cả đều không lỗi.

Nếu có người ngăn cản, tuy đánh kiền chùy, ăn cũng không thanh tịnh gọi là ăn trộm vật của thường trụ Tăng.

Hoặc trong đại giới có hai, ba chỗ đều có thỉ và chung hai Tăng kỳ (*chùa*) đồng nhóm lại một chỗ Bố tát (*nghĩa là trong một đại giới có hai chùa phải nhóm lại một chùa để làm phép Bố tát*). Nếu khi ăn cũng đánh kiền chùy, tất cả đều không giấu, thanh tịnh không lỗi.

Nếu thí chủ thỉnh 4 thầy sắp lên, ở trong giới Bố tát ăn, chính chỗ Bố tát, thỉnh mỗi thầy trong hàng Tăng thứ hoặc dâng mỗi phần ăn, nếu không vậy, thì phạm tội Đọa. Hoặc hai ba chỗ cũng như vậy. Hoặc mỗi chỗ đến ngày Bố tát, trong chúng thỉnh một vị hoặc đưa một phần ăn thì thanh tịnh. Tùy chỗ nào không thỉnh một người trong chúng Tăng và không đưa một phần ăn thì phạm tội Đọa.

Dầu thỉnh dầu đưa, ngoài có Tỳ Kheo chỗ khác đến hoặc giấu không cho ăn phạm tội Đọa.

Hoặc trong giới ở làng xóm, tuy không có giới chúng Tăng, dầu hai người thí chủ thỉnh 4 thầy sắp lên trong hai chỗ ăn phải đánh kiền chùy, hay chỗ thỉnh lẫn một người, hoặc đưa một phần ăn, hoặc có Tỳ Kheo khác, phải như pháp vào cho đến một người cũng phải dâng cho ăn, không như vậy thì phạm tội Đọa.

Hoặc khi chúng Tăng ăn, ỷ mình làm Duy Na lấy vật của thường trụ, riêng làm đồ ngon béo, 4 người ăn, 4 người tuy ở hai chỗ, không phạm tội riêng chúng, nhưng chỉ ăn vật không thanh tịnh.

Phàm như ăn riêng chúng, đều là ăn cơm của người đàn việt, hoặc ăn của thường trụ, tất cả đều không phạm tội riêng chúng, nhưng ăn vật của thường trụ bất hợp pháp, ăn không thanh tịnh, phạm nhiều tội ăn trộm.

Nếu trong nhà người thí chủ, thỉnh 4 ông sắp lên ăn, tuy có đánh kiền chùy, nếu thí chủ ngăn đó, biết một thầy Tỳ Kheo không được ăn đó đều phạm tội Đọa.

Giới Nhân Duyên kinh nói : Bà Tỳ Xá Khư riêng thỉnh Phật và 500 vị La hán đãi cơm. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi ông A Nan : Vả như trong chúng đây có một thầy Tỳ Kheo hỏi, cho đi không ?...

Ông A Nan đáp rằng : "Bạch không".

Phật nói : Thương thay cho bà Tỳ Xá Khư, không được chút phước, vì sao ?... Một thầy Tỳ Kheo không được ăn, một chúng có được ăn phước báo rất to. mà mắc quả báo cũng to. Nếu trong chúng Tỳ Kheo không nói, thì riêng trong chúng hội đi đây cũng phạm tội Đọa.

Có chỗ giải rằng : Xét ý trong kinh luận, nếu có thí chủ muốn riêng thỉnh hàng Đại đức, Tỳ Kheo trí thức, phải dạy thỉnh hết chúng Tăng, nếu không thỉnh hết được, cho đến thỉnh một ông trong chúng, tùy chúng Tăng thứ lớp sai đi thọ thỉnh tức là không có cái lỗi ăn riêng chúng vậy.

Giới thứ ba mươi bốn
CẤM THỌ QUÁ BA BÁT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đến nhà Cư sĩ thỉnh cúng dường cơm, bánh, lỏ, nếu Tỳ Kheo muốn dùng, nên thọ chừng hai ba bát, đem về chùa chia cho chúng Tăng, nếu Tỳ Kheo không bệnh thọ quá ba bát đem về chùa không chia cho chúng Tăng ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Cấp Cô Độc, khi đó có vợ ông Cư sĩ đi về nhà cha mẹ ruột, chồng cô sai người qua kêu về, đã sắm sửa cơm áo lên đường ngặt vì có các Tỳ Kheo đến nhà, nên cô bèn lấy đồ ăn đó dâng cho các Tỳ Kheo, rồi lại đi sắm cơm áo khác, trong khi chậm trễ cô chưa về, thì người chồng ở nhà đã cưới vợ khác. Lại có các Tỳ Kheo khất thực nữa, khất lần đến nhà ông lái buôn, ông này tin kính Phật pháp, ông bèn đem lương ăn để đi đường, cúng hết cho chúng Tăng, ông vào

trong thành để sắm cơm lương khác, thì các người bạn ông đã đi xa, ông ở lại đi sau không kịp, giữa đường bị ăn cướp giật. Phật nhân hai việc đấy liền kiết giới cấm.

Khi đó có Tỳ Kheo bệnh, không dám thọ cơm quá, Phật bèn kiết thêm giới mở cho ông có bệnh được thọ quá (*ba bát*) mà không phạm.

Đến : Nghĩa là nhà Cư sĩ, hay nói chỗ người thỉnh.

Nhà Cư sĩ : Hoặc nhà 5 chúng xuất gia, tùy chỗ được y, nhuộm cho hoại sắc thọ dùng. Hoặc kẻ nam nữ tại gia, không luận tùy được thời mặc. Lại nữa, tâm người đời phần nhiều ưa mặc đồ trắng nên gọi là bạch y.

Thỉnh : Là mở lời kính thỉnh.

Cho : Thí cho.

Bánh : Là gạo nếp làm ra.

Bún : Là gạo nếp ngâm ủ v.v... xay làm bún. Bún có hai thứ : 1.- Bún rời. 2.- Lấy đường mật vắt cho dính lại.

Cơm : Là nấu gạo bắp v.v... thành cơm.

Muốn dùng : Là ý ưa muốn thì lãnh thọ lấy. Sẽ thọ chừng hai ba bát. Đây là cái hạn lượng.

Bát : Có bát lớn, bát nhỏ đồng giải như trước.

Đem vào chùa : Là về đến chỗ ở, hoặc chùa, am thất.

Nên chia cho các Tỳ Kheo ăn. Nghĩa là đồng tu phạm hạnh chia đồng mà ăn chỗ gọi là lợi hòa đồng quân...

Không bệnh : Đồng giảng như trước.

Quá : Là ngoài hạn lượng, phạm tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Tỳ Kheo đến nhà Cư sĩ thỉnh cho cơm, phải hỏi người chủ, nếu thí chủ nói : đây là cơm vợ về nhà chồng, đây là lương đi đường của khách buôn, tức phải ăn rồi đi ra.

Về đến chùa bạch với các Tỳ Kheo : Nhà chi... đây là cơm chi... hoặc cơm vợ về nhà chồng, hoặc lương của khách buôn nếu muốn ăn thì ăn rồi đi. Nếu muốn đem về, thì chừng hai ba bát thôi. Nếu đã đem về một bát, thì đồng chia ăn, phải nói với các Tỳ Kheo : nên đến đó ăn, nếu muốn đem về thì chừng hai bát thôi. Nếu đã đem về hai bát đồng chia ăn, thì phải nói các Tỳ Kheo rằng : nên đến đó ở ăn rồi đi, muốn đem về, thì nên lãnh một bát. Nếu đem về đủ ba bát rồi, về chùa phải chia nhau ăn, nói lại các Tỳ Kheo đến nhà kia nên ở đó ăn chớ đừng đem về nữa (*vì tôi đã đem về ba bát rồi*).

Nếu không bệnh, đến nhà kia thọ quá hai ba bát, khi ra khỏi cửa phạm tội Đọa. Hoặc một chân ở ngoài cửa phương tiện muốn đi mà không đi, tất cả đều phạm Ác tác.

Nếu không hỏi : hoặc cơm chi, cơm vợ về nhà chồng, lương khách buôn đi đường, hay là cơm chi chi, mà thọ ăn, hoặc đem về chùa mà không chia

các Tỳ Kheo ăn, và không nói cho các Tỳ Kheo kia hay biết, đã thọ mấy bát rồi, thì đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Không trái lời dạy trước, nếu thí chủ tự đem đến chùa thì được thọ, hoặc đem đến chùa Ni cũng được thọ.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Nếu như bát bậc thượng thì nên thọ một bát thôi, không nên thọ hai bát. Còn bát bậc trung nhiều lắm cũng hai bát thôi, không nên thọ ba bát, bậc hạ nhiều lắm ba bát thôi, không nên thọ tới bốn bát. Nếu thọ quá đều phạm tội Đọa.

Căn Bản Luật nói : "Nói tóm lại nếu Tỳ Kheo khi thọ cơm của thí chủ, quá 4 tháng rưỡi phần lượng sắp lên, đều phạm tội Đọa". Nếu thí chủ thỉnh tự ý, thọ nhiều ít cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Nếu đối phi nhân và nhà ngoại đạo thọ quá ba bát phạm Ác tác". Hoặc ngồi ở đó ăn quá ba bát, chỉ trừ bánh bún, đem các vật khác, hoặc thí chủ hoan hỷ tùy ý, thì đem đi cũng đều không phạm.

Giới thứ ba mươi lăm
CẤM KHÔNG LÀM PHÉP ĂN DƯ

CHÍNH VĂN : *Tỳ Kheo ăn no rồi, hoặc thời thọ thỉnh không làm phép ăn dư mà ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc, cùng các Tỳ Kheo nói pháp ăn một bữa, các Tỳ Kheo bèn theo chỗ ăn các món, cơm, bánh, bún và

cọng, lá, bông, trái, cho đến đồ ăn uống, thuốc thang, cũng phải ăn một bữa. Như vậy, lần lần thể khô sắc héo. Phật mới dạy ở trên một chỗ ngồi ăn cơm, bún v.v... cho no đủ. Tỳ Kheo có bệnh không thể ngồi một lần mà ăn no được, Phật cho thường thường được ăn, lại cho ông nuôi bệnh, ăn no rồi được ăn cơm dư của người bệnh.

Khi đó Tỳ Kheo sáng sớm thọ cơm, cất rồi, vào làng khất thực, đi ăn no rồi lại lấy cơm cất kia cho các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo không dám ăn, Phật dạy : lấy cơm bị thọ kia làm phép ăn dư mà ăn.

Lại có Tỳ Kheo vào làng khất thực, được nhiều đồ ăn, đều dọn ra ăn chung, còn dư đem về cho các Tỳ Kheo, các Tỳ Kheo cũng không dám ăn. Phật nói : Cho theo ông đem cơm về đó, làm phép ăn dư rồi ăn. Phải làm phép ăn dư như vầy :

– Thưa Đại đức, tôi ăn no rồi, biết đó xem đó. Thế là làm phép ăn dư. Tỳ Kheo kia phải lấy một chút ăn rồi nói rằng : Tôi thôi ngài lấy ăn đi, đó cũng gọi là phép ăn dư.

Khi đó có một Tỳ Kheo tham ăn, ăn không biết no, ăn còn đói mà không biết làm phép ăn dư, hay là không dư, bèn lấy ăn đại. Phật nhân đấy liền kiết giới cấm.

Ăn no rồi là gì ? Nghĩa là ăn bữa cơm chính no rồi, tâm không nghĩ xả và nói xin thôi, rồi đứng dậy đi khỏi chỗ ngồi vậy. Đây có 5 món nhân duyên ăn no : 1. Biết ăn phải, nghĩa là cơm, bánh, bún v.v.. là món ăn chính vậy. 2. Biết người đem đến,

nghĩa là có người kia, trao cho rồi theo họ thọ được vậy. 3. Biết thời cấm, nghĩa là tâm nghĩ ăn rồi, miệng nói không dùng nữa vậy. 4. Biết oai nghi, nghĩa là đi, đứng, ngồi, nằm trong bốn oai nghi đều được thọ ăn vậy. 5. Biết xả oai nghi, nghĩa oai nghi cũ hư, như đi đó rồi dừng lại, hoặc ngồi hoặc nằm.

Đứng : tức có đi, ngồi, nằm... **Ngồi :** tức là có nằm, đứng, đi. **Nằm :** tức là ngồi, đi, đứng. Khác năm duyên này, thì không gọi ăn no.

Hoặc thời thọ thỉnh ? Nghĩa là ăn no rồi, ăn thêm, ăn dư, hoặc thọ thí chủ thỉnh ăn thêm vậy.

Không làm phép ăn dư mà ăn ? Là không đem vật đó, đối với ông khác làm phép mà ăn thời phạm tội vậy – (*cách làm phép ăn dư, đồng như trước*).

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Ăn no rồi xả oai nghi rồi không làm phép ăn dư, mà lại ăn món ăn chính, cùng món ăn không chính nữa, nếu ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa.

Hoặc mình ăn no rồi, vì người mà làm phép ăn dư, hoặc biết ông kia ăn no rồi, đối với ông kia làm phép, hoặc tay mình cầm đồ ăn làm phép, hoặc để đồ ăn dưới đất làm phép, hoặc sai người tịnh nhân bưng đồ ăn làm phép, hoặc đối trước tịnh nhân làm phép, hoặc lấy đồ ăn không ngon phủ trên đồ ăn ngon làm phép, hoặc thọ phép ăn dư của ông kia mang đi hết. Như vậy đều không thành phép ăn dư, cũng phạm tội Ác tác, hoặc ăn no tưởng không no, phạm tội Đọa.

Ăn no và nghi. Lại nữa, ăn không no tưởng no và nghi đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm Đột Kiết La (*Ngũ Phần Luật : Ni cũng đồng phạm*).

Không phạm là gì ? Hoặc bệnh, hoặc ăn cơm dư của người bệnh.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Do vì hai món lợi, cho phép thọ cơm dư. Một là : Vì nhân duyên nuôi Tỳ Kheo bệnh. Hai là : Vì có làm công việc cho nên Tỳ Kheo ăn không no.

Luật Nhiếp nói : "Hoặc trước ăn rễ, cọng, lá, bông, trái, 5 món ăn nhai và sữa lạc, rau v.v... sau ăn cơm, bún, bánh v.v... 5 món ăn nuốt không phạm".

Nếu trước ăn 5 món nuốt, ăn thêm 5 món nhai, và ăn sữa lạc, rau v.v... gọi là phải ngăn việc ăn no. Phải biết có 5 lời nói trên ăn chưa no. Nghĩa là : Khi thấy thí chủ trao đồ ăn chưa dùng liền được, nên phải trả lời với thí chủ rằng:

Hãy đợi để lui lại đó, như có, hãy đợi tôi ăn, hay đợi tôi ăn hết, hoặc gồm tiếng hãy, có ý là chưa no, như không nói tiếng hãy, tức là ngăn sự ăn no, hoặc ý chưa phải no, dẫu có nói no, cũng không thành no phạm Ác tác, do vì nói không đúng pháp. Hoặc được cơm dư, làm phép ăn đó, thân mình vui ở, thí chủ cũng được phước.

Khi muốn làm phép, trước phải rửa tay cho sạch, thọ được cơm rồi, phải bưng tới Tỳ Kheo ăn chưa no, hay no rồi mà chưa rời bổn tòa, đối trước ông làm phép, ông chưa ngăn, được lấy hai ba hột

cơm bỏ vào miệng, còn bao nhiêu trả lại, nói rằng : Đây là vật của ngài, tùy ý nên ăn. Hoặc mình ăn no rồi, thì không nên ăn, phải lấy tay vịn bát và nói với ông rằng : – Đây là vật của ngài tùy ý ăn đi.

Có 5 cách làm phép ăn dư không thành :

1.- Thân ở trong giới mà đối với người ngoài giới làm phép. 2.- Chỗ không gặp nhau. 3.- Ở một bên. 4.- Ở sau lưng. 5.- Ông kia lìa tòa. Trái lại đây thì thành. Nếu một người làm phép, mà ăn hai người cũng không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : "Cho một người làm phép ăn cơm dư, nhiều người ăn được, nếu Tỳ Kheo đem cơm dư đến, khi muốn làm phép cơm dư tức trong chén để trên bát, làm phép cơm dư đó, thì cơm trong chén được gọi là cơm dư, còn cơm trong bát không gọi làm phép".

Nếu nước cơm trong chén, chảy vào trong bát đều gọi là cơm dư, hoặc chung hai bát, xin làm phép cơm dư, người trước thôi ăn, cơm trong bát ông ăn đó, với một bát cơm nguyên, được chung làm phép cơm dư. Hoặc hai bát lớn, hoặc bánh hoặc rau, chung sắp ngăn trên đó, cả hai đều gọi làm phép cơm dư, các món khác cũng làm như vậy.

Nếu Tỳ Kheo ăn no rồi, có đại thí chủ đem đồ ăn uống đến, phải hỏi ông Trị nguyệt, ông Duy Na và ông Tri Sự, ăn chưa no tới ông kia làm phép ăn dư. Nếu ông Duy Na ăn no rồi, phải tới ông Thượng Tọa ăn chưa no mà làm phép. Nếu ông Thượng Tọa hổ thẹn, thọ người làm phép không được, phải hiệp

lại nói với ông Thượng Tọa đến chỗ khuất mà làm phép.

Nếu ông Thượng Tọa ăn no rồi, có ông khách Tỳ Kheo đến thì ta phải hỏi ông khách, nếu chưa no, thì đối với ông làm phép, nếu ông khách no rồi, chúng Tăng phải làm phép phương tiện, không nên làm hư thiện tâm của thí chủ.

Hoặc trong chúng có ông Sa Di lớn, sắp lên giới đàn thọ cụ túc, dạy ông làm phép ăn dư rồi, vậy sau sẽ ăn.

Có chỗ dịch rằng : Xét trong Ngũ Phần Luật nói : Khi làm phép, đem cơm để trong bát, bày vai áo bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, tay bưng bát đối với ông kia mà nói...

Tát Bà Đa Luận : "Nếu ở bên vị Thượng Tọa, nên bày vai áo bên hữu, quỳ gối mỗi việc phải đúng như pháp, còn nếu ở bên vị hạ tọa, chỉ trừ quỳ gối".

Căn Bản Luật : "Phải đứng ngay trước".

Luật Nhiếp dạy : "Ngồi chồm hổm". Căn cứ theo đây thì quỳ đứng gì tùy ý, hoặc nên nương theo ông Thượng Tọa hay ông hạ tọa, cho đủ oai nghi mà làm.

Giới thứ ba mươi sáu
CẤM SAI NGƯỜI PHẠM ĂN DƯ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo kia ăn no rồi, hoặc thọ thỉnh nữa không làm phép ăn dư, lại ân cần thỉnh cho ăn thêm. Trưởng lão, lấy cái này ăn,*

vì nhân duyên như thế, không khác chi muốn cho ông kia phạm chơi, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, Tỳ Kheo tham ăn bị Tỳ Kheo kia quở trách, ông đem lòng giận dỗi, sau khi khác ân cần thỉnh cho ăn, muốn cho ông kia phạm giới, trở lại cật lỗi ông kia chơi. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Ân cần thỉnh cho ăn là gì ? Là nài nỉ thỉnh đôi ba phen gắng khuyên bảo ăn.

Muốn cho ông kia phạm : Là muốn làm cho ông kia phạm tội để trả hờn, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Nếu Tỳ Kheo kia thọ đó, mỗi miếng đều phạm mỗi tội Đọa. Hoặc cho mà ông kia không ăn, ông cho phạm Ác tác (*Cảnh tưởng và nghi v.v... cũng đồng giải như giới trước*).

Không phạm là gì ? Trước không biết ông kia ăn no rồi, hay là không có tâm làm cho ông kia phạm v.v...

Giới thứ ba mươi bảy
CẤM ĂN PHI THỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phi thời thọ cơm ăn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, khi đó ông Nan Đà, ông Bạt Nan Đà đi đến thành

Vương Xá, nhằm ngày hội hè, nghe nhạc đánh hay, các người đem dâng đồ ăn uống, ăn rồi còn cố nghe nữa cho đến tối mới về. Lại nữa ông Ca Lưu Đà Di mặt trời lặn rồi mà còn đi khất thực.

Khi đó trời tối, có người đàn bà (*có mang*) bưng cơm ra cửa lúc đó trời chớp, thoạt thấy mặt ông tưởng là con quỷ, sợ quá té xỉu dưới đất, nổi giận nói rằng : Phàm hàng Sa môn Thích tử thà tự mổ bụng mà chết, chớ không nên đi khất thực ban đêm. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật nói : "Nghe nhạc hay phạm Đột Kiết La". Phật bèn nhóm chúng Tăng mà kiết giới cấm này.

Phải thời : Nghĩa là mặt trời đã mọc cho đến giờ ngọ.

Phi thời : Nghĩa là từ giờ ngọ bữa nay, cho đến hừng đông ngày mai khi mặt trời chưa mọc, ấy không phải là thời của thầy Tỳ Kheo thọ ăn. Thầy Tỳ Kheo trước giờ ngọ phải đi khất thực, sau giờ ngọ phải nên vững mình ngồi thiền tụng kinh tu các nghiệp chính, nếu ăn vô độ, tức là phi đệ tử Phật.

Lại nữa, Phật muốn cấm dứt cái nhân trong sáu thú nên dạy đồng ăn theo ba đời chư Phật. Nghĩa là thời sớm mai chư thiên ăn. Thời ngọ chư Phật ăn, mặt trời xế về hướng Tây súc sinh ăn, mặt trời lặn quỷ thần ăn.

Tỳ Kheo học Phật ăn thời ngọ. Vì sao mà Phật ăn thời ngọ ?

Bà Sa Luận nói : "Đức Thế Tôn tính lìa ăn phi thời, nên đức Như Lai từ khi giáng sinh trong cung

vua, cho đến khi nhập Niết bàn, trong chặng giữa, chưa từng có ăn phi thời". Nghĩa là tính của chư Phật, hằng ở chỗ trung đạo, không chấp hai bên, nên lìa cách ăn phi thời là tiêu biểu lý trung đạo, nên Phật dạy ăn thời ngọ.

Còn trước giờ ngọ cho ăn, là tiêu biểu phép phương tiện đi trước, được có cái nghĩa chứng, cũng khiến thân tâm hiện tiền được lợi vậy. - Sau giờ ngọ không ăn thì ít ngủ mê, không ăn đêm thì ít bệnh hoạn, thân được nhẹ nhàng an ổn, tâm dễ được định, có nghĩa như thế, cho nên Phật dạy ăn giờ ngọ.

Nói ăn : có hai nghĩa : a/ ăn chính. b/ ăn không chính.

Ăn sau giờ ngọ ? Đã giải nghĩa như giới trước.[1]

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Phi thời thọ cơm mà ăn, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Hoặc thuốc phi thời, hoặc quá phi thời, thuốc 7 ngày hay quá 7 ngày, đều phạm tội Đọa. Thuốc trọn đời không nhân duyên, uống đó phạm Ác tác.

Phi thời tưởng phi thời phạm tội Đọa, phi thời tưởng thời và nghi, thời tưởng phi thời và nghi phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

---

[1] *Giới trước : 5 món ăn nuốt, 5 món ăn nhai, quá ngọ ăn mỗi miếng mỗi tội Đọa.*

Không phạm là gì ? Ăn đường đen, hoặc có bệnh uống thuốc rồi ói ra, cho nấu nếp nguyên vỏ, lọc lấy nước uống, nếu có ói ra thì phải ráng nuốt vô.

Phụ văn : Nội Pháp truyện nói : "Răng còn nhét cơm, trên lưỡi còn bợn cơm, khi chưa lấy nước súc cho sạch, đến khi mặt trời xế mà nuốt đó, thì phạm phi thời".

Tăng Kỳ Luật nói : "Bóng mặt trời xế qua một sợi tóc, một nháy mặt tức là phi thời".

Trong tựa Tỳ Ni Luật nói : Tỳ Kheo bệnh uống thuốc hạ, sau giờ ngọ xót ruột, Phật dạy cho nấu bông lúa lấy nước uống, uống rồi mà còn xót ruột, Phật dạy nấu măng tre lọc nước uống, uống rồi mà không hết, Phật dạy cho lấy đãy đựng gạo nấu cháo, vắt lấy nước cho uống, bệnh cũng không hết. Phật dạy đem đến chỗ khuất cho ăn cháo.

Căn bản Ni Đà Na nói : "Tỳ Kheo có bệnh, thầy thuốc dạy lấy nước khuấy với bột, phi thời được ăn". Phật nói : "Trâu không có răng, ăn lúa mạch nó ỉa ra hột mạch còn nguyên, dùng đó làm bột, phi thời nên uống, tùy uống không hết, thầy thuốc dạy uống bột mì sống, Phật nói : "Ông thầy thuốc tùy theo phương xử dạy uống bột hoặc khuấy đặc, hoặc vò viên tùy theo nên uống".

Phàm như có việc ta vì người bệnh, phi thời mở đó, sau khi hết bệnh, đều không nên uống.

Có chỗ giải rằng : Các việc này, Phật vì lòng đại bi thương các đệ tử bệnh nặng, tùy theo bệnh

nên cho thuốc, mở cho uống đó, nếu chẳng phải nhân duyên táng mạng, quyết không nên uống, có bệnh chút ít, quấy hiệp ý thánh, lại phạm lỗi phi thời, và thêm trái lời Phật dạy.

Trong kinh ông Xá Lợi Phất hỏi Phật : Bạch đức Thế Tôn, giả sử như có người thí chủ tạo chùa, cấp để nhiều của cải, cúng cho chúng Tăng, đời sau có ông Tăng giống như người xuất gia, phi thời tới ông Điển thực (*Trụ trì*) xin cơm ăn, người cho và người ăn phạm những tội gì ? Và người thí chủ có những phước gì ?

Phật nói : "Người ăn phi thời là người phá giới, là người phạm tội ăn trộm, còn người cho phi thời cũng là người phá giới, cũng là người phạm tội ăn trộm, vì trộm vật của người thí chủ, nên đừng cho lấy, vì không phải bổn ý của thí chủ, thí chủ không có phước vì mất của vậy, chỉ có thiện tâm để lập công bồi đức".

Ông Xá Lợi Phất hỏi rằng : Phải thời thọ, phải thời ăn, ăn không hết, phi thời ăn nữa, hoặc phải thời thọ, phi thời ăn, lại có phước gì không ? Phật nói : Phải thời ăn tịnh, đó là phước điền, đó là người xuất gia, đó tức là Tăng già, đó tức là bạn lành cõi trời, cõi người, cũng tức là ông đạo sư cõi nhân thiên. Còn ăn bất tịnh, cũng tức là người phá giới, tức là người đảng ăn cướp, tức là ngạ quỷ, cũng tức là hang ổ tội lỗi.

Phi thời xin, lấy thời làm phi thời. phi thời lần lần lấy cho, thì ông Điển thực đó, gọi là người thối đạo, đó gọi là ma vương, đó gọi là ba đường ác, đó

gọi là đồ bể, đó gọi là người bệnh lác, phá hư quả lành vậy.

Trộm xin để nuôi sống. Cho nên các hàng Bà La Môn, không ăn phi thời, kẻ ngoại đạo Phạm chí cũng không tà thực. Huống chi đệ tử của ta biết pháp học, biết pháp hành, mà đi làm như vậy ư ?... Phàm làm như thế đó, chẳng phải đệ tử của ta, đó là người trộm của lợi trong chính pháp ta. Rõ ràng người vô pháp trộm danh, trộm đồ ăn, còn người phi pháp trộm cho, trộm thọ một nắm, một nhúm, chút muối, chút giấm, sau khi chết rồi đọa vào địa ngục, đốt cháy ruột gan hoặc nuốt hoàn sắt nóng. Từ trong địa ngục sinh ra làm loài heo chó, ăn các đồ bất tịnh, kế đó rồi sinh lên làm loài chim heo, chim cú, người nghe ghét tiếng kêu. Sau rồi sinh trong ngạ quỷ ở nhà tiểu đất chùa ăn đồ phẩn uế, trải trăm ngàn vạn kiếp mới sinh được làm người, mà lại sinh ở trong nhà bần cùng hạ tiện, người đời ghét bỏ, có nói năng lời gì, người không tín dụng.

Chẳng bằng ăn trộm vật của một người tội kia còn nhẹ, do vì cướp lấy ruộng phước tốt của nhiều người vậy, cũng là đoạn dứt con đường xuất thế.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, đức Như Lai thường nói, ông Xá Lợi Phất ở trong hàng Thanh Văn trí tuệ bậc nhất không vì tiểu tâm, hay hỏi những nghĩa bí yếu.

Phật nói : "Ông Xá Lợi Phất, nhiều kiếp có gieo trồng trí huệ, mới bày giải được pháp của ta, và biết khắp cả vi trần cõi nước, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh".

Giới thứ ba mươi tám
CẤM ĂN CƠM DƯ CÁCH ĐÊM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ăn cơm dư cách đêm, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Bấy giờ ông Tôn giả Ca La thường hay ngồi thiền suy nghĩ như vầy : Ta mỗi ngày vào thành khất thực chi cho mệt nhọc, thà mình trước ăn cơm dư đây sau khi đi khất thực có được cơm nữa sẽ đem cất, ông thật hành theo lời nói. Các Tỳ Kheo trong hai thời ăn trước sau, không thấy ông Ca La, nghi tưởng ông chết, hay tưởng ông đi xa, hoặc thôi tu. sau thấy ông Ca La, hỏi ra mới biết duyên cớ, nên bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Ăn cơm dư cách đêm : Là ngày nay mình thọ cơm để qua ngày mai ăn. Đó gọi là cơm dư, cũng gọi là cơm nhơ, đối với tất cả hàng Sa môn Thích tử thọ đại giới, đều không thanh tịnh.

Ăn : Là món ăn chính thực và món không chính thực vậy.

Mà ăn đó : Là ăn nhai hay là nuốt vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc cất cơm để cách đêm mà ăn, ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa, không nên cố nhơ cơm tịnh kia[2] làm cho thành bất tịnh, nhơ đó thì phạm Ác tác, kia (*Tỳ Kheo*) không làm nhơ không phạm. Không nên ở ngoài giới cùng nhau ăn cơm cách đêm, hoặc nấu

---

[2] *Không nên để cơm thiu cách đêm.*

cơm ăn, phải ở trong phòng vắng kiết làm cái nhà tịnh trù. Tỳ Kheo bệnh cần dùng cháo sai tịnh nhân để nước vo gạo, nấu cho sôi, rồi ta mới rửa tay mà lãnh. Vậy sau mình nấu cho chín, hoặc hâm cháo lại, cho mình tự hâm; gặp thời lúa đắt cho tự nấu, cho ở trong giới đồng nhau ăn cơm cách đêm, và cho tự nhúm lửa nấu cơm ăn (*vì thời lúa đắt*).

Sớm mai thức dậy cho thọ cơm, ăn no rồi không làm phép ăn dư, cũng được ăn. Đem cơm dư lại ngồi một chỗ ăn, và được các món trái cây cũng vậy.

Hoặc lúa rẻ lại, không nên ăn như trên. Cơm cách đêm, tưởng cơm cách đêm phạm tội Đọa, cơm cách đêm tưởng không cách đêm và nghi, cơm không cách đêm, tưởng cách đêm, và nghi đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội như giới trước.

Không phạm là gì ? Cơm cách đêm, thọ ăn còn dư đem cho cha mẹ, và tính giá tiền để dành làm tháp, làm phòng chúng ở, thời sau đến ông kia xin mà ăn. Hoặc bát mòn có lủng lỗ, cơm nhét trong lỗ, sợ mỗi lần rửa cạy móc hư, phải như phép rửa hai ba lần mới sạch. Nếu cơm nhét cứng, không súc ra không phạm. Cơm cách đêm của cô Ni cho thầy Tỳ Kheo tức là tịnh, cơm cách đêm của thầy Tỳ Kheo cho cô Ni tức là tịnh.

Khi đó có ông Cư sĩ, chở các món vật thực đi đường theo Phật và chúng Tăng để cúng dường, qua khoảng đồng nội, vì có cơm dư cách đêm, sai người đem dâng hết cho các Tỳ Kheo, chư Tỳ Kheo bạch

Phật, Phật cho thọ cơm dư của thí chủ. rồi bảo tịnh nhân dâng, không nên tự mình lấy, nếu có muốn dùng tùy ý xin lãnh.

Kế đó có ông Cư sĩ nữa, đem cơm dâng, Tỳ Kheo lấy cất sau rồi ông ăn, hoặc đem về, hoặc cho Tỳ Kheo khác, Tỳ Kheo bị cho đó lại nên thọ. Hoặc ông Sa Di nhỏ bưng cơm tịnh ấy lội qua sông, ông bưng không nổi, cho Tỳ Kheo bưng giùm lội qua, lên bờ rồi, nếu có bình sữa, bình dầu, nên sai tịnh nhân đậy nắp lại, nếu không có tịnh nhân cho tự đậy, và treo lên, rồi không nên đụng tới nữa.

Bấy giờ Phật muốn uống ba thứ thuốc, ông A Nan tự sắc thuốc rồi dâng lên Phật. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi : ai sắc thuốc này ?... Đáp rằng : Bạch con tự sắc. Phật nói : Hàng đại Tỳ Kheo không nên nấu ăn, nếu tự nấu, phải đúng như pháp trị.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : "Đại Tỳ Kheo chưa lấy tay thọ cơm đó thì cơm đó cũng đồng như cơm cách đêm, gọi là cơm trong đêm. nếu ăn thì phạm Ác tác". Tay thọ rồi mà lại đem cất, cũng đồng như cơm cách đêm, nên gọi là cơm dư cách đêm, ăn thì phạm tội Đọa.

Nếu trước mình hái trái cây, sau đem đến tịnh nhân làm phép tịnh, thọ mà ăn đó, thì phạm Ác tác, đụng đồ ăn có hai cách : 1.- Thầy Tỳ Kheo trì giới thanh tịnh lắm đụng. 2.- Thầy Tỳ Kheo phá giới không biết tàm quý mà đụng.

Ni Đà Na nói : "Bánh, trái còn dư đem cho ông Sa Di, sáng mai xin lại ăn không phạm. nếu có tâm

hy vọng khi cho ông Sa Di phạm Ác tác, khi ăn phạm tội Đọa, nếu tất cả không có tâm hy vọng thì không phạm".

Mục Đắc Ca nói : "Tỳ Kheo đi đường, bảo các ông Sa Di đem theo lương thực đi đường đến, cũng nên bảo ông quỳ dâng, thọ rồi để xuống". Lại nữa, các Tỳ Kheo, nếu khi đi đường phải đem lương thực theo, đã không người Cư sĩ mà cũng không Sa Di, nên khuyên người thí chủ, hoặc cũng không có người thí chủ ở đó, thì nên tự mình cầm đi sau gặp người Cư sĩ, mời lại ăn chung, nếu mời mà họ không dám ăn chung, thì nên chia làm hai phần, bảo người Cư sĩ rằng : Ông lấy một phần đi, ông kia đã lấy vào tay rồi, Tỳ Kheo nên bảo ông kia rằng : Ông đổi tôi ăn, tôi lấy phần của ông, ông lấy phần của tôi, kêu là đổi mà ăn vậy.

Hoặc ở chỗ đó khó xin, trong ngày thứ nhất, phải nghỉ ăn, ngày thứ hai nếu có người dâng, thì thọ lãnh mà ăn. Nếu không ai dâng cho, thì mình nên lấy chừng một nắm (*cỡ nắm cọp con*), mà ăn, đến ngày thứ ba cũng không ai dâng cho thì ăn hai nắm, đến ngày thứ tư cũng không ai dâng cho nữa tùy ý mình tự lấy ăn no, không phạm.

Sau khi lương thực đi đường hết, gặp trái cây chín rụng xuống đất, nên lấy làm phép tịnh thọ rồi ăn, nếu không gặp người tịnh nhân để làm phép thọ rồi ăn, người dâng cũng không, phải nên tự lấy, làm phép tưởng theo Bắc châu (*Bắc cu lô châu không Phật pháp*), kềm tâm mà ăn. Trái chín trên cây chưa rụng xuống phải trèo lên cây rung cho rụng xuống,

lượm lấy mà ăn. Như trên khai cho đều là bị nạn duyên. nếu không nạn duyên, thảy đều cấm dứt (*không cho phương tiện như thế này*).

Thiện Kiến Luật chúng Tỳ Kheo đồng đi, mà chỉ có một ông Sa Di, thì mỗi vị Tỳ Kheo phải tự mang lương phạn của mình, đến khi ăn, mỗi ông chia mỗi phần. Ông Sa Di được phần rồi, thưa với Tỳ Kheo rằng : Nay phần của tôi đổi cho Đại đức, đổi rồi đem đổi cho ông đệ nhị Thượng Tọa, như vậy cho đến hết chúng, ăn như thế thì không tội.

Nếu ông Sa Di không biết phép, Tỳ Kheo phải tự đổi phần cơm của mình cho ông Sa Di, ông Thượng Tọa đem đổi rồi, thì ông đệ nhị Thượng Tọa đem đổi lấy phần cơm Sa Di, như vậy lần lượt đổi cho ông Sa Di đổi qua lại, rồi ăn không phạm.

Nếu Tỳ Kheo mang gạo đi theo, ông Sa Di còn nhỏ không nấu được, thấy Tỳ Kheo được nấu chỉ trừ không được nhúm lửa, cơm chín rồi, chia ra từng phần, cho ông Sa Di phần rồi, nên đổi lấy phần ông Sa Di, lần lượt đổi nhau với ông Sa Di rồi ăn. Nếu cơm sôi trào ra Tỳ Kheo không nên dùng miệng thổi và cầm đũa bếp sơ, đều phạm Ác tác.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu không có tịnh nhân, cho vị Tỳ Kheo bệnh, nhúm lửa nấu cháo, rửa nồi cho sạch, đổ nước vô bảo tịnh nhân để gạo đậu, cháo chín rồi, lại bảo tịnh nhân thọ dâng cho Tỳ Kheo bệnh".

Thập Tụng Luật nói : "Cơm còn sống cho nấu lại, hoặc cơm sống đó, cho lấy lửa làm tịnh rồi được

nấu". Vì sao gọi là lửa tịnh ?... Là nhẫn đến một đốm lửa để làm phép tịnh.

Luật nhiếp nói : "Tỳ Kheo và cô Ni mỗi người đều có cơm cách đêm, cho đổi nhau ăn, cô Ni có đồ ăn uống, thầy Tỳ Kheo cất giùm, tâm tưởng của kia (*Ni*), khi cô Ni đem cho, được ăn". Song, trong miệng thường có nước nhớ, muốn cho được sạch, không có duyên cớ chi khác, chỉ nên lấy nước tháo đậu (*dụ : xà bông*) với vị cù ma (*dụ: riếp đánh răng*) v.v... hòa với nước lấy ngón tay chà môi trong, và khắp chung quanh cho sạch, đôi ba lần súc miệng, khi uống không phạm.

Phàm muốn uống nước, ăn cơm, thời hay phi thời, đều phải lấy nước súc miệng hai ba lần, mới nên uống, nếu không vậy phạm Ác tác.

Giới thứ ba mươi chín
CẤM KHÔNG THỌ MÀ ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cơm chưa thọ mà ăn, hoặc thuốc để vào miệng, phạm Ba Dật Đề. Trừ nước và nhành dương.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi đó trong thành có các ông Cư sĩ, vì cha mẹ, anh em, chị em v.v... qua đời, ở đầu đường ngã tư, hoặc ở mé sông, ở dưới gốc cây, ở trong miễu, thiết lễ cơm chay cúng tế quỷ thần. Có một thầy Tỳ Kheo đi khất thực ông tự lấy cơm đó ăn, các ông Cư sĩ chê cười, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Khi ấy các Tỳ Kheo sinh lòng nghi, không dám lấy nhành dương và nước tịnh, Phật mới ghi thêm câu : trừ nước và nhành dương, không thọ cũng không phạm.

Không thọ là gì ? Nghĩa là không theo Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di và Sa Di Ni, nam nữ tại gia mà thọ được vậy.

Thọ có 5 cách : 1/ Tay họ trao, tay mình rờ thọ. 2/ Hoặc tay họ trao, tay mình cầm thọ. 3/ Hoặc họ cầm vật cho, mình thọ vật. 4/ Hoặc họ cầm vật cho, tay mình rờ vật thọ. 5/ Hoặc vật cách xa với cho, mình hứa thọ. Thế là kể cho người thọ đều biết chặng giữa không có đụng chạm, được rớt trong tay.

Lại có 5 cách thọ nữa : 1/ Hoặc thân cho thân thọ. 2/ Hoặc y cho y thọ/ 3/ Co cánh tay cho co cánh tay thọ. 4/ Hoặc đựng cho đựng thọ. 5/ Hoặc có nhân duyên để dưới đất cho v.v...

Như có người đi đường đem cơm theo, rủi gặp nạn sự xảy ra, không kịp trao cho, họ để dưới đất rồi đi, tức là do nhân duyên đó bèn thành trao cơm (*cũng tức là thọ*).

Lại nữa, có quốc độ, nhàm ghét người đi khất thực họ làm cái tiểu đàn, thầy đi khất thực để bát lên đó, họ với tay để cơm trong bát, thì cũng thành nghĩa thọ cơm.

Ăn : Nghĩa là : món ăn chính và món ăn phụ.

Thuốc để trong miệng ? Nghĩa là : thuốc phi thời, thuốc 7 ngày, thuốc trọn đời, cho đến thuốc hoàn thuốc tán, phải từ tịnh nhân kia trao cho mà thọ, không nên tự lấy bỏ vào miệng nhai nuốt.

Nước : Là tất cả thứ nước trong sạch, như : nước sông, nước ao, nước suối, nước giếng v.v... cũng phải từ tịnh nhân kia trao cho.

Nhành dương : Là nhành cây dương liễu và các thứ cây không chất độc chẻ ra để xỉa răng, làm tăm xỉa răng dài chừng một gang tay, ngắn chừng bốn ngón, có chỗ nói dài một thước hai tấc, ngắn sáu tấc. Thứ lớn bằng ngón tay út, nhỏ bằng chiếc đũa, nhăn tủa một đầu cho nhuyễn, nhẹ để trong chân răng, chà rồi lấy nước súc đôi ba lần, nhổ nước đó đừng nuốt.

Không nhăn vỏ ngoài và lột bỏ vỏ, không nên nhăn nhiều thứ lá lộn xộn, và nhăn thứ cây có chảng hai. – Không nhăn cành dương có 5 điều lỗi : 1/ Hơi trong miệng hôi. 2/ Không phân biệt được mùi vị. 3/ Càng thêm bệnh nóng. 4/ Ăn không tiêu. 5/ Con mắt lờ. Nhăn cành dương cũng có 5 điều lợi ích, trái lại trên.

Không nên ở trước nhiều người mà nhăn, phải ở chỗ khuất. Nhăn rồi, lấy nước rửa sạch, khi nhổ cũng phải khảy móng tay hay tằng hắng, đem nhổ chỗ khuất. Hoặc nhành dương khó kiếm, thì cắt bỏ chỗ nhăn, rồi để dành, hoặc không có cây xỉa răng, nên dùng tro, đất, cỏ, cây, nước tháo đậu v.v... rửa súc.

Hoặc trên lưỡi bợn nhơ đóng nhiều, cho làm cái dao cạo lưỡi, không nên làm bằng vật báu, nên làm bằng xương, ngà, sừng, đồng, thiếc, tre, lau v.v... các thứ đó khó kiếm, nên lấy nhành dương xé làm hai miếng mà cạo lưỡi, cho làm cây xỉa răng bằng xương, nanh, tre cho đến cây, cho làm móc tai bằng xương, nanh, phàm các vật này dùng rồi lấy nước rửa, đem phơi khô cất, đừng để dơ hôi.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Không thọ mà ăn, tự lấy để trong miệng, mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Không thọ tưởng không thọ, phạm tội Đọa, không thọ, nghi tưởng thọ, và thọ tưởng không thọ, và nghi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm, tội đồng như trên.

Không phạm là gì ? Cô Ni được cơm trao cho thầy Tỳ Kheo, hoặc thầy Tỳ Kheo được cơm trao cho cô Ni, hoặc khi khất thực chim tha rớt trong bát, hoặc gió thổi rớt trong bát, muốn trừ bỏ cơm này, nhẫn đến chừng một móng tay, còn bao nhiêu ăn không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Cho nếm đồ ăn để biết mặn lạt, nhưng không nuốt, cho tới loài thiên long và loài nhĩ hầu thọ cơm, nhờ thí chủ nói mà thọ cơm ăn, không nên thọ cơm họ quăng bỏ mà ăn".

Mục Đắc Ca nói : "Thời thọ bữa cơm chính họ chưa gặp được mình, bèn để dưới đất, mình nên thọ lại mà ăn, không có người dâng mình nên lấy bỏ nhiều phần (*hơn phân nửa*) vậy sau mới ăn".

Nội Pháp truyện nói : "Mỗi ngày, sớm mai phải chà răng, cạo lưỡi các việc làm cho đúng pháp, nước tro, nước tháo đậu chà súc cho sạch sẽ, rồi mới đi kỉnh lễ, hoặc không như vậy, thọ người kỉnh lễ, hay mình lễ người, thảy đều phạm lỗi, song chân răng bợn nhơ lâu ngày thành cứng cạo đó cho hết, hoặc lấy nước nóng súc cho sạch, thì không mục hư, cho đến trọn đời". Người bên Tây quốc hẳn không răng đau, ăn rồi phải nhăn nhành dương, chà răng và xỉa răng cho sạch. Phép bên ngũ thiên Ấn Độ, người thế tục hay nhăn cây xỉa răng vẫn là sự thường. Đồng tử 3 tuổi đều phải dạy làm. Phật dạy theo phong tục mỗi nước, đều lợi ích chung.

Xóm gần núi thì đốn cây Tạt, dây Sắn làm trước. Còn chỗ ruộng bằng, thì đốn cây Chữ, cây Đào, cây Hòe, cây Liễu tùy ý tính cắt thu cho đủ, đừng cho thiếu hụt. Nếu còn tươi thì cần phải có người trao cho, còn khô thì tự mình cầm lấy. Người nhỏ sức mạnh nhăn, còn người yếu thì phải dần đầu cho nát. Nhành cây đó đắng, chát, cay, nồng, đều là thứ cây tốt, nhăn đầu cho thành bông (*tưa xơ*) đó là tốt nhất. Nhành cây Thô hồ rất trắng tinh. Có chỗ nói rằng : "Tức là cây Thương nhĩ, cắt rễ nó ăn sâu dưới đất hai tấc".

Ba Ly Luận nói : Tăng Ni hai chúng xuất gia và người bạch y v.v... khi ngọ trai xong, không dùng nước tháo đậu và hột cự ma v.v... mà súc miệng thì không thành trai (*chay*).

Phật nói : "Thuở đời quá khứ, có ông Tỳ Kheo hiệu là Liên Đề, trì trai giữ giới 60 năm, không bao

giờ khuyết điểm, chỉ một ngày ăn có một bữa, thường dùng cự ma đậu tiết v.v... súc miệng thì thành trai, nếu không vậy thì đều không thành".

Có chỗ dịch rằng : "Độ quá giờ ngọ không ăn, gọi là trai", cây xỉa răng hoặc thứ nhánh tươi, phải dùng lửa làm tịnh rồi mới thọ mà nhăn.

Giới thứ bốn mươi
CẤM KHÔNG BỆNH XIN CƠM CANH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo được đồ ăn ngon, như là sữa, sữa tươi, cá, thịt, nếu Tỳ Kheo không bệnh mà tự xin cho mình, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó có ông Bạt Nan Đà đến nhà người lái buôn xin các món ăn. Lái buôn hỏi rằng : "Nay Đại đức có bệnh gì ?"... Ông trả lời : "Không đau bệnh chi, nhưng ý tôi muốn được các món ăn như vậy". Ông lái buôn chê cười. Phật vì đó liền kiết giới cấm. Khi đó các Tỳ Kheo có bệnh không dám xin và cũng không dám xin giùm cho các ông có bệnh, dầu được cũng chẳng dám ăn. Nên đức Phật lại kiết giới mở thêm cho câu : "Trừ ông có bệnh và xin giùm cho ông có bệnh, không phạm".

Đồ ăn ngon : Tức là sữa, lạc (*bơ*), cá, thịt, sữa để uống, cá thịt để ăn.

Bệnh là gì ? Cho đến quá nặng ngồi ăn không được trọn bữa.

Mình tự xin : Là mình vì thân mình mà xin, chẳng phải vì người khác.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Không bệnh mà mình vì thân mình mà xin đồ ăn ngon, mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Bốn chúng kia đều phạm Đột Kiết La.

(*Xét trong Luật của Tỳ Kheo Ni : thì cô Ni phạm phép Hối quá*).

Không phạm là gì ? Nếu mình vì người, hay người vì mình mà xin, hay không xin mà được.

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : "Không bệnh mà xin, không bệnh mà ăn, khi xin phạm Ác tác, khi ăn phạm tội Đọa. Khi không bệnh xin, khi có bệnh ăn, khi xin phạm Ác tác, khi ăn không phạm. Khi có bệnh xin, khi không bệnh ăn, khi xin không phạm, khi ăn phạm tội Đọa. Có bệnh xin, có bệnh ăn, không phạm".

Khi đi khất thực, thí chủ đem cơm ra, mình muốn dùng vật khác, thì đừng thọ cơm kia, đứng im một chỗ. Nếu thí chủ hỏi : Đại đức muốn dùng vật chi ?... Thì nên trả lời rằng : "Vật đó", là tiêu biểu họ theo ý muốn của mình, dùng được, thì tùy ý xin không phạm. Lại nữa, khi thí chủ thấy Tỳ Kheo đứng im không thọ cơm, nên nói : "Đại đức còn cần dùng chi cứ tự do nói", bấy giờ Tỳ Kheo tùy ý muốn xin vật chi, đều không phạm.

Giới thứ bốn mươi mốt
CẤM TỰ TAY TRAO ĐỒ ĂN CHO NGOẠI ĐẠO

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo tự tay mình trao đồ ăn cho nam nữ ngoại đạo, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật cùng các hàng đệ tử đi du lịch trong chốn nhân gian từ nước Câu Tát La đi đến thành Xá Vệ, các nhà đàn việt cúng dường Phật và chúng Tăng rất nhiều cơm bánh. Phật dạy ông A Nan chia cho chúng Tăng, chia rồi còn dư, dạy chia cho người ăn xin, trong đám người ăn xin, có con gái ngoại đạo lõa hình, mà diện mạo đoan chính, ông A Nan đưa bánh cho cô ta, bánh dính nhau lại tưởng là một bánh, cô ta được bánh rồi, bọn kia lại hỏi : "Chị được bánh này ở đâu ?". Những người đi xin đều được có một cái, họ bèn sinh nghi kỵ.

Lại có người Phạm chí, ở đó ăn rồi mới đi ra đường, gặp một người Binh sĩ đốc tín, hỏi từ đâu đến đây vậy ?... Phạm chí nói : tôi ở bên tịnh xá của ông Cư sĩ đầu trọc đó, ăn no rồi mới tới đây. Binh sĩ ấy liền bạch chư Tỳ Kheo. Phật do hai việc đó, nên chế giới cấm : "Không cho kẻ ngoại đạo ăn".

Khi đó các kẻ ngoại đạo oán trách rằng : "Chẳng phải chúng tôi có lỗi hết". Phật mới dạy : "Để dưới đất cho hoặc sai người đem cho, không được tự tay Tỳ Kheo đem cho". Phật bèn ghi thêm câu : "Chẳng được tự tay mình trao cho".

Ngoại đạo : Là kẻ lõa hình học đạo khác, đây cũng căn cứ theo lời duyên khởi trên, nhân vì có người, nên Phật mới chế giới, có nói việc lõa hình, hoặc chuẩn theo ý chỉ luật, không luận lõa hình hay không lõa hình, chỉ tất cả người ngoại đạo, thì đều không được chính tay Tỳ Kheo trao cho đồ ăn vậy.

Tay mình trao cho : Là chính tay Tỳ Kheo trao cho, nên khiến kia sinh tâm kiêu mạn, mà không biết hổ thẹn vậy.

Đồ ăn : Là món ăn "chính" và "phụ" vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc tay mình trao đồ ăn cho nam nữ ngoại đạo, thì phạm tội Đọa. Cho mà họ không lấy phạm Ác tác, phương tiện muốn cho mà ăn năn rồi không cho, tất cả đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau, phạm tội đồng như trên. Xét trong Luật Tỳ Kheo Ni : "Cô Ni cũng đồng phạm".

Không phạm là gì ? Hoặc mình để dưới đất, hoặc sai người đem cho, hoặc mình cho cha mẹ, hay người làm công ăn tiền, hoặc họ dùng sức mạnh giật.

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : "Hoặc vì nhân duyên họ muốn ăn, trừ người ác kiến, cho cũng không phạm".

Thập Tụng Luật nói : "Hoặc ngoại đạo có bệnh, hoặc người ngoại đạo có bà con, hoặc đi tìm mình xuất gia, có cho cũng không phạm".

Nếu cơm mình chưa thọ, không nên lấy cho người, trước làm phép thọ rồi sau sẽ cho, hoặc cho cha mẹ, hoặc cho người bị trói giam, cho người cần ăn gấp, hay người mang bào thai, phải chính quan sát nhiều ít mà cho, loài súc sinh thì cho chừng một miếng.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu người ngoại đạo đến xin, thì nên lấy phần cơm của mình chừng một vắt, riêng để một chỗ, bảo họ tự lấy, không nên lấy cơm của chúng Tăng mà cho".

Hoặc có trẻ em xin, chó xin, chim xin, nên lượng phần cơm của mình nhiều ít truất ra một phần, vậy sau lấy phần bớt mà cho kẻ xin kia. Không nên lấy ngoài phần mà cho.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : "Tỳ Kheo là người thọ thí, mà lại đem cho người khác, thì không đúng pháp, vì bị của đó mà phải sa đọa". Đọa cũng có hai môn : 1/ Cơm của người thí, tu hành không đúng pháp, phóng tâm buông lung, không nhớ một việc lành. 2/ Người cúng cho mình, mình cho lại người khác, cho không đúng pháp. Nhân hai việc này sẽ đọa trong ba đường".

Nên cho là : hoặc là cha mẹ nghèo khổ, trước phải dạy cha mẹ thọ Tam quy ngũ giới, tu Thập thiện, vậy sau mới cho. Nếu cha mẹ không nghèo, dầu có thọ Tam quy ngũ giới cho cũng không trúng. Lại có chỗ được cho : hoặc người sửa tháp, hay người sửa phòng chúng Tăng, tính công nhọc nhằn của người kia, mà trả giá làm.

Nếu cho quá phần bị của đó mà sa đọa, cho người bệnh ăn phải dấy lòng từ, tùy người cần chi nên cho. Hoặc lầm lạc cho ăn, bị của cho đó mà sa đọa. Con nít, người bị tù rạc, người bị hư thai, phải dấy lòng từ mà cho, đừng có trông người trở lại trả ơn, phải vì Phật pháp, đừng làm trở ngại, tâm bình

đẳng cho như vậy mới đúng phép. Nếu không vậy thì bị của đó sẽ sa đọa.

Đến chùa xin, nếu họ có lương, không nên cho, nếu không lương thực, cho đó không tội. Nếu Tỳ Kheo **không ngồi thiền, không tụng kinh,** không làm **việc Tam Bảo,** mà thọ người thí thì bị của thí đó mà phải sa đọa. Hoặc biết ông kia không ba nghiệp này, mà vẫn thí lại cho ông, thì người thọ thí và người năng thí, cả hai đều bị đọa.

Kinh Hiền Ngu nói : "Ngài Mục Liên và Tỳ Kheo hiệu Phước Tăng dắt nhau đi biển, thấy một cây đại thọ có nhiều trùng vây quanh cắn thân cây, cho đến nhánh lá không có một chỗ nào là không cắn, và có tiếng kêu to rền rĩ, như tiếng ở dưới địa ngục".

Ông Phước Tăng hỏi ngài Mục Liên : "Tiếng gì mà kêu vang rền trong cây vậy ?"... Ngài Mục Liên thuật lại rằng : "Đây là một vị Tỳ Kheo làm việc cho chúng Tăng, lấy vật và bông trái của thường trụ mà ăn dùng, lớp thì đưa cho người bạch y, chịu quả báo này, sau đọa trong địa ngục làm thân cây, còn các loài trùng cắn, tức là người lãnh được vật đó".

Bà Sa Luận nói : "Nếu có người con hiếu, vai cõng cha mẹ trải qua trăm năm, tứ sự cúng dường, cũng chẳng phải chân thật trả ơn !". Nếu có người hay khuyên cha mẹ đối với Phật, Pháp, Tăng và nhận rõ nhân quả các pháp, nếu cha mẹ chưa tin, làm cho cha mẹ phải tin, cha mẹ tin rồi, làm cho cha mẹ lòng tin thêm lên.

Nếu cha mẹ chưa thọ tịnh giới, phải khuyên cha mẹ thọ trì tịnh giới, nếu cha mẹ có tham, sẻn, phải khuyên cha mẹ bố thí, và cha mẹ không tu thắng huệ, phải khuyên cha mẹ tu thắng huệ, được an trụ nơi pháp lành, để cha mẹ tự được điều hòa nơi thân tâm, đó mới gọi là chân thật trả ơn cha mẹ vậy.

Giới thứ bốn mươi hai
CẤM ĐẾN NHÀ NGƯỜI KHÁC KHÔNG DẶN CHO HAY

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo thọ thỉnh trước rồi, giờ ăn trước, giờ ăn sau, đến nhà khác, không dặn các Tỳ Kheo hay, phạm Ba Dật Đề. Trừ thời khác, thời khác đó là : thời bệnh, thời thí y, thời may y, đó gọi là thời khác.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, bấy giờ trong thành có ông Trưởng giả là người thân hữu của ông Bạt Nan Đà, vì cớ ông Bạt Nan Đà nên thiết cơm trai dãi chúng Tăng, đợi ông Bạt Nan Đà đến mới dọn cơm cho chúng Tăng ăn mà ông Bạt Nan Đà khi ăn buổi mai rồi, bèn đi nhà khác, khi đợi chờ muốn gần quá ngọ, ông mới trở lại, nên các Tỳ Kheo ăn không được no.

Lại có một ông quan Đại thần nữa, cũng vì ông Bạt Nan Đà dâng quả cam tươi đến chùa, nhưng còn đợi ông Bạt Nan Đà đến chia cho chúng Tăng, mà ông Bạt Nan Đà sau khi thọ trai rồi, đi đến nhà khác quá giờ ngọ mới về, làm chúng Tăng không ăn được trái tươi, Phật nhân hai việc này bèn kiết giới cấm.

Bấy giờ các Tỳ Kheo đều sợ không dám vào thành thọ thỉnh, Phật dạy : "Căn dặn nhau rồi sẽ vào thành"; khi đó có Tỳ Kheo mang bệnh, sợ không dám vào thành, vì sợ phạm tội ăn sau, bèn đến nhà khác, Phật mở cho : "Tỳ Kheo có bệnh khi đi khỏi dặn trước, cũng được vào thành". Khi đó các Tỳ Kheo đến thời may y, phải làm cho đủ và kịp đến thời dâng y, đều không dám vào thành, Phật mới ghi thêm câu : "Trừ thời khác không dặn trước cũng không phạm".

Thỉnh : Là thỉ chủ mời.

Ăn trước : Là thời ăn lót lòng buổi sáng cho đến giờ ngọ.

Ăn sau : Là thời ngọ thực cho đến nửa ngọ sau.

Đi đến : Nguyên chữ Hán : "Nghệ".

Nhà khác : Tức chẳng phải nhà thỉnh ăn trước.

Không căn dặn : Là không nói lại, không dặn trước, không thưa với Tỳ Kheo đồng chung một giới, đồng được thọ thỉnh.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc dặn : Tôi đi đến làng, mà nửa đường trở về, tức là mất lời dặn trước, sau muốn đi nữa, phải dặn lại, hoặc đi không trúng chỗ dặn, lại đến nhà khác, cũng mất lời dặn trước. Muốn đi nữa, cũng phải dặn lại. Hoặc dặn tôi đến nhà bạch y, mà lại đến nhà kho lẫm, hoặc làng xóm, hoặc biên phòng, hoặc

chùa cô Ni, hoặc đến nhà bạch y thưa rồi về liền, cũng mất lời dặn trước, phải dặn lại rồi đi, nếu không dặn, đi vào nhà khác, phạm tội Đọa. Nếu một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, phương tiện muốn đi, mà không đi đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc dặn : tôi đi đến kho lẫm, làng, xóm, biên phòng, chùa cô Ni, hoặc xóm nhiều nhà thỉnh, hoặc họ vì thế lực nắm kéo, hoặc mang nạn, phạm hạnh nạn, mà không kịp thưa gửi.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Hoặc thưa nói : "Tôi đi đến nhà phía Đông, lại đi đến nhà phía Tây, như vậy không thành thưa. Hoặc thưa đi đến một nhà, nhân đó đi đến nhà khác không phạm". Nếu không có lý Kheo thưa được, cũng không phạm.

Luật Nhiếp nói : Hoặc dặn thí chủ : "Tôi dầu không đến, tôi cũng phái chúng Tăng đi, đừng cho bỏ phế, hoặc thí chủ không tin ông này làm đầu dọc trong chúng, bổ ông cũng không tội".

Giới thứ bốn mươi ba
CẤM CƯỠNG NGỒI YÊN TRONG NHÀ ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ở trong nhà ăn có chỗ, cưỡng ngồi yên, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có bà Trai Ưu bà di, diện mạo đoan chính, ông chồng rất yêu kính, chưa từng rời được nhau. Khi đó ông đến Lưu Đà Di, đến ngồi tại nhà kia, người chồng hỏi rằng : "Ngài muốn cần những gì ?". Đáp rằng :

"Muốn ăn". Ông kia liền sai vợ dâng cơm cho ăn. Ca Lưu Đà Di ăn rồi cũng cố không đi, người chồng nổi giận nói : "Thôi tôi đi, tùy ý ngài ở đó muốn làm gì thì làm". Các Tỳ Kheo hay được đem việc này đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Nhà ăn : Nam lấy nữ làm ăn, nữ lấy nam làm ăn. Nghĩa là : khi nam nữ giao hội lẫn nhau thọ dùng, nên gọi là ăn.

Nhà : Là nhà Cư sĩ vậy.

Báu : Có 7 món báu, xét ý trong đây, cũng lấy tâm nam nữ có muốn nhau gọi là báu vậy.

Cưỡng ngồi yên : Nghĩa là : Người không cho mà tính mình buông lung nên gọi là cưỡng hay cượng. – Thả thân tới ngồi lì gọi là ngồi yên. Nghĩa là : Tỳ Kheo biết nam nữ kia có ý muốn hành dâm, giờ đó phải giao hội, cố cượng ngồi yên, để ngăn việc làm của người kia, cho họ hành dâm không được tự ý, nên làm cho họ sân hận vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Biết nhà ăn đó có báu cượng ngồi yên, phạm tội Đọa. Hoặc đui mà không điếc, hoặc điếc mà không đui, đứng chớ không ngồi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm tội đồng như trước.

Không phạm là sao ? Hoặc ngồi ngoài cửa, hoặc có ông bạn, hoặc có người khách, hoặc bị thế lực cầm lại v.v...

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Hoặc đó là nhà đoạn dâm, hoặc nhà có thọ Bát quan trai giới,

hoặc có người ngồi trên tòa họ tôn trọng, tức như vị Hòa Thượng, hay là thầy A Xà Lê, cha mẹ, hoặc nhà đó có nhiều người ở, mình vào chỗ đó thì không phạm".

Giới thứ bốn mươi bốn
CẤM TRONG NHÀ ĂN NGỒI CHỖ KHUẤT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trong nhà ăn có báu ngồi chỗ khuất phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Khi đó ông Ca Lưu Đà Di nghĩ rằng : Đức Thế Tôn chế giới cấm trong nhà ăn có báu không nên ngồi. Lúc đó ông liền với tay khép cánh cửa lại, ngồi sau cánh cửa, cùng người Ưu bà di nói chuyện. Phật hay biết liền kiết giới cấm.

Chỗ khuất : Nghĩa là dưới gốc cây, vách tường, hàng rào, và các vật che ngăn. Giới trước nói người nữ có chồng, Tỳ Kheo ở chỗ trống cượng ngồi. Giới này nói riêng cùng người nữ ngồi chỗ khuất. Đấy là khác tướng, còn bao nhiêu thảy đồng như giới trước.

Giới thứ bốn mươi lăm
CẤM NGỒI RIÊNG VỚI NGƯỜI NỮ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ngồi riêng với người nữ nơi đất trống, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Riêng : Là một người nữ, và một thầy Tỳ Kheo vậy.

Người nữ : Tức là người đàn bà mạng căn còn sống.

Chỗ đất trống : Chẳng phải chỗ che kín vậy.

Ngồi : Đồng ngồi một chỗ. Trong giới đây có phạm không phạm, cũng đồng như giới trước.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu ngồi cách nhau một tầm, phạm tội Đọa, ngồi cách nhau một tầm rưỡi phạm Ác tác. Hoặc ngồi cách nhau hai tầm tay hay hơn hai tầm, thì không phạm".

Luật Nhiếp nói : "Hoặc ngồi chung với người nữ phi nhân, hoặc người nữ Bán trạch ca (*tức là người huỳnh môn*), chưa phải cảnh hành dâm được, hoặc người nữ mà điếc, câm và điên v.v... ngồi chỗ khuất, đều phạm Ác tác".

Có chỗ giải rằng : Một tầm là tám thước (*8m00*)

Giới thứ bốn mươi sáu
CẤM CỐ TRÁC CHO ÔNG KIA KHÔNG ĐƯỢC ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nói với Tỳ Kheo khác rằng : "Đại đức ! Đi với tôi đến xóm kia, tôi sẽ bảo cho Đại đức ăn". Rốt cuộc Tỳ Kheo kia không bảo cho Tỳ Kheo này ăn, lại nói rằng : "Đại đức hãy đi đi, tôi với ngài ở một chỗ, ngồi chung, nói chung không vui, tôi ngồi riêng nói riêng vui hơn", vì nhân duyên như vậy không phải chi khác. Phương tiện đuổi đi cho đói chơi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà cùng với một Tỳ Kheo khác gây kình với

nhau, rồi kết thù hận trong tâm, sau khi đi đến chỗ không thấy có ai cúng, rảo bước khắp cùng, còn thời nữa là đến giờ ngọ bèn nghĩ rằng : Bây giờ ra khỏi thành kia, đi đến chùa chắc quá giờ ngọ, ông Bạt Nan Đà nói với ông kia rằng : "Nay cũng tại nơi ông mà làm cho tôi không được ăn, ông phải mau mau đi đi, cho đến tôi ngồi riêng nói riêng vui hơn", rồi ông bèn đi đến nhà có ăn mà ăn.

Tỳ Kheo kia trở về chùa, thì giờ ngọ đã quá, ăn không được nữa, ông rất khổ sở, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Sẽ cho ông ăn : Nghĩa là : Cố ý muốn làm ngặt ông kia nên nói gạt như thế.

Ăn : Là thời ăn ngọ.

Ông đi đi : Là lời xua đuổi. Hoặc ngồi hoặc nói không vui. Nghĩa là : Đôi lần xua đuổi, cho ông kia sinh tâm buồn khổ.

Ngồi : Là ngồi thiền, ngồi suy nghĩ.

Nói : Là đọc tụng.

Nhân duyên như thế, chẳng phải chi khác ? Nghĩa là : Cũng chính do sự phiền trách, và làm cho ông kia tuyệt ăn, đặng ông sinh rối não chơi, chớ không phải về việc lợi ích chi khác, mà đuổi ông kia.

Phương tiện đuổi đi ? Nghĩa là : Mượn cớ ngồi chung nói chung không vui v.v... Tìm cách để đuổi ông kia đi chỗ khác.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc phương tiện đuổi đi khỏi chỗ thấy nghe, đều phạm tội Đọa. Hoặc ông kia hay mình, đi khỏi chỗ thấy mà còn nghe, hoặc khỏi chỗ nghe mà còn thấy, đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cho ăn rồi bảo đi, hoặc bệnh, hoặc không có oai nghi, người thấy không ưa đó, nói rằng : Ông đi đi, tôi sẽ đưa cơm đến trong chùa cho ông, hoặc ông đó phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, hoặc bị trong chúng cử tội, hoặc bị tẩn, hoặc đáng tẩn, hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn, phương tiện bảo đi, chớ không phải do vì cớ ghét giận mà đuổi đi vậy.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu làm não bốn chúng kia phạm Ác tác. Cô Ni làm não hai chúng trước phạm tội Đọa. Làm não ba chúng sau phạm Ác tác".

Giới thứ bốn mươi bảy
CẤM THỌ THUỐC QUÁ THỜI HẠN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo thọ thỉnh cho thuốc 4 tháng, Tỳ Kheo không bệnh nên thọ, nếu thọ quá, phạm Ba Dật Đề. Trừ thường thỉnh, thỉnh nữa, thỉnh chia, thỉnh trọn đời.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, vườn Ni Câu Luật. Khi ấy có ông Cư sĩ tên Ma Ha Nam, thuộc về dòng họ Thích, cúng thuốc cho chúng Tăng. Phái Lục quần Tỳ Kheo cùng nhau nói rằng : "Ông Ma Ha Nam cúng thuốc cho chúng Tăng, nhưng chỉ cung kính hàng Thượng Tọa, nên thí cho các ngài

thuốc tốt còn đối với bọn tôi, tâm không cung kính, nên cho thuốc xấu, chúng tôi sẽ đến nhà ông xin thuốc quý nhất". Nghĩ như vậy rồi, liền đi đến xin.

Ông Cư sĩ trả lời rằng : Nếu trong nhà tôi có, sẽ đem cho, nhược bằng không có thì sẽ ra chợ mua hộ quý ngài. Bọn Lục quần bèn trách thí chủ kia có tâm ái, và dùng lời nói dối gạt làm cho thí chủ kia nhân đó không còn hộ thuốc cho chúng Tăng. Phật vì thế liền cấm. Sau vì có duyên cớ nhiều người thỉnh, nên Phật mở thêm câu : "Trừ thường thỉnh v.v...".

Bốn tháng : Nghĩa là : 4 tháng mùa hạ, đây là Phật căn cứ duyên thỉnh phải thời mà kiết giới. Xét đúng lý phải tùy theo nhà thí chủ thỉnh, hoặc mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, hoặc ba tháng hai tháng không nhất định, nhưng không được quá kỳ hạn mà còn xin.

Bệnh : Là thầy thuốc dạy phải uống thuốc vậy.

Phải thọ : Phật đã hứa cho đó vậy.

Thọ quá : Là quá thời hạn mà còn xin nữa.

Thường thỉnh : Nghĩa là : nhà thí chủ kia nói như vậy : Tôi xin hộ thuốc cho ngài luôn luôn, hễ có bệnh thì đến tôi.

Thỉnh nữa : Là thời hạn đã hết, sau tiếp thỉnh cho nữa.

Thỉnh chia : Là thí chủ đem thuốc đến chùa, chia cho chúng Tăng.

Thỉnh trọn đời : Là thí chủ nói : Tôi xin hộ thuốc cho ngài trọn đời.

Thỉnh có 4 cách : 1.- Hoặc có chỗ thỉnh, có thời hạn đêm, không thời hạn thuốc. 2.- Hoặc có thời hạn đêm, có thời hạn thuốc, nhằm thọ 4 tháng hạ. 3.- Hoặc có chỗ thỉnh, không thời hạn đêm, mà có thời hạn thuốc. 4.- Hoặc không thời hạn đêm, mà thuốc cũng không thời hạn. Nên tùy theo thời mà thọ.

Chỗ nói đêm đó, do ngày gồm đêm, nếu phần đêm kia chưa quá cũng chưa phải vượt thời hạn vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu thọ quá hạn lượng ăn mỗi miếng phạm mỗi tội Đọa. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là như thế nào ? Thọ trong thời hạn đó mà thôi, nếu ông có bệnh thọ quá thì không phạm.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc kỳ hạn mãn rồi, không được xin nữa", hoặc thí chủ nói : "Tôn giả thọ tôi cúng thời trước, thì mình không nên xin đồ ăn thời sau, hoặc thí chủ thỉnh ăn thời sau, không nên xin ăn thời trước, thuốc và các vật cũng vậy, hoặc thí chủ nói : "Tôn giả trọn đời thọ tôi thỉnh dâng y, cơm, ngọa cụ và thuốc thang, thế thì mình được tự ý xin".

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu người thí thuốc cho chúng Tăng, nên bạch nhị Yết Ma sai một Tỳ Kheo đầy đủ 5 đức, làm người giữ thuốc cho chúng Tăng : 1.- Không thương, 2.- Không giận. 3.- Không sợ.

4.- Không si. 5.- Biết món nào là thuốc, món nào không phải là thuốc".

Ông kia nên lấy đồ mới đựng hột Hạ tử, hột Cam tử, hột Ti hê lặc, hột Tất bạc, thứ càng cương, dường và dường phèn, chai không chảy nên đựng sữa, dầu, mật nên lấy da bịt miệng, trên miệng chai để tên thuốc. Hoặc Tỳ Kheo có bệnh cần dùng thì hoan hỷ cho uống, hoặc ông bệnh đó biết dùng thuốc này phải tự lấy mà uống. Nếu ông không biết, phải hỏi thầy thuốc, nếu không thầy thuốc thì phải hỏi hai thầy (*bậc nhị sư*) : Bạch Đại đức tôi bệnh như vậy, nên uống thuốc gì ?...

Hoặc hai thầy không biết, nên lấy một thứ uống thử hai ba lần như vậy không hết bệnh thì lấy thứ thuốc khác mà uống.

Giới thứ bốn mươi tám
CẤM XEM COI QUÂN TRẬN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đến xem coi quân trận, phạm Ba Dật Đề, trừ khi có nhân duyên.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Khi ấy vua Ba Tư Nặc, lãnh 6 đội binh đi đánh kẻ phản tặc, phải Lục quần đến xem, vua thấy vậy không vui, vua bèn lập kế, gởi gửi đường phèn và bảo quý thầy về dâng đức Thế Tôn. Phật nhân đó quở trách rồi liền kiết giới cấm.

Sau ông Tiên Thọ và ông Túc Cựu hai quan đại thần ở trong đám binh trông mong muốn thấy Tỳ Kheo, nên phái người về thỉnh, các thầy Tỳ Kheo

đều sợ vào trong quân trận mà phạm lỗi, nên không dám đi. Phật bèn ghi thêm câu : "Trừ khi có nhân duyên đi không phạm".

Quân : Có 4 thứ : tượng quân, mã quân, xa quân và lục quân.

Trận : Hoặc diễn binh, hoặc đánh giặc.

Khi có nhân duyên : Hoặc khi có người bạch, hoặc có người thỉnh mời cho đi.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình đi xem quân trận, từ đường này đến đường khác. Từ đường ngay đến đường quẹo, từ đường quẹo đến đường ngay, từ chỗ xuống dốc đến chỗ lên dốc, từ chỗ trên cao đến chỗ dưới thấp đi thấy đó, phạm tội Đọa. Không thấy phạm Ác tác. Muốn xem mà không đi hoặc đi đường gặp mà không tránh, đều phạm Ác tác. Còn bốn chúng sau phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Nếu người dùng thế lực dắt đi hoặc các đường hiểm trở, không thể lánh đi đường khác được.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc quân lính đi đến chùa, không để tâm xem thì không tội". Hoặc mình để tâm xem, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nhẫn đến người ta cãi lẫy nhau xem coi phạm Diệt Tỳ Ni.

Căn Bản Luật nói : "Nếu thấy người đánh lộn, không nên đứng bên xem, hoặc thấy người tranh luận phải mau bỏ đi hoặc khi thấy quân lính, không nên nói tốt xấu".

Giới thứ bốn mươi chín
CẤM Ở TRONG QUÂN TRẬN QUÁ BA ĐÊM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo có nhân duyên, cho đến trong quân trận ngủ hai ba đêm, nếu quá phạm Ba Dạt Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần có nhân duyên, đến ngủ trong quân trận, các Cư sĩ chê cười. Phật vì thế mà kiết giới cấm.

Có nhân duyên ? Là có vua, quan, hàng thứ dân mời thỉnh, hoặc vì việc Tam Bảo phải đến thưa.

Trong quân trận ? Là chỗ quân lính đóng, để ra trận.

Ngủ hai ba đêm ? Tức là hạn định ngủ nghỉ.

Quá : Là vượt quá hạn định thời mắc tội vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc có nhân duyên trong quân trận, được ngủ hai đêm thôi, hễ ngủ đến đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc, phải đi xa chỗ thấy, nghe, nếu không đi để cho mặt trời mọc, thì phạm tội Đọa. Nếu đi đến chỗ không nghe còn thấy, hoặc đến chỗ không thấy mà còn nghe, phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Có các nạn ngăn trở.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Tuy có nhân duyên, hoặc còn phải người đem thơ cho họ được thì cử sai người đem thơ, hay cần yếu mình phải đi, vậy

sau mình mới được đi, sự rồi phải trở về liền, không được trải cách đêm, hoặc công việc chưa xong, mà phải ngủ một đêm nữa. Một đêm nữa mà cũng chưa xong, phải hai đêm cũng chưa xong, phải ba đêm, ba đêm rồi, hoặc xong hay chưa xong, quá đêm thứ ba, phạm tội Đọa. Hoặc đến mà công việc xong liền, thì cũng không nên ngủ, nếu ở lại mà ngủ, thì phạm Ác tác.

Giới thứ năm mươi
CẤM XEM SỨC LỰC QUÂN TRẬN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ngủ hai ba đêm trong quân trận hoặc xem quân trận đấu chiến, hoặc xem thế lực voi, ngựa, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Ông kia có nhân duyên ngủ trong quân trận, xem thế lực quân trận đấu chiến rủi bị tên xạ nhằm. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Quân ? Có 4 thứ như trước đã giải. Hoặc có binh của vua, binh của giặc, binh cư sĩ v.v...

Trận ? Đứng sắp hàng ráp trận, hoặc trận vuông, hoặc trận tròn, hoặc trận hình bán nguyệt, hoặc trận của ông Trương Chân, hoặc trận quan Thừa tướng.

Đấu chiến : Hoặc hai bên đánh nhau đá nhau, hoặc chém hoặc chơi hay thật.

Du quân : Là quân sắp hàng năm, chỉnh tề tiến bước rập ràng.

Thế lực : Là sức mạnh cỡi voi, sức mạnh cỡi ngựa, sức mạnh của xe cộ, sức mạnh của quân lính đi bộ.

Trong đó có phạm không phạm, đều đồng như giới trước. Ngũ Phần Luật nói : Nếu coi chim và thú cắn lộn, phạm Đột Kiết La.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN TÁM)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN CHÍN

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ năm mươi mốt
CẤM UỐNG RƯỢU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo uống rượu phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Chi Đà, khi đó ông Tôn giả Ta Dà Đà, đến ngủ nhờ nhà ông Biện Phất thuộc về dòng Phạm chí, ông hiện thần thông biến hóa để hàng phục con độc long. Vua nước Câu Thiểm Di thấy đó sinh tâm tín kính. Ngài lại vì vua nói pháp cho vua nghe, vua bèn hoan hỷ. Ân cần đôi ba phen thưa : "Ngài muốn cần dùng món chi tôi xin dâng cúng ?".

Tôn giả suy nghĩ, thì bọn Lục quần hướt nói rằng: "Tỳ Kheo có 6 món dễ tìm, chỉ có một món khó tìm, Bệ hạ cúng đó. Vua hỏi : "Món chi lại khó tìm ?..."

Bọn Lục quần trả lời : "Có món Hắc tửu khó tìm". Kế đó ngày sau vua sắm đủ các thứ đồ ăn ngon ngọt được cúng dường, có cả món Hắc tửu.

Khi đó Tôn giả ăn uống no say rồi, đi đến giữa đường bị rượu thấm say nằm dưới đất, ói mửa đầy

đường. Ông A Nan bạch Phật, Phật nói : "Ông nay đến hàng phục con rắn nhỏ còn không được thấy, huống chi hàng phục con rồng lớn !".

Phàm người uống rượu có 10 tội lỗi :

1/ Nhan sắc xấu xa. 2/ Sức lực yếu ớt. 3/ Mắt xem không rõ. 4/ Hiện tướng sân hận. 5/ Phế bỏ nhiều việc sinh sống . 6/ Sinh nhiều tật bệnh 7/ Hay gây gỗ đánh lộn. 8/ Danh tốt mất hết, ác danh đồn khắp. 9/ Trí tuệ lần lần giảm bớt. 10/ Thân hoại mạng chung, đọa trong ba đường ác.

Từ này sắp về sau, các ông muốn nương theo ta làm thầy nhẫn đến không nên lấy cọng cỏ nhúng rượu đổ vào mói, nói như vậy rồi Phật liền kiết giới cấm.

Uống : Là nuốt vào cuống họng.

Rượu : Là dùng gạo hay nếp v.v... rải men vó ủ đặt thành rượu. Hoặc có thứ rượu đặt nhiều món, như là bông trái, ngó sen, mía, đường, mật v.v... gia thêm chút ít gạo nếp đặt thành rượu. khi uống nó làm say con người, nên gọi là rượu vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc rượu, rượu nấu rồi, rượu mới chan, mấy thứ rượu này, hoặc ăn uống phạm tội Đọa. Hoặc rượu có để chất ngọt, rượu có để chất chua, ăn men và ăn hèm rượu đều phải tội Ác tác. Rượu, tướng rượu và nghi, và tướng không phải rượu và nghi, đều phạm Ác tác. Có Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Hoặc có bệnh, mà các thứ thuốc trị không lành. phải dùng rượu để trợ thuốc hoặc xức ghẻ.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Phàm làm rượu màu, hoặc rượu thơm, rượu vị, hoặc thiếu một, hoặc thiếu hai, có thể làm say người, đều phạm tội Đọa". Còn không say người, phạm Ác tác. Hoặc uống nước cơm rượu bằng bông trái, hay làm say người cũng phạm Ác tác.

Nếu rượu bị sắc nấu uống không say người không phạm.

Hoặc rượu biến thành giấm, uống không say người, lóng trong thấy mặt, nhỏ vô chút nước làm tịnh, lấy bàn lược, lược đó đồng với thứ nước phi thời, tùy ý nên uống.

Phật nói : "Các ông muốn nương theo ta làm thầy và đi xuất gia thì không nên uống rượu, cũng không nên trao cho người khác uống, không chứa trữ, cho đến không lấy đọt tranh, chấm rượu để vào miệng".

Thiện Kiến Luật nói : "Hoặc lấy rượu nấu cơm, nấu thuốc, cố làm chất rượu thơm, phạm Ác tác. Rượu không chất thơm và không say người được ăn".

Tát Bà Đa Luận nói : "Ăn men phạm tội, lấy men rải trên cỏ, lấy rượu rưới lên nệm nằm sau khô rồi đem đi hòa với nước uống, làm cho người say vậy, ăn các thứ men khác không say không phạm

Giới thứ năm mươi hai
CẤM GIỠN TRONG NƯỚC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo giỡn chơi trong nước, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Thập thất quần Tỳ Kheo giỡn trong nước ở dưới sông. Vua Ba Tư Nặc cùng Hoàng hậu phu nhân, ở trên lầu nhìn thấy, phu nhân sai người đến thưa hỏi đức Thế Tôn. Phật do vì nhân duyên đó liền kiết giới cấm.

Giỡn trong nước : Là buông lòng tự do làm việc trong giỡn phi pháp.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Từ bờ bên này, đến bờ bên kia chơi giỡn, hoặc lội ngược hay bơi xuôi, hoặc lặn ở đáy trồi lên đằng kia, hoặc lấy tay rẽ nước, hoặc tát nước lẫn nhau, cho đến lấy bát múc nước dội bổng lên trời, đều phạm tội Đọa.

Nếu nước lạc tương, hay nước rượu bắp, lấy bát múc dội lên chơi, đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc lội ngang qua sông, hoặc lội kéo tre cây dưới nước, hoặc lội lượm cát đá, hoặc mất đồ dạc lội dưới nước mà kiếm, hoặc muốn học lội để cho biết phòng có sự bất trắc.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Nếu lấy nước tát bổng qua người kia tùy tạt ít nhiều, đều phạm tội Đọa".

Thập Tụng nói : "Lấy nước vẽ trên bàn, hay là trên giường ngồi, phải Ác tác".

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu lay thuyền giỡn nước phạm Ác tác".

Ngũ Phần Luật nói : "Đánh tuyết, hay là đánh mù sương trên ngọn cỏ đều phạm Ác tác".

Giới thứ năm mươi ba
CẤM LẤY TAY THỌT LÉC NHAU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy tay thọt lét nhau, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, lúc đó có một ông trong phái Lục quần thọt léc một ông trong phái Thập thất quần, cười đến mất thở chết luôn, chư Tỳ Kheo bạch Phật, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Lấy tay thọt léc nhau ? Đây thuộc về thân nghiệp, nghĩa là : lấy ngón tay moi quấu ông kia, cho ê nhột khó chịu, mà tức cười.

Ngón ? Là một trong mười ngón của hai bàn.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc lấy đủ mười ngón tay thọt léc nhau, đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy gậy, hoặc lấy cây gài cửa, lấy cán phủ phất và lấy tất cả vật khác, thọt léc nhau, đều phạm Ác tác. Bốn chúng sau phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc ngủ gục đụng cho thức, và tất cả lỡ đụng nhau.

Ngũ Phần Luật nói : "Thọt léc ông Sa Di, nhẫn đến loài súc sinh đều phạm tội Ác tác".

Giới thứ năm mươi bốn
CẤM KHÔNG NGHE LỜI CAN GIÁN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo không nghe lời can gián, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự ở nước Câu Thiểm Tỳ, bọn ông Xiển Đà muốn phạm giới. Các Tỳ Kheo can gián mà không nghe theo, vì thế mà Phật liền kiết giới cấm.

Không nghe lời can gián ? Nghĩa là các Tỳ Kheo đem lời chân chính khuyên can, dạy bảo, mà ông không nhận lãnh.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc ông kia ngăn rằng : đừng làm như vậy, không nên như vậy, song ông vẫn cố làm, thì phạm Đột Kiết La. Hoặc ông tự biết chỗ làm là quấy, song cứ làm, thì phạm tội Dọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc người vô tri đến can, hoặc nói lời giỡn cợt, hay nói lầm v.v...

Giới thứ năm mươi lăm
CẤM DỌA NHÁT NGƯỜI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dọa nhát Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Ba La Lê Tỳ, đi kinh hành ban đêm, ông Long Hộ Tỳ Kheo làm người thị giả; phép thường của chư Phật khi đi kinh hành, người cúng dường đứng đầu đường đi kinh hành, khi đó đầu đêm đã qua rồi, ông bèn thỉnh Phật về phòng, đức Thế Tôn làm thinh, giữa đêm và sau đêm đã qua, mà cũng còn đi như vậy.

Ông thị giả kia tự tâm nghĩ rằng : Ta bây giờ dọa nhát đức Thế Tôn, cho ngài về phòng, nghĩ như

thế rồi, ông lấy áo da thú mặc vào, giả làm thú, tiếng kêu nghe sợ sệt. Đức Thế Tôn sáng ngày nhóm chúng, quở trách ông kia rồi liền kiết giới cấm.

Dọa nhát : Nghĩa là : làm đủ cách hình trạng đáng ghê sợ, đặng dọa nhát người, là ý nói : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sắc : Nghĩa là : làm hình voi, ngựa, chim, thú, yêu quái v.v...

Thanh : Là tiếng ốc, tiếng trống, tiếng voi, tiếng ngựa v.v...

Hương : Là mùi, nghĩa là : mùi rễ thơm, da thơm, bông, lá, trái, các thứ hơi thơm và những hơi hôi v.v...

Vị : Là : chất chua, cay, ngọt, đắng, chát, mặn v.v...

Xúc : Là : đụng vật lạnh, nóng, mềm, cứng, trơn, rít v.v...

Pháp : Nghĩa là : nói với ông kia rằng : Tôi nằm chiêm bao thấy ông chết, thấy ông mất y bát, thấy ông thôi tu, Thầy của ông cũng thế, thấy cha mẹ ông bệnh nặng, hoặc chết, đem những chuyện như vậy mà dọa nhát.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc lấy sắc v.v... mà dọa nhát người khác, người kia thấy, nghe, biết, sợ hay không sợ đều phạm tội Đọa. Người kia không thấy, nghe, biết, phạm Ác tác. Nếu nói rõ ràng, phạm tội Đọa, không rõ ràng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là như thế nào ? Hoặc lấy hình sắc v.v...: chỉ về người hiểu không cố ý dọa nhát, hoặc có sự thật như vậy, hoặc thấy tướng như vậy, hoặc thấy trong chiêm bao, hoặc thấy sẽ chết, hoặc thấy thối tu, hoặc thấy mất y bát, cho đến thấy cha mẹ đau nặng sẽ chết nên nói với ông kia rằng : Tôi thấy ông có sự biến tướng như thế, cho đến nói lầm v.v..

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Làm những hình dạng và tiếng kêu đáng ghét v.v... cho người sinh tâm sợ rầu, thì phạm tội Dọa". Hay làm hình dạng và tiếng nói thương yêu v.v... cho người sinh tâm lo buồn, phạm Ác tác. Hoặc đối với người thọ học và những người khác làm cho họ kinh hoảng, phạm Ác tác. Hoặc nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tâm tưởng giao hòa để dắt dẫn họ tuy có sợ mà không phạm.

Giới thứ năm mươi sáu
CẤM TẮM RỬA QUÁ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo nửa tháng tắm một lần, Tỳ Kheo không bệnh phải giữ, không được quá, phạm Ba Dật Đề. Trừ khi khác, khi khác là : khi nóng nực, khi bệnh, khi làm việc, khi gió mưa, khi đi đường, đó gọi là khi khác.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá trong vườn Trúc Lâm, vua Bình Sa Vương cho các Tỳ Kheo tắm trong ao vua. Phái Lục quần thời sau đêm vào ao tắm rửa, vua và cung phi thế nữ muốn đến ao tắm, nghe tiếng bọn Lục quần, vua bèn lặng yên đợi. Bọn Lục quần lấy bột thuốc thoa cho nhau, tắm

rửa lẫn nhau, cho đến trời sáng, vua tắm không được bèn trở về, quan đại thần chê trách. Phật nghe thế liền kiết giới cấm.

Sau đó vì nhân duyên nóng nực v.v... nên Phật mở thêm câu : trừ khi khác...

Nửa tháng tắm rửa : Nghĩa là : cho thời hạn 15 ngày, tắm một lần. Tỳ Kheo không bệnh nên giữ.

Không được quá : Nghĩa là : Y giáo phụng hành không được trái bỏ.

Trừ khi khác : Là khi nóng nực v.v... tắm thì không phạm.

Khi nóng : Tức là mùa xuân 45 ngày và tháng đầu mùa hạ, chính là khi nóng nực. Mùa xuân 45 ngày, nghĩa là : mùa xuân còn một tháng rưỡi nữa, nên làm an cư, tức là ngày mùng 1 tháng 3 đến ngày rằm tháng 4. Một tháng đầu mùa hạ, nghĩa là nhập hạ một tháng tức là ngày 16 tháng 4 đến ngày rằm tháng 5. Trong hai tháng rưỡi này gọi là thời rất nóng nực.

Thời bệnh : Là cho đến thân thể ốm gầy.

Khi làm : Cho đến quét nhà, hay quét đất.

Khi mưa gió : Nhẫn đến một luồng gió phất qua, một giọt mưa rớt ướt mình.

Khi đi đường : Cho đến nửa do tuần, hoặc đi hoặc về.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Trừ khi khác, nếu xối một lần hết cả chân, hay là

xối nửa thân, đều phạm tội Đọa. Hoặc phương tiện muốn tắm mà chưa đi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Hoặc bị thế lực lôi kéo bắt tắm.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu không gặp các khi như trên, thì phải làm phép tắm như lò gốm tắm. Nghĩa là : trước lấy nước rửa hai bắp vế rửa lần đến hai gót chân, sau gội đầu, rửa mặt, rửa sau lưng, rửa hai cánh chó, hai bên hông và nách".

Tát Bà Đa Luận nói : "Bên nước Thiên Trúc sớm mai trời nóng nên gọi Thiên Trúc nhiệt thời. Như thế tùy theo xứ khi nóng sớm mai, khi nóng chiều, lấy hạn trong hai tháng rưỡi mà tắm thì không phạm".

Luật Nhiếp nói : "Hoặc có phương xứ, đất phần nhiều nắng nóng cũng tùy ý cho tắm. Hoặc khi tắm rửa, không nên mượn người bất tín, hay người mới tin, vào trong nhà tắm. Hoặc khi tắm rửa, cần phải tám tưởng chân chính".

Tỳ kheo muốn rửa sạch bụi trần cấu nhơ ở trong đời này, tưởng như thế vậy sau mới tắm, không nên cởi trần mà tắm, nên sắm chăn tắm, dài 4 cánh chó, bề rộng một cánh chó rưỡi. Khi sắp muốn tắm, phải xem nước kia không có loài trùng mới tắm. Nếu không có chăn tắm, phải lấy lá cây kết lại che thân, ở chỗ khuất mà tắm.

Hoặc khi tắm dưới sông hay là trong ao rồi, phải phương tiện lấy hai tay căng cái chăn ra đứng

cho dính lại, lần lần lên khỏi nước, đừng cho dính trùng, có khi phải mang thứ trùng nhỏ đi lên, khi lên rồi lấy khăn lau cho hết nước, vậy sau mới đắp y phục vô. Như lời dạy trên đây, không làm theo lời đó, đều phạm Ác tác.

Giới thứ năm mươi bảy
CẤM NHÚM LỬA GIỮA ĐẤT TRỐNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo không bệnh, tự nhúm lửa giữa đất trống mà hơ mình, hoặc dạy người nhúm, phạm Ba Dật Đề. Trừ có nhân duyên.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Khoáng dã, phái Lục quần ở trong hàng Thượng Tọa, không được tự do nói năng, bèn ra ngoài phòng đến chỗ đất trống, hốt cỏ khô đến gốc cây đại thọ nhúm lửa, khi đó trong bộng cây có con rắn độc, bị khói lửa bức ngạt, từ trong bộng cây bò ra. Bọn Lục quần sợ hoảng hốt, ôm lửa củi tung vãi văng lửa cháy nhà giảng đường của Phật, nhân vì đó mà Phật liền kiết giới cấm.

Sau đó có Tỳ Kheo lâm bệnh, ông nuôi bệnh nấu đồ ăn, hoặc nấu tại nhà trù, hay nấu trong thất ấm, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y, hoặc đốt đèn, hoặc đốt nhang v.v... cho nên Phật mở thêm câu : "Trừ có nhân duyên thì không phạm".

Không bệnh : Là thân không có bệnh chi mà phải hơ lửa.

Tự mình hơ lửa : Chẳng phải hơ cho người khác.

Đất trống : Là ngoài phòng, một chỗ đất không che kín thấy. Phật căn cứ đương lúc phạm duyên đó mà chế giới cấm.

Nếu không có nhân duyên, thì không cho nhúm lửa, vì đốt lửa hơ có 5 việc lỗi : 1/ Làm cho mất nhan sắc của người. 2/ Mất sức lực. 3/ Làm cho mắt mờ vì chảy nước mắt. 4/ Nhiều người xúm nhau làm ồn. 5/ Hay nói việc thế tục.

Nhúm lửa : Là lấy cỏ khô, cây và củi v.v... mà đốt cho cháy.

Dạy người nhúm : Chẳng phải mình nhúm mà dạy cho người khác nhúm cũng phạm Bổn tội.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc lấy cỏ, cây, nhánh, lá, phân trâu, rác rến, tấm cám v.v... cả thảy đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy lửa để trên cỏ, cây nhẫn đến tấm cám, cũng phạm tội Đọa. Hoặc lấy mấy thứ đó, đã cháy phân nửa quăng trong lửa, hay là quăng trong tro than, cũng phạm Ác tác. Hoặc không nói với tịnh nhân rằng : Ông biết đó xem đó, thì phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Khi có nhân duyên.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu cầm đuốc đi đường, muốn giụi tàn nó, không nên giụi chỗ đất chưa hầm, phải giụi ở trong tro hoặc trên đất chín, hoặc tàn đuốc tự rớt xuống đất, liền đập giũ trên đó không tội. Hoặc đốt tóc hay lông ngựa v.v... hoặc đốt da, bánh và thuốc độc, cũng phạm tội Diệt Tỳ Ni".

Luật Nhiếp nói : "Hoặc tóc, lông, móng tay, xương, đàm dãi, máu mủ v.v... để trong lửa, cũng phạm Ác tác".

Tát Bà Đa Luận nói : "Nếu đi đường lạnh nhiều, đốt lửa hơ không phạm".

Giới thứ năm mươi tám
CẤM GIẤU ĐỒ CỦA NGƯỜI KHÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo giấu y, bát, tọa cụ, ống kim của Tỳ Kheo khác, mình giấu hoặc dạy người giấu, cho đến giỡn chơi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ thiết cơm trai thỉnh chúng Tăng. Phái Thập thất quần Tỳ Kheo, đem y bát tọa cụ v.v.. để một bên đi kinh hành chậm rãi đợi đến giờ cơm. Bọn Lục quần rình ông kia đi kinh hành xoay mặt tới trước, lén lấy y bát ông kia giấu cất.

Đến giờ ngọ trai, tìm kiếm mà không được. Bọn Lục quần tới trước giễu cợt, các Tỳ Kheo xét biết bọn Lục quần giấu mới đến bạch Phật. Phật nhân đó kiết giới cấm.

Giấu ? Tức là cất kín.

Y ? Là ba y và các y khác nữa.

Bát ? Có hai thứ : bát bằng sắt và sành để lường thức ăn vậy.

Tọa cụ ? Là cái đồ để lót khi ngồi nằm vậy.

Ống kim ? Là vật để đựng kim chỉ, trong sáu vật này để giúp Tỳ Kheo hộ thân vậy.

Nhẫn đến giỡn cợt : Hoặc cố giấu cho ông kia buồn tức chơi hoặc giấu cho ổng thất công tìm kiếm cười chơi, đều phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Cố làm cho ông kia buồn hoặc vì giỡn cợt mà giấu cũng đều phạm tội Đọa. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là như thế nào ? Tướng thể đồng nhau mà lấy cất giùm, sợ mưa gió lợt màu, hoặc tính ông kia lơ đãng, để sáu món tràn lan, nên lấy giấu để răn dạy ông, hoặc ông kia mượn y ông khác đắp, rồi không thâu cất, sợ mất nên lấy cất, hoặc do vật này mà có mạng nạn phạm hạnh nạn, nên lấy cất:

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Chính các vật đó, hàng Sa môn nên chứa, nếu giấu thì phạm tội Đọa. Còn vật không nên chứa mà giấu phạm Ác tác. hoặc vật phạm Xả đọa, và ba y bất tịnh thí, hoặc y thiếu cỡ (*lượng*) hay là vật của người thọ học, vật của ngoại đạo Bà La Môn v.v... đem giấu cất phạm Ác tác".

Ngũ Phần Luật nói : "Giấu vật của bốn chúng kia, cho đến vật của súc sinh, phạm Ác tác. Cô Ni giấu vật của hai chúng trước, phạm tội Đọa, giấu vật ba chúng sau, phạm Ác tác".

Giới thứ năm mươi chín
CẤM LẤY Y TỊNH THÍ ĐẮP

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đã cho y cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, sau không hỏi chủ lấy lại đắp phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, bọn Lục quần chân thật thí y cho Tỳ Kheo khác rồi, sau không nói cho chủ hay, lấy lại đắp, các Tỳ Kheo thấy thế chê trách, nên đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Cho ? Là thí cho người kia rồi.

Thức Xoa Ma Na ? Trung Hoa dịch là : Học pháp nữ : nghĩa là ở trong hai năm học sáu pháp và các oai nghi của các Tỳ Kheo Ni. Con gái có chồng rồi được nhân duyên xuất gia, trong 10 năm, cho hai năm học sáu pháp, đủ 12 năm truyền cho thọ cụ túc giới, nếu con gái đồng nữ 18 tuổi cho học sáu pháp, đủ 20 tuổi truyền cho thọ giới cụ túc.

Sao gọi là sáu pháp ? 1/ Nhiễm tâm đụng chạm. 2/ Trộm của người bốn tiền. 3/ Đoạn mạng súc sinh. 4/ Tiểu vọng ngữ. 5/ Ăn phi thời. 6/ Uống rượu. Nếu phạm sáu pháp này, phải thọ giới lại, nếu phạm tội Căn bản, thì phải đuổi ra.

Sa Di ? Trung Hoa dịch là : Cầu tịch, nghĩa là: cùng được chứng quả Niết bàn tới chỗ viên tịch vậy.

Ni ? Là nữ

Y ? Là mười món y đồng giải như trước.

Không cho chủ hay lấy đắp ? Nghĩa là : đem thí cho ông kia rồi, sau lại không hỏi mượn, mà lấy đại mặc đắp.

Chỗ nói cho đó ? Là y đã làm phép tịnh thí rồi vậy.

Tịnh thí có hai cách : Một là : chân thật tịnh thí nghĩa là : chân thật thí cho ông kia, phải nói : Thưa Đại đức, một lòng thương tưởng, tôi có cái y dư đây, chưa làm phép tịnh, nay làm tịnh vậy, xả cho Đại đức là chân thật tịnh thí. Hai là: triển chuyển tịnh thí, nghĩa là : đối với ông kia làm phép, vậy sau chưa dùng, phải cầm y đối trước một vị Tỳ Kheo thưa rằng : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, đây là cái y dư của tôi, chưa làm phép tịnh, nay vì làm phép tịnh, thí cho Đại đức để lần lượt tịnh vậy.

Ông bị thọ phép tịnh kia nói : Trưởng lão lóng nghe, ngài có y dư như vậy, chưa làm phép tịnh, nay làm phép tịnh cho tôi, tôi nay thọ lãnh.

Thọ rồi phải hỏi : Ngài muốn cho ai ?...

Ông kia đáp : Cho Tỳ Kheo pháp danh... Ông thọ tịnh nói : Trưởng lão ngài có cái y dư đây, chưa làm phép tịnh, nay làm tịnh, thí cho tôi, nay tôi thọ lãnh cho lại Tỳ Kheo... Như vậy y này là vật sở hữu của Tỳ Kheo... ông Tỳ Kheo... lãnh để giữ gìn tùy ý dùng (*bát dư và thuốc dư, cũng đồng làm phép tịnh như văn này*).

Nếu chân thật thí rồi, thí phải hỏi lại chủ, vậy sau mới được lấy đắp mặc. Còn triển chuyển tịnh thí, thì hỏi hay không hỏi, tùy ý lấy đắp mặc.

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu y vật rất nhiều, phải nói tên mỗi thứ, hoặc muốn nói chung, phải buộc chùm dính lại, vậy sau mới thưa".

Thể thức phạm tội trong đây là thế nào ? Nếu thật chân thí y cho ông kia rồi, không thưa cho

chủ hay. mà lấy đắp, phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni đồng phạm. ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Cứ theo như trên, nên biết.

Phụ văn : Triển chuyển thí : tức là cầm y đối với ông kia làm phép tịnh. Bản Tân dịch, tên mỗi mỗi thứ, khi làm phép tịnh rồi, lâu mau tùy ý chứa đó, tức là không phải thật thí cho ông kia vậy. Nói thí cho ông (*mỗ giáp*) tức là tùy ý lấy tay chỉ nói tên ông thân hữu Tỳ Kheo, song không cần phải nói cho ông biết.

Căn bản Yết Ma nói : "Phải đối trước hai thầy, tức là vị Hòa Thượng và A Xà Lê, và các bậc tôn túc mà nói gửi, phải cầm vật đó đối trước các Tỳ Kheo nói như vầy : Cụ thọ nghĩ tưởng, tôi Tỳ Kheo... có cái y dư đây, chưa làm đúng như pháp, tôi nay đối trước Cụ thọ, mà làm phép cho rành rẽ, phải cầu ông thân giáo sư làm phép nói gửi : tôi nay giữ cái y này (*nói ba lần*).

Lời chú giải : Trong đây chỉ nói, đối với hai thầy mà làm phép nói gửi, ý nói cái y đó của hai thầy, tiêu biểu xa lìa được sự nhiễm đắm, khỏi tội lỗi thuộc về mình. Song cũng không cần thỉnh làm ông thí chủ. Trong Luật dạy lấy tay chỉ vói mà thôi, không cần phải nói cho ông kia biết, ông kia dầu ở ngoài biển đi nữa, miễn thân ông còn sống, lấy tay xa chỉ nói gửi, cũng không lỗi. Ông kia nếu chết, tay xa chỉ chỗ khác, cũng được. Phàm nói rằng : Nói gửi, là chỉ rõ ông kia là người được giao phó vậy.

Ngũ Phần Luật nói : "Nếu Tỳ Kheo ở riêng có y dư, phải làm phép tịnh thí xa tay chỉ. Hoặc trong ba y cần dùng, có thay đổi, phải đắp y bày vai bên hữu, bỏ guốc quỳ gối, hai tay cầm y, tâm tưởng miệng nói : Cái y của tôi (*mấy điều*) nay xin xả (*nói ba lần*)".

Vậy sau mới được thọ y dư, cũng làm đúng như oai nghi trước, tâm tưởng miệng nói : Cái y của tôi (*mấy điều*) nay tôi xin thọ (*nói ba lần*)".

Cái y xả đây cũng phải làm phép tịnh thí, đủ oai nghi như trước, tâm tưởng miệng nói : Y dư tôi đây, nay tịnh thí cho ông (*mỗ giáp...*) Rồi theo ông kia lấy dùng, nếu không cần đổi, thọ đó, cái y dư đấy phải liền làm phép như trước mà tịnh thí.

Phép tịnh thí riêng, đến ngày thứ hai, cũng phải đủ oai nghi như trước, tâm tưởng miệng nói: Y dư tôi đây, theo ông mỗ giáp... xin lại, được đến ngày thứ 10, cũng làm phép tịnh thí như trước. Nếu đối với người tịnh thí, nên làm phép triển chuyển tịnh thí.

Tát Bà Đa Luận nói : "96 phái ngoại đạo, không có phép tịnh thí, Phật vì lòng đại từ bi phương tiện gắng sức dạy cho phép tịnh thí. Khiến các đệ tử được chứa y và của dư mà không phạm giới. Hỏi rằng : Vì sao đức Phật không cho ngay các đệ tử được chứa của dư, mà cượng kiết giới nói làm phương tiện như vậy ? Đáp rằng : Phật pháp lấy thiểu dục tri túc làm căn bản, cho nên kiết giới, không cho chứa của cải dư nhiều, nhưng vì chúng sinh căn tính không đồng, hoặc có chúng sinh chất

chứa dành để, đặng sau khi hành đạo mới chứng được quả thánh cho nên đức Như Lai trước vì kiết giới cấm, nhưng rồi sau đấy mới phương tiện mở cho. Đặng đối với Phật pháp khỏi ngăn ngại và chúng sinh cũng được lợi ích. Pháp tịnh thí : Như tiền bạc hay tất cả vật báu, phải trước tìm một ông tịnh nhân biết pháp nói ý cho hiểu : Nói cái phép của Tỳ Kheo tôi không được chứa tiền bạc và vật báu, nay đây do người đàn việt đưa đến, ông nên vì tôi làm ông chủ tịnh thí, sau tôi có được tiền bạc vật báu thì gửi hết cho người đàn việt, vì được ông chủ tịnh rồi, sau được tiền bạc vật báu, đem đến một vị Tỳ Kheo nói tức là tịnh, không cần nói tên ông chủ tịnh, vì có nói ông chủ tịnh rồi, thì tùy chứa bao nhiêu lâu cũng được.

Nếu ông chủ tịnh chết, hoặc đi đến nước khác, phải cầu ông chủ tịnh khác nữa, trừ tiền và vật báu ra, còn bao nhiêu tất cả đồ dư, đều phải đối với năm chúng mà làm phép tịnh.

Phải cầu ông trì giới đa văn có đức, làm ông chủ tịnh, sau dầu được vật, đối một thầy Tỳ Kheo, nói tên ông chủ tịnh, mà làm phép thuyết tịnh.

Nếu ông chủ tịnh chết, hoặc ông đi đến nước khác, phải cầu ông chủ tịnh nữa. Trừ tất cả người có tội, người đui, người điếc, người câm, người bệnh lãng tâm v.v...

Phàm có ông chủ tịnh thí, muốn cho món thanh tịnh, nên ông làm phép chứng minh vậy, khỏi sinh tâm đấu tranh. Những người không làm như thế, thì không đúng pháp.

Giới thứ sáu mươi mốt
CẤM Y MỚI KHÔNG NHUỘM CHO HOẠI SẮC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo được y mới, phải nhuộm ba màu cho hoại sắc, trong mỗi màu tùy ý làm cho hoại sắc : hoặc xanh, đen, mộc lan. Nếu không nhuộm cho hoại sắc, mặc bao nhiêu y mới phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần mặc y sắc trắng đi, các ông Cư sĩ thấy chê cười, nhân đó Phật liền kiết giới cấm.

Y mới : Là y mới may, hoặc y cũ mà họ mới cho, cũng gọi là y mới (*hay họ cho cái y nhuộm rồi đúng như pháp, xét đúng lý thì không phạm, song phải điểm tịnh rồi mới mặc*).

Phải nhuộm ba màu cho hoại sắc : Là nhuộm màu xanh, đen, mộc lan.

Trong mỗi màu tùy ý nhuộm cho hoại sắc : Nghĩa là trong ba màu tùy ý nhuộm một màu cho hoại sắc.

Xanh : tức là không phải xanh đậm, hay ròng một thứ xanh.

Đen : Nghĩa nhuộm bùn, song cũng không phải cho nhuộm ròng đen hay là nhuộm bùn đen đậm giống y kẻ ngoại đạo mặc. Phải trộn với đất đỏ, đá đỏ và vỏ cây.

Mộc lan : Tức là tên cây cũng gọi là rừng lan, vỏ cây kia nhuộm y có màu đỏ.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Được cái y mới, không nhuộm ba màu đó mà mặc, thì phạm

tội Đọa. Hoặc được cái y dày, y mỏng và túi đựng bát, túi đựng giày dép, túi đựng chỉ kim, dây đai buộc lưng, mũ đội, bí tất, khăn v.v... không làm phép tịnh mà chứa, đều phạm Ác tác. Nếu đem y chưa nhuộm mà gửi nhà bạch y, cũng phạm tội Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Không trái lời cấm trước. Nếu được y phai màu thì phải nhuộm lại.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : "Nếu được cái y màu xanh, phải thêm hai màu làm tịnh, một là : bùn đen, hai là : đỏ dợt. Hoặc được có y màu đen, cũng phải thêm hai món cho tịnh, một là màu xanh, hai là màu vàng đỏ. Nếu được cái y màu vàng, y đỏ, y trắng, phải lấy ba món như trên mà làm cho tịnh".

Luật Nhiếp nói : "Cho đến cái khăn lau bát, khăn lau chân, đãy đựng bát, dây buộc lưng v.v... đều phải nhuộm cho hoại sắc, và điểm tịnh xong rồi mới chứa".

Tát Bà Đa Luận nói : "Trừ ba y ra, còn bao nhiêu y khác chỉ điểm ba dấu cho tịnh rồi mặc không tội. Hoặc các thứ đồ không thật xanh, hoặc xanh lợt, hay là trắng hãy điểm tịnh, như cái quần lót và áo lá, không lộ ra ngoài thì được mặc. Hoặc áo mà lộ bên ngoài cũng không được mặc. Hoặc áo màu đỏ, màu vàng, màu trắng, cũng đừng cho chính sắc, trừ ra như giày guốc, còn bao nhiêu tất cả y, ngọa cụ v.v... đều phải điểm ba dấu cho tịnh rồi mới mặc. Nếu chưa điểm mà mặc dùng đều phạm tội Đọa".

Hoặc cái y màu sắc đúng như pháp, nhưng lấy nhuộm năm màu chính điểm tịnh rồi mặc, phạm tội

Ác tác. Trừ 5 sắc chính ra. hoặc có y thật vàng, hay vàng lợt, vàng màu uất kim, xanh đen, và tất cả màu xanh, cũng không nên mặc. Hoặc vàng, đỏ, trắng, tùy có điểm tịnh ba dấu, mặc cũng phạm Ác tác".

Tăng Kỳ Luật nói : "Khi làm tịnh rất lớn chừng bằng bốn ngón tay, rất nhỏ như hột đậu, hoặc một điểm, ba điểm, năm điểm, bảy điểm, chín điểm, không được điểm giống hình cái bông".

Hoặc khi giặt vải có bùn dính lên, chim dậm đạp chân bùn ở trên đó cũng gọi là tịnh. Hoặc được vật, nhiều thứ mới cũ rách nát hiệp kết lại một chỗ, điểm tịnh một cái cũng được. Nếu để riêng mỗi cái thì phải điểm tịnh từ cái.

Hoặc y Tăng Già Lê mới may, điểm tịnh ở ngoài góc, may một miếng vải cũ bằng nửa điều, hay là bằng một điều, đó tức là tịnh. Hoặc y bậc hạ và tất cả y khác, nhẫn đến một đường chỉ mới may cũng phải làm tịnh.

Có chỗ giải rằng : "Phàm được tất cả thứ vải nào không đúng pháp, phải dùng ba màu nhuộm làm tịnh. Hoặc được các thứ vải nào đúng như pháp, phải dùng ba màu có điểm tịnh".

Xá lặc : Trung Hoa dịch áo nội y (*áo lá*) giống như cái quần vắn (*quần lót*).

Giới thứ sáu mươi mốt
CẤM GIẾT LOÀI SÚC SINH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố giết mạng loài súc sinh, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, ông Ca Lưu Đà Di không ưa thấy loài chim quạ, nên chẻ tre làm cung tên bắn. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Cố : Tức là không phải lầm hay ngộ sát.

Giết : Tức là đoạn dứt mạng căn, không cho nối nhau, hoặc tự đoạn hay dạy người đoạn, nhẫn đến lấy thuốc độc để trong đồ ăn giết v.v... tìm đủ cách giết, rộng giải như trong thiên ban đầu.

Súc sinh : Là thuận theo đời, thuận theo cõi mà nói, còn nói cho đúng là Bàng sinh, do vì hình nó đi lưng ngang, đi lưng xương sống trở lên trời, cho nên đi cũng ngang mà cũng không cần ai nuôi dưỡng, mà gọi là súc sinh.

Sở dĩ tất cả loài cầm thú cá trạnh, và loài quyên phi, xuẩn động v.v... phàm có mạng sống phải vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc lấy tâm giết hại muốn cho loài súc sinh kia chết, phạm tội Đọa, hoặc dùng phương tiện muốn giết mà không nghe cũng phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Tất cả không có tâm giết hại hoặc giết lầm (*ngộ sát*) v.v...

Phụ văn : Ma Đắc Lặc Già Luận nói : "Muốn chặt dây sắn, chặt lầm con rắn, không phạm, muốn chặt con rắn mà chặt lầm dây sắn phạm Ác tác. Muốn giết con trùng này, mà giết lầm con trùng kia, muốn giết con trùng, mà chặt trật xuống đất, muốn lấy cây đè trùng, mà đè trật xuống đất, đều phạm Ác tác.

Có chỗ giải rằng : Nguyên trong giới, cái tính tội, giá tội cụ thể của nói "vô tác", thể tính vô tác kia, từ khi thọ giới, bạch ba lần Yết Ma, tức là đắc giới.

Đắc thể tính này rồi, mặc dầu chỉ ác, mặc dầu hành thiện. không đợi gì tạo tác mới có, nên gọi là vô tác, vì thế nên đối một bên tất cả thánh phàm, được giới bất sát và đối một bên tất cả loài hữu tình, loài vô tình, được giới không trộm, nhẫn đến đối tất cả đất cát, được giới khỏi đào, đối với tất cả thảo mộc, được giới khỏi chặt.

Như vậy, hai trăm năm mươi giới pháp mỗi mỗi đều khắp cả pháp giới, giữ một giới thì phước sánh bằng hư không, huống nữa giữ giới luật hoàn toàn, thế cho nên người xuất gia, trì giới trong một ngày một đêm, công đức không thể cùng tột vậy.

Nói tính giới đó, gốc tính nếu thật là tội, thì không luận thọ giới hay không thọ giới, phạm đó tức là tính ác, trì đó tức là tính thiện, không do Phật chế, mới có lành dữ, cho nên đây cũng gọi là Cựu giới, tức là giới sẵn có nơi tâm.

Giá giới đó, gốc nó không phải là tội, nhưng phải chế giới, ngăn không cho làm phạm đó mắc tội, không thọ phạm không mắc tội, như cỏ như cây v.v... Người thế tục tức không cấm, chặt nhổ thì không tội.

Tỳ Kheo được thọ giới này rồi, giới vô tác tự sinh, thì thời được phước, phá thì phạm tội ! Lại nữa, giá tội đây, đối với tất cả trên tính giới đều có,

sám thời giá tội hết nhưng tính tội vẫn còn. Như "*chặt cây nhổ cỏ*" và giết "*súc sinh*" đều thuộc về tội Đọa, sám tức là hai tội đều hết, nhưng cái tội thường mạng vẫn còn.

Cho nên tính tội, giá tội không đồng, riêng thuộc mỗi mỗi. Trong hai trăm năm mươi giới, thuộc về tính tội thì, như thiên ban đầu : tội tứ khí, thiên thứ hai : tội đụng nhau, nói ác và tội vô căn chê bai v.v...; thiên thứ ba : cướp y, nói vọng, chê bai, hai lưỡi, nói khác, hiềm mắng, cưỡng đoạt chỗ ngủ nghỉ, kéo ra khỏi phòng, dùng hai thứ nước có trùng, sát sinh, cố não, che tội, quở trách, nói giới lụn vụn, ngồi chỗ khuất mà nghe nói chuyện, sân đánh Tỳ Kheo v.v... còn bao nhiêu phần nhiều thuộc trong giá tội lệ theo nghĩa đây, nên biết.

Minh Liễu Luận nói : "Phật sở dĩ chế giới có ba nguyên nhân : 1/ Tính tội. 2/ Chế tội. 3/ Hai tội, tính tội hoặc như thân, khẩu, ý bị thuộc ác nghiệp, hoặc do theo sự lầm lạc kiến hoặc tư hoặc, hay là hoặc đẳng lưu cho nên phạm". Lại nữa, trong đây, có lỗi phạm, vì cố ý không nhiếp tâm, nên nghiệp nhiễm ô tăng trưởng, sánh hai chỗ phạm đây, đều có tội tiếp tục nối nhau, nên gọi là tính tội.

Khác đây có ba nguyên nhân bị phạm : hoặc do cái giới không thể phân biệt, hoặc do thất niệm, ý phạm lỗi.

Trong đây nếu không lầm (*kiến tư hoặc*), hay cái lầm tiếp tục luôn luôn (*hoặc đẳng lưu*), lại nữa không nghĩ tưởng, mỗi niệm tăng trưởng, đó gọi là

chế tội. Nếu đủ cả hai tướng, đây gọi : Chế, Tình hai tội.

Nếu như người có thể biết lý, thì tự nhiên phân biệt nghĩa trong giới đây, người ấy đối với giới luật được rành rẽ, không cần nhìn mặt người kia khỏi phải đợi người kia bắt bẻ.

Giới thứ sáu mươi hai
CẤM UỐNG DÙNG NƯỚC CÓ TRÙNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết nước có trùng, dùng uống phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Lục quần xách nước có trùng uống dùng, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Biết : Hoặc mình xét biết, hay nhân người khác nói mà biết.

Nước : Các thứ nước, tức là nước sông, nước ao, giếng, suối, ngòi rạch, cho đến nước tương, giấm, sữa v.v...

Trùng : Hoặc ngó vào, hoặc lược mà thấy.

Uống dùng : Uống, thuộc về trong thân, dùng, thuộc về rửa ráy bên ngoài, nên đồng cấm như giới trước.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Biết đó là nước có trùng, hoặc nước tương, nước giấm v.v... có trùng mà uống dùng, phạm tội Đọa, cảnh tưởng đồng như trước, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Phật dạy : "May bàn lọc nước, giống hình cái gáo, hoặc may ba góc, hoặc làm cái bình lược, hoặc trùng nhỏ còn lọt qua, cho để cát trong bàn lược, lọc rồi trùng trong cát, đem đổ lại trong nước. Không nên đi nửa do tuần, mà không đem bàn lược nước theo, nếu không có bàn lược nước, nên lấy chéo y Tăng Già Lê mà lược".

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Nếu Tỳ Kheo không lấy lụa v.v... làm bàn lược, thì không nên đi đến làng khác, đến chùa khác, chừng ba Câu lô xá, hoặc đi đến chỗ kia, biết chỗ đó có sẵn, không đem theo thì không phạm, tức là biết chùa kia thường có nước tịnh, hoặc biết trước trong sông giếng đó không có trùng".

Có 5 thứ mắt không xem được trước :

1/ Con mắt đau ghẻ. 2/ Con mắt lòa. 3/ Mắt cuồng loạn. 4/ Mắt bệnh già. 5/ Mắt thiên nhãn (*mắt trời*) đối với con mắt người, sự không đồng cho nên không thể xem được.

Bao nhiêu thời gian mới xem một lần ? Nghĩa là trong chừng sáu cỡ trâu kéo xe quay trở, độ chừng một giờ, hoặc tâm định rồi, xem biết nước không trùng, dầu không lược uống cũng không phạm.

Không xem không lược đều không nên dùng, phải biết vật làm bàn lược có năm thứ :

1/- Là bàn lược vuông, nên dùng thứ lụa dày nhuyễn chừng hai thước, tùy lớn nhỏ.

2.- Phép lược bằng bình, cái bình có âm dương.

3.- Là lược bằng cái quân trì ca : chính là cái bình vậy, lấy lụa bịt miệng, lấy dây nhỏ buộc cổ, thả chìm trong nước, đợi đầy đem ra, nhưng phải xem xét, không trùng thì mới được thọ dùng.

4.- Là cái Chước thủy la, tức là cái bàn lược nước nhỏ.

5.- Là cái Y giác la, nên lấy lụa dày vuông vức chừng một gang tay, hoặc buộc miệng bình, hoặc để miệng chén, lược sẵn khi cần dùng, chẳng phải lấy chéo y Ca sa vậy.

Nếu đi ghe xuôi theo dòng nước chảy, chừng một giờ xem nước không trùng, xa chừng năm Câu lô xá, nếu sông không chảy chừng ba Câu lô xá, tuy không bàn lược nước đi cũng không phạm. Nếu sông chảy xuôi, mỗi giờ xem nước không trùng chừng một Câu lỗ xá, tùy ý uống dùng, song, ở trong đó, không được vào sông khác. Nếu nước không chảy, hay là dòng nước chảy nghịch, trong một giờ phải xem cỡ trong một tầm được dùng.

Có năm món nước tịnh : 1/ Tăng già tịnh. 2/ Riêng mỗi người tịnh. 3/ Lược rồi tịnh. 4/ Thùng và suối tịnh. 5/ Giếng nước tịnh. Nghĩa là giếng kia thường không có trùng, nếu biết người kia là người trì giới, giữ hộ sinh mạng, dầu không xem xét, uống dùng cũng không phạm.

Phàm khi xem nước, từ khi mặt trời mới mọc, nhẫn đến ngày mai khi mặt trời chưa sắp mọc trở lại, đều tùy thọ dùng. Nếu khi xem nước trùng nhỏ khó thấy, nên lấy cỏ vạch xem, đừng lấy tay vạch.

Khi múc nước xong, miệng lụa để trong chén, nếu gần sông ao, đem đến chỗ kia nghiêng úp xuống, khéo rớt trên đất khô, nên thả trong giếng, không nên treo bỏ, hay là lật bàn lược để trên miệng giếng làm cho trùng chết khô. Hoặc đến đổi làm cho tổn hại loài trùng sống, phải làm đồ phóng sinh, nhẹ tay ngâm trong giếng miếng lụa đó phải giặt cho sạch, phơi nắng cho khô.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu trùng trong nước rất vi tế, thì không nên tới trong đó rửa tay, rửa mặt và đi đại tiểu hoặc người không đáng tin cậy không nên bảo lược nước. Tỳ Kheo chính phải tự lược nước mà dùng".

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói rằng : "Lược nước là lấy số trong sáu món của Tỳ Kheo, không nên không giữ, nếu đi đường 15 dặm không có bàn lược nước thì không nên đi". Nếu biết chùa không bàn lược nước, thì không nên ăn uống, thà chết khát giữa đường đủ làm rùa gương (*phép tắc*) Thánh giáo của đức Như Lai, lấy sự từ bi làm gốc.

Sở dĩ Phật ra giới luật, tội có tính – giá. Giá : thuộc về sự nên phạm nhẹ. Tính : thuộc về lý, nên phạm nặng. Tính tội ở về bên trong, sát sinh là giới ban đầu, cho nên người trí phải nên giữ gìn.

Nếu lấy việc lược nước này cho là khinh, thì còn việc nào mới gọi là trọng ư ? !... Nếu có thể y theo lời Phật dạy vâng làm, thì hiện đời đây được quả báo trường thọ, đời sau sẽ sinh về tịnh độ. Nếu học thông ba tạng, nhập vào định tứ thiền, kềm tưởng lý vô sinh, lóng tâm vào lý không mà nếu

không hộ mạng chúng sinh, và không y giáo phụng hành, rồi cũng chưa khỏi Phật quở trách.

Mười điều ác, điều ác ban đầu ai thế cho ta ? ... Vả như thấy ai dắt con dê vào chùa, chưa khỏi đôi ba miệng xúi thả, làm nhân trường sinh, chúng nhóm lại coi khảy móng tay khen tốt, đâu rõ biết trong phòng mình dùng nước có trùng, một ngày sát sinh hàng ngàn vạn, đã biết lý Phật dạy, thì đừng nên khinh dễ.

Phải chín chắn xem xét, lợi mình, lợi vật, khéo hộ khéo nghĩ, còn có ai dạy cày ruộng trồng tỉa, chỉ thấy việc lợi nhỏ, chớ không thấy việc hại to, dưới nước hay trên bờ, đều hại chúng sinh vô số các tội lỗi đây, muốn như thế nào, bấy giờ đành chịu bó tay, đến cửa huỳnh tuyền mặc dầu người phân xử.

Cho nên trong kinh nói : Những người sát sinh, sẽ đọa trong tam đồ, dầu được sinh lên làm người, chết yểu và nhiều bệnh. Than ôi !... khổ này ai thay thế cho ta, làm sao khỏi được ?...

May thay !... Tốt thay !... Khá gọi đức Thích Ca đối với chúng sinh đời mạt pháp đồng kết nhân lành thương xót, đức Di Lặc khi mới thành, đồng chứng quả vô sinh.

Giới thứ sáu mươi ba
CẤM CỐ NÃO ÔNG KHÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cố não Tỳ Kheo khác, cho đến trong chút lát không vui, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, phái Thập thất quần, đến hỏi phái Lục quần rằng : Sao gọi là nhập sơ thiền nhẫn đến nhập tứ thiền. Làm sao nhập vào lý không, vô tướng và vô nguyện. Và làm sao chứng được quả Dự lưu, nhẫn đến quả vô sinh ?...

Phái Lục quần trả lời rằng : Như lời các ông đã nói thì khác nào mình xưng mình được pháp thượng nhân, phạm tội Ba La Di chẳng phải Tỳ Kheo.

Phái Thập thất quần bèn đến bạch với vị Thượng Tọa : Nếu hỏi như thế, bị phạm tội gì ?... Đáp rằng : Không phạm. Tức xét ông kia cùng bọn Thập thất quần, làm cho nghi não, nên bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Cố não là gì ? Nghĩa là cố tâm làm cho ông kia nghi hối mà sinh tâm não, hoặc khi sinh tâm nghi, rồi như hỏi ông kia rằng : Ông từ đâu sinh lại và được mấy ngày ?... Đáp : sinh hồi thuở nào không biết, bảo rằng : ông sinh hồi nào không biết, thì ông sinh cũng như người khác. Hoặc nghi niên lạp hỏi rằng : Ông được mấy lạp ?... Đáp : mấy lạp tôi cũng không biết. Hỏi : ông nói rằng mấy lạp ông cũng không biết, thì ông có khác nào người mới thọ giới, ông chưa biết ông có mấy lạp thì làm sao ông thọ đắc giới ?...

Hoặc vì thọ giới sinh nghi, hỏi rằng : Ông thọ giới tuổi chắc chưa đủ hai mươi, hay là ông ở trong giới làm việc riêng chúng ?... Hoặc làm phép Yết Ma sinh nghi, hỏi rằng : Ông khi thọ giới, phép bạch không thành, Yết Ma không thành phi pháp riêng

chúng phải vậy không ? Hoặc vì phạm sinh nghi, hỏi rằng : Ông chắc phạm Ba La Di, nhẫn đến ông phạm Đột Kiết La tội ác thuyết phải chăng ? Hoặc vì pháp sinh nghi. Bảo rằng : lời các ông chỗ hỏi đây chắc thật phạm Ba La Di chẳng phải Tỳ Kheo vậy.

Trong chút lát không vui : Ba mươi tu du (*chút lát*) là một ngày một đêm, nghĩa là làm cho ông kia, nhẫn đến trong chút lát tâm không yên ổn.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hoặc cố đem việc này làm nghi não ông kia, nói rõ ràng, thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Sự kia có thật vậy, không cố tâm làm cho ông kia nghi não, sợ sau rồi ăn năn, vì muốn lợi ích nên nói, nhẫn đến nói lầm v.v...

Luật Nhiếp nói : Nếu dấy tâm làm việc lợi ích, thuận theo luật Phật dạy, lấy lý mở đắt người, cũng đều không phạm.

Giới thứ sáu mươi bốn
CẤM CHE TỘI THÔ ÔNG KIA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo khác có phạm tội thô mà che giấu, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà đôi ba phen có phạm tội, tới nói với thầy Tỳ Kheo thân hậu, rồi dặn bảo ông đừng nói với ai. Sau khi ông Bạt Nan Đà cùng với ông kia kình lộn, ông kia bèn tới Tỳ Kheo khác khai tội ông Bạt Nan Đà, các Tỳ Kheo kia hỏi, biết ông kia sau

này bị kinh lộn nên mới nói, các Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Biết : Hoặc mình thấy biết, hoặc người khác nói cho biết.

Tỳ Kheo khác : Là người trong chúng Tăng thọ đại giới.

Thô tội là gì ? Là tội tứ khí và 13 tội Tăng tàng.

Che giấu : Là giữ kín tội lỗi, mà không nói ra vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc biết mà che giấu, trong thời tiểu thực đến thời ngọ thực mới nói, hoặc biết mà che giấu, trong thời ngọ thực đến đầu đêm mới nói, biết mà che giấu, trong thời đầu đêm đến giữa đêm mới nói, đều phạm Ác tác. Hoặc biết mà che giấu từ giữa đêm, để đến sau đêm, muốn nói mà chưa nói, để đến mặt trời mọc, phạm tội Đọa.

Nếu che giấu các tội khác, hoặc che giấu Thô tội của mình, hoặc che giấu Thô tội của ông Sa Di, đều phạm Ác tác. Thô tội tưởng Thô tội, phạm tội Đọa. Còn bao nhiêu phạm Ác tác, Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác. Hoặc cô Ni che giấu tội khí của cô kia, thì phạm tội Ba La Di.

Không phạm là gì ? Trước không biết ông đó có Thô tội hay là tưởng không Thô tội, hoặc không người tới nói được, hay là nói mà xảy ra mạng nạn, phạm hạnh nạn không nói không phạm.

Hoặc trong hàng Tỳ Kheo có 5 pháp nên cử tội người : 1/ Biết phải thời hay phi thời. 2/ Ông đó chân thật hay không chân thật. 3/ Ông đó có lợi ích hay tổn hại. 4/ Ông đó nhu nhuyến hay thô cộc. 5/ Ông đó có từ tâm hay là sân nhuế.

Hoặc thân thể và oai nghi ổng không thanh tịnh, hay là nói năng cũng không thanh tịnh, nuôi mạng sống cũng không thanh tịnh, ít nghe và không hiểu kinh, hoặc ông đó ít nghe mà không tụng luật, biện nói không rành rẽ. Khác nào như con dê trắng, thật không đáng cách cử tội người. Hoặc các pháp ông được đầy đủ, nhưng cũng phải đúng thời, đúng pháp cử tội người.

Lại nữa, Tỳ Kheo phạm tội đây, có thương và cung kính ta, thì nên cử tội ông, hoặc ổng không thương, mà có kính, hay ổng không cung kính, mà có thương, cũng nên cử tội. Hoặc ổng không thương, không cung kính, mà có thể làm cho ổng bỏ điều dữ, vâng làm điều lành thì nên cử. Hoặc ông kia có tôn trọng các Tỳ Kheo, kính tin ham mộ, có thể bảo ổng bỏ ác làm lành, thì nên cử. Hoặc các việc trên mà ổng cũng không hết, thì chúng Tăng nên hủy bỏ không cử, để yên đó rồi đuổi đi, nói rằng : Trưởng lão, tùy ý ông muốn đi đâu thì đi. Chúng Tăng sẽ vì ông mà làm phép cử, làm phép nhớ tưởng, làm phép tự nói tội mà trị, ngăn việc xả tội, ngăn tụng giới, ngăn tự tứ. Ví như anh thọ tập ngựa, ngựa dữ khó điều phục, thì phải tra cương, căng nọc hoặc đuổi bỏ. Tỳ Kheo như vậy, không nên trước theo

chúng Tăng cầu xin xả tội cho ổng, phải trị ổng bằng cách như thế."

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Che giấu người phạm Thô tội có ba món : 1/ Che giấu cho người phạm tội tứ khí, người phạm tội Tăng tàng, người phạm tội Đọa. 2/ Che giấu cho người phạm tội, làm cho thân Phật ra máu, người phá Tăng, người phạm tội Thâu Lan Giá. 3/ Che giấu cho phạm tội Đọa, người phạm tội Ác tác, do che giấu tội ác làm nhơ nhớp trong Phật pháp vậy".

Thập Tụng Luật nói : "Thấy người phạm tội, tới người khác nói, Phật cấm, hoặc nghe hoặc nghi, không nên nói".

Tăng Kỳ Luật nói : "Khi muốn nói, không nên tới người khác nói, phải tới thầy Tỳ Kheo tốt nói, hoặc nói với bậc đồng Hòa Thượng, bậc đồng A Xà Lê".

Hoặc Tỳ Kheo bị tội kia hung ác, hoặc ổng nương thế lực của vua và quan đại thần, hay là người hung dữ, hoặc họ khởi nhân duyên đến cướp mạng hại Tỳ Kheo phạm hạnh thì phải nghĩ như vầy :

Ông kia gây các nghiệp tội, tự chịu lấy quả báo, ta phải nên biết, dụ như người bị hỏa hoạn, thì phải tự cứu mình, đừng biết đến việc khác. Bấy giờ chúng Tăng phải hiệp nhau lại, để hộ lục căn mình cho thanh tịnh thì không phạm tội".

Giới thứ sáu mươi lăm
CẤM NGƯỜI CHƯA ĐÚNG TUỔI THỌ ĐẠI GIỚI

CHÍNH VĂN : *Tuổi đủ 20 nên thọ đại giới, nếu Tỳ Kheo biết ông đó chưa đủ 20 mà cho thọ giới, ông đó không đắc giới. Tỳ Kheo kia cũng đáng quở trách, vì ông là người si, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, khi đó trong thành có phái Thập thất quần đồng tử, trước kết làm thân hữu, trong đó có ông lớn hơn hết 17 tuổi, ông nhỏ hơn hết 12 tuổi, đồng dắt nhau đến chùa cầu xin xuất gia, các Tỳ Kheo độ cho thọ đại giới.

Khi ấy các ông đồng tử, từ bé đến giờ, đã quen rồi, không kham ăn một bữa, nửa đêm đói quá la khóc om sòm. Phật nghe tiếng biết, mà cố hỏi, ông A Nan đem đủ việc này bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Tuổi đủ 20 : Nghĩa là bắt đầu từ năm mới sinh, đến năm thứ 20 vậy.

Nên thọ đại giới : Là ông đó tuổi đủ 20 rồi, kham thọ giới cụ túc vậy.

Cụ túc : Là thọ 250 giới, bèn được đầy đủ quả viên tịch Niết bàn, nên gọi là viên cụ, cũng gọi là cận viên, đều chính nghĩa gần gũi quả Niết bàn.

Biết ông đó tuổi chưa đủ 20 : Biết đây là Hòa Thượng hay là chúng Tăng tự biết, hoặc người thọ giới nói, hay các người khác nói biết. Vì ông đó tuổi thiếu 20, thì cái chí chưa bền vững, tính còn yếu ớt,

không thể hộ đủ các giới, và giữ đủ các oai nghi để tấn tu đạo nghiệp. Lại cũng không thể nhận chịu những lời nói ác, và ăn ngọ trung, các việc khổ đói khát, lạnh, nóng, hay là tính ông còn lao chao, người hay nhiều quở trách chê bai Phật pháp. Nếu ở về hàng Sa Di, thì người không chấp.

Cho thọ đại giới ? Cho : là chỉ ông năng truyền. Thọ : là chỉ ông bị thọ. Năng truyền : là thầy Hòa Thượng, thầy Yết Ma, thầy Giáo thọ, cùng các chúng Tăng. Bị thọ : tức là ông thọ giới cụ túc.

Ông này không đắc giới : Là ông bị thọ tuổi chưa đủ, chúng Tăng mặc dầu đúng như pháp có bạch tứ Yết Ma rồi truyền, mà ông kia vẫn không thành tính Tỳ Kheo, nên gọi không phải cụ túc.

Đức Như Lai ngài thâm hiểu nghiệp tính của chúng sinh sai khác, chưa đủ 20 tuổi thì giới thể không tròn, nên Phật chế tuổi đủ 20 mới cho thọ đại giới. Phật là ngôi Pháp vương làm vua các pháp, nên các Phật tử từ miệng Phật sinh, từ Pháp hóa sinh, nên phải y lời của Phật dạy, thì tính Tỳ Kheo đầy đủ, trái lời Phật dạy, thì giới pháp không thành.

Tỳ Kheo kia đặng quở trách : Là chẳng những ông thọ không đắc giới mà ông truyền cũng phạm tội.

Ông là người ngu si : Nghĩa là : Ông năng truyền là người vô trí tuệ không hiểu giới pháp, nên gọi là ngu si.

Phật nói : – Cho thầy Tỳ Kheo 10 hạ, có trí tuệ, truyền giới cụ túc cho người, cho người y chỉ, được làm ngôi Hòa Thượng, ngôi A Xà Lê.

Hòa Thượng : Từ khi thọ giới Sa Di, cho đến thọ giới cụ túc : bậc Hòa Thượng v.v... là người phần nhiều đã đủ 10 hạ. A Xà Lê có 5 bậc : 1/ Xuất gia A Xà Lê, tức là nương ông đó đặng đi xuất gia. 2/ Thọ giới A Xà Lê, khi thọ giới ổng làm phép Yết Ma. 3/ Giáo thọ A Xà Lê, nghĩa là truyền dạy oai nghi. 4/ Thọ kinh A Xà Lê, nghĩa là theo ông kia học kinh, hoặc ông nói nghĩa cho đến một bài kệ 4 câu. 5/ Y chỉ A Xà Lê, nhẫn đến nương với ổng một đêm. Bậc A Xà Lê này học giỏi, và đủ 5 hạ.

Năm hạng người như trên, đều đứng làm ngôi thầy, hay làm mô phạm cho người, nên gọi là quỷ phạm sư (*Hòa Thượng, Trung Hoa dịch là Thân giáo sư*).

Luật Nhiếp nói : "Đầy đủ 10 hạ mới đứng làm ngôi Thầy, lại nữa phải thành tựu năm pháp, nhẫn đến trì giới chính kiến, đa văn, phần mình và người đều lợi ích cả, oai nghi phép tắc không chỗ nào khuyết phạm, đủ đức như vậy, gọi là Thân giáo sư. Do kia nương gần hay dạy những pháp ra khỏi tam giới".

Lại có 5 pháp không thành tựu, không được truyền giới cho người : 1/ Giới. 2/ Định. 3/ Huệ. 4/ Giải thoát. 5/ Giải thoát tri kiến. Lại nữa không thể dạy người bền giữ trong 5 pháp này.

Có 5 pháp thành tựu không được truyền giới cho người : 1/ Ông bất tín. 2/ Ông không biết hổ. 3/ Ông không biết thẹn. 4/ Ông ưa giải đãi. 5/ Ông có tính hay quên.

Lại có 5 pháp : 1/ Ông phá Tăng thượng giới. 2/ Phá chính kiến. 3/ Phá oai nghi. 4/ Thiếu đa văn. 5/ Không trí huệ.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không hay thăm bệnh đệ tử. 2/ Đệ tử không muốn ở chỗ đó, không phương tiện dời đi. 3/ Không hay đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy mà dứt nghi cho đệ tử. 4/ Không hay dạy xả ác kiến, mà trụ nơi thiện kiến. 5/ Thiếu 10 hạ.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không biết có phạm. 2/ Không phạm. 3/ Hoặc phạm nhẹ cho là nặng. 4/ Phạm nặng cho là nhẹ. 5/ Thiếu 10 hạ.

Lại có 5 pháp nữa: 1/ Ông đó không truyền dạy đệ tử tăng thượng oai nghi. 2/ Tăng thượng tịnh hạnh. 3/ Tăng thượng Ba La Đề Mộc Xoa. 4/ Không biết phép bạch. 5/ Không biết phép Yết Ma.

Lại có 5 pháp nữa : 1/ Ông đó không biết tăng giới. 2/ Tăng thêm tâm. 3/ Tăng huệ. 4/ Không biết phép bạch. 5/ Không biết phép Yết Ma.

Nếu mỗi mỗi mà trái lại như trên, thì được cho người thọ giới cụ túc, được cho người y chỉ, được nuôi Sa Di, không được nuôi hai ông Sa Di.

Nếu có thể dạy giữ giới, dạy tăng tâm, tăng huệ, học hỏi phúng tụng thì cho nuôi, phải lấy hai việc giúp cho : Một là cho pháp. Nghĩa là dạy cho

Tăng giới, nhẫn đến phúng tụng: Hai là cho ăn mặc tức là y phục, phòng xá, ngọa cụ, thuốc thang, cho đến các món cần dùng, tùy sức mình sắm cho.

Nếu ổng không nương theo và cung kính, không thuận pháp làm đệ tử phải cho 5 việc quở trách, nên nói rằng : "Ông đi đi, đừng vào phòng tôi nữa, đừng làm người sai khiến của tôi, đừng đến chỗ tôi, tôi không nói chuyện với ông nữa". Thầy A Xà Lê nói : "Ông cãi lời Phật dạy, thì ông đừng đến chỗ tôi", nên nói : "Ông đừng y chỉ tôi".

Có 5 việc Thầy nên quở trách đệ tử : 1/ Không biết hổ. 2/ Không biết thẹn. 3/ Không vâng lời dạy bảo. 4/ Làm sái oai nghi. 5/ Không biết cung kính.

Lại có 5 việc nữa : 1/ Ông không biết hổ. 2/ Ông không biết thẹn. 3/ Ông khó dạy bảo. 4/ Ông không ưa làm bạn với người lành. 5/ Ông ưa đến nhà dâm nữ. Lại ưa đến nhà đàn bà con gái, hoặc nhà có con gái lớn hoặc nhà của người huỳnh môn, cùng tịnh xá của cô Tỳ Kheo Ni, cô Thức Xoa, cô Sa Di Ni, hoặc ưa đến xem coi bắt rùa trạnh...

Ông có làm những việc như vậy, thì nên quở trách, không nên trọn đời và trong khi kiết hạ an cư, mà cứ quở trách rầy rà mãi mãi, cũng không nên quở trách người bệnh, không nên quở trách người không có mặt tại đó, và không chỉ rõ cái lỗi mà quở trách.

Khi quở trách rồi, không nên thọ cung cấp và sai khiến, không nên cho y chỉ, còn khi ổng bị quở

trách rồi, không người làm tương thuận (*tức là người trung gian*), để đến nỗi ông kia thôi tu, và không ưa Phật pháp, cho người khác làm ý thọ như vầy (*tức người an ủi như vầy*) :

Vì Hòa Thượng A Xà Lê kia muốn cho ông sám hối hòa hiệp; không nên dụ dỗ đem về làm đệ tử của mình, nếu dắt đi chỗ khác phải đúng như pháp mà trị.

Nếu Hòa Thượng A Xà Lê kia hoặc phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi hoặc bị cử tội, hoặc bị tẩn, hoặc nên diệt tẩn, ở trong pháp Sa môn không lợi ích, nên dấy ý như vầy :

Sở dĩ phải dụ dắt ông kia đi, là muốn cho ổng ở trong pháp Sa môn được nhiều lợi ích. Hoặc ông đệ tử hết lòng tùy thuận không trái nghịch, cầu xin xả tội, ông thầy phải nhận cho.

Luật Nhiếp nói : Việc đáng quở mà không quở, việc không đáng quở mà quở, việc đáng giận mà không giận, việc không đáng giận mà giận, đều phạm Ác tác.

Nếu chúng Tăng muốn vì đệ tử phạm tội đó, làm phép Yết Ma, chỗ gọi là phép quở trách ổng, làm phép tẩn, làm y chỉ, làm phép ngăn, không cho ổng đến nhà bạch y, làm phép cử bất kiến tội, làm phép cử bất sám hối, làm phép cử không xả ác kiến. Ông Hòa Thượng phải ở trong đó, toan liệu làm sao trả lời cho đúng như pháp, khiến chúng Tăng đừng làm phép Yết Ma cho ông đệ tử.

Hoặc chúng Tăng làm đúng pháp, phải dạy đệ tử thuận tùng theo chúng Tăng, không nên trái nghịch, cầu xin cho dứt tội, và khiến chúng Tăng mau mau giải phép Yết Ma.

Nếu ông đệ tử tội tội Tăng tàng, ông thầy phải đúng như pháp toan liệu, hoặc đáng cho ở riêng, phải trị cho ống những ngày phạm Bốn nhật, đáng cho phép ý hỉ phải cho phép ý hỉ, đáng cho phép xả tội phải cho phép xả tội, đều tùy nên cho đó, như trên luật dạy, phép ông Hòa Thượng, trước không y theo đây mà làm, thì mỗi mỗi đều phạm tội. Bao giờ Hòa Thượng đối với đệ tử, phải làm đúng phép Hòa Thượng, ông đệ tử đối với Hòa Thượng phải làm đúng phép đệ tử. Phật nói : "Đó là phép nên làm đệ tử".

Nếu Hòa Thượng bị chúng Tăng làm phép Yết Ma v.v...; ông đệ tử ở trong đó phải toan liệu làm sao cho đúng như pháp, nhẫn đến khiến chúng Tăng mau mau giải pháp Yết Ma.

Ông Hòa Thượng phạm tội Tăng tàng, ông đệ tử phải toan liệu cho đúng như pháp, nhẫn đến làm phép xả tội cho thầy.

Hòa Thượng bệnh phải chăm nom thăm viếng, không muốn ở chỗ đó phải dời đi, nhẫn đến hai việc giúp hộ : a/ Không bạch Hòa Thượng hay không nên vào làng cùng vào nhà người khác. b/ Không được theo Tỳ Kheo khác, hoặc toan làm bạn với Tỳ Kheo khác.

Không được Hòa Thượng cho theo Tỳ Kheo kia, thời không nên làm đệ tử giúp đỡ các việc nữa, Tỳ Kheo kia không nên thọ ống giúp đỡ các việc, cũng

không cho Tỳ Kheo kia cạo tóc ổng, cũng không cho ổng mượn Tỳ Kheo kia cạo, không cho ổng vào nhà tắm, không cho ổng kỳ lưng người khác, và không cho người khác kỳ lưng ổng, không cho ổng đi đến chỗ khác trọn ngày, không cho ổng ra ngoài giới, không cho ổng đi đến phương khác.

Căn Bản bộ nói : Chỉ trừ có 5 việc không bạch, được đi ra ngoài còn bao nhiêu mỗi mỗi đều phải bạch thầy : 1/ Lấy cây xỉa răng. 2/ Uống nước. 3/ Đi đại tiện. 4/ Đi tiểu tiện. 5/ Ở trong giới 49 tầm đi lễ tháp khỏi thưa.

Sớm mai phải vào phòng Thầy học hỏi nghĩa kinh, phải đem bình tiểu tiện rửa bỏ, phải bạch Thầy giờ đến, lấy nước tháo đậu và nước tro tịnh rửa tay không ?... Hay là Thầy có cần ăn vật chi; và trong chúng Tăng có vật lợi dưỡng nên lấy làm cho Thầy ăn, phải trao nước tháo đậu và nhành dương cho Thầy rửa tay và súc miệng, có vật nên ăn đem dâng cho Thầy. Trong chúng Tăng có vật lợi dưỡng, phải bạch cho Thầy hay rằng : được vật như vậy, nên chia cho Thầy một phần, và phải thưa rằng :

Hòa Thượng muốn vào làng chưa ?... Hoặc nói : Không vào, nên hỏi : Bạch Thầy tôi phải lấy cơm ở chỗ nào ?... Nên đúng như lời Thầy dạy đi lấy. Nếu Hòa Thượng nói : Đi vào làng...

Mình phải rửa tay rồi chậm rãi lấy y, đừng cho lộn đầu, lấy cái y An Đà Hội, trương ra giũ coi có trùng độc núp ẩn, kế đó lấy dây lưng buộc cái Tăng kỳ chi (*tức là cái chăn*), kế nữa lấy cái y Uất Đa La Tăng, trương ra phủi rũ, xem xét trao cho Hòa

Thượng. Nên xếp cái y Tăng Già Lê đắp lên vai, kế nữa lấy bát rửa để vô túi mang đi, phải lấy áo của Thầy xếp cất.

Lại lấy nước rửa chân, và lấy mền xếp cất, khi Thầy đi ra phải trao giày guốc đi đường, khi ra khỏi phòng phải ngoái lại đóng cửa lấy tay lắc chốt coi chắc không, nếu không chắc nên khóa hai lớp, khắp xem đội bên cẩn thận, rồi đem chìa khóa giấu cất chỗ khác kín. Nếu sợ người khác thấy không chắc thì phải cầm theo, và mời Thầy đi trước.

Đi đường nếu gặp người quen, phải cùng nhau nói lời lành khéo tâm nhớ tưởng, khi đi phải tránh người bên đường. Nếu muốn vào làng phải lánh bên con đường nhỏ, để bát ở trước mặt, trương cái y Tăng Già Lê ra xem coi, rồi mới trao cho Thầy.

Nếu ngoài làng có ông khách ngồi tiệm, mình hỏi thăm ông, rồi đem đồ hành đạo và giày guốc, gửi trong quán đó, phải hỏi Thầy : Con nên đi theo Thầy không ?... Nếu Thầy nói phải vậy thì nên đi theo. Nếu nói : không nên, ông phải ở đây, thì phải y lời Thầy dạy ở đó.

Nếu khi Thầy vào làng, thì phải dấy ý như vầy : Thầy vào làng khất thực, một phần cho Thầy, một phần thuộc về con, nếu Thầy ra khỏi làng rồi, lại lấy giày guốc.

Khi ở bên đường để bát xuống đất, xếp y Tăng Già Lê vắt lên vai. Nếu Thầy trụ ăn chỗ nào, phải quét cho sạch, trải tọa cụ, và sắm đủ bình nước tịnh, khạp nước tắm, thố đựng cơm dư, lại đặt cái

giường ngồi tắm, tảng đá để rửa chân, khăn lau chân. Hoặc ở xa thấy Thầy về, phải đứng dậy tiếp rước bát, bưng bát để trên vật chi, hay trên cái chân bát, lấy cái y Tăng Già Lê ra xem, đừng cho có mồ hôi nhỏ, hễ có phải đem đi giặt phơi.

Thầy rửa chân rồi, phải dội nước rửa tấm đá, dẹp khăn lau chân lại chỗ cũ, rửa tay cho sạch, trao nước tịnh cho Thầy rửa tay, cơm và đồ ăn của mình, phải bưng lên thưa Thầy rằng : bạch Thầy đây là phần cơm của con nên ăn ?... Thầy nói : Phải, thì rồi sẽ lấy mà ăn.

Nếu khi Thầy ăn phải đứng hầu coi, cung cấp những món cần dùng. Nếu thời giờ muốn quá ngọ thì phải đồng ăn với Thầy một lượt. Thầy ăn rồi phải lãnh cái bát trong tay Thầy, và dâng nước rửa tay súc miệng, hoặc mình ăn rồi đồ còn dư, phải đem cho người khác, hoặc cho phi nhân, hoặc để trên đất sạch chỗ không cỏ, hoặc để trong nước không trùng, lấy chén bát đó rửa cho sạch, và lấy tọa cụ v.v... để lại chỗ cũ. Kế đó vào trong phòng Thầy, phải coi chừng có bụi đất, phải đem giường nệm, gối và để trải trên đất v.v... đem phơi nắng, trong phòng phải dọn quét cho sạch bụi, khi đổ bụi đất phải xem coi, hoặc chỉ kim, giẻ lụa lau, nhẫn đến một hoàn thuốc, lấy để cho có nơi. Nếu có người chủ biết thì sẽ lấy lại.

Phải lau chùi trên ngạch cửa, trên trụ nọc giá máng áo, hoặc trong phòng có chỗ nào hư, hay trùng chuột đào hang, phải sửa sang lại cho sạch sẽ, hoặc lót tọa cụ không được bằng thẳng, phải sửa

lại, chỗ nào để y, chỗ nào không nên để y, phải mỗi mỗi để riêng một chỗ. Trong sân có bụi đất nên trừ bỏ. Lấy bình đựng nước rửa sạch để lại chỗ cũ, lại phải sắm cho Thầy các thứ đựng nước tháo đậu, bình nước uống, hoặc để sẵn trong nhà tắm.

Có khi tắm rửa, phải hỏi Thầy muốn tắm chưa ?... Nếu Thầy nói tắm, phải đến trước nhà tắm coi rưới quét cho sạch, có nước bất tịnh phải đổ bỏ, đáng xài củi thì nên bửa củi, sắm cho đủ các món đồ tắm, phải bạch vị Thượng Tọa, vậy sau mới nhúm lửa, nhúm rồi phải bạch Thầy giờ đến tắm.

Nếu Thầy bệnh yếu hoặc già lắm, mình phải dìu đỡ, hoặc lấy áo quần để sẵn trong thất ấm, máng lên giá, rồi kỳ lưng cho Thầy, phải đứng đằng sau trao nước cho Thầy rửa, hoặc mình rửa rồi. Nếu Thầy già yếu phải đỡ Thầy ra nhà tắm, nhẫn đến trở về phòng trải ngọa cụ cho Thầy nằm, lấy y đắp phủ Thầy rồi, mới ra đóng cửa phòng lại. Đến trong nhà tắm, coi các vật tắm rửa, dẹp cất lại chỗ cũ, còn nước bất tịnh đổ đi. Vụt tắt lửa, đóng cửa mà đi.

Đệ tử phải sớm, trưa, chiều, ba lần vấn an Thầy, và phải vì Thầy giúp làm hai việc nhọc không được từ nan : Một là sửa sang phòng nhà. Hai là : vì nhuộm y phục cho Thầy, đúng như pháp phụng hành.

Nếu Thầy bảo đi dạo chung quanh bốn phía chơi, thì không nên từ nan mượn cớ có nhân duyên mà ở nhà, nếu bị Thầy quở trách, phải tới Thầy ăn năn sám hối, đắp y lột guốc, quỳ gối chắp tay : Bạch Hòa Thượng đoái tưởng con nay xin sám hối, không dám tái phạm nữa.

Nếu Thầy cho sám hối thì tốt, nếu Thầy không cho thì phải mỗi ngày ba thời xin sám hối, Thầy cũng không cho, thì phải thấp tâm tùy thuận, mới bèn cầu giải tội phạm. Như trước có nói : "Không y lời Thầy dạy mà làm, thì mỗi mỗi đều phạm tội".

Hòa Thượng có 5 điều phi pháp, đệ tử nên sám hối rồi đi, phải thưa như vầy : "Con làm đúng như pháp Thầy cũng không biết, con làm không đúng như pháp Thầy cũng không hay, con co phạm lỗi Thầy cũng không dạy dỗ rầy la, hoặc phạm Thầy cũng không biết. Hoặc phạm mà sám hối Thầy cũng không biết".

Bấy giờ các Tỳ Kheo mới thọ giới. Thầy Hòa Thượng của mấy ổng viên tịch (*chết*), không ai dạy bảo, các ổng không giữ oai nghi. Phật nói: Cho Tỳ Kheo có 10 hạ trí huệ, cho người y chỉ làm vị A Xà Lê.

Bậc A Xà Lê đối với đệ tử phải tưởng như con, đệ tử đối với bậc A Xà Lê phải tưởng như cha, lần lượt dạy việc, khiến trong Phật pháp có thêm lợi ích rộng lớn. Phải thỉnh như vầy :

Thưa Đại đức, một lòng thương tưởng, con pháp danh... nay cầu Đại đức vì con làm y chỉ, cúi xin Đại đức cho con y chỉ, nương theo Đại đức mà ở (*nói ba lần*). Ông thầy nên đáp rằng : Phải vậy, cho ông y chỉ, ông đừng buông lung nghe.

(*Pháp làm A Xà Lê, đồng như pháp Hòa Thượng, phép đệ tử thờ vị A Xà Lê cũng đồng như pháp thờ Hòa Thượng*).

Nếu thầy Tỳ Kheo mới thọ giới, ưa chỗ vắng vẻ, cho y chỉ rồi dạy ở các chỗ như vậy, mỗi ngày phải đi qua lại, nếu đi qua lại không được, cho không y chỉ mà ở.

Khi ấy tân cựu Tỳ Kheo lần bỏ chỗ ở đi cầu ông y chỉ, chỗ ở đều hư, Phật nói : "Cho ông tân cựu Tỳ Kheo ở chung khỏi y chỉ vì để hộ chỗ ở vậy". Không phép sai người khác, thay thế thọ y chỉ, cho y chỉ. Hoặc Hòa Thượng A Xà Lê, đi về liền một ngày không tới, hoặc đệ tử đi về liền một ngày không tới nữa, đều làm phép y chỉ lại. Vì lìa chỗ ngủ một đêm, tức là mất phép y chỉ, nếu một đêm không y chỉ, phạm Đột Kiết La.

Thập Tụng Luật và Ngũ Phần Luật : "Cho không y chỉ nhẫn đến 6 đêm". Ni Đà Na nói : "Nếu có tâm cầu y chỉ làm Thầy , được 5, 6 đêm đến một lần, nếu không tâm cầu, thì một đêm cũng không được., Đối chúng Tăng mà thọ dùng các món ăn uống, cũng không nên thọ".

Không nên lựa chọn mà thọ y chỉ và cho mình y chỉ. Hoặc đệ tử bệnh, hoặc đệ tử đi nuôi bệnh, không y chỉ cũng được ở. Hoặc chúng Tăng cho hai Thầy vì ông đệ tử làm phép Yết Ma quở trách v.v... không mất y chỉ. Nếu bị diệt tẩn, tức là mất y chỉ.

Phật cho ông Tỳ Kheo có 5 hạ trí tuệ, theo Tỳ Kheo 10 hạ có trí tuệ mà thọ y chỉ. Nếu Tỳ Kheo dốt phải trọn đời y chỉ. Có 5 pháp mất y chỉ : 1/ Bị Thầy quở trách, 2/ Bỏ Thầy mà đi. 3/ Thôi tu. 4/ Thầy không cho y chỉ. 5/ Vào trên giới tràng.

Lại có 5 pháp mất y chỉ nữa : 1/ Ông Thầy chết. 2/ Ông đó 5 lạp. 3/ Ông đó quá 5 lạp. 4/ Kiến chấp ông Hòa Thượng này đồng Hòa Thượng Thầy trước. 5/ Hoặc bậc nhị sư thôi tu hay chết, hoặc ổng trở lại làm Hòa Thượng mà không kiêng sợ ai.

Có 5 hạng Thầy trì luật đều nên y chỉ : 1/ Ông tụng được lời tựa cho đến tụng được 30 việc. 2/ Ông đó tụng được 90 việc. 3/ Ông đó rộng tụng Tỳ Ni. 4/ Ông đó tụng được hai bộ Tỳ Ni. 5/ Ông đó tụng làu bộ Tỳ Ni.

Trong đây mùa xuân, mùa đông phải nương theo bốn bậc Thầy nói trên mà ở, nếu không nương đó mà ở, thì phạm Ác tác. Mùa hạ an cư, nên nương theo ông trì luật thứ năm, nếu không nương đó mà ở thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Có 4 bậc A Xà Lê : 1/ Ông này thiếu cơm thiếu pháp không cần hỏi mà đi. 2/ Có cơm ăn thiếu pháp nên hỏi rồi đi. 3/ Ông này thiếu cơm mà có pháp, tuy khổ trọn đời không nên đi. 4/ Ông này có cơm có pháp, dầu đuổi xua, cũng phải ở trọn đời không đi".

Nếu hai Thầy có lỗi, đệ tử nên khuyên can, không nên nói lời thô tháo, nói đúng lời Phật dạy, nên nói lời nhỏ nhẹ, Thầy không nên làm việc này, nếu Thầy nhận lời đó thì tốt, nếu Thầy phản thêm và quở trách, nếu thầy đó là Hòa Thượng, nên bỏ đi xa, nếu Thầy đó là bậc A Xà Lê, nên mang y bát ra ngoài giới ngủ một đêm, rồi trở lại y chỉ với ông khác. Nếu Thầy kia có thế lực, phải bỏ đi xa. Hoặc y

chỉ với ông đức cao hơn. Hay là ông đệ tử đó đủ 5 hạ và thông hiểu kinh luật, thì khỏi y chỉ.

Bằng ông không thông kinh luật, phần mình độ không được, làm sao độ người ?... Như vậy, phải trọn đời y chỉ với Thầy. Hoặc ông đủ 10 hạ, thông hiểu kinh luật, lợi mình lợi người đã xong, thì được thọ người y chỉ.

Thập Tụng Luật nói : "Ông đủ 5 hạ và 5 pháp thành tựu khỏi thọ y chỉ : 1/ Biết việc nào phạm. 2/ Biết việc nào không phạm. 3/ Biết phạm nhẹ. 4/ Biết phạm nặng. 5/ Biết tụng luật và học hay nói giỏi. Còn ông này tuy thọ giới nhiều năm, không biết 5 pháp thì phải trọn đời y chỉ theo Thầy mà ở".

Căn Bản bộ nói : "Chưa đủ 5 hạ, tuy 5 pháp thành tựu, nhẫn đến làu thông trong ba tạng, đều chứng pháp tam minh, trừ hết tam cấu, cũng phải y chỉ theo thầy mà ở. Nếu đủ 5 hạ rồi, thì cho lìa ông y chỉ được đi du lịch. Song đến chỗ khác, cũng phải y chỉ nữa.".

Nếu ông đó tuổi đủ 80, đủ 60 hạ, đối kinh biệt giải thoát, chưa từng đọc tụng, chưa từng hiểu nghĩa lý, cũng phải y chỉ với Tỳ Kheo già.

Nếu không có Tỳ Kheo già, thì y chỉ với ông nhỏ cũng được chỉ trừ lễ bái, còn bao nhiêu nên làm. Ông này gọi là lão tiểu Tỳ Kheo.

Thập Tụng Luật nói : Nếu gặp thời đói khát, phải nên mỗi ngày, đến yết kiến Hòa Thượng, cho ở riêng, phải mỗi ngày đến. Nếu không đến thường được, thì cho 5 ngày đến một lần, nếu 5 ngày đến

cũng không được, thì ngày Bố tát phải đến, lại nữa, nếu ngày Bố tát đến cũng không được, nhẫn đến đường đi hai do tuần rưỡi, đến ngày tự tứ, phải đến yết kiến Hòa Thượng".

Mẫu kinh nói : "Thọ y chỉ rồi, xin phép 7 ngày đi ra ngoài giới, ngày đúng trở về đến chùa, thì không mất phép y chỉ. Như trước có nói rõ, thầy trò có các pháp để giúp nhau. Từ đây về sau sẽ giải về bản văn".

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Hòa Thượng hoặc biết hoặc nghi, chưa đủ 20 tuổi mà truyền giới cho, bạch ba lần Yết Ma rồi, thì phạm tội Đọa. Bạch hai lần Yết Ma rồi, thì phạm ba tội Ác tác. Bạch một lần Yết Ma rồi, phạm hai tội Ác tác. Mới bạch phạm một tội Ác tác.

Chưa bạch còn làm phép phương tiện, hoặc đương cạo tóc, hoặc muốn nhóm chúng Tăng, hoặc chúng Tăng nhóm rồi, tất cả đều phạm Ác tác.

Chúng Tăng hoặc biết hoặc nghi, chưa đủ tuổi 20, thì chúng Tăng đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm.

Không phạm là gì ? Trước khi không biết, tin người thọ giới nói, hoặc người ở gần làm chứng, hoặc tin cha mẹ nói, hoặc khi thọ giới rồi sinh nghi.

Cho tính số năm tháng còn ở trong thai và tháng nhuần, hoặc tính tất cả ngày 14 tụng giới, dùng làm số năm, như vậy đủ 20 thì tốt, nếu không đủ cứ làm Sa Di. Chừng nào đủ tuổi sẽ cho thọ cụ giới, nếu không như vậy, đồng phạm tội tặc trụ.

Nếu không Hòa Thượng, hoặc hai Hòa Thượng, nhẫn đến đông nhiều Hòa Thượng không gọi là thọ cụ túc giới, không được độ người làm quan.

Thiện Kiến Luật nói : "Ăn lương nhà nước mãn rồi, vậy sau mới được đi xuất gia. Nếu vua cho cũng được đi xuất gia".

Không có y bát, thì không được thọ giới cụ túc, không được mượn y bát để thọ giới cụ túc, không cho độ Tỳ Kheo Ni có phạm, đi xuất gia thọ đại giới, nếu thọ rồi phải diệt tẩn đuổi ra, không được độ người tặc tâm vào đạo xuất gia lỡ có xuất gia rồi cũng phải diệt tẩn.

Đây nghĩa là tự mình đi xuất gia, hoặc ông chưa chung với chúng Tăng Tỳ Kheo, làm phép Yết Ma nói giới, chưa làm phép độ xuất gia, chưa đáng độ, hoặc đã độ xuất gia, thọ giới cụ túc, tức gọi là thọ giới cụ túc. Nếu ông từng chung với chúng Tăng làm phép Yết Ma nói giới rồi, thì phải diệt tẩn ông đó đuổi ra

Tăng Kỳ Luật nói : "Ông chưa từng vào phép Bố tát, hay là tự tứ, sau ông có tâm tốt, được cho đi xuất gia thọ giới cụ túc; nếu ông đã từng vào rồi, đó gọi là người Đạo trụ, không cho xuất gia. Nếu con của vua, hay là con của quan Đại thần, đi lánh nạn, cượng mặc y Ca sa thì cũng như vậy (*Đạo trụ*)".

Nếu ông Sa Di trộm nghe từng giới, hiểu biết những câu nói ban đầu, chặng giữa và sau đó, thì sau không được thọ giới cụ túc. Nếu người ám độn, hoặc người có tâm nghĩ việc khác, không nhớ câu

nói ban đầu, giữa và sau đó, thì sau này được thọ giới cụ túc.

Không nên độ người ngoại đạo, mặc pháp y hoại sắc, như trước khi muốn độ người ngoại đạo, phải dạy cho cạo tóc và mặc áo nhuộm hoại sắc, dạy cho họ thọ pháp tam quy, rồi lần lần cho thọ 10 giới. Phải theo chúng Tăng xin ở chung 4 tháng, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma cho đó. Nếu ông kia không còn chấp pháp của ngoại đạo bạch y và không gần gũi ngoại đạo, không tụng kinh ngoại đạo, nghe nói cái lỗi của ngoại đạo không sinh lòng sân hận, tùy thuận theo các Tỳ Kheo hay khiến các Tỳ Kheo vui vẻ, được như vậy, mới cho thọ giới cụ túc. Nếu thọ giới rồi, còn nhập theo ngoại đạo, sau trở lại xin xuất gia, không nên cho xuất gia nữa, đó gọi ngoại đạo, phá chính pháp.

Không nên độ người tôi tớ, hay là người trộm cướp và người mặc nợ *(nếu có người trả thế cho thì được độ)*. Không nên độ năm hạng người huỳnh môn, tức là : sinh, kiền, đố, biến, bán.[1] Hoặc độ rồi liền phải diệt tẩn; hoặc loài súc sinh biến hình người đến, không nên độ cho đi xuất gia. Không nên độ người phạm tội ngũ nghịch và người không nam căn.

Có ba hạng người không đắc cụ giới :

---

[1] *Sinh : từ khi mới sinh không phải nam không phải nữ.*
Kiền : tự thiến .
Đố : thấy kia dâm dục tự mọc ra
Biến : thấy nam biến nữ, thấy nữ biến nam.
Bán : nửa tháng nam, nửa tháng nữ.

1/ Không nói tên mình. 2/ Không nói tên Hòa Thượng. 3/ Không xin giới.

Cũng có ba hạng người nữa, không được thọ giới : 1/ Mặc áo thế tục. 2/ Mặc áo ngoại đạo. 3/ Dùng các món trau dồi hình sắc.

Không nên truyền giới cho người mù, người ngủ, người say, người cuồng, người hay sân hận. Người chặt tay chặt chân, lẻo tai, xẻo mũi, lắt nam căn, mổ dái, chặt cánh tay, chặt ngón tay, và người thường bệnh hoạn, người ghẻ lác.

Hoặc người hiện tướng chết, hoặc người thân ốm khô, hoặc người hình dạng như con gái, người bị án treo, người trốn thuế quan, người thân loang lỗ, người đầu nhọn, người lưng khòm, người răng lòi xỉ, người thân giống trùng, người đầu giống trùng, người tóc quăn, người quẹo tay, hoặc sáu ngón tay, hoặc ngón dính liền, hoặc một trứng dái, hoặc không trứng dái, hoặc bệnh trĩ, hoặc trong, ngoài chỗ đại tiểu tiện, bệnh hơi quến lên, bệnh suyễn, bệnh hay nhổ nước miếng, bệnh hoại ung thư, bệnh ghẻ phỏng, bệnh loại càn tiếu, bệnh điên cuồng.

Và các thứ bệnh ngặt nghèo như là : bệnh con mắt xanh, mắt vàng, mắt đỏ, mắt bù lạch ăn, mắt hồng hồng, mắt lở, mắt quáng manh, mắt sâu hóm, mắt ba góc, mắt khỉ, mắt tráo quảu, mắt lòi, mắt lé, mắt đảo lia, mắt sân, mắt bạt chảng, mắt ghẻ, mắt có vành.

Thân tanh hôi, hoặc đau hột xoài, hoặc câm, điếc, què, vẹo chân, vẹo tay, bại xụi, ngón chân co

rút, một tay, một chân, một lỗ tai, đầu không tóc, không lông, không răng, tóc xanh, tóc vàng, tóc trắng, quá dài, quá ngắn... bắp vế như đàn bà, giống như các thứ đầu, như là : đầu trâu, voi, ngựa, heo, dê, nai, rắn, cá, chim, một đầu nhẫn đến nhiều đầu.

Hết thảy sắc như là : xanh, vàng, đen, đỏ, trắng, như bệnh phong, bệnh nóng, bệnh đàm ấm, bệnh tích trữ thành khối, bệnh ho, bệnh nghẹn, không lưỡi và sứt môi.

Trước ngực nổi bướu, hoặc nổi sau lưng, bệnh nội thương, bệnh ngoài cảm, bệnh liệt, bệnh thân mình giống như già lắm, bệnh thất oai nghi, không biết tốt xấu. Nhẫn đến tất cả người ô nhục chúng Tăng, đều không được độ.

Nếu theo Hòa Thượng phá giới, mà thọ giới cụ túc, nếu mình không biết thì đắc giới, biết thì không đắc giới. Nếu có tám nạn và các nhân duyên khác cho hai ba ông giới tử một thời, làm phép Yết Ma truyền giới cụ túc, không nên quá, quá tức là không đắc giới. Do vì sái phép, chúng Tăng cũng mắc tội.

Nếu khi thọ giới cụ túc, nhẫn đến trước chừng giây phút gọi là Thượng Tọa. Hoặc cử hai ba ông đồng thời làm Yết Ma, thì không nên luận lớn nhỏ, không thay nhau kính lễ. Hoặc Hòa Thượng cũng đủ 4 người, mà vắng mặt cách chỗ thấy nghe, hoặc ở ngoài giới, đều không gọi là thọ giới cụ túc.

Nếu trước không dự truyền giới Sa Di, bèn truyền giới cụ túc thì đắc giới, nhưng chúng Tăng phạm tội. Nếu ở trung quốc không đủ 10 giới sư,

không được truyền giới cụ túc. Nếu ở biên địa (*ngoại ô*) cho thầy trì luật, chừng năm vị cũng được truyền giới cụ túc. Nếu cha mẹ không cho thì không nên độ người đó đi xuất gia, hoặc ở trong đất già lam mà cạo tóc, phải thưa với tất cả chúng Tăng. Nếu chúng Tăng không được hòa hiệp hết, thì phải đi nói cho từ phòng hay.

Hoặc ông đó chưa đủ 20 tuổi, hoặc ông thiếu 12 tuổi, cho làm Sa Di khu ô. Trì giới được, và ăn một bữa được cho độ đi xuất gia, đối trước hai thầy A Xã Lê truyền cho 10 giới, gọi là Sa Di vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Sáu mươi tuổi không được thọ đại giới, dầu thầy ông và chúng Tăng có cưỡng truyền cho ông đi nữa thì cũng không đắc giới, chỉ cho ông làm Sa Di thôi".

Cũng không cho độ từ 7 tuổi sắp xuống, nếu độ cho thọ giới, đều phạm hai tội Ác tác. Nếu trước thỉnh Hòa Thượng thọ 10 giới pháp, Hòa Thượng không có hiện tiền *(vắng mặt)* cũng đắc 10 giới. Nếu Hòa Thượng chết mà nghe hay biết, thì không đắc giới, không nghe biết thì đắc giới.

Nếu bạch tứ Yết Ma, thọ giới cụ túc, mà Hòa Thượng không có hiện tiền, thì không đắc giới, do vì số Tăng không đủ, nếu số Tăng đủ dầu không có Hòa Thượng cũng đắc giới.

Tạp Sự Luật nói : "Không được bốn người đồng thọ giới cụ túc một lượt, vì sao ?... Vì không phải là chúng, mà thành chúng, rồi làm phép Yết Ma, trái lý nhau vậy".

Ngũ Phần Luật nói : "Ông đến trước, nên cho thọ giới trước, hoặc hai ông đến một lượt, ông tuổi lớn thọ trước, hoặc hai ông đồng tuổi, lấy niên lạp của thầy ổng mà cho ổng thọ trước, nếu Thầy ổng cũng đồng tuổi, nên đồng thời làm phép Yết Ma, nhưng ông nào xưng tên trước thì được thọ trước, ba người cũng đồng hết. Các việc cũng đắc Yết Ma ba người cũng đồng hết. Các việc cũng đắc Yết Ma ba người, tất cả làm phép Yết Ma truyền giới, giới tử không được bốn người".

Hoặc hai thầy thôi tu, sau muốn trở lại tu, đến ông đệ tử cầu xin xuất gia thọ giới cụ túc, ông đệ tử hồi trước phải cho y bát, giúp cho ổng được đầy đủ, cũng như pháp mà kính ông đệ tử trước làm Thầy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Phàm pháp thọ giới, trước phải thuyết pháp dắt dẫn cho hiểu biết, bảo phải đối ở trước tất cả chúng sinh phát tâm thương xót, tức là được tăng thượng tâm, bèn được tăng thượng giới".

Trong Nội Pháp truyện nói : "Ông kia thọ giới rồi, kế đó ông bổn sư tiếp chỉ giới bổn cho biết tướng tội, mới dạy thêm cách tụng giới, ông kia đã lâu rồi, tụng thêm đại luật tạng mỗi ngày, tụng qua rồi ông Thầy mỗi bữa phải xét hỏi".

Tụng Tạng Luật xong rồi, mới cho học kinh, học luận. Đâu có khi nào muốn thọ, mà thường không chịu cực nhọc; cũng đã được rồi mà giới chưa để lòng, có thỉ mà vô chung, khá tiếc lắm ư ? Riêng có một hội những người cầu thọ giới, thọ rồi không trọng mến Thầy, không tụng giới kinh, chưa giở

quyển luật, luống hư ngôi rường cột Phật pháp, tổn mình và tổn người. Nếu có những bọn như thế, thành ra người diệt chính pháp.

Cho nên trong Luật văn nói : "Thà làm người hàng thịt chớ không nên truyền giới cụ túc cho người kia bỏ mà không dạy họ". Bên nước Tây quốc nương nhau thờ Thầy lễ bái, đầu đêm sau đêm đến bên chỗ Thầy, Thầy bảo đệ tử ngồi yên, dẫn trong ba tạng, tùy thời dạy dỗ, hoặc sự lý đừng cho luống qua, xét giới hạnh ông kia, đừng cho khuyết điểm, biết chỗ nào có phạm thì dạy sám hối.

Như vậy kẻ đệ tử, mới chùi lau cho Thầy, và xoa thân thể cho Thầy, cùng đắp y xếp áo cho Thầy, hoặc khi quét sân lau phòng, coi chừng trùng ở trên mặt nước, một chút có chỗ làm, nên đều làm thế cho Thầy, đây là kính lễ bậc thượng túc vậy.

Như trong môn đồ có bệnh, thì mình cũng phải ủng hộ thuốc thang và đồ cần dùng, thương cũng như con ruột. Song mình là người gương mẫu Phật pháp, để làm đầu dạy bảo, khác nào như người con lớn của vua, gồm thâu nuôi dưỡng không nên khinh dễ, luật có nói rành đâu cho trễ nãi.

Bố tát giới kinh nói : "Bọn Chiên đà la, và người hàng thịt, tuy là làm nghiệp ác, chớ không hay phá hoại chính pháp của đức Như Lai, chưa ắt họ sa đọa trong ba đường ác. Làm thầy không hay dạy răn kẻ đệ tử, tức là người phá Phật pháp, chắc đọa trong đại địa ngục".

Ưu bà tắc kinh nói : Thà thọ giới ác trong một ngày giết vô lượng chúng sinh, trọn không nên chứa nuôi kẻ đệ tử hung ác, mà không điều phục được, vì cớ sao ?... Đó là ông ác luật nghi, lỗi đó thuộc về phần mình, vì nuôi kẻ đệ tử ác không hay dạy dỗ, mới khiến cho vô lượng chúng sinh làm ác và chê bai vô lượng pháp mầu, hoại hòa hiệp Tăng khiến cho phần nhiều chúng sinh gây tội ngũ vô gián. Thế cho nên có cái tội nào mà hơn cái tội ác luật nghi ?... (*ông giới sư truyền giới bất hợp pháp*).

Giới thứ sáu mươi sáu
CẤM BƯƠI MÓC VIỆC RẦY RÀ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết việc đó là việc rầy rà, đúng như pháp sám hối rồi, sau còn bươi móc ra nói nữa, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần có việc rầy rà, đúng như pháp dứt rồi, sau lại còn bươi móc ra nói nữa rằng : – Ông không khéo suy xét, thì chỗ ông suy xét không thành, ông hiểu không rành, thì cái hiểu của ông không thành, ông không khéo dứt, thì cái dứt của ông không thành. Chúng Tăng đang thanh tịnh, ổng làm cho có việc rầy rà, khi đã xảy việc rầy rà, ổng làm cho đừng dứt trừ được. Các Tỳ Kheo xét biết việc này do mấy ổng, nên đến bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Biết : Giải như trước, hoặc tự mình hiểu biết, hoặc người khác nói lại mình biết.

Rầy rà : Do vì việc này mà sinh ra cạnh tranh. Rầy rà có 4 cách nghĩa là : 1/ Lời nói rầy rà. 2/ Tìm lỗi rầy rà. 3/ Phạm tội rầy rà. 4/ Làm việc rầy rà. Như văn sau này có giải rõ.

Đúng như pháp : Nghĩa là đúng y như pháp, y như luật, y như lời Phật dạy.

Sám hối : Nghĩa là công việc bị phạm ông kia đã sám hối rồi, sau lại bươi móc ra nữa. Nghĩa là : việc rầy rà đó dẹp rồi mà còn đem tâm không tốt nói nữa, khiến cho không thôi.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Biết ông đó đã đúng như pháp dứt rồi, mà còn nói rằng : ông không khéo suy xét, thì suy xét không thành, cho đến trừ dứt cũng không thành. Nói mà rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói mà không rõ ràng phạm Ác tác.

Hoặc còn bao nhiêu những việc rầy rà mắng nhiếc, như vậy tự mình rầy lấy mình, hoặc mình rầy với người chưa thọ đại giới, mà còn nói nữa, thì phạm Ác tác. Đúng như pháp dứt, tưởng đúng như pháp dứt, phạm tội Đọa; nghi, phạm Ác tác; không đúng như pháp dứt, tưởng như pháp dứt và nghi đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Trước không biết đúng như pháp dứt, và thật không đúng như pháp dứt.

Giới thứ sáu mươi bảy
CẤM LÀM BẠN VỚI KẺ GIẶC ĐI MỘT ĐƯỜNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo biết đó là giặc, kết bạn cùng đi chung một đường cho đến đi trong một làng, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần từ nước ấy, đi đến nước Tỳ Xá Ly, gặp bọn khách buôn lậu, lén qua ải, các ông đồng đi chung với chúng nó một đường bị người giữ ải bắt được. Phật vì cớ ấy liền kiết giới cấm.

Bọn cướp : Là những bọn trộm cắp, cướp giật và người trốn thuế, dối đò hoặc qua hoặc lại.

Kết bạn : Là đồng hẹn ước với nhau đi đến làng nào, thành nào vậy.

Đồng đi một đường : Là kết làm bạn thiết, đồng đi khắp đó đây, trong làng, thành ấp, cũng mắc bổn tội.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Cũng đồng như giới trước, đi chung với người phụ nữ. Bốn chúng kia phạm tội cũng đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Không biết, không kết bạn, hay là bị người dùng thế lực bắt buộc v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Nếu đi giữa đường, biết đó là giặc, ta không tiện lánh đi đường khác thế thì đi trụt sau xa, giả như người đi biết khiêm nhượng, đến gần xóm đông, phương tiện bỏ đi. Nếu bọn giặc biết, thì nên nói rằng : – Trường

thọ, chính tôi đi đến đây thôi. Nếu mình đi chung với người bạn phản và mắc nợ, phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Ngũ Phần Luật nói : Hẹn đi chung với Tỳ Kheo ác, phạm Ác tác. Nếu có nạn duyên hẹn đi chung đường, không phạm.

Căn Bản Luật nói : Hoặc nhờ bọn giặc dìu dắt, ngăn ngừa các nạn khác, hoặc mình đi lạc đường, phải nhờ đến kia chỉ dẫn, tuy đồng đi, không phạm.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN CHÍN)

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

Giới thứ sáu mươi tám
KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dấy lời nói như vầy : Tôi biết pháp của Phật nói : Làm việc dâm dục không phải là pháp ngăn đạo. Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : Đại đức đừng nói như vậy, đừng chê bai đức Thế Tôn, chê bai đức Thế Tôn không tốt, đức Thế Tôn không nói lời như vậy, đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện, nói làm việc dâm dục, là phép ngăn đạo. Tỳ Kheo kia khi can gián Tỳ Kheo này, mà Tỳ Kheo này giữ bền không bỏ, Tỳ Kheo kia nhẫn đến ba phen can gián bỏ việc này đi, nếu can gián đến ba phen bỏ thì tốt, bằng không bỏ phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó có ông Tỳ Kheo tên A Lê Tra, có sinh ác kiến như vậy, các Tỳ Kheo can gián mà không bỏ, của Tỳ Kheo đến bạch Phật, Phật cho chúng Tăng dấy lời quở trách và can gián, bạch tứ Yết Ma cho bỏ sự này, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Dấy lời nói như vậy : Nghĩa là lầm dẫn giải lời nói của đức Thế Tôn để làm chứng kiến lời nói của mình, cũng do cái tri kiến của ông kia thấy người tại gia, tuy ở tại gia có vợ như ai, nhưng hay chứng quả Tu Đà Hoàn, cho đến quả A Na Hàm nên mới sinh cái ác kiến như vậy.

Tôi biết : Nghĩa là tự biết hay xét biết.

Pháp Phật nói : Phật là người năng nói, chính là đức Như Lai ứng chính đẳng giác. Pháp bị nói, là tỏ bày cái nghĩa. Chữ Pháp có hai nghĩa : 1) Chính Phật nói. 2) Đệ tử của Phật nói. Tuy đệ tử của Phật nói vì do lời Phật dạy, cũng gọi là Pháp Phật nói.

Làm việc dâm dục : Là làm việc nhơ nhớp, xấu hổ vậy.

Chẳng phải pháp ngăn đạo : Ông kia làm việc dâm dục là thói quen mà cho là không ngăn ngại các Thánh quả của Phật.

Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này rằng : Là dấy lời riêng can gián, như văn sau này có giải.

Đại đức : Tức là lời kêu khen ông kia.

Đừng nói như vậy : Là không nên dấy lời ác kiến như vậy.

Đừng chê bai đức Thế Tôn : Nghĩa là pháp bị nói của đức Phật lìa sự dâm dục đi đến chỗ vắng lặng, nếu nói sự dâm dục, chẳng phải là ngăn đạo, tức là trái lời Phật nói, đó là chê bai đức Thế Tôn.

Chê : Nghĩa là buông ra những lời phi lý.

Không tốt : là gây quả báo, đời sau chắc chắn phải chịu cái sự không tốt.

Thế Tôn không nói như vậy : Là Phật không nói sự dâm dục là pháp không ngăn đạo.

Vô số phương tiện v.v... : Là Phật dùng đủ thứ lời quở trách, nói dâm dục là bất tịnh, là pháp hữu lậu, là pháp ngăn đạo...

Khi Tỳ Kheo kia can gián Tỳ Kheo này chấp chặt không bỏ : Là dấy lời can riêng như trước, nếu ông không bỏ chấp chặt ác kiến, nên nói rằng : Ông nay nên bỏ việc này đi, đừng để chúng Tăng phải quở trách lại phạm thêm tội nặng, nếu ông nhận lời thì tốt, như ông không nhận lời, thì phải làm phép bạch Yết Ma can ba lần.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Xướng ba lần Yết Ma rồi, thì phạm tội Đọa, tác bạch Yết Ma hai lần rồi bỏ, thì phạm ba tội Ác tác. Một lần Yết Ma rồi mà bỏ, thì phạm hai tội Ác tác. Bạch rồi mà bỏ thì phạm một tội Ác tác.

Nếu bạch chưa rồi mà bỏ, hoặc chưa bạch, bàn nói việc phải quấy, hoặc ngăn ông kia đừng bỏ, tất cả phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là sao ? Hoặc làm phép Yết Ma phi pháp v.v... ba lần phạm tội Đọa, chỉ phạm một Ác tác.

Luật Nhiếp nói : Phải đối trong đại chúng phát lồ tội Đọa.

Giới thứ sáu mươi chín
CẤM KẾT PHE ĐẢNG VỚI NGƯỜI KHÔNG BỎ ÁC KIẾN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết người nói như vậy, chưa làm phép không bỏ tà kiến như vậy, lại cung cấp các món cần dùng, cho đồng làm phép Yết Ma, đồng bàn luận, và ngủ nghỉ chung, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Khi ấy ông A Lê Tra bị chúng Tăng quở trách, quở trách can gián mà cố quyết không bỏ, Phật bảo chúng Tăng làm phép cử tội không bỏ ác kiến, bạch tứ Yết Ma. Khi đó phái Lục quần cúng cho ổng các món dùng, và cho ổng đồng làm pháp sự, và cho bàn luận ngủ nghỉ, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Người nói như vậy : Là nói pháp của các Tỳ Kheo làm việc dâm dục không phải là pháp ngăn đạo.

Chưa làm phép : Là ông kia bị chúng Tăng cử do ổng cố chấp ác kiến, tâm không ăn năn, nên chúng Tăng chưa làm phép Yết Ma xả tội.

Tà kiến như vậy : Nghĩa là ổng cho cái ác kiến ấy là pháp không ngăn đạo.

Không hổ : Là chúng Tăng can gián quở trách, do ổng chấp chặt không bỏ ác kiến ấy.

Cung cấp các món cần dùng : Đây có hai món : 1.- Là pháp : nghĩa là dạy tu tập tăng thượng giới, tăng tâm, tăng huệ, tăng sự học vấn, tăng sự

tụng kinh. 2.- Là tài : nghĩa là cho y phục, cơm nước, ngọa cụ, thuốc thang v.v...

Đồng làm phép Yết Ma : Là đồng tụng giới, hay là các việc pháp sự.

Đồng ngủ nghỉ : Nghĩa là đồng ngủ chung một nhà.

Nhà có 4 thứ : 1.- Hoặc bốn phía có vách và tất cả có lợp. 2.- Hoặc tất cả có lợp, tất cả không ngăn. 3.- Hoặc tất cả ngăn hết, mà tất cả không lợp. 4.- Hoặc không ngăn hết, không lợp hết.

Đồng bàn luận : Là dạy bảo nhau, và cho bình luận các việc tốt xấu.

Thể thức phạm tội : Hoặc Tỳ Kheo vào nhà trước, ông ác kiến vào sau, hoặc ông ác kiến vào trước, Tỳ Kheo đến sau, hoặc hai ông đồng vào một lượt ngủ nghỉ, tùy hông sát đất, tất cả phạm tội Đọa. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Nếu cô Ni tùy thuận theo thầy Tỳ Kheo bị cử, ba lần can không bỏ, phạm Ba La Di.

Không phạm là gì ? Hoặc không biết có ông đó bàn luận, hoặc không biết có ông đó ngủ trong nhà, hoặc nhà che lợp không giáp, hoặc chỗ đất trống, hoặc ổng bệnh phải nằm nghiêng và có các nạn duyên.

Phụ văn : Xét trong Luật văn : Cung cấp cho ổng, cho ổng àm phép Yết Ma, cho ổng ngủ chung một nhà, cho ổng bàn luận chung, bốn việc tùy làm một việc, đều phạm tội Đọa.

Thập Tụng Luật nói : "Hoặc ổng dạy kinh cho ông khác, hoặc ổng theo ông khác học kinh, hoặc ổng cho ông khác của cải, hay ông khác cho ổng của cải, hoặc cho ổng ngủ chung trong một nhà, tất cả đều phạm tội Đọa, hoặc ngồi chung không nằm, phạm Ác tác.

Căn Bản Luật nói : "Nếu ông bệnh, thăm lo nuôi dưỡng không phạm, hoặc cho ổng đồng ở chung, khiến cho ổng bỏ tính ác, như vậy cũng không phạm.

Giới thứ bảy mươi mốt
CẤM CHỨA NUÔI ÔNG SA DI BỊ TẨN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, biết ông Sa Di nói lời như vầy : "Tôi theo nghe Phật nói pháp, làm việc dâm dục, không phải là pháp ngăn đạo". Tỳ Kheo kia can gián Sa Di này rằng : Ông đừng nói như vậy, đừng chê bai đức Thế Tôn, chê bai đức Thế Tôn không tốt, đức Thế Tôn không nói như vậy.*

Sa Di ! Thế Tôn dùng vô số phương tiện, nói việc dâm dục là phép ngăn đạo. Khi Tỳ Kheo kia can gián Sa Di này, mà Sa Di này bền giữ không bỏ, Tỳ Kheo kia phải đôi ba phen can gián, bảo bỏ việc ấy đi, nhẫn đến ba phen can, ổng bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì Tỳ Kheo kia phải nói với Sa Di ấy rằng : Ông từ nay sắp về sau, không nên nói Phật là Thầy của ông nữa, ông không được theo các Tỳ Kheo khác, như các ông Sa Di kia, được chung cùng các Tỳ Kheo ngủ hai ba đêm, ông nay không được đó, ông đi ra cho khỏi chỗ này, không nên ở đây.

Nếu Tỳ Kheo biết trong chúng đuổi, mà dụ ông Sa Di ấy, đem về nuôi dưỡng và cho ngủ chung, như vậy phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn ông Cấp Cô Độc, ông Bạt Nan Đà có hai ông Sa Di sinh ác kiến như vậy. Phật dạy chúng Tăng để ông Sa Di đó ở trước chúng Tăng đứng chỗ mắt thấy tai không nghe, dấy lời quở trách can gián, bạch tứ Yết Ma, mà Sa Di kia cố ý không bỏ. Phật bèn dạy chúng Tăng để ổng đứng như trước, làm phép Yết Ma diệt tẩn..

Khi đó có phái Lục quần biết chúng Tăng diệt tẩn ông Sa Di đó rồi mấy ông mới dụ đem về nuôi dưỡng, cho ngủ chung. Các Tỳ Kheo thanh tịnh bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Trong văn đây, từ câu ban đầu đến câu làm việc dâm dục là pháp ngăn đạo, đó toàn lời quở trách can gián. Nếu ổng giữ chặt không bỏ, mới làm phép Yết Ma ba phen can gián. Ba phen can gián không bỏ, mới làm phép diệt tẩn. Câu : Ong từ đây sắp về sau, nhẫn đến câu : Không nên ở đây. Ấy là văn Yết Ma làm phép diệt tẩn. Sau đây là văn kiết giới vậy.

Diệt tẩn ? Diệt : là trừ; Tẩn : là bỏ; không cho ở chung với các Tỳ Kheo.

Trong chúng ? Tức là trong chúng Tăng.

Bị tẩn ? Là bị chúng Tăng bạch tứ Yết Ma diệt tẩn.

Sa Di ấy ? Là người thọ 10 giới, mà sinh tâm ác kiến.

Dụ dỗ đem về ? Nghĩa là đem tài, pháp cho ông rồi dụ dỗ kêu dắt đi, hoặc mình dụ, hoặc bảo người khác dụ đều phạm tội.

Nuôi dưỡng ? Hoặc mình nuôi, hoặc cho người khác nuôi. Nuôi : nghĩa là thâu lãnh đem về cho y chỉ. Dưỡng : là cấp hộ cho kia cơm áo và dạy học kinh pháp.

Đồng ngủ chung : Nghĩa đồng chung một thất ngủ nghỉ. Còn bao nhiêu nghĩa khác, có phạm không phạm, đều đồng giải như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu ông Sa Di bị hai thầy quở trách, ông Tỳ Kheo khác không nên dụ dỗ đem về cho ở chung, nói tôi sẽ cho ông y bát, thuốc thang và tôi sẽ dạy ông học kinh pháp".

Nếu biết ông Sa Di đó, nhân bị đuổi trở về tục. Tỳ Kheo kia được nói lời dịu dàng dụ dỗ, dụ ổng ưng thuận rồi, nên nói rằng : Hòa Thượng và A Xà Lê, ông mang ơn nặng khó trả, vậy ông phải trở lại kia, chịu lòn mà ở.

Căn Bản Luật nói : "Nếu ông đó là bà con dòng họ, hoặc lúc ông có bệnh, hoặc bảo ông kia bỏ tính ác kiến, tùy quyền nhiếp thọ cũng đều không phạm".

Luật Nhiếp nói : "Phàm ổng không thấy tội v.v... bị người đuổi bỏ, đồng để thọ dùng, đều phạm Ác tác".

Sa Di 7 tuổi hay giúp chúng Tăng để giữ lúa bắp và đuổi chim quạ, nên cho xuất gia, dạy thọ phép Tam quy, và cho học 10 giới. 8 tuổi học không được, 7 tuổi học được nên độ; 6 tuổi học được, 7 tuổi không được thì không nên độ.

Tăng Kỳ Luật nói : "Nhỏ lắm nếu thiếu 7 tuổi. Hoặc đủ 7 tuổi mà không biết tốt xấu, đều không nên cho đi xuất gia".

Còn người già nếu quá 70 tuổi, có thể làm công việc được, nếu dưới 70 tuổi mà làm việc không được, nằm đứng nhờ người đỡ, đều không cho xuất gia. Nếu đủ 70 tuổi, sức lực mạnh mẽ, có thể tu tập các nghiệp nên cho đi xuất gia.

Lại nữa Sa Di có 3 phẩm : 1/ Từ 7 tuổi cho đến 13 tuổi, gọi là Sa Di khu ô. 2/ Từ 14 tuổi cho đến 19 tuổi, gọi là Sa Di ứng pháp. 3/ Từ 20 tuổi cho đến 70 tuổi, gọi là Sa Di danh tự. Ba phẩm này đều gọi là Sa Di vậy.

Có chỗ dịch rằng : Đã nói ông đi xuất gia tuổi còn bé chưa kham làm nên việc chi, chỉ giúp chúng Tăng quét dọn nơi nhà thực trù, và các chỗ ngồi thiền, đánh đuổi chim quạ để thay thế chút nhọc cho thầy đặng sinh phước lành vậy.

Giới thứ bảy mươi mốt
CẤM CAN GIÁN VÀ VẤN NẠN MỘT CÁCH NGHỊCH

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo khi các Tỳ Kheo khác đúng như pháp can gián, ổng lại nói như vầy: "Tôi nay không học giới này, tôi cũng sẽ vấn nạn các*

ông Tỳ Kheo trí huệ trì luật kia, phạm Ba Dật Đề". Hoặc vì muốn biết mà học hỏi, thì nên hỏi nạn.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong vườn Mỹ Âm, khi đó các Tỳ Kheo y pháp can gián ông Xiển Đà, ông Xiển Đà bèn nói : Tôi nay không học giới này, tôi sẽ vấn nạn các Tỳ Kheo trí huệ trì luật. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Các Tỳ Kheo ? Là người trong chính pháp.

Đúng như pháp ? Là đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy.

Khi can gián ? Là chính cái lúc dùng lời thật dạy can.

Nói lời như vầy ? Là ổng dấy lời nói chỏi ngược, nói nghịch.

Tôi nay không học giới này ? Nghĩa là không tu tập theo giới Ba La Đề Mộc Xoa. Song không phải thật không tu tập, chính là muốn dùng lời nói như thế để cự lại lời can gián của ông kia mà thôi.

Vấn nạn ? Là dùng lời khéo léo, cật vấn ông kia.

Ông trí huệ ? Trí tức là huệ, nếu phân biệt mà nói thì trí : là hiểu biết, huệ : là thấy rõ vậy. Lại nữa, quyết định xét lý nói là chữ Trí; để tâm phân biệt rành rẽ, nói là chữ Huệ vậy.

Trì luật ? Là người giữ tạng Tỳ Ni.

Vì muốn hiểu biết ? Là muốn hiểu thấu chỗ khinh, trọng, khai, giá, trì và phạm vậy.

Muốn học ? Là muốn học văn và nghĩa cho rộng.

Nếu vấn nạn ? Là muốn biết, muốn học, mà vấn nạn thì không phạm.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Khi ông kia đã đúng như pháp can gián, mà buông lời nói chỏi ngược, nói mà rõ ràng, thì phạm tội Đọa. Nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Ông kia can gián ổng, mà chính ổng là người ngu si nhẫn đến nói lầm v.v...

Giới thứ bảy mươi hai
CẤM KHINH CHÊ NÓI GIỚI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo khi nói giới, dấy lời nói như vầy : Đại đức đừng nói chi những giới lụn vụn, khi nói giới này khiến cho người nghe thêm buồn thẹn, hoài nghi, vì khinh chê giới luật, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có chúng Tỳ Kheo đông nhiều nhóm ở một chỗ, tụng chính pháp Tỳ Ni. Phái Lục quần sợ ông kia tụng tập giới thông thạo, cứ hằng cử tội ông đó mới đi đến nói rằng : Trưởng lão, đừng nói những giới lụn vụn làm chi. Hoặc ý ổng muốn tụng 4 giới Ba La Di, hay là 13 giới Tăng già Bà Thi Sa còn bao nhiêu thì bỏ. Vì tụng các giới lụn vụn, khiến cho người hoài nghi buồn thẹn. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Khi nói giới ? Chữ giới : nghĩa từ 4 giới Ba La Di cho đến 7 giới Diệt tránh. Chữ thời : Là thời trùng tuyên đọc lại.

Dấy lời nói như vậy ? Là thốt ra lời nói chê bai.

Đại đức ? Là dấy lời khen ông kia, để thực hiện tâm của mình.

Đâu nên dùng ? Chính là tỏ vẻ chê bai, do vì thế phạm đôi ba tội khi nghe tụng giới, thì tâm không yên, nên mới bèn khinh chê đó vậy.

Giới lụn vụn ? Nghĩa là ba thiên sau...

Khiến cho người ? Là mượn cho người khác, để rõ thân mình.

Buồn thẹn hoài nghi ? Là mình có phạm lỗi, mà nghe ông kia tụng giới tâm sinh không ưa, do vì tâm không ưa, nên phiền muộn bận lòng, gọi là chữ não, ăn năn chỗ phạm lỗi của mình, nên gọi là chữ quý (*thẹn*) vì không hay quyết đoán chỗ phạm lỗi của mình, thế gọi hoài nghi.

Khinh chê giới ? Là thốt ra lời hủy báng.

Thể thức phạm tội ? Nếu chê bai giới, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác. Nếu chê bai tạng luận và khế kinh đều phạm Ác tác, bốn chúng kia đều phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc bảo ông kia, trước tụng tạng luận, kế đó tụng tạng kinh, sau sẽ tụng tạng luật, bằng có bệnh bảo đợi lành rồi sẽ tụng, hoặc bảo cần cầu cho chứng quả, vậy sau mới tụng.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu muốn cho người bỏ hẳn tạng luật không tu, không đọc, mà chê bai đó, phạm tội Đọa. Nếu muốn cho tạng luật không được cửu trụ, mà chê bai đó phạm tội Thâu Lan Giá. Chê bai tạng kinh, cũng như vậy, nếu chê bai giới của bốn chúng kia và giới của hai chúng tại gia, đều phạm Ác tác".

Tỳ Kheo Ni chê bai hai bộ giới, phạm tội Đọa, chê bai giới của năm chúng kia phạm Ác tác. Nếu sợ người mới thọ giới sinh lòng nghi thối tâm, dạy để sau mới tụng giới thì không phạm.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận nói : Phàm trong kinh có kinh theo luật khi tụng chê đó, phạm tội Đọa, khi tụng các kinh khác mà chê đó thì phạm Ác tác. Vì sao chê kinh của luật v.v... mà phạm tội nặng, chê các kinh khác, lại phạm tội nhẹ ư ?

Vì giới là rường cột, rường cột là ruộng tốt trong Phật pháp, muôn ngàn giống lành, cũng từ nơi đó mà sinh, lại nữa, tất cả đệ tử của Phật đều nương theo nơi đó mà ở.

Nếu người tu mà không giới, thì không lấy chi mà nương tựa, lại nữa giới là cái cửa đầu vào Phật pháp. Nếu người tu không có giới thì không do nơi đâu, mà vào thành Niết bàn vậy. Lại nữa, giới là chuỗi anh lạc trong Phật pháp, để trang nghiêm pháp thân Phật, vì thế nên phạm tội nặng.

Trong kinh 500 bài hỏi : Ngài Mục Kiền Liên bạch Phật rằng : "Đức Thế Tôn sau khi diệt độ, ai giữ gìn tạng luật ?..."

Phật dạy : "Người ưa suy nghĩ, học tạng luật sẽ biết người ấy là người hay tu tập tạng Tỳ Ni. Ta sau diệt độ rồi, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni chê bai tạng Tỳ Ni như thế thì phải biết, người ấy là bạn bè của Ma vương, chẳng phải là đệ tử của ta, bọn người như thế, đời đời học đạo không thành, và không ra khỏi ba cõi".

Thiện Kiến Luật nói : Nếu người học tạng Tỳ Ni có 5 đức : 1/ Là mình giữ giới. 2/ Có thể dứt các cái nghi cho người. 3/ Là vào trong chúng không sợ. 4/ Là có thể bẻ dẹp kẻ oan gia. 5/ Là hay khiến chính pháp được cửu trụ.

Nhẫn đến trong đời có 5 thầy Tỳ Kheo hiểu luật, cũng có thể làm cho chính pháp được cửu trụ.

Như bên nước Trung Thiên Trúc, Phật pháp diệt, ở ngoài biên địa có 5 thầy Tỳ Kheo truyền giới được, ở trung quốc phải 10 thầy mới truyền giới cụ túc được, làm đúng như vậy mới gọi là làm cho chính pháp được cửu trụ.

Lại nữa, trì luật có 6 đức : 1/ Là lãnh giữ tạng luật. 2/ Là biết làm phép Bố tát. 3/ Là biết làm phép Tự tứ. 4/ Là biết làm phép truyền giới cụ túc cho người. 5/ Là biết làm phép thọ cho người y chỉ. 6/ Là được nuôi Sa Di.

Nếu không hiểu luật, chỉ biết kinh và luận, không được độ các ông Sa Di, và thọ người y chỉ, do vì ông Luật sư trì luật thì Phật pháp mới trụ đời năm ngàn năm vậy.

Giới thứ bảy mươi ba
CẤM TRỚ LỜI NÓI MỚI BIẾT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, khi tụng giới dấy lời nói như vầy : tôi nay mới biết pháp này, trong giới kinh biên ra, nửa tháng, nửa tháng tụng.*

Các Tỳ Kheo biết Tỳ Kheo đó có đôi ba lần ngồi trong chúng nghe giới, huống chi còn nhiều lần nữa !

Thế mà Tỳ Kheo kia nói không hiểu biết, nếu phạm tội, phải đúng như pháp mà trị, bèn gia thêm tội vô tri, nói rằng : – Trưởng lão không lợi ích, không tốt, khi nói giới Trưởng lão không để tâm suy nghĩ, không chịu nhiếp tâm nghe pháp, vì ông kia trớ nói không biết, phạm Ba Dật Đề.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Trong phái Lục quần có một người phạm tội, trong khi đương tụng giới, biết mình có phạm liền ngăn, sợ các Tỳ Kheo thanh tịnh cử tội, đến trước vị Thượng Tọa nói rằng : "Thưa Đại đức, tôi nay mới biết pháp này, cho đến nói trong giới kinh rút ra". Các Tỳ Kheo biết cái cớ của ông đó, nên đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Nói giới : Là nói từ giới Ba La Di, cho đến nói giới thất diệt tránh, thứ lớp đủ cả nghĩa mầu.

Dấy lời nói như vậy ? Là giả bộ như mình mới hay biết.

Tôi nay mới biết pháp này ? Là ông cũng thường đồng ngồi nghe tụng giới, mà nay ổng giả bộ như mới biết lần đầu.

Pháp ? Tức là pháp Tứ khí, cho đến thất diệt tránh.

Trong giới kinh chép ra ? Nghĩa là trong giới kinh biệt giải thoát, sở dĩ nó ở trong đó, nên nói trong giới kinh.

Nửa tháng, nửa tháng tụng, trong giới kinh nói ra ? Nghĩa là nửa tháng có trăng, nửa tháng không trăng, làm phép Bố tát tụng giới kinh một lần, từ trong đó rút ra, chẳng phải chép trong kinh khác.

Hoặc đôi ba lần ngồi, nhẫn đến còn nhiều lần ? Nghĩa là mình đã từng có đôi ba phen, đồng là phép Bố tát, đồng nghe tụng giới, huống chi còn hơn đôi ba lần !

Không biết không hiểu ? Tức là ổng không biết tướng tội nên gọi là vô tri, không rành nghĩa tội, nên gọi là vô giải.

Nếu ổng phạm tội phải đúng như pháp mà trị v.v... ? Nghĩa là không vì cái cớ giả bộ không hay biết đặng khỏi tội, phải đúng như chỗ ổng phạm mà trị tội ổng.

Lại gia thêm cho ông tôi vô tri, trưởng lão v.v... ? Tức là lời khuyên răn.

Không để tâm suy nghĩ ? Là không khéo suy nghĩ, để ý vậy.

Không nhiếp tâm nghe pháp ? Là do ổng không khéo để ý, nên không được nhất tâm, do vì không được nhất tâm, nên tai duyên nơi cảnh khác, do vì duyên cảnh khác, nên không hay nghe pháp.

Ông kia vì cái cớ không biết ? Do vì không biết nên phạm tội.

Thể thức phạm tội ? Hoặc khi mình tụng giới, hoặc khi người khác tụng giới, dấy lời nói như vậy, thì phạm tội Đọa. Nếu trong chúng không cử tội ông kia, thì phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Thật chưa từng nghe tụng giới, hay ổng mới nghe lần đầu, hoặc ổng chưa nghe tụng nhiều, mà nay mới nghe cho đến ổng nói chơi nói lầm v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Hoặc do phiền não khuấy rối, hoặc do quên suy nghĩ, hoặc ngủ gục, hoặc loạn tâm, tùy mỗi một giới, không lóng tai nghe, đều phạm mỗi tội Đọa. Hoặc nghe cô Tỳ Kheo Ni tụng không đồng giới, dấy lời nói như vậy, thì phạm Ác tác, nếu nghe tụng đồng giới, thì phạm Bổn tội".

Hoặc già cả không chỗ hiểu biết, hay là đúng thật mà nói thì không phạm. Tới ngày trưởng tịnh toàn chúng cử người thuộc làu, tụng giới kinh, làm Thượng Tọa thay thế cho chúng Tăng tụng giới.

Trước khi đánh kiền chùy các Tỳ Kheo phải nhớ tội của mình, đúng như pháp mà sám hối, vậy sau mới đi nhóm.

Tăng Kỳ Luật nói : "Trong chúng Tăng phải lựa sai một vị tụng giới cho làu, các người ngồi dưới, cũng phải chuyên tâm lóng nghe, không nên ngồi đó mà thiền định và làm các việc khác, hoặc tụng từ

giới Ba La Di, cho đến giới thất diệt tránh và trong chặng giữa, tùy không nghe một giới nào, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni. Tất cả mà không nghe phạm Ba Dật Đề".

Tội này không được tới một người mà sám hối, phải đối giữa chúng, nhờ ông có oai đức trì giới, kính nạn ổng rồi, đối trước đó mà sám hối, ông oai đức phải quở rằng : Trưởng lão, ông mất sự lợi lành, khi nửa tháng tụng Ba La Đề Mộc Xoa, ông không kính trọng, không nhất tâm nhớ nghĩ và không lóng tai nghe pháp. Quở rồi cho sám hối tội Ba Dật Đề.

Giới thứ bảy mươi bốn
CẤM TRÁI NGHỊCH PHÉP YẾT MA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đồng làm phép Yết Ma, sau rồi mới nói lời như vầy : Các Tỳ Kheo tùy người thân mến, lấy vật của chúng Tăng cho, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự trên non Linh Thứu, Tôn giả Đạp Bà Ma La Tử, nghĩ mình biết việc chúng Tăng, người đàn việt lập hội bố thí không có lịnh mời ông, mà ông cứ mang y phục rách rưới mà đi, khi khác chúng Tăng được một cái y, đồng làm phép bạch nhị Yết Ma cho đó. Bấy giờ phái Lục quần cũng đồng ưng làm phép Yết Ma, nhưng sau rồi nghĩ lại ăn năn, nói lời phỉ báng chúng Tăng, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Đồng làm Yết Ma ? Là cùng nhau tâm đồng ưng thuận hứa cho làm các việc đó.

Nói lời như vầy ? Là đồng cùng chúng Tăng làm phép Yết Ma rồi sau lại trái, tâm mình ăn năn lời hứa trước.

Các Tỳ Kheo ? Là người đồng làm phép Yết Ma.

Thân mến ? Nghĩa là Hòa Thượng, A Xà Lê, hoặc đồng bậc Hòa Thượng, hay đồng bậc A Xà Lê, cùng các người thân hữu đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, hiệp ý nhau vậy.

Vật của chúng Tăng : Đồng giải như trước. Vật : Là sáu món tùy tùng của hàng Tỳ Kheo nhẫn đến bình uống nước. Cho : Là lấy vật của chúng Tăng cho riêng về người kia.

Thể thức phạm tội ? Như trước đồng làm phép Yết Ma rồi, sau lại ăn năn nói, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói mà không rõ ràng, phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Sự kia thật có vậy.

Tát Bà Đa Luận nói : "Phàm ở trong chúng Tăng, nếu người giúp làm việc nhọc nhằn, hoặc là bậc Đại đức, hoặc người nghèo thiếu, chúng Tăng hòa hiệp cho đều nên cho, hễ chúng Tăng nói không nên cho mà cố cho bướng, đều phạm tội".

Giới thứ bảy mươi lăm
CẤM KHÔNG DỰ DỤC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo chúng Tăng xử đoán việc chưa rồi, không dự dục mà đứng dậy bỏ đi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, các Tỳ Kheo nhóm một chỗ, bàn luận pháp Tỳ Ni, phái Lục quần nghi chúng Tăng làm phép Yết Ma, liền bỏ chỗ ngồi đứng dậy đi, chúng Tăng cầm lại mà không ở, Phật vì việc đó liền kiết giới cấm.

Chúng Tăng : Là những vị đồng tụng một giới, đồng làm một phép Yết Ma.

Đoán ? Là bàn luận cho đúng công lý.

Việc ? Là 18 việc phá Tăng : pháp, phi pháp, cho đến nói, không nói, và bao nhiêu pháp sự Yết Ma v.v...

Không dự dục ? Nghĩa là mình có việc xảy ra, không dặn bảo chúng Tăng, hoặc nói cho các Tỳ Kheo khác biết rồi sẽ đi, mà ổng lại không nói, bỏ đi đại.

Đứng dậy đi ? Là bỏ chỗ ngồi đứng dậy đi ra ngoài chúng Tăng.

Thể thức phạm tội ? Nếu đứng dậy đi ra ngoài cửa, thì phạm tội Đọa. Một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, và phương tiện muốn đi mà không đi, hoặc hẹn muốn đi mà không đi, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là ? Hoặc sửa sang tháp, làm việc cho chúng Tăng, hay đi nuôi bệnh, dự dục rồi đi, hoặc cấm khẩu không thể nói dự dục được, hoặc chúng Tăng làm sái phép, sái luật, sái Yết Ma. Hoặc ổng muốn làm tháp cho chúng Tăng, cho Nhị sư, cho người thân hữu, làm việc tổn giảm không lợi ích, không dự dục bỏ đi không phạm.

Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc muốn đi đại tiểu tiện, giây lát trở lại, không bỏ phế việc của chúng Tăng, không tội".

Giới thứ bảy mươi sáu
CẤM DỰ DỤC RỒI SAU ĂN NĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo dự dục rồi sau ăn năn, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó phái Lục quần có ông phạm tội, sợ chúng Tăng tác cử, trong tất cả cả thời sáu anh em mình đừng cho lìa nhau, khiến cho chúng Tăng đừng làm phép Yết Ma được; sau khi khác phái Lục quần may y, chúng Tăng phương tiện được, bèn sai người mời mấy ổng, mấy ổng trả lời rằng: Chúng tôi mắc may y, nên đi không được. Chúng Tăng nói : Nếu không đi được hết, thì nên cho hai ba ông đem lời dục đến.

Phái Lục quần bèn cho một thầy Tỳ Kheo, **lãnh lời dục của mấy ổng, đem đến, chúng Tăng liền cùng Tỳ Kheo ấy làm phép Yết Ma, Tỳ Kheo kia trở về nói lại cho phái Lục quần nghe. Bọn Lục quần rất ăn năn, nên nói ông kia làm Yết Ma sái phép, làm phép Yết Ma không thành, tôi cho ông đi dự dục** việc này, chớ không cho ông dự dục việc khác. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Dự dục rồi ? Nghĩa là chúng Tăng có việc đúng như pháp, trước khi tâm ưa muốn và đã hứa khả cho rồi.

Sau lại ăn năn ? Là dự dục rồi, sau sinh tâm hối hận.

Giới này, cùng với giới trước pháp Yết Ma trái ngược, chỗ đại khái vẫn đồng, nhưng trong đó có khác một chút.

Giới trước : Do vì trước biết việc của ông kia, đồng làm phép Yết Ma cho, sau rồi ăn năn mới chê chúng Tăng.

Giới này : Căn cứ vì không biết, sau ăn năn ngăn pháp dự dục, hai giới cũng đồng dự dục, rồi sau chê phá pháp Yết Ma, khiến việc trước không thành vậy.

Thể thức phạm tội ? Nếu mình mượn người dự dục giùm, sau rồi ăn năn, nói hễ rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng thì phạm Ác tác. bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là ? Ông kia thật làm sái phép Yết Ma.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : "Phàm chúng Tăng làm việc xử đoán, hòa hiệp làm rồi, sau ăn năn chê trách, phạm Ác tác". Nếu chúng Tăng đúng như pháp, làm việc tất cả pháp Yết Ma rồi, sau không được quở trách, hễ quở trách thì phạm tội Đọa. Nếu chúng Tăng làm phép Yết Ma không đúng phép, nhưng trong lúc đó sức mình không thể chuyển đổi được, nên làm thinh không quở trách, sau rồi nói không được, thì không phạm.

Giới thứ bảy mươi bảy
CẤM RÌNH NGHE CHUYỆN GÂY KÌNH, RỒI ĐEM CHUYỀN NÓI

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo rình nghe các Tỳ Kheo khác gây kình, rồi nghe lời nói người này lại đem nói người kia, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi bấy giờ các Tỳ Kheo gây kình, bọn Lục quần nghe nói ở đây, lại đem đến chỗ khác nói; khi chúng Tăng chưa có gây kình, làm cho có sự gây kình, khi đã có gây kình rồi, làm cho đừng dứt được. Các Tỳ Kheo xét biết do cớ mấy ổng, nên đem bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Đấu tranh có bốn món : 1.- Lời nói tranh đấu. 2.- Tìm lỗi tranh đấu. 3.- Phạm tội tranh đấu. 4.- Việc làm tranh đấu vậy.

Nghe nói ở đây, đem tới kia nói v.v... ? Nghĩa là ông kia ở chỗ khuất rình nghe ông khác gây, tìm kiếm lỗi quấy thay nhau chuyền nói, làm cho có sự cạnh tranh, đến đỗi việc nhỏ mới xảy ra, mà nó thành việc kình lớn, việc kình lớn đã thành rồi, thì lại không thể dứt được.

Thể thức phạm tội ? Trước khi tâm mình muốn nghe ông kia gây kình rồi đi nghe, thì phạm tội Đọa; không nghe thì phạm Ác tác. Nếu muốn đi nghe, mà không đi, hoặc đồng hẹn đi, mà không đi cũng phạm Ác tác. Hoặc hai người đồng ở trong chỗ tối nói chuyện, hoặc nói chỗ khuất, hoặc nói ở trước đường đi, như vậy phải biết nói riêng tất cả chỗ

khuất, Tỳ Kheo tình cờ gặp cũng phải đờn chỉ, hoặc tằng hắng ra tiếng, nếu không làm như thế, đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Hoặc làm phép Yết Ma phi pháp, phi luật, vì tháp, vì chúng Tăng, vì Nhị sư, vì người thân hữu, làm việc tổn hại không lợi ích, muốn nghe đặng biết, đi nghe không phạm.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : Trong đây người gây kình và các người không gây kình đến nghe, và tới người khác nói, hay không nói cũng đều phạm".

Thập Tụng Luật nói : "Nếu vì muốn nghe cho hòa hiệp đến nghe không phạm".

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu muốn tự sửa mình, đến nghe không phạm".

Ngũ Phần Luật nói : "Lén nghe bốn chúng kia nói, thì phạm Ác tác".

Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu hai thầy Tỳ Kheo nói riêng trong một nhà, hoặc Tỳ Kheo khác muốn vào, phải khảy móng tay hoặc dậm chân ra tiếng, nếu người trong nhà làm thinh, thì phải trở ra, hoặc người trong nhà cố nói không ngừng, vào không tội".

Nếu một thầy Tỳ Kheo trước ngồi trong nhà, hai thầy Tỳ Kheo nói riêng từ ngoài đi đến, Tỳ Kheo trong nhà lên tiếng, nếu hai ông kia làm thinh, Tỳ Kheo trong nhà phải đi ra, đi trước đi sau cũng như vậy.

Nếu các Tỳ Kheo gây kình kết oán, phát lời mắng nhiếc, nói tôi cần phải giết người ác này ! Tỳ Kheo nghe rồi, thì nên nói ông kia : Trưởng lão, ngài khéo ngăn ngừa, cẩn thận, vì tôi vừa nghe có tiếng ác hăm ngài.

Nếu có ông khách Tỳ Kheo dấy lời như vầy : Chúng tôi sẽ trộm vật trong kho này, trộm vật trong tháp kia, trộm vật của chúng Tăng chỗ đó, trộm y bát của Tỳ Kheo. Thầy Tri sự nghe rồi để ý mau về tới, về chùa rồi, đến trong chúng Tăng thưa rằng : Thưa Đại đức trong kho... nhẫn đến y bát của Tỳ Kheo... phải đề phòng trước, tôi vừa nghe có tiếng ác, phải nói cho Đại đức biết trước. Nếu Tỳ Kheo có đệ tử đông nhiều, trời tối lén đi xét các phòng, coi có làm đúng như pháp không. Nếu nghe có bàn luận nói việc thế tục, không nên vào quở trách liền, đợi ổng đến mình, vậy sau mới quở trách rằng :

Các ông vì tín tâm mà đi xuất gia, ăn cơm của người tín chủ phải ngồi thiền, tụng kinh, vì sao lại bàn luận việc phi pháp của thế tục, đó chẳng phải pháp lành của người xuất gia nương theo.

Nếu mấy ổng luận về kinh luật, nói nghĩa vấn nạn đối đáp, thì cũng không nên vào khen liền, đợi ổng đến mình vậy sau mới khen tốt : Các ông hãy cùng nhau bàn luận về kinh luật, nói nghĩa, giảng về việc Phật pháp, đúng như lời Thế Tôn dạy.

Khi các Tỳ Kheo nhóm, phải thật hành hai pháp : Một là hành pháp lẳng lặng như Hiền thánh. Hai là bàn luận nghĩa trong kinh pháp.

Giới thứ bảy mươi tám
CẤM GIẬN ĐÁNH TỲ KHEO KHÁC

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì sân giận không vui đánh Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Khi đó trong phái Lục quần Tỳ Kheo vì sân giận đánh bọn Thập thất quần Tỳ Kheo, ông bị đánh kia cao tiếng la to. Các Tỳ Kheo bạch Phật, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Không vui ? Nghĩa là dấn tâm vào trong cảnh buồn giận, nên trong lòng không vui.

Đánh ? Nghĩa là dùng bằng tay, hoặc đá, hoặc cây, mà đánh đập ông kia vậy.

Thể thức phạm tội ? Nếu mình lấy tay thoi đánh, lấy đá quăng liệng, lấy cây đánh đập, đều phạm tội Đọa. Hoặc lấy các thứ để gài cửa, như là móc sắt, cán phủ phất, cán thủ lư, mà khỏ đều phạm Ác tác. Tỳ Kheo Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc ổng bệnh cần phải đấm đánh (*đấm bóp*), hay là ăn cơm nuốt mắc nghẹn, phải đấm xương sống cho xuống cơm, và lầm đụng.

Phụ văn : Lặc Già Luận nói : "Hoặc đánh người tặc trụ, đánh người thọ năm giới, đánh người phạm tội tứ trọng, đều phạm Ác tác". Hoặc đập cát, hoặc đâm đậu, các vật văng nhằm nhiều thầy Tỳ

Kheo tùy chỗ dính, phạm tội Đọa. Nếu không dính thì phạm Ác tác.

Luật Nhiếp nói : Hoặc ông trì giới, hay ông phá giới, có tưởng Tỳ Kheo tưởng là Tỳ Kheo, hoặc lại sinh nghi, đánh đó đều phạm tội Đọa". Hoặc không phải Tỳ Kheo, tưởng là Tỳ Kheo rồi sinh nghi, hoặc đối với cột, vách tường, hay là đối với các vật khác, có tâm rối loạn mà đập vỗ đấy, đều phạm Ác tác. Hoặc không vì tâm sân giận, vì việc lợi ích thì không phạm.

Ngũ Phần Luật nói : "Đánh bốn chúng kia, và đánh súc sinh phạm Ác tác".

Tăng Kỳ Luật nói : "Đánh Tỳ Kheo Ni, phạm Thâu Lan Giá, đánh ba chúng sau, phạm tội Diệt Tỳ Ni, nhẫn đến đánh người thế tục, phạm tội Diệt Tỳ Ni, tâm ăn năn". Nếu loài ác thú chạy đến, không nên đánh, được cầm cây cầm đá v.v... động dưới đất, làm bộ dạng cho nó sợ, nếu loài súc sinh chạy đến vào chùa làm hư đồ đạc, cũng không nên đánh, phải làm bộ dạng cho nó sợ chạy đi.

Giới thứ bảy mươi chín
CẤM VÌ GIẬN DÓA THẦY TỲ KHEO

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì giận không vui, lấy tay dóa thầy Tỳ Kheo, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Dóa ? Nghĩa là lấy tay dóa ông kia, mà không đụng vào thân ông kia. Đức Thế Tôn đã cấm không

cho đánh, bọn Lục quần lại đưa tay dóa làm cho ông kia sinh tâm sợ sệt (*tưởng bạt tai*).

Trong đây phạm tội nặng nhẹ, cũng đồng như giới trước, nhưng giới trước, thì bản tâm muốn đánh, mà đánh không nhằm thân không phạm bổn tội, giới này, chính xòe tay dóa, nên phạm bổn tội, đấy là khác tướng tội vậy.

Không phạm là gì ? Ông kia muốn đánh, vỗ tay rồi thôi, cho đến tất cả không cố đánh.

Thập Tụng Luật nói : "Lấy tay chân đụng người, phạm tội Đọa, dở các thân phần đụng người, phải Ác tác".

Luật Nhiếp nói : "Nếu dở một tay đụng nhiều Tỳ Kheo, tùy đụng nhiều người phạm tội".

Giới thứ tám mươi
CẤM ĐEM TỘI TĂNG TÀNG VU BÁNG

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vì sân giận, đem tội Tăng tàng vô cớ mà vu báng, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phật đã cấm không cho đánh, bọn Lục quần lại lấy tay dóa, kế đấy lại đem tội vô căn cứ mà vu báng ông kia. Giới trước Phật cấm, không được lấy tội Ba La Di vu oan, giới này lại đem tội Tăng tàng mà vu báng.

Căn ? Nghĩa là thấy, nghe và nghi, ba căn đồng giải như trong 13 việc (*13 giới Tăng tàng trước).*

Thể thức phạm tội ? Đem tội Tăng tàng vô căn cứ mà vu báng, nói rõ ràng thì phạm tội Đọa, nói không rõ ràng phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Nói có căn cứ, và nói thật, vì muốn cho ông kia cải hối ăn năn, mà không có tâm chê bai vậy.

Tăng Kỳ Luật nói : "Vu báng cô Ni, phạm tội Thâu Lan Giá, vu báng ba chúng sau, phạm tội Diệt Tỳ Ni, vu báng người thế, phạm tội Diệt Tỳ Ni, tâm hối".

Tát Bà Đa Luận nói : "Vu báng người phạm trọng tội Thâu Lan Giá, thì mình phạm Ác tác, tới một người vu báng, cũng phạm Ác tác".

Giới thứ tám mươi mốt
CẤM VÀO QUÁ NGẠCH CỬA CUNG VUA

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo, vua Sát Lợi dùng nước rưới đầu. Vua chưa ra, chưa giấu của báu, mà vào quá ngạch cửa cung điện, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Khi đó bà Mạt Lợi phu nhân, nghe Phật nói pháp, chứng được quả rồi, bèn khuyến dụ vua Ba Tư Nặc, khiến vua được tin mến Phật pháp, cho phép các Tỳ Kheo vào ra cửa cung.

Ông Ca Lưu Đà Di đi khất thực thứ lớp vào cung vua, khi đó trời đã sáng rồi mà Vua cùng Hoàng hậu còn nằm nghỉ. Hoàng hậu ở xa thấy ông kia đi đến, liền đứng dậy tiếp rước, rủi ro sút chăn

xuống đất để lõa hình thể, bà hổ thẹn ngồi bẹp xuống đất.

Ông Ca Lưu Đà Di đi về chùa nói cho các Tỳ Kheo nghe : Tôi đã thấy cái báu đệ nhất của vua. Các Tỳ Kheo phiền trách, rồi đem bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Vua Sát lợi dùng nước rưới đầu : Chữ Sát lợi, Trung Hoa dịch là : Chủ đất, tức là đời thượng cổ chọn người có đức, do dân chúng lập, người đó vì dân chúng, làm ông chủ xử phần đất cát, vì thế mà ông kia được thong thả và quý trọng, nương nhau lập lấy họ vậy.

Nước rưới đầu ? Nghĩa là khi lập ngôi vua, lấy nước trong bốn biển lớn, rồi nhóm các tiểu vương, vị đại Bà La Môn, lấy nước ấy rưới trên đảnh của vua hoặc như dòng Sát Lợi, làm ngôi vua này, nên gọi là vua Sát Lợi nước rưới đầu.

Dầu chẳng phải dòng Sát Lợi đi nữa, song được nước rưới đầu, cũng gọi là vua Sát Lợi nước rưới đầu (*do dân chúng bầu lên*).

Vua chưa ra ? Là vua chưa ra khỏi cửa cung, và thế nữ chưa về chỗ

Chưa giấu báu ? Nghĩa là phu nhân, và thế nữ, khi ngủ chung với đức vua, đeo các món chuỗi anh lạc, để trau dồi thân thể, chưa thâu cất các món báu này, nên gọi chưa giấu của báu. Lại nữa, vì các món báu kia người đời quý trọng, nên gọi là báu. Thế nữ cung phi là người rất yêu mến của vua,

vua chưa dạy giấu kín (*thế nữ*), cũng gọi là chưa giấu của báu.

Vào ? Là đi vào cung điện nhà vua vậy.

Quá ? Là chân bước qua khỏi ngạch cửa cung.

Ngạch ? Là ranh cửa, nghĩa là miếng ván ngang ở dưới cửa, để trong và ngoài, cái ngạch là ranh chính giữa của cái cửa.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Vào quá ngạch cửa cung vua, thì phạm tội Đọa. Nếu một chân trong, một chân ở ngoài hoặc móng tâm muốn đi, hoặc hẹn nhau rồi không đi, hoặc vào chỗ Túc tán Tiểu vương, hay là vào nhà Trưởng giả giàu sang, cũng phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Vua đã ra rồi, thế nữ về chỗ cũ, chuỗi anh lạc đã cất, hoặc có việc chi gấp, cần phải tâu bạch, hoặc có thỉnh mời, hoặc vì thế lực bắt buộc v.v...

Phụ văn : Phàm vào cung vua có 10 việc tội lỗi:

1) Cung nhân có thai, họ bèn nghi cho Tỳ Kheo làm hạnh bất tịnh.
2) Trong cung có mất chi, cũng nghi cho thầy Tỳ Kheo.
3) Lời nói bí mật hay tiết lộ ra ngoài.
4) Thái tử có tổn
5) Thân vua có tổn.
6) Quan Đại thần rối động.
7) Bớt người tướng trong nước.

8) Người trong nước khổ hại.

9) Các nước hay chinh phạt

10) Hay nhóm quân sự.

Các việc như vậy, họ đều nghi cho thầy Tỳ Kheo cả, vì thế mà Phật cấm không cho đến cung điện của vua, để giữ hạnh thanh tịnh của tu sĩ.

Giới thứ tám mươi hai
CẤM CẦM VẬT BÁU

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo cầm của báu và vật báu trau dồi. Mình tự cầm hay bảo người cầm, trừ trong Tăng già lam, và chỗ họ ở gửi ngủ nhờ, phạm Ba Dật Đề.*

Nếu Tỳ Kheo ở trong Tăng già lam, hoặc chỗ ngủ nhờ, hoặc của báu và vật báu trau dồi, tự mình cầm, hoặc dạy người khác cầm, phải dấy ý như vầy : Nếu có người chủ hay biết thì nên lấy lại, làm nhân duyên như vậy không có chi khác.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ, là người đệ tử ngoại đạo, đi đường mệt mỏi, ngừng ngủ nghỉ bên vệ đường, bỏ quên cái túi có đựng 1.000 lượng vàng.

Sau khi đó có chúng Tỳ Kheo đến nơi, thấy đó lượm cầm đi, mong sẽ gặp người chủ trả lại. Khi ấy, Cư sĩ, trực nhớ túi vàng bỏ quên, liền trở lại, các Tỳ Kheo bèn trao trả cái túi lại cho ông kia, ông kia lại phao phản rằng thiếu, nên đến tâu cùng vua Ba Tư Nặc. Vua xét biết Cư sĩ kia nói dối, bèn tịch thu hết

gia sản, và túi vàng ông kia mà nhập vào kho nhà quan. Phật nhân nơi đó liền kiết giới cấm.

Khi đó bà Tỳ Xá Khư, vào trong tịnh xá Kỳ Hoàn, mở dây chuỗi anh lạc để dưới gốc cây, đến ra mắt Phật. Đức Thế Tôn vì nói pháp cho bà nghe, tâm bà lo nhớ nghĩ đến chính pháp, khi đi về quên lấy dây chuỗi anh lạc. Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật cho ở trong đất Tăng già lam thấy vật chi nên lượm, vì sợ mất nên lấy cất để trả lại.

Lại nữa, chúng Tỳ Kheo đến trong một làng không có chùa, ngủ nhờ trong nhà ông thợ bạc. Ông thợ lãnh vàng, bạc và các vật, để trong nhà rồi đi, các Tỳ Kheo phải ở đó giữ, ban đêm không dám ngủ, đem việc này bạch Phật. Phật cho chỗ ngủ nhờ, có vật nên đừng cho mất, phải thâu cất đó, cho nên đức Phật kiết thêm câu : "Trừ trong đất Tăng già lam và chỗ ngủ nhờ, được cầm cất mà không phạm".

Báu ? Là 7 món báu.

Vật báu trau dồi ? Nghĩa là đồng, sắt, chì, thiếc, bạch lạp, lấy các vật báu niệm trên áo mão v.v...

Mình cầm ? Là tự tay mình cầm cất.

Dạy người cầm ? Là bảo người khác cầm lấy.

Tăng già lam ? Trung Hoa dịch là : Chúng viên, nghĩa là vườn đất của chúng Tăng ở, cũng nhờ vườn này mà gieo trồng các thứ cây, cũng tức là cái chỗ đệ tử Phật, trồng sống mộng đạo, kết thành trái Thánh vậy, cũng dịch là : Chúng viện.

Chữ viện ? Là thuận theo phương này mà nói, chính là cái tên nhà, cửa, đình, quán, nay nói chung chỗ chúng Tăng ở là cái chùa vậy.

Chùa cũng là cái tên nhà công ở phương này, là cái chỗ ở của vua chư hầu, xưa ở bên nước Tây Thiên Trúc, ngài Ma Đằng, Trúc Pháp Lan hai vị Thánh Tăng mới qua Trung Hoa, quyền ở nơi Hồng Lô Tự.

Sau vua tạo cất thành tịnh xá Bạch Mã, thỉnh chúng Tăng ở đó. Chỗ ở tuy dời đổi, nhưng không quên tên cũ kia, còn nêu cái hiệu chùa, từ ấy đến nay đều xưng là chùa.

Nói tịnh xá ? Là chỗ ở đó chẳng phải người thô xấu mà được ở, chính chỗ đó toàn là người tu luyện ở vậy.

Chỗ ở ngủ nhờ ? Là nhà của người bạch y, đến ngủ nhờ.

Phải dấy tâm như vầy : Nghĩa là ở trong chùa và chỗ ngủ nhờ thấy có báu vật rơi, phải dấy tâm như vầy : Nếu có chủ biết đến nhận lấy đó, thì ta sẽ cho lại, vậy sau mới lấy cất.

Nhân duyên như vậy chẳng phải chi khác ? Nghĩa là trừ hai món khai duyên trước, ngoài ra không có phương tiện khác được cầm như vậy.

Thể thức phạm tội trong đây như thế nào ? Hoặc mình cầm, hoặc dạy người cầm, thì phạm tội Đọa. Hoặc ở trong chùa, trong nhà thấy có vật báu rơi, mình cầm, hoặc dạy người cầm, phải nhớ hình tướng, cái túi đựng bát, hình tướng dây buộc, phải

xem cho rõ ràng cái túi đựng bát, biết mấy đường kết liên, mấy đường chưa kết, mấy cái vuông, mấy cái tròn, mấy cái cũ, mấy cái mới.

Nếu có người tìm xin lại, phải hỏi rằng : Vật của ông giống như cái gì ? Nếu nói hạp nhau thì nên trả, bằng nói không hiệp nhau, phải nói rằng : Tôi không thấy vật như vậy.

Nếu có hai người đồng đến xin, cũng phải hỏi đáp như trên, nếu hỏi hai người đồng đáp giống nhau, nên đem vật để trước nói rằng : đây là vật của các ông đồng cầm lấy đi.

Nếu không làm cái tướng biết như trên, và không coi túi đấy, tất cả đều phạm Ác tác. Cô Ni đồng phạm, ba chúng sau phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc lấy để cúng dường tháp, sửa sang Tam Bảo cho chắc chắn, vậy nên lấy cất đó.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Lấy cất ngọc châu giả, phạm Ác tác. Hoặc trong nhân gian những chỗ có vàng bạc, vật báu, giường bạc, bát bạc, Tỳ Kheo không nên đi chỗ đó, không nên ngồi, không nên dùng. Nếu vật báu trên trời thì không phạm.

Luật Nhiếp nói : "Nếu khi ở ngoài chùa, thấy vật của người khác, lấy lá cây và cỏ v.v... đậy phủ kín, không nên do đó có tâm khinh bỏ. Không chủ đến xin, lấy đem về chỗ ở riêng tay mình cất trải qua bảy tám ngày, không người xin lại, thì thâu để trong kho của chúng Tăng. Đợi năm sáu tháng cũng

không ai xin lại, nên đem ra cúng cho chúng Tăng sắm đồ chắc chắn.

Hoặc sau có người chủ đến xin, nên khuyên dỗ người kia bảo cúng cho chúng Tăng, nếu không chịu cúng phải trả lại bằng giá cũ, nếu kia xin lời thêm, nên nói rằng : Do Phật chế giới, nên trả vật đó lại cho ông bằng giá cũ, ông còn xin lời thêm, thì chỗ đó không đúng.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu không người biết, nên đình lại 3 tháng thôi. Nếu lượm được trong vườn đất của chúng Tăng phải để cho bốn phương chúng Tăng dùng.

Nếu có người đến xin, hỏi đáp hiệp nhau, phải nhóm chúng Tăng đem vật ra chỉ rằng : Trường thọ, vật này có phải của ông không ? Nếu ổng nói phải thì nên dạy rằng : Ông phải về quy y Phật Pháp Tăng nghe. Nếu đức Thế Tôn không chế giới, thì dù ông còn con mắt cũng không thể thấy được.

Hoặc ổng nói : Còn nhiều món nữa, thì nên nói : Trường thọ, tôi được vật này đây thôi, không thấy vật nào nữa; ông là người ác ông chỉ được vật này thôi rồi, đã là quá nhiều, vì sao lại còn phương tiện quấy đòi vật khác để vu oan cho người. Nếu đức Thế Tôn không chế giới, thì vật này ông còn không thể thấy, huống là được vật ư ?

Nếu như vậy người kia cũng còn nói ngược đó, thì Tỳ Kheo phải đem đến chỗ ông Ưu bà tắc nói rằng : Tôi nghĩ chỗ đó, được vật này đem hết trả lại, mà nay tôi mới thấy vu oan !

Bấy giờ người Ưu bà tắc nên mắng rằng : Gã kia, ngươi được vật đấy, đã là quá nhiều rồi, mà nay lại còn đi vu oan Tỳ Kheo. Ngươi phải đi đi, tôi sẽ cùng ngươi làm lời tác đối, để quyết đoán lý sự này.

Nếu là vật báu quý trọng, không người đến xin, đợi đến ba năm như trước tùy theo chỗ được vật, sẽ dùng theo giới đó (*đâu dùng ở đó*).

Thiện Kiến Luật nói : Hoặc trong chùa, lượm được vật quý báu vì muốn tay mình giữ gìn; hoặc khi có việc đi, phải giao phó cho người biết phép, và biết sợ tội, dặn rằng : có người chủ đến xin thì phải trả lại. Nếu lâu quá không có chủ xin được dùng làm nhà cho chúng Tăng. Sau có chủ đến xin, nên dắt chỉ cho coi phòng nhà chúng Tăng và nói vật này của ông đàn việt đây, nếu ông không chịu cho, muốn được vật cũ nên bảo các ông Cư sĩ tín tâm, và rộng giáo hóa để trả lại cho đó (*họ*).

Giới thứ tám mươi ba
CẤM PHI THỜI VÀO LÀNG XÓM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo phi thời vào làng xóm, không dặn với Tỳ Kheo khác, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Bạt Nan Đà phi thời vào làng, đánh cờ với các ông Cư sĩ, Cư sĩ đánh không thắng nên sinh tâm tật đố, bèn nói rằng : Tỳ Kheo gì mà cứ sớm mai vào làng mãi, vì muốn khất thực hay sao mà vào làng phi thời, hay là muốn sự chi. Các Tỳ Kheo nghe vậy, đến bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Phi thời : Là sau giờ ngọ, cho đến mặt trời chưa mọc.

Không dặn Tỳ Kheo khác ? Nghĩa là không nói cho Tỳ Kheo khác biết, nếu có việc tháp, việc chúng Tăng, việc đi thăm bệnh, cho dặn Tỳ Kheo khác rồi đi. Nếu ở phòng riêng phải dặn Tỳ Kheo phòng gần cách dặn như vầy :

Đến chỗ Tỳ Kheo kia có đủ oai nghi, thưa rằng : Thưa Đại đức, một lòng chiếu cố, tôi Tỳ Kheo... phi thời vào làng xóm đến nhà ông... vì việc..., bạch Đại đức hay. (*nói 1 lần*).

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Tỳ Kheo đi không dặn vừa vào cửa làng thì phạm tội Đọa, một chân trong cửa, một chân ngoài cửa, hoặc muốn đi mà không đi, hoặc hẹn với người khác rồi không đi, cũng phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như trước.

Không phạm là gì ? Hoặc do đường đó mà đi qua làng, hoặc có việc đến thưa với làng, hoặc vì đi kêu người khách, hoặc đàn việt thọ thỉnh, và các nạn duyên v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Nếu bạch rồi vào làng xóm, khi trở về chỗ cũ cũng phải bạch lại, như trước khi đi, nếu còn đi đến làng khác nữa, thì phạm tội Đọa (*vì thưa đi một lần mà đi đến hai lần vậy*).

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu hai Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, muốn đi đâu phải thưa với nhau, hoặc ông đó thưa đi rồi, ông sau có muốn đi phải bạch với Tỳ

Kheo khác, nếu không có Tỳ Kheo khác, phải tưởng như vầy : Nếu đi giữa đường hoặc ra cửa, hoặc đến làng xóm, hoặc đến tịnh xá cô Ni, thấy Tỳ Kheo sẽ bạch. Bạch vậy rồi, sau mới vào làng xóm.

Ma Đắc Lặc Già Luận nói : Nếu không có Tỳ Kheo, thì phải thưa với Tỳ Kheo Ni, cho đến Sa Di Ni.

Luật Nhiếp nói : Nếu không có Tỳ Kheo, dặn với của người thế tục không phạm.

Giới thứ tám mươi bốn
CẤM LÀM GIƯỜNG QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm giường dây, giường cây, chân cao chừng tám ngón tay đức Như Lai, trừ tra vào cắt mộng rồi, nếu quá cỡ, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi đó ông Ca Lưu Đà Di, dự biết Phật từ con đường này đến, ông bèn lót cái giường cao tốt ở giữa đường mà ngồi. Phật thấy rồi nói với các Tỳ Kheo rằng : Đây là người ngu si, trải cái giường cao rộng lớn, chỉ mình vì mình; Phật quở trách rồi liền kiết giới cấm.

Làm ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người làm.

Giường ? Có 5 thứ giường đồng giải như trước.

8 ngón tay của đức Như Lai ? Một ngón tay Phật rộng hai tấc.

Trừ tra vào trên lỗ ? Nghĩa là trừ chân giường cao ngang lỗ mộng, thấp cao cũng trong 8 ngón tay Phật.

Tề rồi ? Là cao hơn 8 ngón tay còn phải tề chân bớt, mới sám hối tội.

Nếu quá ? Là cao hơn 8 ngón tay, tức là phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình làm, hay dạy người khác làm xong rồi đều phạm tội Đọa, chưa xong phạm Ác tác, làm giùm người mà thành hay chưa thành, cũng đều phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là gì ? Chừng 8 ngón tay, hay là thiếu 8 ngón hoặc người cúng cho cái giường thành rồi, cắt bớt rồi dùng.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : Tám ngón tay Phật ? Cao một cánh chỏ của người bậc trung, đo đúng thước, thì một thước 5 tấc, quá số đó là giường cáo quá cỡ, hễ dùng thì phạm tội.

Tát Bà Đa Luận nói : Sở dĩ cái giường này, không kết vào tội Xả đọa ? Đem cắt bớt vậy, cắt cho vừa cỡ, rồi vào trong chúng sám hối, hoặc chỗ đó thấp ướt, lún xuống, cho 8 ngón cả kê chân, quá 8 ngón đều phạm.

Giới thứ tám mươi lăm
CẤM TRỮ BÔNG ĐÂU LA MIÊN LÀM GIƯỜNG NỆM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo trữ bông Đâu la miên để làm giường dây, giường cây và nệm lớn, nệm nhỏ, hễ thành thì phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI. : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần sắm chứa thứ bông đây để làm giường nệm, các ông Cư sĩ thấy chê cười, ý họ nói mấy tu sĩ không có lòng từ bi vì đoạn mạng của chúng sinh, và làm như thế không khác nào nhà vua, và quan đại thần, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Làm ? Mình làm hay dạy người khác làm.

Bông Đâu la miên : Nghĩa là lấy bông cây bạch dương, bông cây bồ đài, bông cây dương liễu, tóm lại mà kêu tên vậy. (*Đâu la miên*)

Trữ ? Là chứa đựng.

Nệm lớn ? Dùng để ngồi nằm.

Nệm nhỏ ? Dùng để ngồi thôi.

Thành ? Nghĩa là khi làm xong rồi, thì phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây là gì ? Hoặc mình làm, hoặc bảo người khác làm, hễ xong thì phạm tội Đọa, làm chưa xong phạm Ác tác. Nếu làm giùm ông khác xong hay chưa xong, đều phạm Ác tác, bốn chúng kia phạm tội đồng như giới trước.

Không phạm là sao ? Hoặc mình dùng thứ cỏ, hoặc lông bằng bông kiếp bối, những vật hư rách, lấy một miếng để lót vai, hoặc làm gối nhỏ để trên xe.

Phụ văn : Tát Bà Đa Luận nói : Đây là người sang họ sắm, còn người tu hành dùng thì họ lại chê trách vậy, và các loài rận rệp, cũng ưa sinh, vả lại

người tu ngồi trên vật êm ấm, sau gặp tuyết trời lạnh, hay là khi gặp đồ thô cứng chịu không nổi vậy.

Thập Tụng Luật nói : Phải tháo phá bỏ đi, vậy sau mới sám hối, nếu ống chưa phá, chúng Tăng phải dạy cách cho phá.

Giới thứ tám mươi sáu
CẤM LẤY XƯƠNG, NANH, SỪNG LÀM ỐNG KIM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo lấy xương, nanh, sừng, ngà làm ống kim, đẽo chuốt xong rồi, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi thành Vương xá, có người thợ tín mến Phật pháp, vì các Tỳ Kheo, lấy xương, nanh, sừng làm ống kim, không dám ngừng nghỉ, do đó mà bỏ phế gia nghiệp phải nghèo thiếu không cơm ăn áo mặc. Người đời chê ông kia, cầu phước mà trở lại mắc họa. Phật nghe liền kiết giới cấm.

Làm ? Hoặc mình làm, hay dạy người khác làm.

Xương ? Là các thứ xương, như xương voi, trâu, ngựa, xương rồng v.v...

Nanh ? Như ngà voi, nanh heo rừng, nanh cá lớn v.v...

Sừng ? Sừng trâu, sừng dê, sừng tây, sừng nai v.v...

Ống kim ? Có hai thứ : Một là hình nó giống như cái ống, hai là hình nó giống như cái hộp. Nếu dùng ba món trước (*xương, nanh, sừng*) để làm hai kiểu này thì mỗi mỗi đều không cho làm.

Đẽo chuốt ? Đẽo : là khoét chính giữa cho trống ruột. Chuốt : là cạo chuốt ở ngoài, đặng cho hình nó sáng bóng.

Xong ? Là khi vừa rồi, liền phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nặng nhẹ đồng giải như trước, bốn chúng kia phạm tội Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc dùng sắt, đồng, chì, thiếc, bạch lạp, tre, cây, lau, sậy, mía và cỏ dùng làm ống kim, hoặc dùng thiếc bịt đầu gậy chuốt khoét làm tàng lọng, làm cái đấu đầu phiếu, làm cái móc chốt, hoặc làm dao cạo mồ hôi, làm cái cán như ý, làm cái khuyết, cái múc, cái muỗng, cái cán gáo, cái câu móc y, cái bàn xức thuốc con mắt, làm dao cạo lưỡi, chẻ làm cây xỉa răng, làm móc tai, cái thiền trấn, cái ống xông lỗ mũi.

Phụ văn: Thập Tụng Luật nói: Nên đập bỏ rồi sám hối tội, nếu chưa đập, chúng Tăng dạy bảo cho đập.

Tát Bà Đa Luận nói: Vì đó là vật nhỏ, sở dĩ không kể vào số 30 việc (*giới*) mà lại nên phá, nếu trả lại cho người chủ, người chủ không dám lãnh. Nếu cho ông khác thì ông kia sinh não, còn đem cho chúng Tăng thì sái phép, vậy hủy bỏ thôi.

Luật Nhiếp nói: Sắm ống kim phải cất giấu cho kín, hoặc sợ Tỳ Kheo không biết hổ thẹn, và ông Sa Di mượn không nên cho, nếu khéo ái hộ thì nên cho, ống kim và dao cạo, sợ bằng sắt nó hay sinh sét, phải thoa dầu lấy bố quấn lại (*nghĩa là đốt thứ sáp vàng trét trên miếng bố trắng*).

Giới thứ tám mươi bảy
CẤM LÀM TỌA CỤ QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm tọa cụ phải đúng cỡ, đúng cỡ trong đây là bề dài hai gang tay Phật, bề ngang một gang rưỡi, muốn rộng thêm mỗi bên nửa gang nữa, nếu cắt rồi mà còn quá cỡ, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn ông Cấp Cô Độc, khi Phật đi xét phòng chúng Tăng, thấy ngọa cụ của chúng Tăng dấy đồ bất tịnh, mới dạy chúng Tăng làm đấy để che thân, che y, che ngọa cụ và làm tọa cụ. Phái Lục quần bèn làm tọa cụ rộng lớn. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Khi đó ông Ca Lưu Đà Di, thân của ông rất lớn, cái tọa cụ thì nhỏ, không thể dung chứa được, lấy tay kéo chằn mãi, muốn cho lớn ra. Phật thấy vậy, mới cho thêm mỗi bên nửa gang nữa.

Gang tay ? Có chỗ nói : Một gang tay của Phật dài hai thước, có chỗ nói : hai thước bốn tấc, đấy chính là tùy xứ tùy thời, thước thì có lớn nhỏ không nhất định, nay độ lấy chắc bậc trung.

Như trong Căn Bản bộ nói : Một gang tay của Phật, sánh cỡ 3 gang tay người bậc trung. Một gang tay người bậc trung thước lớn ước có 6 tấc.

Làm ? Mình làm hay dạy người làm.

Tọa cụ ? Tức là : "Ni sư đàn" vậy, nghĩa là khi có ngồi nằm trải trên các ngọa cụ. Tùy ngồi tùy nằm khỏi phải lấm nhơ thân và y. Đời nay đem trải trên đất lễ bái, rất trái với pháp xưa, thật là lầm đến thế, chẳng phải mới ngày nay.

Phải làm đúng cỡ ? Là làm đúng cỡ Phật dạy.

Cỡ trong đây ? Chính là cỡ Phật chế ra sau đây.

Dài hai gang tay Phật ? Sánh với người trung 6 gang tay vậy.

Bề ngang một gang rưỡi ? Sánh người bậc trung 4 gang tay, lại thêm 6 ngón nữa.

Muốn thêm cho rộng mỗi bề nửa gang nữa ? Nghĩa là trong đây bề dài bề ngang, thêm một phía, người bậc trung một gang 6 ngón vậy.

Tóm lại bề dài 4 thước 5 tấc, bề ngang 3 thước 6 tấc vậy.

Nếu cắt rồi còn quá ? Nghĩa là không y cỡ mà làm, phải cắt cho đúng cỡ, tội phải sám hối vậy.

Thể thức phạm tội ? Nếu bề dài quá cỡ, bề ngang không quá, nếu bề ngang quá cỡ, bề dài không quá, hoặc bề dài bề ngang đều quá hết hễ thành rồi thì phạm tội Đọa, chưa thành phạm Ác

tác, làm cho người khác thành hay không thành đều phạm Ác tác. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là ? Thiếu cỡ, hoặc người khác làm xong cúng cho mình thì nên cắt đứt cho đúng cỡ, hoặc xếp lại may hai lớp.

Phụ văn : Xét trong Căn bản và Thập Tụng, đều cho bề dài thêm một gang, bề ngang không nói. Trong Ngũ Phần Luật cho nối bốn phía một gang, nghĩa là cắt làm ba phần, nối bề dài hai phần, còn lại một phần, cắt ra làm 4, niêm 4 góc, như không niêm thì thôi.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng nói : Bổn ý Phật chế tọa cụ vốn vì thay thế cho ngọa cụ, sợ có chỗ tổn hại cho mình, chớ không tính dùng chi khác, song Phật cho làm cỡ lớn, cho bằng thân mình, cho trên đảnh có dư một gang.

Nhưng chính nơi đây là cho cái ngọa cụ tương đương với thân mình, nếu thân kia cỡ nhỏ, không nên thế cái ngọa cụ, đời bây giờ trải cái tọa cụ mà lễ bái.

Bên Ngũ thiên Ấn Độ đều không thấy làm, họ sắm cái ngọa cụ chỉ để lót nằm ngủ (*cũng như chiếc chiếu*) nếu dùng vật của người khác, mới hay cũ đều phải để thế, như vật của mình cũ thì không dùng, chớ cho dấy nhơ, mà hao tổn của tín thí, không phải vật để lễ bái.

Thập Tụng Luật nói : Mới thì làm ba lớp, cũ thì làm bốn lớp, không nên dùng một cái tọa cụ,

phải sắm thêm cái ngọa cụ nữa, trước thọ rồi thì không nên xả.

Căn Bản bộ nói : Phàm làm tọa cụ, nên làm hai lớp, nhuộm cho hoại sắc, khổ vải cắt làm ba phần, ở dưới một phần nên cắt đoạn làm hai, cho may lá giống như lá ba y, bốn phía đặt viền.

Khi đó các Tỳ Kheo đi quện đem tọa cụ theo, tới ngủ chỗ khác nhớ lại sợ phạm tội ly y. Phật nói : Ta chế Tỳ Kheo không nên lìa ba y mà ngủ, chớ chẳng phải nói về tọa cụ, song mà các Tỳ Kheo không nên cố tâm không đem theo, quên thì không phạm. Lại nữa, thầy Tỳ Kheo không nên sắm tọa cụ, vội đi ra ngoài, trái đó thì phạm tội Diệt Tỳ Ni.

Nếu trong ý kia, tính đi trở về liền, gặp có nhân duyên khác về không kịp phải ở lại chỗ kia mà ngủ, chớ không phải cố ý đi đêm, phải đối với người đồng phạm hạnh, mượn thế cho đủ việc, nếu có thì tốt, như kia không có, thì lấy cái y bảy điều xếp làm 4 lớp, đem thế chiếu mền, ngủ ít thức nhiều, chờ cho sáng sẽ về.

Lặc Già Luận nói : Nếu lìa cái tọa cụ mà ngủ cách đêm, thì không cần xả, nhưng phải sám hối tội Đột Kiết La.

Có chỗ dịch rằng : Phép đã sái lâu rồi, chẳng phải một ngày một buổi mà có thể đem lại được. Thoảng trong tòng lâm, chưa khỏi không theo chúng được, cần yếu phải biết sái với bổn ý Phật chế, phải biết tàm quý mà dùng, lấy tâm tưởng kính trọng, dùng như Pháp y của đức Như Lai, ngõ hầu mới khỏi

cái lỗi trái lời Phật dạy, nếu khi bình thời, phải y bổn chế.

Nguyên lễ bái, là ý nghĩa thấp mình để kính người, không nên trải vật để đỡ thân, mà trọng mình vậy.

Trong Luật và Luận đều có dạy thọ trì, nhưng thiếu pháp thọ, căn cứ theo trong bản Yết Ma cũng có văn kia, phải đủ oai nghi đối với một Tỳ Kheo mà thưa rằng :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái tọa cụ này làm đúng cỡ, nay tôi xin thọ trì (*nói ba lần*). Nếu có duyên xả phải thưa rằng :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái tọa cụ này, trước tôi thọ trì nay xin xả (*nói một lần*).

Giới thứ tám mươi tám
CẤM LÀM Y CHE GHẺ QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm y che ghẻ, phải làm đúng cỡ, đúng cỡ trong đây là, bề dài bốn gang tay Phật, bề ngang hai gang tay Phật, cắt rồi mà còn quá, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, khi ấy các Tỳ Kheo đau các thứ ghẻ, máu mủ nhơ thân, y và ngọa cụ, Phật cho sắm y che ghẻ, nhiều thứ lông thô, cứng dính ghẻ, gỡ đau nhức khó chịu, Phật cho dùng y (*tấm vải*) nhuyễn mềm che trên ghẻ, vậy sau mới mặc áo chăn. Nếu có đến nhà bạch y mời ngồi, phải nói rằng : Tôi có bệnh. Nếu người chủ

nói: Ngài cứ ngồi, phải lót cái chăn trước, rồi lấy y che ghẻ mà ngồi. Khi đó bọn Lục quần bèn làm nhiều y che ghẻ rộng lớn, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Y che ghẻ ? Là có nhiều thứ bệnh ghẻ, phải có y để che thân.

Bề dài 4 gang tay Phật ? Sánh với người bậc trung 12 gang.

Bề ngang 2 gang ? Sánh với người bậc trung 6 gang tay.

Trong đây có phạm, không phạm, và bao nhiêu tứ chúng phạm tội, đều đồng như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : Y che ghẻ đây là cái y tùy thân, không nên thay thế ba y, và làm tịnh thí, nhẫn đến tạp dùng. Khi ghẻ hết rồi được làm ba y và tịnh thí hay là dùng các việc khác đều được cả.

Thập Tụng Luật nói : Đến khi ghẻ lành, sau 10 ngày, nếu chứa quá số ngày ấy, phạm tội Đọa. Phải cắt đoạn rồi sám hối. Nếu chưa cắt thì chúng Tăng phải dạy cắt.

Xét trong Căn Bản bộ : Cho làm phép thọ trì, đã thọ trì rồi thì khỏi cái lỗi dư y. Nên thọ trì như vầy : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cái y che ghẻ này làm đúng cỡ, nay tôi xin thọ trì (*nói ba lần*). Ông kia phải trả lời rằng : Phải làm như vậy.

Trả lời theo tiếng Phạm : Áo Ty ca. Dịch là: Phải, cũng nói là : Tốt, cũng là cái nghĩa phương tiện. Do đây mà Thánh giáo, làm phương tiện lành hay thẳng tới quả Niết bàn đến chỗ yên ổn. Ông

làm phép thọ phải đáp rằng : Ta độ, dịch là Tốt, và cũng nói : Tốt thay.

Phàm khi làm phép xong, và tùy theo ngày bạch việc, cũng đáp trả như vậy. Nếu không nói như thế, phạm tội Diệt Tỳ Ni. Nếu muốn xả thì phải đổi lại văn thọ, nên biết.

Giới thứ tám mươi chín
CẤM LÀM Y TẮM MƯA QUÁ CỠ

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm y tắm mưa, phải làm đúng cỡ, đúng cỡ trong đây bề dài sáu gang tay Phật, bề ngang hai gang rưỡi, cắt rồi mà quá, phạm Ba Dật Đề.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần nghe Phật cho các Tỳ Kheo làm y tắm mưa. Mấy ổng bèn làm nhiều y tắm mưa rộng lớn, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Y tắm mưa ? Nghĩa là : Khi mưa lớn, mặc áo này tắm rửa (*tức là choàng tắm*), có nhiều nghĩa đồng giải như giới trước.

Trong đây có phạm, không phạm và bao nhiêu tứ chúng phạm tội đồng như giới trước, nên biết. Tỳ Kheo Ni không có y tắm mưa, Phật cho sắm y tắm, nếu làm quá cỡ, cũng phạm.

Giới thứ chín mươi
CẤM LÀM BẰNG CỠ Y PHẬT

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo làm bằng cỡ y Như Lai hoặc làm quá cỡ y thường, phạm Ba Dật Đề. Cỡ y*

của Như Lai đây, bề dài 10 gang tay Phật, bề ngang 6 gang tay, đó là cỡ y của Như Lai.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, trong vườn Ni Câu Loại. Y của Tôn giả Nan Đà ngắn hơn y của Phật 4 ngón tay. Các Tỳ Kheo ở xa tưởng là Phật đến, bèn đứng dậy ra nghinh tiếp. Đến gần mới biết là ông Nan Đà, hai bên đều mắc cỡ hết. Phật bèn dạy ông Nan Đà mặc y màu đen để cho khác (*Nghĩa là dùng thứ bùn đen nhuộm cho hoại sắc*).

Khi đó bọn Lục quần làm y bằng cỡ y của Như Lai hoặc dài quá cỡ y thường, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Như Lai ? Là đầu trong 10 hiệu Phật, 10 hiệu như trong kinh có giải, nghĩa là : Như chư Phật đời quá khứ, hành sáu pháp Ba La Mật, chứng được các pháp Như tướng, mà đi đến đường Phật. Chư Phật đời hiện tại, cũng do con đường đó mà đến vậy, chư Phật đời vị lai cũng như vậy, nên gọi là Như Lai.

Nếu ước về ba thân mà giải, như trong kinh Kim Cang nói : Cũng không từ đâu mà đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai, đây là ước theo pháp thân mà giải.

Trong Chuyển Pháp Luân Luận nói : Đệ nhất nghĩa đế là Như, Chính giác là Lai, đây là ước theo báo thân mà giải.

Thành Thật Luận nói : Nương con đường như thật, đến thành chính giác, nên gọi là Như Lai, đây

là ước theo ứng thân mà giải, rộng giải như các chỗ khác...

Bề dài 10 gang tay Phật ? Sánh người thường 15 cánh chỏ.

Bề ngang 6 gang ? Sánh người thường 9 cánh chỏ (*cánh chỏ người thường một thước hai tấc*).

Còn các nghĩa khác nữa, có phạm, không phạm, tứ chúng phạm tội, đồng giải như trước.

Thập Tụng Luật nói : Nên cắt bớt rồi, sám hối tội. Nếu chưa cắt chúng Tăng phải dạy cho cắt.

c/ KẾT HỎI

CHỈNH VĂN : *Thưa Đại đức, tôi đã nói 90 pháp Ba Dật Đề. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không ?... Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh, vì lẳng lặng, thì việc này như vậy suốt biết.*

CHÚ GIẢI : Văn kết trong đây, nghĩa đồng như giới trước. Ở trước đã giải tướng tội trong mỗi giới riêng khác, nay sẽ tóm nói rõ về pháp sám hối. Tội Đọa trong đây, đại khái đồng có 30 việc trước (*30 giới trước vậy*).

Chỉ khác hơn là không có xả của. Khi sám hoi, được ở riêng chúng phát lồ, nếu muốn sám trừ Bổn tội, phải trước sám tội Phú tàng, phẩm số nhiều ít lệ theo giới trước nên biết.

Nếu sám Bổn tội, phải thỉnh ông sám chủ. Pháp thỉnh cũng như trước.

Thỉnh rồi phải đối với sám chủ, làm lời sám như vầy : Thầy Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... cố nói vọng (*bao nhiêu, tùy loại gì, tên gì, việc gì mỗi mỗi xứng đó*) phạm... (*nhiều ít cứ số mà nói, nếu không nhớ số thì nói rất nhiều, đúng sự thật mà nói, không nên lầm dối*) tội Ba Dật Đề. Nay đối trước Đại đức, cầu xin sám hối, không dám che giấu. Sám hối thì được an vui, không sám hối thì không được an vui, nhớ nghĩ mình có phạm thì nên phát lồ, biết mà không che giấu. Xin Đại đức, nhớ tôi thanh tịnh giới thân.cụ túc, thanh tịnh Bố tát.

(*Nói ba lần rồi, ông chủ sám phải nói rằng : Tự trách lấy tâm ông, phải sinh lòng nhàm chán. Ông sám hối phải đáp : Dạ.*)

6. NÓI VỀ PHÁP SÁM HỐI (chia làm ba)

a/ Nêu chung
b/ Chia riêng
c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là bốn pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra.*

CHÚ GIẢI : Trong bốn pháp này đều do sự ăn vậy, nuôi lớn lòng tham, mất lòng tin kính của thí chủ, nên Phật cấm.

Ba La Đề Đề Xá Ni ?. Không chính giải do theo nghĩa mà dịch là tới kia ăn năn sám hối. Song, tất cả tội đều phải tới chúng Tăng mà phát lồ sám hối.

Vì sao trong đây riêng gọi tới ông kia mà sám hối ? Vì tội này nếu phạm, thì phải đến ông kia mà phát lồ sám hối, và cầu ông kia quở trách giùm, cho nên gọi : độc thọ sám hối.

Căn bản và Luật Nhiếp nói : Ở trong đó hiện có một thầy Tỳ Kheo, đều phải mỗi mỗi đối với ông mà tỏ bày, không giống với tội khác, nên thọ tên riêng (*biệt thọ*). Lại nữa, phạm tội này rồi, tức phải phát lồ không được đình lại bữa khác, vì nó không đồng với các tội kia.

Xét trong Tăng Kỳ, trong Thập Tụng và trong Căn Bản bộ : Đều dạy trước một người làm, nói ăn năn một lần tức là dứt tội.

b/ CHIA RIÊNG

Giới thứ nhất
CẤM THỌ CƠM CỦA CÔ NI KHÔNG BÀ CON

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo vào trong làng, tới cô Tỳ Kheo Ni không bà con không bệnh tay mình thọ cơm mà ăn, Tỳ Kheo đó phải tới Tỳ Kheo khác, phát lồ ăn năn rằng : Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, việc không nên làm, tôi nay tới Đại đức xin phát lồ, đó gọi là phép Hối quá.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, khi đó nhằm thời đại lúa đắt, đi khất thực khó được. Cô Tỳ Kheo Ni Liên Hoa Sắc, ngày ban đầu khất được cơm, đem cho thầy Tỳ Kheo. ngày thứ hai, thứ ba cũng đem cho như vậy. Rồi lại cầm bát vào thành nữa,

gặp xe ông Trưởng giả đi yết kiến vua. Cô bèn tránh bên lề trợt ngã xuống bùn, mình mẩy bùn đất không, ông Trưởng giả thương xót, sai người đỡ đem lên. Hỏi ra mới biết duyên cớ ấy. Bèn phiền trách thầy Tỳ Kheo không biết nghĩa nhường (*lễ nghĩa khiêm nhường*) bèn thỉnh cô Ni về nhà tắm rửa giặt y rồi dùng cơm. Các Tỳ Kheo đem việc này bạch Phật. Phật liền kiết giới cấm.

Vào trong làng ? Là đi vào trong làng xóm, mà lãnh cơm của cô Ni thì phạm, ngoài làng xóm thì không phạm vậy.

Không bà con ? Là nếu thật bà con, thì xét biết coi có hay không rồi mới tới lãnh cơm nên không phạm.

Tỳ Kheo Ni ? Là người đã từng đối với hai bộ Tăng mà thọ giới cụ túc vậy.

Không bệnh ? Là thân không đau đớn.

Tay mình lãnh ? Hoặc tay hoặc bát kể tới người kia mà lãnh cơm. Nếu để dưới đất cho, hoặc sai người đem cho đều không phạm.

Ăn ? Có hai cách : Một là ăn món chính, hai là ăn món phụ, lại nữa ăn là nhai nuốt vào cổ.

Tỳ Kheo đó ? Là người phạm tội lỗi.

Các Tỳ Kheo kia ? Là chỉ các Tỳ Kheo thanh tịnh.

Phát lồ ? Nghĩa là nói danh tội, chủng tội, tướng tội của mình đã phạm mà sám hối.

Pháp đáng quở ? Là ông kia làm việc đáng quở, việc đó Phật cấm, mà đã trái lời Phật chế, thật đáng quở trách.

Chỗ không nên làm ? Là không phải việc Tỳ Kheo nên làm.

Nay tới Đại đức ăn năn ? Đó là ông kia rửa tội chỗ phạm vậy.

Pháp đây gọi là pháp Hối quá ? Nghĩa là ông kia bị phạm do thọ cơm trong xóm làng, nên ăn năn hối hận.

Thể thức phạm tội ? Nếu không bệnh mà tay mình lãnh cơm như vậy, nếu ăn mỗi miếng, phạm mỗi tội Ba La Đề Đề Xá Ni. Bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc ở trong chùa chúng Tăng cho, hoặc ở trong chùa cô Ni cho.

Giới thứ hai
CẤM NHỜ CÔ NI CHỈ DẠY CHO CƠM

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo đến nhà bạch y, trong khi ăn, trong đó nhờ cô Tỳ Kheo Ni chỉ dạy, cho ông này cơm, cho ông kia canh. Tỳ Kheo phải nói với Tỳ Kheo Ni đó rằng : Này chị cả, hãy thôi đi, phải đợi cho Tỳ Kheo ăn rồi. Nếu không có một Tỳ Kheo nào nói với Tỳ Kheo Ni như vậy (chị cả, thôi để đợi Tỳ Kheo ăn rồi). Thì Tỳ Kheo ấy phát lồ rằng : Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, chỗ không nên làm, tội nay tới Đại đức xin phát lồ, đó gọi là phép Hối quá.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Các Tỳ Kheo cùng bọn Lục quần ăn cơm ở nhà người bạch y. Khi phái Lục quần Ni vì bọn Lục quần Tăng, xin cho cơm, canh nói rằng : cho ông này canh, cho ông kia cơm, mà lại bỏ chặng giữa không bảo cho, chính vì cho sai thứ lớp, khiến các Tỳ Kheo ngồi chặng giữa không được ăn, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Chỉ bảo ? Là chỉ dạy thí chủ cách thức cúng dường chúng Tăng.

Cho ? Nghĩa là cho không đồng.

Canh cơm ? Rõ chẳng phải đồ ăn thô khác.

Thôi đi ? Đó là buông lời quở ngăn, ngăn cô kia đình lại, đợi cho các Tỳ Kheo ăn rồi vậy.

Không có một Tỳ Kheo nào ? Nghĩa là trong chúng ăn đó, cho đến không có một vị nào ngăn cô Ni kia, thì Tỳ Kheo được đồ ăn ấy, phạm Bổn tội.

Phải tới các Đại đức mà ăn năn ? Nghĩa là Tỳ Kheo được đồ ăn, phải đối trước chúng Tăng hiện tiền phát lồ tội kia. Giới này không đồng với ba giới kia, ba giới kia đối với một thầy phát lồ, liền được dứt tội.

Thể thức phạm tội ? Nếu không có một thầy Tỳ Kheo nào nói : Chị cả hãy thôi đi, để ngăn trách đó, mà cứ ăn, ăn mỗi miếng, phạm tội Ba La Đề Đề Xá Ni, bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc cô Ni là thí chủ, hoặc người thí chủ mượn cô Ni bưng phần này, hoặc cô Ni không cố cho riêng.

Phụ văn : Xét trong Căn bản và trong Tăng Kỳ : Nếu trong đó mà không có một Tỳ Kheo nào quở, thôi đi, thì tất cả Tỳ Kheo ăn đó đồng phạm tội hết, nhưng trong Tăng Kỳ : chỉ có cho tới một ông mà phát lồ.

Ngũ Phần Luật nói : Nếu hai chúng nữ kia, bảo thí chủ đem thêm đồ ăn cho Tỳ Kheo, mà Tỳ Kheo không nói, cũng phạm Ác tác, nếu Tỳ Kheo dạy thêm đồ ăn cho Tỳ Kheo không được bình đẳng, mà ăn đó cũng phạm Ác tác.

Giới thứ ba
CẤM TỚI NHÀ NGƯỜI HỌC GIA MÀ THỌ CƠM

CHÍNH VĂN : *Nếu trước đã làm phép Yết Ma cho học gia rồi. Nếu Tỳ Kheo đối với người học gia như vậy, họ trước không mời không bệnh mà tay mình thọ cơm ăn, Tỳ Kheo đó phải tới Tỳ Kheo kia mà phát lồ rằng : Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, việc không nên làm, tôi nay đến Đại đức phát lồ ăn năn, đó gọi là phép Hối quá.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, có nhà Cư sĩ vợ chồng đều tin mến Phật pháp, song phép thường đệ tử rõ được cái kiến đế (*thấy chân lý*) của chư Phật, thì họ đối với các Tỳ Kheo nhẫn đến thân thịt cũng không luyến tiếc, thường dâng cúng dường luôn, bèn rủi nghèo khổ, cơm ăn áo mặc không đủ, xóm giềng chê cười. Phật dạy chúng

Tăng, bạch nhị Yết Ma cho nhà học gia, rồi Phật liền kiết giới này.

Học gia ? Học nghĩa là người chứng được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, hoặc lậu (*vọng hoặc hữu lậu*) chưa hết, còn phải học cho dứt, nên gọi là học gia, nghĩa là các nhà trong bốn họ, chỉ người học này, còn ở tại nhà, nên gọi là học gia.

Nếu chứng quả A La Hán, các hữu lậu đã hết, việc làm đã xong, gọi là vô học.

Yết Ma ? Nghĩa là vợ chồng ông kia, đều chứng quả thánh, đối với ngôi Tam Bảo không còn sẻn tiếc, thí cho đến đổi việc nhà nghèo thiếu, chúng Tăng mới vì hai vợ chồng Cư sĩ, làm phép ngăn hộ, không cho các Tỳ Kheo đến nhà kia mà lãnh đồ ăn uống nữa.

Học gia như vậy ? Là chúng Tăng đã làm phép Yết Ma học gia cho vợ chồng ông kia rồi.

Trước không mời ? Nghĩa là tuy cho làm phép Yết Ma, nhưng mà có thọ thỉnh thì không phạm.

Không bệnh ? Nếu có bệnh thì không phạm.

Thể thức phạm tội ? Hoặc trước vợ chồng ông Cư sĩ không thỉnh và Tỳ Kheo không bệnh, mà đối với ông học gia như vậy, tay mình lãnh đồ ăn uống, nếu ăn mỗi miếng phạm Ba La Đề Đề Xá Ni, bốn chúng kia phạm Ác tác.

Không phạm là gì ? Hoặc để dưới đất cho, hoặc tới người thọ lãnh, nếu sau vợ chồng ông kia,

của cải vô nhiều, vợ chồng Cư sĩ tới chúng Tăng, xin giải phép Yết Ma học gia, chúng Tăng phải bạch nhị Yết Ma mà giải rồi cho tới nhà kia lãnh cơm mà ăn, thì không phạm.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : Hoặc vợ chứng quả thánh, chồng chưa chứng, hoặc chồng chứng quả thánh, vợ chưa chứng, đều không nên cho làm phép Yết Ma. Nếu hai ông bà đều chứng quả thánh hết, không còn tham lam bỏn sẻn, mới nên làm phép Yết Ma cho hai ông bà học gia.

Nếu chúng Tăng có ruộng vườn, nên cho đó coi sóc, khiến xài dùng mỗi ngày đủ thôi, còn dư phải đem cúng Tam Bảo, nếu chúng Tăng không có ruộng vườn, thì trong tăng phường (*chùa*) muốn cúng dường chi khác, thì bảo ông kia làm, hễ được bao nhiêu, tùy tính tiền công bấy nhiêu.

Hoặc nữa, không có việc chi, khất thực được rồi, phải tới nhà học gia kia mà ăn, cơm còn dư đem cho họ, nếu không làm như vậy, phải đem họ đến trong đất chùa, cấp cho họ phòng nhà cơm áo. Còn vợ của học gia kia, thì Tỳ Kheo Ni phải cấp hộ như vậy.

Giới thứ tư
CẤM CHỖ CÓ NGHI SỢ THỌ CƠM ĂN

CHÍNH VĂN : *Nếu Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ xa xôi, chỗ có nghi sợ, nếu Tỳ Kheo ở chỗ như vậy, trước không nói cho thí chủ hay, hoặc ngoài đất già lam, không thọ đồ ăn, trong đất già lam không bệnh, tay mình thọ cơm ăn phải tới các Tỳ Kheo kia phát lồ :*

Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, việc không nên làm, tôi nay đối với Đại đức ăn năn, đó gọi là phép Hối quá.

CHÚ GIẢI : Phật ngự nơi vườn Ni Câu Loại. Bấy giờ trong thành Xá Di, các phụ nữ đem đồ ăn uống, đến trong chùa cúng dường, đi đường bị giặc khuấy phá, các Tỳ Kheo bạch Phật. Phật nói : Từ nay sắp đi các Tỳ Kheo phải nói với các phụ nữ đừng đi, vì con đường đó có giặc ghê sợ. Nếu ra khỏi thành bảo đừng đến chùa, vì con đường này có giặc đáng ghê sợ. Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Chỗ vắng vẻ ? Và có nghi sợ ? Đồng giải như trong giới trước "Xả đọa".

Đàn việt ? Đàn : là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch là : Xả việt. Là lời nói ở phương này, nghĩa là người kia hay phá cái tâm tham lam tật đố làm việc bố thí, nên hay vượt khỏi biển bần cùng, kiếp sau được giàu sang còn thêm tư lương phước đức. Cũng nói Đàn na, nói cho đủ là : Đà na bát để, phương đây dịch là : Thí chủ vậy.

Tăng già lam ? Nghĩa ở trong chùa, không bệnh tay mình thọ cơm ăn, thì phạm Bổn tội.

Ba giới trước không nói với thí chủ hay, lãnh cơm nhà trong làng mà bị lỗi. Giới này nhân không bệnh lãnh cơm ở trong chùa mà phạm tội.

Thể thức phạm tội trong đây ? Như giới trước đã nói, nên biết.

Không phạm là gì ? Ông kia không phạm là trước có nói thì chủ hay, hoặc có bệnh, hoặc để dưới đất cho, hoặc dạy người cho.

Xét trong Căn Bản và trong Thập Tụng : Đều cho bạch nhị Yết Ma, sai một thầy Tỳ Kheo vì người đi đường hiểm, mà xem xét coi chừng.

Nhân đây nói rõ về pháp ở chỗ vắng vẻ : Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ khi vào trong làng khất thực, sớm mai phải rửa tay cho sạch, lấy y giăng ra xem, thứ lớp mà đắp, xếp cái y đại đắp trên vai, rửa bát cho sạch để trong cái túi ràng lại, lấy giày hay guốc mang, cầm gậy quơ mù sương, cầm chìa khóa ra phòng, đóng cửa bóp khóa xô coi chắc không, nếu không chắc, thì thêm cây gài cửa, phải xem ngó bốn phía, nếu không ai nên giấu cất chìa khóa, nếu có người thấy, nên giấu lại chỗ khác, hoặc đem theo mình.

Bước ra đường phải thường suy nghĩ pháp lành, nếu gặp người, trước phải thưa rằng : Thiện lai (*lành đến*). Hoặc muốn vào làng, để bát xuống, mặc y đại vô, lột guốc và tích trượng gửi trong quán bên làng (*có chỗ nói : cầm tích trượng theo để rung và ngừa chó dữ*).

Khi vào trong làng, xem tướng ngõ đường, hoặc chỗ trống không tướng phải nhớ tướng chợ, tướng cửa, tướng đống rác, khi vào nhà bạch y, phải xem tướng cửa thứ nhất, cho đến cửa thứ bảy, muốn sửa y cho ngay phải tới vách tường mà sửa.

Tay bên hữu cầm tích trượng, tay bên tả cầm bát, không nên đứng giữa đường, hoặc đứng chỗ khuất, không nên rước lấy cơm, nếu mời thì nên qua lấy, nếu được cơm khô, hay cơm sốt v.v... không nên đổ chung, hoặc một bát phải lấy vật ngăn, không nên lựa khất nhà giàu, không nên gắng khất cho được, nếu biết sẽ được nên đợi.

Khi khất rồi đi ra, phải coi tướng cửa, cho đến tướng đống rác. Ra khỏi làng lại lấy gậy và guốc, để bát dưới đất, xếp y đại lại đắp lên vai, khi đi hằng suy nghĩ pháp lành, về đến chỗ ăn thường quét rưới cho sạch, lấy nước rửa bát, lấy bát đựng cơm dư, lót giường ngồi, lót tấm đá rửa chân, bình nước, khăn lau chân.

Nếu thấy Tỳ Kheo ở A Lan Nhã (*nơi vắng vẻ*) đến, phải đứng dậy ra rước, tiếp bát và y, mời ngồi, dâng bình nước, rửa chân cùng các vật, ông kia nếu rửa rồi, các vật để lại chỗ cũ, nên dùng nước tháo đậu, rửa tay cho sạch sẽ, phải lấy thố sạch riêng để cơm dư.

Nếu có kẻ cướp đến, phải cho, kế đó trao nước và cơm cho Tỳ Kheo ở A Lan Nhã kia, khi kia ăn phải đứng cung cấp các món cần dùng. Nếu giờ ngọ muốn qua, phải đồng ăn một lượt, ăn rồi phải lấy bát, trao cho nước rửa, nếu có cơm dư, nên cho người hoặc cho phi nhân, phải để chỗ đất không cỏ, hay là để trong nước không trùng, phải rửa bát để lại chỗ cũ, quét chỗ ăn cho sạch.

Nếu có ăn cướp đến phải nói rằng : đây là nước, đây là đồ rửa chân, đây là cơm cho mấy ông vậy, riêng để chỗ sạch sẽ, nếu họ muốn ăn thì ăn.

Phải biết các thời tiết ban đêm cho rành rẽ, phải biết phương hướng bốn góc trời, hiểu biết sao đó tên gì, không nên trải ngọa cụ tốt nằm ngủ cho êm, phải đầu hôm và khuya, tham thiền quán tưởng, Tỳ Kheo ở A Lan Nhã, thì phải tùy thuận theo pháp A Lan Nhã, nếu không tùy thuận thì mỗi mỗi phạm tội.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : Người trí huệ được ở chỗ A Lan Nhã, dầu không đa văn, nhưng rành rẽ về giới tướng thì được ở, phải biết ở chỗ đất có địa phương, địa thế, phương hướng đều phải con đường đi, qua lại dễ dàng, tùy sức cung cấp, bún khô và cơm nước, xét theo thời mà chứa trữ.

Nếu thấy khách đến, phải thưa trước rằng : Thiện lai Đại đức mới đến, rồi mình cười không nên tỏ vẻ buồn, nếu người nữ đến, tùy tuổi tác người kia dấy tưởng như mẹ, hay chị, em vậy.

Thập Tụng Luật nói : Tỳ Kheo ở A Lan Nhã, phải chứa lửa, hoặc cây cầm lửa, để nấu đồ ăn v.v.... thường dùng bình nước, đựng đầy luôn luôn. Nhẫn đến phải thường giảng kinh, luật, luận thiền và chỗ chứng trong bốn quả, nếu chưa được như vậy, thì phải biết cách tụng đọc, không nên chứa ngọc nhật châu, nguyệt châu; những chỗ núi cao hang thẳm, không người, khá sợ không nên ở.

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói bốn pháp Ba La Đề Đề Xá Ni. Nay xin hỏi chư Đại đức, trong đây thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh vì im lặng, thì việc này như vậy suốt biết.*

CHÚ GIẢI : Văn kết đây đồng giải như trước. Nếu muốn sám trừ bốn tội này, phải trước thỉnh ông sám chủ, sau mới làm lời sám hối như vầy :

Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... không bệnh, cố ở trong làng, tới Tỳ Kheo Ni không bà con, tự tay tôi thọ lãnh cơm mà ăn (*bao nhiêu tùy theo món, tên, việc, mỗi mỗi nói đó*) phạm... (*bao nhiêu, rất nhiều*) tội Ba La Đề Đề Xá Ni. Thưa Đại đức, tôi phạm tội đáng quở, việc không nên làm, nay đối trước Đại đức xin sám hối, không dám che giấu, sám hối thì được an vui, không sám hối thì không được an vui, nhờ mình biết có phạm phải phát lồ, biết mà không dám che giấu.

Cúi xin Đại đức nhớ tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bố tát (*nói một lần*).

(*Ông sám chủ phải quở trách rồi nói*) : Tự trách lấy tâm ông nên sinh lòng nhàm chán (*Ông năng sám kia đáp*) : Dạ.

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI)

PHỤ CHÚ

CƠM TỨ TÀ

1. *Hạ khẩu thực :* Trồng trọt cầy cấy chết vi trùng nuôi mạng sống không thanh tịnh.
2. *Ngưỡng khẩu thực :* Nghĩa là ngước xem thiên văn địa lý nhật nguyệt tinh tú gió mưa sấm sét để kiếm ăn nuôi mạng sống không thanh tịnh.
3. *Phương khẩu thực :* Nghĩa là dua nịnh kẻ quyền thế thông sứ bốn phương, xảo ngôn đa cầu kiếm ăn nuôi mạng sống không thanh tịnh.
4. *Duy khẩu thực :* Nghĩa là học đủ thứ chú thuật bói toán kiết hung kiếm ăn nuôi sống mạng không thanh tịnh.

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI MỘT

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

7.- PHÁP CHÚNG HỌC (chia làm ba)

a/ Nêu chung

b/ Chia riêng

c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là 100 pháp chúng học, mỗi nửa tháng tụng, rút trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Tiếng Phạm nói : – Thức xoa ca la ni, và cũng nói : Thi xoa kế loại ni. Dịch là : Cần nên học, nghĩa là : 100 giới này cần phải học.

Nước Hồ dịch lại là : Thủ giới, nghĩa là tội này rất vi tế, mà giữ đó cũng rất khó, nên phải học giữ, do đó mà đặt tên. Đây là giải nghĩa chớ không phải chính dịch.

Tỳ Ni Tỳ Bà Sa Luận hỏi : – Các thiên khác sao không nói **cần nên học** mà lại chỉ riêng có thiên này ?...

– Đáp rằng : Các thiên khác dễ giữ, nhưng về tội trọng, hễ phạm tức là mắc tội, hoặc đối giữa chúng mà sám hối, hoặc đối thú sám hối.

Giới này khó giữ, mà tội thì nhẹ, thoảng như có phạm, tâm ăn năn gắng nhớ mà học, nên không kết tên tội, chỉ nói ngay : Cần nên học; song, phép học này, tuy không chỉ rõ tên tội, dẫu có trái phạm, đều sám hối tội Đột Kiết La. Nhưng phạm thì có cố tâm, và lầm; sám riêng có hai bậc : Cố tâm phạm thì đối với ông kia mà phát lồ. Lầm phạm thì chính tự trách lấy tâm mình thì dứt. Trong các Luật Luận đều có nói rõ về tội cố tâm phạm, và lầm phạm.

Hai tâm. Như Luật bổn nói : – Cố làm, phạm tội Đột Kiết La nên sám hối, do vì cố tâm làm phạm tội Đột Kiết La phi oai nghi. Còn nếu không cố tâm làm thì chỉ phạm tội Đột Kiết La trơn mà thôi, biết tự trách lấy tâm thì hết tội.

Căn Bản và Luật Nhiếp nói : – Tỳ Kheo không y lời Phật dạy, không kể xấu hổ muốn làm việc phi pháp, cầm y giăng ra, phạm tội trách tâm Ác tác. Hoặc mặc sát thân, phạm tội đối thuyết Ác tác.

Nếu Tỳ Kheo có tâm y theo lời Phật dạy, mà đắp y không đúng pháp, hoặc quên tưởng niệm, hoặc có khi không biết, đắp mặc sái phép, thì chỉ phạm tội trách tâm Ác tác.

Xét trong Luật Luận, phần nhiều chỗ nói : 100 pháp chúng học này Phật kiết ban đầu hết, nhưng các ngài biên tập Luật tạng, để ở sau, song tên tội vẫn một, mà về khinh trọng của nó thì có năm.

Lấy giới trọng để trước, giới khinh để sau, giới chúng học này đối trong năm thiên nhẹ hơn hết, vì thế nên để ở sau. Lại nữa : 1.- Là tội thật (*tính tội*). 2.- Là tội ngăn (*giá tội*), vì muốn để tội thật ở trước, tội ngăn ở sau vậy.

Lại nữa : 1– Hễ phạm tội tứ trọng thì không còn trị được. 2.- Còn phạm tội trong bốn thiên kia thì còn trị được vậy. Vì thế giới trọng để ở trước, các giới khinh để ở sau. Song đối trong 100 pháp chúng học chưa chắc vì Phật kiết trước hết, vì các ngài để sắp ban đầu, nên nói là ban đầu vậy. Như Phật, ban đầu độ năm ông kia xuất gia làm Tỳ Kheo, thì các ông đó còn mặc đồ thế tục.

Phật Thích Ca suy nghĩ như vầy : Chư Phật đời quá khứ dạy các đệ tử mặc y phục như thế nào ? Ngài suy nghĩ như thế rồi ngài dùng Thiên nhãn quan sát, thấy người ở trên cõi trời Tịnh Cư, mặc y phục giống Phật, ngài bèn kêu năm thầy Tỳ Kheo nói rằng : Các ông từ nay sắp về sau, phải mặc y phục cho giống người ở cõi trời Tịnh Cư.

Trong Tát Bà Đa Luận có câu hỏi rằng : Trong năm thiên giới, Phật vì sao cấm các đệ tử, mặc cái chăn và ba y giống như chư Phật đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, và người ở trên cõi trời Tịnh Cư ư ?

Đáp rằng : Phật kiết năm thiên giới mà giới này ở trước hết, do vì giới này nó xâu kết tất cả các giới đầu, nên bốn thiên kia không nói. Lại nữa, giới này đối với bốn thiên kia, thì nó là giới khinh.

Phật biết đệ tử đời sau, không sinh tâm trọng kính; cho nên ngài dùng Phật nhãn, thấy chư Phật đời quá khứ, đời vị lai và cõi trời Tịnh Cư, rồi sau mới Kiết giới; khiến chúng sinh đời sau, khỏi sinh tội khinh dễ.

Lại nữa, ba đời chư Phật Kiết giới có chỗ đồng, có chỗ khác; nhưng trong năm thiên giới đây, không ắt vì đồng hết.

Đây thì Phật dạy mặc cái chăn, và ba y phải hiệp với ba đời chư Phật; vì thế mà giới này có nói quán suốt ba đời chư Phật, và cõi trời Tịnh Cư, còn các thiên khác, thì không nói quán sát vậy (*thật tội, tức là tính tội vậy).*

b/ CHIA RIÊNG

Một trăm pháp chúng học này, bài và câu nó dón gọn, mà sự của nó thì trùng trùng điệp điệp, không cần gì phải riêng nêu từng khoa, cứ theo văn thì xét biết, tức rõ được ý chỉ, chí như chỗ duyên khởi mà giải nghĩa, thì trong Luật bổn, hoặc đủ hoặc thiếu; tra trong các pháp kiền độ thì thấy, phần nhiều phái Lục quần hay khởi phạm về giá tội.

Cũng đồng như trong hành hộ, về thiên oai nghi khinh trọng chỉ rành về cố tâm hay là vô tâm, chớ không có tướng nào khác nữa, song sự lý kia đơn kép không nhất định. Nay cộng có 100 pháp, tóm làm 10 việc, gồm thành một bài tụng, đặng cho người học để giữ gìn : 1/. Việc đắp y. 2/. Việc vào làng. 3/. Việc ngồi đứng. 4/. Việc ăn uống. 5/. Việc hộ bát. 6/. Việc đại tiện tiểu tiện. 7/. Việc thuyết

pháp. 8/. Việc xây tháp và đắp tượng. 9/. Việc đi đường. 10/. Việc trèo lên cây.

Lời tụng nói :

Mặc chăn và ba y tề chỉnh
Vào làng, nhà, ngồi, sự ăn uống;
Hộ bát, tiện lợi, thuyết pháp nghi,
Kính tháp, tượng, phòng, lên cây, đi đường.

1) MẶC CHĂN CHO TỀ CHỈNH, CẦN NÊN HỌC

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần mặc cái chăn (*tiếng Phạm gọi Niết bàn tăng*) hoặc thấp, hoặc cao, hoặc cuốn lại giống cái vòi con voi hoặc làm giống lá cây đa la, hoặc khi thì gấp nhỏ lại. Cư sĩ thấy chê cười, nói : Các ngài làm giống in hàng vua chúa và những bọn trò hát giễu cợt v.v... Các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật liền kiết giới cấm.

Cái chăn ? Tiếng Phạm gọi Niết bàn tăng, hoặc nói : Nê hoàn tăng. Dịch là : Quần.

Phải mặc cho tề chỉnh ? Nghĩa là phải mặc cho bằng thẳng, được khỏi các tội lỗi mặc không bằng thẳng. Vì sao gọi là không bằng thẳng ?... Hoặc là buộc xệ xuống dưới rún, hoặc buộc cao trên đầu gối, hoặc thòng xuống một góc trước, giống như cái vòi tượng, hoặc thòng hai góc trước, giống như lá cây đa la, hoặc buộc xếp giún nhỏ con quấn ngang lưng.

Luật Nhiếp nói : Nắm lấy cái biên chăn xếp con nhỏ lại, giữa lưng tóm đè giống như lá đa la, trên rút nhỏ, dưới thả rộng, phải vậy.

Thể thức phạm tội trong đây là sao ? Nếu không y lời Phật dạy mà cố làm thì phạm tội Đột Kiết La, phải sám hối vì cố tâm vậy, hoặc phạm tội Đột Kiết La phi oai nghi. Nếu không cố làm chỉ phạm Đột Kiết La.

Từ đây sắp về sau, các giới khác sánh theo đây nên biết. Bốn chúng kia cũng đồng phạm Đột Kiết La. 100 pháp này Tỳ Kheo Ni cũng đồng học trong đây có một hai giới không đồng, trong các giới sau tùy sự chú thích.

Không phạm là gì ? Giữa rún có ghẻ, cần phải mặc thấp xuống; hoặc dưới chân có ghẻ, phải mặc cao lên; hoặc ở trong chùa hay đi ra ngoài làng, và khi đi đường, hoặc khi làm việc bất luận...

Phụ văn : Bộ Tây Vực Ký nói : – Nê phược ta na, bản nhà Đường dịch : Quần. Bản cựu dịch : Niết bàn tăng sái vậy. Đã không khuy nút, khi người mặc tóm xếp làm con vắt vào trong lưng. Xếp con, các bộ luật nói chẳng đồng, mà màu sắc vàng đỏ cũng khác (*Vàng sậm đỏ lợt*). Sách Nội Pháp truyện dẫn trong Nhất Thế Hữu bộ : chế kiểu quần dài hai cánh, bề ngang năm cánh bằng lụa vải hay có chi may nấy. Bên Tây Thiên Trúc (*Ấn Độ*) may chiếc (*một lớp*), xứ Thần Châu (*Trung Hoa*) mặc tình may đôi (*hai lớp*), rộng dài tùy ý; miễn quần giáp lưng đỡ cho khỏi rún; tay bên hữu kéo trên góc biên lên bên tả, ở trong kéo tới lưng bên hữu; trên góc chăn bên tả, lấy bên ngoài tóm vắt bên tả; rồi hai tay ở hai bên, đỡ cho bằng thẳng sắp cho ngay thẳng chính giữa, tức thành ba xấp, sau lấy hai ngón tay, đều cuốn

guộn đến lưng; đồng đem ba lớp, tới đàng sau lưng vắt đó; hai góc đều chừng ba ngón tay, cũng vắt tới xương sống; được chừng ba ngón tay cho phía dưới vào giữa lưng; làm như vậy dầu không cho buộc dây lưng; cũng mắc dính trong thân không rớt, sau dùng dây lưng, dài cỡ năm cánh nhỏ.

Móc tra chính giữa giở cao tới rún, lần cái viền chăn lên, sắp đều cho tới sau, kéo choàng qua trước, lần một bên kéo bên hữu qua bên tả; mỗi bên lấy ngón tay nhét cho chắc, vấn lên mối dây lưng kia, cho đủ ba lần, có dài cắt bớt, thiếu thì nối thêm; dây lưng không nên dùng bằng tơ, dây lưng rộng bằng ngón tay, các thứ dây buộc giày tất, hoặc vuông, hoặc tròn rẽ đôi cũng không hại; các thứ dây gai, trong Văn luật dặn không cho.

Khi nương ngồi giường nhỏ và gốc cây, tóm bỏ trên chăn; hay là dưới góc chăn, lẹ tay nắm cái lai chăn, vắt dưới đầu gối phải cho hai bên bàn sinh, có bày ống chân không hại, cao phải che trên cuống rún, dưới đến trên mắt cá 4 ngón tay; đây là cái dạng của nhà thế tục.

Hoặc ở trong chùa, nửa bắp chân cũng được, đây là hạn lượng chính thân Phật chế ra; chớ chẳng phải ý người bịa đặt; bèn làm cao thấp, không nên cố trái ý chỉ Phật dạy, bèn thuận theo thói phàm tình.

Sở dĩ mặc cái chăn, dài thòng sát đất : 1.- Là hao của thí chủ tín tâm. 2.- Là khinh dễ lời cách ngôn của Đại sư.

Bên Tây vực vải làm chăn cũng đều quấn ngang; vì bởi phương kia vải trắng, bề rộng khổ hai cánh chỏ, còn phép vải làm chăn ở phương này, trong luật văn có chế đủ cách; chỉ phải dón bày chỗ mối manh; chín chắn mà luận, không phải vậy thì không được, đây là mặc cái chăn cho tề chỉnh đúng phép. Song mà cách trong bốn bộ có khác, vì tiêu biểu mặc cái chăn khác.

Trong Nhất Thiết Hữu bộ : Thì hai cái biên tới ngoài và xấp đôi. Trong Đại Chúng bộ : Thì bên hữu cái chăn, cuốn gọn qua bên tả; vắt mí tới ở trong, đừng cho nó sút.

Trong bộ Thượng Tọa : Chính cỡ chế cũng đồng như đây, chỉ khác hơn là vắt ra ngoài một bên, phép buộc dây lưng không khác. Tỳ Kheo Ni cũng giống như Tỳ Kheo Tăng toàn không có thể khác.

2) MẶC BA Y CHO TỀ CHỈNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Phải mặc cho tề chỉnh ? Nghĩa là : Bỏ tính cách láu táu không tề chỉnh vậy. Vì sao gọi là không tề chỉnh ?...

Nghĩa là : Hoặc thòng xuống quá cánh chỏ bày hông; hay cao quá bắp chân, hoặc thòng xuống một góc, như vòi voi; hoặc thòng hai góc trước, phía sau vén lên cao, hoặc xếp nhỏ rồi đặt thành (*lai y*)

Không phạm là gì ? Hoặc vai hay cánh tay có ghẻ; hoặc trịch xuống còn bao nhiêu thảy đồng như trước.

Nội Pháp truyện nói : "Phép mặc y và phép làm câu móc, y như trong luật bày ra". Nên nay có cái y năm cánh chỏ, xếp làm ba lớp; cái chỗ xếp ở trên đầu vai, cách thành chừng bốn ngón tay, đặt cái niêm vuông, được năm ngón tay, may vòng bốn bên, trong đó lấy dùi xoi lỗ nhỏ, dùng đặt cái khuy, giống như khuy áo; dài bằng hai ngón tay, lật kết cái tin cho chắc, đem cái khuy xoi lỗ, kéo phía ngoài ra; buộc trào chữ thập bèn thành hai khuy nút để ở phía trong, còn cho xếp ở trước đặt nút ở bên thành cũng như nút áo, tức là đúng như pháp vậy.

Hai đầu cách góc chừng 8 ngón tay, cũng kết một cái khuy, một cái nút, đến khi ăn, xếp vắt trước ngực, nút gài dính nhau, đó là rất đúng như vậy.

Phàm ở trong chùa, hoặc khi đối với chúng Tăng, thì không nên gài nút và đắp trùm lên vai; nếu đi rảo ra ngoài, hay là vào nhà thế tục, thì mới gài nút khuy, các thời khác chỉ có đắp trên vai thôi.

Nếu làm công việc ở chỗ khuất, tùy ý lật trái; hoặc đối với những hàng tôn túc, phải đắp cho tề chỉnh, lấy góc y bên hữu, đắp bít qua vai bên tả thòng đến sau lưng, đừng để trên cánh chỏ; nếu muốn gài nút thì phải đắp trùm vai rồi lấy nút gài trong khuy quay lại đàng sau vai, cho khỏi vuột sút, lấy chéo máng trên vai, y bèn quấn cổ; hai tay thòng ra một góc đàng trước, giống hình vua A Dục.

Chính hợp cách đó : Đi ra ngoài cầm dù, hình nghi dễ thương; tức là y giáo pháp, tề chỉnh mặc cái y trên vậy.

Còn ba y kia, hoặc đặt nút vắn, mà cắt vải (*khuy*) dài thời liền khỏi lỗi trái luật, vấn chăn ngang, mà khỏi phải cái lo viền lưng kim chỉ, vật sở hữu và bình bát, đều mang hai bên vai, vừa chí dưới nách, không cần ràng buộc; cái quy không dài, chỉ xoi (*xỏ*) cho lọt vai (*cánh*) mà thôi. Nếu ràng buộc trước ngực, nó làm cho người thở không thông, vốn không phải bản ý của Phật chế, thì không nên làm. Dầu có y dư, đắp nhiều trên vai, vậy sau chung mặc, phủ bít y bát kia.

Nếu mình đến chùa, và đến nhà thế tục, phải đến phòng nhà, máng cất dù lọng xong, mới đến cởi nút, máng y bát kia, song mà có thứ Ca sa, may bằng thứ lụa mỏng, nó hay trơn không chịu mắc trên vai, khi mình lễ bái thì nó tuột rơi xuống đất. Nên dùng thứ vải may y đừng rớt, hoặc dùng thứ bố nhuyễn hay là thứ trừu, thứ vải trắng nhuộm, tức là được vậy.

Còn cái Tăng khước kỳ, tức là áo trùm vai, lại thêm một cánh chỏ nữa mới hiệp với bản luật. Phép đắp mặc nó, phải chừa trống vai bên hữu, đắp qua vai bên tả.

Khi ở trong phòng, thì chỉ mặc cái Tăng khước kỳ và cái Tăng kỳ chi thôi (*tức là áo cánh và cái chăn*). Khi đi ra ngoài, hay là lễ các bậc tôn túc, mặc lòng đắp thêm các y khác.

Tạp Sự Luật nói : "Tỳ Kheo khi trời nực, ở trong phòng mình, chỉ cái chăn, và cái áo cánh, mặc tình đọc tụng nói pháp, may y v.v... trong bốn oai nghi thảy đều không phạm".

Xá Lợi Phất vấn kinh nói : – Khi sắm sửa đồ cúng dường, phải mặc áo cánh để dễ làm việc; khi làm phước chú nguyện, phải đắp y trùm hai vai, để hiện tướng phước điền.

Vì sao khi sắm đồ cúng dường ? Vì như khi thấy Phật, khi thưa hỏi Thầy và chúng Tăng, nên tùy theo sự tướng hoặc lau giường, hoặc quét đất, hoặc xếp y phục, nhẫn đến làm đủ các thứ cúng dường.

Vì sao khi làm phước chú nguyện ? Bởi vua mời đãi cơm, khi vào làng khất thực, khi ngồi thiền, khi tụng kinh, khi ngồi dưới gốc cây, người thấy mình trang nghiêm, có vẻ đáng cung kính vậy.

3) CHẲNG ĐƯỢC LẬT TRÁI Y, VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Lật trái y : – Nghĩa là : Lật cái y qua bên vai tả, hay là bên hữu vậy.

Không phạm là sao ? Bên hông có ghẻ v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Y phục trên dưới không nên lật trái một bên, lộ bày hình thể, hoặc lật cả hai bên, rồi cuộn lại để trên vai".

4) CHẲNG ĐƯỢC LẬT TRÁI Y, VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước, nói về oai nghi đi; giới này nói về oai nghi ngồi. – Nghĩa là khi ngồi trong nhà thế gian, phải khéo che thân, đừng lộn xộn mất

oai nghi của thầy Tỳ Kheo, thân phải cho ngay, ý cho chính, khiến cho người sinh tâm tín kính; nếu buông lung các căn, lật y lộ hình, làm cho người chê bai, thì là tổn mình, tổn người nữa.

5) CHẲNG ĐƯỢC Y QUẤN CỔ VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Y quấn cổ ? Là cầm hai góc y đắp trên vai.

Không phạm là sao ? Hoặc hai cánh tay có ghẻ v.v...

6) CHẲNG ĐƯỢC Y QUẤN CỔ VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là trong nhà người thế tục, phải đắp y cho tề chỉnh bày rõ tướng phước điền mà ngồi vậy.

7) CHẲNG ĐƯỢC CHE ĐẦU VÀO NHÀ NGƯỜI BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Che đầu ? Nghĩa là lấy y hoặc lá cây, hay là lấy vật nhỏ vụn che phủ trên đầu vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc bệnh lạnh, hoặc trên đầu sinh ghẻ, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn, che đầu mà chạy.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc gió mưa lạnh và bệnh, không nên che hết đầu, phải che phân nửa thôi, để trống lỗ tai; nếu thấy hai thầy,

thì phải lột xuống, chớ không nên che, khi vào nhà tiểu, hoặc ở trong riêng che không tội".

8) CHẲNG ĐƯỢC CHE ĐẦU VÀO NGỒI TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa đây đồng giải như trước, lại nữa thầy Tỳ Kheo không nên trùm đầu, trùm đầu là cái phép của người thế gian; nếu đầu có lạnh nhức, cho dùng vải nhung hoặc kiếp bối làm mão đội. (*Bông cây kiếp bối có thể dệt vải*)

9) CHẲNG ĐƯỢC NHẢY ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ở chỗ đồng như trước. Phái Lục quần vừa đi vừa nhảy vào nhà thế tục, các ông Cư sĩ chê rằng : Giống in chim se sẻ; vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Vừa đi vừa nhảy ? Nghĩa là hai chân nhảy nhót vậy.

Không phạm là sao ? Hoặc người bị đánh; hoặc bị ăn cướp rượt, hoặc bị thú dữ, hoặc bị chông gai, hoặc nhảy qua khe nước, và hầm hố v.v...

10) CHẲNG ĐƯỢC NHẢY ĐI VÀO NGỒI TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thầy Tỳ Kheo, phàm có bước đi, tưởng không phải là bậc đại nhân, thì nên bỏ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên ôm đầu gối mà ngồi, không nên ngồi tréo chân. **Tréo chân ?** Nghĩa là : bắp vế này để lên bắp vế kia,

hoặc đầu gối này, để trên đầu gối kia; hoặc bắp chân này để trên ống chân kia; hoặc xếp bằng một chân, còn một chân co lại, để bàn chân trên mắt cá; nếu bệnh thì không tội".

11) CHẲNG ĐƯỢC NGỒI CHỒM HỔM TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước, có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng đãi cơm. Tới giờ ngọ, các Tỳ Kheo đến nhà ông ngồi. Song bọn Lục quần, ngồi chồm hổm, ông ngồi ngang, lấy tay thọt bèn ngã ngửa bày hình thể. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Ngồi chồm hổm ? Hoặc ngồi dưới đất, hay ngồi trên giường, mà khu không chấm đất, tức là hai bàn chân đạp đất hai đầu gối dựng lên.

Không phạm là gì ? Một bên khu có ghẻ, mà có việc phải làm, như là lễ bái, sám hối, cùng đi giáo giới, thì quỳ xuống, phải vậy.

Chữ Khao : Khổ cao thiết : Âm khảo, bình thanh; xương cụt. Tức là xương khu ở dưới mông đít.

12) CHẲNG ĐƯỢC CHỐNG NẠNH ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần tay chống nạnh đi vào nhà người thế gian, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Chống nạnh : Hoặc dùng một tay, hay là hai tay, co chống nạnh vuông cánh chỏ.

Không phạm là gì ? Dưới hông sinh ghẻ, hoặc khi làm công việc trong chùa, và ngoài làng, hay là khi đi ra đường không nhất định.

13) CHẲNG ĐƯỢC TAY CHỐNG NẠNH VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : lấy tay chống nạnh vuông cánh, sợ cản người ngồi gần, dù không ngồi gần, cũng không phải phép vậy.

Phụ văn : Thập Tụng nói : "Không nên chống cằm ngồi".

14) CHẲNG ĐƯỢC LẮC MÌNH ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Lắc mình ? Nghĩa là : nghiêng thân qua bên tả, qua bên hữu, rảo bước, Tỳ Kheo Ni phạm tội Đọa.

Không phạm là gì ? Hoặc bị người đánh nghiêng thân tránh roi, hoặc tránh thú dữ; hoặc gặp người gánh chông gai, nghiêng mình để tránh; hoặc nhảy qua hầm hố; hoặc khi mặc y, xoay thân ngó ngoái lại đằng sau, coi y ngay thẳng không.

15) CHẲNG ĐƯỢC LẮC MÌNH ĐI VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thầy Tỳ Kheo đến nhà bạch y phải sửa sang dung nghi, vững mình mà ngồi vậy.

16) CHẲNG ĐƯỢC LẮC CÁNH TAY ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Lắc cánh tay đi ? Nghĩa là : thòng cánh tay đưa tới đưa lui từ trước ra sau.

Không phạm là sao ? Hoặc bị người đánh, hoặc bị thú dữ đến đưa tay ngăn nó, hoặc đưa tay ngoắc người.

17) CHẲNG ĐƯỢC LẮC CÁNH TAY ĐI VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Khi ở trong nhà thế gian, phải vững mình khoanh tay mà ngồi tề chỉnh.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên động tay động chân, hoặc múa tay múa chân. Ngồi phải vững vàng, đừng sựng. Nếu ai có hỏi, trước phải hộ giới, và thuận theo mà đáp".

18) KHÉO CHE THÂN VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Nếu không khéo che, thì mỗi mỗi bày lộ thân mình.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trói, hoặc gió thổi bay chéo y khỏi mình vậy.

19) KHÉO CHE THÂN VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : Ngồi trong nhà thế gian, phải khéo che kín thân hình, không nên mặc một cái y, trừ khi đi đến chỗ đại tiểu tiện, không nên mặc áo tròng đầu và áo thêu, không nên mặc áo có sọc (*đó thuộc về áo cầu, áo bào, thứ áo tơ lụa vậy*), không nên mặc áo bằng da, không nên mặc

áo cặp; không nên mặc áo bằng vỏ cây, áo bằng cỏ, áo bằng lá cây, áo bằng anh lạc, áo bằng lông, áo bằng tóc, áo lông đuôi trâu ngựa; như thế tất cả áo của người thế gian, và pháp y của ngoại đạo đều không nên sắm; nếu có bệnh rét cho mặc cái y nhiều lớp.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Ba y đều cho dùng chỉ bông, nên dùng vải chắc, may y 5 điều. Nếu vải thưa nên may hai lớp, ba lớp, nếu may y năm điều bằng vải thưa, thì may y 7 điều bằng vải dày; nếu y 7 điều bằng vải thưa, thì y đại cần phải may bằng vải dày; nếu y đại bằng vải thưa, thì y 7 điều bằng vải dày; khi ngồi thì phải một tay vén cái y, tay để tọa cụ, vậy sau thong thả ngồi".

20) KHÔNG ĐƯỢC LIẾC NGÓ HAI BÊN, ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Liếc ngó hai bên ? Nghĩa là mỗi chỗ trước sau, vào chung quanh đều nhòm ngó.

Không phạm là ? Nếu ngước xem thời tiết mặt trời, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn mà xem ngó hai bên mỗi chỗ, được tìm kiếm con đường tiện lợi, muốn trốn đi.

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Không nên ngó cao quá, chỉ ngó ngay ra trước chừng một du đà, đó là cỡ của thầy Tỳ Kheo ngó, một du đà bề dài bốn cánh chỏ, không nên ngó một bên, cũng không nên ngó ngoái lại đàng sau, cứ thẳng mình ngó ngay tới trước, chậm rãi mà đi tới, nhưng phải dự phòng

quan sát loài trâu ngựa chó dữ v.v... Không nên đi gần nó lắm, vì sợ có tổn hại".

Tăng Kỳ Luật nói : "Khi đi phải ngó cho kỹ, không nên gục đầu như ngựa mà đi, phải ngó như kiểu vừa mà đi, ngừa phòng các thú dữ như voi, ngựa và trâu; đi như kiểu người khiêng kiệu, không được xem ngó Đông Tây; nếu khi muốn ngó chỗ nào, phải xoay hết mình qua hướng đó mà xem".

21) KHÔNG ĐƯỢC LIẾC NGÓ HAI BÊN, VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phàm ở trong nhà người thế tục, tâm phải chân chính, mặt ngó ngay, buộc tâm tưởng niệm mà ngồi, không nên xem những người đi qua lại, cùng là bọn trẻ nít ca múa v.v...

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : "Đến nhà bạch y họ chưa mời ngồi không nên ngồi liền, phải xem xét kỹ lưỡng mới ngồi".

22) VÀO NHÀ BẠCH Y PHẢI IM LẶNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Không im lặng ? Tức là nói to tiếng, nếu khuyên lơn dạy bảo, hay là thí thực, thì phải tụng lớn tiếng.

Không phạm là ? Hoặc điếc, hoặc có mạng nạn, phạm hạnh nạn, la lớn mà chạy.

23) NGỒI TRONG NHÀ BẠCH Y PHẢI IM LẶNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Khi ngồi trong nhà thế tục, cần phải lẳng lặng, ngồi im như bậc Thánh Hiền, nếu ai

có hỏi, thì tùy theo việc mà đáp, có muốn nói điều chi, phải nói vừa đủ nghe mà thôi, có muốn kêu ai, phải khảy móng tay cho biết, nếu người kia không nghe, phải nói với người ngồi gần nói chuyền lại.

24) ĐI VÀO NHÀ BẠCH Y CHẲNG ĐƯỢC CƯỜI GIỠN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Cười giỡn ? Là nhăn răng cười.

Không phạm là ? Hoặc tưởng niệm chính pháp tỏ ngồi rồi vui cười.

25) VÀO NGỒI NHÀ BẠCH Y CHẲNG ĐƯỢC CƯỜI GIỠN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là : Ngồi trong nhà thế tục, phải sửa dung nghi cho tề chỉnh, giống như tướng người đại nhân, đừng cười giỡn theo thói con nít.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên ngồi trong nhà người thế gian cười; nếu ở trong chùa ăn cơm, trước có hai bậc Thượng Tọa, không nên cười, nếu có việc đáng cười không nên nhăn răng cười lớn, phải nhân đó hằng dấy tâm tưởng vô thường, khổ, không, vô ngã, suy nghĩ cái chết mà thôi, mình phải ngậm miệng, nếu không ngăn được, thì không nên nhăn răng cười lớn, phải lấy tay áo che miệng ngăn đó".

26) CHÍNH Ý THỌ ĐỒ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng thiết trai cúng dường, đích thân ông đi sớt các món đồ ăn. Phái Lục quần

không để ý thọ cơm vì vậy mà cơm canh đổ tháo. Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Không để ý thọ đồ ăn ? Vì thế nên cơm canh đổ tháo.

Không phạm là ? Hoặc vì bát nhỏ, nên khi thọ đồ ăn, rớt đổ ra ngoài, hoặc rơi lại trên bàn.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nhất tâm thọ đồ ăn, thì tay bên tả bưng cái bát, tay hữu đỡ cái miệng bát".

27) THỌ CƠM VỪA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Phái Lục quần thọ trong bát cơm canh tràn đầy để rơi xuống đất, Phật thấy thế liền kiết giới cấm.

Không thọ vừa bát ? Tức là thọ tràn đầy vậy.

Không phạm là ? Hoặc là bát nhỏ, hoặc rủi làm rớt đổ trên bàn. Khi đó có các thầy Tỳ Kheo thọ thí chủ thỉnh, không nhóm lại đi một lượt, hoặc ông đi rồi, ông mới đi, hoặc ông ra rồi, hoặc ông mới ra, hoặc ông mới ngồi, hoặc ông ngồi rồi, hoặc ông đã ăn, hoặc ông mới ăn.

Phật nói : "Muốn đi thọ thỉnh các ông phải nhóm ở trai đường đồng thấy nhau, khi thí chủ đến rước, đều có đủ mặt, bậc Thượng Tọa đi trước, kế đó thứ lớp theo sau, đi giống như loài chim nhạn bay". (*Đại phi tiền, tiểu phi hậu*).

Nếu có việc Tam Bảo, hay là đi thăm bệnh, thì thưa với thầy Thượng Tọa, xin phép đi trước. Nếu có mạng nạn, phạm hạnh nạn cho phép đi khỏi xin.

Đến nhà đãi cơm không nên ngồi lộn xộn, phải ngồi theo thứ lớp, Thượng Tọa, thứ tọa, hạ tọa, phải xét xem lẫn nhau nếu có ông ngồi không đúng pháp, và không khéo che thân, thì nên khảy móng tay cho biết, hoặc sai người nói cho biết : Ông không nên tham người cung kính, vậy đáng lẽ phải ngồi sau, lại nhảy xen đến ngồi trước, làm cho các Tỳ Kheo không dám ngồi, hoặc có vị chưa đến cho vị ngồi ngang trải tọa cụ ngồi.

Nếu thí chủ cho vị Thượng Tọa trái cây, thì phải hỏi rằng : Trái này làm phép tịnh chưa ?... nếu nói chưa làm, thì phải bảo họ làm, nếu nói làm rồi phải hỏi : Đem đến cho ai ?... Nếu nói cho vị Thượng Tọa thì tùy ý ngài dùng, nếu nói cho chúng Tăng, nên dạy đem chia hết cho chúng, cho canh cũng vậy.

Nếu có Tỳ Kheo chưa được đồ ăn, cho ông ngồi gần xin giùm. Nếu không có ông ngồi gần, thì vị Thượng Tọa phải bớt phân nửa phần của mình cho ông kia, không nên được đồ ăn rồi ăn liền, phải xướng rằng : Đồng có hết chưa ?... Vậy sau mới ăn.

Khi ăn không nên quynh cánh chỏ đụng người, không nên khạc nhổ lớn tiếng phải êm đềm mà nhổ bỏ, không nên ăn rồi, làm thinh đi ra, vị Thượng Tọa phải vì nhà thí chủ, chú nguyện nhẫn đến nói một bài. Nếu vị Thượng Tọa nói không hay, thì bảo vị nào nói hay nói thế. Nếu vị Thượng Tọa không nói, và không bảo ông khác nói thế, thì đều phạm Ác tác.

Khi chú nguyện, các Tỳ Kheo không nên đứng dậy trước, phải chờ vị Thượng Tọa cùng bốn ông nữa đợi nhau; hoặc vì việc Tam Bảo, việc thăm bệnh phải thưa cho biết vậy sau mới đi.

Nếu thí chủ muốn nghe pháp, phải tùy cơ mà giảng nói tán thán cái công đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ và công đức của Tam Bảo.

Phụ văn : Nói đồng được hết, cũng như nói đồng cúng hết.

Lặc Già Luận nói : "Khi dâng cơm cho chúng Tăng, vị Thượng Tọa phải nói : – Tất cả đồng cho bình đẳng, kế đó xướng lời Tăng bạt, vậy sau đồng ăn. Nói chữ Tăng bạt ?... Chúng Tăng đồng ăn bình đẳng".

Mục Đắc Ca nói : "Phật dạy thầy Tỳ Kheo, phàm vị ngồi trên tức là vị Thượng Tọa, có ai dâng cơm cúng dường chúng Tăng, dạy để trước chúng Tăng. Dạy một ông cầm dâng cơm và đồ ăn, hoặc trước dâng muối, đối trước Thượng Tọa, phải cúi mình cung kính, vị Thượng Tọa xướng câu : "Tam bát la khư đa" rồi đồng chúng xướng hết, không nên thọ rồi ăn liền, phải biết câu chú ấy có uy lực rất mạnh, nên hễ thọ rồi ăn liền thì sái, phạm tội Ác tác".

Lời chú rằng : "Tam bát la khư đa, dịch là: Chính chí, hoặc thời chí, hoặc thiện chí, hoặc là câu thần chú bí mật thường hay trừ được các chất độc vậy; ý nói đồ cúng trọn nên".

Khi đến giờ ăn, cứ theo chữ nghĩa, hiệp phải như vậy. Nhưng Phật xưa kia, cùng các Đại chúng,

thọ cơm độc của người ngoại đạo. Phật dạy xướng câu chú ấy rồi sau mới ăn, thì thuốc độc trong cơm kia, biến thành đồ ăn ngon, vì thế nên Phật nói câu chú này, chính là câu chú bí mật, thì vị tất là : "thiện chí lành đến" mà thôi ư ?!

Tiếng nói phương Đông và tiếng nói phương Tây, gặp thời nào nói theo thời ấy, đều phân cái chỗ, đến thời xướng như vậy, đã có quyết chắc chữ "Đẳng cúng" chữ "Thực biến" không phải chính dịch.

Câu : Thực bãi tùy ý, cũng không phải Phật nói; xưa nói : Tăng Bạt là lầm vậy. Phật dạy xướng câu Tăng Bạt trước khi ăn nay lại nói sau; chữ Thực biến chẳng phải thật, sái với bản ý Phật. Vị Thượng Tọa chưa khỏi lỗi đó, sai lầm lâu đời, người trí phải xét đúng. Nói chữ "Đại thẩn" hoặc nói chữ "Đạt thẩn" đúng nghĩa nói là thí tụng, có chỗ nói : Pháp trả ơn cho thí chủ, kêu là chữ Đạt thẩn, dìu dắt người làm ruộng phước, cũng gọi là chữ Đạt thẩn tức là vì người thí chủ mà chú nguyện vậy.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng nói : "Đức Thế Tôn khi còn ở đời, lúc thọ thực rồi, ngài chú nguyện nói bài kệ : "Đặc y na giả tha" nghĩa là đem vật thí dâng cúng, còn chữ "Đặc y ni giả" tức là người phải thọ của cúng dường, cho nên Phật chế mỗi khi ăn rồi, cũng phải tụng một câu: "Đà na dà tha", để trả ơn cho thí chủ, bản cựu dịch chữ "Đạt thẩn" là lầm vậy.

Lời tụng nói : "Khi ăn cơm rồi, nguyện cho chúng sinh đức hạnh đầy đủ 10 món lực của đức Phật".

Người đem bố thí, ắt được nhiều lợi ích.
Nếu vì ưa bố thí sau chắc được an vui.

Có thể dịch rằng : Chữ "Đà na" Trung Hoa dịch là Thí; chữ "Dà tha", bản cựu dịch "Dà đà" phải vậy. Phải nói khi ăn cơm, nếu có người hay loài phi nhân, phải thí cho họ cơm, nhẫn đến chừng một nắm.

Đại Luận nói : Trước khi thọ cơm, dâng cúng Tam Bảo, sau thí cho bốn loài : (*Noãn, Thai, Thấp và Hóa*)

Tạp Sự nói : "Phật dạy : phàm khi ăn vì thí cho súc sinh, để một chút cơm, khắp thí cho các loài, bất câu một loài nào, nên để cơm trên lá sạch, lấy nước rưới vào, còn bánh thì bẻ cho nhỏ, rải trên đất, tùy ý sẽ ăn không nên ngăn dứt".

Kinh Niết bàn nói : "Nếu chỗ nào có Tỳ Kheo, khi ăn mà không xuất sinh, đó tức là bà con với ma, chẳng phải đệ tử của Phật".

Ký Quy truyện nói : "Ăn cơm rồi hớp chút nước súc miệng, nuốt luôn chớ đừng nhổ, kế đó lấy một chút nước tráng cái bát, và rửa tay sơ bên hữu, vậy sau mới đứng dậy". Khi muốn đứng dậy, phải lấy tay bên hữu bốc một nắm cơm, cầm đem ra ngoài, không luận là vật của Phật hay của chúng Tăng, Phật dạy khắp thí cho chúng sinh, trước khi chưa ăn, luật dạy không nên thí. Lại nữa, đem một nắm cơm, để lên bàn Tiên linh, hay chỗ thờ các quỷ thần, nên mời cho họ ăn; phải đem cơm đó tới quỳ trước vị Thượng Tọa. Vị Thượng Tọa lấy một chút nước rưới trên cơm, và chú nguyện rằng :

Ta nay vì người tu phước, đầy khắp nhuần
trong quỷ thú.
Ăn rồi hết khổ sở, bỏ báo thân, đồng sinh
Cực lạc.
Được phước báo của Bồ Tát, vô tận như chốn
hư không.
Thí được quả như vậy, tăng trưởng công đức
không thôi ngớt.

Rồi đem ra ngoài, để nơi chỗ khuất, hoặc ở dưới lùm cây hoặc là chỗ dưới ao dưới sông, đem thí cho kẻ Tiên linh. Vậy sau thí chủ trao tăm xỉa răng, và dâng nước sạch, hoặc muối, hoặc nước tháo đậu, để rửa tay súc miệng cho đúng phép.

Khi chúng Tăng từ biệt, có lời hồi hướng rằng : "Chỗ có bao nhiêu phước nghiệp, cũng đều xin tùy hỷ", vậy sau mới tản đi. Đây là cái phép ra về, ở phương Tây một đường đi phó thỉnh; còn phép thọ cúng, rộng như văn sau; đây không chép nhiều.

28) THỌ CANH VỪA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên **xứ đồng như trước**. Phái Lục quần thọ cơm quá nhiều nên không còn chỗ để thọ canh, vì thế Phật liền cấm.

Không phạm là gì ? Bát nhỏ nên đổ cơm trên bàn.

29) CƠM CANH ĐỒNG ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ thiết trai để cúng dường chúng Tăng, chính tay ông đem sớt cơm và đồ ăn cho chúng Tăng, trở vào lấy thêm canh, khi trở ra thì bọn Lục quần đã ăn

hết cơm. Cư sĩ sớt cơm rồi trở vô lấy canh, khi trở ra, bọn Lục quần cũng đã ăn hết canh. Cư sĩ thấy vậy chê cười. Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Không đồng ăn ? Nghĩa là : Canh chưa đến, mà cơm đã hết rồi, hay là cơm chưa đến, mà canh đã hết rồi.

Không phạm là gì ? Hoặc khi chính muốn dùng cơm, không ăn canh; hoặc khi chính muốn dùng canh, mà không ăn cơm; hoặc giờ ngọ sắp qua đợi sợ trễ, hoặc có nạn duyên, phải ăn mau mau rồi đi.

30) DÙNG THỨ LỚP ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. – Có ông Cư sĩ thỉnh chúng Tăng thiết trai cúng dường; bọn Lục quần không chịu theo thứ lớp thọ cơm ăn, cho nên Phật kiết giới cấm.

Ăn không thứ lớp ? Là giữa bát lựa lấy mỗi món mỗi món đồ ăn.

Không phạm là sao ? Hoặc cơm nóng, bươi lấy chỗ nguội, hay giờ ngọ sắp qua v.v...

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : "Không nên trong bát lựa món ăn ngon".

31) CHẲNG ĐƯỢC MOI GIỮA BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ sắm cơm dâng; bọn Lục quần thọ cơm cứ moi giữa bát mà ăn, làm cho ở giữa bát trống lỗng, vì thế Phật kiết giới cấm.

Moi ? Nghĩa là chừa bốn phia hông, moi ngay chính giữa đến đáy bát.

Không phạm là sao ? Hoặc sợ cơm nóng, bươi chính giữa cho nguội, hoặc giờ ngọ sắp qua v.v...

32) NẾU TỲ KHEO KHÔNG BỆNH, CHẲNG ĐƯỢC ĐÒI CƠM CANH CHO MÌNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư Sĩ dâng cơm cho chúng Tăng, chính tay ông sớt đồ ăn. Phái Lục quần vì mình xin cơm ăn, làm như thời đói khát lắm, vì thế nên Phật liền kiết giới cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc có bệnh tự xin cho mình hay là người khác xin cho mình, hoặc mình xin cho người khác.

33) CHẲNG ĐƯỢC LẤY CƠM PHỦ TRÊN CANH MONG ĐƯỢC NỮA, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ dâng canh cho một thầy Tỳ Kheo trong đám Lục quần, nhớ theo thứ lớp, khi ông Cư sĩ vào trong bưng canh ra, ông kia bèn lẻn lại đàng sau, lấy cơm phủ lên canh, ông Cư sĩ liền hỏi... Ông kia làm thinh; Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Không phạm là sao ? Hoặc khi chính cần dùng cơm v.v...

Phụ văn : Luật Nhiếp nói : "Cơm canh không nên lẫn phủ lên nhau, đó là muốn cầu cho nhiều, vì lung lòng tham, nên tính việc ăn uống, chớ không phải có tâm tưởng nhàm lìa đó là phận của người đi xuất gia dầu được dầu ăn phải nhớ thiểu dục là gốc".

34) CHẲNG ĐƯỢC NGÓ TRONG BÁT NGƯỜI NGỒI GẦN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Có ông Cư sĩ sắm cơm chay dâng cho chúng Tăng. Trong bọn Lục quần có một người được phần cơm ít, ngó qua thấy ông ngồi gần được phần nhiều, mới nói ông Cư sĩ có lòng thương riêng, Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Ngó ? Là xem coi ai nhiều ai ít, đó là hiện cái tướng tham, thấy người kia được nhiều, sinh lòng tật đố, nên Phật cấm không cho xem.

Bất phạm là gì ? Hoặc ông ngồi gần tối mắt, thì được coi giùm ông ăn được hay không ăn được, món sạch hay không sạch, món đã thọ hay chưa thọ.

35) PHẢI NHIẾP TÂM TƯỞNG NƠI BÁT ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước. Phái Lục quần thọ cơm canh rồi, xem ngó hai bên, không ngờ ông ngồi gần kia lấy canh giấu đi; Phật vì thế liền kiết giới cấm.

Buộc tưởng trong bát ăn ? Nghĩa là không được xem ngó hai bên, phải nhiếp tâm tưởng mà ăn, tưởng ăn để giúp thân, vì muốn thành đạo nghiệp.

Không phạm là gì ? Ông ngồi gần tối mắt, thọ lãnh giùm, coi món nào sạch, món nào nhơ v.v...

Phụ văn : Lặc Già Luận nói : "Nếu khi ăn mỗi món phải quan sát coi món ăn này từ đâu mà có, từ

trong kho nào mà đem ra, từ đất nào mà sinh; nay đem về nuôi dưỡng thân này, khi cầm muỗng xúc cơm, tưởng là xúc phẩn, phải chính niệm hiện tiền; đừng cho tâm tán loạn mà ăn, và phải tưởng sự ăn là nghịch hóa (*ngược lại như ăn phẩn*), tưởng là nơi đất mà ăn, tưởng là có bệnh mà được ăn v.v..."

Trí Độ Luận nói : "Suy nghĩ ăn cơm đây do người công phu rất nặng nề, kể trong một bát cơm đây, muốn làm ra đổ mồ hôi nhớm đống, tính ra cơm thì ít mà mồ hôi thì nhiều; cơm này làm ra gian nan cực khổ như vậy mà ta nuốt khỏi cổ rồi, tức thành đồ bất tịnh, trải qua cách đêm biến thành nhơ nhớp, trước kia là đồ ngon, mà bây giờ gớm không muốn ngó; người tu phải suy nghĩ món ăn hèn như vậy, ta nếu tham nó, sau này sẽ đọa trong tam đồ, quan sát đồ ăn như vậy, nhàm chán việc ngũ dục"

36) CHẲNG ĐƯỢC VẮT CƠM MIẾNG LỚN ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Phái Lục quần vắt cơm lớn miếng khiến miệng thọ không hết, cho nên Phật kiết giới cấm.

Vắt cơm to ? Là miệng thọ không lọt hết, phải đổ tháo vậy.

Không phạm là gì ? Giờ ngọ sắp qua, và có nạn duyên đến, nên cần phải ăn mau mau v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên vắt cơm cục to, cũng không nên vắt nhỏ quá, cũng đừng ăn giống người dâm nữ và mỗi hai ba hột thôi, phải

ăn vừa miệng. Phàm vị Thượng Tọa phải ăn chậm chậm đặng đợi chúng, không nên ăn mau rồi đứng coi, làm cho mấy ông nhỏ tuổi lật đật ăn không no".

37) CHẲNG ĐƯỢC HẢ MIỆNG LỚN ĐỢI ĂN CƠM, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Hả miệng lớn ?** Nghĩa là cơm chưa đến, mà ngồi hả miệng trước đợi vậy.

Không phạm là gì ? Giờ ngọ sắp qua.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Thầy Tỳ Kheo khi ăn, phải giống phép ăn như con tượng vương ở trên núi Tuyết Sơn, ăn và miếng kia vào miệng rồi, lấy vòi tém miếng sau để sẵn, cơm trước nuốt rồi, và tiếp miếng sau vào miệng. Nếu miệng có ghẻ, được hả miệng trước không tội".

38) KHÔNG ĐƯỢC NGẬM CƠM NÓI CHUYỆN; CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần ngậm cơm nói chuyện, vì thế Phật cấm. Căn cứ theo duyên khởi mà kiết giới, cho nên nói là : Ngậm cơm. Cứ theo nghĩa : Phàm như ngậm tất cả đồ ăn, cũng không nên nói chuyện...

Ngậm cơm nói chuyện ? Nghĩa là cơm còn trong miệng, nói tiếng không rõ ràng, khiến khó hiểu, đó là cái phép của người bạch y hay là của kẻ Bà La Môn, chớ chẳng phải oai nghi của thầy Tỳ Kheo : nên không làm.

Không phạm là gì ? Hoặc mặc nghẹn nói mà xin nước, hoặc bị mạng nạn, vừa ăn vừa lên tiếng...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu khi đương ăn, Nhị sư Thượng Tọa kêu, nuốt chưa hết, có thể làm cho tiếng đừng khác thì dạ. Nếu như không thể được, thì nuốt khỏi cổ rồi sau mới ứng tiếng. Nếu người kia nói trách thì phải đáp rằng : Trong miệng tôi mặc ngậm cơm, vì thế nên không ứng liền được".

Ngũ Phần nói : "Khi đem thêm đồ ăn, thì cho nói dùng mà hay không dùng".

39) CHẲNG ĐƯỢC VẮT CƠM XA THẢY VÀO MIỆNG ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần vắt cơm xa thảy vào miệng ăn, các Cư sĩ chê cười rằng : Nhà sư làm giống như anh thợ huyễn thuật, vì thế nên Phật liền cấm.

Xa thảy ? Nghĩa là hả miệng trước, rồi lấy lọn cơm thảy vào trong miệng.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trói buộc v.v...

40) ĂN CƠM KHÔNG ĐƯỢC RƠI ĐỔ, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần lấy tay cầm cục cơm, cắn phân nửa ăn, vì vậy Phật liền cấm.

Ăn rơi đổ ? Nghĩa là nửa phần cắn trong miệng, còn nửa phần cầm ngoài tay, tức là ăn phân nửa để lại phân nửa.

Không phạm là gì ? Như ăn bánh tráng, ăn cơm cháy, và ăn trái cây, dưa, mía, rau v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu viên cơm lớn, nên lấy tay bẻ phân nửa cho vừa miệng, bánh cũng như vậy".

41) CHẲNG ĐƯỢC ĂN BÚNG MÁ, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần ăn cơm ngốn búng cả má lên, các ông Cư sĩ chê rằng : Nhà sư làm giống y như con khỉ, vì thế nên Phật cấm.

Ăn cơm ngốn búng má ? Nghĩa là cố và cho đầy miệng, cho hai má búng ra, giống in như con khỉ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên ăn cơm trong miệng còn mà và thêm, làm cho hai má búng ra, phải nhai nuốt cho hết rồi hãy và thêm, hoặc còn cơm trong miệng rồi trệu qua một bên, và thêm cái khác, làm cho hai má búng ra, phải nhai nuốt cho hết đó".

42) CHẲNG ĐƯỢC ĂN CƠM NHAI CÓ TIẾNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Nhai ?** Là nhai ăn vậy.

Không phạm là gì ? Như ăn cơm khô hay là nhai cơm cháy, và trái cây v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không nên nhai cơm có tiếng nghe lạp xạp, không nên ăn cơm nuốt trộng, nghe tiếng ọt ọt, nếu cuống họng đau, thì không tội".

Thập Tụng nói : "Húp cháo không được nghe tiếng, ăn cọng ngó v.v... cũng đừng nhai khua tiếng".

43) CHẲNG ĐƯỢC ĂN CƠM LUA HÚP LỚN TIẾNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ hớp cũng đồng nghĩa với chữ húp : – Nghĩa là dùng hơi thở ra, dùng hơi húp vào,

là để dẫn cơm vào trong miệng vậy. **Hớp cơm ăn :** Nghĩa là hả miệng xa hớp lấy cơm kia mà ăn.

Không phạm là gì ? Hoặc miệng đau, hoặc ăn cháo, canh, sữa v.v...

44) CHẲNG ĐƯỢC LE LƯỠI LIẾM THỨC ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Le lưỡi liếm ? Là le dài lưỡi ra, dùng lưỡi liếm cơm ăn, hoặc lưỡi tém hai bên môi ăn vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc bị trói, hoặc tay dính bùn nhơ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Không được le lưỡi liếm tay ăn, hoặc sữa, dầu, mật đường phèn dính tay, thì đem tới bát cạo để một chỗ, vậy sau mới lấy ăn, không được mút ngón tay ăn, nếu mật, muối, dính đầu ngón tay, được mút không tội".

45) CHẲNG ĐƯỢC RẢY TAY KHI ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Rảy là gì ? Là bốc rảy vậy.

Không phạm là gì ? Hoặc trong cơm có cỏ, có trùng, hoặc tay nhơ, muốn rảy bỏ hoặc còn tay chưa bốc cơm, để riêng một tay, mà tay dấy nhơ muốn rảy bỏ.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu khi rảy tay, không được rảy chỗ vị ngồi ngang, nếu cơm dính tay, phải rảy tới trước chỗ mình ngồi, hoặc là gợt (*giũ*) trong bát của mình".

46) CHẲNG ĐƯỢC BỐC CƠM RƠI MÀ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Lượm cơm đổ ăn ? Tức là cơm đổ tháo dưới vậy. – Không phạm, cũng giải đồng như giới trước.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Khi thọ cơm đừng cho có một hột rớt xuống đất; nếu kẻ tịnh nhân khi sớt cơm vào bát rủi rớt xuống đất, thì không phạm, khi và cơm vào miệng, đừng cho rớt xuống đất, rủi rớt thì không tội, nếu khi ăn trái cây và mía, vỏ hay là xác, không nên bỏ lung tung dưới đất, phải nhóm đống bên chân".

Thập Tụng Luận nói : "Cơm rớt bị mắc trên cỏ hay trên lá cây, thì nên lượm ăn, nếu có dính đất, thổi phủi cho sạch rồi ăn, nếu có dính đất nhiều, thì lấy nước rửa rồi ăn".

47) CHẲNG ĐƯỢC TAY DƠ BƯNG BÁT ĐỒ ĂN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Tay dơ ? Nghĩa là có dính mồ hôi làm nhơ đồ ăn, và làm dơ hết cả chỗ bị dính, phàm khi ăn uống, phải rửa tay cho sạch, rồi mới cầm đến đồ ăn uống.

Không phạm là gì ? Cơm mắc trên cỏ và trên lá, phải rửa tay mà lượm đó.

Phụ văn : Ngũ Phần nói : "Không nên co ngón tay lại bưng bát cơm ăn; không nên ngửi cơm ăn; không nên vừa quở trách vừa ăn".

48) CHẲNG ĐƯỢC NƯỚC TRÁNG BÁT ĐỔ TRONG NHÀ BẠCH Y, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bọn Lục quần ăn cơm rồi, rửa bát, đổ nước nhơ và cơm dư bậy bạ dưới đất, trong nhà người thế gian, vì thế nên Phật liền cấm.

Nước rửa bát ? Là nước hơi có lộn cơm vậy.

Không phạm là ? Hoặc rửa mâm rồi bưng nước đem đổ ở ngoài.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Khi ăn phải cân với cái bụng mà lấy, không nên thọ nhiều; nếu có kẻ tịnh nhân dâng cho nhiều, thì khi chưa ăn, phải sớt bớt cho vị ngồi gần, nếu vị ngồi gần không thọ, thì đem cho ông Sa Di hay là cho người giữ vườn. Nếu khi rửa bát, không nên để cho một hột cơm rớt xuống đất, nếu có thì phải nhóm để trên cây hay lá, nếu hột nhỏ quá, hoặc cháo không thể nhóm được thì không phạm".

Thập Tụng Luật nói : "Phải hỏi người chủ rồi đổ bỏ thì không phạm".

Ngũ Phần Luật nói : "Có các nhà bạch y làm nhà mới, muốn được nước trong bát Tỳ Kheo, để rưới đất cho có phước, Phật cho dùng nước trong bát không cơm, rưới đất".

Căn Bản Luật nói : "Hoặc có người đến xin bát nước, phải rửa bát cho sạch, múc nước cho trong, tụng bài kệ Dà đà ba biến, rồi trao cho người kia, hoặc rửa hoặc uống, hay trừ được muôn bệnh. Lại nói : Không được lấy cơm dư để trong bát nước. Có

chỗ dịch rằng : Bài kệ Dà đà, là chính Phật ngài nói, như trong các chỗ khác có chép".

49) CHẲNG ĐƯỢC ĐẠI TIỂU HỈ KHẠC TRÊN CỎ SỐNG . TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ sống, Phật vì đó liền cấm. Bấy giờ Tỳ Kheo có bệnh lánh đám cỏ sống rất mệt nhọc. Nên đức Phật kết thêm câu : Trừ ông có bệnh không phạm.

Không phạm là ? Đại tiểu tiện trên chỗ không cỏ, chảy mắc vào trên cỏ, hoặc là bị gió thổi, hoặc bị chim tha, mà rớt trên đám cỏ xanh. Nếu cô Tỳ Kheo Ni đại tiểu tiện, và khạc nhổ trên cỏ xanh, thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu tháng mùa hạ cỏ xanh mọc khắp không chừa chỗ nào trống, phải đi theo đường của con lạc đà, con trâu, con ngựa v.v... Hoặc trên ngói gạch và đá, trên lá cỏ khô mà đi, nếu không thứ lớp như trước, thì phải lấy miếng cây hứng, cho phẩn trước rớt trên miếng cây, vậy sau rồi mới cho rớt xuống đất, nếu đại tiểu tiện và khạc nhổ lỡ dấy tay chân, cho chùi trên cỏ xanh".

Luật Nhiếp nói : "Nếu chỗ bụi chông gai thì không phạm, nếu đi trong rừng lớn, nhánh lá che rậm, nên tránh khỏi đường người ta đi, nếu đi trong đất cỏ xanh, không có chỗ trống nên hốt lá cỏ khô trải rồi tiêu trên đó, nếu không thể được, thì không phạm".

50) CHẲNG ĐƯỢC ĐẠI TIỂU TIỆN VÀ HỈ KHẠC TRONG NƯỚC SẠCH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Duyên xứ đồng như trước.

Không phạm là ? Hoặc đại tiểu tiện trên bờ, trôi rớt xuống nước, và gió thổi chim tha v.v...

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Hoặc khi mưa, nước dâng tràn ngập phải tiêu ở trên gò đất cao, hoặc trên ngói, trên đá, hay là trên bè, trước cho rớt trên cây, rồi mới cho rớt trong nước, nếu đại tiểu tiện dính nhơ tay chân thì được rửa trong nước, nếu khi lội trong nước tắm, không nên khạc nhổ trong nước, nếu bờ xa thì khạc nhổ trong bàn tay vậy sau rồi mới bỏ dưới nước".

Thiện Kiến Luật nói : "Nếu nước đó người ta không dùng, hoặc nước biển thì không phạm; nhằm nước người ta cần dùng, nhưng vắng xa, không người dùng thì không tội".

Luật Nhiếp nói : "Phàm khi khạc nhổ, đừng khạc nhổ lớn tiếng, cũng không nên thường khạc nhổ hoài, nếu có tính ưa khạc nhổ phải tới chỗ khuất.

Phật nói : "Cho làm nhà xí, phải làm chỗ chỗ chúng đông, lấy vật ngăn che; nếu sợ người già bệnh đi té cho làm lan can hai bên tay vịn, phải riêng làm chỗ tiểu tiện, đào đất làm hầm dưới lót ngói đá, đem hũ đặt lên trên, khai đít hũ cho lọt xuống hai bên hầm lót cây. hơi có bay lên hôi, cho làm nắp đậy".

Căn Bản Luật nói : "Nên làm cầu xí sau chùa, về góc Tây Bắc, ngoài để guốc cây, khi vào phải mang; có hôi phải rửa cạo cho sạch; trên cầu để sẵn đất lá v.v... đừng cho tổn hại loài trùng bay; khi rửa nhà xí lấy chổi chà, không nên dùng bằng tay".

Tăng Kỳ Luật nói : "Nhà xí không nên làm hướng Đông, hướng Bắc, phải hướng Tây, hướng Nam, khai thông đường gió; phép làm : hoặc khai hầm, hoặc làm bên bờ cao, hoặc làm ở trên bờ, mà dưới đáy có nước chảy. Chặng giữa phải để cây cho tiêu rớt trên cây, rồi sau mới xuống nước, phải làm hai ba lỗ, lỗ rộng một cánh tay, bề dài một cánh chỏ rưỡi".

Ngũ Phần Luật nói : "Nhà xí có đầy phải trừ bỏ, nếu có sinh trùng, phải làm hầm để đó, nếu chưa sinh trùng, lấy bột men để trong lỗ cầu xí thì trùng không sinh. Có chỗ dịch : Bên nước Tây quốc cửa chùa xây về hướng Đông, vì thế nên không cho làm nhà xí ở hướng Đông".

51) CHẲNG ĐƯỢC ĐỨNG ĐẠI TIỂU TIỆN, TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại vườn ông Cấp Cô Độc. Bọn Lục quần đứng đại tiểu tiện, các ông Cư sĩ chê rằng : Giống như trâu, như ngựa, heo, dê v.v... Phật nhân đó liền kiết giới cấm.

Nguyên trước kia trong nước Ngũ Thiên Ấn Độ, người đi tiểu tiện đều ngồi chồm hổm, sau Phật giáo truyền đến nước Phiên, nước Hồ, cùng các nước khác, cũng nhiều chỗ, làm theo nước Ấn Độ, còn chỉ

có cõi Đông hạ phương hướng không đồng, sự không nhất định. Đứng thì có phần nhiều, còn ngồi thì phần ít. Nếu chẳng phải chỗ ngồi mà ngồi đó, thì họ cho là đàn bà; dầu chỗ đáng đứng mà đứng, thì thấy đó cũng không quấy gì, hai cách này làm sao giữ gìn ?

Cứ chuẩn theo lời lược giáo thì là "mở" "đóng". Đứng hay ngồi như trong Căn Bản Yết Ma nói : Khi Phật sắp nhập Niết bàn có lời phú chúc các Tỳ Kheo rằng :

Ta trước vì các ông, đã rộng mở mang đầy các Pháp luật mà chưa lược nói, các ông bây giờ phải nghe lời lược giáo : Thoảng như có việc nào Ta từ trước đến nay, không cho mà cũng không cấm. Hoặc đối với việc ấy, thuận theo thế tục mà không thanh tịnh, hay là thuận theo thế tục mà trái phép thanh tịnh; đó là không thanh tịnh, thì không nên làm. Còn việc nào thuận theo thế tục mà thanh tịnh, trái phép thế tục mà không thanh tịnh, việc ấy tức là thanh tịnh, cần phải làm. Có lời hỏi rằng : Ý gì đức Thế Tôn khi sắp viên tịch, nói lời lược giáo đó ?... Đáp rằng : Đức Đại sư tịch diệt rồi, nhẫn đến lời Thánh giáo chưa diệt sắp về sau, đừng cho kẻ ngoại đạo, dấy lời chê bai đó, đức Thế Tôn là bậc nhất thế trí, trong đời có việc gì "không mở không đóng", các ông đệ tử, muốn tu làm sao cho đúng pháp; vì ngăn nạn đó, xa xét ra đến đời vị lai, biết việc đó có ích, nên Phật mới chế ra.

Lại nữa, Phật muốn các đệ tử đối với các việc khỏi bị ngăn ngại, trụ ở trong chỗ an vui, cho nên

phải nói. Đúng như lời đức Thế Tôn nói. Nếu việc đó thuận đời mà không thanh tịnh hay việc đó trái đời mà thanh tịnh; có việc thuận đời mà thanh tịnh; có việc trái đời mà không thanh tịnh; nên làm hay không nên làm đó; không xét lời này thì có ý nghĩa gì khác ?

Đáp rằng : Nếu có sự vật chi, Phật trước không cho, mà cũng không cấm, đời nay làm mà thế tục cho chê báng, thì đó là không thanh tịnh, tức không nên làm, vì sao ? ... Luận theo như bên Tây Thiên Trúc, kẻ sang người hèn ở trong đời đều ăn trầu cau và vôi trắng với thuốc thơm xen nhau làm cho ngon; quý thầy Tỳ Kheo ở cõi này, có bệnh được nhai cho đừng hôi miệng, hoặc thầy thuốc bảo ăn đó không lỗi; nếu muốn nhuộm miệng cho đỏ môi, thì thật không nên. Hoặc như lấy đất nhuộm y cũng là từ trước đến nay không ngăn không cho. Đời nay có nhuộm mặc dùng, đồng như y của ngoại đạo, bị thế gian chê nói thế thì phải ngăn, lý không nên dùng (*đất Đông hạ y vàng, sự đồng như đây*). Lại như có việc cũng không ngăn không cho, đời nay họ dùng, người không chê bai, dùng đó không lỗi. Tức như dây lưng Phật nói có ba món. Còn bao nhiêu không cho, cũng không cấm; ngoài các thứ dây đó, khi dùng buộc lưng, người không hiểu chê ấy, cũng không lỗi, đều là thanh tịnh; lại nữa, như Phật nói ba món, nên dùng để rửa tay : 1.- Là đất muối lồi. 2.- Là phẩn trâu khô. 3.- Là nước tháo đậu. Đó là Phật mở cho. Như các loại hoa cây Dạ hiệp, cây Mộc hoạn, cây Tạo giáp, những loại đó đều tắm gội được. Phật đã không ngăn, không cho, không độc, không

trùng, dùng đó không lỗi, các loại như đây suy xét nên làm.

Lời chú nói : "Phật chỉ cho dùng muỗng, vốn không nói đũa, đời nay dùng đũa là lời lược giáo mở cho. Còn trên giảng đường lót giường cao để ngồi ăn quả đường, đó là không phải lời lược giáo mở cho. Nhưng việc đó làm đã lâu, bởi vậy nên khó nói".

Nay không đứng tiểu tiện là Phật đã cấm, song ở đời nay làm đó, người tục họ chê nói; tuy là Phật không cho, nhưng mà thuận theo đời theo xứ, giữ theo thì sợ người tục chê cười, tưởng cũng trái ý Phật, nhưng ai là người trì giới, phải suy xét cho kỹ; xin chớ vội nghe lời nói này, bèn phạm các chỗ quyết cấm, rồi quấy hiệp với lời Phật khai; tức là không cấm mà cấm, việc đáng cấm mà khai đó là cái tội bỏ lời Phật dạy; tội ấy ai mà thay thế cho ư ! Lược giải lời bản văn rồi. – Còn việc tiện lợi, nay phải giải rõ ra; Phật nói : – Khi mắc đại tiểu tiện không nên nín lâu, khi đi phải cầm cỏ chùi (*hoặc giấy*). Nếu người đi trước thì nên đi trước, đến góc nhà xí, phải cởi y máng trên sào tre, máng trên nọc, trên cây, trên đá. Đến ngoài cửa nhà xí, phải khảy móng tay, hoặc tằng hắng cho người và phi nhân biết. Tay cầm cái khậu cho chắc đừng cho đụng hai bên cầu xí, nên đứng hai gót cho vững.

Trước phải coi nếu có rắn và trùng, thì đuổi nó đi ra, không nên chưa ngồi mà trịch khậu, phải ngồi xong lần vén áo; ngồi rồi phải xem, đừng cho tới lui hay gần hai bên vách, làm cho đại tiểu tiện và khạc nhổ dấy dơ hố xí, không nên cao tiếng la to. Cỏ chùi

dài lắm chừng một gang, ngắn lắm chừng bốn ngón, cỏ chùi rồi, cỏ chưa chùi nên để riêng. Tiện xong sẽ đứng lên lần thả áo xuống đến chỗ rửa, khảy móng tay cho người và phi nhân biết. Trước phải xem coi trùng độc, lần trịch cái khậu ngồi xuống, không nên rửa tay trong khạp nước, khi rửa đừng cho có tiếng, rửa rồi phải lấy tay, hoặc lá vải rách, chùi cho nước trên thân khô; phải lấy các lồi, hoặc tro, hoặc bùn, hoặc phẩn trâu, hoặc đất sét hoặc nước tháo đậu, rửa tay lại, rửa rồi phải lần thả khậu xuống đứng dậy, hễ thấy trên nhà xí có đồ bất tịnh, phải quét bỏ.

Phụ văn : Tạp sự Luận nói : "Khi đi vào nhà xí phải cầm một miếng thẻ và ba cục đất, thẻ dùng để chùi trước, một cục tẩy tịnh, một cục rửa chỗ tiểu tiện, một cục đất để rửa tay tả (*bấy giờ có xà bông khỏi cần đất*).

Mẫu kinh nói : Phải dùng hai ngón tay rửa đó tức là dùng ngón tay vô danh và ngón út vậy.

Ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, y trong Nhất Thiết Hữu bộ, mà soạn ra pháp tiện lợi; nói các việc tiện lợi, lược ra các thức, dưới mặc cái quần tẩy dục, trên mặc cái áo Tăng kỳ chi. Kế đó là cái xúc bình thêm nước cho đầy, cầm theo vô nhà xí, đóng cửa cho khuất mình, đất phải 14 cục, để ngoài nhà xí trên ngói đá, hoặc trên miếng ván mà để đó bóp nát như bột, phân làm hai chỗ, mỗi chỗ mỗi đống, để lại một cục, lại vò ba hoàn đem vô nhà xi (*để ở bên một hoàn chùi thể, một hoàn rửa thân*).

Pháp rửa thân, phải lấy tay tả, trước múc nước rửa, sau rồi thêm đất sạch, còn dư một hoàn, chùi sơ một lần, rửa tay tả, hoặc có miếng thẻ cầm vô cũng tốt, nếu thẻ dùng rồi bỏ, phải quăng ngoài nhà xí nên lấy giấy cũ, được bỏ trong lỗ xí đã tẩy tịnh rồi, tay hữu kéo cái khậu lên, cái bình để một bên, tay hữu mở cửa, tay tả cầm bình ra, hoặc cánh tay tả ôm cái bình, bàn tay tả nắm đó, nên dùng tay hữu khép cửa mà đi. Tới chỗ để đất kia, ngồi chồm hổm một bên, hoặc dùng vật ngồi tùy theo thời, lượng theo chỗ, để bình trên bắp vế bên tả, nên lấy cánh tay bên tả, phía sau vách đè đó, hoặc có cây chảng ba, để ở trên thì rất hay. Trước dùng bảy cục đất gần thân, bóp nát và riêng rửa tay tả, sau dùng bảy cục đất dư, mỗi mỗi hai tay đều rửa sạch, còn trên ngói trên cây phải rửa sạch, còn dư một hoàn đem rửa cái bình, kế đó rửa cánh tay và chân, đều cho trong sạch, vậy sau mặc tình đi.

Nước trong bình này, không nên rót vào trong miệng, trở vào trong phòng lấy nước sạch, súc miệng ba lần, hoặc có việc xảy đến rủi đụng bình này, lại phải rửa tay súc miệng, mới được cầm vật khác. Đấy là phép tắc đi đại tiện kể sơ như thế. Còn tiểu tiện thì hai ba cục đất, nên dùng rửa tay và rửa cái sinh chi, đây tức là trong sạch thứ nhất, hoặc kính giới luật; hoặc người cho đó là việc nhỏ, nên trong luật giáo có lời quở to.

Nếu không rửa sạch sẽ thì không nên ngồi giường của chúng Tăng, cũng không nên lễ Tam Bảo, hễ tu hành thi phải giữ luật phước mới sinh,

không làm thì trái lời Di giáo mắc tội. Pháp này đất Đông Hạ không truyền ra đã lâu, nhưng dù cho có rao bày, họ lại sinh tâm chê cười, họ cho lý Đại thừa trống rỗng, cái gì tịnh, cái gì uế, họ chỉ trong bụng là hoàn mãn, rửa bên ngoài ích chi, đâu biết mình khinh lời Phật dạy, giả dối Thánh tâm, mà thọ mỗi lạy mỗi lạy đều phạm tội lỗi, còn mặc áo cơm thì vị thiên thần đều quở trách. Nếu không rửa sạch sẽ, cõi Ngũ thiên đồng cười, dầu đi đến đâu, cũng bị người chê, mình là người nối thạnh dòng Phật hoằng truyền chính pháp, đã nhận mình là người nhàm đời xuất tục, bỏ nhà vui chốn núi non, tức phải ân cần vâng lời Thích phụ, đâu nên ngó lơ Tạng Tỳ Ni. Bằng như không tin xin y pháp này rửa, trong năm sáu ngày thì biết tội lỗi không rửa ra sao...!

Nhưng tháng mùa Đông trời lạnh, phải rửa bằng nước nóng, khi mình đi ra ngoài có việc thì tùy ý; còn ở trong Tăng phường, thì phải rửa sạch nhà xí. Nếu mình không sức lực giáo hóa, giúp cho mười phương Tăng, lý chung cả phàm thánh, tùy các việc nó không hao phí nhiều, mà nó rất là thiết yếu vậy; thật là tịnh nghiệp cõi Phật, vốn không phải là việc luống vậy, lẽ thì phải chứa đất cục lớn cho nhiều, để một bên nhà xí, nhưng vì trong đại chúng không có phòng riêng chứa được, bằng không có hũ nước rửa, cho dùng các cái bát bằng đất đựng nước đem vào để một bên, tay hữu xối rửa cũng không hại, cầu bắt ở dưới lỗ xí thì nhiều không thể ở đó mà tẩy tịnh, thì phải riêng làm chỗ tẩy khác, rồi khai đường nước chảy ra, đó là tốt.

Tạp Sự Luận nói : Phật dạy các Tỳ Kheo, các ông phải biết, đây là cái việc thường làm, hằng phải để ý, rửa sạch như vậy có nhiều lợi ích lớn, nay giới thân được trong sạch, chư Thiên kính thờ, cho nên các ông từ nay sắp về sau, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nương theo ta, muốn ta làm thầy đều phải tẩy tịnh, nếu không tẩy tịnh như thế thì không nên lễ Phật tụng kinh, mình cũng không nên lễ người, mà cũng không nên thọ người khác lễ; cũng không nên ăn uống của đàn việt, cũng không nên ngồi giường của chúng Tăng, cũng không nên nhập chúng, do vì thân không sạch, vì giữ không đúng pháp nên chư Thiên mắt không muốn ngó, dầu có trì chú tụng kinh, đều không linh nghiệm !!!

Nếu có phạm thì mắc tội Ác tác, nếu có làm việc trai cúng hay tạo kinh tạo tượng, không tẩy tịnh, thì do vì khinh mạn, được phước rất ít. Các ông phải y lời ta dạy, không nên tự dối làm phép bất tịnh, biếng nhác buông lung, làm cái hạnh hạ phẩm, ắt đọa trong ba đường ác.

Khi đó các Tỳ Kheo nghe lời Phật dạy; đều hoan hỷ như pháp vâng làm.

52) CHẲNG ĐƯỢC NÓI PHÁP CHO NGƯỜI LẬT TRÁI Y, KHÔNG CUNG KÍNH NGHE : TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ. Phái Lục quần nói pháp cho người lật trái y, không cung kính nghe, vì thế Phật liền kiết giới cấm.

Chính nói văn đây dễ hiểu biết, nên không giải thêm.

Không phạm là sao ? Hoặc người có bệnh, hoặc là vua hay quan đại thần bảo, tuy rằng vua quan càng thêm trọng pháp. Nếu sinh tâm khinh dễ thì mưa pháp không thấm nhuần, dầu có nghe cũng không ích chi, vì pháp quên mình, đời thượng cổ ai ai cũng thế, huống nữa trên hội Linh Sơn, Phật đều phú chúc, nên cần phải tôn kính; ông Pháp sư vì pháp tự trọng, dạy người tôn kính như mình, nếu đây không tôn kính, hai bên đều mất lợi; nhược bằng quyền tiến dẫn bẻ dẹp rồi, thời tùy cơ cho hợp pháp, sự không nhất định, chẳng phải lấy một việc làm hoài đều mắc tội mạn pháp.

Nên trong Thập Tụng Luận nói, cũng đều không cho vì người mạn pháp mà nói. Về sau các giới, cứ theo giới này nên biết.

Thập Tụng Luận nói : "Pháp thường của chư Phật, chúng sinh không nhất tâm, thì không vì họ mà nói pháp".

53) CHẲNG ĐƯỢC NÓI PHÁP CHO NGƯỜI Y QUẤN CỔ NGHE, TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Y quấn cổ, thì hình dạng không chính, rõ chẳng phải người có tâm cung kính, nên không vì họ mà nói pháp.

54) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI CHE ĐẦU MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Che đầu ?** Nghĩa là lấy y và các vật che đầu vậy.

55) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI BỊT ĐẦU NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ "lã" : Nghĩa là bao trùm đầu, hay là vấn trùm đầu. với nghĩa chữ "phú" : là che, không đồng

56) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI CHỐNG NẠNH MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Hoặc hai tay chống nạnh, hoặc một tay chống, không nên vì họ mà nói pháp.

57) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI MANG GIÀY DA MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bên Tây quốc, để đầu trần, đi chân không là phép cung kính; cõi này đội mão mang giày nghiêm chỉnh cho là kính (*cung kính*); song cách lễ không nhất định, tùy theo mỗi nước mà làm thì phải phép và thành kính, hoặc là mang giày không sạch, đều phải lột để ở ngoài; các nghĩa mở hay đóng, chuẩn theo lời Lược giáo của Phật trong kinh Đại Niết bàn nên nhớ.

Phụ văn : Ngũ Phần Luật nói : "Nếu nhiều người mang giày, không thể cởi được; chỉ nhân người đi chân không mà ta vì đó thuyết pháp, thì không phạm".

58) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI MANG GUỐC MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giày làm bằng cỏ kêu là Phỉ, giày làm bằng da kêu là Lý, giày làm bằng gai kêu là Cước, guốc làm bằng cây kêu là Kịch, cũng có thứ guốc làm bằng lụa, bên Tây quốc có guốc làm bằng

vàng, bạc, bằng các thứ báu. Đúng theo nghĩa thì dù có mang thứ guốc gì đi nữa, cũng không nên vì họ mà nói pháp, nếu như tùy cơ mà quyền nhiếp dúng như giới trước nên biết.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu Tỳ Kheo vì Pháp, vì việc chúng Tăng, đến đền vua, hoặc đến chỗ ông chủ đất; ông kia nói : Bạch ngài, xin ngài vì tôi, nói pháp cho tôi nghe thì không nên bảo họ lột guốc, sợ họ sinh tâm nghi kỵ; nếu bên đó có kẻ tịnh nhân ta phải dấy ý vì nói cho tịnh nhân nghe, nhân đó vua nghe, thì không tội".

59) KHÔNG NÊN VÌ NGƯỜI ĐI XE KIỆU MÀ NÓI PHÁP CHO NGHE; TRỪ CÓ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Nghĩa là xe voi, xe ngựa, xe trâu, các thứ xe v.v...

60) KHÔNG NÊN NGỦ NGHỈ TRONG THÁP PHẬT, TRỪ GIỮ GÌN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự trong rừng Kỳ Hoàn, phái Lục quần ngủ nghỉ trong tháp Phật, vì thế nên Phật cấm.

Không phạm là ? Vì giữ gìn, hoặc bị người ta bắt và mạng nạn v.v...

Xét chữ Tháp, chính tiếng Phạm đã sai lược vậy. Bản cựu dịch là : Tháp bà, cũng nói : Phù đồ. Bản tân nói : Tột đổ ba, lại nói : Chế để, biệt hiệu : Chi đề. Đây dịch là : Tụ tướng : – Nghĩa là đức Như Lai các đức tướng đều nhóm ở đó, trời người đều chiêm ngưỡng, tức là chỗ thờ Xá lợi của Phật, hoặc

là chỗ để thuyết pháp, chỗ để kinh hành ở trong đó, có dựng lập tòa Phù đồ, tuy không có xá lợi cũng gọi là tháp Phật.

Nay trong giới này nói tháp Phật, riêng chẳng phải tháp của Bồ Tát, tháp của Bích Chi, hay là tháp của Thanh Văn; dầu chẳng phải tháp của Phật, đều phải kính ngưỡng, không nên ngủ nghỉ, các việc trong đó; song, luật Phật chế tháp, riêng khác không đồng, nếu y như trong kinh Thập nhị nhân duyên thì tháp Phật, cái lộ bàn 8 từng, còn của Bồ Tát thì 7 từng, của Bích Chi thì 6 từng, của La Hán thì 5 từng, của A Na Hàm thì 4 từng, của Tư Đà Hàm thì 3 từng, của Tu Đà Hoàn thì 2 từng, của vị Luân vương thì một từng. Từ 8 lộ bàn sắp lên, đều là tháp của Phật. Còn vị phàm Tăng, thì chỉ làm tháp tiêu diệp, tháp hỏa châu mà thôi: vị chuyển luân vương tuy là một từng, thầy Tỳ Kheo gặp tháp (*Luân vương*), không nên làm lễ, vì chẳng phải là tháp của Phật vậy.

Vị phàm Tăng tùy theo thứ lớp (*giới lạp*) phải làm lễ, căn cứ theo kinh Niết bàn, thì tháp của Phật cao 13 từng, trên đảnh có cái luân tướng các thứ báu để trau dồi; vị Bích Chi thì 11 từng; vị La Hán thì 4 từng cũng cho lấy các thứ báu trau dồi, vị Luân vương tuy cũng lấy các món báu làm thành, nhưng không có từng cấp, vì chưa khỏi các món khổ trong ba cõi.

Căn Bản bộ : "Cùng với bản này : đại khái đồng nhau, hoặc làm tháp vuông, hoặc làm tròn, hoặc làm bát giác, cũng đều tùy ý".

Phụ văn : Tạp Sự Luận nói : "Làm nền hai cấp, kế đó đặt cái thân tháp, trên để cái bát, úp tùy ý cao thấp; đặt để đầu bằng, cao một hai thước, vuông chừng hai ba thước, cứ theo cỡ thì lớn, nhỏ, vừa; trong đó để cái luân can, kế đó để cái luân tướng, luân tướng kia mấy từng ? – Hoặc 1, 2, 3, 4 từng nhẫn đến 13 từng, kế đó để cái bình báu. Nếu vì đức Như Lai làm thì cần phải đúng như trước, đầy đủ mà làm, nếu làm tháp cho vị Độc giác thì đừng để bình báu".

Nếu tháp vị A La Hán, cái luân tướng 4 từng; vị A Na Hàm cái luân tướng 3 từng, vị Tư Đà Hàm cái luân tướng 2 từng, quả Dự Lưu cái luân tướng 1 từng, còn thầy Tỳ Kheo thuần thiện dị sinh (*chết*), nhưng chỉ được cái tháp đầu bằng, không có tướng luân cái, gọi là tháp Chế để bằng đầu. Phàm thấy các hình ảnh Như Lai chốn Hương điện, chốn Phiên can, và chốn Chế để đều phải tụng lời Dà Đà, vậy sau mới bước chân vào, nếu không như vậy, thì phạm tội Diệt Tỳ Ni.

61) KHÔNG NÊN GIẤU CỦA CẢI TRONG THÁP PHẬT, TRỪ ĐỂ CHO CHẮC, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Của cải ? – Nghĩa là các vật để cúng dường tháp và hình tượng, hoặc vật của Tăng kỳ.

Không phạm là ? Vì để cho chắc chắn, hoặc bị kẻ dữ giựt cướp nên giấu đỡ trong tháp v.v...

62) KHÔNG NÊN MANG GIÀY DA VÀO THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giày da ? – Tức là giày làm bằng da. Đây là cứ theo duyên khởi mà Phật chế giới,

chuẩn theo nghĩa thì phàm chân mang các vật, đều không nên vào trong tháp Phật.

Không phạm là ? – Hoặc bị bắt buộc vào trong tháp cho vì hộ thân, hộ y, hộ tọa cụ vậy. Ở trong chùa mang giày da một lớp có lủng rách, cho lấy vỏ cây, hoặc da, và đó; phải dùng dây, hoặc dùng lông, da gân, làm dây mà vá đó, hoặc chốn biên quốc, dùng da làm ngọa cụ, thì cho chứa và chỗ nhiều ngói đá, sỏi, sạn thì cho mang giày da hai lớp, được da chưa thuộc, cho thuộc mềm, cho sắm : dao, nạo, dùi, ván, đá v.v... Không nên mặc y mới ngồi trên giày da, cũng không nên ngồi trên da.

Nếu chốn biên phương, nước A Bàn Đề thì cho (*theo phong tục nước ấy*). Không cho một tay cầm giày và bát, tất cả da lớn không nên chứa, nghĩa là da sư tử, da cọp, da beo, da rái, da chồn, da cáo, da đen v.v.. Không nên ngồi giường cao rộng lớn, giường ngà voi và trải da ngựa, voi, mền, nệm, chiếu bông, khảm, lông vượn, làm áo nệm; nếu ở nhà bạch y, không trải giường riêng, trừ giường báu, các thứ cho ngồi. Không nên xin da tươi, cho mang phao nổi, đi ghe bằng da qua sông, không nên sắm giày da bao gót, giày lộc giác, giày triền giác, giày tượng mạo an biên, giày da nhiều da màu, giày quyên bố, giày đới thiên biến, giày xanh, đỏ, trắng, vàng, giày màu gấm, giày mao trữ, giày kiếp bối trữ, và tất cả thứ giày kết bằng cỏ.

Nếu con mắt hư, cho mang giày da bao gót, bịt ngón, vì để hộ thân, hộ tọa cụ vậy, ở trong chùa cho mang giày cỏ, cho sắm giày hoại sắc, không nên

sắm guốc lông, guốc bằng báu, tất cả guốc da. Khi đại tiểu tiện, rửa chân rồi, cho mang guốc. Ở trước vị Hòa Thượng v.v... ở trước vị A Xà Lê v.v... phải đắp y bày vai bên hữu, lột giày để thủ phép, trừ khi ở nhà bạch y, khi đi đường, và sợ đêm hôm đạp nhằm trùng độc cho mang. Được đi xe kéo, không da cho thọ, nếu già bệnh, cho đi kiệu, hoặc xe kéo, người giúp việc, người cận sự nam ông Sa Di, cho khiên kéo, cho lấy da làm dây gánh nước, và dây buộc cửa; không nên lấy da làm túi đựng bát, túi đựng giày, túi đựng kim chỉ, làm mão, làm dây buộc lưng, dây buộc áo, tất cả da không sạch đáng ghê và đồ đựng bằng da, không nên sắm. Có nước khi tuyết lạnh cho mang hia ngắn (*giày ống và bí tất*) ở trong phòng phải rưới quét, còn có bụi nữa, cho làm tấm phủ đất, không nên làm bằng da, nên rửa chân cho khô ráo, mới đứng lên tấm phủ đất.

63) KHÔNG NÊN XÁCH DÉP DA VÀO THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước đã không cho mang vào, phái Lục quần lại xách vào, vì thế nên Phật cấm luôn. Giày da đó chính là : Cái vật thường dày đạp đất nhơ, vì thế Phật cấm không cho xách vào trong tháp vậy.

64) KHÔNG NÊN MANG GIÀY DA ĐI NHIỄU THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Đi nhiễu có hai thứ : 1/ Là con đường do đi quanh tháp nên gọi đi nhiễu. 2/ Là tỏ vẻ lòng cung kính, cho nên đi nhiễu. Ở phương đây nói chữ nhiễu, là con đường đi quanh tháp. Nguyên

bên Tây quốc cái phép thành kính có nhiều cách : Hoặc dùng lễ bái mà cung kính, hoặc đi nhiễu là cung kính phép lễ thì phân ra chín phẩm bậc v.v...

Còn đi nhiễu thì phân ra có hai cách : hễ quanh bên hữu thì gọi là tốt, quanh bên tả thì gọi là xấu: quanh mấy vòng phép từ 1, 2, 3, nhẫn đến trăm ngàn, tùy theo chỗ tiêu biểu. Vả như đi ba vòng, thì tiêu biểu cúng Tam Tôn, trừ tam độc, tịnh tam nghiệp, diệt tam ác đạo, gặp được ngôi Tam Bảo, còn bao nhiêu để ý suy nghĩ, đây không nói nhiều. Chín phẩm bậc là :

1/ Là dấy lời thăm hỏi
2/ Là cúi đầu bái kính
3/ Là đỡ tay xá cao
4/ Là chắp tay xá ngay
5/ Là co đầu gối
6/ Là quỳ dài
7/ Là hai tay chắp, đầu gối quỳ ngồi
8/ Là ngũ luân đều co (*dụ như cũng thủ*)
9/ Là năm vóc sát đất.

Phàm trong 9 pháp kính đây, dầu chỉ có một lạy, quỳ gối mà tán dương công đức, tức là tận lòng kính, ở xa thu cái đầu tay xá, gần thì quỳ gối thoa chân. Phàm kia thốt lời vâng mệnh, vén áo quỳ dài. Tôn huấn thọ bái, ắt có lời khuyên; hoặc thoa nơi đầu hoặc vỗ nơi vai, khéo lời dạy bảo, phải tỏ ý yêu thương. Phàm xuất gia làm Sa môn đã thọ kính lễ, chỉ cho lời nguyện tốt, chẳng những quỳ lạy. Phương đây sở lễ bỏ lâu, người trí cũng nên vâng lời dạy đây đừng thuận theo tình người, mà trái lời Phật dạy.

Nội Pháp truyện đức Phật dạy : Có hai hạng người nên thọ lễ bái : 1/ Là đức Như Lai. 2/ Là bậc Đại Tỳ Kheo. Đây là lời vàng dạy bảo, nhọc gì mỗi việc phải kính nhường. Phép người nhỏ thấy người lớn phải nghiêng mình cung kính, nói lời : "Bạn để : xin đảnh lễ". Người lớn thọ người nhỏ lễ, mình đứng vững vòng tay nói lời : "A lô đê = ấy là lời chú nguyện cho ông kia vô bệnh". Bằng mình không có đạo đức kia đây đều mắc tội. – Dầu đứng dầu ngồi, đừng đổi phép thường. Đã là phải thọ không cho kính lại; đây là cái phép thầy trò kính nhau bên nước Ngũ Thiên; đâu có người nhỏ muốn lễ người lớn, trước trông người lớn đứng dậy; lớn thọ nhỏ cung kính, sợ người nhỏ buồn, vì lẽ đó mà lật đật, người lớn đỡ người nhỏ không cho cúi đầu rất sợ cực nhọc, người nhỏ cầu kính mà không được sát đất; bằng không như vậy, vẫn trái số lễ.

Than ôi ! Trái lời Phật dạy, lấy theo tình người, người kính người thọ đều sái phép, thật phải xét kỹ; phép này quen lệ đã lâu, đâu chịu thôi ư !

Phàm lễ bái, tại cái phép người dưới kính người trên vậy, khi muốn tôn kính và có lời thỉnh bạch : trước sửa pháp y đắp trên vai, đè cái y dưới nách tay tả, đừng cho dính trong thân, tức đem tay tả bắt ở dưới, đè cái y bên tả, tay hữu tùy chỗ đè sửa cái chăn, đã đến phía dưới, cuốn cái y tới đầu gối; hai đầu gối kẹp lại, lạy đừng cho trống thân. Cái thành y sau lưng, nhét cho sát trong thân; đè ém cái chăn, đừng cho thòng xuống đất, gót chân đều đụng, xương sống phải bằng thẳng; chừng 10 ngón tay trải đất, rồi mới cúi đầu, song mà ở dưới

đầu gối hẳn không kẹt y vật, rồi chắp tay, rồi lại cúi xuống đất v.v.. ân cần hết lòng cung kính, như vậy đến ba lần: đó là một phép lạy tầm thường vậy thôi; khoảng giữa, đều không có phép đứng dậy. Bên Tây quốc thấy làm ba lạy, người đều chê đó. Nếu sợ trên trán dính bụi trước phải lấy tay phủi cho sạch, vậy sau lạy đó. Kế đó phủi sạch đất trên hai đầu gối, chỉnh đốn y phục, ngồi lại một bên hoặc có thể tạm đứng, chờ Tôn giả cho phép ngồi mới ngồi; nếu có quở trách, thì đứng cũng không hại. Đây là khi Phật còn tại thế, cho đến đời mạt pháp, thầy trò truyền nhau, cho đến đời nay không dứt. (*Chữ Bạn để; là lễ kính vậy. Bản cựu nói chữ HÒA NAM đó, lầm vậy*)

65) KHÔNG NÊN MANG HIA THẤP VÀO TRONG THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ "Phú la", đây dịch là : giày mũi ngắn (*Hia*).

Phụ vàn : Ngũ Phần Luật nói : "Không nên sắm giày cong làm cho tới trên mắt cá; không nên làm giày mũi cong giống như hia ? – nên khai mũi để trống".

Ký Quy truyện nói : Theo đúng lời Phật dạy, nếu đối với hình tượng Phật hoặc ở gần bậc Tôn sư, trừ có bệnh ngoài ra trần chân thì phải phép, không cho mang giày dép. Còn đắp y phải bày vai bên hữu, đầu không cho đội mão khăn, đây là lễ thường, còn đi dạo các nơi, thì mở cho không lỗi. Bằng như xứ lạnh, cho mang hia ngắn. Còn bao nhiêu giày dép tùy theo chỗ nên dùng, đã là khác phương khác cõi, lạnh nóng không đồng. Cứ đúng

theo lời Phật dạy thì có nhiều xứ khác hẳn; là vì tháng lạnh hung, quyền mang để dưỡng thân; còn lúc mùa xuân mùa hạ, phải y luật Phật chế, mang giày dép không cho đi nhiễu tháp Phật, trước đã dạy rõ. Còn mang giày "Phú la" đừng tới chỗ hương đài, bán ra đã lâu, song mà có người cố trái, tức là người cưỡng khinh lời vàng của Phật.

66) KHÔNG NÊN CẦM HIA THẤP VÀO TRONG THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước cấm mang, giới này cấm cầm; còn bao nhiêu nghĩa sánh theo đây nên biết.

67) KHÔNG NÊN NGỒI ĂN DƯỚI THÁP BỎ LÁ VÀ CƠM DƠ ĐẤT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại rừng Kỳ Hoàn, phái Lục quần ngồi ăn dưới tháp, ăn rồi cơm dư và lá, làm dơ đất bỏ đi, Phật vì đó liền kiết giới cấm.

Khi đó các Tỳ Kheo làm tháp rồi thí thực; làm phòng rồi thí thực; chúng nhóm ở chỗ ngồi chật hẹp, không dám ngồi ăn dưới tháp. Phật nói : – Cho ngồi ăn, không nên để lá và cơm dơ đất. Bấy giờ, Tỳ Kheo có bệnh không dám để cơm dư và lá dơ đất. Phật nói : – Cho nhóm để bên gót chân, khi đi ra đem bỏ ở ngoài.

68) KHÔNG NÊN KHIÊNG TỬ THI ĐI QUA DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần khiêng tử thi đi ngang qua dưới tháp, ông thần giữ tháp nổi giận, vì thế Phật cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc cần phải đi nhờ đường đấy, hoặc có thế lực bắt đi đường đấy.

69) KHÔNG NÊN CHÔN TỬ THI DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chôn ?** Là đào đất chôn. Phàm thầy Tỳ Kheo có qua đời, Phật y theo lời Phật dạy, có 4 phép chôn : 1/ Là phần thiêu. 2/ Là gài dưới nước. 3/ Là chôn dưới đất. 4/ Khiêng bỏ trong rừng. Như trong bốn phép này, phải tùy theo quốc độ; không phải nhất định làm liền, mà trái lời Phật dạy.

Phụ văn : Tạp Sự Luận nói : – Thân thầy Tỳ Kheo chết, cần phải làm lễ hỏa thiêu, ông Ô Ba Ly bạch rằng : -- Như lời Phật nói, ở trong thân này có 8 vạn vi trùng, làm sao dám đốt ?... Phật nói : – Các vi trùng đấy người sống thì nó sống, hễ người chết thì nó cũng chết; thân có ghẻ, thì phải quán không trùng, mới nên thiêu đốt, còn không có củi đốt được, phải đem bỏ dưới sông, bằng không có sông, thì đào đất chôn đó, đất có nhiều trùng kiến, nên bỏ trong rừng sâu thẳm để nằm day đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng hông bên hữu; hoặc lấy cỏ làm gối kê trên đầu, hoặc lấy cỏ lấy lá che phủ trên thân. Khi tống táng thầy Tỳ Kheo, nên dạy chúng Tăng đứng chung quanh, tụng ba biến kinh vô thường, và đọc bài kệ Dà Đà chú nguyện, việc xong rồi về chùa, phải tắm rửa, nếu có đụng tử thi thì phải giặt luôn áo khậu; còn không dùng chỉ rửa tay chân, về đến chùa phải lễ tháp Phật.

Ni Đà Na nói : "Thầy Tỳ Kheo tịch rồi, vật sở hữu y bát, không nên quăng bỏ, trong chúng phải

đồng chia; không nên để thây trần, mà đem chôn, phải lấy y khậu bận vào; đừng lấy y tốt, và cũng đừng mặc đồ rách nát; phải dùng những y phục vừa vừa".

70) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong kinh nói : Xà di, cũng gọi là Trà tỳ đây dịch là Phần thiêu, nghĩa ấy như trước đã giải.

Phụ văn : Ký Quy truyện nói : "Lúc tử táng, Tăng Ni bày đặt lễ nghi; còn theo tục "đồng ai", toan là con hiếu; hoặc trong phòng đặt bàn linh, làm chỗ để cúng thờ; hoặc mặc đồ tang phục thì trái hẳn với pháp thường của Phật dạy; hoặc để tóc dài cho khác hơn người thường, hoặc phải chống gậy, khóc, quỳ lên chống xuống, hoặc nằm bên bàn thờ, các việc ấy đều trái lời Phật dạy, không làm không lỗi.

Lý phải vì người vong đó, soạn một phòng cho thanh tịnh, hoặc phải tùy thời, quyền làm máng che, tụng kinh niệm Phật, sắm đủ hương hoa cúng dường, cầu cho vong hồn sinh về thế giới lành, mới phải là con hiếu, mới là báo ân, đâu nên dùng việc khóc huyết ba năm, mà toan cho là trả đức; nhịn đói bảy ngày, mới phải là người trả ơn đó ư ? Đó là kết thêm nghiệp trần lao, còn mang thêm đồ giả tỏa (*dây xiềng xích của sự ân ái*). Nghĩa là từ chỗ tối mà váo chỗ tối, chưa từng tỏ ngộ ba lần duyên khởi (*12 nhân duyên xoay vần ba đời sinh tử*). Nghĩa là từ chỗ tối mà vào, từ đời này cho đến đời khác, từ chết

này đến chết khác đâu chứng được quả viên thừa, đến bậc thập địa ư ?...

Song y lời Phật dạy, thầy Tỳ Kheo qua đời, thì quán biết thấy đó chắc chết, liền ngày đó khiêng đến chỗ thiêu, bèn lấy lửa đốt liền; đương khi thiêu, người thân hữu đều nhóm hoặc kết cỏ làm tòa, hoặc nhóm đất làm bàn ghế, hoặc lót gạch đá làm cho đủ chỗ ngồi ở bên, bảo người tụng kinh giỏi, tụng kinh Vô thường, hoặc một quyển, hoặc nửa quyển, đừng tụng lâu mỏi mệt, vậy sau đều niệm bài kệ Vô thường xong rồi trở về chỗ ở.

Nếu áo ngoài chùa thì tắm giặt đồ luôn; còn nếu không áo thì tới bên giếng tắm, đều dùng y cũ, đừng mặc hở y mới; riêng mặc cái khố, vậy sau rồi mới trở về phòng; còn chỗ đất đó thì lấy phẩn trâu tô cho sạch, các việc cũng đều như cũ, y phục và oai nghi không làm chi khác, hoặc có lượm xương tàn rụi, vì người vong đó làm tháp, gọi là tháp Câu la hình như tháp nhỏ, trên không từng lớp (*Không luân tướng lệ bàn* đâu cho bỏ lời thánh giáo của đức Thích phụ, mà theo tục lệ của ông Châu Công khóc la mấy tháng, mặc vải bố ba năm đó ư ?...

Có bản dịch : "Chữ Thiết lợi la. Trung Hoa dịch là xương cốt. Kinh Vô thường rút trong Bắc tạng, hàm chữ hiếu ở trong Nam tạng, hàm chữ Đương".

71) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bấy giờ là không nên đối ngay trước tháp Phật, mà thiêu thây chết vậy.

72) KHÔNG NÊN THIÊU TỬ THI BỐN PHÍA THÁP PHẬT, HƠI HÔI BAY VÀO TRONG THÁP, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Giới trước cấm không cho thiêu ngay trước, giới này cấm không thiêu bốn phía; cần phải cách xa tháp, vậy để chỗ khuất mà làm lễ trà tỳ.

73) KHÔNG NÊN ĐEM Y, GIƯỜNG CỦA NGƯỜI CHẾT QUA DƯỚI THÁP PHẬT, TRỪ ĐÃ NHUỘM GIẶT XÔNG HƯƠNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phái Lục quần đem y của người chết và khiêng giường đi ngang qua dưới tháp; vị thần giữ tháp quở, nên đức Phật liền kiết giới cấm. Bấy giờ thầy Tỳ Kheo mặc y phấn tảo không dám cầm y người chết, đi qua dưới tháp. Phật nói : Nếu đã giặt nhuộm sạch và xông hương thì được đi ngang qua.

Y phấn tảo có mười món : 1/ Y vải trâu nhai. 2/ Y vải chuột cắn. 3/ Vải bị cháy. 4/ Vải đàn bà có đường kinh nguyệt. 5/ Vải đàn bà sinh. 6/ Vải trong miễu thần. 7/ Vải chim tha gió thổi bay rớt trong mả. 8/ Vải cầu nguyện. 9/ Vải lên ngôi vua (*khi vua thọ chức bỏ những y phục cũ*). 10/ Vải văng hườn (*vải đi đưa tống táng đem về*).

Mười món vải trên, đều là của người ta bỏ, lấy dùng đỡ thân để hành đạo, lìa tướng ngã và ngã sở.

Căn Bản bộ nói : "Ăn cướp giựt của người lái buôn còn bỏ sót các món, không nên lượm lấy; nếu người lái buôn muốn cho thì nên lấy, tử thi bỏ trong

rừng có chủ, cùng vải trong đền thần, cũng lại như vậy".

Lục Già Luận nói : "Không nên chứa đồ bất tịnh, vải phấn tảo, nếu được vải phấn tảo, phải giặt nhuộm cho sạch, may cho ngay thẳng, nhuộm xong rồi, sẽ làm pháp thọ trì".

Mẫu kinh nói : "Nếu được vải phấn tảo, phải ngâm cho lắm, rồi dùng toàn nước tro giặt cho sạch, lấy hương Hồ hắt dà thoa lên trên, vậy sau mới được mặc lễ tháp".

74) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phàm đại tiểu tiện phải cách xa tháp, mà ở chỗ thường tiểu, không nên gặp đâu tiểu đó.

Phụ vàn : Ưu bát kỳ vương kinh nói : "Phép trong rành đất Già lam, đi đại tiểu tiện bậy bạ đó, 500 đời đọa vào ngục Bạt la, sau rồi còn phải trải qua 20 tiểu kiếp, thường ôm cái đất đại tiểu tiện hôi nhơ trên cánh tay, cho đến chốn huỳnh tuyền".

75) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trước cấm không cho đại tiểu tiện dưới tháp, trong giới này, tuy đại tiểu tiện cách xa tháp, mà không nên đối ngay trước tháp; tháp là để tiêu biểu cái đức của Phật cũng là cái di thể của đức Như Lai, phải cần gia tâm kính trọng.

76) KHÔNG NÊN ĐẠI TIỂU TIỆN QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT KHIẾN HƠI HÔI BAY VÀO, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chữ nhiễu** : Nghĩa là bốn phía, với bốn góc vậy, còn bao nhiêu đồng giải như giới trước, nên biết.

77) KHÔNG NÊN ĐEM TƯỢNG PHẬT ĐẾN CHỖ ĐẠI TIỂU TIỆN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Xét đúng thì tượng Phật trọng làm sao, thì kinh pháp cũng như vậy, nên biết.

Không phạm là gì ? Hoặc có bệnh như thế, hoặc do con đường phải đi ngang qua đó; hoặc bị kẻ cường lực bắt buộc kêu đi.

78) KHÔNG NÊN NHĂN NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

79) KHÔNG NÊN NHĂN NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

80) KHÔNG NÊN NHĂN NHÀNH DƯƠNG (xỉa răng) QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong giới này thứ lớp đồng như trước, nên biết. Phàm xỉa răng phải tới chỗ khuất; không những đối với tháp tượng, mà đối trước bậc nhị sư và Thượng Tọa cũng không nên như thế.

81) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC DƯỚI THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

82) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

83) KHÔNG NÊN HỈ KHẠC QUANH BỐN PHÍA THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phàm khi khạc nhổ, phải tới chỗ khuất; khảy móng tay, tằng hắng rồi nhổ. Nếu người già bệnh cho để sẵn ống nhổ.

Phụ vào : Tạp Sự Luận nói : "Dưới bốn góc cột trong chùa phải để bốn cái ống nhổ", chữ "Thế" tức là cái nhớt ở trong lỗ mũi; chữ "Thá" thuộc về cái đàm ở trong miệng vậy. Sở dĩ từ lỗ mũi ra, gọi là chữ Thế; từ miệng ra thì gọi là chữ Thá, từ con mắt ra thì gọi là chữ Để. Nay lấy cái nghĩa nước trong con mắt gọi là Để, nhớt trong mũi gọi là Thế; chữ Thế, ta lầm đọc "Di" là sái vậy.

84) KHÔNG NÊN NGỒI NGAY CHÂN TRƯỚC THÁP PHẬT, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Không phạm là gì ?** Hoặc có bệnh như thế. Hoặc khoảng giữa có cách; hoặc bị người cưỡng bức bắt buộc; nếu trong chùa có tháp, đầy chật, cho ở trong chặng giữa ngồi ngay chân.

85) KHÔNG NÊN ĐỂ THÁP PHẬT Ở PHÒNG HẠ, MÌNH Ở PHÒNG THƯỢNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Thượng phòng có hai thứ : 1/ Lấy chỗ ở các sang gọi là bậc thượng. 2/ Lấy chỗ tốt đẹp rực rỡ gọi là bậc thượng. Hạ phòng cũng có hai thứ : 1/ Lấy chỗ thấp hèn gọi là bậc hạ. 2/ Lấy chỗ xấu thô gọi là bậc hạ. Chỗ mình nằm cũng đồng với tháp Phật ngủ một nhà. Phật nói : Không nên như vậy. Nếu vì muốn giữ gìn cho chắc chắn, cho để trên đầu cột, bên đầu mà ngủ, không nên kẹp tháp dưới

nách mà đi; phải để trên xe ngựa, xe voi hay là trên kiệu cán; hoặc vác ở trên vai, hoặc đội ở trên đầu, phải mặc áo trịch vai lột guốc, rửa chân, đại tiểu tiện rửa cho sạch rồi mới cầm, không nên cầm đi đến chỗ đại tiểu tiện.

Không phạm là gì ? Hoặc gặp mạng nạn, phạm hạnh nạn.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Khi làm chùa, trước phải xét độ lượng chỗ đất tốt, chỗ làm tháp phải day cửa về hướng Đông hay hướng Bắc; chỗ đất nào làm nhà cho chúng Tăng, chỗ đất nào làm chính điện, không nên lộn xộn. Không nên làm chỗ chúng Tăng ở mà có dòng nước chảy vào điện Phật; trái lại thì được: nghĩa là nước ở trên điện Phật chảy vào đất của chúng Tăng. Tháp phải làm ở chỗ cao ráo. Không nên ở trong nhà tháp mà giặt nhuộm và phơi y, mang giày, phủ đầu, trùm vai, cùng khạc nhổ dưới đất; không nên ở trong ao tháp giặt ỷ tắm gội, rửa tay, rửa mặt, rửa bát, dưới đầu dòng nước chảy ra, nên tùy ý dùng".

86) NGƯỜI NGỒI MÌNH ĐỨNG, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật khi kiết giới rồi; các Tỳ Kheo nghi không dám nói pháp cho người bệnh nghe; cho nên Phật kiết thêm câu : trừ có bệnh, không phạm : từ đây sắp về sau, sánh theo đây nên biết.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu Tỳ Kheo vì pháp, vì chúng Tăng đi đến vua, hoặc đến chủ đất; chủ đất nói thầy vì tôi, nói pháp cho tôi nghe.

Không nên bảo phải đứng vì sợ sinh tâm nghi; nếu có người đứng một bên thì dấy ý vì người đứng mà nói, vua tuy nghe, Tỳ Kheo không tội".

87) NGƯỜI NẰM MÌNH NGỒI, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI Xét giới trước và các giới sau, người nói người nghe, hai người đều có lỗi hết; còn giới này tuy mình ngồi nói, mà người nghe không cung kính, cũng không nên vì nói.

88) NGƯỜI NGỒI CHÍNH GIỮA, MÌNH NGỒI MỘT BÊN KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI **Chữ Tòa :** Tức là cái ghế cao ngay chính giữa hội. Chữ phi tòa : là ghế nhỏ ở một bên, nhẫn đến ở chỗ gốc cây khô, ở chỗ đất cao, chỗ đất thấp.

89) NGƯỜI Ở TÒA CAO MÌNH Ở TÒA THẤP, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Cao có hai cách : 1/ Thể cao rộng lớn. 2/ Chỗ quý giá xinh tốt. Thấp cũng có hai món: 1/ Thấp. 2/ Nhỏ xấu, hai món đều gọi là xấu (*thấp*)

90) NGƯỜI ĐI Ở TRƯỚC MÌNH ĐI Ở SAU, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Bệnh là gì ? Là hoặc thân bệnh, hoặc mất bệnh, phải nhờ có người cầm gậy dắt đi, vì người đó nói pháp, không phạm.

91) NGƯỜI ĐI KINH HÀNH CHỖ CAO, MÌNH ĐI KINH HÀNH CHỖ THẤP, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Trong giới này cao thấp có hai nghĩa : 1/ Là gốc tự cao thấp. 2/ Chồng đá lên nền. Như Phật cho làm nhà để đi kinh hành, có năm việc tốt : 1/ Được đi xa. 2/ Hay suy nghĩ. 3/ Ít có bệnh. 4/ Tiêu đồ ăn. 5/ Được tâm thường định.

92) NGƯỜI ĐI CHÍNH GIỮA ĐƯỜNG, MÌNH ĐI BÊN LỀ ĐƯỜNG, KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Đường là đường chính giữa lộ; không phải đường là bên lề đường không phải chính giữa lộ.

93) KHÔNG ĐƯỢC DẮT TAY ĐI THEO DỌC ĐƯỜNG, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Nắm tay ?** Tức là hai tay nắm dính lại; nghĩa là thầy Tỳ Kheo không nên đồng nắm tay nhau đi theo dọc đường.

Không phạm là gì ? Hoặc người đó mù phải dìu dắt cho nhau.

94) KHÔNG NÊN TRÈO CÂY CAO QUÁ ĐẦU NGƯỜI, TRỪ KHI CÓ NHÂN DUYÊN, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, có một thầy Tỳ Kheo kiết hạ an cư trên cây Đại thọ; ở trên cây đó lại tiểu tiện xuống, ông thần ở dưới gốc cây nổi giận. Vì thế nên Phật cấm : không cho kiết hạ trên cây, không cho tiểu tiện chung quanh cây; nếu

trước ở đó có cầu đại tiểu tiện thì tiểu không lỗi. Sau khi khác có Tỳ Kheo đi đường gặp ác thú hoảng sợ lên cây bằng đầu người, không dám trèo lên vượt cao: liền bị thú dữ hại, cho nên Phật chế câu : Trừ có nhân duyên.

Không phạm là gì ? Hoặc bị mạng nạn, phạm hạnh nạn; hay là cần muốn dùng củi khô trên cây, phải buộc cưỡng liêm giựt; hoặc lấy thang bắt bẻ, hoặc lấy dây buộc kéo, nếu hết cả cây đều khô hết, cho leo lên.

95) KHÔNG NÊN TÚI ĐỰNG BÁT, XỎ ĐẦU GẬY, QUẢY TRÊN VAI ĐI, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Phật ngự chỗ đồng như trước. Ông Bạt Nan Đà lấy túi đựng bát, xỏ đầu gậy quảy tòn ten mà đi các ông Cư sĩ thấy chê cười, Phật nhân đó liền cấm.

Không phạm là gì ? Hoặc bị kẻ cường lực bắt buộc, và mạng nạn, v.v... Khi đó có thầy Tỳ Kheo già yếu không thể không mang túi đựng bát và không tích trượng mà đi. Phật dạy chúng Tăng cho Tỳ Kheo già yếu chống tích trượng, và túi đựng bát, bạch nhị Yết Ma. Tỳ Kheo già phải đến giữa chúng đủ oai nghi, đấy lời nói như vầy :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo .... già bệnh, không thể không mang túi đựng bát, không tích trượng mà đi. Nay đến trước chúng Tăng xin sắm tích trượng và túi đựng bát; xin chúng Tăng cho tôi Tỳ Kheo ... sắm tích trượng và túi đựng bát.

Xin thương xót tôi" (*nói ba lần rồi*). Chúng Tăng phải làm phép bạch như vầy :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo kia... già yếu, không thể không túi đựng bát, và không tích trượng mà đi. Nay đối trước chúng Tăng xin chống tích trượng và mang túi đựng bát, nếu chúng Tăng đến giờ, chúng Tăng bằng lòng cho Tỳ Kheo kia... chống tích trượng và mang túi đựng bát, bạch như vậy tác bạch thành không ? – Đồng đáp : "Thành".

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo kia... già yếu, không tích trượng và túi đựng bát mà đi. Nay đối trước chúng Tăng xin chống tích trượng và mang túi đựng bát, chúng Tăng nay cho Tỳ Kheo tên kia... chống tích trượng và mang túi đựng bát. Các Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ Kheo kia chống tích trượng và mang túi đựng bát thì lặng lẳng, còn vị nào không bằng lòng thì nói. Yết Ma thành không ? Đồng đáp : "Thành". Chúng Tăng đã bằng lòng cho Tỳ Kheo kia chống tích trượng và mang túi đựng bát rồi, vì chúng Tăng đã bằng lòng nên im lặng, thì việc này rõ như vậy.

(*Đây là tích trượng và túi đựng bát dùng một lượt, nên làm phép Yết Ma chung, nếu dùng riêng thì mỗi món cứ y theo văn đây mà làm*).

Khi ấy phái Lục quần sắm tích trượng bộng ruột, các Cư sĩ chê cười. Phật nói : Không nên sắm thứ cây bộng ruột; các Tỳ Kheo chưa ly dục đi đường thấy rắn, bò cạp và rít v.v... đều sợ. Phật dạy : – Làm cây tích trượng để rung, hoặc là làm ống đựng

đá để rung; hoặc khỏ ống tre nổi tiếng để loài rắn v.v... lánh đi chỗ khác.

Phụ vấn : Xét trong Căn Bản Tạp Sự, nhân thầy Tỳ Kheo đi khất thực, lầm vào trong nhà, mà nhà kia nhiều cửa, quên đường đi ra, bèn mắc tai nạn. Phật dạy lấy cơm và bánh làm dấu mỗi cửa, vậy sau mới ra, nhưng khi ông kia vào làm thinh thấy việc riêng tư của người, Phật dạy lên tiếng, ông kia lại hắng hắng la to rần rộ mà vào. Người thế tục lại chê lắm ông thầy không biết liêm sỉ. Phật cấm, không cho, phải gõ cửa nổi tiếng mà vào, người nhà sợ hỏi làm thinh không đáp; Phật cho sắm tích trượng, thầy Tỳ Kheo không biết cách làm. Phật dạy : Đầu cây tích trượng gắn một cái vòng tròn như miệng chén để trong cán cái hoàn nhỏ, khua động nổi tiếng; mà làm tiếng nhắc cho nhớ biết, chó chạy ra sủa ông kia lấy cây tích trượng đánh.

Phật dạy – Không nên lấy tích trượng đánh chó, phải cầm dọa nó; khi đó có con chó dữ dọa nó sán ngã; Phật dạy : Lấy chút cơm quăng dưới đất cho nó ăn; đến người nhà không tin, rung tích trượng; mới tay mà nhà kia không hỏi, Phật dạy : – Nên hắng ba lần rung, chừng đó không ai hỏi, thì nên đi, do nhiều việc như thế, nên Phật chế cây tích trượng.

Ký Quy truyện nói : "**Tích trượng là gì ?** Tiếng Phạm nói là : Khế khí la; tức cái nghĩa tiếng kêu. Cổ nhân dịch là : Tích rượng; ý nói cái tiếng kêu lích tích"

Tích trượng mặc dầu kêu được, mục đích người ở phương Tây chiêm nghiệm, chỗ tay cầm tích trượng, trên đầu chỉ có bịt một cái khoen sắt, chừng lọt hai ba tấc; đặt một cái thuần quãng dài 4, 5 ngón tay, cái cán dùng bằng cây to nhỏ tùy theo thời, cao chừng tới mi mắt, dưới bịt miếng sắt cỡ chừng hai tấc; cái hoàn hoặc tròn, hoặc dẹp, co liền ở trong, được lọt ngón tay cái; hoặc 6 cái, hoặc 8 cái, xoi để trên cái cổ; bịt bằng đồng bằng sắt mặc tình. Nguyên bản ý của Phật chế đây, để đi khất thực, ngừa loài trâu chó, làm chi cho mệt nhọc vậy, giữ gìn cho lao tâm; mà còn làm cả cây tích trượng đều bằng sắt, trên đầu đặt bốn cái cổ nặng trịu cầm theo lạnh rít phi thường, chẳng phải bản ý Phật chế vậy.

Lại nữa, bên nước Tây Thiên Trúc, Tăng đồ đi ra ngoài, và khi khất thực, sở hữu : bình bát, y vật tùy thân, đều để trên vai trùm phủ cà sa lên, cầm dù mà đi. – Các việc đây, đều là Phật dạy nghi pháp của người xuất gia; còn cái tay rảnh thì cầm cái xúc bình và dép da. Cây tích trượng kẹp xen, đi đứng vững vàng áo điểu dụ, áo nguyệt kinh[1] là cái dạng nhàn nhã chính đáng, đến như chốn Vương thành, chốn Giác thọ, chốn Thứu lãnh, chốn Lộc viên, các chỗ Ta la hạc biến, các chỗ Túc điều Thước phong. Khi lễ tháp, bốn phương đều nhóm; Nhật quan thiên số, đều đồng phép này. Có chỗ dịch rằng : – Tích tượng là bởi vì khi rung tiếng kêu lích tích, cho nên dịch là tích trượng.

---

[1] Danh từ tuy khác, chớ cũng áo Bá nạp

Thập Tụng Luật nói : Tích trượng; thế là lấy cái tiếng mà đặt tên; thể nó mặc dầu bằng đồng, bằng sắt, cũng gọi là tích được. Nếu căn cứ theo kinh tích trượng : gọi là trí trượng hay là đức trượng. Do vì nêu rõ trí thành, cũng làm gốc công đức, cũng là cờ nêu của bậc thánh nhân, cũng là mục tiêu của nhà hiền sĩ, cũng là cây cờ đi đến chỗ đạo chính, cái chí niệm lập nghĩa, ba đời chư Phật, cũng đều cầm cây tích, như vậy trùng trùng nêu giải, tuy lời thí dụ rất hay, nhưng chẳng phải chính hiệu; huống chi kinh này nguyên chẳng phải chính dịch, nên không nêu tên người dịch.

Ông Tăng Hựu Pháp sư, phụ lục bản đời Đông Tấn, bài cả lộn xộn, lời chẳng phải Phật nói; nên đời Thượng cổ chê đó là ngụy, vì cái lý trái với tam tạng kinh điển, phép chế lại khác hơn các bộ, người trí phải dùng một con đường mà thôi, đừng thuận theo cái quy lâu đời cho là phải, như ngài Nghĩa Tịnh Tam Tạng, phép cây tích trượng, chính mắt ngài thấy ở bên cõi Tây thiên, lục lấy trong bộ Ký Quy, thật đáng nên bắt chước dùng vậy.

96) NGƯỜI CẦM GẬY KHÔNG CUNG KÍNH, KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỎI.

CHÚ GIẢI : **Không phạm là gì ?** Hoặc người bệnh hoặc ông vua cùng ông quan đại thần.

Phụ vàn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu Tỳ Kheo khi đi đường hiểm sợ, người theo hộ vệ nói : Thưa Tôn giả vì tôi nói pháp cho tôi nghe, nói thì không phạm".

97) NGƯỜI CẦM KIẾM KHÔNG NÊN VÌ NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : Chữ gượm là kiểm xét vậy. Ngừa xét việc phi thường. Nếu người bệnh cầm nó để giữ mình. Nên nói, không phạm.

98) NGƯỜI CẦM DÁO KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Dáo là gì ?** Là cái đồ binh khí vậy.

99) NGƯỜI CẦM DAO KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Dao ?** Hình nó có nhiều cách, cũng là đồ để đề phòng.

100) NGƯỜI CẦM DÙ KHÔNG NÊN NÓI PHÁP CHO NGHE, TRỪ BỆNH, CẦN NÊN HỌC.

CHÚ GIẢI : **Chữ cái ?** Là tàn lọng hay che được nắng mưa.

Phụ văn : Tăng Kỳ Luật nói : "Nếu vị Pháp sư hay Luật sư, khi gió mưa tuyết lạnh, và nắng gắt cần che, vì nói pháp không tội".

Bấy giờ ông Bạt Nan Đà đi đường cầm dù tơ rất tốt, các Cư sĩ chê rằng : Nhà sư gì mà làm giống in nhà vua, hay là quan đại thần. Phật nói: Không nên cầm cũng không nên sắm, các Tỳ Kheo khi đi trời mưa, đến trên nhà trai thực; hoặc là khi nhóm ban đêm, khi đi Bố tát mưa ướt y hư, Phật cho che vì hộ y vậy, ở trong chùa cầm cỏ cây, hoặc cầm lá cây; hoặc cầm miếng tre làm dù che được, không

nên cán quạt tỉ của vua, hoặc được quạt người ta làm rồi, cho thọ rồi cúng lại cho tháp, có nóng nực cho lấy lá cây, hoặc nhánh cây, hoặc cỏ, hoặc vải làm quạt, không nên sắm quạt bằng lông chim, do hại nhiều loài trùng cỏ vậy.

Nếu sợ trùng, cỏ, bụi, mù sương sa trên thân, cho lấy cỏ vỏ cây và lá hoặc lấy chỉ tơ hoặc hàng lụa cắt vạn làm cái phủ phất hoặc được cái phủ phất bằng đuôi cho sắm đồ hứng tóc dùng vải, hoặc vỏ cây, hoặc đan trúc làm, hoặc lông mũi dài, cho làm nhọn nhỏ không nên để móng tay dài, dài lắm bằng hột thóc phải cắt; không nên lấy các thứ màu nhuộm móng tay không nên lấy kéo hớt lông mày.

Tỳ Kheo cạo tóc, không cạo râu, hoặc cạo râu không cạo tóc. Phật nói : Phải cạo tóc cạo râu hết, dài lắm hai ngón tay; hoặc hai tháng phải cạo một lần, không nên chải râu tóc, và lấy dầu thoa vuốt, không nên vặn tốn cho quớt; không nên vẽ con mắt và gò mái.

Còn con mắt có đau cho xức thuốc; không nên lấy kiếng và nước soi mặt; nếu mặt bị ghẻ xức thuốc cho ở phòng riêng soi; không nên cạo lông mình, không nên lỗ tai đeo hoa, đeo hoàn, cổ đeo dây chuỗi anh lạc đeo kiềng, tay đeo cà rá con dấu, không nên làm dây buộc lưng bằng thiếc, bằng chì, bằng da, bằng chỉ thất, bằng gấm, không nên dùng chỉ màu buộc mão, buộc lưng, buộc cánh tay.

Ở chỗ vắng vẻ, cho làm đồ lấy lửa, làm ống vùi lửa không nên sắm cái hũ chậu rửa bằng báu, không nên hứa của cải với người; không nên đem

của cho vay, và tới nhà người đòi tiền lời, không nên cỡi voi, ngựa, cùng đi xe kiệu, cán chơi, không nên cầm dao kiếm. Lại còn có những việc không nên làm, như trong Đại Luật có nói rõ.

Phụ văn : Tạp Sự Luận : "Nếu muốn coi mụt ghẻ, hay là hình trạng hồi mấy năm trước, coi già hay trẻ, thì coi kiếng không lỗi". Ký Quy truyện nói : "Dù có nên dùng, đan bằng tre mỏng, một lớp thì được; tùy ý lớn nhỏ, bề rộng hai ba thước, giữa nóc dù đan hai lớp, tính làm cái cán, cán nó dài vắn, chừng bằng cán dù rộng, hoặc phải dùng sơn, kéo sơ một lớp mỏng... hoặc đan bằng lau, hoặc như các loại nón bằng mây, hiệp với giấy cũng chắc".

Cõi Thần châu tuy không làm sẵn, nhưng làm đó cũng là hay lắm, mưa lớn cũng không ướt y phục, nóng nực thì được đỡ mát, đã y luật mà còn lợi ích cho thân, cầm nó vốn không hại.

c/ KẾT HỎI

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói pháp chúng học rồi. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức, trong đây thanh tịnh, vì yên lặng thì việc này rõ như vậy.*

CHÚ GIẢI : Sắp về trước mỗi giới riêng giải các tướng, nay sẽ tóm nói rõ phép sám hối; nếu thầy Tỳ Kheo tâm không biết hổ thẹn, không y lời Phật dạy, mà cố tâm phạm thì phải đối trước một ông sám chủ, chỗ có bao nhiêu tội căn bản, và tùng sinh (*tức là tội chính, hay là từ tội đó mà phạm thêm*) danh tội đều phải nhớ, chủng tội, tính tội, tướng tội,

nhiều ít cũng phải xét cho rõ, hết lòng thành cầu thương, tâm trong bặt dứt, sửa sang oai nghi đối với ông sám chủ, lễ một lạy, quỳ xuống thưa như vầy : Thưa Đại đức một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo pháp danh..., vì cố mặc cái Tăng già lê không ngay thẳng, (*có bao nhiêu, tùy nói phạm bao nhiêu*) tội Đột Kiết La vì cố tâm phạm vậy; lại phạm (*bao nhiêu*) sái oai nghi tội Đột Kiết La, nay xin đối trước Đại đức phát lồ sám hối, không dám tái phạm, xin Đại đức thương xót tôi. (*nói một lần*)

Sám chủ đáp : Ông phải tự trách lấy tâm ông, và phải sinh lòng nhàm chán. Người phạm tội đáp dạ (*vâng*).

Nếu lầm phạm thì phải sinh tâm tàm quý, sửa sang oai nghi nói lời như vầy : Tôi Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) lầm mặc cái y Tăng già lê không tề chỉnh, (*có bao nhiêu thì nói*) phạm tội Đột Kiết La, tôi nay tự trách tâm tôi, và ăn năn tội lỗi. (*nói một lần*).

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI MỘT)

PHỤ CHÚ :

Tỳ Kheo cũng gọi là Bí Sô. Bí Sô là tên thứ cỏ có năm tính đức : 1/ Thể tính nhu nhuyễn. 2/ Đủ sức bò lan khắp. 3/ Mùi thơm nghe xa. 4/ Hay chữa lành các chứng đau nhức. 5/ Không sợ ánh nắng mặt trời.

Dụ thầy Tỳ Kheo có năm tính đức tùy nghiệp tính chúng sinh mà hóa độ tất cả không trái ý một người nào nhưng không bị một người nào lôi cuốn ngài được, đủ đức tính Từ Bi Hỷ Xả.

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

QUYỂN MƯỜI HAI

Đời nhà Minh, đất Quảng Châu, thầy Sa môn Thích Hoằng Tán, hiệu Tại Tham (dịch).

8.- DIỆT TRÁNH PHÁP (chia làm ba)

a/ Nêu chung

b/ Chia riêng

c/ Kết hỏi

a/ NÊU CHUNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, đây là 7 pháp Diệt tránh, mỗi nửa tháng tụng, trong giới kinh rút ra. Nếu Tỳ Kheo có xảy ra việc rầy rà liền phải trừ dứt.*

CHÚ GIẢI : **Bảy pháp Diệt tránh là gì ?** Nghĩa là : Tỳ Kheo có xảy ra bốn việc rầy rà, phải đúng 7 pháp này, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy mà trừ diệt đó, cho nên gọi là 7 pháp Diệt tránh. Có bốn cách rầy rà : 1.- Lời nói rầy rà. 2.- Tìm lỗi rầy rà. 3.- Phạm tội rầy rà. 4.- Việc rầy rà.

Sao gọi là lời nói rầy rà ? Nghĩa là : Tỳ Kheo với Tỳ Kheo tranh luận rầy rà dẫn đến 18 việc : pháp, phi pháp, cho đến đáng nói, không nói v.v...

nếu dùng sự tướng như đây, nói năng rầy nhau, đó gọi là ngôn tránh.

Sao gọi là tìm tội rầy rà ? Nghĩa là : Tỳ Kheo này cùng Tỳ Kheo khác tìm tội gây ra 3 việc : phá giới, phá chính kiến, phá oai nghi, thấy, nghe, nghi, thế gọi là tìm tội rầy rà.

Sao gọi là phạm tội tướng rầy rà ? Nghĩa là : phạm 7 thứ tội : 1.- Ba La Di. 2.- Tăng tàng. 3.- Ba Dật Đề. 4.- Hối quá pháp. 5.- Thâu Lan Giá. 6.- Ác tác. 7.- Ác thuyết. Đó gọi là phạm tội rầy rà.[1]

Sao gọi là việc rầy rà ? Nghĩa là : trong lời nói rầy rà đó mà kéo ra, trong cái việc tìm lỗi rầy rà mà bươi móc ra, trong việc phạm tội rầy rà mà khêu vạch ra, thế là việc rầy rà (*sự tránh*). Thân phạm gọi là tội Ác tác, khẩu phạm gọi là tội Ác thuyết.

b/ CHIA RIÊNG

Pháp thứ nhất

HIỆN TIỀN DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép Tỳ Ni có mặt thì cho phép Tỳ Ni có mặt.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, ông Ca Lưu Đà Di, cùng với phái Lục quần tắm dưới sông, tắm rồi lên trước mặc lộn y của bọn Lục quần mà đi, bọn Lục quần khi tắm rồi lên bờ thấy mất y, bèn nói ông Ca Lưu Đà Di trộm y đi rồi, vì ông Ca Lưu Đà Di không có ở đó, mà mấy ông làm phép Yết Ma

---

[1] *5 Thiên, thêm 6 Ác tác và 7 Ác thuyết là Thất tụ.*

diệt tẩn. Phật nói : – Không có tâm gian trộm không phạm, nhưng không nên không nhìn cho kỹ cái y của mình mà mặc, cũng không nên người không có mặt ở đó, mà làm phép Yết Ma diệt tẩn và làm phép Yết Ma y chỉ, với làm phép Yết Ma ngăn không đến nhà người bạch y, làm phép Yết Ma cử tội, làm phép Yết Ma diệt tẩn, nếu cưỡng làm, thì phép Yết Ma ấy không thành, mà còn phạm tội Đột Kiết La.

Sao gọi là có mặt ? Là pháp, Tỳ Ni, người, chúng Tăng, giới.

Sao gọi là pháp hiện tiền có mặt ? Nghĩa là : đưa pháp ra giữa đôi bên, phán đoán để dứt rầy vậy.

Sao gọi là Tỳ Ni có mặt ? Nghĩa là : đưa giới luật ra giữa đôi bên để phán đoán dứt rầy vậy.

Sao gọi là người có mặt ? Nghĩa là : lời lẽ hỏi đáp qua lại vậy.

Sao gọi là chúng Tăng có mặt ? Nghĩa là : chúng Tăng đồng làm phép Yết Ma hòa hiệp nhóm một chỗ, ai không đến thì nhắn gửi, đặng cho chúng Tăng hiện tiền, đáng quở mà không quở vậy.

Sao gọi là giới hiện tiền ? Nghĩa là : phép Yết Ma ở tại trong giới đó, kiết làm giới hạn vậy.

Nếu việc rầy rà đã dứt rồi, lại bươi móc ra nữa, thì phạm tội Đọa. Nếu Tỳ Kheo kia đến sau mà Tỳ Kheo đó mới thọ giới, tức là việc mới rầy, lại bươi móc ra nữa, và có dự dục rồi, sau lại ăn năn cũng

phạm tội Đọa, trong 7 pháp này cô Tỳ Kheo Ni cũng đồng học.

Phụ văn : Ma Đắc Lặc Già Luận nói : – có 10 phép không có mặt, đặng làm phép Yết Ma :

1.- Phú bát (*úp bát*)

2.- Xả phú bát : nghĩa là : a) Người tục mắng chê Tỳ Kheo v.v..., chúng Tăng phải đồng làm phép Yết Ma, không cho qua lại nhau (*nghỉ ăn*); b) nếu sau thấy họ lỗi, dấy tâm tùy thuận cầu xin chúng Tăng giải, chúng Tăng nên làm phép Yết Ma giải cho đó (*được ăn lại*).

3.- Học gia

4.- Xả học gia (*đồng giải như trong pháp Hối quá*).

5.- Làm phòng : nghĩa là : đất của chùa do cũ hư, làm phép Yết Ma cho ông Cư sĩ, y vì chúng Tăng làm phòng nhà lại.

6.- Tẩn ông Sa Di ác kiến về trước, đều nói : ngươi chưa thọ đại giới không được nghe pháp Yết Ma, không nên có mặt; còn hai pháp giải Yết Ma và làm phòng, tẩn ông Sa Di, dạy đến đứng chỗ mắt thấy, tai không nghe.

7.- Cuồng si, nghĩa là : người không biết, không cần có mặt.

8.- Không lễ bái

9.- Không cùng nói chuyện

10.- Không cúng dường, nghĩa là : Tỳ Kheo làm việc sái phép, xúc não Tỳ Kheo Ni, Tỳ Kheo Ni không được mặt trị (*bắt tội ngay trước mặt*); chỉ trị

bằng cách : **a) Không đến gần và không lễ bái, b) Không thưa hỏi, c) Không cúng dường,** ba pháp Yết Ma này mà thôi.

Phép thứ hai
ỨC NIỆM DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho pháp Tỳ Ni nhớ nghĩ, sẽ cho pháp Tỳ Ni nhớ nghĩ.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, ông Ma La Tử không phạm tội trọng, các Tỳ Kheo đều nói ông phạm tội đó, hỏi rằng : ông có nhớ phạm tội trọng không ?... Ông Ma La Tử không nhớ có phạm tội, bèn đáp rằng : tôi không nhớ phạm tội trọng như thế, các Trưởng lão đừng cật hỏi tôi lắm, mà các Tỳ Kheo cứ cố tâm cật hỏi không thôi, Phật dạy chúng Tăng bạch tứ Yết Ma, làm phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, ông Ma La Tử phải đến giữa chúng Tăng xin rằng :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi là Ma La Tử Tỳ Kheo, không phạm tội trọng mà các Tỳ Kheo nói tôi phạm tội trọng, tội Ba La Di, tội Tăng tàng, tội Thâu Lan Giá. Các Tỳ Kheo hỏi tôi rằng : ông nhớ có phạm không ?... Tôi không nhớ tôi có phạm tội trọng, tôi đáp rằng : "Tôi không nhớ phạm tội trọng như thế, các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi hoài hoài, mà các Tỳ Kheo cố tâm cật vấn mãi không thôi, tôi nay không nhớ nghĩ. Tôi nay tới chúng Tăng xin phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, xin chúng Tăng cho tôi phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, xin thương xót tôi" (*nói ba lần*).

Như thế ba lần xin rồi, chúng Tăng phải vì ông bạch tứ Yết Ma mà cho phép (*phép Yết Ma cứ theo lời xin mà làm*).

Sao gọi là phép Tỳ Ni nhớ nghĩ ? Tỳ Kheo kia phạm tội này, đều không nên cử tội, không nên làm phép Yết Ma nhớ nghĩ. Nếu việc rầy đó đúng như pháp dứt rồi, sau còn khởi nữa, thì phạm tội Đọa, theo như văn trước, nên biết.

Phụ văn : Do các Tỳ Kheo thường thường khiến cho ông kia nhớ nghĩ không thôi, cho nên Phật dạy, cho làm phép Tỳ Ni nhớ nghĩ, và khiến cho các Tỳ Kheo không nên hỏi nữa.

Tát Bà Đa Luận nói : "Đây là giữ gìn pháp Tỳ Ni, các Tỳ Kheo không nên xả tội ông kia và cũng không nên làm phép cho ông nhớ nghĩ".

Phép thứ ba
BẤT SI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép Tỳ Ni bất si, sẽ cho phép Tỳ Ni bất si.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Vương Xá, ông Nan Đề Tỳ Kheo tâm loạn cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, sau khi tỉnh tâm các Tỳ Kheo cật hỏi hoài. Phật dạy cho chúng Tăng làm phép Tỳ Ni bất si bạch tứ Yết Ma, ông Nan Đề Tỳ Kheo nên đến giữa chúng Tăng xin rằng :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo Nan Đề khi trước bị tâm loạn cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, qua lại ra vào, không thuận theo oai nghi sau

lại tâm định tính, các Tỳ Kheo hỏi rằng : "Ông có nhớ ông phạm tội trọng không ?". Tôi đáp rằng : "Trước khi tâm loạn cuồng si, phạm nhiều tội lỗi, qua lại ra vào, không thuận theo oai nghi, nhưng chẳng phải tôi cố làm thiệt là tâm điên cuồng vậy, các Trưởng lão không nên thường thường nạn hỏi tôi mà các Tỳ Kheo cứ cố nạn không thôi. Tôi nay hết si, tới chúng Tăng xin phép Tỳ Ni bất si, xin chúng Tăng cho tôi phép Tỳ Ni bất si, xin thương xót tôi" (*nói ba lần*).

Như vậy nói ba lần rồi, chúng Tăng phải vì ông làm phép bạch tứ Yết Ma mà cho (*cứ theo lời xin mà làm*).

Sao gọi là pháp Tỳ Ni bất si ? Nghĩa là : Tỳ Khco phạm tội này, đều không nên cử, cũng không nên làm phép nhớ nghĩ, nếu việc rầy này đúng như pháp dứt rồi, sau còn bươi móc ra nữa, thì phạm tội Đọa đồng như giới trước, nên biết.

Tát Bà Đa Luận nói : "Đây là giữ gìn pháp Tỳ Ni".

Phép thứ tư
TỰ NÓI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép tự nói mà trị, sẽ cho phép tự nói mà trị.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại thành Chiêm Bà, khi đó ngày rằm Bố tát, chúng Tăng trước sau xoay quanh, có ông phạm tội ngồi ở trong chúng. Đầu đêm, giữa đêm và sau đêm đã qua, mà đức Thế Tôn vẫn ngồi im không tụng giới. Ông Mục Kiền Liên

dùng thiên nhãn thấy biết, bèn nắm tay ông kia ra ngoài cửa. Phật nói không nên làm như vậy nữa, bảo ông kia thú tội, vậy sau rồi cho tội, không nên không tự thú tội, mà cho tội (*làm phép xả tội*).

Sao gọi là tự nói ? Nghĩa là : Phép thì ông kia phải tự nói danh tội, chủng tội, mà sám hối vậy.

Sao gọi là tự trị ? Nghĩa là : Bảo ông kia rằng : "Tự trách lấy tâm ông và sinh lòng nhàm chán vậy". Nếu việc rầy này dứt rồi, còn khui ra nữa thì phạm tội Đọa, còn bao nhiêu đồng giải như văn trước.

Ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng : "Phép tự nói mà trị, có được mỗi mỗi như pháp không ?". Phật nói : "Không được mỗi mỗi đúng như pháp". Vì sao ?

1.- Nếu Tỳ Kheo, không phạm tội đuổi, chúng Tăng không làm phép cử tội, cũng không làm phép nhớ nghĩ, mà ông tự nói ông phạm tội đuổi, các Tỳ Kheo bèn cho ông phạm tội đuổi mà trị, đó là phi pháp, tự nói mà trị.

2.- Nếu Tỳ Kheo, không phạm tội đuổi, chúng Tăng kia không làm phép cử tội, không làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội Tăng tàng, các Tỳ Kheo bèn làm phép cho ổng phạm tội Tăng tàng mà trị, đó là phi pháp, nhẫn đến ông tự nói ông phạm tội ác thuyết cũng như vậy. (*câu kế : Tội Tăng tàng làm đầu, cho đến câu ác thuyết làm đầu, mỗi mỗi lập câu cũng như vậy, lại dùng câu làm phép cử tội, câu làm phép nhớ nghĩ, mỗi mỗi câu cũng đồng như văn trước*).

3.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội tứ khí, mà chúng Tăng không làm phép cử tội, không làm phép nhớ nghĩ, ổng lại nói ổng phạm tội Tăng tàng, các Tỳ Kheo bèn cho ổng phạm tội Tăng tàng mà trị, đó là phi pháp, cho đến ổng tự nói ổng phạm tội ác thuyết cũng vậy.

4.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội Tăng tàng, chúng Tăng không làm phép cử tội và không làm phép nhớ nghĩ, mà ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo liền cho ổng phạm tội khí rồi trị, đó là phi pháp.

5.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội Tăng tàng, chúng Tăng không làm phép cử tội và không làm phép nhớ nghĩ, mà ổng tự nói ổng phạm tội Đọa, các Tỳ Kheo bèn cho ổng phạm tội Đọa rồi trị, đó là phi pháp. Cho đến ổng nói ổng phạm tội ác thuyết, lẫn nhau làm câu đầu, cũng như vậy. (*làm phép cử làm phép nhớ nghĩ, lẫn nhau làm câu đầu, mỗi mỗi cũng đồng như trước*). Trái lại, như pháp tự nói mà trị.

Sao gọi là đúng như pháp tự nói mà trị ?

1.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội khí, chúng Tăng không làm phép cử, không làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo bèn cho là ổng phạm tội khí rồi trị, đó là đúng như pháp, cho ổng tự nói mà trị, cho đến tội ác thuyết cũng lại như vậy.

2.- Nếu Tỳ Kheo, phạm tội khí, chúng Tăng làm phép cử tội, làm phép nhớ nghĩ, ổng tự nói ổng phạm tội khí, các Tỳ Kheo liền y lời ổng nói mà trị,

đó là như pháp và tự nói mà trị, cho đến ác thuyết cũng như vậy.

Phép thứ năm
MÍCH TỘI DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho phép tìm tướng tội, sẽ cho phép tìm tướng tội.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Thích Thị, ông Tượng Lực Tỳ Kheo ưa nghị luận, luận với ngoại đạo, gặp khi họ hỏi nghẹt, rồi trước sau nói lời tự ngữ tương vi (*nghĩa là lời ý trái nhau*), khi ở giữa chúng Tăng hỏi, cũng nói như vậy, trước sau trả lời trái hẳn. Ở trong chúng cố ý nói vọng ngữ, bọn ngoại đạo chê cười, các Tỳ Kheo bạch Phật, Phật dạy chúng Tăng kiết tội ông, bạch tứ Yết Ma nhóm chúng Tăng rồi cử tội, cử tội rồi làm phép nhớ nghĩ, làm phép nhớ nghĩ rồi, mới cho tội, vị làm Yết Ma bạch như vầy :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo (*mỗ giáp*)... đây ưa nghị luận với kẻ ngoại đạo, gặp khi họ hỏi nghẹt, trước sau nói lời trái nhau dầu ở giữa chúng Tăng hỏi trước sau cũng nói lời trái hẳn, lại ở trong chúng cố nói vọng ngữ.

Nếu đến giờ chúng Tăng nhóm, xin chúng Tăng bằng lòng cho; chúng Tăng nay làm phép Yết Ma kết tội Tỳ Kheo Tượng Lực, vì ông Tượng Lực không lợi ích, không được tốt, ông gặp khi ngoại đạo hỏi nghẹt, trước sau lời nói trái hẳn, dầu đến trong chúng Tăng hỏi cũng nói như vậy; ở trong chúng Tăng cố ý nói vọng ngữ. Bạch như vậy tác bạch

thành không ?" – Đồng đáp : "Thành". (*Phép Yết Ma chuẩn theo lời bạch mà làm, làm phép Yết Ma rồi, Tỳ Kheo Tượng Lực phải hành 35 việc v.v...*). Chữ Mích tội tướng : – Cũng nói là kiết tội xứ sở.

Sao gọi là tội xứ sở ? ... – Nghĩa là Tỳ Kheo kia phạm tội này, cho làm phép cử tội, làm phép nhớ nghĩ như vậy.

Phụ văn : Căn Bản Luật nói : "Tìm tội trong tính mình".

Lặc Già Luận nói : "Thật tìm tội đó, trước phạm tội đã phát lồ, sau lại che giấu".

Tát Bà Đa Luận nói : "Đây là lấy pháp Tỳ Ni mà bẻ dẹp".

Phép thứ sáu
ĐA NHÂN NGỮ DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho nhiều người tìm tướng tội, sẽ cho nhiều người tìm tướng tội.*

CHÚ GIẢI : Nếu các Tỳ Kheo hiện tiền có xảy ra việc rầy rà không dứt được, thì phải cùng thầy Tỳ Kheo thông hiểu kinh luật bỏ thăm dứt rầy, vì thế làm nhiều biểu ngữ vậy.

Khi ấy ở nước Xá Vệ, Tỳ Kheo cùng nhau rầy rà, chúng Tăng dùng đúng như pháp làm cho dứt rầy, Tỳ Kheo rầy kia không chịu cho chúng Tăng dứt rầy, bèn đến bạch Phật, Phật bèn nhóm chúng Tăng, quở trách ông ấy rồi, dạy chúng Tăng phải dứt việc rầy rà này, lấy phần nhiều người nói (*nghĩa là*

lấy phần nhiều người biết pháp luật) cho bỏ thăm, bạch nhị Yết Ma.

Có 5 phép không nên sai người bỏ thăm :

1. - Là người thương
2. - Người giận
3. - Người sợ
4. - Người si
5. - Người không biết ai kia bỏ thăm rồi hay chưa bỏ thăm.

Trái lại như trên, nên sai. Có 3 pháp bỏ thăm:

1.- Bỏ trước mặt. 2.- Bỏ thăm kín. 3.- Kê lỗ tai nói.

Sao gọi là bỏ thăm trước mặt ? Nghĩa là : Trong chúng tuy nhiều thầy Tỳ Kheo phi pháp, nhưng bậc Nhị sư kia đều đúng pháp, lại là bậc Thượng Tọa, bậc Trí nhân trì ba tạng kinh điển, đều nói đúng pháp cần phải bỏ thăm trước mặt, nên làm hai thứ thăm : 1.- Lá rách. 2.- Lá lành.

Phải làm phép bạch như vầy : Ai nói mà đúng như pháp thì bắt lá thăm không rách, ai nói lời không đúng như pháp, thời bắt lá thăm rách. Giao như vậy rồi bỏ thăm. Sau khi khui thăm thì người đúng như pháp nhiều hơn. Thượng Tọa kia phải làm phép bạch nói lời như vầy : "Chấm dứt chuyện rầy rà". Trái lại, nếu người đúng như pháp ít quá thì nên tác lễ rồi đứng dậy đi, về chùa sai người đáng tin, qua chỗ các Tỳ Kheo khác ở, bạch rằng : "Chỗ ở kia phần nhiều Tỳ Kheo sái phép. Hay thay Trưởng lão ! Nên qua đến nhóm Tỳ Kheo; nếu Tỳ Kheo kia, nếu

Tỳ Kheo phần nhiều nói đúng như pháp chấm dứt việc rầy, thì công đức của Trưởng lão nhiều lắm, Tỳ Kheo đó nghe chịu đi thì thôi, bằng không đi phải đúng như pháp mà trị".

Sao gọi là bỏ thăm kín ? Nghĩa là : trong chúng phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, nhưng bậc Nhị sư kia và bậc Thượng Tọa lại không đúng pháp, nếu bỏ thăm trước mặt sợ các Tỳ Kheo vị tình bậc Nhị sư, Thượng Tọa v.v... đó bắt thăm, nên bỏ thăm kín.

Sao gọi là bỏ thăm kê tai nói ? Nghĩa là : trong chúng tuy phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, nhưng bậc Nhị sư kia bằng nhau, mà nói phi pháp, nên bỏ thăm bằng kê tai nói. Khi bỏ thăm, phải ngồi thưa thưa cách khoảng lọt một thân người che khuất một chút; Tỳ Kheo kia giỏ lỗ tai nói, bảo rằng: – Hòa Thượng của các ông đã bắt thăm, lành thay, ông cũng phải bắt thăm, xin thương xót ! Nếu phần nhiều Tỳ Kheo đúng pháp, việc rầy được dứt thì được công đức nhiều, bỏ thăm rồi ngồi lại một phía đếm thăm. Nếu việc rầy đúng như pháp dứt rồi, sau còn khởi lại, và ông sau mới đến, và ông mới thọ giới, ông mới rầy mà phát khởi đó, ông gửi dục rồi sau trách đó, đều phạm tội Đọa.

Có 10 điều bỏ thăm không đúng pháp :

1) Không hiểu cách bỏ
2) Không chịu đồng bỏ cho ông đúng pháp
3) Phần nhiều muốn bỏ cho người sái pháp
4) Biết Tỳ Kheo sái pháp phần nhiều bỏ thăm
5) Muốn cho chúng Tăng phá Tăng, nên cố bỏ

6) Biết chúng Tăng bỏ thăm phá Tăng, nên cố bỏ.
7) Bỏ phi pháp
8) Bó riêng chúng
9) Vì phạm tội nhỏ nên cố bỏ
10) Không đúng như chỗ thấy mà cố bỏ, nghĩa là : Thấy khác nhận khác vậy.

Trái lại trên đó, là 10 điều bỏ thăm đúng pháp.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : dạy làm thăm dài ngắn trắng đen, thăm nói đúng pháp dùng tay bên hữu cầm thăm, thăm nói không đúng pháp dùng tay bên tả cầm thăm. Thăm nói đúng pháp cầm chậm, thăm nói phi pháp cầm lẹ, bỏ thăm nói đúng pháp trước, bỏ thăm nói phi pháp sau, hết thảy chúng Tăng phải hòa hiệp một chỗ, không cho thuyết dục.

Tăng Kỳ Luật nói : Nếu thăm phi pháp cho đến nhiều hơn một thăm, không nên nói nhiều người phi pháp, ít người đúng pháp, phải làm phép phương tiện v.v... rồi đứng dậy.

Nếu muốn ăn, trước đến đó, phải bảo ông kia (*ông phi pháp*) ăn trước, nếu sau khi ăn, khi tắm, khi nói pháp, khi nói luật, tùy nên bảo đó, nếu ông phi pháp biết nói chúng tôi được hơn (*đắc thắng*), vì chúng tôi cho nên giải giới đứng dậy, cần yên ngồi ở đây, quyết đoán các việc này. Bấy giờ bên tịnh xá có cốc nhỏ không trùng thì nên dạy ông tịnh nhân, phóng lửa rồi la lên rằng : Lửa cháy ! Lửa cháy ! Tức thì chúng Tăng chạy cứu lửa, mới tìm người bạn đúng pháp.

Tát Bà Đa Luận nói : "Câu đa mích Tỳ Ni" đấy tức là tìm nhiều nhân duyên phán đoán, nên gọi là mích Tỳ Ni.

Phép thứ bảy
THẢO PHỦ ĐỊA DIỆT TRÁNH

CHÍNH VĂN : *Đáng cho như cỏ che đất, sẽ cho như cỏ che đất.*

CHÚ GIẢI : Phật ngự tại nước Xá Vệ, các Tỳ Kheo rầy rà với nhau, nhiều người phạm giới, chẳng phải phép của hàng Sa môn cũng làm, cũng nói, ra vào không chừng. Sau các Tỳ Kheo đề nghị như vầy : Bọn ta lại hỏi, hoặc có thể làm cho việc rầy rà này càng lừng lẫy trải qua nhiều năm tháng, không được như pháp dứt trừ làm cho chúng Tăng không được an vui, vì lẽ đó mới bạch Phật. Phật nói : Phải dứt việc rầy rà này, như cỏ phủ đất, trong một chúng kia, có thầy Tỳ Kheo trí huệ kham nổi, từ tòa đứng dậy, đắp y bày vai bên hữu, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay nói lời như vầy :

Thưa chư vị Trưởng lão, sự rầy rà của chúng tôi đây, có phạm nhiều lỗi, sái phép của thầy Sa môn, nói không chừng không đổi, ra vào qua lại không thuận oai nghi. Nếu chúng tôi tìm xét việc này, sợ có phạm lần tới trọng tội, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy, dứt việc rầy rà này, khiến cho các Tỳ Kheo không được vui vẻ ở yên. Nếu các Trưởng lão bằng lòng thì tôi nay vì các Trưởng lão làm phép như cỏ che đất, và sám hối tội

này. Ở trong chúng ông thứ hai cũng nói như vậy, các Tỳ Kheo kia phải tác bạch cũng như vầy :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu chúng Tăng phải thời đến, chúng Tăng bằng lòng cho chúng Tăng nay vì việc rầy này, làm phép như cỏ che đất và sám hối.

Bạch như vậy tác bạch thành không ? – Toàn chúng (*nếu xét được*) chắp tay nói : "Thành". Làm phép bạch rồi, kế đó làm phép như cỏ che đất và sám hối; trong chúng này cử một ông trí tuệ và rành phép bạch, từ chỗ ngồi đứng dậy đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay dấy lời bạch như vầy :

Thưa các Trưởng lão, tôi nay vì các việc rầy này, đã phạm tội lỗi, trừ tội trọng ra, làm phép Yết Ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Nếu các Trưởng lão cho, tôi vì các Trưởng lão và tôi, làm phép sám hối như cỏ che đất.

Ông thứ hai cũng nói như vậy (*Đây là phạm rầy rà do hai pháp dứt mà dứt*). Nghĩa là : "Phép Tỳ Ni có mặt, và phép như cỏ che đất" chớ không dùng phép "tự nói mà trị".

Sao gọi là phép như cỏ che đất ? Nghĩa là : Không xưng nói danh tội, chủng tội, mà sám hối đó vậy, nếu việc rầy dứt rồi, sau còn khui ra nữa thì phạm tội Đọa.

Phụ văn : Thập Tụng Luật nói : Cỏ che đất có hai ý nghĩa :

1.- Khởi rầy rà hoài, người rầy cũng nhiều, việc đó càng ngày càng đông, xét nguồn gốc khó mà biết mối manh được. Phật dạy phép trải cỏ trừ dứt.

Dụ như : Cỏ mọc loạn, khó mà sửa trị được, bỏ loạn cho đến thành cỏ hoang.

2,- Phải nhờ đến bậc Thượng Tọa có đức khuyên dỗ các ông rầy đó, bảo hai chúng đối diện với nhau, tọa cụ lót bốn phía xin sám hối, hai chúng đó, mỗi chúng đều có phe giúp cho nên dạy mỗi chúng ở riêng một chỗ.

Ngũ Phần Luật nói : Tỳ Kheo rầy rà kia, phải đi đến trong chúng Tăng đắp y bày vai bên hữu, quỳ gối tự trần việc của mình xin phép sám hối như cỏ che đất; ba lần xin rồi, đều đưa tay rờ gót chân ngó thầy Yết Ma, nhất tâm lóng nghe, để lãnh thọ pháp Yết Ma, kia mới vì ông bạch tứ Yết Ma, đó gọi là phép Tỳ Ni có mặt, phép như cỏ che đất, dứt tội phạm rầy.

Sao gọi là phép như cỏ che đất ? Nghĩa là : Các Tỳ Kheo kia không còn nói gốc rầy, chúng Tăng cũng không hỏi cội gốc đó nữa.

Tỳ Ni Mẫu kinh nói : Nếu Tỳ Kheo rầy nhau, muốn trừ dứt tội đó thì trước đồng sám hối tội rầy, như cỏ phủ trên bùn, cho người đi qua khỏi lấm bùn nhau, hòa hiệp sám hối, phủ trên ác được sinh thiện, sau rồi mới sám hối tội phạm giới vậy.

Luật Nhiếp nói : Nếu kia đây làm hai phe cùng nhau so đo điều chấp tri kiến của mình, ỷ cậy sinh tâm khinh mạn, có Tỳ Kheo tài đức, ở giữa hai phe,

đều bảo dứt rầy, cùng nhau sám tạ nói sám hối tội đó, dấy tâm hạ mình, đừng chống chỏi với nhau, dùng phép như cỏ trải đất, mà trừ dứt vậy.

c/ KẾT HỎI.

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói 7 pháp dứt rầy rồi. Nay xin hỏi chư Đại đức trong đây được thanh tịnh không ? (3 lần). Thưa chư Đại đức trong đây thanh tịnh vì im lặng, thì việc này rõ như vậy.*

CHÚ GIẢI : Trước đã mỗi mỗi riêng giải giới tướng, nay sẽ tóm nói rõ phép trừ dứt, trong bốn việc rầy :

Sao gọi là diệt trừ ? Ông kia nói rầy, dùng hai phép Tỳ Ni này mà diệt, nghĩa là "phép hiện tiền" và "phép nhiều người nói" (*đồng như trong pháp thứ sáu nói*). Hoặc dùng một pháp dứt mà dứt, nghĩa là phép Tỳ Ni có mặt.

Sao gọi là phải ư ? Hoặc một Tỳ Kheo, vì một Tỳ Kheo có mặt khéo lời dạy, đúng phép, đúng luật, đúng như lời Phật dạy bảo rằng :

Thầy phải làm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy, đành chịu tội đó, như thế việc rầy này mới được dứt, đó là ngôn tránh, do một pháp dứt mà dứt.

Nếu một Tỳ Kheo vì hai ba Tỳ Kheo, và cả chúng Tăng, cũng lại như vậy, cho đến cả chúng Tăng, vì một, hai, ba Tỳ Kheo, và cả chúng Tăng cũng khuyên như vậy.

Nếu Tỳ Kheo ưa rầy kia không bằng lòng chịu chúng Tăng làm phép dứt trừ như vậy, nghe chỗ khác có ông Tăng tốt, vị Thượng Tọa tốt có trí huệ, chịu đi đến chỗ đó, hoặc nửa đường hay tin họ đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, dứt được rồi thì cũng là ngôn tránh dùng một pháp dứt mà dứt; nếu đi nửa đường không hay tin đúng như pháp mà dứt thì đến trong chúng Tăng kia, đối trước vị Thượng Tọa nói lời như vầy :

Tôi vì việc rầy này phải khởi ra như thế, thật do như thế nên mới khởi ra, chúng Tăng phải dứt việc rầy này, nhưng tôi không bằng lòng, cho nên tôi mới đi đến Trưởng lão, hay thay Trưởng lão vì tôi mà làm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy, mà dứt việc rầy này cho, nếu Trưởng lão có thể vì chúng tôi dứt việc rầy này, thì chúng tôi sẽ đối trước Trưởng lão xả việc rầy này; nếu Trưởng lão không thể đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy, dứt trừ, để chúng tôi tự do gây mãi, càng kết thêm tội sâu nặng, các Tỳ Khẹo nương ở không được an vui.

Tỳ Kheo rầy kia nên làm thế này : Đối trước chúng Tăng xả việc rầy đó, chúng Tăng đây cũng phải bảo ông kia rằng :

Trưởng lão ! Việc này rất có phải như vầy mà khởi, có đúng như thật nhân đó mà khởi ư ! Bằng chúng Tăng kia dẹp được sự rầy nếu nói chắc chắn, thì chúng tôi nên lượng xét, có thể dứt được việc rầy này chăng ?

Nếu ngài nói không thật, thì việc rầy này càng ngày càng thêm phi pháp, phi luật, phi lời Phật dạy, việc rầy này không dứt được, các Tỳ Kheo cũng không được yên vui mà ở, nếu chúng Tăng kia bằng lòng nhận lời ông rầy kia thưa như vầy rồi, nên quyết đoán việc này : nếu người rầy kia là bậc hạ tọa, thì nên bảo rằng :

Đại đức ra ngoài một chút, chúng tôi cùng nhau phán đoán việc này, đúng như pháp, đúng như luật, đúng như lời Phật dạy. Nếu ông rầy là bậc Thượng Tọa, chúng Tăng phải tự lánh ra ngoài, đến chỗ khác cùng nhau phán đoán.

Chúng Tăng nghĩ như vầy : nếu chúng ta ở trước chúng Tăng mà phán đoán việc này, sợ còn có nhiều chuyện khác xảy ra khiến cho hai bên phải quấy, cãi lẫy nhau không rồi, chúng ta thà nên cùng với các ông trí huệ nhóm riêng một chỗ mà phán đoán, thì nên dấy lời bạch rằng :

Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, nếu chúng Tăng đến giờ, xin chúng Tăng bằng lòng cho, chúng Tăng nay nhóm các ông trí huệ, để cùng nhau phán đoán các việc, bạch như vậy, bạch rồi, đồng cùng nhau phán đoán.

Có 10 pháp, việc phán đoán nên sai khác :

1) Ông giữ giới thanh tịnh
2) Ông đa văn
3) Ông tụng làu hai bộ luật
4) Ông rộng nói các nghĩa

5) Ông nói năng khéo léo, luật biện rành rẽ, kham được việc vấn đáp, khiến cho kia vui vẻ.
6) Nếu việc rầy xảy ra thì dứt được
7) Không thương
8) Không giận
9) Không sợ
10) Không si

Trong các Tỳ Kheo đoán việc, có ông không thuộc giới, có ông không biết giới luật, bèn bỏ chính pháp, nói lời phi pháp, hoặc có ông thuộc giới, có ông không thuộc giới luật mà lại bỏ chính pháp nói những lời lẽ mọn mạy, hay có ông pháp sư, bỏ chính pháp, dùng lời cưỡng thuyết, chúng Tăng đều phải làm lời bạch, đuổi ông ra; nếu thuộc giới luật, thuận theo chính pháp, nói lời đúng pháp, chúng Tăng nên để ông giúp việc.

Nếu ông Tăng kia không đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, mà dứt việc rầy đó, nay chúng Tăng phải đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy mà dứt, nếu chúng Tăng kia đúng như pháp mà dứt, và chúng Tăng ở đây cũng bằng lòng việc này, chúng Tăng nên nói với Tỳ Kheo rầy kia rằng :

Nếu chúng Tăng kia đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy dứt việc này, chúng tôi cũng bằng lòng việc ấy. Như pháp đã dứt rầy, nay chúng tôi phải làm phép dứt rầy đúng như thế, bằng làm vậy thì được dứt rầy, ấy là phép ngôn tránh, dùng một pháp dứt mà dứt, nếu đã như pháp dứt rồi, sau còn khởi ra nữa thì phạm tội Đọa.

Nếu Tỳ Kheo rầy kia, không bằng lòng chúng Tăng thứ hai làm như vậy mà dứt. Nghe ông kia ở chỗ nào có chúng Tăng Tỳ Kheo đông, thật hành kinh luật luận, đến chỗ kia, hoặc ở giữa đường mà dứt, nếu ở giữa đường không dứt được, phải đến chỗ các Tỳ Kheo trì pháp, trì luật kia mà thưa rằng :

Thưa Trưởng lão, cái việc rầy của tôi đây, nhân như vậy mà khởi, thật do như vậy mà khởi, còn chúng Tăng làm như vậy mà dứt, chúng Tăng thứ hai cũng làm như vậy mà dứt, nhưng tôi không bằng lòng cho nên nay mới đến chỗ Trưởng lão, hay thay Trưởng lão ! Hãy vì tôi mà làm đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, dứt giùm việc rầy này, thì tôi sẽ ở chỗ Trưởng lão mà xả việc này vậy.

Nếu Trưởng lão không thể không đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy mà dứt, thì chúng tôi tự do rầy mãi, càng ngày càng kết thêm tội lỗi, các Tỳ Kheo không được an vui yên ở. Ông kia phải đối trước chúng Tỳ Kheo đông nhiều mà xả việc này. Chúng Tỳ Kheo đông nhiều cũng phải nói với Tỳ Kheo kia rằng :

Trưởng lão việc rầy này, đúng thật chỗ sở nhân nói mà khởi như lời chúng Tăng thứ hai dứt, nói chắc chắn xả rầy, chúng tôi sẽ lượng xét có thể dứt được việc rầy này chăng ? Nếu không nói như thật thì việc rầy này mặc dầu rầy mãi, càng ngày càng sinh nhiều tội lỗi các Tỳ Kheo không được ở yên vui vẻ.

Tỳ Kheo đông nhiều phải dấy lời như vậy, lãnh việc rầy, lãnh việc rồi thì quyết đoán : ông rầy kia

nếu là bậc hạ tọa hay là bậc Thượng Tọa, phải như văn trước "đuổi" và "lánh". Nếu chúng Tăng thứ nhất không như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dứt, chúng Tăng thứ hai cũng không như pháp mà dứt, chúng Tỳ Kheo đông nhiều (*thứ ba*) phải đúng như pháp mà dứt. Nếu chúng Tăng thứ nhất và chúng Tăng thứ hai đúng như pháp mà dứt. Tỳ Kheo đông nhiều kia cũng phải bằng lòng việc ấy, phải nói với Tỳ Kheo rầy rằng : Như chúng Tăng kia dứt rầy : chúng tôi cũng bằng lòng, nay sẽ làm như vậy mà dứt, đó là ngôn tránh dùng một pháp dứt mà dứt. Nếu như pháp dứt rồi, mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa.

(*Như đi đến chỗ Tỳ Kheo đông nhiều đồng thật hành kinh luật luận hay là đến Tỳ Kheo thứ hai. Tỳ Kheo thứ nhất cùng trì kinh, luật, luận cũng như vậy*). Còn pháp Mích tránh đây dùng bốn pháp Tỳ Ni mà dứt, nghĩa là : phép hiện tiền, phép nhớ nghĩ, hoặc phép hiện tiền, phép bất si hoặc phép hiện, phép tội xứ sở.

Sao gọi là pháp hiện tiền và phép nhớ nghĩ ? Nghĩa là : Tỳ Kheo này không phạm tội trọng, mà các Tỳ Kheo kia đều nói ông phạm tội trọng cật hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ. Chúng Tăng bạch bốn lần Yết Ma làm phép nhớ nghĩ cho ông. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni nhớ nghĩ :

1.- Nếu Tỳ Kheo phạm tội trọng, các Tỳ Kheo đều nói ông phạm tội đó, cật hỏi không thôi, nên

ông tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ, nếu chúng Tăng cho đó tức là phi pháp.

2.- Nếu Tỳ Kheo có phạm tội trọng, các Tỳ Kheo hỏi rằng : ông có nhớ ông phạm tội trọng không ? Đáp : Tôi nhớ tôi không phạm tội trọng, tôi nhớ tôi phạm tội khinh, tôi sẽ như pháp sám hối đừng gạn hỏi tôi hoài, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ, nếu chúng Tăng cho đó là phi pháp.

3.- Nếu Tỳ Kheo phạm tội trọng, khi các Tỳ Kheo hỏi, ông đáp rằng : Tôi không nhớ phạm tội trọng, tôi nhớ tôi phạm tội khinh, tôi đã đúng như pháp sám hối, các Tỳ Kheo cật hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép nhớ nghĩ; nếu chúng Tăng cho đó tức là phi pháp (*trái lại như trên, tức là ba món đúng pháp*).

Lại có năm món không đúng pháp nữa, cho phép Tỳ Ni nhớ nghĩ :

1.- Ông đó không có mặt
2.- Ông đó không tự nói
3.- Ông đó không thanh tịnh
4.- Ông đó phi pháp
5.- Ông đó riêng chúng.

(*Trái lại trên tức là năm món đúng pháp*).

Sao gọi là phép hiện tiền bất si ? Nghĩa là : Tỳ Kheo đó tâm cuồng si phạm nhiều tội lỗi, khi tỉnh lại, các Tỳ Kheo đều nói : Ông phạm tội trọng, cật hỏi không thôi, Phật dạy chúng Tăng kia bạch tứ Yết Ma, cho ông phép Tỳ Ni bất si. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni bất si :

Nếu Tỳ Kheo không si, mà giả đò si, phạm nhiều tội lỗi, các Tỳ Kheo cật hỏi không thôi, ông kia tới chúng Tăng xin phép bất si, nếu chúng Tăng cho, tức là phi pháp.

Đây là câu ban đầu, câu thứ hai cũng đồng như thế, cho đến chính như tôi nhớ phạm các tội, như người làm việc ở trong chiêm bao v.v... Câu thứ ba cũng đồng chính là nói tôi phạm các tội, như người từ trên cao rớt xuống, bấu nắm chút đỉnh vật, tôi cũng như thế. Trái lại như trên, tức là ba việc như pháp; (*còn năm việc cho phi pháp và năm việc đúng như pháp đều đồng như giới trước*).

Vì sao gọi là pháp hiện tiền cần phải trị ? Nghĩa là : Tỳ Kheo ưa luận nghĩa, khi luận với kẻ ngoại đạo, nhẫn đến luận ở trong chúng Tăng mà cố nói vọng, chúng Tăng phải trị tội ông đó, bạch tứ Yết Ma. Có ba việc phi pháp cho phép Tỳ Ni cử tội :

1.- Là không làm phép cử tội
2.- Không nghĩ
3.- Không làm phép tự nói

Lại có ba việc nữa :

1.- Là không phạm
2.- Là phạm tội không còn sám hối được
3.- Hoặc phạm tội đã sám hối

Lại có ba việc phi pháp :

1.- Không có mặt
2.- *Làm phi pháp*
3.- Làm riêng chúng

(*Trái lại trên là ba việc như pháp*)

Lại nữa có năm việc phi pháp :

1.- Không có mặt
2.- Không phép tự nói
3.- Không thanh tịnh
4.- Làm sái phép
5.- Làm việc riêng chúng.

(*Trái lại trên đây là năm việc đúng pháp*)

Đây là phép mích tránh, dùng bốn phép Tỳ Ni mà dứt. Như phép đã dứt rồi, mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa, còn người phạm tội rầy rà, dùng ba phép Tỳ Ni mà dứt, nghĩa là : phép có mặt, phép tự nói mà trị, hoặc phép có mặt và như cỏ che đất mà trị v.v...

Sao gọi là pháp có mặt và pháp tự nói mà trị ? Nếu Tỳ Kheo phạm tội, muốn đối trước một Tỳ Kheo mà sám hối, phải đến chỗ một Tỳ Kheo thanh tịnh, đắp y bày vai bên hữu hoặc là vị Thượng Tọa, lễ dưới chân, rồi đầu gối bên hữu quỳ chấm đất, chắp tay phát lồ danh tội, chủng tội, như vậy bạch rằng :

Thưa Trưởng lão một lòng thương tưởng, tôi Tỳ Kheo... có phạm tội... tới Trưởng lão cầu xin sám hối, không dám che giấu, nhẫn đến nhớ tôi thanh tịnh giới thân cụ túc, thanh tịnh Bố tát (*lời quở trách và lập thệ đồng như văn trước, nên biết*)

Trong đây pháp hiện tiền (*có mặt*), đúng như pháp, luật v.v... đồng như văn trước. Người có mặt ?

– Là ông thọ lãnh sám hối vậy. Việc rầy dứt rồi mà còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa, trừ thọ dục rồi, còn bao nhiêu đồng như văn trước.

Nếu muốn ở hai bên thầy Tỳ Kheo sám hối thì phải đến chỗ hai thầy Tỳ Kheo thanh tịnh, như văn trên, phải đủ oai nghi phát lồ danh tội, chủng tội mà sám hối (*pháp sám đồng như trước*). Ông bị sám phải trước hỏi ông đệ nhị Tăng rằng : "Nếu Trưởng lão cho tôi thọ Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) sám hối, thì tôi sẽ thọ". Tỳ Kheo đệ nhị phải đáp rằng : "Được".

Nếu muốn ở một bên ba thầy Tỳ Kheo mà sám hối, ông bị sám phải hỏi hai Tỳ Kheo kia, hứa khả rồi, mới thọ sám. Nếu muốn ở trong chúng Tăng mà sám hối, thì phải đến trong chúng Tăng, đắp y bày vai bên hữu bỏ guốc, lễ dưới chân chúng Tăng, đầu gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch rằng :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, tôi Tỳ Kheo (*mỗ giáp*)... có phạm ... nay đối trước chúng Tăng cầu xin sám hối" (*nói ba lần*). Ông bị sám phải làm phép bạch, rồi sau mới thọ làm ông chủ sám, bạch rằng :

"Thưa Đại đức Tăng lóng nghe, Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) kia có phạm tội... nay đối trước chúng Tăng cầu xin sám hối, nếu chúng Tăng phải thời đến, chúng Tăng bằng lòng cho tôi thọ Tỳ Kheo (*mỗ giáp*) sám hối". Bạch như vậy rồi thọ làm ông chủ sám, nhẫn đến quở trách, lập thệ đồng như văn trước. Như pháp dứt rầy rà, sau còn khởi ra nữa, thì phạm tội Đọa.

Sao gọi là pháp có mặt và pháp như cỏ che đất ?... – Như trong pháp thứ bảy nói : – Ông đó phạm rầy rà dùng ba pháp Tỳ Ni mà dứt. **Còn việc rầy rà ?** – Là dùng tất cả pháp Tỳ Ni mà dứt. Tùy phạm tội chi...

PHẬT DẠY

Nếu Tỳ Kheo nào giữ đủ 22 hạnh như đây, thời biết người đó là xử đoán công bình :

1) Giữ đủ 250 giới.
2) Đa văn
3) Thông Tạng Luận
4) Hiểu Tạng Luật
5) Không gây với ai
6) Cũng không nể việc đó (*gây*)
7) Đáng quở thì quở, vậy sau mới yên ở
8) Đáng dạy thì dạy, vậy sau mới ở yên
9) Đáng diệt tẩn thời diệt tẩn, vậy sau mới yên ở.
10) Không thương bên này
11) Không ghét bên nọ
12) Không sợ bên kia
13) Không si mê bên khác
14) Không ăn đồ ẩm thực của phái bộ bên này
15) Cũng chẳng thọ đồ ẩm thực của phái bộ bên kia.

16) Không thọ y, bát, tọa cụ, ống kim của phái bộ bên này.

17) Cũng chẳng thọ y, bát, tọa cụ, ống kim của phái bộ bên kia.

18) Không cung cấp phái bộ bên này.

19) Cũng chẳng cung cấp phái bộ bên kia.

20) Không chung với phái bộ bên này cùng đi vào làng.

21) Cũng chẳng cùng chung với phái bộ bên kia đi vào làng.

22) Không hứa hẹn với phái bộ bên này và cũng chẳng đến phái bộ bên kia, đến sau thì ngồi sau (*không chấp tướng địa vị*).

Phụ văn : Luận Mục Đắc Ca nói : Có hai ông Tỳ Kheo cùng nhau ngảnh nghịch, kiếm đủ thứ chuyện quái lạ để gây kình, rồi đi chê bai lẫn nhau. Trong hai ông ấy ta nên tin ông trì giới.

- Nếu cả hai ông trì giới, ta nên tin ông đa văn.
- Nếu cả hai ông đồng đa văn, ta nên tin ông thiểu dục.
- Nếu cả hai ông đồng thiểu dục, ta nên tin ông cực thiểu dục.
- Nếu cả hai ông đồng cực thiểu dục, mà sinh tâm ngảnh nghịch chỉ trích nhau, thì không có lý.

KẾT LỜI KHUYÊN HỒI HƯỚNG

(Phân làm bốn)

1. Tóm kết tiền tướng
2. Khuyến học các pháp
3. Bảy đức Phật nói giới kinh
4. Kết lời tụng hồi hướng.

1.- TÓM KẾT TIỀN TƯỚNG

CHÍNH VĂN : *Thưa chư Đại đức, tôi đã nói lời tựa giới kinh, đã nói bốn pháp Ba La Di, đã nói 13 pháp Tăng già Bà Thi Sa, đã nói hai pháp bất định, đã nói 30 pháp Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề, đã nói 90 pháp Ba Dật Đề, đã nói 4 pháp Ba La Đề Đề Xá Ni, đã nói 100 pháp Chúng học, đã nói 7 pháp Diệt tránh. Đây là lời Phật nói, thường nửa tháng tụng một lần, trong giới kinh rút ra.*

CHÚ GIẢI : Ý kết trong đây, vì muốn cho biết giới tụ thứ lớp lại muốn nói rõ, lời lẽ không có sai sót, câu nghĩa đều đủ, 8 tụ đã xong, 250 giới trọn vậy. Đây là lời Phật nói, chứng cớ rõ ràng, chớ chẳng phải tôi (*Hoằng Tán*) bịa đặt, cũng chẳng phải người khác nói. Người khác là : như vị Pháp sư, Luật sư, hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát vậy. Trong giới kinh rút ra đã chẳng phải người khác nói, mà cũng chẳng phải trong kinh khác rút ra.

2.- KHUYẾN HỌC CÁC PHÁP

CHÍNH VĂN : *Nếu còn có những pháp Phật dạy, trong đó đều đồng hòa hiệp, cần nên học.*

CHÚ GIẢI : Còn có những pháp Phật dạy ? Nghĩa là : ở trong những pháp kiền độ, đức Như Lai chế ra những pháp học, và tất cả tạng kinh, tạng luật, các pháp định huệ nhờ pháp này hay vượt khỏi cõi khổ mà thẳng đến cõi Niết bàn vậy.

Trong đây là gì ? Nghĩa là : chẳng những 250 giới pháp. hòa hiệp đồng tu mà thôi. Trong các pháp này đều phải hòa hiệp đồng học.

Hòa hiệp ? Nghĩa là : vui vẻ đồng học một thầy, không rầy rà, không sinh tâm tà kiến, như nước và sữa pha chung nhau.

Cần nên học ? Nghĩa là : là chính việc này thầy Tỳ Kheo cần nên học chớ sinh tâm buông lung, phải cần tu tập.

Tu đa la ? Là tạng kinh, thuộc về định học.

A Tỳ Đàm ? Là tạng luận, thuộc về huệ học.

3.- BẢY ĐỨC PHẬT LƯỢC NÓI GIỚI KINH

CHÍNH VĂN : *Nhẫn nhục là đạo thứ nhất, Phật nói vô vi tột, xuất gia khuấy rối người, không gọi là Sa môn.*

Đây là Phật Tỳ Bà Thi Như Lai vô sở trước chính giác nói trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : Trong tâm mình hay yên ổn, nhẫn nại thì cảnh ở bên ngoài không làm ô nhục mình được, gọi là nhẫn nhục. Nhẫn nhục có hai món : 1.- Sinh nhẫn. 2.- Pháp nhẫn.

Sinh nhẫn có hai : 1.- Là đối trong cảnh thuận cung kính cúng dường nhẫn được không dính mắc thì không sinh tâm lung lăng. 2.- Là đối trong cảnh nghịch, giận, mắng, đánh giết, nhẫn được, thì không sinh tâm buồn giận, oán ghét, ấy là sinh nhẫn.

Pháp nhẫn cũng có hai : 1.- Là phi tâm phi pháp, nghĩa là : lạnh, nóng, gió, mưa, đói, khát, già, bệnh, chết v.v... 2.- Là tâm pháp : nghĩa là : đối sân, giận, lo rầu nghi nan, dâm dục, kiêu căng, các tà kiến v.v... Nếu đối với hai pháp này mà nhẫn được không động, đó gọi là pháp nhẫn.

Lại dùng chính huệ quan sát sinh nhẫn và pháp nhẫn : tính không thì nhục từ đâu mà có, quán vô thường, khổ, không, vô ngã, thì ai mà nhẫn đó... Bây giờ cái nhục và cái nhẫn đã không, lý vô sinh hiện bày, bèn chứng được lý viên tịch, vì nhẫn nhục này là nẻo tắt cõi Niết bàn viên tịch, cho nên gọi là đạo thứ nhất.

Vô vi ? Tức là Niết bàn, lặng vậy thường vắng, không có tạo tác, nó vượt khỏi những cảnh giới hữu vi, và vòng sinh tử không còn là pháp nào hơn pháp này, nên gọi là tột.

Sa môn ? Là nghĩa tịch tịnh, bản cựu dịch là : Cần hành : nghĩa là cần tu chứng quả Niết bàn vậy. Hoặc dịch là : cần tức. Cần ? Nghĩa là : cần tu đạo nghiệp. Tức ? Nghĩa là : dứt dữ làm lành.

Cho nên trong kinh A Hàm nói : bỏ lìa việc ân ái, xuất gia tu hành, đóng chặt sáu căn, không nhiễm ngoài ngũ dục, tâm thương tất cả, không chỗ

hại ai, gặp vui không mừng, gặp khổ không buồn, nhẫn được như đất, nên đặt hiệu là Sa môn. Nếu người xuất gia không tu hành nhẫn nhục, mà trở báo oán người ta thì trái hẳn với đạo quả Niết bàn vô tránh, đâu xứng là hạnh cần tức, hạnh nếu không còn xứng được, thời chẳng phải là Sa môn, muốn được đạo thứ nhất, thì không hại người ta, nếu muốn vui vẻ về cõi vô vi, phải đủ pháp Sa môn.

Chữ nhẫn nhục là cái nhân ra khỏi đời, chữ vô vi là cái quả ra khỏi đời. Não hại người ta là cái nhân sinh tử, chẳng phải hạnh Sa môn, là cái quả sinh tử; lành dữ trọn bày, tịnh uế đều mở, ai là người trí được như con nga vương lựa sữa, chọn điều lành vâng làm, không trái với hạnh Sa môn, cái hạnh đã tột bậc, thì cái quả vượt khỏi cõi trời Hữu đảnh (*cõi trời Cứu Cánh, ở cõi Sắc giới*) vậy.

Nếu căn cứ trong bộ Căn bản : khi đức Phật Tỳ Bà Thi ra đời, các chúng đệ tử ngài, và các ngoại đạo tà sư, hay ưa khổ hạnh tu thân, quấy cầu quả vui. Bấy giờ Phật vì phá cái chấp ấy, vì các ông đệ tử nói lời lược giáo này :

"Nhẫn nhục là trên các bậc cần năng hay chứng quả Niết bàn, người xuất gia mà não hại người ta, không gọi là Sa môn". Nói chữ nhẫn là trên các bậc tinh cần, không do mình khổ thân, mà chứng thẳng quả Niết bàn, lại chính xét pháp nhẫn, do vì hiểu rõ các pháp, trọn được quả Niết bàn, không do khổ thân, mà chứng ngộ được, lại vì ngăn các bọn ngoài đạo tà kiến xuất gia kia, vọng nói pháp lạ, dạy dỗ người ta khổ thân vô ích, biểu đồng

làm theo mình, mình và người đều lầm, rốt cuộc rồi không được quả chi; cho nên nói người xuất gia mà não hại người ta, không gọi là Sa môn.

(*Bên nước Ấn Độ, có 96 phái ngoại đạo xuất gia đều xưng hiệu là Sa môn, chỉ có đệ tử của đức Như Lai, biệt hiệu là Thích Ca Sa môn*).

Vô sở trước đẳng chính giác ? Nghĩa là : Khi đức Như Lai chứng quả Niết bàn, dứt hết tất cả tâm phiền não, khiến cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh không còn nhiễm ô, không còn dính mắc nên gọi là vô sở trước. Dùng tất cả pháp bình đẳng, khai ngộ cho tất cả chúng sinh, thành bậc vô thượng giác, nên hiệu là chính đẳng giác.

CHÍNH VĂN : *Thí như người mắt sáng hay tránh đường hiểm ác, đời có người thông minh, hay xa lìa các điều dữ. Đây là lời của đức Thi Khí Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Dụ như người mắt sáng, không tới những đường hiểm nạn, đều đến chỗ yên ổn. Nếu trong đời có người thông minh trí huệ, thì biết đường nào phải, và đường nào không phải.

Đường không phải ? Là con đường hiểm trong sáu thú. **Còn đường phải ?** Là con đường Bát chính đạo bằng thẳng. **Đường hiểm ?** Do tâm không lành gây nên. **Đường bằng ?** Là do nhân thắng huệ mới đến. Nếu phải lánh xa các nhân ác, chuyên tu quả xuất thế, đều đến chỗ Niết bàn an ổn thường vui.

CHÍNH VĂN : *Đừng chê cũng đừng ghét, vâng giữ theo giới pháp; ăn uống biết vừa đủ, thường ưa chỗ*

vắng lặng, tâm định ưa tinh tấn là lời chư Phật dạy. Đây là lời của đức Phật Tỳ Diệp La Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.

CHÚ GIẢI : **Chê :** Thuộc về khẩu nghiệp gây tội. **Ghét :** Thuộc về ý nghiệp gây tội, muốn khỏi hai lỗi này, vâng giữ theo giới pháp giới tịnh thì ba nghiệp đều không, thì khẩu nghiệp và ý nghiệp do nơi đâu mà có được, vì muốn giữ trọn tịnh giới, nên bảo đừng chê, cũng đừng ghét vậy.

Ăn uống : Thuộc về cái miệng. **Thường ưa muốn :** Thuộc về cái ý. Biết đủ thì dứt vọng tâm dong ruổi tìm cầu, ở chỗ vắng lặng thì các vọng niệm đều yên, lại làm sao tâm không định, vì muốn thành tựu pháp định, nên dạy biết đủ, và ở chỗ vắng lặng, trí huệ sinh ra thì dứt vọng hoặc, cho nên nói tâm định ưa tinh tiến.

Vắng lặng ? Là chỗ A Lan Nhã, vắng vẻ, nương ở đó mà cần tu các pháp định, chắc được chứng quả Niết bàn. Ba đời đức Như Lai đã đồng đi con đường này, nay đem dạy các đệ tử, cho nên nói : là lời chư Phật dạy. Phật Tỳ Diệp La, tức là Phật Tỳ Xá Phù, như lời giải trước.

CHÍNH VĂN : *Ví như ong hút hoa, không mất màu và thơm; chỉ lấy vị bay đi; Tỳ Kheo vào làng xóm, không trái ngăn việc người, chẳng xem làm cũng chẳng làm, chỉ quán thân hạnh mình được chính hay không chính. Đây là lời của đức Phật Câu Lưu Tôn Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Ví như ong hút hoa, chỉ lấy chất vị mà đi chớ không tổn sắc và hương của hoa; Tỳ Kheo vào làng khất thực cũng thế, không trái việc người ? Nghĩa là : Tỳ Kheo xin ăn, vừa được nuôi thân để hành đạo, tùy người thí chủ mà lãnh thọ, đừng vì tham lắm mà trái tâm người kia, hư lòng tin kính của họ, chính như con ong lấy mật, không mất màu và thơm của hoa vậy.

Chẳng xem làm, cùng chẳng làm ? Nghĩa là : đã không trái tâm người, cũng đừng xem chỗ đắc thất của người, mà loạn thân tâm, hại chỗ chứng ngộ của mình.

Quán thân hạnh mình ? Nghĩa là : chỉ xét mình, nếu mình không lỗi thì thân ắt được vững, có lỗi thì hạnh không chính, nên nói chỉ quán thân hạnh mình, được chính hay không chính.

CHÍNH VĂN : *Tâm chớ để buông lung, pháp thánh phải cần học, như vậy hết lo rầu, tâm định vào Niết bàn. Đây là lời của đức Phật Câu Na Hàm vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : Do không buông lung, nên hay cần học pháp Thánh, do học đạo Thánh nên dứt hết được các việc lo rầu lầm lạc, nên tâm được định, do vì được định, mới thẳng tới quả Niết bàn. Niết bàn, Trung Hoa dịch là : Tịch diệt, văn đây ý nói : Biết Khổ, đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt vậy.

Nếu để tâm buông lung, gây các nhân ác tập, thì cảm lấy quả khổ lo rầu, nếu không tu Đạo, thì làm sao thấy rõ được chỗ chứng diệt, tuy được tâm

định, nhưng tâm phiền não vọng hoặc chưa hết, luân chuyển trong ba cõi, đâu khỏi cái khổ lo rầu ư ? !

CHÍNH VĂN : *Tất cả việc ác đừng làm, vâng làm các việc lành, trong sạch ý chí mình, là phép chư Phật dạy. Đây là lời của đức Phật Ca Diếp Như Lai vô sở trước đẳng chính giác nói trong giới kinh.*

CHÚ GIẢI : **Tất cả ác ?** Tức là thân khẩu 7 chi, trái hẳn về Tính, giá hai tội. **Các việc lành ?** Là không trái Tính tội Giá tội, do đó mà nó ngăn tội thô ác về thân khẩu ở cõi Dục giới kia, nhưng mà tội vi tế chưa dứt, không được vượt khỏi cảnh Dục giới, chưa được xưng là lành. Đã tự mình giới Thi la trong sạch, cái chí khí ở chốn thiền môn, chuyên tu năm pháp thiền, thì cõi Sắc giới, thân tứ đại thanh tịnh, tự hiện trong thân, thi nhân đó theo thứ lớp mới được căn bản tứ thiền, sinh ra đủ thứ công đức chỉ làm tốt đẹp, ấy là cái nhân vượt khỏi lưới dục, quả ở cõi Sắc giới mới xưng là thiện.

Tự tịnh nơi ý chí mình ? Nghĩa là : Nhân pháp Thiền định, phát chân trí huệ vô lậu, phá hết những tâm tà đạo, dứt hoặc hư vọng, dẹp hết tâm cấu, sạch cả bợn nhơ, gương tâm chiếu rõ cùng các pháp, đều không thể kể được, cho nên nói trong sạch ý chí mình.

Biển pháp tuy rộng, nhưng ba pháp này thu hết, ba đời đức Như Lai, tùy căn cơ mà lợi người, không khác nơi đây; cho nên nói là lời chư Phật dạy, (*chữ chi lâm ấy, cõi sơ thiền có 5 chi : 1/ Giác. 2/ Quán. 3/ Hỷ. 4/ Lạc. 5/ Nhất tâm).*

Cõi nhị thiền có 4 chi : 1/ Nội tịnh. 2/ Hỷ. 3/ Lạc. 4/ Nhất tâm.

Cõi tam thiền có 5 chi : 1/ Xả. 2/ Niệm. 3/ Huệ. 4/ Lạc. 5/ Nhất tâm.

Cõi tứ thiền có 4 chi : 1/ Không khổ không vui. 2/ Xả. 3/ Niệm. 4/ Nhất tâm. Rõ như chỗ khác có giải.

CHÍNH VĂN : *Khéo giữ gìn nơi lời nói, tự tịnh trong ý chí mình, thân đừng làm các việc ác, ba đường nghiệp đều thanh tịnh, hay làm được như vậy, ấy là đạo bậc Đại Tiên. Đây là lời của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai vô sở trước đẳng chính giác trong 12 năm, vì các ông vô sự Tăng nói ra giới kinh này, từ đây sắp về sau rộng nói phân biệt. Các Tỳ Kheo tự ưa giáo pháp, ưa làm Sa môn, biết hổ biết thẹn, ưa học giới nên học trong đây.*

CHÚ GIẢI : Chư Phật ra đời, quán cơ trong ba cõi lập giới pháp không có nhất định, đức Thích Tôn ra đời, trong cõi ngũ trược này, người phần nhiều ưa đấu tranh, không hộ nơi miệng và lời nói, và tâm nhơ cấu trọng, dầu nó không hiện nơi cảnh, nhưng mà nó trữ trong tâm chất chồng nhiều lớp, một khi tâm ưa muốn móng lên ra làm thân nghiệp không lành, cho nên đức Như Lai dạy rằng : Dụng thử lớp, ngừa trước khi chưa móng. Lại nữa chúng Tăng nhờ tu pháp Lục hòa làm quý, nên phải lấy giới hòa làm đầu, nếu có thể khéo giữ thân, khẩu, ý ba nghiệp được thanh tịnh như thế, đều tịnh nơi ý nghiệp, ý nghiệp không khởi, thì thân nghiệp, không làm được

vậy, thì ba đường nghiệp tịnh, tịnh hạnh được như thế, tức là đạo của đấng Như Lai đại tiên vậy.

Như Lai là Trời trong hàng Trời, Tiên ở trong hàng Tiên, lớn trong loài người, cho nên nói bậc đại tiên vậy.

Tăng vô sự ? Nghĩa là các bậc La Hán, các lậu đã dứt rồi, phạm hạnh đã nên, việc làm đã xong hết, cho nên nói là vô sự.

Đức Như Lai thành bậc chính giác rồi, trong 12 năm đầu chưa sinh pháp hữu lậu, chỉ vì chư A La Hán chúng Tăng vô sự, mà nói lời lược giáo này, ông chưa chứng quả A La Hán, thì nên học giới đây; tịnh được ba nghiệp rồi, thì liền chứng ngộ. Ngoài 12 năm sau lần lần sinh ra pháp hữu lậu; Phật bèn rộng kiết 250 giới pháp, phân biệt có giới tướng, khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm.

Có lời hỏi rằng : "Vì sao đức Thế Tôn không ngay đó mà chế giới để đợi người phạm, vậy sau mới kiết giới ư ?".

Đáp rằng : "Đức Như Lai khi mới thành bậc chính giác, 250 giới pháp đã định rồi, nhưng vì căn tính của chúng sinh, nên chưa kham chế liền, cho nên tùy phạm một giới nào, ghi vào giới ấy".

Nên Văn Thù Vấn kinh nói : Ông Văn Thù bạch Phật rằng : Thưa đức Thế Tôn, đời sau có người tà kiến, sẽ chê báng Phật, họ nói lời như vầy: Nếu cho đức Như Lai là bậc Nhất Thế Trí, cớ sao đợi chúng sinh phạm tội, vậy sau mới chế giới ư" ! ?

Phật bảo Văn Thù : "Như thế mới là Nhất Thế Trí chớ, nếu ta nghịch chế giới, họ sẽ chê ta, vì cớ gì tôi chưa phạm tội, mà ngài cưỡng chế, ấy là không phải bậc Nhất Thế Trí, vì cớ sao, tôi không lỗi, đức Như Lai không có tâm từ bi, không lợi ích, không bảo hộ cho chúng sinh, như người không có con mà nói có con, biết đời nào sẽ sinh, mà nói như vậy tức là lời nói suông làm sao mà tin được, vì sao ? Vì nói không chân thật vậy, nếu thật có con, thì tôi mới sinh tâm tin. Như thế đó Văn Thù, họ chưa phạm tội, cõi trời cõi người họ chưa thấy phạm, làm sao mà nghịch chế giới, cần yếu họ phải thấy tội, sau mới chế giới chớ".

Lại nữa, trong Thiện Kiến Luật Phật nói : "Người chưa có lỗi mà đức Như Lai kiết giới, chúng sinh họ sinh lòng chê báng nói các đệ tử của ngài là dòng quý phái, hoặc là ngôi vua, bỏ ngọc ngà châu báu cung điện, xa lánh quyến thuộc vợ con, không tiếc thân mạng, đều là bậc tri túc, ở trong đời không có chỗ trông cầu, làm sao mà Thái tử Cù Đàm, lại dùng giới Ba La Đề Mộc Xoa buộc đó, thiệt Cù Đàm chưa từng biết người đời như vậy". Nếu ta kiết giới trước thì người đời nói ỷ quyền cậy thế, rồi họ không sinh tâm kính trọng. Thí như ông thầy thuốc chưa từng trị bệnh, thấy người mới ướm ướm sinh ghẻ, tuy có ghẻ nọc nhưng mà chưa lở lớn, bèn phá đi, máu ra lai láng, chịu đau đớn rất khổ sở, lấy thuốc thoa vào ghẻ bèn lành lại liền, thầy thuốc nói: "Tôi vì trị bệnh các ông, các ông phải cho tôi tiền".

Bấy giờ người bệnh đáp rằng : "Thầy thuốc si này, nếu thật tôi bệnh thì ông nên vì tôi trị, tôi vốn không bệnh, mà ông cưỡng phá cho thịt tôi chảy máu, thiệt là đau đớn khổ sở, rồi trở lại đòi tiền tôi, đâu không phải cuồng ư ?". Trong hàng đệ tử Thanh Văn, cũng in như vậy.

Nếu ta kiết giới trước, chi cho khỏi họ sinh lòng chê bai và chỏi lại : "Vốn tôi vô tội mà ngài lại cưỡng kiết giới cấm". Vì thế, nên đức Như Lai không kiết giới trước. Nếu ai có phạm, khi ấy Như Lai sẽ vì đệ tử mà kiết giới chỉ bày giới Ba La Đề Mộc Xoa.

Sở dĩ đem giới Ba La Đề Mộc Xoa ra, ví như ông lương y cho thuốc nhằm bệnh, làm cho bệnh nhân được lành, bấy giờ thầy thuốc sẽ được phần thưởng rất to. Lại được người khen ngợi, chính là ông thầy thuốc hay, khéo trị bệnh tôi, Như Lai cũng lại như vậy, tùy phạm mà chế giới vui vẻ vâng làm, không có lời thán oán.

Cho nên trong Luật bổn, Xá Lợi Phất bạch Phật rằng : "Cúi xin Đại Thánh kiết giới cho các Tỳ Kheo, vì thuyết giới cho các tu phạm hạnh chính pháp mới được lâu còn". Phật nói : Xá Lợi Phất thôi đi, Phật chính biết thời, vì sao vậy ? Trong các Tỳ Kheo chưa có ai phạm phép hữu lậu, nếu có phạm phép hữu lậu rồi, vậy sau mới vì kiết giới, khiến cho dứt pháp hữu lậu kia. Xá Lợi Phất ! Tỳ Kheo cho đến chưa được lợi dưỡng danh vọng và người quen biết đa văn, cho đến gia nghiệp tài sản nhiều. Nếu đã được lợi dưỡng, danh khen, cho đến tài sản nhiều, bèn sinh ra pháp hữu lậu, khi sinh pháp hữu

lậu rồi, vậy sau đức Thế Tôn sẽ vì đó mà kiết giới cho dứt pháp hữu lậu vậy.

Hỏi rằng : "Làm sao mà phép hữu lậu sinh ra. Phần nhiều phái Lục quần, mặc dầu cố làm mà chỉ vô tâm phạm ư ?". Đáp rằng : "Phái Lục quần Tỳ Kheo chính là bậc Đại thừa Bồ Tát quyền hiện, thông hiểu Phật giáo, trong làm rường cột cho pháp môn, ngoài thì làm đại hộ cho Phật giáo, chẳng phải tâm lượng của người phàm mà bàn xét được đâu".

Đời nay có hạng người ngu, không thuộc giáo pháp, lung ý tạo tội, tâm không biết hổ thẹn, lại nói khi Phật ở đời, bọn Lục quần cũng phạm như ai, chẳng phải riêng có mình tôi ở đời này mà thôi, đâu biết bậc hiền xưa, chính vì người ở đời sau mà mở đạo, mà trở lại cho những vị hiền xưa là quấy. Than ôi ! Chính pháp đã muốn hết vậy, phần nhiều người hay giải đãi, phước mỏng huệ ít, không kham nổi giáo pháp của đức Như Lai, trái lại sinh tâm chê báng, gây đủ thứ nghiệp, cho nên trong kinh Bách Dụ nói : "Người đời không hiểu Phật là ngôi Pháp vương, vì chúng sinh cho nên dùng đủ thứ phương tiện, hiện đủ điều thiếu kém, bèn sinh lòng hủy báng, bắt chước chỗ không phải, do vì lẽ đó, ở trong Phật pháp, hằng mất giống lành, đọa trong ba đường ác".

Phương Đẳng Đại Vân kinh nói : "Ông Đề Bà Đạt Đa, hay mở bày cho người, khiến cho a tăng kỳ vô lượng chúng sinh, an trụ trong thiện căn, ông Đề Bà Đạt Đa, sở hữu cảnh giới, thật chẳng phải bậc Thanh Văn, bậc Duyên Giác biết được đâu, phái Lục

quần Tỳ Kheo, cũng là bậc Đại Bồ Tát, cùng nhau đồng làm với ông Đề Bà Đạt Đa, rõ ràng không còn gì nghi ngại, phải biết người đó, thật là chân Phật đệ tử, công đức của Phật hai phần, cũng lãnh được một phần; được một con mắt của Phật, được nửa thân mình của Phật. Nếu nói chỗ xấu của ông Đề Bà Đạt Đa, là người phá hoại trong chúng Tăng đấy, phải biết đó là phương tiện khéo vậy".

Mình vì ưa pháp, ưa làm Sa môn ? Pháp : là nhân quả của hàng Sa môn, nếu nhân không làm, thì quả không do đâu mà được.

Người đời nay không học pháp Sa môn, mà xưng là Sa môn thật là lầm lắm vậy, mà lại muốn được quả Sa môn, cách đó càng xa. Hoặc có người nói : tôi không phải vì tôi; ôi ! Nếu mình chưa hiểu, mà muốn thông hiểu cho người, thì cũng như mình rớt trong biển cả, mà muốn cứu người chết chìm, đâu khỏi hai người đều chết đấy ư !

Hoặc họ nói : sẵn có pháp Đại thừa, đâu có dùng pháp Tiểu thừa làm chi, đó là người chưa thông pháp Đại thừa, nên mới nói lời này. Như nói bọn người là bậc Đại thừa Bồ Tát, nào lại bày cái hạnh nhỏ ? – Đâu lại không biết hộ mình hộ người, chính là bổn ý của Bồ Tát và tâm rộng lớn của bậc Đại sĩ, một chút lành không bỏ; huống nữa Đại thừa Tiểu thừa chung đường, đều quy về nghĩa đế thứ nhất, trau dồi cái thân vạn đức, đâu nên xả độ ư ?

Xét rõ kinh luật đại thừa, chỉ quở hàng Thanh Văn tự độ đó là tiểu tâm, chàng phải trách hàng

Thanh Văn nghiêm giữ các giới hạnh. Đại thừa Tiểu thừa gồm tu, tính giới giá giới đều giữ, mới thuận cái bản ý giải thoát, không trái lời dạy của đức Từ Tôn.

Cho nên trên hộ Bát Nhã, nói các vị Bồ Tát tu hạnh Bát Nhã Ba La Mật ': Phải khéo tu mà hiểu biết tất cả các oai nghi, giới hạnh của hàng Thanh Văn. Duyên Giác, Bồ Tát: nếu thấy những vị oai nghi không xứng đấy, ta liền phải lánh xa, nếu mà có vị Sa môn giới hạnh oai nghi, thì phải nương gần.

Bảo Tích kinh nói : Bồ Tát nếu suy nghĩ như vầy : "Pháp này rất cao, pháp kia rất thấp, pháp kia trong sạch, pháp kia uế nhiễm, pháp này là pháp của chư Phật, pháp kia là pháp của Duyên Giác, pháp này là pháp của Thanh Văn, đây là pháp nên làm, đây là pháp không nên làm, đây là pháp sâu rộng, đây là pháp cạn cợt, đó gọi là người Tăng thượng mạn (*thêm lớn lòng ngã mạn*).

Lại Bồ Tát Giới Bổn kinh nói : Nếu Đại thừa Bồ Tát chấp như thế, nói lời như vầy : "Bồ Tát không nên nghe kinh pháp của hàng Thanh Văn không nên thọ, không nên học, Bồ Tát đâu còn dùng pháp Thanh Văn làm chi, đó là người phạm ở trong nhiều chỗ phạm".

Nội Pháp truyện nói : "Nếu lễ các vị Bồ Tát, tụng kinh Đại thừa, gọi là người Đại thừa, không làm việc này, kêu là Tiểu thừa, chỗ nói Đại thừa không qua hai pháp :

1.- Là pháp trung pháp quán
2.- Là pháp Du Dà.

Pháp trung quán là gì ? Là tục đế thì có, mà chân như thì không, cái thể nó trống không và như huyễn.

Pháp Du Dà là gì ? Là ngoài cái trống không, trong thời có tất cả muôn sự toàn là duy thức".

Ấy cũng nói lời Phật dạy, quán như thế thì có chi phải, có chi quấy; đồng khế hiệp với lý Niết bàn, nào chân nào ngụy, ý ở chỗ dứt phiền não vọng hoặc, cứu giúp chúng sinh, đâu muốn rộng để lăng xăng mà càng kết thêm sự chìm đắm : làm y đó thì đồng về cõi Phật, trái bỏ thì đều chìm ở biển sinh tử.

Ở bên Ấn Độ, Đại thừa Tiểu thừa gồm tu, lý không trái nghịch, đã chưa có con mắt huệ, đâu soi được chỗ phải quấy, mặc dầu quen đâu tu đó, xin đừng nhọc ở nơi hai mình (*phân biệt Đại, Tiểu*). Như trên đã nói, mình phải suy nghĩ lại, đừng mượn chỗ khác mà nói lầm.

Có hổ, có thẹn, ưa học giới là gì ? Mình không làm tội gọi là người biết hổ; không dạy người làm. Gọi là người biết thẹn. Đối với các việc ác mình tự hổ, gọi đó là người biết hổ, đối với việc ác thẹn với người khác, gọi là người biết thẹn. Trong đời nếu không ai biết hai pháp hổ và thẹn, trái bỏ tất cả điều thanh tịnh của đạo Thánh, cứ theo con đường hiểm : sinh, già, bệnh, chết. Nên trong Đại kinh nói : Chư Phật Thế Tôn thường nói lời này : "Có hai pháp trong sạch hay cứu chúng sinh :

1.- Là biết hổ.
2.- Là biết thẹn

Biết hổ là mình không gây tội, biết thẹn là không xúi người khác gây tội. Hổ đó là tự hổ trong tâm, thẹn đó là nó bày lộ ra trước người".

Lại có hai người trí :

1.- Là không tạo các điều ác.
2.- Là có phạm biết sám hối, ăn năn.

Cũng có hai hạng người ngu :

1.- Là cứ gây tội ác mãi
2.- Có lỡ phạm lại che giấu.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa này đây, chẳng phải không người biết hổ thẹn, và người vô trí, mà có thể ưa tu học vậy.

Phải ở trong đây mà học ? Nghĩa là : Phải ở trong 250 giới Biệt giải thoát luật nghi đây và giới kinh của 7 đức Phật lược nói, gắng tu học tập được độ cái khổ : sinh, già, bệnh, chết.

Nếu mà không học, thì pháp trì, pháp phạm đều mờ, thì chi cho khỏi mang danh là á dương (*dê câm*), nếu giới vô tác đã không thời thể thầy Tỳ Kheo đâu còn, cho nên Đại thừa, Tiểu thừa, đều nhờ ba pháp học gầy dựng mà giới là dạy trước, đồng tu năm phần, mà ba pháp học là mở đầu, sở dĩ hằng dùng tu học ba pháp ấy, mà chứng được quả năm phần pháp thân. Phải biết năm phần pháp thân, ba phần trước là từ cái nhân mà rõ đức, hai phần sau là bày công năng chỗ kết quả tốt, cái trí,[2] và tập[3]

---

[2] *Trí đức*

[3] *Đoạn đức. Nghĩa là : Dùng chính trí đoạn trừ tập khí.*

đều dứt, gọi là giải thoát pháp thân, vô sinh trí rành rạnh tỏ soi, đó gọi là tri kiến bậc Bồ Tát gấp ở nơi dạy người, cho nên thêm ba pháp : Thí, Nhẫn, Tấn, dùng tu pháp Lục độ, còn hàng Thanh Văn, do độ phần mình, chỉ tu ba pháp học.

Cho nên trong Trí luận : Dùng pháp Lục độ, để làm pháp độ sinh, ba pháp học là pháp Niết bàn, tất cả pháp môn do học đó mà tới, ba pháp học không tu, thì quả Niết bàn không đường về, giới Mộc Xoa không giữ, thì định huệ không có nhân, đâu hay vượt khỏi tứ lưu,[4] mà về cõi Phật ư !

4.- KẾT LỜI TỤNG HỒI HƯỚNG

(*Cộng có 14 bài tụng, đều do người kết tập để vào, nay phân làm 6 mà giải*).

CHÍNH VĂN : *Người thông hay giữ giới, sẽ được ba điều vui : Tiếng khen và lợi dưỡng, chết được sinh cõi trời, phải xem như thế ấy, người trí gắng giữ giới, giới tịnh có trí huệ, bèn được đạo thứ nhất.*

---

[4] ***Tứ lưu*** :

1) *Kiến lưu : Là kiến hoặc trong ba cõi.*
2) *Dục lưu : Là tất cả các hoặc về cõi Dục giới chỉ trừ kiến hoặc và vô minh hoặc.*
3) *Hữu lưu : La tất cả các hoặc hai cõi trên (Dục giới, Sắc giới) chỉ trừ kiến hoặc, vô minh hoặc. Chữ Hữu là nghĩa sinh tử nhân quả bất vong.*
4) *Vô minh lưu : Chính vô minh hoặc trong ba cõi, loài hữu tình do bốn pháp này mà trôi lăn trong ba cõi không dứt nên gọi là Lưu (như trong Khoa bản Phụ hành quyển 1 và quyển 3 có nói).*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước là nhân quả trong đời, một bài tụng sau là nhân quả ra khỏi đời, nói nhân quả trong đời để rõ nhân quả ra khỏi đời vậy.

Người thông là gì ? Là rõ thông các khổ trong ba đường "Khổ đế", là cái nhân ác chiêu cảm "Tập đế", cõi vui nhân thiên "Đạo đế", là do gây nghiệp lành dời lấy "Diệt đế". Cho nên phải xả các nhân ác mà tu các pháp lành, giới là cội gốc các pháp lành, chính là người trí rõ thông mới giữ được, người ngu ám không thể biết quả báo lành dữ, thì đâu có thể giữ được.

Ba món vui là gì ? Tiếng khen và lợi dưỡng, là cái quả báo vui ở đời hiện tại; được sinh lên cõi trời, là cái quả báo vui ở đời vị lai. Tiếng : là danh tiếng. Khen : là khâm khen. Lợi dưỡng : tức là bốn món thánh (*tứ sự*) nghĩa là : người hay trì giới, thì giới đức được thơm tho, mười phương khắp đồn, trời người tán thán, ai ai cũng đều cúng dường vậy.

Trời ? Là lý thiên nhiên, tự nhiên thanh tịnh, đó là cõi vui tối thắng tối lạc vậy, nếu chẳng phải cái nhân tối thắng trong sạch há được sinh chỗ tối thắng trong sạch ư ! Song, nhân trong sạch là do giữ giới cấm phải vậy.

Phải quán xét chỗ như vậy ? Nghĩa là : Phải suy nghĩ quán sát trong đời này có ba quả báo vui, đều do giữ giới mà có thì biết cái đạo thứ nhất xuất thế, phải từ nơi giới tinh mà được.

Người trí cần phải giữ giới ? Người thông mới được sinh lên cõi trời, muốn ra khỏi đời, chẳng phải người trí thì đâu biết được, chẳng phải người biếng nhác mà giữ giới được, do giữ tịnh giới, thân tâm trong sạch, thân tâm được trong sạch, thì trí huệ vô lậu phát ra do vì sức trí huệ, nên phá các phiền não, mà chứng được quả Niết bàn thứ nhất vậy.

CHÍNH VĂN : *Chư Phật đời quá khứ, nhẫn đến Phật đời vị lai, Thế Tôn đời hiện tại, thắng được tất cả sầu, đều nhờ tôn kính giới, ấy là pháp chư Phật, nếu có người vì mình, muốn cầu nơi quả Phật, phải tôn trọng chính pháp, ấy là lời chư Phật dạy.*

CHÚ GIẢI : Một bài rưỡi tụng trước, nói chư Phật đều tôn kính giới mà được thành đạo, để làm chứng cớ, một bài tụng sau : chỉ chỗ muốn cầu Phật, phải trọng chính pháp, để khuyên lơn đó, tất cả các phiền não mê lầm, ràng buộc chúng sinh, cho nên gọi là sầu, ba đời đức Như Lai đều giữ giới Ba La Đề Mộc Xoa, để đối trị với các vọng hoặc, mà được giải thoát, cho nên gọi là thắng được.

Vì thân mình ? Nghĩa là : Chuyên vì một thân này, vượt khỏi đường sinh tử, cúng chứng được quả Phật, chẳng phải trông cái vui ở đời mà cầu quả Phật.

Cầu Phật đạo ? Lựa chẳng phải cầu quả Thanh Văn, Duyên Giác, chí quyết cầu quả Phật, trọng tu cấm giới, chẳng phải vì bậc Nhị thừa, vâng giữ luật nghi, ý nhiệm của tạng Tỳ Ni, thật tại đây vậy. Người học đạo, xin chớ lầm chỗ Tông Thú, mà sa vào hầm nhỏ hẹp (*nhị thừa*), kẻ cuồng mau phải

tỉnh hồn cho khỏi cái tội chê bai, dầu mà có hiện thân Tiểu thừa đi nữa, bản ý Phật dụ dỗ, đem về Đại thừa. Huống nữa là biển giới không bờ mé sánh đồng hư không, tùy người được lợi đồng ra không hai, chỉ căn khí riêng có Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau, nhưng pháp không có cái lỗi rộng hẹp, muốn khỏi cái hố sâu nhị tử (*tức là phân đoạn và biến dịch sinh tử*) phải sớm để tâm ở nơi đất giới, ngõ hầu được mình làm khỏi trái, cầu Phật có ý chỉ vậy.

Chính pháp ? Là giới pháp vậy, sở dĩ cố làm phép Yết Ma tụng giới, thì chính pháp mới trụ lâu ở đời, vì chính pháp này là chiếc bè qua khỏi sinh tử, cũng là đường tắt về Niết bàn, không đồng với kẻ ngoại đạo tà giáo, cũng đồng giới vị Chuyển luân vương tu thập thiện đều là cái chước trị đời, nên giới này riêng kêu là chính pháp.

CHÍNH VĂN : *Bảy đức Phật Thế Tôn, dứt hết các kiết sử, nói ra 7 giới kinh, các buộc được giải thoát, ta đã vào Niết bàn, các hí luận bặt dứt. Vâng theo bậc Đại tiên, Thánh hiền đồng khen giới, chỗ làm của đệ tử, vào Niết bàn vắng lặng.*

CHÚ GIẢI : Một bài rưỡi tụng trước, nói các đệ tử của chư Phật, đều vâng giữ giới kinh, được mở các sự ràng buộc sẽ vào cõi Niết bàn, nên nói để làm chứng cớ. Một bài tụng sau, nói các đệ tử của Phật hiện nay, tuân theo giới của Phật dạy mà tu hành, được chứng quả Niết bàn, nên để khuyên đó.

Kiết sử ? Nghĩa là các phiền não ràng buộc, xúi cho tâm thần người tu trôi lăn trong ba cõi không được giải thoát. Lược nói đó thì có tam kiết,

thập sử, nói rộng thì có 88 sử, nhẫn đến 500 kiết sử, 7 lớp Phật làm đạo sư ở trong đời, vì muốn dứt hết các kiết sử của đệ tử, cho nên mới nói ra giới kinh đây, kẻ đệ tử vâng làm, thì các việc phiền não ràng buộc kia, nhân nơi đây mà được giải thoát, chứng quả vô sinh, vào được Niết bàn, thì tất cả hữu vô hí luận thảy đều dứt hết vậy. 7 lớp Phật là 7 vị Đại tiên nói ra các giới kinh, là giới mà tất cả Thánh hiền đều khen ngợi. Nếu nay đệ tử của ta tuân theo đây mà tu hành, thì đâu không chứng quả Niết bàn tịch diệt.

Niết bàn : Là tiếng Phạm ở phương Tây.

Tịch diệt : Là lời nói bên Trung Hoa, Hoa Phạm đều bày, nên gồm cả hai mà nói vậy.

CHÍNH VĂN : *Thế Tôn khi sắp Niết bàn, còn dấy lòng Đại bi, nhóm các chúng Tỳ Kheo, dạy bảo cho như vầy, đừng nói ta vào Niết bàn, không hộ người tịnh hạnh. Ta nay nói giới kinh, cũng khéo lập Tỳ Ni, ta tuy vào Niết bàn, xem giới cũng như Phật, kinh này còn ở đời, Phật pháp được hưng thạnh, vì hưng thạnh như vậy nên vào được Niết bàn. Nếu không giữ giới này, y pháp mà Bố tát, như khi mặt trời lặn, thế giới đều tối đen.*

CHÚ GIẢI : Một bài tụng trước luận đức Phật để pháp dạy. Hai bài rưỡi tụng kế đó, nói rõ Phật chỉ dạy, một bài tụng sau là dạy bảo thêm cho rõ vậy. Đức Như Lai nói pháp 49 năm, duyên hóa độ đã xong, gần sắp Niết bàn để lại giới pháp, khăng khắng dặn dò kẻ đệ tử. Phải biết giới này, thật là cái cương lãnh ở trong Phật pháp, cũng là mạng

mạch của Tăng già, cũng là cầu bến qua biển khổ, cũng là ải mầu về cõi Niết bàn, nếu không đầu đội vâng giữ, đâu những chìm đắm bến sinh tử, lại phụ cái lòng phú chúc của đức Như Lai nữa vậy.

Phàm chúng ta là Phật tử phải nhớ lời từ hối, thà táng thân mà giữ chính pháp để nối truyền, kính Mộc Xoa cho trọn đời, khiến chính pháp được cửu trụ, và hưng thạnh mãi ở trong đời, đó mới là thật người biết ơn trả ơn, nhớ đức phải báo đức đó vậy.

Giới kinh ? Là 250 giới Biệt giải thoát luật nghi vậy.

Tỳ Ni ? Là pháp trừ dứt tội vậy.

Bát Niết bàn ? Trung Hoa dịch : Nhập tịch diệt. Nghĩa là : bặt dứt đường sinh tử hằng yên lặng vậy, cũng nói là : Diệt độ, nghĩa là khổ lớn đã dứt vượt khỏi tứ lưu vậy.

Xem giới như Phật còn ? Nghĩa là : giới kinh này còn ở đời tức là pháp thân thường trụ bất diệt của đức Như Lai, cho nên kêu giới là Thầy.

Di Giáo kinh nói : Đức Như Lai ở giữa Ta La Song Thọ, sắp vào Niết bàn, bảo các đệ tử rằng : Này các Tỳ Kheo, sau khi Ta diệt độ rồi, phải tôn kính giới Ba La Đề Mộc Xoa như người đi đêm tối gặp đèn, như người nghèo được của báu, phải biết giới này là thầy của các ông, cũng như Ta ở đời, không khác giới này vậy.

Kinh này cửu trụ ở đời ? Nghĩa là : Như có người nào y giới này mà tu hành, tức là kinh này còn trụ thế, kinh này trụ thế thì chính pháp được quang minh hưng thạnh bất diệt, do vì ánh quang minh ấy, nên được thấy đế lý, thẳng tới quả Niết bàn, thiệt là Giáo, Hạnh, Lý, Quả cũng đều thịnh hành, nếu không giữ giới và Bố tát, cho dứt tội lỗi, thì tội lỗi càng ngày càng thêm mất trí huệ sáng, thời không thấy đạo Thánh, bèn đọa trong ba đường, dụ như mặt trời lặn, thế giới đều tối đen, không còn thấy nữa, tức phải sa hầm sụp hố vậy.

CHÍNH VĂN : *Phải giữ gìn giới này, như mao ngưu tiếc đuôi, hòa hiệp ngồi một chỗ, như lời chư Phật dạy.*

CHÚ GIẢI : Bài tụng này, răn bảo giữ giới, phải tuân theo lời Phật chế, nghĩa là người tu hành, nhờ giữ giới, mà được trời người kính trọng, thà chết chớ không phạm, như con Mao ngưu tự tiếc cái đuôi của nó không đoái đến thân mạng.

Hòa hiệp ngồi một chỗ ? Là cho khỏi cái lỗi riêng chúng.

Như lời chư Phật dạy ? Là khiến cho dứt cái hại phi pháp. Tóm lại mà nói, người tu hành phải dùng giới mà tiếc mình trông cầu đừng phạm, thường mỗi nửa tháng, nhóm lại một chỗ, như lời Phật dạy mà làm phép Bố tát tụng giới vậy.

CHÍNH VĂN : *Tôi đã nói giới kinh, chúng Tăng Bố tát xong, tôi nay nói giới kinh, chỗ có bao công đức, thí cho cả chúng sinh, đồng chung thành quả Phật.*

CHÚ GIẢI : Nửa bài tụng trước : Nói rõ mình cùng người làm việc xong, một bài tụng sau, đem việc mình làm hồi hướng thí cho chúng sinh, đồng thành Phật đạo.

Nói việc làm ? Tức là các công đức vậy, các công đức đó, là cái công đức ở trong mỗi giới, mỗi giới sinh ra.

Thí cho cả chúng sinh ? Nghĩa là : Trước làm phép Bố tát tụng giới, là chỉ lợi cho mình, nay đem công đức ấy thí cho chúng sinh, đó là lợi cho người.

Đồng chung thành Phật đạo ? Chỗ gọi không cho có một người nào riêng được diệt độ, đều dùng pháp diệt độ của đức Như Lai, mà diệt độ đó phải vậy, cũng là Bồ Tát mới phát tâm đại thừa, bèn cùng với tất cả chúng sinh đồng cầu quả Phật, phát lời hoằng thệ đến chỗ cứu cánh Niết bàn. Hỏi rằng : "Những pháp của hàng Thanh Văn, đâu dùng cầu về quả Phật làm chi ?".

Đáp : "Đây chính chỗ gọi thật là hàng Thanh Văn, nhờ nghe Phật thuyết pháp khiến cho tất cả cái nghe, chỉ có một pháp nhất thừa không hai cũng không ba. Lại nữa, giới bổn là ngăn quấy dứt dữ, chẳng phải hàng Thanh Văn riêng giữ, Tỳ Kheo là cái thể chung của Đại thừa và Tiểu thừa đâu chỉ gọi là một thân La Hán mà thôi".

Giới Bồ Tát vốn chia : tại gia và xuất gia đều giữ, giới Tỳ Kheo đâu đồng với người tục, nếu không giữ giới này mà tu thân, lại lấy pháp gì mà thành ông Tăng. Cho nên nói : Ông tại gia Bồ Tát phải giữ

giới tại gia, ông Bồ Tát xuất gia, phải giữ giới xuất gia, ông Bồ Tát tại gia, gọi là người Cận sự, ông Bồ Tát xuất gia gọi là Tỳ Kheo, nên biết những giới của thầy Tỳ Kheo, chẳng phải cuộc hạn cho kẻ tiểu tâm. Ông Bồ Tát xuất gia, đâu cho không giữ. Ba đời chư Phật, đồng dạy pháp này, không những để cho thầy Tỳ Kheo đời nay riêng giữ vậy.

Hoặc có người nói rằng : "Hàng Thanh Văn giữ giới, gọi là bậc Bồ Tát phá giới, hàng Thanh Văn phá giới, gọi là Bồ Tát giữ giới nghĩa đó rằng sao ? Đáp rằng : "Đó là nói hàng Thanh Văn tự độ làm gấp, nếu không rộng làm các việc lành, gọi đó là phạm, đó chính là trách, cái tâm nhỏ hẹp tự lợi là quấy, chớ chẳng phải nói bậc Bồ Tát, có cho ngăn đó gọi là giữ, còn Bồ Tát vì lợi sinh làm gấp đại tâm lợi người đồng thành quả Phật; dầu rằng lợi mình, mà thiệt ra cũng gồm lợi cho người nữa, cho nên ở trong mỗi giới. Mỗi giới không lìa hộ người đó. Thật là đức Như Lai ngài có phương tiện khéo léo riêng lấy hạt ngọc để trong tay áo chúng sinh, khiến cho họ trọn đời được chỗ đại dụng. Người đời nay không rõ ý Phật, đối với Mộc Xoa mà trở lại háy nguýt, nếu ngộ rồi, thì mỗi pháp, mỗi pháp đâu không phải là diệu hạnh, tức là được cỡi xe bạch ngưu mà về nhà bảo sở vậy".

BỘ TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

(HẾT QUYỂN MƯỜI HAI)

Kỷ niệm những ngày giảng Luật này trong hai Trường Hương năm 1956 và 1959 tại Phật Học Đường Giác Nguyên Saigon

Do lời toàn thể chư Tăng yêu cầu dịch để lại tương lai. Tôi nguyện đem công đức này hồi hướng trên bốn ơn ba cõi và cả pháp giới chúng sinh nhất thời đồng sinh Cực Lạc quốc.

PHỤ THÍCH

Tam kiết : *thân kiến, giới thủ, nghi*

Thập sử : *tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, giới thủ, kiến thủ.*

Mao ngưu : *là con thú ở nước Nam Di (xứ mọi) hình như con trâu, đuôi có năm sắc, dài trắng, tự yêu tiếc cái đuôi, không đoái đến thân mạng.*

CÙNG MỘT DỊCH GIẢ

- KINH A DI ĐÀ SỚ SAO
- KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI
- KINH VỊ TẰNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN
- KINH HIỀN NHÂN (ÔNG BỤT)
- KINH TRỪ KHỦNG TAI HOẠN
- SA DI LUẬT GIẢI
- QUY SƠN CẢNH SÁCH

MỤC LỤC

Trang

Lời tựa 5

Luật Tứ Phần Giới Bổn Như Thích

Quyển nhất 15

Quyển nhì 63

Quyển ba 137

Quyển tư 213

Quyển năm 277

Quyển sáu 337

Quyển bảy 393

Quyển tám 461

Quyển chín 529

Quyển mười 591

Quyển mười một 657

Quyển mười hai 733

LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN NHƯ THÍCH

Dịch giả : HT. THÍCH HÀNH TRỤ

Chịu trách nhiệm xuất bản : **VƯƠNG LAN**
Chịu trách nhiệm bản thảo : **PHẠM HẬU**
Biên tập : **THANH HƯƠNG**
Sửa bản in : **THẢO TRINH**
Trình bày : **DIỆU HUỆ**
Bìa : **ĐĐ THÍCH CHÂN TÍNH**

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn thị Minh Khai – Quận 1
ĐT : 8225340 – 8296764 – 8220405 - 8222726 –
8296713 – 8223637
FAX : 84.8.298540

In 3000 cuốn, khổ 15,5 x 23cm, tại phân xưởng in Giao Thông Vận Tải,
92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1.Số XB : 215-29/CXB - QLXB cấp ngày 31/3/1998.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1998.

TIỂU BAN VĂN HÓA
THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH
THỰC HIỆN
Địa chỉ liên hệ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường 8 - Quận 3 – TP.HCM
ĐT: 8469721